

THE MACARTHUR
NEW TESTAMENT
COMMENTARY

KHẢ HUYỀN 1-11

John MacArthur

MOODY PUBLISHERS/CHICAGO

©1999 by
JOHN MACARTHUR

Đã đăng ký Bản quyền. Không một phần nào của quyển sách này có thể được sao chép dưới bất kỳ hình thức nào mà không được phép bằng văn bản từ nhà xuất bản, ngoại trừ trong trường hợp trích dẫn ngắn gọn được biểu hiện trong các bài viết hoặc bài phê bình quan trọng.

Tất cả các trích dẫn Kinh thánh, trừ phi được chỉ ra, được lấy từ quyển Kinh thánh New American Standard © 1960, 1962, 1963, 1968, 1971, 1972, 1973, 1975, 1977 và 1995 của Hội Lockman, La Habra, Calif. Được sử dụng khi có phép.

Các trích dẫn Kinh thánh được đánh dấu (KJV) được lấy từ Bản Kinh Thánh King James.

Các trích dẫn trong Kinh thánh được đánh dấu (NIV) được lấy từ quyển *Holy Bible: New International Version*®. NIV®. Bản quyền © 1973, 1978, 1984 bởi Hiệp Hội Kinh Thánh Quốc Tế. Được sử dụng khi có phép của Nhà xuất bản Zondervan. Đã đăng ký bản quyền.

Nhãn hiệu "NIV" và "Phiên bản Quốc tế Mới" được đăng ký bởi Phòng Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ bởi Hiệp hội Kinh Thánh Quốc tế. Việc sử dụng một trong hai nhãn hiệu đòi hỏi sự cho phép của Hiệp hội Kinh thánh Quốc tế.

Các trích dẫn Kinh thánh được đánh dấu (NKJV) được lấy từ quyển *Holy Bible, New King James*© 1982. Bản *New King James, New Testament* và *New Testament* với sách Thi Thiên

© 1980, 1979 bởi Thomas Nelson, Inc.

ISBN: 978-0-8024-0773-3

Chúng tôi mong bạn thưởng thức quyển sách này từ Nhà xuất bản Moody. Mục tiêu của chúng tôi là cung cấp các loại sách và sản phẩm kích thích tư tưởng, chất lượng cao nối kết lẽ thật với các nhu cầu và thách thức đích thực của bạn. Để biết thêm thông tin về các loại sách và sản phẩm khác đã được viết ra và sản xuất từ nhận định theo Kinh thánh, hãy truy cập www.moodypublishers.com hoặc viết thư cho:

Nhà xuất bản Moody

820 N. LaSalle Boulevard

Chicago, IL 60610

17 19 20 18 16

In tại Hoa Kỳ

*Kính gửi mẹ tôi, Irene MacArthur,
là người năm nay đã hiệp với ca đoàn những người thờ phượng ở trên trời.*

Nội Dung

CHƯƠNG	Trang
Lời Tựa	
Phần Giới Thiệu	1
Bổ CỤC	
1. Ngược Về Với Tương Lai (Kh 1:1-6) ^[1] _{SEP}	13
2. Xem Trước Lần Đến Thứ Hai (Kh 1:7-8)	27
3. Sự Mặc Thị Về Đức Chúa Con Vinh Hiển (Kh 1:9-20)	37
4. Ê-Phê-Sô: Khi Tình Yêu Ngươi Dẫn (Kh 2:1-7)	53
5. Si-Miéc-Nơ: Hội Thánh Chịu Khổ (Kh 2:8-11) ^[1] _{SEP}	67
6. Bết-Gâm: Hội Thánh Theo Thế Gian (Kh 2:12-17)	81
7. Thi-A-Ti-Rơ: Hội Thánh Dung Túng Tội Lỗi (Kh 2:18-29)	93
8. Sạt-Đe: Hội Thánh Chết (Kh 3:1-6)	107
9. Phi-La-Đen-Phi-A: Hội Thánh Trung Tín (Kh 3:7-13)	117
10. Lao-Đi-Xê: Hội Thánh Hâm Hãm (Kh 3:14-22)	129
11. Chuyến Đi Lên Trời (Kh 4:1-11) ^[1] _{SEP}	143
12. Mặc Thị Về Chiên Con (Kh 5:1-14)	161
13. Khởi Đầu Của Sự Cuối Cùng: (Kh 6:1-8)	175
14. Những Lời Cầu Nguyện Xin Báo Thù (Kh 6:9-11)	187
15. Sợ Con Thanh Nộ Hầu Đến (Kh 6:12-17)	199
16. Những Kẻ Sống Sót Trong Con Thanh Nộ Của Đức Chúa Trời (Kh 7:1-8)	211
17. Các Thánh Đồ Trong Kỳ Đại Nạn (Kh 7:9-17)	221
18. Cái Án Thứ Bảy (Kh 8:1-5)	235
19. Sự Huỷ Diệt Sinh Thái Của Địa Cầu ^[1] _{SEP} (Kh 8:6-13)	243
20. Địa Ngục Trên Đất (Kh 9:1-12)	253
21. Cuộc Tàn Sát Của Sa-Tan (Kh 9:13-21)	265
22. Khi Đức Chúa Trời Phá Vỡ Sự Im Lặng Của Ngài (Kh 10:1-11)	275
23. Hai Người Làm Chứng (Kh 11:1-14)	289
24. Tiếng Loa Thứ Bảy (Kh 11:15-19)	307
Thư Mục	323
Mục Lục Các Từ Hy-lạp	325
Mục Lục Kinh Thánh	327
Mục Lục Các Đề Tài	342

Lời Tựa

Đúng là một mối tương giao thiêng liêng được ơn liên tục cho tôi khi rao giảng theo kiểu chú giải xuyên suốt cả Tân Ước. Mục tiêu của tôi luôn luôn là phải có một giao thông đậm đà với Chúa trong sự thông biết Lời của Ngài, rồi từ đó giải thích cho dân sự Ngài mỗi phân đoạn có ý nghĩa gì!?! Trong lời lẽ của Ne 8:8, tôi phấn đấu “*giải nghĩa nó ra, làm cho người ta hiểu*” lời ấy, hầu cho họ sẽ thực nghe Đức Chúa Trời phán dạy và, khi làm như vậy, có thể đáp ứng với Ngài.

Rõ ràng, dân sự của Đức Chúa Trời cần phải hiểu biết Ngài, điều này đòi hỏi việc nhận biết Lời lẽ thật của Ngài (II Ti 2:15) và để cho Ngôi Lời ngự trong chúng ta một cách dư dật (Co 3:16). Vì lẽ đó, sức thúc đẩy chủ yếu của chức vụ tôi là giúp làm cho Lời hằng sống của Đức Chúa Trời thật sống động với dân sự của Ngài. Đây là một cuộc mạo hiểm sống động.

Loạt bình luận Tân Ước này phản ánh mục tiêu giải thích và áp dụng Kinh Thánh này. Một số bình luận chủ yếu về ngôn ngữ học, một số khác chủ yếu là thần học, và một số chủ yếu là đồng âm. Điều này là về cơ bản giải thích, hoặc expository. Nó không phải là ngôn ngữ kỹ thuật nhưng nó đề cập đến ngôn ngữ học khi nó hữu ích cho việc giải thích đúng. Nó không mở rộng thần học nhưng tập trung vào các giáo lý chính trong từng văn bản và cách chúng liên quan đến toàn bộ Kinh thánh. Nó không phải là chủ nghĩa đồng nhất, mặc dù mỗi đơn vị tư tưởng thường được coi là một chương với một đường nét rõ ràng và dòng tư duy logic.

Hầu hết các sự thật được minh họa và áp dụng với Kinh Thánh khác. Sau khi thiết lập bối cảnh của một đoạn văn, tôi đã cố gắng theo sát sự phát triển và lý luận của nhà văn.

Tôi nguyện rằng mỗi độc giả sẽ hiểu biết trọn vẹn những gì Đức Thánh Linh đang phán dạy qua phần này của Lời Ngài, để Ngài có thể ngự vào tâm trí của hàng tín đồ và đem lại sự vâng lời và chung thủy đời đời – dâng sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời cao cả chúng ta.

Phần Giới Thiệu

Thủ tướng Anh Winston Churchill từng mô tả Liên Xô cũ là "một thứ bí ẩn được lồng trong cái gói bí ẩn đặt trong cái bì bí ẩn". Nhiều Cơ đốc nhân xem sách Khải huyền theo cùng một cách ấy. Bị bối rối bởi tính cách biểu tượng bí nhiệm và hình ảnh nổi bật của nó, nhiều tín đồ (bao gồm một số mục sư, là những người không bao giờ giảng dạy qua sách Khải huyền) tránh không nghiên cứu nghiêm túc về sách này. Ngay cả John Calvin, nhà chú giải lỗi lạc nhất của phong trào Cải chánh, ông đã viết chú giải về nhiều sách khác, đã không nỗ lực để viết một chú giải về sách Khải huyền. Sự cận thị thể ấy làm cho các tín hữu mất đi nhiều ơn phước mà quyền sách hứa cho những ai cần cù đọc nó (1:3; 22:7).

Người nào phớt lờ sách Khải huyền tự mình tước mất một kho báu lễ thật thiêng liêng rất phong phú. Sách Khải huyền có nhận định rất cao về Lời đã được cảm thúc của Đức Chúa Trời. Sách ấy tự xưng mình là sự cảm thúc thiêng liêng (1:2), và ước lượng có 278 câu trong số 404 câu của nó chỉ về Kinh Thánh Cựu Ước. Sách Khải huyền bày tỏ ra Đức Chúa Cha trong mọi sự vinh hiển và oai nghi của Ngài, mô tả Ngài là thánh (4:8), chân thật (6:10), toàn năng (4:11), khôn ngoan (7:12), tối thượng (4:11) và đời đời (4:10). Sách Khải huyền nói rất chi tiết chiều sâu sự băng hoại của con người. Bất chấp kinh nghiệm sự đổ ra sau cùng con thành nộ dữ dội của Đức Chúa Trời và sự phán xét và giảng trên nhân loại tội lỗi, tuy nhiên người ta cứ mãi làm cứng lòng của họ (như Pha-ra-ôn ở trước mặt họ; I Samuên 6:6) và từ chối không chịu ăn năn (9:20-21; 16:9,11). Kinh thánh không chứa phần tóm tắt nào rõ ràng về giáo lý cứu chuộc hơn phần tóm tắt có trong Khải huyền 1:5, ở đây tuyên bố rằng: **"Đức Chúa Jêsus Christ ... yêu thương chúng ta, đã lấy huyết mình rửa sạch tội lỗi chúng ta"**. Công tác của thiên sứ cũng nổi bật lên trong Sách Khải huyền, nó chứa một trong bốn lần tham khảo nhắc tới các thiên sứ trong Kinh Thánh. Sách Khải huyền cảnh báo Hội thánh về mối nguy hiểm của tội lỗi và sự thỏa hiệp với thế gian (các câu 2-3) và dạy cho Hội thánh biết cách thờ phượng Đức Chúa Trời sao cho thích ứng (các chương 4-5).

Một số người nghiên cứu sách Khải huyền lo tìm kiếm bằng chứng để hỗ trợ cho các quan điểm của họ về kỳ tận thế (thường kỳ quốc hay giết gân). Nhưng họ đã bỏ sót mục đích. Sách Khải huyền là nguồn lễ thật phong phú nói về kỳ tận thế; thực vậy, nó chứa nhiều chi tiết nói tới kỳ tận thế hơn bất kỳ sách nào khác trong Kinh Thánh. Sách Khải huyền phác họa sự đắc thắng sau cùng của Đấng Christ đối với Sa-tan, mô tả sự thiết lập về mặt chính trị sau cùng của hệ thống thế gian, và mô tả sự nghiệp của nhà độc tài quyền lực nhất trong lịch sử nhân loại, là Anti-christ sau cùng. Nó cũng đề cập đến Sự Cát Lên của Hội thánh (3:10), và mô tả Kỳ Đại Nạn 7 năm, bao gồm ba năm rưỡi Hoạn Nạn Lớn (7:14, Mathiơ 24:21), lần đến thứ hai của Đấng Christ, trận chiến đỉnh cao trong lịch sử nhân loại (A-t-ma-gê-đôn), vương quốc ngàn năm trên đất của Đức Chúa Jêsus Christ, sự phán xét sau cùng của hạng người tội lỗi không chịu ăn năn (Ngai Trắng Phán Xét) và tình trạng sau cùng của kẻ ác trong địa ngục (hồ lửa) và người được chuộc ở trong trời mới và đất mới.

Nhưng sách Khải huyền chủ yếu là sự "mặc thị của Đức Chúa Jêsus Christ" (1:1). Sách ấy mô tả Ngài bằng nhiều tước hiệu, bao gồm "Đấng làm chứng thành tín" (1:5); "sanh đầu nhất từ trong kẻ chết" (1:5); "Chúa của các vua trong thế gian" (1:5); "An-pha và Ô-mê-ga" (1:8; 21:6); "Đấng trước hết và là Đấng sau cùng" (1:17); "Đấng Sống" (1:18); "Đấng cầm bảy ngôi sao trong tay hữu và đi chính giữa bảy chân đèn vàng" (2:1); "Đấng có thanh gươm nhọn hai lưỡi" (2:12); "Con của Đức Chúa Trời" (2:18); Đấng có "mắt như ngọn lửa, chân như đồng sáng" (2:18); Đấng "có bảy vì thần Đức Chúa Trời và bảy ngôi sao" (3:1); "Đấng thánh, chân thật" (3:7); "Đấng có chìa khóa của Đa-vít, mở thì không ai đóng được, đóng thì không ai mở được" (3:7); "Đấng A-men, Đấng làm chứng thành tín chân thật" (3:14); "Đấng làm đầu cội rễ cuộc sáng thế của Đức Chúa Trời" (3:14); "sư tử của chi phái Giu-đa" (5:5); "Chôi của vua Đa-vít" (5:5); "Chiên Con của Đức Chúa Trời" (thí dụ: 5:6; 6:1; 7:9-10; 8:1; 12:11; 13:8; 14:1; 15:3; 17:14; 19:7; 21:9; 22:1); "Đấng thánh và chân thật" (6:10); Đấng được gọi là "Đấng Trung Tín Và Chân Thật" (19:11); "Lời Đức Chúa Trời" (19:13); "Vua các vua và Chúa các chúa" (19:16); "Đấng Christ" (Đấng Mê-si), trị vì thế gian cùng với các thánh đồ đã được tôn vinh hiển (20:6); và "Jêsus, ... là chôi và hậu tự của Đa-vít, là sao mai sáng chói" (22:16).

Sách Khải huyền cũng khẳng định thần tánh trọn vẹn của Đức Chúa Jêsus Christ. Ngài sở hữu các thuộc tánh cùng các đặc quyền của Đức Chúa Trời, bao gồm việc làm Chúa của các vua (1:5), tính cách đời đời (1:17–18), quyền xét đoán loài người (19:11) và quyết định ai sống và ai chết (1:18; 2:23). Ngài cũng tiếp nhận sự thờ phượng (5:13) cùng các luật lệ ra từ ngai của Đức Chúa Trời (22:1, 3). Sau cùng, sách Khải huyền khẳng định sự bình đẳng của Ngài với Đức Chúa Cha bằng cách áp dụng các phân đoạn Cựu Ước mô tả Đức Chúa Trời với Đức Chúa Jêsus Christ (đối chiếu Phục truyền luật lệ ký 10:17 với 19:16; Châm ngôn 3:12 với 3:19; Daniên 7:9 với 1:14; Êsai 44:6 với 1:17; cũng đối chiếu 1:8 với 22:12–13).

Không phải là cuốn sách bí ẩn, không thể hiểu nổi mà nhiều người cứ tưởng thế, mục đích của sách Khải huyền là tỏ ra lẽ thật, chứ không phải làm mù mờ nó. Sự thực này rất hiển nhiên trong đề tựa của nó: "Sự mặc thị của Đức Chúa Jêsus Christ" (1:1), chủ yếu trong sự vinh hiển của lần đến thứ hai của Ngài. Apokalupsis ("mặc thị") có thể được dịch là "thỏ lộ", "mở ra" hoặc "vạch ra". Từ này được sử dụng trong Tân Ước để nói đến việc thỏ lộ ra lẽ thật về mặt thuộc linh (Rôma 16:25; Galati 1:12; Êphêsô 1:17; 3:3), sự tỏ ra con cái của Đức Chúa Trời (Rôma 8:19), và sự tỏ ra của Đấng Christ ở cả hai: lần đến thứ nhất (Luca 2:32) và lần đến thứ nhì (II Têsalônica 1:7; I Phierơ 1:1). Trong mỗi trường hợp, *apokalupsis* mô tả một việc (hoặc ai đó) trước đây đã bị giấu kín, song bây giờ được mở ra. Sách Khải huyền tỏ ra những sự thật về Đức Chúa Jêsus Christ, và làm rõ các đặc điểm của lẽ thật thuộc dạng tiên tri chỉ được gợi ý trong Cựu Ước và các sách Tân Ước khác. Sự sáng tỏ này thường bị che khuất bởi việc bác bỏ của các nguyên tắc giải thích sát nghĩa để nghiêng về một phương pháp diễn giải theo nghĩa bóng hoặc thuộc linh. Các cách tiếp cận như thế này nỗ lực đặt câu chuyện mặc thị trong quá khứ và hiện tại thay vì là tương lai. Nhưng một khi ý nghĩa đơn sơ của bản văn bị chối bỏ, nhà chú giải chỉ có nước hình dung theo trí tưởng tượng của mình mà thôi, và các lẽ thật của sách này bị lạc mất trong một mê cung những phát minh vô quyền của con người. Xem phần bàn bạc thêm về vấn đề này trong phần Giải Thích dưới đây.

TÁC GIẢ

Bốn lần trong sách Khải huyền, tác giả tự xác định mình là Giăng (1:1, 4, 9; 22:8). Hội thánh đầu tiên nhất trí (cho đến thế kỷ thứ ba) khẳng định rằng ông là Giăng con của Xê-bê-đê, một trong mười hai sứ đồ và là tác giả của sách Tin lành thứ tư và các thư tín của Giăng.

Viết vào đầu thế kỷ thứ hai (có thể là đầu năm 135SC) Justin Martyr tuyên bố: "Có một người đã ở cùng chúng ta, tên là Giăng, một trong các sứ đồ của Đấng Christ, ông đã nói tiên tri, bởi một sự khải thị đã được nầy cho ông, để những người tin theo Đấng Christ của chúng ta sẽ ngụ ở Giê-ru-sa-lem một ngàn năm; và sau đó tóm lại, sự phục sinh đời đời và sự phán xét của mọi người cũng sẽ diễn ra y như vậy" (Dialogue with Trypho, chương 81). Vì Justin đã sống một thời gian ở Ê-phê-sô, một trong bảy Hội thánh mà sách Khải huyền đã nói tới, sự làm chứng của ông đặc biệt là quan trọng.

Có niên đại khoảng cùng thời với Justin (khoảng năm 100–150SC) là tác phẩm của phái Ngộ Đạo (Gnostic) được biết với đề tựa *Apocryphon of John*. Tư liệu đó kể Khải huyền 1:19 cùng gán nó cho Giăng em của Gia-cơ và là con của Xê-bê-đê (Robert H. Mounce, *The Book of Revelation*, The New International Commentary on the New Testament [Grand Rapids: Eerdmans, 1977], 28).

Một khẳng định khác từ Irenaeus trong thế kỷ thứ hai cho rằng sứ đồ Giăng đã viết sách Khải huyền, ông này đã giới thiệu một chuỗi các trưng dẫn từ sách Khải huyền với câu nói "Giăng cũng nói trong Apocalypse, ông là môn đồ của Chúa, khi nhìn thấy sự đến vinh hiển của Nước Ngài" (*Against Heresies*, 4.20.11). Về sau, trong cùng một công tác ấy, ông nói thêm: "Và nếu có ai chú ý kỹ những điều được các tiên tri loan báo liên quan đến kỳ tận thế, và những gì mà Giăng môn đồ của Chúa đã thấy trong Sách Khải huyền, ông sẽ thấy rằng các nước cần phải nhận lãnh một cách bao quát những thảm họa tương tự nhau, như Ai-cập đã nhận rất đặc biệt" (*Against Heresies*, 4.30.4). Chứng ngôn của Irenaeus rất có giá trị vì ông là một người thuộc bản xứ Si-mi-ec-nơ, một trong bảy Hội thánh khác mà Giăng đã đề cập đến sách Khải huyền. Ngoài ra, như một cậu bé *Irezeus* đã từng là một học trò của Polycarp, đổi lại Polycarp từng là môn đồ của sứ đồ Giăng.

Khi viết sách vào thế kỷ thứ hai, Clement of Alexandria lưu ý rằng chính sứ đồ Giăng đã bị lưu đày trên đảo Bát-mô (*Who Is The Rich Man Shall Be Saved?*, 42). Rõ ràng, chính Giăng đã bị lưu đày đến đảo bát-mô, ông đã viết ra sách Khải Huyền (1:9).

Khi viết sách vào cuối thế kỷ thứ hai hoặc đầu thế kỷ thứ ba, Tertullian công bố: “Song chúng ta xưng rằng một vương quốc được hứa cho chúng ta trên đất, mặc dù trước thiên đàng, chỉ ở một tình trạng sống động khác; việc xảy ra sau vì sau cuộc phục sinh cả ngàn năm tại thành Giê-rê-ru-sa-lem được xây dựng theo cách thiêng liêng, “giáng xuống từ trời”, là thành mà vị sứ đồ cũng gọi là “mẹ chúng ta từ trên cao” (Galati 4:26] ... Cả hai Êx-ê-chi-ên đều nhận biết và Sứ đồ Giăng nhìn thấy [đối chiếu Khải huyền 21:2]” (*Against Marcion*, 3.24).

Những lời chứng đầu tiên khác về địa vị tác giả của sách Khải huyền đều đến từ Origen (*De Principiis*, 1.2.10, 1.2.7), Hippolytus (*Treatise on Christ and Antichrist*, 36), và Victorinus, tác giả sách chú giải Khải huyền vào thế kỷ thứ 4 (trong phần bình luận của ông ở Khải huyền 10:3).

Lời làm chứng mạnh mẽ, sớm sửa và nhất quán thế ấy đối với quyền tác giả của sứ đồ Giăng khẳng định những lời xưng nhận trong quyển sách (1:1, 4, 9; 22:8) và không thể dễ bị gạt qua một bên. Lời chứng của Justin và Irenaeus đặc biệt là quan trọng, một khi họ sống tại thành Ê-phê-sô và Si-mi-ec-nơ lúc một số độc giả nguyên thủy sách Khải huyền vẫn còn sống. Hội thánh có thể bị nhầm lẫn về người đã viết sách Khải huyền từ thời điểm sách được viết ra là không thể tưởng tượng được.

Mãi cho đến phân nửa thứ hai của thế kỷ thứ ba thì Dionysius, là giám mục (giám sát, mục sư) của Hội thánh ở Alexandria, đã nghiêm túc thắc mắc quyền tác giả sách Khải huyền của sứ đồ Giăng. E rằng có một số người dạy rằng sẽ có một ngàn năm theo đời này (điều mà ông đã chối bỏ), Dionysius đã nỗ lực không tin theo sự dạy đó bằng cách phủ nhận Giăng đã không viết ra sách Khải huyền. (Vì Dionysius đã chấp nhận Khải huyền là đã được cảm thúc và là một phần kinh điển của Kinh Thánh, nhưng không rõ ràng ở chỗ ông mong kiếm lợi bằng cách chối không nhận sứ đồ Giăng là tác giả của nó). Các lập luận của ông chống lại quyền tác giả của vị sứ đồ chủ yếu nhằm vào sự khác biệt trong phong cách và từ vựng giữa sách Tin lành Giăng và các thư tín của Giăng (là điều Dionysius tin sứ đồ Giăng đã viết ra) và sách Khải huyền. Những lập luận đó cũng là những lập luận được sử dụng hôm nay bởi những người chối bỏ không nhận sứ đồ Giăng đã viết sách Khải huyền (xem phần thảo luận về điểm này dưới đây). Như về ai đã viết sách Khải huyền, Dionysius chỉ có thể suy đoán rằng có hai Giăng ở Ê-phê-sô khi sách Khải huyền được viết ra. Tuy nhiên, mọi sự mà ông có thể đưa ra để ủng hộ giả thuyết đó là bằng chứng cho thấy “họ nói rằng có hai tám bia [ngôi mộ] tại thành Ê-phê-sô, và mỗi cái đều mang tên Giăng” (trích ở Eusebius, *Ecclesiastical History*, 7.25). Donald Guthrie nhận xét:

Đề xuất thay thế của Dionysius không dẫn tới chỗ đáng tin, vì “*Giăng thứ hai*” có một chứng tích rất mong manh về sự tồn tại của ông này. Thật là kỳ lạ khi một học giả như Dionysius lại tin tưởng vào câu chuyện đó đây của một du khách về hai ngôi mộ có tên là Giăng ở Ê-phê-sô mà không giải thích khả năng ngôi mộ có thể là do những kẻ cơ hội chủ nghĩa ở địa phương, sau khuôn khổ giải tích phi thường về di vật trong lịch sử tiếp theo. Trong bất kỳ trường hợp nào, suy luận của Dionysius cho rằng có thể có hai Giăng là một sự giải thích của câu chuyện mà dường như đã được rút ra bởi tình trạng khó xử quan trọng của ông. Nếu sứ đồ Giăng không phải là tác giả, thì phải có hai Giăng ở Ê-phê-sô, và vì thế, câu chuyện có thể được tạo ra để phục vụ có sự hỗ trợ. Về sự việc này Dionysius đã báo trước, như một người sinh ra trước kỳ hạn của mình, các trường phái phê bình hiện đại tạo ra lịch sử Cơ đốc đầu tiên với toàn bộ đội ngũ của các nhà văn vô danh, các tác phẩm của họ đạt được sự nổi bật y như các tác giả của họ đã thu được sự tối tăm. (*New Testament Introduction*, rev. Ed. [Downers Grove, Il.: InterVarsity, 1990], 934-35).

Việc nắm bắt lý thuyết của Dionysius cho rằng một Giăng khác hơn vị sứ đồ đã viết ra sách Khải huyền, sử gia của Hội thánh Eusebius đã trình luận án rằng Sách Khải huyền thực sự được viết ra bởi một “Giăng là Trưởng lão” (*story according to the Bible*, 3.39). Sự tồn tại của cái bóng râm đó đặt hoàn toàn trên một câu nói tranh cãi mà Eusebius gán cho Papias, ông giống như Polycarp, là một môn đệ của sứ đồ Giăng. Eusebius trích dẫn câu nói của Papias rằng: “Thế thì nếu ai đó đã đến cấp bậc trưởng lão, tôi hỏi rất chi li sau những câu nói của họ — Anh-rê hay Phi-e-rơ đã nói gì, hay Philip đã nói gì, hoặc do Thô-ma, hay Gia-

cơ, hoặc bởi Giảng, hay bởi sách Ma-thi-ơ, hay bởi bất kỳ môn đệ nào khác của Chúa: những điều mà Aristion và trưởng lão Giảng, các môn đồ của Chúa, nói rằng" (*Exposition of the Oracles of the Lord, 1*)

Tuy nhiên, e rằng Papias có hai Giảng khác nhau trong trí. Ông nhắc tới Giảng một lần nữa với Aristion vì họ vẫn còn sống (như thi hiện tại của động từ "nói" chỉ ra). Ông lặp lại cụm từ "trưởng lão" trước khi viết tên Giảng một lần nữa cho thấy ông đang đề cập đến Giảng mà ông đã mô tả trước đây là một trong những người cao tuổi [trưởng lão]. R.C.H. Lenski lưu ý:

Ở lần nhắc thứ hai về Giảng, Papias cẩn thận nhắc đi nhắc lại thuật ngữ: "*trưởng lão Giảng*", cho thấy không phải thắc mắc chi, ông có trong trí Giảng được liệt kê trong số bảy người mà ông vừa gọi là "*các trưởng lão*"; vì nếu trong trường hợp thứ hai ông đã viết chỉ "*Giảng*" thôi, độc giả có thể coi đây là một Giảng khác đối với người được nhắc tới trong danh sách bảy người được gọi là "*các trưởng lão*". Papias biết chắc rằng chúng ta nghĩ đến cùng một người khi "*trưởng lão Giảng*" được nhắc tới, một trong bảy vị trưởng lão mà ông vừa viết ra. (*The Interpretation of St. John's Revelation* [Minneapolis: Augsburg, 1943], 9)

Ngay cả khi có thể chứng minh rằng Papias đã nói về hai Giảng, điều đó không chứng minh được rằng "trưởng lão Giảng" đã viết sách Khải huyền. Chưa chắc là hai Giảng nổi tiếng như thế đã từng sống tại thành Ê-phê-sô cùng một lúc. Ngoài những suy đoán đó, tác giả sách Khải huyền chỉ tự xác định mình là "Giảng", ám chỉ rằng ông quen biết với hàng độc giả của mình đến nỗi không cần phải xác định thêm nữa mà chỉ. Hội thánh cũng không có khả năng bị nhầm lẫn từ thời điểm Sách Khải huyền được viết ra cũng như tác giả của nó. Justin Martyr và Irenaeus, như đã nói ở trên, đã có mặt ở một vị thế quen biết một số độc giả nguyên thủy của sách Khải huyền, khiến cho một trường hợp xác định nhầm lẫn khó mà xảy ra được.

Sự khác biệt về phong cách giữa sách Khải huyền và các tác phẩm được cảm thúc khác của Giảng được Dionysius lưu ý đã hình thành dòng tranh luận chính đối với những người phủ nhận vị sứ đồ đã viết sách Khải huyền. Trong khi những điểm khác biệt đó tồn tại, bởi vì gốc gác tư liệu có khác nhau, song chúng không lớn đủ để chứng minh rằng sứ đồ Giảng không viết Sách Khải huyền. Một số khác biệt này, như đã lưu ý rồi, cũng có thể được giải thích bởi phong cách văn học khác biệt của sách Khải huyền. Và cũng có thể là Giảng đã sử dụng một Amanuensis (thư ký) khi ông viết sách Tin lành và các thư tín (giống như Phaolô đã làm, Rô-ma 16:22) — là điều ông không thể làm trong khi viết sách Khải huyền trong cảnh lưu đày trên đảo Bát-mô.

Bất chấp những khác biệt, có những điểm tương đồng nổi bật giữa Sách Khải huyền và các tác phẩm khác của vị sứ đồ Giảng. Chỉ có sách Tin lành Giảng và Khải huyền đề cập đến Đấng Christ là Ngôi Lời (Giảng 1:1; Khải huyền 19:13). Sách Khải huyền thường mô tả Đấng Christ là Chiên Con — một tước hiệu ở chỗ khác gần Ngài chỉ trong Tin lành của Giảng. Cả hai: sách Tin lành Giảng và Khải huyền đều đề cập đến Chúa Jêsus là chứng nhân (Giảng 5:31-32; Khải huyền 1:5). Khải huyền 1:7 và Giảng 19:37 trưng dẫn Xa-cha-ri 12:10 khác với bản Kinh Thánh 70 (bản dịch Cựu Ước tiếng Hy Lạp) nhưng đồng thuận với nhau. (Về các trường hợp khác, có những tương tự giữa sách Khải huyền và các tác phẩm khác của Giảng, xem Robert L. Thomas, *Revelation 1-7, An Exegetical Commentary* [Chicago: Moody, 1992], 11ff.; Henry Barclay Swete, *Commentary on Revelation* [Reprint; Grand Rapids: Kregel, 1977], cxxvi-cxxx; Leon Morris, *The Revelation of St. John, The Tyndale New Testament Commentaries* [Grand Rapids: Eerdmans, 1969], 30). Bình luận về những điểm tương đồng giữa Sách Khải huyền và các tác phẩm khác của Giảng, Guthrie viết: "Cũng cần phải lưu ý, mặc dù các khác biệt của ngôn ngữ và ngữ pháp sách Khải huyền có mối quan hệ gần gũi với người Hy-lạp ở các sách khác của Giảng hơn bất kỳ sách nào khác trong Tân Ước" (*New Testament Introduction, 940*).

Các bình luận của một số nhà phê bình xưa và nay, tuy nhiên quan điểm theo truyền thống cho thấy sứ đồ Giảng là Giảng được xác định là tác giả được cảm thúc viết sách Khải huyền phù hợp nhất với chứng cứ. Lời chứng mạnh mẽ của Hội thánh hầu như từ thời sách Khải huyền được viết ra, những điểm tương đồng giữa sách Khải huyền và các tác phẩm khác của Giảng, sự vắng mặt của tác giả thay thế đáng tin cậy và tình trạng không chắc có hai người nổi tiếng tên là Giảng đã sống cùng thời gian ở Ê-phê-sô bàn bạc về quyền tác giả của vị sứ đồ.

Các hoàn cảnh mà theo đó Giảng đã viết sách Khải huyền được bàn bạc ở chương 3 của sách này. Bảy

Hội thánh, mà vị sứ đồ nhắc tới trong sách, được mô tả chi tiết ở các chương 4–10.

NIÊN ĐẠI

Hai lựa chọn chính đã được đề xuất về niên đại của sách Khải huyền: một là trong thời gian trị vì của Nero (*khoảng năm 68SC*), hoặc của Domitian (*năm 96SC*). Niên đại trước được duy trì chủ yếu bởi một số người sử dụng cách giải thích quá khứ của sách Khải huyền (*xem phần Giải thích dưới đây*). Cách giải thích ấy dựa vào phần chú giải có thể thắc mắc một vài phân đoạn trong sách và nỗ lực loại bỏ sự ứng nghiệm về mặt tiên tri của nó hoàn toàn vào giai đoạn trước sự hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem vào năm 70SC. Những người này giữ niên đại đầu nhìn thấy trong sự hủy diệt của thành Giê-ru-sa-lem, lần đến thứ hai của Đức Chúa Jêsu Christ đã được nói tiên tri trong giai đoạn đầu tiên của nó. Bằng chứng ngoại tại cho niên đại trước (*thời Nero*) hân như là không tồn tại.

Mặt khác, quan điểm cho rằng sứ đồ Giăng đã viết sách Khải huyền vào cuối đời trị vì của Domitian đã được duy trì rộng rãi trong Hội thánh đầu tiên. Giáo phụ Hội thánh vào thế kỷ thứ hai Irenaeus đã viết: *"Tuy nhiên, chúng ta sẽ không phải lo về sự tuyên bố tích cực đối với danh xưng của Anti-christ; vì nếu cần thiết danh xưng ấy phải được tiết lộ rõ ràng trong thời hiện tại, nó sẽ được ông loan báo vì ông giữ lấy sự mặc thị về kỳ tận thế (sách Khải huyền). Vì mặc thị ấy đã được nhìn thấy không lâu lắm, nhưng hầu như trong thời của chúng ta, đến cuối đời trị vì của Domitian"* (*Against Heresies*, 5.30.3). Các giáo phụ Hội thánh Clement of Alexandria, Origen, Victorinus, Eusebius, và Jerome cũng khẳng định rằng sách Khải huyền đã được viết ra trong thời của Domitian (*đối chiếu Mounce, Revelation*, 32; *Swete, Commentary on Revelation*, xcix–c). Lời chứng của Hội thánh đầu tiên cho rằng sách Khải huyền đã được viết ra trong đời trị vì của Domitian là khó giải thích nếu nó được viết ra trong đời Nero.

Sách Khải huyền đã được viết ra trong thời kỳ Hội thánh bị bắt bớ. Giăng đã bị lưu đày đến đảo Bát-mô, ít nhất một người tin Chúa đã phải tử vì đạo (2:13), và nhiều sự bắt bớ hơn nữa đang chờ ở trên đường chân trời (2:10). Tầm cỡ bắt bớ dưới thời Domitian dường như rộng khắp hơn nhiều so với dưới thời Nero, phần lớn tập trung vào thành phố Rô-ma. Tuy nhiên, sự bắt bớ Cơ đốc nhân được đề cập đến trong sách Khải huyền phù hợp hơn với một niên đại trong đời trị vì của Domitian.

Tình trạng của bảy Hội thánh Giăng đề cập đến họ trong sách Khải huyền cũng lập luận cho niên đại sau. Như đã thấy trong sách Ê-phê-sô, Cô-lô-se, và I và II Ti-mô-thê, các Hội thánh đó vốn lãnh mạnh về mặt thuộc linh vào giữa những năm 60, khi Phao-lô mới đến phục vụ trong khu vực đó. Nhưng vào thời điểm sách Khải huyền được viết ra, các Hội thánh này đã chịu khổ vì sự suy thoái thuộc linh trầm trọng. Ê-phê-sô đã bỏ đi tình yêu ban đầu của nó, và hầu hết phần còn lại đã bị tiêm nhiễm bởi đạo giả và tội lỗi. Sự suy thoái như vậy sẽ kéo dài hơn khoảng thời gian ngắn giữa sự kết thúc chức vụ của Phao-lô ở Tiểu Á và sự chấm dứt của triều đại Nero. Trong một động thái tương tự, có người cho rằng việc thiếu không nhắc tới Phao-lô trong các thư tín gửi cho bảy Hội thánh ám chỉ khoảng thời gian xen giữa ít nhất là một thế hệ giữa cái chết của ông và việc viết ra sách Khải huyền (*Guthrie, New Testament Introduction*, 954 n.1).

Không một chỗ nào Phao-lô đề cập đến đảng phái tà giáo được gọi là đảng Ni-cô-la, họ đã hành hại các Hội thánh ở Ê-phê-sô và Bết-găm (2:6, 15). Nhưng đến thời của sách Khải huyền, đảng phái nổi tiếng đến mức Giăng chỉ có thể nhắc tới danh xưng của nó; đảng viên Ni-cô-la rõ ràng là rất nổi tiếng với độc giả của ông rằng chẳng có mô tả nào là cần thiết cả. Một lần nữa, việc ấy ám chỉ khoảng lỗ hổng thời gian dài giữa thời của Phao-lô và thời sách Khải huyền được viết ra.

Lao-đi-xê, một trong bảy Hội thánh, đã bị tàn phá bởi một trận động đất khoảng năm 60SC. Phần còn lại sự trị vì của Nero, thành phố đã dần thân vào việc tái thiết, và khó có thể được coi là *"giàu . . . giàu có"* và *"không cần chi nữa"* (3:17). Một niên đại trong đời trị vì của Domitian sẽ cho phép thời gian cho Lao-đi-xê kiếm lại được sự giàu có của nó.

Có bằng chứng cho thấy Hội thánh tại Si-mi-ec-nơ đã không được thành lập cho đến sau cái chết của Phao-lô (*khoảng năm 67SC [Guthrie, New Testament Introducing*, 954]). Nó khó có thể khởi sự, tấn tới để

trưởng thành, và rồi bị suy thoái trong khoảng thời gian ngắn xen giữa, giữa cái chết của vị sứ đồ và phản kết thúc triều đại của Nero trong cùng thời kỳ.

Lý do cuối cùng để chọn niên đại sau (95-96SC) là niên đại cho sách Khải huyền là thời điểm Giăng đến Tiểu Á. Theo truyền khẩu, Giăng đã không rời xứ Palestine để đến Tiểu Á cho tới chừng cuộc nổi dậy của người Do-thái chống lại Rome (66-70SC). Việc đặt tác phẩm Khải huyền trong suốt sự trị vì của Nero sẽ không cho phép đủ thời gian cho chức vụ của Giăng lên tới điểm mà người La-mã cảm thấy nhu cầu phải đày ông ra đảo (Thomas, *Revelation 1-7*, 22). G.R. Beasley-Murray lưu ý rằng:

Sự trục xuất Giăng trong vai trò một nhà truyền đạo Cơ đốc . . . phản ánh một chính sách thù nghịch năng động của nhà nước đối với Hội thánh. Đúng là không thể tỏ ra các đánh giá theo luật pháp đã được thực hiện bởi nhà nước chống lại Cơ đốc nhân trước những năm cuối của Domitian. Sách Khải huyền phản ánh một tình huống trong đó sự thờ lạy hình tượng của hoàng đế là một thể lực đương đại và đang bành trướng để trở thành cấp thế giới. Sự bất bớ của Nero không liên quan gì đến vấn đề này. (*The Book of Revelation*, The New Century Bible [London: Oliphants, 1974], 38).

Bằng chứng có sức mạnh ưu ái rõ ràng ủng hộ một niên đại cho việc viết ra sách Khải huyền vào giữa những năm 90SC, gần với phần cuối đời trị vì của Domitian. Điều này rất là quan trọng bởi vì nó loại bỏ khả năng mà những lời tiên tri trong sách Khải huyền được ứng nghiệm trong sự hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem vào năm 70SC.

PHẦN GIẢI THÍCH

Hình ảnh đẹp như tranh vẽ, biểu tượng huyền bí, và ngôn ngữ thuộc thời kỳ mạt thế của sách Khải huyền khiến nó trở thành một trong những cuốn sách đầy thách thức nhất để giải thích trong Kinh thánh. Có bốn cách tiếp cận chính cho sự lý giải quyển sách.

Cách tiếp cận *preterist* xem sách Khải huyền không phải là lời tiên tri tiên đoán trước về cuộc tương lai, mà là một bản tường trình lịch sử nói tới các biến cố thuộc Đế Quốc La-mã vào thế kỷ thứ nhất. Quan điểm *preterist* vì thế bất chấp những lời xưng nhận của quyển sách là một lời tiên tri (1:3; 22:7, 10, 18-19). Hết thảy các biến cố cũng không tiên đoán và mô tả trong sách Khải huyền được ứng nghiệm trong thế kỷ thứ nhất. Lần đến lần thứ hai của Đấng Christ được mô tả trong chương 19 rõ ràng là vẫn chưa xảy ra. Nhưng quan điểm *preterist* đòi hỏi người ta phải xem những lời lẽ nói về lần đến thứ hai của Đấng Christ như được ứng nghiệm trong sự phá hủy đền thờ vào năm 70SC, mặc dù Ngài không xuất hiện cơ hội ấy. Không có một sự bất bớ nào trong thế kỷ thứ nhất phù hợp với phần mô tả các biến cố kinh khiếp được mô tả ở các chương 6-19.

Cách tiếp cận theo *lịch sử* gặp gỡ trong sách Khải huyền một tường trình ghi lại sự quét dọn lịch sử Hội thánh từ thời các sứ đồ cho tới hiện tại. Những người chú giải theo lịch sử thường dựa vào việc nói bóng theo văn mạch để tìm ra trong đó những biến cố lịch sử khác nhau mà họ tin rằng nó đang mô tả (*thí dụ như sự sụp đổ của La Mã trước những kẻ man rợ, sự dấy lên của Nhà thờ Công giáo La Mã, sự xuất hiện của Hồi giáo, ngay cả Cuộc Cách Mạng của nước Pháp*). Không có gì phải ngạc nhiên, cách tiếp cận mang tính chủ quan, tùy tiện và kỳ quái này đã cung ứng cao trào dẫn đến vô số các diễn giải mâu thuẫn về các biến cố của lịch sử thực tế trong sách Khải huyền. Giống như cách tiếp cận *preterist*, quan điểm theo lịch sử bất chấp những xưng nhận của chính sách Khải huyền là một lời tiên tri. Nó cũng cướp đi của quyển sách bất kỳ ý nghĩa nào đối với những người tin Chúa trong thế kỷ thứ nhất mà nó nói tới họ. Và nó loại bỏ sự giải thích của sách Khải huyền từ lãnh vực giảng dạy theo nghĩa đen, theo lịch sử, để nó lại đó theo sự thương xót của những ý nghĩa gợi ý và thuộc linh hoá mà mỗi người sẽ trở thành nhà chú giải phát minh ra.

Cách tiếp cận *lý tưởng* xem mọi điều được mô tả trong sách sự phấn đấu vô hạn giữa thiện và ác đã diễn ra trong từng thế đại. Theo quan điểm này sách Khải huyền không phải là một tường trình lịch sử cũng không phải là một lời tiên tri nói trước. Giống như hai quan điểm đầu tiên, quan điểm *lý tưởng* bất chấp những lời xưng nhận của sách Khải huyền là một lời tiên tri. Nếu đưa ra kết luận hợp lý, nó cũng tách sách Khải huyền ra khỏi bất kỳ nối kết nào với các biến cố lịch sử thực tế. Quyển sách này do đó bị rút lại thành một tuyển tập các huyền thoại được lắp đặt để chuyển tải lẽ thật thuộc linh. Cách tiếp cận *tương lai* xem ở các

chương 4-22 những lời tiên đoán về con người và các biến cố chưa xảy đến trong tương lai. Chỉ có cách tiếp cận này mới cho phép sách Khải huyền được giải thích theo cùng phương pháp diễn giải cụ thể, lịch sử theo ngữ văn, theo đó các phân đoạn không thuộc diện tiên tri của Kinh thánh được diễn giải. Như đã lưu ý trước, những người đề xướng ba cách tiếp cận kia thường bị buộc phải dùng đến việc nói bóng hoặc thuộc linh hoá văn bản để hỗ trợ cho cách lý giải của họ. Cách tiếp cận *tương lai*, ngược lại với ba cách kia, thực thi sự công bằng trọn vẹn trước lời xưng nhận của sách Khải huyền là một lời tiên tri. Cách tiếp cận *tương lai* thường bị chỉ trích là tước khỏi sách Khải huyền bất cứ ý nghĩa nào đối với những người đã viết ra nó, một khi bởi vì nó thấy nhiều thứ trong sách như đang mô tả các biến cố trong tương lai xa. Để trả lời John F. Walvoord lưu ý:

Phần lớn lời tiên tri trong Kinh thánh đề cập đến khoảng tương lai xa xôi, bao gồm các lời hứa trong Cựu Ước về Đấng Mê-si hầu đến, những lời tiên tri của Đa-ni-ên liên quan đến các đế quốc thế giới trong tương lai, bộ lễ thật liên quan đến vương quốc hầu đến trên trái đất cũng như vô số các lời tiên tri khác. Nếu các biến cố của các chương từ 4 đến 19 là tương lai, ngay cả từ nhận định của chúng ta hôm nay, chúng dạy dỗ lẽ thật phước hạnh về sự tể trị tối cao của Đức Chúa Trời và sự đắc thắng của sự công bình. Áp dụng ngay các biến cố xa xôi rất là quen thuộc trong Kinh Thánh, thí dụ như II Phi-e-rơ 3:10-12, ở đây nói tới sự tan rã sau cùng của địa cầu; tuy nhiên, đoạn văn kể tiếp cung ứng một sự ứng dụng ngay lập tức: "*Vậy nên, hỡi kẻ rất yêu dấu, vì anh em trông đợi những sự đó, thì phải làm hết sức mình ...*" (II Phi-e-rơ 3:14). (*The Revelation of Jesus Christ* [Chicago: Moody, 1966], 22).

Bất cứ cách nào khác hơn là cách tiếp cận *tương lai* sẽ đề ý nghĩa của cuốn sách lại cho sự tinh xảo và ý tưởng của con người. Cách tiếp cận *tương lai* nắm lấy ý nghĩa của quyển sách như Đức Chúa Trời đã ban cho nó. Trong việc nghiên cứu sách Khải huyền, chúng ta sẽ nắm lấy nhận định thẳng thắn này và chấp nhận những gì quyển sách nói. Thật là khó xem xét hết những ý kiến mang tính lý giải mà nhiều người đưa ra trong ba nhận định kia, vì vậy chúng ta sẽ không cố gắng làm việc thông qua các lựa chọn đó. Thay vì thế, chúng ta sẽ cầm lấy quyển sách khi nó đến với cách thức thông thường của ngôn ngữ.

BỔ CỤC

I. Những Việc Mà Người Đã Thấy (1:1-20).

- A. Đoạn Mở Đầu (1:1-8).
- B. Mặc Thị Về Đấng Christ Vinh Hiển (1:9-18).
- C. Sự Mệnh Viết Sách Của Giảng (1:19-20).

II. Những Việc Hiện Có (2:1 – 3:22).

- A. Bức Thư Viết Cho Hội Thánh Ê-Phê-Sô (2:1-7).
- B. Bức Thư Viết Cho Hội Thánh Si-Miéc-Nơ (2:8-11).
- C. Bức Thư Viết Cho Hội Thánh Bết-Găm (1:12-17).
- D. Bức Thư Viết Cho Hội Thánh Thi-A-Ti-Rơ (2:18-29).
- E. Bức Thư Viết Cho Hội Thánh Sạt Đe (3:1-6).
- F. Bức Thư Viết Cho Hội Thánh Phi-La-Đen-Phi-A (3:7-13).
- G. Bức Thư Viết Cho Hội Thánh Lao-Đi-Xê (3:14-22).

III. Những Việc Sẽ Đến Sau Đây

- A. Thờ Lạy Trước Ngôi Của Đức Chúa Trời Trên Trời (4:1 – 5:14)
- B. Kỳ Đại Nạn (6:1 – 18:24).
- C. Lân Đến Thứ Nhì Của Đức Chúa Jêsus Christ (19:1 -21).
- D. Thời Kỳ Thiên Hi Niên (20:1-10).
- E. Ngai Trắng Lớn Phán Xét (20:11-15).
- F. Thê Trạng Đời Đời (21:1 – 22:21).

Ngược Về Với Tương lai

(Kh 1:1-6)

1

“Sự mặc thị của Đức Chúa Jêsus Christ mà Đức Chúa Trời đã ban cho Ngài đang đem tỏ ra cùng tôi tớ Ngài những điều kíp phải xảy đến, thì Ngài đã sai thiên sứ đến tỏ những điều đó cho Giảng, tôi tớ Ngài, là kẻ đã rao truyền lời Đức Chúa Trời và chứng có của Đức Chúa Jêsus Christ, về mọi điều mình đã thấy. Phước cho kẻ đọc cùng những kẻ nghe lời tiên tri này, và giữ theo điều đã viết ra đây. Vì thì giờ đã gần rồi. Giảng gởi cho bảy Hội thánh ở xứ A-si: nguyên xin ân điển và sự bình an ban cho anh em từ nơi Đấng Hiện Có, Đã Có Và Còn Đến, cùng từ nơi bảy vị thần ở trước ngai Ngài, lại từ nơi Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng làm chứng thành tín, sanh đầu nhất từ trong kẻ chết và làm Chúa của các vua trong thế gian! Đấng yêu thương chúng ta, đã lấy huyết mình rửa sạch tội lỗi chúng ta, và làm cho chúng ta nên nước Ngài, nên thầy tế lễ của Đức Chúa Trời là Cha Ngài, đáng được sự vinh hiển và quyền năng đời đời vô cùng! A-men”. (Kh 1:1-6)

Nhiều người say mê, thậm chí bị ám ảnh với cuộc tương lai. Họ chuyên đọc số tử vi của họ, tìm kiếm hạng độc giả đọc thẻ Tarot, xem chỉ tay, nhắm vào tài liệu khoa học viễn tưởng tương lai, hoặc gọi đến một trong các *"đường dây nóng siêu linh"* được quảng cáo trên TV. Có người tìm hiểu sâu hơn vào các hệ thống thờ lạy hình tượng, tìm kiếm đồng cốt (như vua Saulơ đã tìm), cố gắng trong vô ích và tội lỗi hầu nhận được thông tin về những gì sẽ đến bằng cách *"vì người sống mà hỏi kẻ chết"* (Es 8:19). Tất nhiên, là người chết không thể đáp ứng trước các nỗ lực tiếp xúc đó, nhưng ma quỷ đáp ứng, mạo nhận như những lời dối trá của kẻ chết và lan truyền đi.

Tuy nhiên, các nỗ lực để phân biệt tương lai đều ở trong chỗ hư không. Chỉ có một Đấng biết rõ và tuyên bố về cuộc tương lai: ấy là Đức Chúa Trời (Es 44:7; 45:21; 46:9-10). Chỉ trong Kinh Thánh, người ta sẽ tìm được lẽ thật về cuộc tương lai. Các tiên tri trong Cựu Ước, đặc biệt là Êsai, Êxêchiên, Đaniên, và Xachari, họ cung ứng những cái nhìn thoáng qua về cuộc tương lai. Cũng một thể ấy, Chúa chúng ta trong bài giảng trên núi Ô-li-ve đầy khích lệ của Ngài, cùng với Phierơ và Phaolô trong các tác phẩm đã được cảm thúc cho trong Kinh Thánh. Còn sách Khải huyền cung ứng cái nhìn chi tiết nhất về cuộc tương lai trong cả Kinh thánh. Cốt lõi thích đáng trong mặc khải của Đức Chúa Trời cho con người trong Kinh thánh, sách Khải Huyền tiết lộ lịch sử tương lai của thế giới, mọi con đường dẫn đến đỉnh cao lịch sử trong sự tái lâm của Đấng Christ và thiết lập vương quốc vinh hiển trên đất và vương quốc đời đời của Ngài.

Bằng cách giới thiệu, Giảng liệt kê ra mười một đặc điểm của quyển sách kỳ diệu này: *bản chất thiết yếu, lẽ đạo trọng tâm, nguồn thiêng liêng, người nhận, bản chất tiên tri, sự giải cứu siêu nhiên, tác giả con người, ơn phước được hứa cho, sự khẩn cấp rất thuyết phục, lời chúc phước Ba Ngôi Đức Chúa Trời và bài tán dương tôn vinh.*

Sự mặc thị (Kh 1:1a)

Ba từ này rất quan trọng cho việc tìm hiểu quyển sách này. Nhiều người bối rối bởi sách Khải huyền, họ xem nó như là một lễ màu nhiệm, ẩn bí, không thể giải đoán được. Không gì có thể bằng sự thật. Không thể *che giấu* được sự thật, sách Khải huyền *tỏ ra* sự thật ấy. Đây là chương cuối cùng trong câu chuyện cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Nó kể lại câu chuyện ấy cho đến cuối cùng. Giống như câu chuyện nói tới sự Sáng Tạo lúc đầu không có gì là mơ hồ hay tối tăm cả, nhưng rất rõ ràng, vì vậy Đức Chúa Trời đã đưa ra một bản tường trình chi tiết và rõ nét về phần kết cuộc. Tin rằng Đức Chúa Trời sẽ phán chính xác và rõ ràng từ Sáng thế ký đến Giuđe là điều không tưởng, rồi khi đến với phần kết chẳng thấy chính xác và rõ ràng đâu cả. Tuy nhiên, nhiều nhà thần học ngày nay nghĩ rằng sách Khải huyền không phải là bản tường trình chính xác nói tới phần kết bất chấp những gì sách ấy nói. Họ cũng khẳng định rằng mọi lễ màu nhiệm của nó quá mơ hồ đến nỗi phần kết thúc bị chừa lại trong hoang mang. Như chúng ta sẽ thấy trong phần lý giải này, đây là một lỗi nghiêm trọng làm đẩy lên viễn cảnh về sự cứu chuộc ở đỉnh cao của nó như đã được ban cho bởi Đức Chúa Trời.

Apokalupsis (**sự mặc thị**) xuất hiện mười tám lần trong Tân Ước, khi được sử dụng nói tới một nhân vật, luôn luôn với ý nghĩa "*trở nên rõ ràng*". Trong Lu 2:32, Si-mê-ôn ca ngợi Đức Chúa Trời vì đã ban cho hài nhi Jêsus, mô tả Ngài là "*soi khắp thiên hạ, và làm vinh hiển cho dân Y-sơ-ra-ên là dân Ngài*". Si-mê-ôn mừng rỡ vì Đấng Mê-si đã được dựng nên ai cũng xem thấy được. Phaolô nói trong Ro 8:19 về sự biến đổi hiển nhiên của người tin Chúa trong sự vinh hiển như "*con cái Đức Chúa Trời được tỏ ra*". Cả hai: Phaolô (ICo 1:7) và Phierô (IPhi 1:7) đã sử dụng apokalupsis để đề cập đến với sự mặc thị của Đấng Christ nơi sự tái lâm của Ngài.

Sách Khải huyền chứa các lễ thật đã bị che giấu, nhưng giờ đây đã được thố lộ. Mặc dù không chỗ nào trực tiếp trích dẫn Cựu Ước, 278 trong số 404 câu của nó đề cập hoặc ám chỉ đến lễ thật có tính tiên tri trong Cựu Ước, rồi nó khuếch đại những gì ban đầu chỉ là gợi ý trong Cựu Ước.

Apocalypse tỏ ra rất nhiều lễ thật thiêng liêng lắm. Nó cảnh báo Hội thánh về mối nguy hiểm tội lỗi và dấn dõ Hội thánh về nhu cầu phải thánh khiết. Nó tỏ ra sức mạnh của Đấng Christ và người tin Chúa phải thắng hơn Satan. Nó tỏ ra sự vinh hiển và oai nghi của Đức Chúa Trời và mô tả sự thờ lạy kính kiền liên tục bên ngôi của Ngài. Sách Khải huyền tỏ ra phần kết của lịch sử nhân loại, bao gồm việc thiết lập chính trị sau cùng của thế gian, sự nghiệp của Anti-christ, và Chiến trận A-t-ma-ghe-đôn ở đỉnh cao. Nó tỏ ra sự vinh hiển hầu đến nơi sự trị vì của Đấng Christ trên đất trong vương quốc ngàn năm, sự phán xét ở Ngai Lớn Trắng, và mô tả sự an lạc vĩnh hằng của trời mới và đất mới. Sách Khải Huyền mô tả phần đắc thắng tối hậu của Đức Chúa Jêsus Christ đối với mọi người và ma quỷ. Sách Khải huyền mô tả sự thất bại tối hậu của Satan và tội lỗi, và tình trạng sau cùng của kẻ gian ác (*hình khổ trong địa ngục đời đời*) và người công bình (*vui mừng đời đời ở thiên đàng*). Nói ngắn gọn, đây là một câu chuyện thuật lại về tương lai của thế gian được viết ra bởi một người đã nhìn thấy cả mọi sự ấy.

Nhưng đặc biệt, bao hàm hết mọi đặc điểm đó, sách Khải Huyền tỏ ra sự oai nghi và sự vinh hiển của Đức Chúa Jêsus Christ. Nó mô tả chi tiết các biến cố gắn với sự đến lần thứ hai của Ngài, tỏ ra sự vinh hiển của Ngài mà một ngày kia sẽ rực rỡ lên như tia chớp xẹt lên không nhằm lẫn như dòng sét chớp thật nhanh trên bầu trời tối tăm (Mat 24:27).

LỄ ĐẠO TRỌNG TÂM

của Đức Chúa Jêsus Christ (Kh 1:1b)

Trong khi cả Kinh Thánh là sự mặc khải đến từ Đức Chúa Trời (ITi 3:16), theo một phương thức đặc biệt sách Khải huyền là sự mặc thị — sự mặc thị của Đức Chúa Jêsus Christ. Đang khi quyển sách này chắc chắn là sự mặc thị đến từ Đức Chúa Jêsus Christ (xem 22:16), đây cũng là sự mặc thị nói về Ngài. Các Tân Ước khác sử dụng cụm từ apokalupsis Īesou Christou (mặc thị của Đức Chúa Jêsus Christ) gợi ý rằng phát biểu của Giăng trong câu này được hiểu rõ nhất theo ý nghĩa sự mặc thị về Đức Chúa Jêsus

Christ (đôi chiếu: ICo 1:7; Ga 1:12; IITe 1:7; IPhi 1:7). Các sách Tin lành cũng nói đến Đức Chúa Jêsus Christ, nhưng giới thiệu Ngài nơi sự đến thứ nhứt trong sự hạ mình; sách Khải huyền giới thiệu Ngài nơi lần đến thứ hai của Ngài trong sự cao trọng. Từng sự khai thị và mô tả Ngài trong sách Khải huyền là một sự khai thị đầy oai nghi, quyền phép và vinh hiển.

Sự vén mạng của Đấng Christ khởi sự ở 1:5-20, ở đó Ngài được tỏ ra trong nét oai nghi giáng xuống. Những câu này cũng cung cấp một cái nhìn về sự vinh hiển của lần đến thứ hai của Ngài. Trong các chương 2 và 3, giống như Chúa Tể của Hội thánh được tôn cao, Ngài đã quở trách và khích lệ Hội thánh của Ngài. Sau cùng, các chương 4-22 cung cấp cái nhìn chi tiết về lần đến thứ hai của Ngài; thiết lập vương quốc ngàn năm của Ngài, trong đó Ngài sẽ trị vì trên vương quốc ấy theo cách riêng; và sự tỏ ra thể trạng đời đời.

W. A. Criswell, là Mục sư lâu năm của Hội thánh First Baptist ở Dallas, ông đưa ra phần giải thích sau đây về lý do tại sao Đấng Christ được tỏ ra trong sự vinh hiển:

Lần đầu tiên Chúa chúng ta bước vào thế giới này, Ngài đã đến trong bức màn xác thịt của chúng ta. Thần thánh của Ngài bị bao lại bởi nhân tánh của Ngài. Địa vị Đức Chúa Trời của Ngài bị che giấu bởi nhân tánh của Ngài. Chỉ một lần trong một khoảng thời gian rất ngắn, thần thánh của Ngài đã chiếu qua, như trên Núi Hoá Hình, hay như trong các việc làm kỳ diệu của Ngài. Song hầu hết thời gian, sự vinh hiển, sự oai nghi, thần thánh, sự lạ lùng và kỳ diệu của Con Đức Chúa Trời, ngôi thứ hai trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời, bị che khuất đi. Các thuộc tánh này đã bị xác thịt bao phủ, trong nhân tánh con người của chúng ta. Ngài chào đời trong một chuồng chiên. Ngài lớn lên trong cảnh khó nghèo. Ngài biết rõ đói khát có ý nghĩa như thế nào. Ngài bị đánh đập và bị chà đạp. Ngài bị đóng đinh trên thập tự giá và bị treo lên như một kẻ tội phạm trước sự xem khinh của cả thế gian. Lần cuối cùng thế gian này đã nhìn thấy Chúa Jêsus là khi họ trông thấy Ngài bị treo lên trong sự nhục nhã, khổ sở và đau đớn trên cây thập tự. Sau đó, Ngài đã hiện ra cho một số môn đồ của Ngài, nhưng lần cuối cùng thế gian vô tín này đã từng nhìn thấy Chúa Jêsus là khi nhìn thấy Ngài chết như một kẻ ác, như một tội phạm, bị đóng đinh trên cây thập tự của người La-mã. Đó là một phần trong kế hoạch của Đức Chúa Trời, một phần của ân điển vô lượng vô biên, và tình yêu của Chúa chúng ta. **"Bối lần roi Ngài chúng ta được lành bệnh".**

Nhưng liệu thế giới này có còn được nhìn thấy Đấng Cứu Thế của chúng ta — chịu chết xấu hổ trên một cây thập tự không? Không! Đây cũng là một phần trong kế hoạch của Đức Chúa Trời rằng một ngày kia thế gian vô tín, phạm thượng, bất kính này sẽ nhìn thấy Con Đức Chúa Trời với bản tánh trọn vẹn, sự vinh hiển, sự oai nghi, sự lạ lùng và kỳ diệu của địa vị Đức Chúa Trời của Ngài. Khi ấy, mọi người sẽ nhìn xem Ngài như Ngài vốn có thật vậy. Họ sẽ nhìn thấy Ngài đang vòng tay lại trước cả Vũ Trụ, nắm giữ trong tay Ngài uy quyền của mọi tạo vật trong vũ trụ ở trên chúng ta, trong vũ trụ xung quanh chúng ta và trong vũ trụ bên dưới chúng ta đang nắm giữ thế giới này và số phận của nó trong hai bàn tay bị đâm thủng và yêu thương của Ngài. (*Expository Sermons on Revelation* [Grand Rapids: Zondervan, 1969], 1:16-17).

Ngay cả một cái nhìn lướt qua sách Khải Huyền cho thấy rằng Đức Chúa Jêsus Christ là chủ đề chính của sách ấy. Ngài là "Đấng làm chứng nhân thành tín" (1:5), "sanh đầu nhứt từ trong kẻ chết" (1:5), "làm Chúa của các vua trong thế gian" (1:5), "An-pha và Ô-mê-ga" (1:8; 21:6); "Đấng Toàn Năng" (1:8), "Đấng Trước Hết và là Đấng Sau Cùng" (1:17), "Đấng sống" (1:18), "Đấng cầm bảy ngôi sao trong tay hữu và đi chính giữa bảy chân đèn vàng" (2:1); "Đấng có thanh gươm nhọn hai lưỡi" (2:12), "Con Đức Chúa Trời" (2:18); "Đấng mắt như ngọn lửa, và chân như đồng sáng" (2:18); "Đấng có bảy vì thần Đức Chúa Trời và bảy ngôi sao" (3:1); "Đấng Thánh, chân thật" (3:7); "Đấng có chìa khóa của Đa-vít, mở thì không ai đóng được, đóng thì không ai mở được" (3:7), "Đấng A-men, Đấng làm chứng thành tín chân thật" (3:14), "Đấng làm đầu cội rễ cuộc sáng thế của Đức Chúa Trời" (3:14); "Sự tử của chi phái Giuđa" (5:5); "Chối của vua Đa-vít" (5:5); "Chiên Con của Đức Chúa Trời" (thí dụ, 5:6; 6:1; 7:9-10; 8:1; 12:11; 13:8; 14:1; 15:3; 17:14; 19:7; 21:9; 22:1); "Đấng thánh và chân thật" (6:10); "Đấng trung tín và chân thật" (19:11), "Lời Đức Chúa Trời" (19:13); "Vua Của Các Vua Và Chúa Của Các Chúa" (19:16); "Đấng Christ (Đấng Mê-si), trị vì trên đất với các thánh đồ của Ngài đã được làm cho vinh hiển" (20:6); và "Jêsus ... là chồi và hậu tự của Đa-vít, là sao mai sáng chói" (22:16). Sách Khải huyền tỏ ra sự oai nghi và vinh hiển của Đức Chúa Jêsus Christ trong bài ca, thi thơ, biểu tượng và lời tiên tri. Trong đó, các tầng trời được mở ra và độc giả của nó xem thấy, như Ê-tiên (Công Vụ các Sứ Đồ 7:56), mọi mặt thị về Con Đức Chúa Trời đã sống lại, đã được làm cho vinh hiển.

NGUỒN THIÊNG LIÊNG

Đức Chúa Trời Ban Cho Ngài (Kh 1:1c)

Sách Khải Huyền là món quà từ Đức Chúa Cha đến Đức Chúa Jêsus Christ theo ý nghĩa nào? Có người giải thích cụm từ **Đức Chúa Trời đã ban cho Ngài** gắn với lời lẽ của Chúa Jêsus trong Mac 13:32: "về ngày và giờ đó, chẳng ai biết chi hết, các thiên sứ trên trời, hay là Con cũng chẳng biết nữa; song chỉ Cha mà thôi". Trong sự sỉ nhục khi Ngài hoá thân thành nhục thể, khi Ngài "đã tự bỏ mình đi, lấy hình tôi tớ và trở nên giống như loài người" (Phi 2:7), Chúa Jêsus đã hạn chế việc sử dụng các thuộc tánh thiêng liêng của Ngài. Trong sách Khải Huyền, những ai nắm giữ quan điểm này tranh luận, Đức Chúa Cha sau cùng đã cho Chúa Jêsus phần thông tin mà Ngài đã thiếu khi hoá thân thành nhục thể và chịu sỉ nhục.

Tuy nhiên, có hai khó khăn rất lớn với quan điểm đó. Một điểm rõ rệt nhất là không có một chỗ nào sách Khải huyền cung ứng ngày hay giờ nói tới sự tái lâm của Đấng Christ. Vì thế, nó không có chứa phần thông tin mà Đức Chúa Cha đã tỏ ra cho Đức Chúa Con. Hơn nữa, Đức Chúa Con đã thắng thiên về trời vinh hiển hơn nửa thế kỷ trước khi sách Khải huyền được viết ra. Là Đức Chúa Trời trọn vẹn và toàn tri, Ngài không cần bất cứ ai cung ứng cho Ngài bất cứ thông tin nào.

Thực vậy, sách Khải huyền là món quà của Đức Chúa Cha ban cho Đức Chúa Con trong một ý nghĩa sâu xa, kỳ diệu hơn. Như một phần thưởng cho sự phục vụ thánh, trung tín, hạ mình và trọn vẹn của Ngài, Đức Chúa Cha đã hứa phải tôn cao Đức Chúa Con. Phaolô giải thích:

“Hãy có đồng một tâm tình như Đấng Christ đã có, Ngài vốn có hình Đức Chúa Trời, song chẳng coi sự bình đẳng mình với Đức Chúa Trời là sự nên nắm giữ; chính Ngài đã tự bỏ mình đi, lấy hình tôi tớ và trở nên giống như loài người; Ngài đã hiện ra như một người, tự hạ mình xuống, vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự. Cũng vì đó nên Đức Chúa Trời đã đem Ngài lên rất cao, và ban cho Ngài danh trên hết mọi danh, hầu cho nghe đến danh Đức Chúa Jêsus, mọi đầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất, thủy đều quỳ xuống, và mọi lưỡi thủy đều xưng Jêsus Christ là Chúa, mà tôn vinh Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha” (Phi 2:5–11)

Sự tôn cao của Đấng Christ, được hứa cho trong ba câu cuối cùng (9-11) của phân đoạn đó, được mô tả chi tiết trong sách Khải Huyền. Vì vậy, nó chứa đựng sự tiết lộ đầy đủ về sự vinh hiển nơi sự tái lâm của Đấng Christ — phần thưởng tối hậu của Ngài đến từ Đức Chúa Cha vì sự trung tín của Ngài trong sự sỉ nhục của Ngài. Dấu hiệu đầu tiên cho thấy sự vui mừng của Đức Chúa Cha với sự vâng phục của Đức Chúa Con là sự phục sinh của Ngài; và thứ hai là sự thắng thiên của Ngài; thứ ba là việc sai phái Đức Thánh Linh; rồi sau cùng là ân ban sách Khải huyền, là sách hứa hẹn và tỏ ra sự vinh hiển nơi sự tái lâm của Đấng Christ.

Khi ấy, sách Khải huyền chi tiết cơ nghiệp của Đức Chúa Con do Đức Chúa Cha ban cho. Tuy nhiên, không giống như hầu hết ý muốn của con người, người ta có thể đọc dữ liệu vì nó không phải là một dữ liệu riêng tư, có đóng ấn. Nhưng không phải ai cũng có đặc quyền hiểu được nó, chỉ có những người mà Đức Chúa Trời vén nó lên bởi Thánh Linh của Ngài.

NGƯỜI NHẬN

tỏ ra cùng tôi tớ Ngài những điều kíp phải xảy đến, (Kh 1:1d)

Để tôn cao và làm vinh hiển cho Con của Ngài, Đức Chúa Cha đã giàu ơn chấp nhận một nhóm người đặc biệt, ban cho họ đặc ân hiểu biết những lẽ thật chứa trong quyển sách này. Giảng mô tả những

người đó là tôi tớ của Ngài [của Đấng Christ]. *Doulois* (tôi tớ-nô lệ) sát nghĩa là "nô lệ" (xem Mat 22:28, Mac 13:34). Tuy nhiên, *doulos* (tôi tớ-nô lệ) là một loại nô lệ đặc biệt — là người phục vụ vì tình yêu thương và sự tôn kính đối với chủ của mình.

Xu 21:5-6 mô tả hạng nô lệ ấy: "Nếu kẻ tôi mọi nói rằng: Tôi thương chủ, vợ và con tôi, không muốn ra được tự do, thì người chủ sẽ dẫn nó đến trước mặt Đức Chúa Trời, biểu lại gần cửa hay là cột, rồi lấy mũi dùi xỏ tai; nó sẽ hầu việc người chủ đó trọn đời".

Đó là lý do tại sao thấy sách Khải huyền là khó hiểu; sách ấy không được dự trù cho họ. Đức Chúa Cha đã **ban** ra sách ấy cho Đức Chúa Con để tỏ ra cho những người sẵn lòng phục vụ Ngài. Người nào từ chối không công nhận Đức Chúa Jêsu Christ là Chúa Tể không mong gì hiểu được quyền sách này. Phaolô giải thích: "Vả, người có tánh xác thịt không nhận được những sự thuộc về Thánh Linh của Đức Chúa Trời; bởi chưng người đó coi sự ấy như là sự đồ dại, và không có thể hiểu được, vì phải xem xét cách thiêng liêng" (ICo 2:14). Đối với các môn đồ Ngài, khi ở trên đất, Chúa Jêsu phán rằng: "Vậy nên ta phán thí dụ cùng chúng; vì họ xem mà không thấy, lắng tai mà không nghe, và không hiểu chi hết ... Vì lòng dân này đã cứng cỏi; Đã làm cho nặng tai và nhắm mắt mình lại, e khi mắt mình thấy được, tai mình nghe được, lòng mình hiểu được, họ tự hồi cải lại, và ta chữa họ được lành chẳng. Các bạn đã được ban cho biết các mầu nhiệm nước thiên đàng, nhưng đối với họ, điều đó không được ban cho" (Mat 13:11, 13). Những kẻ vô tín không thể nắm bắt Chúa Giê-su muốn nói gì khi Ngài dạy về những thực tại thuộc linh trong hiện tại. Họ cũng không thể nắm bắt được các thực tại trong tương lai. Lễ thật thiêng liêng bị che khuất khỏi kẻ không ngoan đời này. Hạng người hoài nghi chẳng tìm được gì trong sách Khải huyền ngoài sự lộn lạo và nhầm lẫn. Nhưng đối với hạng **tôi tớ-nô lệ** của Đức Chúa Jêsu Christ, quyền sách này là sự mặc thị để hiểu lẽ thật có tính cách tiên tri nói tới phần tương lai của thế gian.

BẢN CHẤT TIÊN TRI

những điều kíp phải xảy đến; (Kh 1:1e)

Phần nhấn mạnh của sách Khải Huyền nhấn mạnh vào các biến cố trong tương lai biệt nó riêng ra đối với các sách Tân Ước khác. Trong khi chúng chứa các tham khảo nhắm tới cuộc tương lai, các sách Tin lành chủ yếu tập trung vào sự sống và chức vụ trên đất của Đức Chúa Jêsu Christ. Sách Công Vụ các Sứ Đồ ghi chép phần lịch sử của Hội thánh từ buổi ban đầu của nó nhắm vào Lễ Ngũ Tuần cho đến khi sứ đồ Phaolô phải ở tù. Các thư tín Tân Ước, giống như các sách Tin lành, chứa những cái nhìn thoáng qua về cuộc tương lai. Tuy nhiên, phần nhấn mạnh chính của nó là giải thích ý nghĩa sự sống, sự chết và sự phục sinh của Đức Chúa Jêsu Christ rồi áp dụng nó vào sinh hoạt của Hội Thánh trong thời hiện tại. Vì vậy, năm sách đầu tiên của Tân Ước là nói về quá khứ, và 21 sách kế tiếp nói về thì hiện tại. Sách cuối cùng, mặc dù nó chứa một số thông tin về quá khứ (chương 1) và hiện tại (bảy Hội thánh trong các chương 2-3, mặc dù Hội thánh theo lịch sử trong thời của Giăng, chúng mô tả các loại nhà thờ được tìm thấy trong kỷ nguyên Hội thánh), nhắm vào cuộc tương lai (các chương 4-22).

Như trong tất cả các tài liệu mang tính cách tiên tri, có một sự nhấn mạnh kép ở trong sách Khải Huyền. Nó phác họa Đức Chúa Jêsu Christ trong sự vinh hiển tương lai của Ngài cùng với tình trạng phước hạnh của các thánh đồ. Nó cũng mô tả sự phán xét hạng người vô tín không tin theo Đức Chúa Jêsu Christ dẫn tới án phạt đời đời của họ. Nhà giải kinh Charles Erdman lưu ý:

Đây là quyền sách nói tới sự phán xét và số phận. Mặt sấm kia của bức tranh không hề bị che khuất một phút nào cả. Đức Chúa Trời là công bình. Tội lỗi phải bị trừng phạt. Vấn đề không chịu được và lộn xộn nằm trong đau khổ và thất bại. Đây không phải là sự nhầm lẫn theo tình cảm giữa đúng và sai. Đây không phải là sự dung chịu yếu đuối trước điều ác. Có nhắc đến "*Chiên Con đã chịu giết*" mà còn nhắc tới "*con thanh nộ của Chiên Con*". Có một "*dòng sông sự sống*", mà cũng có "*hồ lửa*" nữa. Ở đây một Đức Chúa Trời yêu thương được tỏ ra ở giữa loài người, để lau hết nước mắt, và để xóa bỏ sự chết, sự buồn rầu và đau khổ; nhưng trước tiên các kẻ thù của Ngài phải bị bắt phục. Quả thật, sách Khải huyền là một bức tranh về cuộc xung đột lớn lao cuối cùng giữa các thế lực gian ác và quyền phép của Đức Chúa Trời. Màu sắc rất là mờ nhạt và được vay mượn từ những biến động trong thiên nhiên và từ các bối cảnh của lịch sử nhân loại, với những chiến trận và

cuộc tàn sát của họ. Cuộc tranh chiến rất là lớn. Vô số các chiến binh thuộc ma quỷ dấy lên chống lại Ngài là "Vua các vua và Chúa các chúa". Giảng trên họ là những điều "khốn cho" được công bố, những cái "bát" thanh nộ được đổ ra, và sự huỷ diệt áp đảo tới đến. Một ngày tươi sáng sắp sửa đến, nhưng có sấm sét nổ ra trước bình minh. (The Revelation of John [Philadelphia: Westminster, 1966], 12).

Các lễ thật quan trọng trong sách Khải huyền như đó vừa vui sướng vừa đau đớn (đối chiếu 10:9–10).

Kíp dịch từ **tachos**, có nghĩa là "trong một thời gian ngắn" hoặc "mau chóng". Sự thực cho thấy có một sự ngắn gọn nhất định đối với những biến cố trong tương lai được mô tả trong quyển sách này. Các sự phán xét không có tiền lệ, không thể tưởng tượng được quét qua địa cầu mau chóng trong một thời gian ngắn. Chỉ trong bảy năm, hệ thống thế gian gian ác bị phủ lụt bởi cơn thanh nộ khủng khiếp của Đức Chúa Trời. Ngay cả vương quốc trên đất ngàn năm được vắn tắt bởi các tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời (đối chiếu II Phierô 3:8). Cũng rất thực vào thời điểm Cát Lên, khi Đấng Christ tái lâm để đón Hội thánh của Ngài, diễn ra "trong giây phút, trong nháy mắt" (ICo 15: 52).

Nhưng đây chưa phải là ý chính của **tachos** trong bối cảnh này. Ý ở đây không phải là tốc độ mà Đấng Christ di động khi Ngài đến, mà là gần tới sự đến của Ngài. Việc sử dụng **tachos** và các từ ngữ liên quan trong sách Khải huyền hỗ trợ cho sự tìm hiểu ý nghĩa của nó ở đây là "không bao lâu nữa". Ở 2:16, Chúa Jêsus đã cảnh cáo Hội thánh Bết-gâm phải "ăn năn đi, bằng chẳng, ta sẽ đến mau kíp cùng ngươi", trong khi ở 3:11 Ngài yên ủi Hội thánh trung tín tại Phi-la-đen-phia bằng cách nói cho họ biết: "Ta đến mau kíp". Chương 11, câu 14, tuyên bố: "Nạn" thứ nhì qua rồi; này "Nạn" thứ ba đến mau chóng". Một thiên sứ đến nói cho Giăng biết rằng: "Bấy giờ thiên sứ nói với tôi rằng: Những lời này là trung tín và chân thật, Chúa là Đức Chúa Trời của thần các đáng tiên tri, đã sai thiên sứ mình đặt tỏ cùng các tôi tớ Ngài những điều kíp phải xảy ra" (22:6). Đức Chúa Jêsus Christ ba lần đã tuyên bố: "Ta đến mau chóng" (22: 7, 12, 20). Trong tất cả các trường hợp đó, **tachos** (hoặc những từ có liên quan đến nó) rõ ràng đề cập đến sự tức thì hay gần nhất của biến cố, chứ không phải tốc độ mà sự việc xảy ra. Nhóm từ **tachos** được sử dụng theo ý nghĩa tương tự xuyên suốt cả Tân ước (thí dụ: Cong 17:15, 25:4, Ro 16:20, ICo 4:19, Phi 2:19, 24; ITi 3:14; IITi 4:9, He 13:19, 23; IIPhi 1:14). Vì vậy, **những điều kíp phải xảy ra** mà Giăng đã viết không xảy ra trong một thời gian ngắn, mà là sắp xảy ra (đối chiếu 1:3; 22:6).

Người tin Chúa không cần phải tìm cách đặt ra "kỳ hạn và ngày giờ mà Cha đã tự quyền định lấy" (Cong 1:7). Thay vì thế, lúc nào họ cũng luôn chú ý đến lời cảnh báo của Chúa để "tỉnh thức, vì các ngươi không biết ngày nào Chúa mình sẽ đến" (Mat 24:42). Sự hiểu biết các biến cố được mô tả trong sách Khải Huyền là **kíp phải xảy ra** đã và sẽ thúc đẩy các Cơ đốc nhân sống loại đời sống thánh khiết và vâng phục (IIPhi 3:14).

SỰ GIẢI CỨU SIÊU NHIÊN

thì Ngài đã sai thiên sứ đến tỏ những điều đó (Kh 1:1f)

Sách Khải huyền là độc nhất trong văn chương Tân Ước bởi vì đây là quyển sách Chúa **sai thiên sứ đến tỏ ra** cho tác giả con người của nó. Trong 22:16 Chúa Jêsus tái khẳng định lễ thật được giảng dạy ở đây, công bố: "Ta là Jêsus, đã sai thiên sứ ta đến làm chứng về những sự đó cho các ngươi trước mặt các Hội thánh". Các thiên sứ đã tham gia vào việc ban ra sách Khải Huyền cho Giăng giống như họ đã tham gia vào việc ban Luật pháp cho Môi-se (Cong 7:53, Ga 3:19, He 2:2). Không những các thiên sứ tham gia vào việc chuyển sách Khải Huyền cho Giăng, mà họ còn đóng một vai trò nổi bật trong những bối cảnh mà sách ấy mô tả. Các thiên sứ xuất hiện trong từng chương của sách Khải huyền ngoại trừ chương 4 và chương 13. Chữ "thiên sứ" hay "các thiên sứ" được sử dụng bảy mươi một lần trong sách Khải huyền — nhiều hơn bất kỳ sách nào khác trong Kinh thánh. Thực vậy, một trong bốn lần sử dụng trong Kinh Thánh các chữ ấy đều nằm trong sách Khải Huyền. Như vậy, quyển sách này là nguồn thông tin quan trọng về chức vụ của các thiên sứ.

TÁC GIẢ CON NGƯỜI

cho Giăng, tôi tớ Ngài, là kẻ đã rao truyền lời Đức Chúa Trời và chứng có của Đức Chúa Jêsus Christ, về mọi điều mình đã thấy. (Kh 1:1g-2)

Đại biểu con người mà các sứ giả thuộc hàng thiên sứ truyền đạt sách Khải huyền cho ở đây được nhận dạng là tôi tớ của Đấng Christ [*Giăng*]. Như đã nêu trong phần giới thiệu, đây là sứ đồ Giăng, con trai của Xê-bê-đê và là anh của Gia-cơ. Giăng đã viết sách Khải Huyền đang khi bị đày ra đảo Bát-mô (1:9).

Sự tàn ác trong các khải tượng mà Giăng nhận được trên hòn đảo hoang vắng đó đã làm cho ông phải chùn bước. Trong sách Tin lành của ông, Giăng không đề cập trực tiếp đến bản thân ông. Tuy nhiên, ở đây, ông đã ghi lại sự hiện thấy của mình với lời tuyên bố: **"Tôi là Giăng"** (1:9; 22:8) — một lời công bố biểu lộ sự kinh ngạc khi ông nhận lãnh những sự hiện thấy quá sức mình.

Như ông đã trung tín làm chứng sự đến lần đầu tiên của Đấng Christ (Gi 19:35; 21:24; IGi 1:2; 4:14), vì vậy dưới sự cảm thúc của Đức Thánh Linh, Giăng trung tín làm chứng cho mọi sự mà ông đã thấy liên quan đến Lần Đến Thứ Hai của Ngài. Đặc biệt, Giăng đã làm chứng về **Lời của Đức Chúa Trời và lời chứng của Đức Chúa Jêsus Christ**. Những cụm từ ấy cùng nhau xuất hiện lại ở 1:9 (đối chiếu 12:17), và được sử dụng rất hài hoà, một khi **"Vì sự làm chứng cho Đức Chúa Jêsus là đại ý của lời tiên tri"** (19:10). Lời của Đức Chúa Trời được diễn tả trong sách Khải Huyền là **lời chứng** về sự vinh hiển hầu đến của **Đức Chúa Jêsus Christ** được ban cho Hội Thánh của Ngài (đối chiếu 22:16) và được ghi lại bởi chứng nhân trung thành của Ngài, là Giăng.

PHƯỚC HẠNH ĐƯỢC HỨA CHO

Phước cho kẻ đọc cùng những kẻ nghe lời tiên tri này, và giữ theo điều đã viết ra đây. (Kh 1:3a)

Sách Khải Huyền được các lời hứa về phước hạnh bao bọc lấy (các phước lành, như trong Ma-thi-ơ 5:3-12) cho những ai đọc và vâng theo nó (đối chiếu 22:7; Lu 11:28). Nhưng đó chỉ là hai trong số bảy lời hứa về ơn phước mà quyển sách dung chứa; phần còn lại là kỳ diệu tương ứng: "Đức Thánh Linh phán: Phải, vì những người ấy nghỉ ngơi khỏi sự khó nhọc, và việc làm mình theo sau!" (14:13). "Phước cho kẻ tỉnh thức và giữ gìn áo xống mình, đừng khỏi đi lỏa lồ và người ta không thấy sự xấu hổ mình!" (16:15), "Phước thay cho những kẻ được mời đến dự tiệc cưới Chiên Con!" (19:9), "Phước thay và thánh thay những kẻ được phần về sự sống lại thứ nhất!" (20:6), "Phước thay cho những kẻ giặt áo mình đừng có phép đến nơi cây sự sống và bởi các cửa mà vào trong thành!" (22:14).

Ba động từ được dịch là **đọc, nghe** và **giữ theo** ở trong thì hiện tại. Đọc, nghe, và giữ theo các lẽ thật được dạy dỗ trong sách Khải huyền (và trong phần còn lại của Kinh thánh) cần phải trở thành phương thức sống dành cho những người tin Chúa. Sự thay đổi từ số **kẻ đọc** đến số nhiều cùng **những kẻ nghe lời tiên tri này, và giữ theo điều đã viết ra đây** mô tả sự thờ phượng của nhà thờ trong thế kỷ thứ nhất. Đây là cách thực hành phổ thông khi Hội thánh nhóm lại nghe một người đọc Kinh Thánh cho tất cả mọi người đều nghe (đối chiếu ITi 4:13). Mục sư Robert L. Thomas giải thích rằng *"bởi vì các tác phẩm được viết ra rất đắt tiền và khan hiếm, cho nên, là bản sao của các sách đều là những phần kinh điển của Kinh thánh. Giống như một qui luật, một bản sao cho mỗi hội chúng Cơ đốc là điều có cần và phải trông mong được như thế. Việc đọc công khai là phương tiện duy nhất để Cơ đốc nhân tùy theo tầng lớp cần phải làm quen với nội dung của các sách này"* (Revelation 1-7: An exegetical Commentary [Chicago: Moody, 1992], 60). Một khi chỉ có Kinh Thánh cần phải được đọc công khai. *"Chủ đích của Giăng là sách Khải huyền cần phải được đọc công khai, được tranh luận mạnh mẽ ngay từ lúc khởi sự, nó được gộp vào trong những cuốn sách mà rồi chúng sẽ được công nhận là một phần kinh điển của Tân Ước"* (Thomas, Revelation 1-7, 62-63).

Sách Khải Huyền là lời sau cùng của Đức Chúa Trời nói với con người, cực đỉnh của sự mặc thi thiêng liêng. Việc viết ra sách ấy đánh dấu sự trọn vẹn của cả Kinh Thánh (*đối chiếu 22:18-19*), và phạm trù của nó bao gồm toàn bộ lịch sử cứu chuộc trong tương lai (*1:19*). Vì lẽ đó, có sự bắt buộc là những người tin Chúa phải chăm chú lắng nghe các lẽ thật mà nó chứa trong đó.

TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP BẮT BUỘC

Vì thì giờ đã gần rồi. (Kh 1:3b)

Cụm từ này nhắc lại sự thật đã được dạy dỗ ở 1:1, rằng các biến cố được mô tả trong sách Khải Huyền đang sắp xảy ra. **Thì giờ** không dịch từ *chronos*, đề cập đến thời gian trên một chiếc đồng hồ hoặc trên lịch, mà là trên *kairos*, đề cập đến các mùa, kỷ nguyên, hoặc kỷ nguyên. Kỷ nguyên lớn lao kế tiếp của lịch sử cứu chuộc của Đức Chúa Trời đã **gần** rồi.

Sự tái lâm của Đấng Christ sắp xảy ra, sự kiện tiếp theo trong tờ lịch tiên tri của Đức Chúa Trời, luôn luôn là niềm hy vọng của Hội thánh. Chúa Jêsus truyền cho các môn đồ Ngài phải canh chừng với sự trông đợi sự tái lâm của Ngài:

Lung các ngươi phải thất lại, đèn các ngươi phải thấp lên. Hãy làm như người chờ đợi chủ mình ở tiệc cưới về, để lúc chủ đến gõ cửa thì liền mở. Phước cho những đầy tớ ấy, khi chủ về thấy họ thức canh! Quả thật, ta nói cùng các ngươi, chủ sẽ thất lung mình, cho đầy tớ ngồi bàn mình, và đến hầu việc họ. Hoặc canh hai, canh ba, chủ trở về, nếu thấy đầy tớ như vậy thì phước cho họ! Hãy biết rõ, nếu chủ nhà hay kẻ trộm đến giờ nào, thì sẽ tỉnh thức, chẳng để cho nó đào ngạch nhà đâu. Các ngươi cũng vậy, hãy chực cho sẵn sàng, vì Con người sẽ đến trong giờ các ngươi không ngờ. (Lu 12:35-40)

Phaolô viết cho người thành Rô-ma: "Đêm đã khuya, ngày gần đến" (Ro 13:12). Vị sứ đồ nghĩ rằng ông có thể sống cho đến khi Chúa tái lâm, khi ông sử dụng đại danh từ số nhiều "chúng ta" trong các phân đoạn như ICo 15:51-58 và ITe 4:15-18 cho thấy. Tác giả thư Hêbơrơ đã khuyến khích độc giả của mình phải: "khuyến bảo nhau, và hễ anh em thấy ngày ấy hầu gần chừng nào, thì càng phải làm như vậy chừng nấy" (He 10:25). Gia-cơ khuyến khích những người tin Chúa đang phấn đấu với thực tại sự tái lâm của Đấng Christ sắp xảy ra: "Hỡi anh em, vậy hãy nhịn nhục cho tới kỳ Chúa đến ... Anh em cũng vậy, hãy nhịn nhục và bền lòng; vì kỳ Chúa đến gần rồi. ... kìa, Đấng xét đoán đứng trước cửa" (Gia 5:7-9). Phierơ nhắc nhở các độc giả của ông: "Sự cuối cùng của muôn vật đã gần" (IPhi 4:7), đang khi trong IGi 2:18 sứ đồ Giăng nói thêm: "Hỡi các con cái ta, giờ cuối cùng là đây rồi".

Bất chấp thái độ hoài nghi của những kẻ nhạo báng, họ gút mắc: "Chớ nào lời hứa về sự Chúa đến ở đâu? Vì từ khi tổ phụ chúng ta qua đời rồi, muôn vật vẫn còn nguyên như lúc bắt đầu sáng thế" (IIPhi 3:4), Đức Chúa Jêsus Christ sẽ tái lâm. Và sự tái lâm của Ngài gần rồi.

LỜI CHÚC PHƯỚC CỦA BA NGÔI ĐỨC CHÚA TRỜI

"Giăng gởi cho bảy Hội thánh ở xứ A-si: nguyên xin ân điển và sự bình an ban cho anh em từ nơi Đấng Hiện Có, Đã Có Và Còn Đến, cùng từ nơi bảy vị thần ở trước ngôi Ngài, lại từ nơi Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng làm chứng thành tín, sanh đầu nhất từ trong kẻ chết và làm Chúa của các vua trong thế gian!" (Kh 1:4-5)

Không giống như các thư tín hiện đại, người gửi phải ghi tên của họ vào cuối bức thư, thư tín ngày xưa ghi tên tác giả của chúng ngay ở phần đầu thư. Vì vậy, **Giăng** xác định mình là tác giả và ghi tên **bảy Hội thánh** (liệt kê ra ở 1:11) **đang ở** trong địa phận thuộc La-mã ở Á châu (Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay) là những người nhận thư. **Nguyên xin ân điển và sự bình an** là một lời chào thường hay có trong các thư tín Tân Ước (đối chiếu Ro 1:7; ICo 1:3; IICo 1:2; Ga 1:3; Eph 1:2; Phi 1:2; Co 1:2; ITe 1:1; IITe 1:2; Phil 1:3), nhưng lời chào này giới thiệu một lời chúc phước từ Ba Ngôi Đức Chúa Trời (đối chiếu IICo 13:14).

Cụm từ **Đấng Hiện Có, Đã Có Và Còn Đến** xác định Thân Vị thứ nhất của Ba Ngôi Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha, được mô tả ở đây theo các thuật ngữ nói tới con người. Bởi vì đó là cách duy nhất chúng ta có thể hiểu được, mô tả có ba phần (đối chiếu 1:8; 4:8) nhìn nhận Đức Chúa Trời theo các chiều kích thời gian (quá khứ, hiện tại và tương lai), mặc dù Ngài là vô hạn. Đức Chúa Trời đời đời là nguồn mọi ơn phước của sự cứu rỗi, mọi ân điển, và mọi sự bình an.

Bảy Vì Thần Ở Trước Ngồi Ngài đề cập đến Đức Thánh Linh. Rõ ràng, chỉ có một Đức Thánh Linh; con số **bảy** mô tả Ngài trong sự trọn vẹn của Ngài (đối chiếu 5:6; Êsai 11:2; Xachari 4:1-10). Đức Thánh Linh trong mọi sự vinh hiển và trọn vẹn của Ngài đang ban bố ân điển và sự bình an cho người tin Chúa; Ngài là thần linh hay ban ơn (Hêbơơ 10:29) và tạo ra sự bình an trong cuộc sống của người tin Chúa (Galati 5:22). Ở đây Ngài được nhìn thấy trong sự vinh hiển nơi địa vị của Ngài trong sự hiện diện của Đức Chúa Cha ở trên trời.

Ân điển và sự bình an cũng tuôn tràn **từ nơi Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng làm chứng thành tín, sanh đầu nhất từ trong kẻ chết và làm Chúa của các vua trong thế gian!** Ngài cũng được nhìn thấy trong sự tôn cao vinh hiển của Ngài. Điều này chỉ thích ứng khi Giảng nhắc đến Đấng Christ sau cùng, và cung ứng phần mô tả đầy đủ hơn về Ngài, một khi Ngài là lẽ đạo của sách Khải Huyền. Một **Đấng làm chứng thành tín** là nhân vật luôn luôn nói ra và tiêu biểu cho lẽ thật, và điều đó chắc chắn đánh dấu Đức Chúa Jêsus Christ. Ngài là Đấng làm chứng trọn vẹn cho bản tánh của Đức Chúa Trời. Khải huyền 3:14 gọi Ngài là: **"Đấng A-men, Đấng làm chứng thành tín chân thật"**. Ngài công bố cho Phi-lát biết: **"Này, vì sao ta đã sanh và vì sao ta đã giảng thế: ấy là để làm chứng cho lẽ thật"** (Gi 18:37). Đức Chúa Jêsus Christ, Đấng làm chứng thành tín không thể nói dối, và Ngài đã sống và rao giảng trọn vẹn ý muốn của Đức Chúa Trời, hứa với những người tin Chúa ân điển và sự bình an của việc được cứu.

Phần mô tả thứ hai về Chúa Jêsus, **sanh đầu nhất từ trong kẻ chết**, không có nghĩa về mặt niên đại Ngài là người thứ nhất được sống lại từ kẻ chết. Đã có những sự sống lại trước sự phục sinh của Ngài trong Cựu Ước (IVua 17:17-23; IIVua 4:32-36; 13:20-21), và chính mình Ngài đã làm cho nhiều người được sống lại trong suốt chức vụ trên đất của Ngài (Mat 9:23-25, Lu 7:11-15, Gi 11:30-44). Prōtotokos không có nghĩa là **đầu nhất** theo trình tự thời gian, mà là đầu tiên trong sự ưu việt. Trong tất cả những người đã từng hoặc sẽ được phục sinh, Ngài là người đầu tiên. Đức Chúa Trời tuyên bố Đấng Mê-si trong Thi 89:27: **"Lại ta cũng sẽ làm người thành con trưởng nam ta, Vua cao hơn hết các vua trên đất"**. Sách Khải huyền ghi lại việc mở ra lời hứa đó.

Tước hiệu thứ ba, **làm Chúa của các vua trong thế gian!**, mô tả Đấng Christ như tể trị tuyệt đối trên mọi vụ việc của thế gian này, Ngài đang nắm giữ công việc của tước hiệu đó (đối chiếu 5:1...). Đức Chúa Jêsus Christ là Vua tể trị trái đất được dạy dỗ được lập đi lập lại nhiều lần trong Kinh Thánh (thí dụ: 19:16, Thi 2:6-8, Gie 23:5; Xa 9:9; Mat 2:2; 21:5, Lu 19:38; 23:3, Gi 1:49). Ngài là Chúa Tể, có một danh "trên hết mọi danh" (Phi 2:9-11), là Đấng, theo chương trình của Đức Chúa Cha và công việc của Đức Thánh Linh, ưng ban cho những người tin Chúa ơn phước hoàng gia của Ngài về ân điển và sự bình an.

BÀI CA TÁN DƯƠNG

Đấng yêu thương chúng ta, đã lấy huyết mình rửa sạch tội lỗi chúng ta, và làm cho chúng ta nên nước Ngài, nên thầy tế lễ của Đức Chúa Trời là Cha Ngài, đáng được sự vinh hiển và quyền năng đời đời vô cùng! A-men. (Kh 1:6)

Công việc của Đấng Christ vì ích của người tin Chúa đã khiến cho Giảng phải phát ra trong một bài ca tụng được cảm thức ngợi khen Ngài. Trong hiện tại, Đấng Christ yêu thương người tin Chúa với tình yêu không phai (Ro 8:35-39). Sự tỏ ra long trọng nhất về tình yêu đó đã đến khi Ngài **lấy huyết mình rửa sạch tội lỗi chúng ta** — một tham khảo đến sự chuộc tội được cung ứng cho bởi cái chết hy sinh của Ngài trên thập tự vì ích cho chúng ta.

Đây là trọng tâm của Tin lành. Hạng tội nhân được Đức Chúa Trời tha thứ, được giải phóng ra khỏi tội lỗi, sự chết và địa ngục bởi sự hy sinh của Đức Chúa Jêsus Christ trên thập tự giá. Đức Chúa Trời đã lập Ngài làm sự thay thế cho chúng ta, giết Ngài vì tội lỗi của chúng ta, hầu cho án phạt đã được trả giá đủ cả thay cho chúng ta. Sự công bình của Đức Chúa Trời đã được thỏa mãn và Đức Chúa Trời khi ấy ban sự công bình cho hạng tội nhân ăn năn mà vì họ Đấng Christ đã chịu chết thay cho.

Tình yêu của Đấng Christ cũng khiến Ngài làm cho chúng ta **nên nước Ngài** (chứ không phải vương quốc thiên hi niên, mà là phạm vi của sự tể trị của Đức Chúa Trời mà những người tin Chúa bước vào khi được cứu, đối chiếu Co 1:13), trong đó chúng ta thưởng thức luật yêu thương, giàu ơn và sự bảo hộ tể trị toàn năng của Ngài. Sau cùng, Ngài đã làm cho chúng ta nên **thầy tế lễ của Đức Chúa Trời là Cha của Ngài**, ban cho chúng ta đặc ân trực tiếp đến gần với Đức Chúa Cha (đối chiếu IPhi 2:9-10).

Giăng kết luận bài tụng ca của ông với phản ứng đúng đắn duy nhất trong ánh sáng trọng đại các ơn phước mà Đấng Christ đã ban cho những người tin Chúa: **đáng được sự vinh hiển và quyền năng đời đời vô cùng! A-men.** Đây là phản ứng của hết thảy những ai đã đọc quyển sách kỳ diệu này, sự vinh hiển và quyền thống trị được trình bày trong đó.

Xem Trước Lần Đến Thứ Hai

(Kh 1:7-8)

2

“Kìa, Ngài đến giữa những đám mây, mọi mắt sẽ trông thấy, cả đến những kẻ đã đâm Ngài cùng trông thấy; hết thảy các chi họ trong thế gian sẽ than khóc vì cố Ngài. Quả thật vậy. A-men! Chúa là Đức Chúa Trời, Đấng Hiện Có, Đã Có, Và Còn Đến, là Đấng Toàn năng, phán rằng: Ta là An-pha và Ô-mê-ga” (Kh 1:7-8)

Sách Khải Huyền là câu chuyện hành động sau cùng. Bất cứ ai yêu loại sách đầy phiêu lưu và hào hứng chắc chắn sẽ yêu quyển sách này. Sự Mặc Thi đáng kinh ngạc đầy kịch tính, hồi hộp, bí ẩn, tình cảm và kinh khiếp. Quyển sách thuật lại sự bội đạo bởi Hội thánh. Nó nói tới sự sụp đổ kinh tế không lường được, và cuộc chiến tranh cuối cùng trong lịch sử nhân loại — cuộc chiến thực sự sẽ kết thúc tất cả các cuộc chiến. Nó mô tả các thảm họa thiên nhiên với cường độ sánh với Nạn Lụt trong thời của Nô-ê, khi Đức Chúa Trời đổ cơn thịnh nộ của Ngài giáng trên đất bị rửa sạch bởi tội lỗi. Nó nói tới những mưu đồ chính trị sẽ dẫn tới sự dấy lên của một nhà độc tài ác độc và đầy quyền lực nhất mà thế giới từng biết đến. Cuối cùng, và đáng kinh hãi nhất trong mọi sự, nó mô tả sự phán xét sau cùng và sự kết án mọi sự loạn nghịch, dù là thiên sứ và con người, đến hình khổ đời đời trong địa ngục. Sách Khải Huyền hơn đó là một quyển sách đầy kịch tính đáng kinh ngạc, hãi hùng và thống thiết. Tuy nhiên, rất lạ lùng vì nó cũng là một quyển sách hy vọng và vui mừng với phần kết có hậu, khi tội lỗi, buồn rầu, và sự chết bị trục xuất cho đến đời đời (21:4; 22:3).

Cần phải có thời gian để tán thâm kịch mở ra, vì vậy, giống như bất kỳ tác giả nào khác, Giảng sẽ cung ứng cho độc giả của ông xem trước những gì sẽ xảy ra sau đó trong quyển sách. Bằng cách làm như vậy, ông tỏ ra chủ đề của sách Khải huyền: Đó là một quyển sách nói tới lần đến thứ hai của Đức Chúa Jêsu Christ. Ở các câu 7 và 8, Giảng trình bày 5 lẽ thật về lần đến thứ hai của Ngài: sự cấp thiết, sự vinh hiển, phạm trù, phản ứng và tính chắc chắn.

SỰ CẤP THIẾT CỦA LẦN ĐẾN THỨ HAI

Kìa, Ngài đến (Kh 1:7a)

Sau lời giới thiệu và lời chào (các câu 1-6), câu 7 bắt đầu lời tiên tri cả thể nhất trong sách Khải Huyền. Tiếng kêu lớn idou (**kìa**) là lời kêu gọi buộc phải chú ý. Nó được dự trù khiến cho lý trí phải nhắm vào và tấm lòng phải xem xét những gì nói theo sau. Đây là lần đầu tiên trong số 25 lần sử dụng từ ấy trong sách Khải huyền — một quyển sách đầy những lẽ thật đáng giật mình đòi hỏi sự chú ý cẩn thận. Phải, việc đầu tiên mà Giảng kêu gọi phải chú ý đến là lẽ thật đầy vinh hiển cho rằng Ngài [Đức Chúa Jêsu] **đang đến**. Thi hiện tại của erchomai (**đang đến**) chỉ ra rằng Đấng Christ đã trên đường đến rồi, và vì thế sự đến của Ngài là chắc chắn. Thi hiện tại cũng nhấn mạnh sự nhất định của việc đến của Ngài (đối chiếu phần thảo luận về sự nhất định trong chương một của tập sách này).

"Đấng hầu đến (hoặc được trông mong)" là tước hiệu dành cho Đấng Mê-si. Giảng Báp-tít: "ở trong ngục nghe nói về các công việc của Đấng Christ, thì sai môn đồ mình đến thưa cùng Ngài rằng: Thầy có phải là Đấng phải đến (từ erchomai), hay là chúng tôi còn phải đợi Đấng khác chăng?" Mat 11:2-3, (đối chiếu Lu 7:19-20, Gi 3:31; 6:14; 11:27). Erchomai được sử dụng chín lần trong sách Khải Huyền đề cập đến Đức Chúa Jêsu Christ; bảy lần bởi Chúa chúng ta khi nói đến chính mình Ngài. Vì vậy, lẽ đạo của sách Khải huyền là Đấng hầu đến, là Đức Chúa Jêsu Christ.

Mặc dù những kẻ nhạo báng đã chối bỏ lần đến Thứ Hai (II Phi 3:3-4), Kinh thánh nhiều lần khẳng định rằng Chúa Giêsu sẽ tái lâm. Lễ thật ấy xuất hiện trong hơn năm trăm câu xuyên suốt Kinh thánh. Người ta ước tính rằng cứ mỗi hai mươi lăm câu trong Tân ước thì có một câu đề cập đến lần đến thứ hai. Chúa Giêsu đã lặp đi lặp lại sự tái lâm của Ngài (thí dụ Mat 16:27; 24-25; 26:64; Mac 8:38; Lu 9:26) và cảnh cáo những người tin Chúa phải sẵn sàng cho việc đó (thí dụ Mat 24:42, 44; 25:13; Lu 12:40; 21:34-36). Sự tái lâm của Đức Chúa Giêsu Christ trên đất này là một lễ đạo trung tâm trong Kinh Thánh.

Ngoài những lời tiên tri hiển nhiên nói tới lần đến Lần Đến Thứ Hai, có một vài lý do rất thuyết phục cho thấy tại sao Đấng Christ phải tái lâm.

Thứ nhất, các lời hứa của Đức Chúa Trời đòi hỏi Chúa Giêsu phải tái lâm. Sa 49:10, lời tiên tri đầu tiên nói tới sự cai trị của Đấng Mê-si như sau: "Cây phủ việt chẳng hề dời khỏi Giu-đa, kẻ lập pháp không dứt khỏi giữa chân nó, cho đến chừng Đấng Si-lô hiện tới, và các dân vâng phục Đấng đó". Thi 2:6-9 tuyên bố:

"Dầu vậy, ta đã lập Vua ta Trên Si-ôn là núi thánh ta. Ta sẽ giảng ra mạng lệnh: Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: Người là Con ta; Ngày nay ta đã sanh Người. Hãy cầu ta, ta sẽ ban cho Con các ngoại bang làm cơ nghiệp, Và các đầu cùng đất làm của cải. Con sẽ dùng cây gậy sắt mà đập bể chúng nó; Con sẽ làm vỡ nát chúng nó khác nào bình gốm".

Êsai cũng tiên đoán sự trị vì của Đấng Mê-si:

"Vì có một con trẻ sanh cho chúng ta, tức là một con trai ban cho chúng ta; quyền cai trị sẽ nẩy trên vai Ngài. Ngài sẽ được xưng là Đấng Lạ lùng, là Đấng Mưu luận, là Đức Chúa Trời Quyền năng, là Cha Đồi dào, là Chúa Bình an. Quyền cai trị và sự bình an của Ngài cứ thêm mãi không thôi, ở trên ngôi Đa-vít và trên nước Ngài, đặng làm cho nước bền vững, và lập lên trong sự chánh trực công bình, từ nay cho đến đời đời. Thật, lòng sốt sắng của Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ làm nên sự ấy!" (Es 9:5-7)

Giêrêmi đã nhìn thấy trước tình trạng phước hạnh tương lai của Israel ở dưới sự trị vì của Đấng Mê-si:

"Đức Giê-hô-va phán: Này, những ngày đến, bấy giờ ta sẽ đẩy lên cho Đa-vít một Nhánh công bình. Ngài sẽ cai trị làm vua, lấy cách khôn ngoan mà ăn ở, làm sự chánh trực công bình trong đất. Đấng đòi vương đó, Giu-đa sẽ được cứu; Y-sơ-ra-ên sẽ ở yên ổn, và người ta sẽ xưng danh Đấng ấy là: Đức Giê-hô-va sự công bình chúng ta!

Đức Giê-hô-va phán: Vậy nên những ngày đến, bấy giờ người ta sẽ chẳng còn nói rằng: Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống, tức là Đấng đã đem con cái Y-sơ-ra-ên lên khỏi đất Ê-díp-tô. Nhưng nói rằng: Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống, tức là Đấng đã đem lên và dặt dòng dõi nhà Y-sơ-ra-ên về từ phương bắc, từ các nước mà ta đã đuổi họ đến. Chúng nó sẽ ở trong đất mình". (Gie 23:5-8)

Những tiên đoán đó và nhiều tiên đoán khác nói tới sự trị vì thể gian của Đấng Mê-si (thí dụ Da 7:13-14, 18; Xa 14:4-9, Ma 4:1-4) chưa được ứng nghiệm trong lần đến thứ nhất của Đấng Christ. Vì vậy, Ngài phải đến một lần nữa để làm ứng nghiệm chúng, một khi "Đức Chúa Trời chẳng phải là người để nói dối, Cũng chẳng phải là con loài người đặng hối cải. Điều Ngài đã nói, Ngài há sẽ chẳng làm ư? Điều Ngài đã phán, Ngài há sẽ chẳng làm ứng nghiệm sao?" (Dan 23:19).

Thứ hai, lời hứa của Chúa Giêsu đòi hỏi sự tái lâm của Ngài. Như đã nói ở trên, Chúa Giêsu đã nhiều lần tiên đoán rằng Ngài sẽ tái lâm (đối chiếu Kh 2:16; 3:11; 22:7, 12, 20). Gi 14:2-3 cung ứng một lý do quan trọng cho sự tái lâm của Ngài: "Trong nhà Cha ta có nhiều chỗ ở; bằng chẳng vậy, ta đã nói cho các ngươi rồi. Ta đi sắm sẵn cho các ngươi một chỗ. Khi ta đã đi, và đã sắm sẵn cho các ngươi một chỗ rồi, ta sẽ trở lại đem các ngươi đi với ta, hầu cho ta ở đâu thì các ngươi cũng ở đó". Trong một thí dụ (Lu 19:11-27), Chúa Giêsu phác họa chính mình Ngài là một vị thế tử, một ngày kia Ngài sẽ trở lại với tài sản của Ngài và tiêu diệt những kẻ đã chối bỏ sự cai trị của Ngài. Lời hứa của Chúa Giêsu — cả hai: ban thưởng cho những ai tin theo Ngài và phán xét những kẻ chối bỏ Ngài — đòi hỏi sự tái lâm của Ngài.

Thứ ba, sự bảo đảm của Đức Thánh Linh buộc rằng Chúa Jêsus phải tái lâm. Đức Thánh Linh là "Thần Lẽ Thật" (Gi 15:26; 16:13), Ngài sẽ "dạy dỗ các người [những trước giả Tân Ước đã được cảm thúc] mọi sự, nhắc lại cho các người nhớ mọi điều ta đã phán cùng các người" (Gi 14:26). Do đó, mỗi lời hứa trong Tân Ước về Lần Đến Thứ Hai (đối chiếu, thêm vào với những chỗ đã nhắc tới rồi, ICo 1:4-8; Phi 3:20-21; Co 3:4; ITe 2:19, Gia 5:8, IPhi 1:13; IGi 3:2; v.v...) là lời hứa đến từ Thần Lẽ Thật. Chúa Jêsus phải tái lâm vì tính xác thực của Ba Ngôi đang ở trong chỗ bị đe dọa.

Thứ tư, chương trình của Đức Chúa Trời cho Hội thánh đòi hỏi sự tái lâm của Chúa Jêsus. Trong Khải huyền 3:10 Chúa Jêsus đã hứa: "Vì người đã giữ lời nhện nhục ta, ta cũng sẽ giữ người khỏi giờ thử thách, là giờ sẽ đến trong khắp thế gian, đặng thử những người ở trên đất". Để giữ lời hứa đó, Ngài phải tái lâm vì Hội thánh của Ngài trước khi khởi sự "giờ thử thách". Biến cố đó, ai cũng biết là Sự Cát Lên của Hội thánh, là một khía cạnh trong lần đến lần thứ hai của Đấng Christ.

Sau sự Cát Lên, Đấng Christ sẽ ban thưởng cho Hội thánh của Ngài vì sự phục vụ trung tín của Hội thánh đối với Ngài (Ro 14:10; ICo 3:12-15; 4:5; IICo 5:10; Phi 1:6, 10; IITi 1:12, 18; 4:8, Kh 11:18). Thời điểm ban thưởng ấy buộc Đấng Christ phải tái lâm vì Hội thánh của Ngài.

Vào cuối thời kỳ bảy năm đại nạn, Hội thánh được vinh hiển, cô dâu của Đấng Christ (Kh 19:7-9; đối chiếu IICo 11:2; Eph 5:22-30) sẽ trở lại trong đắc thắng với Ngài (Kh 19:14; đối chiếu câu 8). Vào thời điểm đó, Hội thánh sẽ được bày ra trước thế giới vô tín, bày Hội thánh ra rõ ràng cho những ai thực sự thuộc về Đức Giê-hô-va (đối chiếu IITi 2:19).

Chương trình của Đức Chúa Trời dành cho Hội thánh — giải cứu Hội thánh ra khỏi những kinh khiếp của Con Đại Nạn, ban thưởng cho Hội thánh vì sự phục vụ trung tín và xác minh cho Hội thánh tôn cao trong vương quốc của Ngài trước mặt cả thế gian — đòi hỏi Đấng Christ phải tái lâm.

Thứ năm, chương trình của Đấng Christ cho các dân tộc vô tín đòi hỏi sự tái lâm của Ngài. Thi thiên 2 tiên đoán thời điểm Đấng Christ sẽ cai trị các nước, một việc chưa diễn ra trong lần đến thứ nhất của Ngài. Tương tự, Gio 3:1-2, 9-17 (đối chiếu Es 11:1-5, Mi 4:1-8, So 3:8; Mat 25:31-46) mô tả sự phán xét của Ngài đối với các dân tộc vô tín. Một khi chưa có sự phán xét nào diễn ra nơi lần đến thứ nhất của Đấng Christ, Ngài phải tái lâm để thực hiện công việc ấy.

Thứ sáu, chương trình của Đức Chúa Trời cho Israel đòi hỏi sự tái lâm của Đấng Christ. Kinh Thánh dạy rằng Đức Chúa Trời vẫn chưa xong việc với Israel, tuyển dân của Ngài. Mặc dù ông là Sứ đồ cho các dân Ngoại (Ro 11:13; IITi 2:7), tuy nhiên Phao-lô viết: "Đức Chúa Trời có bỏ dân Ngài chăng? Chẳng hề như vậy ... Đức Chúa Trời chẳng từng bỏ dân Ngài đã biết trước" (Ro 11:1-2). Khi phán qua tiên tri Giê-rê-mi, Đức Chúa Trời tuyên bố bằng các thuật ngữ mạnh nhất rằng Ngài sẽ không bao giờ bỏ Israel vĩnh viễn đâu:

"Đức Giê-hô-va, là Đấng đã ban mặt trời làm sự sáng ban ngày, ban thứ tự mặt trăng và ngôi sao soi ban đêm, lật biển lên, đến nổi sóng nó gầm thét, Đức Giê-hô-va vạn quân là danh của Ngài phán rằng: Nếu lệ luật đó mất đi khỏi trước mặt ta, thì bấy giờ dòng giống Y-sơ-ra-ên cũng sẽ thôi không làm một nước trước mặt ta đời đời, Đức Giê-hô-va phán vậy. Đức Giê-hô-va phán như vậy: Nếu trên có thể đo được trời, dưới có thể dò được nền đất; thì cũng vậy, ta sẽ bỏ trọn cả dòng giống Y-sơ-ra-ên vì có mọi điều chúng nó đã làm, Đức Giê-hô-va phán vậy" (Gie 31:35-37)

"Nhưng, này là lời Đức Giê-hô-va phán: Nếu giao ước của ta về ngày và đêm chẳng đứng, và nếu ta đã chẳng định luật phép cho trời và đất, thì cũng vậy, ta sẽ bỏ dòng dõi của Gia-cốp và dòng dõi của Đa-vít, tôi tớ ta, đến nỗi ta sẽ chẳng lấy trong vòng dòng dõi người những kẻ cai trị dòng dõi của Áp-ra-ham, của Y-sác, và của Gia-cốp. Vì ta sẽ đem những phu tù trở về, và thương xót chúng nó" (Gie 33:25-26).

Thêm vào sự tồn tại liên tục trong vai trò một quốc gia, Đức Chúa Trời đã hứa với Israel sự cứu rỗi, sự bình an, sự thịnh vượng, sự an ninh và một vương quốc (thí dụ Phu 4:30-31, Es 9:6-7; 11:11-12; 60:10-14; Gie 23:5-8; 30-33; 46:28; Exe 36-37; 40-48; Da 9:20-27; 12:1-3; Os 2: 14-23; 3:4-5; 14:4-7; Gio 3:18-21; Am 9:8-

15; Ap 17, 21; Mi 4:8; 7:14-20; So 3:14-20; Xa 13-14; Mat 19:28; Cong 1:6-7). Vì những lời hứa đó chưa được nhận ra nơi lần đến thứ nhất của Đấng Christ, Ngài phải tái lâm để làm cho chúng được ứng nghiệm.

Thứ bảy, sự nhục nhã của Đấng Christ đòi hỏi Ngài tái lâm. Nơi lần đến thứ nhất của Ngài, Ngài bị chối bỏ, bị căm thù, bị ngược đãi và bị hành quyết như một tên tội phạm. Nhưng đây chẳng phải là cách câu chuyện kết thúc. Một ngày kia, "nghe đến danh Đức Chúa Jêsus, mọi đầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất, thấy đều quì xuống, và mọi lưỡi thấy đều xưng Jêsus Christ là Chúa, mà tôn vinh Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha" (Phi 2:10-11). Trong cuộc xét xử nhục nhã của Ngài "Thầy cả thượng phẩm lại nói với Ngài rằng: Ta khiến người chỉ Đức Chúa Trời hằng sống mà thề, hãy nói cho chúng ta, người có phải là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời chăng? Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Thật như lời; và lại, ta nói cùng các người, về sau các người sẽ thấy Con người ngồi bên hữu quyền phép Đức Chúa Trời, và ngự trên mây từ trời mà xuống" (Mat 26:63-64). Không thể tưởng tượng được rằng cái nhìn cuối cùng thế gian sẽ có về Con Đức Chúa Trời là cái chết của một tội phạm bị đổ huyết ra, hấp hối, bị đóng đinh trên thập tự giá. Đức Chúa Jêsus Christ phải tái lâm để bày tỏ ra sự vinh hiển của Ngài.

Thứ tám, sự phán xét Satan đòi hỏi Đấng Christ phải tái lâm. Satan là nhân vật cai trị tạm thời của thế gian này (Gi 12:31; 14:30; 16:11), "chúa đời này" (II Co 4:4), hấn sử dụng quyền lực sự chết để buộc con người làm nô lệ (He 2:14-15). Nhưng Chúa Jêsus, là Đấng cai trị chính đáng (Kh 5:1...), sẽ tái lâm để tiêu diệt hấn (một tiến trình đã bắt đầu với lần đến thứ nhất của Ngài; Ro 16:20; I Gi 3:8) và đòi lại mọi sự thực ra là thuộc về Ngài.

Thứ chín, sự trông mong của những người tin Chúa đòi hỏi Đấng Christ phải tái lâm. Phaolô viết cho người thành Cô-rinh-tô: "Nếu chúng ta chỉ có sự trông cậy trong Đấng Christ về đời này mà thôi, thì trong cả mọi người, chúng ta là kẻ khốn nạn hơn hết" (I Co 15:19). Những người tin Chúa là những người liên tục "chờ đợi sự trông cậy hạnh phúc của chúng ta, và sự hiện ra của sự vinh hiển Đức Chúa Trời lớn và Cứu Chúa chúng ta, là Đức Chúa Jêsus Christ" (Tit 2:13); những "kẻ yêu mến sự hiện đến của Ngài" (II Ti 4:8). Sự trông cậy một ngày nào đó Đấng Christ sẽ tái lâm rồi đưa những người tin Chúa vào Thiên Đàng để sống đời đời trong sự hiện diện của Ngài cung ứng hy vọng và niềm yên ủi (Gi 14:1-3; I Te 4:18).

SỰ VINH HIỂN CỦA LẦN ĐẾN THỨ HAI

giữa những đám mây (Kh 1:7b)

Mây trong Kinh Thánh thường làm biểu tượng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Một đám mây được sử dụng như một sự tỏ ra thấy được bằng mắt thường sự hiện diện của Đức Chúa Trời với Y-sơ-ra-ên trong lần phiêu bạt trong đồng vắng (Xu 3:21-22; 16:10; Dan 10:34). Khi ban ra luật pháp tại Núi Sinai: "đám mây trên núi làm biểu tượng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời" (Xu 19:16; đối chiếu 20:21; 24:15-18). Khi Đức Giê-hô-va giao tiếp với Môi-se tại hội mạc (đền tạm), "trụ mây giáng xuống dừng tại cửa Trại, và Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se" (Xu 33:9; đối chiếu 34:5). Cả hai: đền tạm (Xu 40:34-38) và đền thờ (IVua 8:10-12) được đầy đầy với đám mây tiêu biểu cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời khi họ cung hiến. Chúa Jêsus lên trời trên một đám mây (Cong 1:9); các tín đồ sẽ lên trời với những đám mây nơi Sự Cát Lên (ITe 4:17), và như câu gốc chỉ ra, Đấng Christ sẽ trở lại trên những **đám mây** (đối chiếu Da 7:13; Mat 24:30).

Những **đám mây** phác họa Chúa Jêsus giáng xuống từ trời. Còn quan trọng hơn, chúng tiêu biểu cho sự sáng láng rực rỡ kèm theo với sự hiện diện của Đức Chúa Trời — sự sáng mạnh đến mức không một ai có thể nhìn vào đó mà còn sống (Xuất Êdíp-tô ký 33:20). Sự xuất hiện rực rỡ đầy vinh hiển của Đức Chúa Jêsus Christ: "là sự chói sáng của sự vinh hiển Đức Chúa Trời và hình bóng của bản thể Ngài" (He 1:3), và sự chói lói kém hơn của vô số thiên sứ và người được chuộc, họ đi kèm theo Ngài, thấy sẽ là một đám rước không thể mô tả và rất đáng sợ.

PHẠM VI CỦA LẦN ĐẾN THỨ HAI

mọi mắt sẽ trông thấy, cả đến những kẻ đã đâm Ngài cùng trông thấy; hết thấy các chi họ trong thế gian sẽ than khóc vì có Ngài. (Kh 1:7c)

Trong khi hoá thân thành nhục thể, sự vinh hiển của Đấng Christ bị giấu đi. Chỉ có Phierơ, Gia-cơ và Giăng có cái nhìn thoáng qua sự vinh hiển ấy tại trên núi Chúa hoá hình. Song nơi lần đến thứ hai của Ngài, **mọi mắt sẽ trông thấy Ngài**; sự vinh hiển của Ngài sẽ ra rõ ràng đối với toàn thể dòng giống con người.

Giăng phân chia những ai sẽ nhìn thấy Lần Đến Thứ Hai thành hai nhóm. **Những kẻ đã đâm Ngài** không đề cập đến binh lính La-mã tham gia vào việc đóng đinh Đấng Christ trên cây thập tự, mà đề cập đến những người Do-thái vô tín họ đã đưa Ngài đến chỗ chết. Tại Xachari 12:10 Đức Chúa Trời phán: "Ta sẽ đổ thần của ơn phước và của sự nài xin ra trên nhà Đa-vít, và trên dân cư Giê-ru-sa-lem; chúng nó sẽ nhìn xem ta là Đấng chúng nó đã đâm; và chúng nó sẽ thương khóc, như là thương khóc con trai một, sẽ ở trong sự cay đắng, như khi người ta ở trong sự cay đắng vì có con đầu lòng". Phierơ khẳng định rằng dân Do-thái phải chịu trách nhiệm về sự hành quyết Đấng Christ, dạn dĩ công bố:

"Hỡi người Y-sơ-ra-ên, hãy nghe lời này: Đức Chúa Jê-sus ở Na-xa-rét, tức là Người mà Đức Chúa Trời đã dùng làm việc quyền phép, sự lạ và dấu lạ ở giữa các người, để làm chứng cho Người trong vòng các người, như chính các người đều biết. Người đó bị nộp theo ý định trước và sự biết trước của Đức Chúa Trời, các người đã mượn tay độc ác mà đóng đinh Người trên thập tự giá và giết đi" (Cong 2:22-23; đối chiếu 3:14-15).

Sự than khóc của Y-sơ-ra-ên, được ghi nhận trong Xa 12:10, sẽ trở thành sự ăn năn chân thật của loài người. Nhiều người Do-thái sẽ được cứu trong Kỳ Đại Nạn, cả 144.000 người cùng những người trở lại đạo nữa. Nhưng đối với nhiều người khác, Lần Đến Thứ Hai sẽ là thời điểm cho họ được cứu. Trong ngày đó: "sẽ có một suối mở ra cho nhà Đa-vít và dân cư Giê-ru-sa-lem, vì tội lỗi và sự ô uế" (Xa 13:1).

Giăng mô tả nhóm thứ hai là **hết thấy các chi họ trên thế gian**, một tham khảo đến các dân ngoại bang vô tín. Giống như dân Do-thái, họ cũng sẽ than khóc vì có Đấng Christ. Một số người trong sự khóc than ấy có thể liên quan đến sự ăn năn của những người đã được cứu vào thời điểm đó (7:9-10, 14). Nhưng khác với dân Do-thái, sự than khóc của các dân Ngoại sẽ không kết quả từ sự ăn năn thật. Than khóc ra từ chữ *koptō*, sát nghĩa là "cắt". Từ ngữ này được gắn liền với khóc than thích ứng với cách thực hành của người theo tà giáo tự cắt mình khi trong lúc cực kỳ đau buồn hoặc tuyệt vọng. IVua 18:28 ghi lại rằng các tiên tri Ba-anh đâm hoảng, điếng hồn "lấy gươm giáo gạch vào mình cho đến chừng máu chảy ra" trong một nỗ lực tuyệt vọng muốn lôi kéo sự chú ý của các thần linh. Dân Israel bị nghiêm cấm không được tham gia vào các nghi thức ngoại giáo như thế (Le 9:28; Phu 14:1).

Sự than khóc của các dân Ngoại, phần lớn bị giục giã bởi sự kinh khiếp, chứ không phải bởi sự ăn năn. Họ sẽ than khóc không phải cho Đấng Christ mà họ đã chối bỏ, mà là do số phận của họ. Họ sẽ "không ăn năn những tội giết người, tà thuật, gian dâm, trộm cướp của mình nữa" (9:21).

PHẢN ỨNG TRƯỚC LẦN ĐẾN THỨ HAI

Quả thật vậy. A-men! (Kh 1:7d)

Sau khi đưa ra phản ứng của cả người tin và người không tin đến lần đến thứ hai của Đấng Christ, Giăng đã xen vào chính phản ứng của ông. Sử dụng lời lẽ khẳng định mạnh mẽ nhất bằng tiếng Hy-lạp (*nai, quả thật vậy*) và Hêborơ (*a-men*), Giăng nài xin Đức Chúa Jê-sus Christ hãy tái lâm.

TÍNH CHẮC CHẴN CỦA LẦN ĐẾN THỨ HAI

“Chúa là Đức Chúa Trời, Đấng Hiện Có, Đã Có, Và Còn Đến, là Đấng Toàn năng, phán rằng: Ta là An-pha và Ô-mê-ga” (Kh 1:8)

Trong câu này, **Đức Chúa Trời** đặt dấu ấn của Ngài trên lời tiên tri nói tới Lần Đến Thứ Hai được ghi lại trong câu trước. Ba trong các thuộc tính thuộc linh của Ngài bảo đảm tính chắc chắn của lời hứa về sự tái lâm của Đấng Christ.

An-pha và Ô-mê-ga nhấn mạnh đến sự toàn tri của Đức Chúa Trời. **An-pha** là chữ cái đầu tiên trong mẫu tự Hy Lạp, và **Ô-mê-ga** là chữ cái cuối cùng. Mọi tri thức được chuyển tải thông qua các chữ cái trong bảng mẫu tự; do đó việc Đức Chúa Trời nói tới Ngài là **An-pha và Ô-mê-ga** khẳng định rằng Ngài có hết thảy tri thức. Vì lẽ đó, Ngài biết rõ tính chắc chắn về lời hứa này.

Là **Đấng Hiện Có, Đã Có, Và Còn Đến**, sự hiện diện đời đời của Đức Chúa Trời không bị hạn chế bởi thời gian hay không gian hoặc bất kỳ đặc điểm hoặc biến cố nào trong chúng. Không có sự ngẫu nhiên khả thi nào mà Ngài không biết về Lần Đến Thứ Hai. Vì vậy, lời hứa của Ngài rằng Đức Chúa Jêsu Christ sẽ tái lâm để giải quyết vấn đề.

Việc nhắc tới Đức Chúa Trời là Đấng Toàn Năng (các câu 4:8; 11:17; 15:3; 16:7, 14; 19:6, 15; 21:22) khẳng định tính toàn năng của Ngài. Một khi Ngài là Đấng Toàn Năng, không gì có thể ngăn trở Ngài thực hiện ý muốn của Ngài. Không có ai hoặc không có việc gì có thể ngăn trở Đấng Christ không tái lâm với sự vinh hiển như đã được mô tả ở câu 7.

Chúa Jêsu đã đến lần thứ nhứt trong sự sỉ nhục; Ngài sẽ tái lâm với sự cao trọng. Ngài đã đến lần đầu tiên để chịu giết; Ngài sẽ tái lâm để giết kẻ thù của Ngài. Ngài đã đến lần thứ nhứt để phục vụ; Ngài sẽ tái lâm để được phục vụ. Ngài đã đến lần thứ nhứt trong vai trò người tội lỗi phải chịu khổ; Ngài sẽ tái lâm trong vai trò một vị vua chinh phục. Sự thách thức mà sách Khải huyền đưa ra cho từng người là phải sẵn sàng chào đón Ngài trở lại.

John Phillips viết:

Một trong những trang gây xúc động nhất trong lịch sử Anh quốc kể về những cuộc chinh phục và cuộc thất bại của Richard I, một nhân vật dũng cảm. Trong khi Richard đang quật ngã Saladin, vương quốc của ông rơi vào những thời điểm xấu. John, vị anh hùng và đảm lược của ông, đã cướp đi tất cả các đặc quyền của nhà vua và đã cai trị ngược ngạo lãnh vực này. Người dân Anh đã chịu đựng, khao khát sự trở lại của nhà vua, và cầu xin cho việc ấy mau tới. Thế rồi một ngày kia Richard đến. Ông đã hạ cánh ở Anh quốc rồi đi thẳng lên ngôi vị của mình. Sự rực rỡ đến xung quanh đó, nhiều câu chuyện được kể, được đan dệt thành các huyền thoại của nước Anh. (Một trong số đó là câu chuyện về nói tới Robin Hood). Các toà lâu đài của John bị sụp xuống như các thứ đồ chơi. Great Richard đã tuyên bố sự lên ngôi, và không ai dám đứng trên con đường của họ. Dân chúng hét lên niềm vui thích của họ. Họ đã gọi hết cuộc này đến cuộc gọi khác sau khi nghe tiếng chuông. Sư Tử đã trở lại! Nhà vua vạn tuế!

Một ngày kia, một vị Vua cao trọng hơn Richard sẽ đòi hỏi một vương quốc lớn hơn nước Anh. Người nào đã lợi dụng đất khi ông vắng mặt, nắm giữ lãnh địa của Ngài, và quản trị thế gian sai trái sẽ bị quét sạch sang một bên. (Exploring Revelation, rev. ed [Chicago: Moody, 1987, reprint, Neptune, N.J.: Loizeaux, 1991], 22-23)

Chỉ có những ai **“yêu mến sự hiện ra của Ngài”** (IITi 4:8), họ yêu mến Ngài và công nhận Ngài là vì Vua hợp pháp, sẽ thưởng thức mọi phước hạnh của Vương quốc Ngài.

Sự Mặc Thi Về Đức Chúa Con Vinh Hiển (Kh 1:9-20)

3

“Tôi là Giăng, là anh em và bạn của các anh em về hoạn nạn, về nước, về sự nhịn nhục trong Đức Chúa Jêsus, tôi đã ở trong đảo gọi là Bát-mô, vì có lời Đức Chúa Trời và chứng của Đức Chúa Jêsus. Nhằm ngày của Chúa, tôi được Đức Thánh Linh cảm hóa, nghe đằng sau có tiếng kêu vang, như tiếng loa, rằng: Điều người thấy, hãy chép vào một quyển sách mà gởi cho bảy Hội Thánh tại Ê-phê-sô, Si-mi-ê-nơ, Bết-gâm, Thi-a-ti-rơ, Sạt-đe, Phi-la-đen-phi và Lao-di-xê. Bấy giờ tôi xây lại đặng xem tiếng nói với tôi đó là gì; vừa xây lại thấy bảy chân đèn bằng vàng, và ở giữa những chân đèn có ai giống như con người, mặc áo dài, thắt đai vàng ngang trên ngực. Đầu và tóc người trắng như lông chiên trắng, như tuyết; mắt như ngọn lửa; chân như đồng sáng đã luyện trong lò lửa, và tiếng như tiếng nước lớn. Tay hữu người cầm bảy ngôi sao; miệng thò ra thanh gươm nhọn hai lưỡi và mặt như mặt trời khi soi sáng hết sức. Vừa thấy người, tôi ngã xuống chân người như chết; nhưng người đặt tay hữu lên trên tôi, mà rằng: Đừng sợ chi, ta là Đấng trước hết và là Đấng sau cùng, là Đấng Sống, ta đã chết, kìa nay ta sống đời đời, cầm chìa khóa của sự chết và âm phủ. Vậy hãy chép lấy những sự người đã thấy, những việc nay hiện có và những việc sau sẽ đến, tức là sự mầu nhiệm của bảy ngôi sao mà người thấy trong tay hữu ta, và của bảy chân đèn vàng. Bảy ngôi sao là các thiên sứ của bảy Hội thánh, còn bảy chân đèn là bảy Hội thánh vậy” (Kh 1:9-20).

Gần lúc kết thúc thế kỷ thứ nhất, Cơ đốc giáo đã trở thành một đảng phái tôn giáo bị thù ghét và xem khinh trong Đế Quốc La-mã. Viết cho Hoàng đế Trajan vào đầu thế kỷ thứ hai, Pliny, thống đốc La-mã xứ Bithynia, khi đề Cơ đốc giáo là một "thứ dị đoan và mê tín". Pliny tiếp tục phàn nàn rằng "sự lây lan của thứ mê tín dị đoan này đã trải rộng không những trong các thành phố, mà còn ở nhiều làng mạc cùng những khu vực nông thôn nữa" (trích dẫn Henry Bettenson, Documents of the Christian Church [London: Oxford University Press, 1967], 4). Sử gia La-mã là Tacitus, một người đương thời với Pliny, mô tả các Cơ đốc nhân là "một giai cấp bị thù ghét vì những sự gớm ghiếc của họ" (trích dẫn Bettenson, Documents, 2), trong khi Suetonius, một người đương thời khác với Pliny, đã bác bỏ họ như là "một nhóm người trung thành triệt để với một thứ tiểu thuyết và tệ nạn nguy hiểm" (trích Bettenson, Documents, 2).

Ngoài sự thù địch tự nhiên của hạng người sa ngã đối với lẽ thật của Tin lành, Cơ đốc nhân còn bị thù ghét vì một vài lý do khác nữa. Về mặt chính trị, người La-mã xem họ như bất trung vì họ từ chối không công nhận Caesar là thẩm quyền tối cao. Sự bất trung này đã được khẳng định trong con mắt các giới chức La-mã do Cơ đốc nhân từ chối không dâng các lễ vật có tính bắt buộc cho Hoàng đế. Nhiều lần nhóm lại của họ đã được tổ chức riêng lúc ban đêm, khiến các giới chức La-mã tố cáo họ đang hoạch định âm mưu chống chính quyền.

Về tôn giáo, Cơ đốc nhân đã bị tố cáo là hạng người vô thần vì họ chối bỏ đền thờ các thần linh của người La-mã và vì họ đã thờ lạy một Đức Chúa Trời không thấy được bằng mắt thường, chứ không thờ lạy một hình tượng. Nhiều sự đồn đãi hoang đường, dựa trên những sự hiểu lầm về các tín điều và thực hành Cơ đốc, họ bị tố cáo một cách dối trá về hình thức ăn thịt đồng loại, loạn luân và những ảo giác tình dục khác.

Về mặt xã hội, Cơ đốc nhân, đa số họ đều là những người xuất thân từ giai cấp thấp kém hơn trong xã hội (đối chiếu ICo 1:26), bị chế độ quý tộc La-mã xem khinh. Sự dạy Cơ đốc cho thấy rằng mọi người

đều bình đẳng (Ga 3:28; Co 3:11) đã đe dọa làm suy yếu cấu trúc phân cấp trong xã hội La-mã và lật đổ tầng lớp ưu tú khỏi địa vị đặc quyền của họ. Nó cũng làm tăng nỗi sợ hãi của giới quý tộc La-mã về một cuộc nổi loạn của hạng nô lệ. Cơ đốc nhân không công khai chống đối chế độ nô lệ, song họ nghĩ là họ đã làm suy yếu chế độ ấy bởi sự dạy cho rằng giới chủ nhân và hạng nô lệ đều bình đẳng trong Đấng Christ (Phi-lê-môn). Sau cùng, Cơ đốc nhân từ chối không tham gia vào các hoạt động giải trí theo đời này, vì phần lớn là một phần của xã hội ngoại giáo, tránh các lễ hội, nhà hát, và các sự kiện dị giáo khác.

Về mặt kinh tế, Cơ đốc nhân bị xem là một mối đe dọa bởi giới tế lễ, thợ thủ công, và các thương gia, họ hưởng lợi từ sự thờ lạy hình thần tượng. Sự thù địch là hậu quả, đầu tiên được nhìn thấy trong cuộc bạo loạn tại thành Êphê-sô (Cong 19:23 ...), được đào sâu hơn khi Cơ đốc giáo trở nên phổ biến rộng rãi hơn. Trong thư gửi cho Hoàng đế Trajan được trích dẫn ở trên, Pliny phàn nàn rằng các chùa chiền dị giáo đã bị bỏ hoang, và những người bán thú vật làm sinh tế không tìm được nhiều người mua.

Trong kỷ nguyên mê tín dị đoan này, nhiều người La-mã e rằng các thảm họa trong thiên nhiên đã kết quả từ sự chèn ép đối với các tà thần. Nhà biện giải Cơ đốc là Tertullian, thuộc thế kỷ thứ ba nhận xét với sự châm biếm: "Nếu sông Tiber lên đưng các bức tường, nếu sông Nile không dậy lên phủ trên các đồng ruộng, nếu có nạn đói, nếu có dịch lệ, lúc ấy có tiếng kêu la: 'Cơ đốc nhân cho bấy sự tử!' Sao chứ, hết thảy họ cho một con sư tử sao?" (trích dẫn M. A. Smith, *From Christ To Constantine* [Downers Grove, Ill.: Intervarsity, 1973], 86).

Trong vài thập niên đầu sau cái chết của Đấng Christ, nhà cầm quyền La-mã coi Cơ đốc giáo là một tông phái của Do-thái giáo (đối chiếu Cong 18:12-16). Sau cùng, chính sự thù địch mà người Do-thái biểu lộ chống lại Cơ đốc nhân khiến người La-mã phải công nhận Cơ đốc giáo là một tôn giáo khác biệt với Do-thái giáo. Điều đó xác định Cơ đốc nhân là những người thờ phượng một tôn giáo bất hợp pháp (Do-thái giáo là *religio licita*, hay tôn giáo hợp pháp). Tuy nhiên, chẳng có một sự bắt bớ nào công khai bởi nhà cầm quyền La-mã cho đến thời của Nero. Nhằm tìm cách xoa dịu sự nghi ngờ của công chúng cho rằng ông đã gây ra đợt hỏa hoạn lớn ở Rome (ngày 19 tháng 7 năm 64), Nero đổ lỗi cho các Cơ đốc nhân về việc ấy. Kết quả là, nhiều Cơ đốc nhân đã bị hành quyết tại Rome (bao gồm, theo truyền khẩu, cả Phi-e-rơ và Phao-lô), nhưng vẫn chưa có cuộc bức hại khắp đế quốc. Ba thập kỷ sau đó, Hoàng đế Domitian đã xúi giục cuộc bức hại chính thức các Cơ đốc nhân. Các chi tiết chẳng có ai biết đến, nhưng cuộc bức hại lan rộng đến tận tỉnh Á châu (Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay). Sứ đồ Giăng đã bị trục xuất ra quần đảo Bát-mô, và ít nhất là một người, một vị mục sư, đã tuẫn đạo rồi (Kh 2:13). Các tín hữu bị bắt bớ, bị bao vây, bị ngã lòng ở Tiểu Á, Giăng đã đề cập đến họ trong sách Khải Huyền, họ rất cần sự khích lệ. Đã nhiều năm trôi qua kể từ khi Chúa Jê-sus thăng thiên về trời. Thành Jerusalem đã bị phá hủy và xứ Israel bị tàn phá. Hội thánh đã đánh mất tình yêu ban đầu của mình, họ thỏa hiệp, dung chịu tội lỗi, trở nên bất lực, và xúc phạm đến chính mình Chúa (điều này được mô tả trong Khải huyền 2 và 3). Các vị sứ đồ khác đã chết, và Giăng bị lưu đày. Toàn bộ bức tranh trông rất ảm đạm. Đó là lý do tại sao sự mặc thị đầu tiên Giăng nhận được từ Đức Thánh Linh cảm thúc nói tới chức vụ hiện tại của Đấng Christ trong Hội thánh.

Các độc giả của Giăng cảm thấy thoải mái trong sự hiểu biết rằng Đấng Christ một ngày nào đó sẽ tái lâm trong vinh hiển rồi đánh bại các kẻ thù của Ngài. Phần mô tả về các biến cố trọng đại này chiếm hầu hết sách Khải Huyền. Nhưng sự mặc thị của Đức Chúa Jê-sus Christ bắt đầu quyển sách không mô tả Chúa Jê-sus trong sự vinh hiển tương lai của Ngài, mà mô tả Ngài trong thì hiện tại là Chúa của Hội Thánh đã được tôn vinh hiển. Bất chấp mọi thất vọng, Chúa đã không từ bỏ Hội thánh hoặc các lời hứa của Ngài. Sự mặc thị đầy năng quyền này về chức vụ hiện tại của Đấng Christ đối với họ đã cung ứng sự trông cậy và yên ủi lớn lao cho các Hội thánh đang kinh ngạc và chịu khổ mà Giăng đã viết về họ. Các câu 9-20 cung ứng bối cảnh của sự mặc thị, mở ra chính sự mặc thị ấy, và nói tới mọi tác động của nó.

BỐI CẢNH MẶC THỊ

"Tôi là Giăng, là anh em và bạn của các anh em về hoạn nạn, về nước, về sự nhịn nhục trong Đức Chúa Jê-sus, tôi đã ở trong đảo gọi là Bát-mô, vì có lời Đức Chúa Trời và chứng của Đức Chúa Jê-sus. Nhằm ngày của Chúa, tôi được Đức Thánh Linh cảm hóa, nghe đằng sau có tiếng kêu vang, như

tiếng loa, rằng: Điều người thấy, hãy chép vào một quyển sách mà gửi cho bảy Hội Thánh tại Ê-phê-sô, Si-mi-ê-nô, Bê-t-gam, Thi-a-ti-rô, Sạt-de, Phi-la-đen-phi và Lao-đi-xê” (Kh 1:9-11).

Đây là lần thứ ba trong 9 câu đầu tiên của sách này mà **Giăng** đề cập đến bản thân ông đích danh (đối chiếu các câu 1, 4). Lần này, sự ngạc nhiên của ông khi nhận được sự mặc thị này khiến ông phải thêm một đại danh từ riêng **Tôi**. Giăng rất kinh ngạc về việc ấy, vì mặc dù ông hoàn toàn không xứng đáng, ông đã có đặc quyền vô giá nhận lãnh sự mặc thị quan trọng này.

Giăng là một vị sứ đồ, là một thành viên vòng trong mười hai người cùng với Phi-e-rơ và Gia-cơ, và là tác giả của một sách Tin lành và ba thư tín. Tuy nhiên, ông khiêm tốn tự các định mình một cách đơn sơ là **anh em** của anh em. Ông không viết như một người có ấn tượng với thẩm quyền của ông là một vị sứ đồ, ra lệnh, khích lệ hoặc vạch ra lẽ đạo, mà là một chứng nhân cho sự mặc thị của Đức Chúa Jê-sus Christ khi khởi sự mở ra với sự mặc thị này.

Giăng tiếp tục khiêm tốn xác định với độc giả của mình bằng cách mô tả bản thân ông là **bạn** của họ, chia sẻ với họ trước hết là trong sự **hoạn nạn**. Giống như họ, lúc đó Giăng đã ở trong thời điểm chịu khổ nghiệt ngã trầm trọng vì lý tưởng của Đấng Christ, đã bị lưu đầy với các tội phạm khác. Vì thế ông có thể xác định với các tín đồ chịu khổ mà ông đã viết cho họ. Giăng là một chi thể trong cùng một **nước** với các độc giả của ông — bầu không khí của sự cứu rỗi; cộng đồng được chuộc mà qua đó Chúa Jê-sus tể trị trong vai trò Chúa Tể và Vua (câu 6). Ông chia sẻ mối quan hệ họ hàng với họ như một đối tượng anh em của Đức Chúa Jê-sus Christ. Sau cùng, Giăng đã xác định với các độc giả của mình về vấn đề **sự nhịn nhục**. *Hupomonē* (**sự nhịn nhục**) sát nghĩa ý nói "vẫn ở dưới". Nó nói đến sự gánh chịu với sự nhịn nhục những khó khăn mà không nhượng bộ.

Giăng mô tả thêm các kinh nghiệm này như **trong Đức Chúa Jê-sus**. Sự bắt bớ đầy đau khổ vì lý tưởng của Đấng Christ, thuộc về vương quốc của Ngài, và nhịn nhục chịu đựng các thử thách là các trải nghiệm Cơ đốc rõ nét.

Khi ông nhận lãnh sự mặc thị này, Giăng **đã ở** trong cuộc lưu đầy trên **đảo Bát-mô**. Bát-mô là một hòn đảo trơ trọi, do núi lửa tạo nên trên Biển Aegean, ở hai đầu của nó bề dài khoảng mười dặm và bề rộng 5-6 dặm, nằm khoảng bốn mươi dặm ngoài khơi tính từ Miletus (một thành phố ở Tiểu Á khoảng ba mươi dặm phía nam thành Ê-phê-sô; đối chiếu Cong 20:15-17). Theo sử gia La-mã là Tacitus, lưu đầy đến những hòn đảo như vậy là một hình thức phổ thông của sự trừng phạt trong thế kỷ thứ nhất. Cùng lúc Giăng bị trục xuất ra đảo Bát-mô, Hoàng đế Domitian đã trục xuất cháu ruột của mình, là Flavia Domitilla, ra một hòn đảo khác (F. F. Bruce, *New Testament History* [Garden City, N.Y.: Doubleday, 1972], 413). Không giống như Flavia Domitilla, sự trục xuất của người có động cơ chính trị, có lẽ Giăng đã bị gửi đến Bát-mô như một tội phạm (là một Cơ đốc nhân, ông là thành viên của một nhóm tôn giáo bất hợp pháp). Nếu vậy, những điều kiện mà ông sống sẽ rất là khắc nghiệt. Lao động kiệt lực dưới con mắt dè chừng (sẵn sàng ăn roi) của người La-mã, thức ăn và quần áo không đầy đủ, rồi phải ngủ trên mặt đất trơ trọi kia sẽ gây nhiều thiệt hại cho một cụ già chín mươi tuổi. Chính trên hòn đảo trơ trọi ấy, dưới những điều kiện khắc nghiệt đó, Giăng đã nhận được một sự mặc thị quan trọng nhất của tương lai đã được ban ra.

Tội duy nhất của Giăng là trung thành với **lời Đức Chúa Trời và chứng của Chúa Jê-sus**. Như đã lưu ý trong phần thảo luận câu 2 trong chương 1 của sách này, hai cụm từ đó là đồng nghĩa với nhau. Giăng bị lưu đầy vì sự rao giảng trung tín, dứt khoát và không thoả hiệp của ông về Tin lành của Đức Chúa Jê-sus Christ.

Giăng nhận lãnh sự mặc thị khi ông **được Đức Thánh Linh cảm hoá**; kinh nghiệm của ông vượt qua giới hạn sự hiểu biết bình thường của con người. Dưới sự kiểm soát của Chúa Thánh Linh, Giăng đã được chuyển đi trên chuyến phi cơ kinh nghiệm và sự hiểu biết vượt quá mọi giác quan của con người. Trong trạng thái đó, Đức Chúa Trời siêu nhiên đã tỏ ra nhiều việc cho ông thấy. Ê-xê-chi-ên (Exe 2:2; 3:12, 14), Phi-e-rơ (Cong 10:9 ...), Phao-lô (Cong 22:17-21; IICo 12:1 ...) đều có các kinh nghiệm này.

Giăng đã nhận lãnh sự mặc thị **nhằm ngày của Chúa**. Trong khi có người cho rằng cụm từ này đề cập đến thời gian phán xét chung cuộc được gọi là Ngày của Chúa, tốt nhất nên hiểu như một tham khảo đến ngày Chúa nhật. Cụm từ Hy-lạp dịch **ngày của Chúa** (tē kuriakē hēmera) khác với cách dịch "Ngày của Chúa" (t'eh-emerea tou kuriou, hay h-emerea kuri-ou; ICo 5:5; ITe 5:2; IITe 2:2; IIPhi 3:10) và chỉ xuất hiện ở đây trong Tân Ước. Hơn nữa, sự mặc thị mà Giăng nhận lãnh không liên quan gì đến Ngày của Đức Giê-hô-va trong thời mạt thế; đây là sự mặc thị về chức vụ hiện thời của Đấng Christ trong Hội thánh. Sau cùng, vào thế kỷ thứ hai, cụm từ kuri-ak'eh-emera thường được đề cập rộng rãi đến Ngày Chúa nhật (RJ Bauckham, "The Lord's Day" trong D. A. Carson, ed, From Sabbath to Lord's Day [Grand Rapids: Zondervan, 1982], 221 ...). Cụm từ **Ngày của Chúa** đã trở thành đề cập thông thường đến ngày Chúa nhật vì sự phục sinh của Đấng Christ đã diễn ra vào một ngày Chúa nhật.

Giăng nhận lãnh sứ mệnh của ông phải ghi lại sự mặc thị trong bối cảnh đầy kịch tính đã được làm cho lộ lên trong lò lửa hực, và tiếng phán của Ngài giống như âm thanh của nhiều nước lớn. Ngài cầm bảy ngôi sao trong tay hữu của Ngài, rồi trong miệng Ngài có một thanh gươm bén hai lưỡi; và mặt Ngài giống như mặt trời đang soi sáng hết sức . . . "tức là sự mâu nhiệm của bảy ngôi sao mà người thấy trong tay hữu ta, và của bảy chân đèn vàng. Bảy ngôi sao là các thiên sứ của bảy Hội thánh, còn bảy chân đèn là bảy Hội thánh vậy" (1:12-16, 20).

Giăng nhận lãnh sứ mệnh phải ghi lại sự mặc thị theo một cung cách đầy kịch tính: nghe đằng sau có tiếng kêu vang, như tiếng loa, rằng: Điều người thấy, hãy chép vào một quyển sách mà gởi cho bảy Hội Thánh tại Ê-phê-sô, Si-miéc-nơ, Bết-găm, Thi-a-ti-rơ, Sạt-đe, Phi-la-đen-phi và Lao-đi-xê. Tiếng kêu vang (đối chiếu Ê-xê-chi-ên 3:12) là tiếng của Đức Chúa Jêsus Christ (đối chiếu các câu 12-13, 17-18), vang dội với Giăng với sự truyền báo trong sáng như tiếng loa. Xuyên suốt sách Khải huyền, một tiếng hoặc âm thanh vang dội thể hiện sự trang trọng của những gì sắp sửa được tiết lộ (đối chiếu 5:2, 12; 6:10; 7:2, 10; 8:13; 10:3; 11:12, 15; 12:10; 14:2, 15, 18; 16:1, 17; 19:1, 17; 21:3). Bối cảnh là một sự gọi nhớ lại việc ban luật pháp tại Núi Sinai: "Qua sáng ngày thứ ba, có sấm vang chớp nhoáng, một áng mây mịt mịt ở trên núi, và tiếng kèn thổi rất vang động; cả dân sự ở trong trại quân đều run hãi" (Xu 19:16).

Tiếng từ trời đầy năng quyền tối thượng truyền cho Giăng: "Vậy hãy chép lấy những sự người đã thấy". Đây là mạng lệnh thứ nhứt trong mười hai mạng lệnh trong sách Khải huyền yêu cầu Giăng viết những gì ông nhìn thấy (đối chiếu câu 19; 2:1, 8, 12, 18; 3:1, 7, 14; 14:13; 19:9; 21:5); ở một trường hợp khác ông đã bị không được viết (10:4).

Sau khi mô tả các bối cảnh ông nhận được sự mặc thị trong đó, khi ấy Giăng đề cập đến chính sự mặc thị. Sự mặc thị này đang tỏ ra và có tính dạy dỗ phong phú về công việc hiện tại của Con Đức Chúa Trời đã được tôn vinh hiển tiết lộ bảy phương diện chức vụ thường trực của Đức Chúa Jêsus Christ cho Hội thánh của Ngài: Ngài mặc lấy quyền phép cho, cầu thay, luyện lọc, phán dạy có quyền phép, kiểm soát, bảo vệ và phản ánh sự vinh hiển Ngài qua Hội thánh của Ngài.

Sau khi viết ra sự hiện thấy, Giăng cần phải gởi cho bảy Hội Thánh tại Ê-phê-sô, Si-miéc-nơ, Bết-găm, Thi-a-ti-rơ, Sạt-đe, Phi-la-đen-phi và Lao-đi-xê. Như đã lưu ý trong phần bàn bạc câu 4, các thành phố này nằm trong tỉnh Asia của người La mã (Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay). Bảy Hội thánh này đã được chọn vì chúng nằm trong các thành phố chính của bảy khu vực mà tỉnh Asia được phân chia ra. Vì thế chúng là những điểm trung tâm phân phối thông tin.

Bảy thành phố xuất hiện theo thứ tự mà một sứ giả, đi một đường vòng thật lớn nổi lê chúng lại, sẽ đến viếng chúng. Sau khi đến tại thành Miletus, sứ giả hay các sứ giả mang sách Khải huyền đi từ phía Bắc đến thành Ê-phê-sô (*thành phố gần Miletus nhất*), rồi đi đường vòng đến Si-miéc-nơ, Bết-găm, Thi-a-ti-rơ, Sạt-đe, Phi-la-đen-phi-a, rồi Lao-đi-xê. Các bản sao sách Khải huyền đã được phân phối cho mỗi Hội thánh.

SỰ MẶC THỊ ĐƯỢC MỞ RA

Bây giờ tôi xây lại để xem tiếng nói với tôi đó là gì, vừa xây lại, thấy bảy chân đèn bằng vàng, và ở giữa những chân đèn bằng vàng có ai giống như con người, mặc áo dài, thắt đai vàng ngang trên ngực.

Đầu và tóc người trắng như lông chiên, trắng như tuyết, mắt như ngọn lửa, chân như đồng sáng đã luyện trong lò lửa, và tiếng như tiếng nước lớn. Tay hữu người cầm bảy ngôi sao; miệng thò ra thanh gươm nhọn hai lưỡi, và mặt như mặt trời khi soi sáng hết sức...tức là sự mầu nhiệm của bảy ngôi sao là các thiên sứ của bảy Hội thánh, còn bảy chân đèn là bảy Hội thánh vậy.” (Kh 1:12-16,20)

Sau khi mô tả các bối cảnh ông nhận được trong sự mặc thị đó, khi ấy Giảng đề cập đến chính sự mặc thị. Sự tỏ ra này và cái nhìn có tính dạy dỗ phong phú về công việc hiện tại của Con Đức Chúa Trời mở ra 7 phương diện trong chức vụ thường trực của Đức Chúa Jêsus Christ cho Hội thánh của Ngài: Ngài mặc lấy quyền phép cho, cầu thay, luyện lọc, phán dạy có quyền phép, kiểm soát, bảo vệ và phản ánh sự vinh hiển Ngài qua Hội thánh của Ngài.

ĐÁNG CHRIST MẶC LẤY QUYỀN PHÉP CHO HỘI THÁNH NGÀI

“Bấy giờ tôi xây lại đặng xem tiếng nói với tôi đó là gì; vừa xây lại thấy bảy chân đèn bằng vàng, và ở giữa những chân đèn có ai giống như con người, mặc áo dài, thắt đai vàng ngang trên ngực ... còn bảy chân đèn là bảy Hội thánh vậy” (Kh 1:12-13a, 20b).

Ngay từ lúc đầu sự mặc thị, Giảng xây dựng lại với tiếng phán, vì thế ông quay lại **đặng xem tiếng nói với tôi đó là gì**. Khi ông xây lại, trước tiên là ông đang nhìn **thấy bảy chân đèn bằng vàng**, được xác định trong câu 20 là **bảy Hội thánh**. Những chiếc đèn này giống như loại đèn dầu di động thông thường được đặt trên những cái đèn được dùng để chiếu sáng lúc ban đêm. Chúng tượng trưng cho các Hội thánh như là sự sáng của thế gian (Phi 2:15). Chúng được làm **bằng vàng** vì vàng là thứ kim loại quý giá nhất. Hội thánh đối với Đức Chúa Trời là thực thể đẹp đẽ và có giá trị nhất ở trên đất —quý giá đến nỗi Chúa Jêsus đã bằng lòng mua nó bằng chính huyết của Ngài (Cong 20:28). **Bảy** là con số nói tới sự trọn vẹn (đối chiếu Xu 25:31-40; Xa 4:2); do đó, bảy Hội thánh thờ tượng trưng cho các Hội thánh nói chung. Đây là các Hội thánh thực tiễn ở những vị trí có thực, nhưng làm biểu tượng cho các loại Hội thánh nào tồn tại qua lịch sử của Hội thánh.

Và ở giữa những chân đèn Giảng thấy **có ai giống như con người** (đối chiếu Da 7:13) — Chúa vinh hiển của Hội thánh đi lại giữa các Hội thánh của Ngài. Chúa Jêsus hứa sự hiện diện liên tục của Ngài với Hội thánh của Ngài. Trong Mat 28:20, Ngài phán: "ta thường ở cùng các ngươi luôn cho đến tận thế". Mat 18:20 hứa sự hiện diện của Đấng Christ trong công tác khó khăn đương đầu với tội lỗi trong Hội thánh. Vào đêm trước sự chết của Ngài, Chúa Jêsus hứa với các môn đồ của Ngài: "Ta không để cho các ngươi mồ côi đâu, ta sẽ đến cùng các ngươi ... Nếu ai yêu mến ta, thì hãy giữ lời ta, Cha ta sẽ thương yêu người, chúng ta đều đến cùng người và ở trong người" (Gi 14:18, 23). He 13:5 ghi lại lời hứa của Ngài: "Ta sẽ chẳng lìa ngươi đâu, chẳng bỏ ngươi đâu".

Cơ đốc nhân không thờ phượng một người tử vì đạo đúng nghĩa, một nhà lãnh đạo tôn giáo lỗi lạc đã chết. Đấng Christ hằng sống ngự trong Hội thánh Ngài để lãnh đạo và mặc lấy quyền phép cho Hội thánh. Những người tin Chúa theo cách riêng và được chọn lọc có đặc ân không lường được rút tía năng lực ấy qua môi giao thông liên tục với Ngài. Phao-lô đã viết về Tiệc Thánh như sau: "Cái chén phước lành mà chúng ta chúc phước, há chẳng phải là thông với huyết của Đấng Christ sao? Cái bánh mà chúng ta bẻ, há chẳng phải là thông với thân thể của Đấng Christ sao?" (ICo 10:16). Sự hiện diện của Đức Chúa Jêsus Christ trong Hội Thánh của Ngài mặc lấy quyền phép cho Hội thánh, giúp cho những người tin Chúa nói theo cách triệt để, đắc thắng với vị sứ đồ rằng: "Tôi làm được mọi sự nhờ Đấng ban thêm sức cho tôi" (Phi 4:13).

ĐÁNG CHRIST CẦU THAY CHO HỘI THÁNH NGÀI

mặc áo dài, thắt đai vàng ngang trên ngực (Kh1:13b)

Việc đầu tiên Giảng lưu ý, là Đấng Christ mặc áo dài (đối chiếu Es 6:1). Loại áo dài ấy phải là hoàng tộc thì mới mặc được (thí dụ: các vua xứ Ma-đi-an, Cac 8:26; Giô-na-than, ISa 18:4; Sau-lor, ISa

24:4; A-háp và Giô-sa-phát, IVua 22:10; và Ê-xơ-tê, Et 5:1) và các tiên tri (đối chiếu Isa 28:14). Nhưng chữ áo dài (robe) được dịch thường xuyên nhất (sáu trong số bảy lần xuất hiện của nó) trong bản Kinh Thánh 70 (Septuagint, bản dịch Cựu Ước Hy Lạp) mô tả chiếc áo dài mà thầy tế lễ thượng phẩm mặc. Trong khi Đấng Christ được trình bày theo Kinh Thánh là tiên tri và là vua, về oai nghi và thân tánh của Ngài được nhấn mạnh, áo dài ở đây phác họa Đấng Christ trong vai trò của Ngài là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của dân sự Ngài. Rằng Ngài thắt đai vàng ngang trên ngực bằng một cái nút bằng vàng ứng hộ cho cách lý giải đó, một khi thầy tế lễ thượng phẩm trong Cựu Ước đã kết một chiếc nút như vậy (đối chiếu Xu 28:4, Le 16:4).

Sách Hê-bơ-rơ nói rất nhiều về vai trò của Đấng Christ là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta. Trong 2:17-18, tác giả thơ Hê-bơ-rơ chép: "Nhân đó, Ngài phải chịu làm giống như anh em mình trong mọi sự, hầu cho đối với Đức Chúa Trời, trở nên thầy tế lễ thượng phẩm, hay thương xót và trung tín, dâng đền tội cho chúng dân. Vả, vì chính mình Ngài chịu khổ trong khi bị cám dỗ, nên có thể cứu những kẻ bị cám dỗ vậy". Trong He 3:1, ông đề cập đến Đấng Christ là "thầy tế lễ thượng phẩm mà chúng ta tin theo, tức là Đức Chúa Jêsus", trong khi ở He 4:14, ông nhắc cho các tín hữu nhớ rằng: "chúng ta có thầy tế lễ thượng phẩm lớn đã trải qua các tầng trời, tức là Đức Chúa Jêsus, Con Đức Chúa Trời, thì hãy bền giữ đạo chúng ta đã nhận tin". Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta "có thể cứu toàn vẹn những kẻ nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời, vì Ngài hằng sống để cầu thay cho những kẻ ấy" (He 7:25). Của lễ của Ngài vô cùng siêu việt hơn bất kỳ của lễ nào của thầy tế lễ con người nào: "Nhưng Đấng Christ đã hiện đến, làm thầy tế lễ thượng phẩm của những sự tốt lành sau này; Ngài đã vượt qua đền tạm lớn hơn và trọn vẹn hơn, không phải tay người dựng ra, nghĩa là không thuộc về đời này; Ngài đã vào nơi rất thánh một lần thì đủ hết, không dùng huyết của dê đực và của bò con, nhưng dùng chính huyết mình, mà được sự chuộc tội đời đời" (He 9:11-12).

Là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta, Đấng Christ đã từng dâng của lễ trọn vẹn và đầy đủ vì tội lỗi của chúng ta và thường trực, thành tín cầu thay cho chúng ta (Ro 8:33-34). Ngài có một khả năng vô song thông cảm với chúng ta trong mọi hiểm nguy, đau buồn, thử thách và cám dỗ của chúng ta: "Vả, vì chính mình Ngài chịu khổ trong khi bị cám dỗ, nên có thể cứu những kẻ bị cám dỗ vậy ... Vì chúng ta không có thầy tế lễ thượng phẩm chẳng có thể cảm thương sự yếu đuối chúng ta, bèn có một thầy tế lễ bị thử thách trong mọi việc cũng như chúng ta, song chẳng phạm tội" (He 2:18; 4:15). Hiểu biết rằng Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm đã đi lại giữa họ cảm thông chăm sóc và bảo vệ dân sự Ngài đã cung ứng sự yên ủi và hy vọng tuyệt vời cho các Hội thánh bị bắt bớ.

ĐÁNG CHRIST LUYỆN LỘC HỘI THÁNH CỦA NGÀI

“Đầu và tóc người trắng như lông chiên trắng, như tuyết; mắt như ngọn lửa; chân như đồng sáng đã luyện trong lò lửa” (Kh 1:14-15a)

Sau khi mô tả trang phục của Đấng Christ trong câu 13, Giảng mô tả thân vị của Ngài trong các câu 14 và 15. Một vài đặc điểm đầu tiên mô tả công tác của Đấng Christ trong việc sửa phạt và luyện lọc Hội Thánh của Ngài.

Tân Ước rõ ràng đề ra tiêu chuẩn thánh Đấng Christ đã thiết lập Hội thánh của Ngài: “Thế thì các ngươi hãy nên trọn vẹn, như Cha các ngươi ở trên trời là trọn vẹn” (Mat 5:48). Trong IICo 11:2 Phao-lô viết: "Vì về anh em, tôi rất sốt sắng như sự sốt sắng của Đức Chúa Trời, bởi tôi đã gả anh em cho một chồng mà thôi, dâng anh em như người trinh nữ tinh sạch cho Đấng Christ". Ông nhắc cho người thành Ê-phê-sô nhớ rằng: "Đấng Christ đã yêu Hội thánh, phó chính mình vì Hội thánh, để khiến Hội nên thánh sau khi lấy nước rửa và dùng Đạo làm cho Hội tinh sạch, dâng tỏ ra hội thánh đầy vinh hiển, không vết, không nhăn, không chi giống như vậy, nhưng thánh sạch không chỗ trách được ở trước mặt Ngài" (Eph 5:25-27). Trong Co 1:22 Phao-lô giải thích rằng Đấng Christ "nhưng bây giờ Đức Chúa Trời đã nhờ sự chết của Con Ngài chịu lấy trong thân thể của xác thịt mà khiến anh em hòa thuận, dâng làm cho anh em đứng trước mặt Ngài cách thánh sạch không vết, không chỗ trách được". Phi-e-rơ nhắc cho các tín hữu nhớ rằng Đức Chúa Trời muốn họ "như Đấng gọi anh em là thánh, thì anh em cũng phải thánh trong mọi cách ăn ở mình, bởi có chép rằng: Hãy nên thánh, vì ta là thánh" (IPhi 1:15-16).

Để giữ theo tiêu chuẩn thiêng liêng đó, Đấng Christ sẽ kỷ luật Hội thánh của Ngài (Mat 18:15-17, Gi 15:2; He 12: 5...) — thậm chí lên tới điểm cắt đi mạng sống của một số Cơ đốc nhân phạm tội, không chịu ăn năn (Cong 5:1-11; ICo 11:28-30). Ngay cả Phi-e-rơ, ông hiểu rõ quyền lực của sự cảm dỗ, đã cảnh cáo: "**Vì thời kỳ đã đến, là khi sự phán xét sẽ khởi từ nhà Đức Chúa Trời**" (IPhi 4:17).

Phần mô tả của Giăng về "**đầu và . . . tóc người trắng như lông chiên trắng, như tuyết**" là một tham khảo rõ ràng đến Da 7:9, ở đó lời nói tương tự mô tả Đấng Thượng Cổ (Đức Chúa Cha). Các phần mô tả tương ứng khẳng định thần tánh của Đấng Christ; Ngài sở hữu cùng một thuộc tính về tri thức và sự khôn ngoan thánh giống như Đức Chúa Cha. **Trắng** dịch từ chữ **leukos**, có ý nghĩa "sáng láng", "rực rỡ" hoặc "chói lói". Nó tiêu biểu cho sự chân thật, vinh hiển, thánh thiện đời đời của Đấng Christ.

Tiếp tục phần mô tả của ông về Đấng Christ vinh hiển, Giăng lưu ý rằng **mắt** (Ngài) **như ngọn lửa** (đối chiếu 2:18; 19:12). Cái nhìn dò xét, hiển lộ, không thể sai lầm của Ngài xâm nhập vào chính tận cùng sâu thẳm của Hội thánh Ngài, tỏ ra cho Ngài thấy thực tại của mọi sự cần phải được biết với sự rõ ràng. Chúa Jêsus tuyên bố: "chẳng có việc gì giấu mà chẳng phải bày ra, cũng chẳng có việc gì kín nhiệm mà sau sẽ chẳng biết" (Mat 10:26). Theo lời của tác giả thư Hê-bơ-rơ: "Chẳng có vật nào được giấu kín trước mặt Chúa, nhưng thấy đều trần trụi và lộ ra trước mắt Đấng mà chúng ta phải thưa lại" (he 4:13). Chúa toàn tri của Hội thánh sẽ chẳng thất bại không nhận ra và xử lý với tội lỗi trong Hội thánh của Ngài.

Chân (của Đấng Christ) **như đồng sáng đã luyện trong lò lửa**, tiếp tục trình tự chỉ ra rõ ràng về sự phán xét giáng trên hạng tội nhân trong Hội thánh. Các vị vua trong thời xa xưa ngồi trên ngai cao, vì vậy những kẻ bị xét đoán sẽ luôn luôn ở bên dưới bàn chân của nhà vua. Bàn chân của một vị vua vì thế đạt tới chỗ làm biểu tượng cho uy quyền của ông ta. Bàn chân nóng hực của Đức Chúa Jêsus Christ phác họa Ngài đang đi ngang qua Hội thánh của Ngài để thực thi quyền sửa phạt của Ngài, sẵn sàng loại bỏ cơn đau, nếu cần thiết, cho các Cơ đốc nhân phạm tội.

He 12:5-10 nói tới vấn đề này:

lại đã quên lời khuyên anh em như khuyên con, rằng: Hỡi con, chớ để người sửa phạt của Chúa, Và khi Chúa trách, chớ ngã lòng; Vì Chúa sửa phạt kẻ Ngài yêu, Hễ ai mà Ngài nhận làm con, thì cho roi cho vọt. Ví bằng anh em chịu sửa phạt, ấy là Đức Chúa Trời đãi anh em như con, vì có người nào là con mà cha không sửa phạt? Nhưng nếu anh em được khỏi sự sửa phạt mà ai nấy cũng phải chịu, thì anh em là con ngoại tình, chớ không phải con thật. Cha về phần xác sửa phạt, mà chúng ta còn kính sợ thay, huống chi Cha về phần hồn, chúng ta há chẳng càng nên vâng phục lắm để được sự sống sao? Và, cha về phần xác theo ý mình mà sửa phạt chúng ta tạm thời, nhưng Đức Chúa Trời vì ích cho chúng ta mà sửa phạt, để khiến chúng ta được dự phần trong sự thánh khiết Ngài.

Đó là tình yêu của Chúa dành cho hạng tội nhân được chuộc theo đuổi sự thánh khiết của họ.

ĐÁNG CHRIST PHÁN CÁCH CÓ QUYỀN VỚI HỘI THÁNH CỦA NGÀI

và tiếng như tiếng nước lớn (Kh 1:15b)

Khi Đấng Christ phán một lần nữa, thì tiếng phán chẳng phải giống như tiếng kèn ở câu 10. Đối với Giăng, **tiếng** (của Ngài bây giờ) **như tiếng nước lớn** (đối chiếu 14:2; 19:6), giống như tiếng gầm mạnh mẽ quen thuộc của sóng đào trên bờ đá của đảo Bát-mô trong giông bão. Tiếng của Đức Chúa Trời đời đời cũng được mô tả tương tự như trong Exe 43:2 — một sự tương tự khác khẳng định thần tánh của Đấng Christ. Đây là tiếng của quyền lực tối cao, tiếng của oai quyền tối thượng, chính tiếng nói ấy mà một ngày kia sẽ truyền cho kẻ chết phải bước ra khỏi mồ mả (Gi 5:28-29).

Khi Đấng Christ phán, Hội thánh phải lắng nghe. Nơi Núi Hoá Hình Đức Chúa Trời phán: "Này là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường; hãy nghe lời Con đó!" (Mat 17:5) "Đời xưa, Đức Chúa Trời đã dùng các đấng tiên tri phán dạy tổ phụ chúng ta nhiều lần nhiều cách, rồi đến những ngày sau rốt này, Ngài phán dạy chúng ta bởi Con Ngài, là Con mà Ngài đã lập lên kẻ tự muôn vật, lại bởi Con mà Ngài đã dựng

nên thể gian" (He 1:1-2). Đấng Christ phán với Hội Thánh Ngài một cách trực tiếp qua Kinh Thánh đã được Đức Thánh Linh cảm thúc.

Đấng Christ Kiểm Soát Hội Thánh của Ngài

“Tay hữu người cầm bảy ngôi sao;... Bảy ngôi sao là các thiên sứ của bảy Hội thánh” (Kh 1:16a, 20a)

Là đầu của Hội thánh Ngài (Eph 4:15; 5:23; Co 1:18), và là Đấng trị vì **"nước của Con rất yêu dấu Ngài"** (Co 1:13), Đấng Christ thực thi quyền bính trong Hội thánh của Ngài. Trong sự mặc thị của Giăng, Đấng Christ đang **cầm trong tay hữu người bảy ngôi sao** (đối chiếu 2:1; 3:1), được xác định trong câu 20 là **các thiên sứ của bảy Hội thánh**, tiêu biểu cho các quyền bính đó. Việc Ngài giữ họ trong **tay hữu Ngài** không phác họa ra sự an ninh và sự bảo hộ, mà là sự kiểm soát. Angeloi (angels) [thiên sứ] là từ ngữ phổ thông của Tân Ước nói tới các thiên sứ, khiến cho các nhà giải kinh kết luận hợp lý rằng các thiên sứ được xét đến trong phân đoạn. Nhưng trong Tân Ước không có một chỗ nào dạy rằng các thiên sứ dính dáng tới việc lãnh đạo Hội thánh. Các thiên sứ không phạm tội và vì thế không cần phải ăn năn, giống như các sứ giả, cùng với các hội chúng mà họ tiêu biểu cho, được khuyến khích phải sống như thế (đối chiếu 2:4-5, 14, 20; 3:1-3, 15, 17, 19). Mục sư Robert L. Thomas lưu ý thêm chỗ khó khăn với nhận định này: "Giả sử Đấng Christ đang gửi một sứ điệp cho các hữu thể thuộc về trời qua Giăng, một đại biểu theo đời này, hầu cho sứ điệp ấy sẽ đến với các Hội thánh đời này thông qua các đại biểu thuộc hàng thiên sứ" (Revelation 1–7: An Exegetical Commentary [Chicago: Moody, 1992], 117). Vì thế, angeloi được dịch hay hơn là "sứ giả", như trong Lu 7:24; 9:52; và Gia 2:25. Có người cho rằng các sứ giả này là đại biểu đến từ mỗi Hội thánh trong Hội thánh, họ đã đến thăm Giăng trên đảo Bát-mô và mang sách Khải Huyền về theo với họ. Nhưng một khi Đấng Christ được nhắc tới là đang cầm giữ họ trong tay hữu của Ngài, có khả năng họ là cấp trưởng lão và mục sư lãnh đạo một trong bảy Hội thánh (mặc dù không phải là cấp nhà lãnh đạo duy nhất, vì Tân Ước dạy trưởng lão ở số nhiều).

Bảy người này nắm lấy chức năng của cấp lãnh đạo thuộc linh trong Hội thánh. Họ sẽ là thứ công cụ qua đó Đấng Christ, là đầu của Hội thánh, làm trung gian cho quyền cai trị của Ngài. Đó là lý do tại sao các tiêu chuẩn cho cấp lãnh đạo trong Tân ước rất là cao. Được phân công làm trung gian qua đó Đức Chúa Jêsu Christ kiểm soát Hội thánh của Ngài là được kêu gọi đến một trách nhiệm rất nghiêm ngặt (ITi 3:1-7; Tit 1:5-9 vì các đức tính dành cho hạng người thể ấy).

Đấng Christ Bảo Hộ Hội Thánh của Ngài

miệng thò ra thanh gươm nhọn hai lưỡi (Kh 1:16b)

Sự hiện diện của Đức Chúa Jêsu Christ cũng cung ứng sự bảo hộ cho Hội thánh của Ngài. **Miệng thò ra thanh gươm nhọn hai lưỡi . . .** được sử dụng để bảo vệ Hội thánh chống lại những mối đe dọa từ bên ngoài (đối chiếu 19:15, 21). Nhưng chủ yếu ở đây nó nói đến sự phán xét nghịch cùng các kẻ thù từ bên trong Hội thánh (đối chiếu 2:12, 16; Cong 20:30). Những kẻ ấy tấn công Hội thánh của Đấng Christ, họ gieo ra những lời dối trá, tạo ra sự bất hòa, hoặc gây hại cho dân sự Ngài, về mặt cá nhân họ sẽ bị Chúa của Hội thánh xử lý. Lời của Ngài có sức mạnh (đối chiếu He 4:12-13), và sẽ được sử dụng để chống lại các kẻ thù của dân sự Ngài (đối chiếu ITe 2:8), hầu cho mọi quyền lực của sự tối tăm, bao gồm chính cái chết ("các cửa của âm phủ", Mat 16:18), sẽ không thể ngăn cản Đức Chúa Jêsu Christ xây dựng Hội thánh của Ngài.

Đấng Christ Phán Ánh Sự Vinh Hiển Ngài Qua Hội Thánh của Ngài

và mặt như mặt trời khi soi sáng hết sức (Kh 1:16c)

Sự mặc thị của Giăng về Chúa vinh hiển của Hội thánh lên đến cao điểm trong phần mô tả về bằng chứng vinh hiển rực rỡ trên gương mặt của Ngài, việc này Giăng chỉ có thể mô tả **như mặt trời khi soi sáng hết sức**. Giăng mượn cụm từ này từ Cac 5:31, ở nó mô tả những người yêu mến Chúa (đối chiếu Mat 13:43). Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời qua Đức Chúa Jêsus Christ toả sáng trong và qua Hội thánh của Ngài, phản ánh sự vinh hiển của Ngài cho thế gian (đối chiếu IICo 4:6). Và kết quả, ấy là Ngài được tôn vinh hiển (Eph 3:21).

CÁC TÁC ĐỘNG CỦA SỰ MẶC THỊ

“Vừa thấy người, tôi ngã xuống chân người như chết; nhưng người đặt tay hữu lên trên tôi, mà rằng: Đừng sợ chi, ta là Đấng trước hết và là Đấng sau cùng, là Đấng Sống, ta đã chết, kia nay ta sống đời đời, cầm chìa khóa của sự chết và âm phủ. Vậy hãy chép lấy những sự người đã thấy, những việc nay hiện có và những việc sau sẽ đến” (Kh 1:17-19)

Sự mặc thị gây choáng Giăng đã chứng kiến đã khiến cho ông phải thay đổi. Lúc đầu, phản ứng của ông là nỗi sợ hãi tàn phá, sự này Chúa đã cất đi bằng lời bảo đảm và lúc đó bằng cách ban cho Giăng một ý thức về bản phận.

SỢ HÃI

“Vừa thấy người, tôi ngã xuống chân người như chết” (Kh 1:17a)

Với tư thế tương tự trong kinh nghiệm của ông với sự vinh hiển của Chúa Jêsus trên Núi Hoá Hình hơn sáu mươi năm trước đó (đối chiếu Mat 17:6), Giăng lại bị kinh hãi phủ lụt trước sự vinh hiển của Đấng Christ tỏ ra rồi **ngã xuống chân người như chết**. Sự sợ hãi ấy là chuẩn mực cho một ít người nào kinh nghiệm những sự hiện thấy bất thường về thiên đàng như vậy. Khi một thiên sứ hiện ra cùng ông, Đaniên đã viết rằng: **"chẳng còn sức nữa. Mặt ta biến sắc cho đến tái đi, và ta không còn sức nữa. Song ta còn nghe tiếng của những lời người, và vừa nghe xong, ta ngủ mê đi, nằm sấp mặt xuống đất"** (Da 10:8-9, đối chiếu 8:17). Bị áp đảo bởi sự hiện thấy của Đức Chúa Trời mà ông đã nom thấy trong đền thờ, Êsai đã kêu lên: **"Khốn nạn cho tôi! Xong đời tôi rồi! Vì tôi là người có môi dơ dáy, ở giữa một dân có môi dơ dáy, bởi mắt tôi đã thấy Vua, tức là Đức Giê-hô-va vạn quân!"** (Es 6:5). Ê-xê-chi-ên nhìn thấy vài mặc thị về sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va và phản ứng của ông luôn luôn giống nhau: ông sấp mặt xuống đất (Exe 1:28; 3:23; 9:8; 43:3; 44:4). Sau khi Thiên sứ của Đức Giê-hô-va hiện ra với họ và công bố sự ra đời của Sam-sôn: **"(Ma-nô-a) bèn nói cùng vợ rằng: Quả thật chúng ta sẽ chết, vì đã thấy Đức Chúa Trời!"** (Cac 13:22). Gióp đã có một phản ứng tương tự sau khi Đức Chúa Trời phán cùng ông: **"Trước lỗ tai tôi có nghe đồn về Chúa, nhưng bây giờ, mắt tôi đã thấy Ngài: Vì vậy, tôi lấy làm gớm ghê tôi, và ăn năn trong tro bụi"** (Giop 42:5-6). Trên đường lên thành Đa-mách để bắt bớ Cơ đốc nhân, Sau-lơ xứ Tạt-sơ (hay còn gọi là Phao-lô) **"thấy có ánh sáng từ trên trời giáng xuống, chói lọi hơn mặt trời, sáng lòa chung quanh tôi và kẻ cùng đi. đã nhìn thấy trên đường ánh sáng từ trời, sáng hơn mặt trời, chiếu sáng quanh tôi và những người đang hành trình với tôi"** (Cong 26:13). Trong phản ứng, Sau-lơ và những kẻ cùng đi với ông đã ngã sòng xoài trên đường (câu 14). Sau khi chứng kiến những tai hoạ khủng khiếp xảy ra sau khi mở ra con dấu thứ sáu, những kẻ vô tín trong Kỳ Đại Nạn sẽ kêu la trong kinh khiếp: **“vội núi và đá lớn rằng: Hãy rơi xuống chận trên chúng ta, đừng tránh khỏi mặt của Đấng ngự trên ngôi, và khỏi cơn giận của Chiên Con! Vì ngày thịnh nộ lớn của Ngài đã đến, còn ai đứng nổi?”** (Kh huyền 6:16-17).

Trái ngược với những tuyên bố ngớ ngẩn, láo khoét, giả dối và khoe khoang của nhiều người trong chính thời đại của chúng ta, họ xưng mình đã nhìn thấy Đức Chúa Trời, phản ứng của nhiều người thực sự nhìn thấy Đức Chúa Trời trong Kinh thánh chắc chắn là một phản ứng đầy sợ hãi. Những kẻ đó mặt đối mặt với sự vinh hiển chói lòa, thánh khiết của Đức Chúa Jêsus Christ đã lấy làm kinh sợ, nhận ra tình trạng bất xứng tội lỗi của mình khi ở trong sự hiện diện thánh khiết của Ngài. Khi tóm tắt phản ứng thích hợp

trước sự thánh khiết và oai nghi của Đức Chúa Trời, tác giả của thơ Hê-bơ-rơ khuyên các tín hữu nên **"hãy cảm ơn, hầu cho lấy lòng kính sợ hầu việc Đức Chúa Trời một cách đẹp lòng Ngài; vì Đức Chúa Trời chúng ta là đám lửa hay thiêu đốt"** (He 12:28-29).

SỰ BẢO ĐẢM

nhưng người đặt tay hữu lên trên tôi, mà rằng: Đừng sợ chi, ta là Đấng trước hết và là Đấng sau cùng, là Đấng Sống, ta đã chết, kìa nay ta sống đời đời, cầm chìa khóa của sự chết và âm phủ (Kh 1:17b-18)

Giống như Ngài đã làm cách đây rất lâu trong Sự Hoá Hình (Mat 17:7), Chúa Jêsus **đặt tay hữu** (của Ngài) **lên** Giảng và yên ủi ông. Đây là cái chạm yên ủi và tái bảo đảm. Có sự yên ủi cho các Cơ đốc nhân bị áp đảo bởi sự vinh hiển và oai nghi của Đấng Christ trong việc bảo đảm tình yêu ân điển của Ngài và sự tha thứ thương xót. Lời lẽ yên ủi của Chúa Jêsus: **"Đừng sợ chi"** (sát nghĩa là: "Thôi, đừng sợ nữa") tỏ ra sự bảo đảm đầy lòng thương xót của Ngài cho vị sứ đồ đang run sợ. Những lời yên ủi tương tự là đáp ứng của Đức Chúa Trời trong suốt Kinh Thánh cho những kẻ bị phủ lụt bởi sự hiện diện đầy oai nghi của Ngài (thí dụ, Sa 15:1; 26:24; Cac 6:23; Mat 14:27; 17:7; 28:10).

Sự yên ủi Chúa Jêsus ban cho dựa trên chỗ Ngài là ai và quyền uy mà Ngài đang có. Trước hết, Ngài tự xác định Ngài là **Đấng Ta Là** (ego eimi) — danh giao ước của Đức Chúa Trời (đối chiếu Xu 3:14). Chính danh ấy Ngài đã yên ủi các môn đồ đang kinh khiếp, họ đã nhìn thấy Ngài đang đi bộ trên Biển Ga-li-lê (Mat 14:27). Chúa Jêsus đã lấy danh ấy cho chính mình Ngài trong Gi 8:58a — một lời xưng nhận trực tiếp về thần tánh trước các đối thủ của Ngài (câu 59).

Kể đó Chúa Jêsus tự xác nhận Ngài là **Đấng trước hết và là Đấng sau cùng** (đối chiếu 2:8; 22:13), một tước hiệu được Đức Chúa Trời sử dụng trong Cựu Ước (Es 44:6; 48:12, đối chiếu 41:4). Khi hết thấy các tà thần đến rồi đi, chỉ có Ngài còn lại. Ngài đã tồn tại trước chúng và sẽ tiếp tục tồn tại cho đến đời đời, rất lâu sau khi chúng bị quên lãng. Phản ứng dụng tước hiệu ấy của Chúa Jêsus cho chính mình Ngài là một bằng chứng hữu hiệu khác nữa về thần tánh của Ngài.

Tước hiệu thứ ba nói tới thần tánh Chúa Jêsus đã xưng nhận là **Đấng Hằng Sống** (đối chiếu Gi 1:4; 14:6). Đây cũng là tước hiệu được sử dụng suốt cả Kinh Thánh để mô tả Đức Chúa Trời (thí dụ: Gi 3:10; ISa 17:26; Thi 84:2, Os 1:10; Mat 16:16; 26:63; Cong 14:15; Ro 9:26; IICo 3:3; 6:16; ITe 1:9; ITi 3:15; 4:10; He 3:12; 9:14; 10:31; Kh 7:2). Đức Chúa Trời là Đấng đời đời tự hữu, hằng có. Trong Gi 5:26 Chúa Jêsus phán cùng người Do-thái chống đối Ngài: **"Vì như Cha có sự sống trong mình, thì Cha cũng đã ban cho Con có sự sống trong mình vậy"**, vì thế xưng nhận sự bình đẳng trọn vẹn với Đức Chúa Cha.

Đáng mà sự hiện diện của Ngài đã đưa sợ hãi vào trong tâm lòng của Giảng, Ta Là, đầu tiên và cuối cùng, Đấng Sống, Đấng mà sự chết của Ngài buông tha ông ra khỏi tội lỗi của ông (Kh 1:5) chính là Đấng đã yên ủi và tái bảo đảm với Giảng. Trong lời lẽ của sứ đồ Phao-lô: **"Đã vậy thì chúng ta sẽ nói làm sao? Nếu Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta, thì còn ai nghịch với chúng ta?"** (Ro 8:31).

Tuyên bố dường như nghịch lý của Đấng Christ **ta đã chết, kìa nay ta sống đời đời**, cung ứng thêm cơ sở cho sự bảo đảm. Bản Kinh Thánh Hy-lạp sát nghĩa đọc là: **"ta phải chết"**. Đấng hằng sống, Đức Chúa Trời đời đời hằng hữu, tự hữu, Ngài không bao giờ chết, đã trở thành con người và đã chịu chết. Phi-e-rơ giải thích trong I Phi-e-rơ 3:18, Đấng Christ đã **"chịu chết, nhưng về phần linh hồn thì được sống"**. Trong nhân tánh của Ngài, Ngài chịu chết mà không ngừng sống như Đức Chúa Trời.

Kìa, đưa ra một lời tuyên bố đáng kinh ngạc và lấy làm lạ: **Nay ta sống đời đời**. Đấng Christ sống đời đời trong sự hiệp một của nhân tánh và thần tánh đã được làm cho vinh hiển: "theo quyền phép của sự sống chẳng hay hư hay hết" (He 7:16). Phao-lô viết: "bởi biết rằng Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại, thì chẳng chết nữa; sự chết không còn cai trị trên Ngài" (Ro 6:9). Lễ thật này cung ứng sự yên ủi và bảo đảm, bởi vì Chúa Jêsus "có thể cứu toàn vẹn những kẻ nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời, vì Ngài hằng sống

để cầu thay cho những kẻ ấy" (He 7:25). Mặc dù tình trạng tội lỗi của ông trong sự hiện diện Chúa vinh hiển của thiên đàng, Giăng chẳng có gì phải sợ hãi vì chính Chúa đã trả giá án phạt sự chết cho tội lỗi của Giăng (và hết thảy những ai tin nơi Ngài) và đã phục sinh để trở thành trạng sư đời đời của ông.

Như Đấng Ta Là đời đời, là đầu tiên và cuối cùng, Đấng Sống, Chúa Jêsus **cầm chìa khoá của sự chết và âm phủ**. Các thuật ngữ này về cơ bản là đồng nhất, với **sự chết** là điều kiện và địa điểm **âm phủ**. Âm phủ là từ Tân Ước tương đương với thuật ngữ Cựu Ước Sheol và đề cập đến nơi ở của người chết. Các **chìa khoá** biểu thị quyền tiếp cận và quyền bính. Đức Chúa Jêsus Christ có quyền quyết định ai chết và ai sống; Ngài cầm quyền trên sự sống và sự chết. Và Giăng, giống như hết thảy những người được cứu chuộc, không có gì phải lo sợ, một khi Đấng Christ đã giải cứu ông khỏi sự chết rồi và âm phủ bởi chính sự chết của Ngài.

Với sự nhìn biết Đấng Christ có quyền trên sự chết cung ứng sự bảo đảm, một khi những người tin Chúa không còn phải lo sợ nó. Chúa Jêsus tuyên bố: "Ta là sự sống lại và sự sống; kẻ nào tin ta thì sẽ sống, mặc dầu đã chết rồi ... vì ta sống thì các người cũng sẽ sống" (Gi 11:25; 14:19). Phao-lô lưu ý, chết là "liạ bỏ thân thể này đang ở cùng Chúa thì hơn" (II Co 5:8, đối chiếu Phi 1:23). Chúa Jêsus đã chinh phục Satan và tước chìa khoá sự chết ra khỏi hắn: "bởi sự chết mình mà phá diệt kẻ cầm quyền sự chết, là ma quỷ, lại cho giải thoát mọi người vì sợ sự chết, bị cầm trong vòng tội mọi trọn đời" (He 2:14-15). Hiểu biết Đấng Christ "yêu thương chúng ta, đã lấy huyết mình rửa sạch tội lỗi chúng ta" (Kh 1:5) cung ứng sự bảo đảm, nâng sự kính sợ Chúa lên ngang tầm với sự vinh hiển và oai nghi của Ngài.

BỎN PHẬN

Vậy hãy chép lấy những sự người đã thấy, những việc nay hiện có và những việc sau sẽ đến (Kh 1:19)

Sự mặc thị đáng kinh ngạc Giăng đã nhìn thấy đã cảm thúc trong ông một môi căng thẳng lạnh mạnh giữa sợ hãi và sự bảo đảm. Nhưng cùng với việc ấy, được thêm vào một sự nhắc nhở về bốn phận của ông. Mạng lệnh ban đầu của Đấng Christ phải **chép lấy** giờ đây được coi rộng ra, như Giăng được truyền cho phải ghi lại ba đặc điểm. Thứ nhất, **những sự người đã thấy**, sự mặc thị Giăng mới nhìn thấy và ghi lại trong các câu 10-16. Kế tiếp, **những việc nay hiện có**, một tham khảo đến các thư tín viết cho bảy Hội thánh ở các chương 2 và 3, ở đây mô tả tình trạng hiện tại của Hội thánh. Sau cùng, Giăng viết về **những việc sau sẽ đến**, những khái thị tiên tri về cuộc tương lai được mở ra trong các chương 4-22. Mạng lệnh này có ba phần cung ứng một tóm lược cho sách Khải huyền, bao gồm (từ nhận định của Giăng) về quá khứ, hiện tại và tương lai.

Giống như Giăng, tất cả Cơ đốc nhân đều có bốn phận chuyển giao những lẽ thật mà họ tiếp thu được từ những sự hiện thấy được chép lại trong sách này. Những mặc thị ấy lúc đầu có thể gây sửng sốt, xáo trộn, hoặc hấp dẫn. Nhưng chúng, giống như cả Kinh Thánh, đều "là bởi Đức Chúa Trời soi dẫn, có ích cho sự dạy dỗ, bẻ trách, sửa trị, dạy người trong sự công bình, hầu cho người thuộc về Đức Chúa Trời được trọn vẹn và sẵn sàng để làm mọi việc lành" (II Ti 3:16-17). Là tín đồ nghiên cứu sự vinh hiển của Đấng Christ được phản ánh trong sách Khải huyền: "Chúng ta ai nấy đều để mặt trần mà nhìn xem vinh hiển Chúa như trong gương, thì hóa nên cũng một ảnh tượng Ngài, từ vinh hiển qua vinh hiển, như bởi Chúa, là Thánh Linh" (II Co 3:18).

Thành Ê-phê-sô: Khi Tình Yêu Ngươi Dần (Kh 2:1-7)

4

“Hãy viết cho thiên sứ của Hội thánh Ê-phê-sô rằng: Đây là lời phán của Đấng cầm bảy ngôi sao trong tay hữu và đi chính giữa bảy chân đèn vàng: Ta biết công việc ngươi, sự khó nhọc ngươi, sự nhịn nhục ngươi; ta biết ngươi không thể dung được những kẻ ác, lại biết ngươi đã thử những kẻ tự xưng là sứ đồ mà không phải là sứ đồ, ngươi đã rõ rằng chúng nó giả dối. Ngươi hay nhịn nhục và chịu khó vì danh ta, không mệt nhọc chút nào. Nhưng điều ta trách ngươi, là ngươi đã bỏ lòng kính mến ban đầu. Vậy hãy nhớ lại ngươi đã sa sút từ đâu, hãy ăn năn và làm lại những công việc ban đầu của mình; bằng chẳng vậy, ta sẽ đến cùng ngươi, nếu ngươi không ăn năn thì ta sẽ cất chân đèn của ngươi khỏi chỗ nó. Song ngươi có điều này khá, là ngươi ghét những việc làm của đảng Ni-cô-la, mà ta, ta cũng ghét nữa. Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh rằng: Kẻ nào thắng, ta sẽ cho ăn trái cây sự sống ở trong Ba-ra-di của Đức Chúa Trời” (Kh 2:1-7)

Francis Schaeffer đã từng nhận xét rằng: "ý nghĩa của từ Christian [Cơ đốc nhân] bị cắt giảm chẳng còn gì hết . . . Bởi vì chữ Christian là một biểu tượng được tạo ra có ít ý nghĩa lắm, nó xuất hiện để nói tới mọi sự và chẳng nói tới cái gì cả" (*The Mark of the Christian* [Downer Grove, Ill: InterVarsity, 1970], 11). Từ ngữ Christian trong cách sử dụng đương thời có thể nói tới bất cứ ai không phải là người Do-thái, bất cứ người nào sống trong một quốc gia "Cơ đốc" (thí dụ, như ngược lại, nói tới một người theo đạo Phật hay Hồi giáo), hoặc bất cứ ai xưng mình là trung thành với Đức Chúa Jê-sus Christ. Thuật ngữ evangelical [Tin lành] đang chạy theo cùng một xu hướng đầu không chính xác.

Nhưng mặc dù thế gian có thể bị nhầm lẫn về Cơ đốc nhân có nghĩa là gì đi nữa, Kinh Thánh nói rất rõ ràng. Cơ đốc nhân là những người được cứu hiệp nhất với Đức Chúa Trời qua Đức Chúa Jê-sus Christ, những người nào mà "vì vừa lúc ban đầu, Ngài đã chọn anh em bởi sự nên thánh của Thánh Linh, và bởi tin lễ thật" (II Te 2:13; đối chiếu Lu 18:7; Ro 8:33; Eph 1:4; Co 3:12; I Te 1:4, II Ti 2:10; Tit 1:1; I Phi 1:1-2; 2:10). Như một kết quả, họ đã bước theo đức tin cứu rỗi nơi Đấng Cứu Thế duy nhất (Cong 4:12), Đức Chúa Jê-sus Christ (Gi 3:15-18, 36; 5:24; 6:47; Ro 1:16; 4:5; 10:10; I Gi 5:1), và đã ăn năn tội của họ (Ro 2:4; I Phi 3:9). Đức Chúa Trời đã tha tội cho họ (Cong 10:43; Eph 1:7; I Gi 1:7, 9; Kh 1:5), khiến họ trở nên con cái Ngài (Ro 8:16-17, Ga 4:7, Eph 1:5; 5:1, 8; Phi 2:15, I Gi 3:2), và khiến cho họ trở nên tạo vật mới (II Co 5:17) được Đức Thánh Linh ngự vào lòng (Gi 14:17; Ro 8:4, 9, 11, 14; I Co 3:16; 6:19; Ga 4:6; II Ti 1:14; I Gi 3:24).

Có nhiều việc đánh dấu Cơ đốc nhân, bao gồm sự kính sợ Đức Chúa Trời (II Co 7:1; Phi 2:12; I Phi 1:17), một sự khao khát muốn bắt chước Ngài (Eph 5:1; I Gi 2:6), sự thánh khiết (Mat 5:48; II Co 7:1; Tit 2:11-12; He 12:14; I Phi 1:15-16; 2:24; I Phi 3:11), và sự vâng lời (Gi 10:27; 14:21; 15:14; Ro 1:5; 16:26; He 5:9; I Phi 1:2; I Gi 3:24). Nhưng đặc điểm cao nhất của một Cơ đốc nhân là tình yêu dành cho Chúa và Đức Chúa Trời của người. Khi bị thách thức phải nói ra điều răn lớn nhất của luật pháp, Chúa Jê-sus đáp rằng: "Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Ngươi hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu mến Chúa, là Đức Chúa Trời ngươi. Ấy là điều răn thứ nhất và lớn hơn hết" (Mat 22:37-38). Ngài thách các môn đồ Ngài phải biến sự kính mến Ngài thành ưu tiên cao nhất trong đời sống của họ: "Ai yêu cha mẹ hơn ta thì không đáng cho ta; ai yêu con trai hay là con gái hơn ta thì cũng không đáng cho ta; ai không vác cây thập tự mình mà theo ta, thì cũng chẳng đáng cho ta" (Mat 10:37-38). Trong Gi 14:21, 23 Ngài nói thêm: "Ai có các điều răn của ta và vâng giữ lấy, ấy là kẻ yêu mến ta; người nào yêu mến ta sẽ được Cha ta yêu lại, ta cũng sẽ yêu người, và tỏ cho

người biết ta ... Nếu ai yêu mến ta, thì vâng giữ lời ta, Cha ta sẽ thương yêu người, chúng ta đều đến cùng người và ở trong người". Chúa Jêsus phán rằng: Các con cái thật của Đức Chúa Trời sẽ kính mến Ngài (Gi 8:42; IPhi 1:8) và được Ngài biết đến (ICo 8:3). Để phân biệt tình trạng thuộc linh của Phi-e-rơ, Chúa Jêsus đã hỏi ông ba lần: "Người yêu ta chăng?" (Gi 21:15-17). Phao-lô xác định Cơ đốc nhân là người được điều khiển bởi "tình yêu của Đấng Christ" (II Co 5:14). Người nào yêu mến Đức Chúa Jêsus Christ sẽ được phước (Eph 6:24); người nào không yêu mến Chúa sẽ bị rửa sạch (ICo 16:22). Trong khi tình yêu dành cho Đức Chúa Jêsus Christ luôn luôn hiện hữu nơi các Cơ đốc nhân chọn thật, nó có thể dao động trong cường độ của nó. Cơ đốc nhân sẽ không bao giờ yêu mến Đức Chúa Jêsus Christ bằng cả tấm lòng, linh hồn, ý chí và sức mạnh của họ, và thất bại không làm được như thế đều là tội lỗi. Không có minh họa nào trong Kinh Thánh nói tới sự nghiêm chỉnh của tình yêu dành cho Đấng Christ hay hơn thư tín này gửi cho Hội thánh tại thành Ê-phê-sô.

Bảy Hội thánh được đề cập đến trong các chương 2 và 3 là các Hội thánh thực sự tồn tại khi Giăng viết. Nhưng sao chép không chính xác, chúng cũng tiêu biểu cho các loại Hội thánh thường hiện hữu trong suốt kỷ nguyên Hội thánh. Năm trong số bảy nhà thờ (Si-mi-éc-nơ và Phi-la-đen-phi-a là những ngoại lệ) đã bị quở trách vì đã dung chịu tội lỗi ở giữa họ, chứ không phải xảy ra bất thường trong các Hội thánh. Nan đề trong năm Hội thánh đó nằm ở mức độ nghiêm trọng từ tình yêu đang suy giảm tại thành Ê-phê-sô đến toàn bộ sự bội đạo tại Lao-đi-xê. Hơn nữa, bất kỳ Hội thánh nào ở bất cứ kỷ nguyên nào có thể có một sự pha trộn của các thứ tội lỗi đang hành hại cho năm Hội thánh này.

Mặc dù Đấng Christ đã nhắc tới Hội thánh Ê-phê-sô trước hết bởi vì đây là Hội thánh đầu tiên trên cả tuyến đây, đây cũng là Hội thánh nổi bật nhất trong bảy Hội thánh. Đây là Hội thánh mẹ, từ chức vụ của Hội thánh này mà sáu Hội thánh kia đã được thành lập (đối chiếu Cong 19:10) và đã đặt tên nó cho bức thư được cảm thúc Ê-phê-sô mà sứ đồ Phao-lô đã viết ra từ bốn mươi năm trước. Nội dung của bức thư thứ nhất này tạo khuôn mẫu cho sáu bức thư kia. Nó chứa bảy đặc điểm: thư tín, Hội thánh, thành phố, khen thưởng, quan tâm, truyền linh và tư vấn.

THƯ TÍN

Đấng cầm bảy ngôi sao trong tay hữu và đi chính giữa bảy chân đèn vàng: (Kh 2:1c)

Mặc dù tác giả không ghi tên, phần mô tả cho thấy rõ ràng Ngài là ai. Ngài là Đấng rõ ràng được mô tả là Chúa vinh hiển của Hội thánh trong 1:9-20, Đức Chúa Jêsus Christ đã được tôn vinh hiển. Cụm từ **Đấng cầm bảy ngôi sao trong tay hữu và đi chính giữa bảy chân đèn vàng** được rút ra từ phần mô tả Đấng Christ trong sự hiện thấy của Giăng (đối chiếu 1:13, 16). Thực vậy, Đấng Christ xác định chính mình Ngài cho từng Hội thánh trong năm Hội thánh đầu tiên bằng cách sử dụng cụm từ từ sự hiện thấy đó (đối chiếu 2:8 với 1:18, 2:12 với 1:16; 2:18 với 1:14-15; 3:1 với 1:18). Điều đó củng cố sự thật cho thấy rằng Ngài là tác giả của các thư tín; chúng là lời phán trực tiếp của Ngài, thông qua sứ đồ Giăng, đến các hội chúng địa phương và các Hội thánh giống như họ trải qua nhiều năm tháng.

Như đã được lưu ý trong chương 3 của sách này, **bảy ngôi sao** tiêu biểu cho các cấp lãnh đạo từ bảy Hội thánh. Đấng Christ đã **cầm chúng trong tay hữu** Ngài cho thấy rằng họ là các mục sư của Ngài, dưới quyền của Ngài khi Ngài là trung bảo quyền tể trị của Ngài trong Hội thánh qua các cấp lãnh đạo con người. Đấng Christ mô tả chính mình Ngài là **đi chính giữa bảy chân đèn vàng** (7 Hội thánh; 1:20) — kiểm tra, xem xét, định mức, và đánh giá họ. Là Đấng tể trị của Hội thánh, Ngài có thẩm quyền nói tới Hội thánh.

HỘI THÁNH

Hội thánh Ê-phê-sô (Kh 2:1a)

Có lẽ không có Hội thánh nào trong lịch sử có một di sản phong phú như hội chúng tại thành Ê-phê-sô. Tin lành được giới thiệu với thành phố này bởi những người bạn thân của Phaolô và những cộng

tác viên trong chức vụ, Bê-rít-sin và A-qui-la (Cong 18:18-19). A-bô-lô là nhà hùng biện hùng hồn và đầy năng quyền đã sớm hiệp cùng với họ (Cong 18:24-26). Bê-rít-sin, A-qui-la, và A-bô-lô đã đặt nền móng cho chức vụ của Phao-lô tại thành Ê-phê-sô.

Sứ đồ Phao lô dừng lại ngắn ngủi tại thành Ê-phê-sô gần cuối chuyến hành trình truyền giáo thứ hai của ông (18:19-21), song chức vụ thực sự của ông tại thành phố trọng điểm đó đã diễn ra trong chuyến hành trình truyền giáo thứ ba của ông. Sau khi đến thành Ê-phê-sô, trước tiên ông gặp một nhóm các thánh đồ Cựu Ước, là các môn đồ của Giảng Báp-tít (19:1-7). Sau khi rao giảng Tin lành cho họ, ông làm phép báp-têm cho họ trong danh của Đức Chúa Jêsus Christ (19:5). Việc ấy khởi sự công tác gây dựng Hội thánh của Phao-lô tại thành Ê-phê-sô — một công tác kéo dài trong ba năm (20:31). Sau đó, trên đường lên thành Jerusalem gần cuối chuyến hành trình truyền giáo thứ ba, ông dạy cho các trưởng lão của hội thánh Êphê-sô về các nguyên tắc thiết yếu của chức vụ lãnh đạo Hội thánh (20:17-38), là thực chất mà về sau ông mở rộng trong các thư tín mục vụ của mình. Timôthê, là người mà Phao-lô bảo hộ cho, đã phục vụ trong vai trò mục sư của Hội thánh tại thành Ê-phê-sô (ITi 1:3). Ô-nê-si-phô-rô (ITi 1:16, 18) và Ti-chi-cơ (4:12), thêm hai người nữa là bạn đồng công của Phao-lô, cũng phục vụ tại thành Ê-phê-sô. Sau cùng, theo lời chứng của Hội thánh đầu tiên, sứ đồ Giảng đã trải qua những thập niên cuối cùng của đời ông tại thành Ê-phê-sô, từ đó ông viết ba thư tín mà ông tự nhận mình là "trưởng lão" (đối chiếu IIGi 1:1; IIIGi 1:1). Chắc chắn ông là cấp lãnh đạo dẫn dắt Hội thánh Ê-phê-sô khi ông bị bắt và bị đày đến đảo Bát-mô.

Các biến cố đầy kịch tính và nổi bật đi kèm với sự ra đời của Hội thánh Ê-phê-sô. Chức vụ của Phao-lô đã ảnh hưởng sâu sắc không những ở thành Ê-phê-sô, mà còn cả toàn bộ tỉnh Á-châu nữa (Cong 19:10). Như đã lưu ý trước đây, chắc chắn là trong suốt thời gian này, phần còn lại bảy Hội thánh đã được thành lập. Đức Chúa Trời siêu nhiên đã khẳng định Phao lô là phát ngôn nhân của Ngài qua một loạt các phép lạ ngoạn mục (19:11-12). Với nỗ lực bắt chước sự thành công của Phao-lô, một nhóm người Do-thái đã bị đánh đập và làm nhục bởi một kẻ bị quỷ ám (19:13-16). Sự thất bại của họ làm cho cả thành phải sửng sốt và kinh hoàng, khiến cho **"danh Chúa được tôn trọng"** (Công Vụ các Sứ Đồ 19:17). Bị sốc khi nhận ra sự hư không của việc tin theo cách thực hành tà giáo: **"Phần nhiều kẻ đã tin, đến xưng tội và tỏ ra việc mình đã làm. Có lắm người trước theo nghề phù phép đem sách vở mình đốt trước mặt thiên hạ; người ta tính giá sách đó, cộng là năm muôn đồng bạc"** (các câu 18-19). Số tiền đáng kinh ngạc đó, tương đương với 50.000 tiền lương công nhật của người lao động, cho thấy mức độ đỉnh đáng của thành Ê-phê-sô trong chỗ ma thuật.

Sự biến đổi đáng kinh ngạc của số lượng lớn người thành Ê-phê-sô đặt ra một mối đe dọa nghiêm trọng về kinh tế đối với các thợ thủ công theo tà giáo của thành phố. Thành Ê-phê-sô là trung tâm tôn thờ nữ thần Artemis (người La-mã xem là thần Diana), đền thờ của thần này là một trong bảy kỳ quan của thế giới cổ đại. Với sự xúi giục của một thợ bạc tên là Đê-mê-tri-ô, những người thợ thủ công, họ nhìn thấy công việc làm ăn sinh lợi của mình đang bị đe dọa, họ đã phản ứng rất dữ dội. Cuộc bạo loạn liên tiếp ném thành Ê-phê-sô vào tình trạng hỗn loạn (19:23-41).

Vào thời điểm của thư tín này, bốn thập kỷ đã trôi qua kể từ ngày ra đời đầy hỗn loạn của Hội thánh Ê-phê-sô. Sứ đồ Phao-lô đã qua đời, cũng như nhiều người thế hệ những người tin Chúa đầu tiên đã trở lại đạo dưới chức vụ của ông. Một tình huống mới cần có một bức thư được cảm thúc khác cho người thành Ê-phê-sô, bức thư này ra từ chính mình Chúa, do sứ đồ Giảng chép lại.

THÀNH PHỐ

Thành Ê-phê-sô (Kh 2:1b)

Mặc dù không phải là thủ phủ (Bệ-găm mới là thủ phủ chính thức của tỉnh), song thành Ê-phê-sô là thành phố quan trọng nhất trong xứ Tiểu Á (một khi Tổng đốc La-mã ngụ ở đó, có thể cho rằng thành Ê-phê-sô là thủ phủ). Dân cư trong thời Tân Ước đã được ước tính khoảng giữa 250.000 đến 500.000 người. Nhà hát của thành phố, còn thấy hôm nay, những kẻ nổi loạn điên cuồng đã lôi mấy người bạn của Phao-lô Gai-út và A-ri-tạt vào trong đó (Cong 19:29), có thể chứa khoảng 25.000 người. Thành Ê-phê-sô là một

thành phố tự do (nghĩa là, tự quản, trong các giới hạn) và không có quân đội La-mã đóng ở đó. Thành phố tổ chức các sự kiện thể thao, cạnh tranh với các trận đấu Thế Vận.

Thành Ê-phê-sô là cảng chính trong tỉnh Á-châu. (Theo luật nhập cư, các tổng đốc La-mã phải bước vào Á-châu thông qua thành Ê-phê-sô). Thành phố nằm bên sông Cayster, khoảng ba dặm từ thượng nguồn nó chảy vào đại dương. Đi xuống bên cảng dọc theo một con đường rộng tuyệt đẹp, (đường Arcadian) dẫn đến trung tâm thành phố. Trong thời của Giăng phù sa sông Cayster dần lấp đầy hải cảng, buộc thành phố phải đấu tranh để giữ cho con kênh được mở luôn. Trận chiến đã bị thua vào lúc sau cùng, và ngày nay các tàn tích của thành Ê-phê-sô đang nằm khoảng sáu dặm tính từ biển vào nội địa.

Thành Ê-phê-sô về mặt chiến lược nằm ở ngã tư của bốn con đường La-mã quan trọng nhất trong xứ Tiểu Á. Cùng với bến cảng của nó, sự việc ấy đã thúc đẩy nhà địa lý Strabo (một người đương thời với Đấng Christ) mô tả thành Ê-phê-sô bình là khu thương mại của Á-châu.

Nhưng thành Ê-phê-sô nổi tiếng nhất là trung tâm thờ lạy nữ thần Artemis (Diana) — một niềm tự hào vĩ đại (Cong 19:27, 35). Đền thờ Artemis là điểm mốc nổi bật nhất của thành Ê-phê-sô. Vì chùa chiền bên trong nó được cho là bất khả xâm phạm, đền thờ đóng vai trò là một trong những ngân hàng quan trọng nhất thuộc thế giới Địa Trung Hải. Chùa chiền và các vùng lân cận nó cũng cung cấp nơi trú ẩn cho bọn tội phạm. Hơn nữa, việc mua bán các thứ đồ dùng được sử dụng trong sự thờ lạy Artemis cung cấp một nguồn thu nhập quan trọng của thành phố (đối chiếu Cong 19:24). Mỗi kỳ lễ vào mùa xuân kéo dài cả tháng trời đã được tổ chức để tôn vinh nữ thần, hoàn tất với các sự kiện thể thao, kịch nghệ và âm nhạc. Phao-lô đã dự đoán sự kiện hàng năm này như là một cơ hội truyền giáo duy nhất và đã chờ đợi sự kiện ấy khi ông viết cho người thành Cô-rinh-tô biết rằng ông dự định ở lại thành Ê-phê-sô (ICo 16:8).

Việc thờ lạy Artemis là vô nghĩa. Hình tượng của nàng là một con quái vật to lớn có nhiều vú, ai nấy đều tin rằng thần đã sa xuống từ trời (Cong 19:35). Đền thờ có rất nhiều thầy tế lễ, thái giám, và nô lệ tham dự. Hàng ngàn nữ tu, ít nhiều gì thì họ là hạng gái mại dâm hơn là nghi thức, đã đóng một vai trò quan trọng trong việc thờ lạy Artemis. Nền đền thờ là một sự hỗn hợp giới nữ tu, gái mại dâm, nhân viên ngân hàng, bọn tội phạm, nhạc sĩ, các vũ công, và những người đến thờ lạy rất cuồng loạn. Triết gia Heraclitus được gọi là triết gia khốc lóc, ông tuyên bố, không một ai có thể sống ở thành Ê-phê-sô mà không khốc lóc về tình trạng phi đạo đức của nó (xem William Barclay, *The Revelation of John* [Philadelphia: Westminster, 1976], 1:60).

Nằm núp giữa sự thờ lạy hình tượng tà giáo như vậy đánh dấu thành Ê-phê-sô là một nhóm Cơ đốc nhân trung tín. Đối với họ, chính Đấng Christ được nhắc tới ở thư tín thứ nhất này trong bảy thư tín.

KHEN NGỢI

“Ta biết công việc ngươi, sự khó nhọc ngươi, sự nhịn nhục ngươi; ta biết ngươi không thể dung được những kẻ ác, lại biết ngươi đã thử những kẻ tự xưng là sứ đồ mà không phải là sứ đồ, ngươi đã rõ rằng chúng nó giả dối. Ngươi hay nhịn nhục và chịu khó vì danh ta, không mệt nhọc chút nào ... Song ngươi có điều này khá, là ngươi ghét những việc làm của đảng Ni-cô-la, mà ta, ta cũng ghét nữa” (Kh 2:2-3, 6).

Oida (biết) chỉ ra tri thức của Chúa trong từng thư tín (đối chiếu 2:9, 13, 19; 3:1, 8, 15). Trái ngược với *ginōskō*, chữ này đề cập đến việc tiếp thu dần dà về tri thức, **oida** đề cập đến kiến thức đầy đủ và trọn vẹn. Chúa của Hội thánh biết mọi sự cần phải biết về Hội thánh — cả tốt lẫn xấu. Tri thức trọn vẹn như thế là bằng chứng trong từng thư tín khi Chúa xét đoán và ngợi khen các Hội thánh.

Trước khi quở trách họ vì các thất bại, Đức Chúa Jêsus Christ đã khen ngợi người thành Ê-phê-sô vì những gì họ làm là đúng đắn. Ngài khởi sự bằng cách công nhận mọi **công việc** của họ — một thuật ngữ tổng quát tóm tắt tất cả những gì theo sau. Cụ thể, Đấng Christ trước tiên khen ngợi các tín hữu người thành Ê-phê-sô vì sự **khó nhọc** của họ. **Kopos** (toil) (khó nhọc) biểu thị lao động đến mức đổ mồ hôi và kiệt sức. Nó mô tả một nỗ lực hết sức, đòi hỏi mọi sự mà một người phải có — về thể chất, về lý trí và về tình cảm. Người thành Ê-phê-

sô là hạng người lao động cần cù vì lý tưởng của Đấng Christ. Thuộc về họ chẳng phải là trí khôn vượt bậc đâu; họ không muốn đơn thuần chỉ là giải trí đâu. Họ cũng không hài lòng khi ăn hoa quả lao động của người khác, nhưng họ sẵn lòng cày xới, trồng tía và thu hoạch vụ mùa của mình. Ở giữa bóng tăm tối của tà giáo bao quanh họ, họ đã tích cực truyền giảng cho người bị hư mất, gây dựng các thánh đồ và chăm sóc những người đang có cần.

Sự nhịn nhục dịch từ chữ *hupomonē*, biểu hiện sự kiên nhẫn trong những tình huống phải cố gắng. Ngược lại, từ đồng nghĩa của nó, *makrothumia*, nói chung nhấn mạnh sự nhịn nhục với người ta (Richard C. Trench, *Synonyms of the New Testament* [reprint, Grand Rapids: Eerdmans, 1983], 195...). *Hupomonē* không biểu thị một sự cam chịu không lay chuyển, mà là một sự chấp nhận trong can đảm của chức vụ nhọc nhằn, đau khổ và mất mát. Lời khen ngợi này chỉ ra rằng, mặc dù mọi hoàn cảnh khó khăn, người tin Chúa ở thành Ê-phê-sô vẫn giữ lòng trung tín với Chúa của họ.

Một khía cạnh đáng khen khác nữa của các tín đồ thành Ê-phê-sô là họ từ chối **không dung được những kẻ ác**. Họ duy trì một tiêu chuẩn cao, thánh khiết trong cách ứng xử và nhạy cảm đối với tội lỗi, chắc chắn vâng theo mạng lệnh của Chúa để thực thi kỷ luật của Hội thánh (Mat 18:15 ...). Bốn mươi năm trước đó, Phaolô đã truyền cho họ đừng **"cho ma quỷ nhân dịp"** (Eph 4:27), và họ vẫn còn chân chừ chưa muốn làm theo như thế.

Hội thánh Ê-phê-sô cũng không thiếu sót trong sự phân biệt về mặt thuộc linh, một khi nó **đã thử những kẻ tự xưng là sứ đồ mà không phải là sứ đồ, người đã rõ ràng chúng nó giả dối**. Người thành Ê-phê-sô không bao giờ quên lời khuyên mà Phaolô đã nói với cấp lãnh đạo của họ ở nhiều năm trước đó:

“Anh em hãy giữ lấy mình, và luôn cả bây mà Đức Thánh Linh đã lập anh em làm kẻ coi sóc, để chặn Hội thánh của Đức Chúa Trời, mà Ngài đã mua bằng chính huyết mình. Còn tôi biết rằng sau khi tôi đi, sẽ có muông sói dữ tợn xen vào trong vòng anh em, chẳng tiếc bấy đâu; lại giữa anh em cũng sẽ có những người nói lời hung ác dấy lên, ráng sức dỗ môn đồ theo họ. Vậy, hãy tỉnh thức, nhớ lại rằng trong ba năm hằng đêm và ngày, tôi hằng chảy nước mắt ra mà khuyên bảo cho mọi người luôn” (Cong 20:28-31).

Các giáo sư giả đặt ra một sự nguy hiểm liên tục cho Hội thánh. Chúa Jêsus đã cảnh báo về "tiên tri giả, là những kẻ mang lột chiên đến cùng các người, song bề trong thật là muông sói hay cắn xé" (Mat 7:15). Trong thư thứ hai của mình, Giăng cảnh cáo về "nhiều kẻ đồ dành" (IIGi 1:7) và cảnh báo các tín hữu: "Nếu ai đến cùng các người mà không đem đạo ấy theo, thì chớ rước họ vào nhà, và đừng chào hỏi họ" (IIGi 1:10). Phaolô đương diện với các "sứ đồ" giả ở thành Cô-rinh-tô và lột mặt nạ của họ với phần mô tả như sau: "Vì mấy người như vậy là sứ đồ giả, là kẻ làm công lừa dối, mạo chức sứ đồ của Đấng Christ. Nào có lạ gì, chính quỷ Sa-tan mạo làm thiên sứ sáng láng. Vậy thì những kẻ giúp việc nó mạo làm kẻ giúp việc công bình cũng chẳng lạ gì; nhưng sự cuối cùng họ sẽ y theo việc làm" (II Co 11:13-15). Didache, một cẩm nang Cơ đốc đầu tiên về trật tự của Hội thánh, cũng cảnh báo về mối nguy hiểm các giáo sư giả:

Tiếp đón từng vị sứ đồ khi đến nơi, như thể người là Chúa. Nhưng người không được ở lại quá một ngày. Tuy nhiên trong trường hợp cần thiết, cũng đừng quá ngày hôm sau nữa. Nếu người ở lại ba ngày, người là một tiên tri giả. Khi rời đi, vị sứ đồ không được nhận lấy bất cứ thứ gì, trừ ra thức ăn đủ để mang theo cho tới khi đến chỗ ngụ tiếp theo. Nếu người hỏi xin tiền bạc, người ấy là một tiên tri giả (1 I.4-6, cited in Cyril C. Richardson, ed, *Early Christian Fathers* [New York: Macmillan, 1970], 176).

Giáo phụ Hội thánh đầu tiên là Ignatius, không lâu sau khi Giăng viết sách Khải huyền, ông cũng đã viết khen ngợi người thành Ê-phê-sô vì sự cảnh giác của họ: "Anh em chú ý đến những gì ông ấy nói rất thực về Đức Chúa Jêsus Christ ... Tôi nghe nói rằng một số người lạ mặt đã lên vào anh em với sự giảng dạy xấu xa. Nhưng anh em đã không cho phép họ gieo ra sự dạy ấy vào giữa anh em. Anh em đã bịt tai mình lại để ngăn ngừa không cho phép những điều họ đã rao giảng" (Eph 6.2; 9.1; cited in Richardson, *Early Christian Fathers*, 89, 90).

Qua mọi khó khăn mà người thành Ê-phê-sô đã đối diện với hơn bốn mươi năm, qua mọi nỗ lực vất vả và nhịn nhục chịu đựng các thử thách, sự từ chối không dung chịu điều ác, và sự phân biệt thuộc linh

của họ, họ vẫn giữ lấy **sự chịu khó** của họ. Họ đã **nhịn nhục**, Chúa Jêsus đã tuyên bố, vì động cơ cao nhất trong mọi động cơ: **vì cố danh Ngài**. Và họ đã chịu như vậy mà **không một nhọc chút nào** (đối chiếu Ga 6:9); họ đã không đầu hàng trước sự thất vọng, vô ơn, hoặc chỉ trích. Họ giữ lòng trung thành với Chúa, trung thành với Lời của Ngài và với công việc mà vì đó Ngài đã kêu gọi họ.

Chúa Jêsus thêm một lời khen ngợi sau cùng ở câu 6: **“Song người có điều này khá, là người ghét những việc làm của đảng Ni-cô-la, mà ta, ta cũng ghét nữa”**. Đảng Ni-cô-la, cũng được nhắc tới trong bức thư gửi cho Hội thánh Bết-găm (2:12-15), không thể xác định theo cách tích cực được. Một vài tham khảo đến dị giáo này trong các tác phẩm của những giáo phụ Hội thánh gắn nó với Nicolas, là một trong số bảy người được chỉ định để giám sát việc phân phối thực phẩm trong Công Vụ các Sứ Đồ 6. Có người cho rằng Nicolas là một tín đồ giả trở thành kẻ bội đạo, song vẫn có ảnh hưởng trong Hội thánh vì có những việc đáng tin cậy của ông ta. Những người khác cho rằng đảng Ni-cô-la đã giải thích sai trong sự giảng dạy của ông ta. Bất kể gốc gác của nó, chủ nghĩa Ni-cô-la đã dẫn người ta vào tình trạng phi đạo đức và gian ác. Bức thư gửi Hội thánh Bết-găm gắn nó với giáo lý giả dối của Ba-la-am đã khiến cho Israel phải sai lạc. Những **việc làm của đảng Ni-cô-la** do đó liên quan đến những cám dỗ về tình dục dẫn đến tình trạng phi luân về tình dục và ăn những thứ đã được cúng cho thần tượng (2:14) mà không xem xét đến sự xúc phạm của việc làm đó (đối chiếu Ro 14:1-15:3) — mọi sự ở trong danh nghĩa tự do Cơ đốc. Có thể cho rằng "sự dạy của đảng Ni-cô-la là một sự phóng đại của giáo lý nói tới quyền tự do Cơ đốc, nó nỗ lực tạo một sự thỏa hiệp về đạo đức với chủ nghĩa vô thần" (Merrill C. Tenney, *Interpreting Revelation* [Grand Rapids: Eerdmans, 1957], 61). Irenaeus đã viết về đảng Ni-cô-la rằng họ "đã sống loại đời sống tự nuông chiều không kèm chế" (cited in Tenney, *Interpreting Revelation*, 61). Clement ở Alexandria nói thêm rằng đảng Ni-cô-la "đưa mình vào khoái lạc giống bầy dê ... hướng tới một đời sống tự nuông chiều" (cited in Barclay, *The Revelation of John*, 1:67).

Không giống Hội thánh Bết-găm, Hội thánh Ê-phê-sô đã không dung cho đảng **Ni-cô-la** nhưng ghét các sự dạy theo tà giáo của họ. Vì cố Đức Chúa Jêsus Christ đã ngợi khen họ. Ghét là một thái độ thích hợp và chính xác phản ứng ngược lại với sự dung chịu của Hội thánh Bết-găm đối với đảng Ni-cô-la (2:14-15). Kinh Thánh tỏ ra rằng Đức Chúa Trời ghét sự bất khiết (Es 61:8; Gie 44:4; Am 5:21; Xa 8:17).

QUAN TÂM

“Nhưng điều ta trách người, là người đã bỏ lòng kính mến ban đầu” (Kh 2:4)

Mặc dù tất cả các yếu tố đáng khen ở Hội thánh Ê-phê-sô, cái nhìn thấu suốt và toàn tri của Đức Chúa Jêsus Christ đã chỉ ra một lỗ hổng chết người. Mặc dù họ giữ nguyên phần chính thống trong giáo lý của họ và tiếp tục phục vụ Đấng Christ, sự thờ phượng ấy bị thoái hóa thành chính thống máy móc. Mặc dù họ đã từng yêu mến (Eph 1:15; 3:17-19; 6:23), bốn mươi năm sau tình cảm của thế hệ tín đồ đầu tiên đã nguội dần đi. Thế hệ hiện tại đang duy trì phần giáo lý đã được truyền lại cho họ, nhưng họ đã **bỏ lòng kính mến ban đầu**. Lòng kính mến ấy bao gồm tình cảm dành cho Đức Chúa Trời và Đấng Christ, yêu thương nhau, và tình cảm dành cho kẻ bị hư mất. Đó là tình yêu được xác định là vâng phục (II Gi 1:6). Họ đã chìm đắm xuống tới chỗ mà ở đó họ đang mang lấy các trách nhiệm Cơ Đốc của họ với việc giảm bớt tình cảm dành cho Chúa của họ và tha nhân.

Mối nguy hiểm chết chóc của tình huống ấy được minh họa bởi những tai họa đã phát sinh khi tình cảm của Israel dành cho Đức Chúa Trời bị nguội lạnh đi. Qua Giê-rê-mi, Đức Chúa Trời đã quở trách dân sự Ngài vì đã quên Ngài:

“Hãy đi, kêu vào tai Giê-ru-sa-lem rằng: Đức Giê-hô-va phán như vậy: Ta còn nhớ về người lòng nhân từ của người lúc đang thơ, tình yêu mến trong khi người mới kết bạn, là khi người theo ta nơi đồng vắng, trong đất không gieo trồng. Y-sơ-ra-ên vốn là dân biệt riêng ra thánh cho Đức Giê-hô-va; vốn là trái đầu mùa của hoa lợi Ngài. Phàm những kẻ nuốt dân ấy sẽ có tội; tai vạ sẽ lâm trên họ, Đức Giê-hô-va phán vậy. Hỡi nhà Gia-cốp, cùng các họ hàng nhà Y-sơ-ra-ên, hãy nghe lời Đức Giê-hô-va! Đức Giê-hô-va phán như vậy: Tổ

phụ các người có thấy điều không công bình gì trong ta, mà đã xa ta, bước theo sự hư không, và trở nên người vô ích? Họ không nói: Chớ nào Đức Giê-hô-va ở đâu? Ấy là Đấng đã đem chúng ta lên khỏi đất Ê-díp-tô, đã dắt chúng ta qua đồng vắng, trong đất sa mạc đầy hàm hố, trong đất khô khan và có bóng sự chết, là đất chẳng một người nào đi qua, và không ai ở. Ta đã đem các người vào trong một đất có nhiều hoa quả, để ăn trái và hưởng lợi nó. Nhưng, vừa vào đó, các người đã làm ô uế đất ta, đã làm cho sản nghiệp ta thành ra góm ghềnh. Các thầy tế lễ không còn nói: Nào Đức Giê-hô-va ở đâu? Những người giảng luật pháp chẳng biết ta nữa. Những kẻ chăn giữ đã bội nghịch cùng ta. Các tiên tri đã nhân danh Ba-anh mà nói tiên tri, đi theo những sự không ích gì cả. Đức Giê-hô-va phán: Vì có đó ta sẽ còn tranh cạnh cùng các người, cho đến con cháu của con cháu các người nữa. Hãy qua các cù lao Kít-tim mà xem! Hãy khiến người đến Kê-đa, và xét kỹ; xem thử có việc như vậy chẳng. Có nước nào thay đổi thần của mình, mặc dầu ấy chẳng phải là thần không? Nhưng dân ta đã đổi vinh hiển mình lấy vật vô ích! Hỡi các từng trời, hãy lấy làm lạ về sự đó; hãy kinh hãi góm ghê, hãy rất tiêu điều, Đức Giê-hô-va phán. Dân ta đã làm hai điều ác: chúng nó đã lìa bỏ ta, là nguồn nước sống, mà tự đào lấy hồ, thật, hồ nứt ra, không chứa nước được (Gi 2:2-13).

Trong một phân đoạn đầy năng quyền Ê-xê-chi-ên cũng phác họa sự từ bỏ tình yêu ban đầu dành cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên:

“Khi ta qua gần mây, và nhìn mây, này, tuổi mây này, mây đã đến tuổi yêu mến. Ta lấy áo ngoài ta trùm trên mây, che sự trần truồng mây. Phải, ta thề cùng mây và kết giao ước với mây, thì mây trở nên của ta, Chúa Giê-hô-va phán vậy. Ta rửa mây trong nước, làm cho sạch máu vấy mình mây, và xức dầu cho. Ta mặc áo thêu cho mây, cho mây mang giày sắc lam, thắt lưng mây bằng vải gai mịn, đắp cho mây bằng hàng lụa. Ta lấy đồ trang sức giồi cho mây, xỏ vòng vào tay, mang kiềng vào cổ, tra khoen nơi mũi, đeo hoa vào tai, và đội mào đẹp trên đầu mây. Như vậy, mây được trang sức bằng vàng bằng bạc; áo xống của mây bằng vải gai mịn, bằng hàng lụa, bằng đồ thêu; mây nuôi mình bằng bột mì lọc, bằng mật ong và bằng dầu. Mây đã trở nên cực đẹp, và thành vương đến nỗi được ngôi hoàng hậu. Danh tiếng mây lừng lẫy trong các nước bởi sắc đẹp mây; vì sự đẹp là trọn vẹn bởi oai nghi của ta mà ta đã đặt trên mây, Chúa Giê-hô-va phán vậy. Nhưng mây cậy sắc đẹp mình; cậy danh tiếng mình mà buông sự dâm dục, hành dâm cùng mọi kẻ trái qua, phó mình mây cho nó” (Exe 16:8-15).

Như vốn có ở Israel, kỳ trăng mật đã kết thúc tại thành Ê-phê-sô. Sự mất mát mối quan hệ yêu thương quan trọng với Đức Chúa Jêsus Christ đã mở ra cánh cửa cho sự thờ ơ thuộc linh, dửng dưng với tha nhân, tình yêu dành cho thế gian, thỏa hiệp với sự ác, sự phán xét và, cuối cùng, cái chết hoàn toàn của Hội thánh. Mặc dù bề ngoài tỏ ra mạnh mẽ lắm, một chứng ung thư thuộc linh chết chóc đã phát triển ở ngay trung tâm của Hội thánh Ê-phê-sô.

TRUYỀN LỊNH

“Vậy hãy nhớ lại người đã sa sút từ đâu, hãy ăn năn và làm lại những công việc ban đầu của mình; bằng chẳng vậy, ta sẽ đến cùng người, nếu người không ăn năn thì ta sẽ cất chân đèn của người khỏi chỗ nó” (Kh 2:5)

Đấng Y Sĩ Đại Tài đã ghi toa thuốc cho người thành Ê-phê-sô, nếu được noi theo, sẽ chữa khỏi cơn ác mộng thuộc linh của họ. Trước tiên, họ cần phải **nhớ** (sát nghĩa: “giữ mãi việc ghi nhớ”) họ **đã sa sút từ đâu**. Thái độ quên thường là nguyên nhân ban đầu của sự suy sụp về mặt thuộc linh, và người thành Ê-phê-sô cần phải nhận ra sự nghiêm trọng của một sự sai sót như vậy. Thứ hai, họ cần phải **ăn năn** với sự chối bỏ kiên quyết đối với mọi tội lỗi của họ, bởi vì thất bại không hết lòng, hết linh hồn, hết ý, và hết sức kính mến Đức Chúa Trời là tội lỗi (Mac 12:30). Cuối cùng, họ cần phải chứng tỏ tính chân thực sự ăn năn của họ **và làm lại những công việc ban đầu**. Họ cần nắm bắt lại sự giàu có trong nghiên cứu Kinh Thánh, tin kính trong sự cầu nguyện, và tình cảm dành cho sự thờ phượng mà đã từng đánh dấu họ.

Richard Mayhue viết rằng sự đối diện của Chúa Jêsus đối với Hội thánh Ê-phê-sô nêu gương cho cách các tín đồ phải đối diện với:

Thứ nhất, sự đối diện đã được thực hiện với tình yêu thương và với mục đích phục hồi (2:4-5).
Thứ hai, khích lệ đi trước sự sửa chữa (2:2-3, 6).

Thứ ba, Đấng Christ nêu nan đề cách công khai và cụ thể (2:4-5).

Thứ tư, Ngài nói cho họ biết cách phục hồi (2:5): hãy nhớ lại quá khứ của bạn, hãy ăn năn về sai lầm của bạn, hãy xây lại với điều tốt nhất của mình.

Thứ năm, Đấng Christ rõ ràng nêu ra các hậu quả nếu họ không vâng lời (2:5).

Thứ sáu, Ngài đã viết với sự mong đợi rằng họ sẽ đáp ứng cách tích cực (2:7). (What Would Jesus Say About Your Church? [Scotland, G.B.: Christian Focus Publishers, 1995], 51).

Nhấn mạnh sự nghiêm trọng của tình hình, Đấng Christ cảnh cáo người thành Ê-phê-sô phải thực hiện các bước cần thiết để khôi phục lại tình yêu ban đầu của họ đối với Ngài. Ngài yêu cầu họ thay đổi hoặc bị trừng phạt: **“ta sẽ đến cùng người, nếu người không ăn năn thì ta sẽ cắt chân đèn của người khỏi chỗ nó”**. Sự đến mà Đấng Christ đề cập đến không phải là lần đến thứ hai của Ngài, nhưng sự Ngài đến với họ trong sự phán xét địa phương giáng trên Hội thánh đó. Thất bại không chú ý đến lời cảnh cáo đó sẽ khiến Ngài phải **cắt chân đèn** của họ. Thê thảm thay, Đấng Christ đã đe dọa sự phán xét thiêng liêng đem lại dấu chấm hết cho hội thánh Ê-phê-sô.

TƯ VẤN

“Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh rằng: Kẻ nào thắng, ta sẽ cho ăn trái cây sự sống ở trong Ba-ra-di của Đức Chúa Trời” (Kh 2:7).

Bức thư kết thúc với một lời khuyên và một lời hứa. Sự khích lệ của Đấng Christ **“Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh”** kết thúc từng bức thư trong bảy bức thư (đối chiếu 2:11, 17, 29; 3:6, 13, 22). Nó nhấn mạnh đến trách nhiệm mà người tin Chúa phải chú ý đến tiếng phán của Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh. Việc sử dụng danh từ số nhiều **Hội thánh** chỉ ra bản chất phổ quát của lời mời này mỗi lần nó xuất hiện. Lời kêu gọi này không bị hạn chế chỉ cho một nhóm người đắc thắng trong một Hội thánh duy nhất đâu; nó phải áp dụng cho tất cả các Hội thánh. Mỗi Hội thánh cần phải lắng nghe từng sứ điệp.

Lời hứa, giống như những lời hứa có liên quan đến sáu bức thư kia (đối chiếu 2:11, 17, 26, 3:5, 12, 21), được nói với **kẻ nào thắng**. Thuật ngữ này không đề cập đến những người nào đạt được cấp độ cao hơn trong đời sống Cơ đốc, nhưng đề cập đến tất cả các Cơ đốc nhân. Sứ đồ Giăng xác định theo cách ấy trong thư tín thứ nhất của ông: "vì hễ sự gì sanh bởi Đức Chúa Trời, thì thắng hơn thế gian; và sự thắng hơn thế gian, ấy là đức tin của chúng ta. Ai là người thắng hơn thế gian, há chẳng phải kẻ tin Đức Chúa Jêsu là Con Đức Chúa Trời hay sao?" (IGi 5:4-5). Hết thảy các tín đồ thật đều là hạng người đắc thắng, họ nhờ ân điển và quyền phép của Đức Chúa Trời mà thắng hơn quyền lực gây nguy hiểm của hệ thống gian ác của thế gian.

Đấng Christ hứa với những kẻ đắc thắng ở thành Ê-phê-sô rằng họ sẽ **“ăn trái cây sự sống ở trong Ba-ra-di của Đức Chúa Trời”**. **Cây sự sống** được nhắc đến lần đầu tiên trong Sa 2:9, chỗ nó đứng trong Vườn Ê-đen. Cây đời này đã bị hư mất do tội lỗi của con người và họ bị cấm ăn cây ấy (Sa 3:22), nhưng cây sự sống trên trời (Kh 22:2, 14, 19) sẽ kéo dài mãi cho đến đời đời. **Cây sự sống** tiêu biểu cho sự sống đời đời. Ba-ra-di của Đức Chúa Trời là thiên đàng (đối chiếu Lu 23:43; IICo 12:4).

Tám gương của Hội thánh Ê-phê-sô cảnh báo rằng giáo lý chính thống và sự thờ phượng bề ngoài không thể bù đắp cho một tấm lòng nguội lạnh. Những người tin Chúa phải cẩn thận chú ý đến lời khuyên của Vua Sa-lô-môn: "Khá cẩn thận giữ tấm lòng của con hơn hết, vì các nguồn sự sống do nơi nó mà ra" (Ch 4:23). Tình cảm của người nào dành cho Đức Chúa Trời đã nguội lạnh cần phải chú ý đến lời khuyên của Ô-sê khi ông nói với dân Israel tái phạm như sau:

“Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy trở lại cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, vì ấy là tại tội lỗi ngươi làm cho ngươi sa ngã. Các ngươi khá lấy lời nói trở lại cùng Đức Giê-hô-va. Khá thưa cùng Ngài rằng: Xin cắt mọi sự gian ác đi, và nhậm sự tốt lành, vậy chúng tôi sẽ dâng lời ngợi khen ở môi chúng tôi thay vì con bò đực. A-si-ri sẽ không giải cứu chúng tôi, chúng tôi sẽ không cỡi ngựa chiến nữa, không nói với đồ bởi tay chúng tôi làm

ra mà rằng: Các ngài là thần của chúng tôi! Vì ấy là trong Ngài mà kẻ mồ côi tìm thấy sự thương xót!” (Os 14:1-3).

Và đối với những người trở lại với Ngài, Đức Chúa Trời hứa: "Ta sẽ chữa lành sự bội nghịch của chúng nó. Ta sẽ lấy lòng tốt yêu chúng nó; vì cơn giận của ta đã xây khỏi nó rồi" (Os 14:4).

Si-miệc-nơ: Hội Thánh Chịu Khổ

(Kh 2:8-11)

5

“Hãy viết cho thiên sứ của Hội thánh Si-miệc-nơ rằng: Đây là lời phán của Đấng trước hết và Đấng sau cùng, Đấng chết rồi mà đã sống lại: Ta biết sự khốn khó nghèo khổ của người (dầu người giàu có mặc lòng), và những lời gièm pha của kẻ xưng mình là người Giu-đa, mà kỳ thực không phải, chúng nó vốn thuộc về hội quỷ Sa-tan. Người chớ ngại điều mình sẽ chịu khổ. Này, ma quỷ sẽ quăng nhiều kẻ trong các người vào ngục, hầu cho các người bị thử thách; các người sẽ bị hoạn nạn trong mười ngày. Khả giữ trung tín cho đến chết, rồi ta sẽ ban cho người mũ triều thiên của sự sống. Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh rằng: Kẻ nào thắng, sẽ chẳng bị hại gì về lần chết thứ hai” (Kh 2:8-11)

Trong suốt lịch sử của nó, sự thật nghịch lý dường như cho thấy rằng càng có nhiều Hội thánh bị bắt bớ, thì sự thanh sạch và sức mạnh của nó càng mạnh mẽ hơn. Trong nhiều thập kỷ, các Hội thánh ở Liên Xô cũ và Đông Âu bị các nhà cầm quyền cộng sản vô thần của họ đàn áp. Những người tin Chúa tiếp tục bị bắt bớ tại các quốc gia Hồi giáo và nơi khác cho đến ngày nay. Họ bị cấm không được công khai tuyên bố đức tin của họ. Nhiều người bị bỏ tù và có người đã tuận đạo. Trong Liên bang Xô viết, sách báo, ngay cả Kinh Thánh, đều khan hiếm. Không những các Hội thánh đều tồn tại, họ còn thịnh vượng nữa. Việc dỡ bỏ Bức Màn Sắt cho thấy một Hội thánh thuần khiết, đầy quyền năng, một Hội thánh được đánh dấu bởi đức tin chân chính, thuộc linh sâu sắc, sự khiêm tốn, sự sốt sắng, lòng yêu mến lẽ thật, và một lòng tin kính đối với Chúa.

Kinh Thánh nói kết sự bắt bớ và sức mạnh thuộc linh. Gia-cơ viết: "Hỡi anh em, hãy coi sự thử thách trăm bề thoát đến cho anh em như là điều vui mừng trọn vẹn, vì biết rằng sự thử thách đức tin anh em sanh ra sự nhịn nhục. Nhưng sự nhịn nhục phải làm trọn việc nó, hầu cho chính mình anh em cũng trọn lành toàn vẹn, không thiếu thốn chút nào" (Gia 1: 2-4). Phi-e-rơ khuyến khích các Cơ đốc nhân chịu khổ với lẽ thật rằng: "Đức Chúa Trời ban mọi ơn đã gọi anh em đến sự vinh hiển đời đời của Ngài trong Đấng Christ, thì sau khi anh em tạm chịu khổ, chính Ngài sẽ làm cho anh em trọn vẹn, vững vàng, và thêm sức cho" (IPhi 5:10). Cơ đốc nhân thuần khiết nhất là những người được rèn luyện trong lò lửa nghịch cảnh.

Hội thánh Si-miệc-nơ biểu lộ năng lực và sự thanh sạch đến từ việc chịu đựng thành công sự bắt bớ. Sự bắt bớ đã luyện lọc và làm sạch nó khỏi tội lỗi và khẳng định thực tại đức tin các thuộc viên của nó. Những kẻ giả hình không trụ lại để đối mặt với sự bắt bớ, vì các tín đồ giả hiệu không muốn chịu đựng đau khổ. Những thử thách và bắt bớ thêm sức và luyện lọc đức tin cứu rỗi chân chính, nhưng phát hiện và tiêu diệt đức tin giả dối.

Mặc dù họ chịu khổ nạn về vật chất và đói nghèo, các Cơ đốc nhân ở Si-miệc-nơ đã bám vào sự giàu có thuộc linh không lường được của họ. Đáng chú ý, Hội thánh tại Si-miệc-nơ là một trong hai Hội thánh (cùng với Hội thánh Phi-la-đen-phi-a) chẳng nhận lấy sự quả trách trong thư tín của nó đến từ Đức Chúa Jêsu Christ.

Như Kinh thánh đã nói rõ, sự bắt bớ và thử thách là một phần tất yếu và không thể tránh được của đời sống Cơ đốc (Cong 14:22; IITi 3:12). Tấm gương của Hội thánh tại Si-miệc-nơ dạy cho các Hội thánh về cách phản ứng đúng cách khi chúng xảy đến. Bức thư của Đấng Christ mở ra trong sáu chặng đường liên tiếp: thư tín, Hội thánh, thành phố, lời khen ngợi, mạng lệnh và lời khuyên.

THƯ TÍN

Này là lời phán của **Đấng trước hết và Đấng sau cùng, Đấng chết rồi mà đã sống lại** (Kh 2:8c)

Như thường lệ trong thư tín đời xưa, tác giả xác định chính mình Ngài ngay lúc bắt đầu bức thư, thay vì ký tên của Ngài ở cuối thư. Phần mô tả của tác giả là **Đấng trước hết và Đấng sau cùng, Đấng chết rồi mà đã sống lại** xác định Ngài là Đức Chúa Jêsus Christ đã được tôn vinh hiển, được mô tả bởi cụm từ đó trong sự mặc thị ở 1:12-20 (đối chiếu 1:18). **Đấng trước hết và Đấng sau cùng** là tước hiệu Cựu Ước nói tới Đức Chúa Trời (Es 44:6; 48:12, đối chiếu 41:4), và phản ứng dụng của nó ở đây (và trong 22:13) cho Đấng Christ khẳng định bản tánh bình đẳng của Ngài với Đức Chúa Trời. Ngài là Đức Chúa Trời đời đời, vô hạn, Ngài hiện hữu rồi khi muôn vật đã được dựng nên, và Ngài sẽ tiếp tục hằng hữu sau khi chúng bị hủy diệt. Đức Chúa Jêsus Christ vượt khỏi thời gian, không gian và sự sáng tạo.

Tuy nhiên, đáng ngạc nhiên thay, Đức Chúa Trời đời đời đã trở thành người và **đã chết rồi và đã sống lại**. Đây là lẽ mầu nhiệm rất quan trọng: Làm sao mà Đấng hằng sống vượt qua thời gian, không gian, và lịch sử phải chịu chết chứ? Phi-e-rơ chỉ ra câu trả lời trong IPhi 3:18: Đấng Christ "về phần xác thịt thì Ngài đã chịu chết, nhưng về phần linh hồn thì được sống". Ngài đã chịu chết trong hình người xác thịt của Ngài là của lễ trọn vẹn vì có tội lỗi, song giờ đây **đã sống lại** (bởi sự sống lại của Ngài) và sống mãi mãi "theo quyền phép của sự sống chẳng hay hư hay hết" (He 7:16, đối chiếu Ro 6:9). Phần chỉ định này của Đấng Christ đã đem lại sự yên ủi cho các tín đồ bị bắt bớ tại Si-miêc-nơ. Với sự nhận biết rằng họ đang gánh chịu những thời kỳ khó khăn, Đấng Christ đang nhắc cho họ nhớ rằng Ngài vượt quá mọi vụ việc tạm thời, và, qua sự hiệp một với Ngài, thì họ cũng phải một thể ấy. Và nếu họ phải đối diện với sự chết nơi tay những kẻ bắt bớ họ, bên cạnh họ là Đấng đã thắng hơn sự chết (He 2:14) và Ngài hứa: "Ta là sự sống lại và sự sống; kẻ nào tin ta thì sẽ sống, mặc dầu đã chết rồi. Còn ai sống và tin ta thì không hề chết" (Gi 11:25-26). Đức Chúa Jêsus Christ cũng gánh chịu sự bắt bớ bất công và trầm trọng nhất hơn bất cứ ai đã từng trải qua (đối chiếu He 12:3-4), để Ngài có thể phục vụ như một nguồn quyền phép đầy ơn thương xót và hiểu biết (He 2:17-18; 4:15). Ngài là Đấng được nhắc tới trong bức thư đầy yên ủi và khích lệ này cho Hội thánh tại Si-miêc-nơ.

HỘI THÁNH

Hội thánh Si-miêc-nơ (Kh 2:8a)

Kinh Thánh không ghi lại sự thành lập Hội thánh tại Si-miêc-nơ, thành phố cũng không được nhắc tới trong sách Công Vụ các Sứ Đồ. Mọi sự được tỏ ra về hội chúng này đều được chứa trong bức thư này. Có lẽ, một Hội thánh được trồng tại Si-miêc-nơ trong suốt chức vụ ở Ê-phê-sô của Phaolô (Cong 19:10), một là do Phaolô, hay bởi những người ông đưa trở lại đạo.

Vào cuối thế kỷ thứ nhất, cuộc sống thật khó khăn và nguy hiểm cho Hội thánh tại Si-miêc-nơ. Thành phố, một đồng minh lâu nay của Rome, là một nơi thờ lạy hoàng đế. Dưới thời Hoàng đế Domitian, nó đã trở thành một chỗ xúc phạm từ chối không dâng của lễ hàng năm cho hoàng đế. Không có gì phải ngạc nhiên, nhiều Cơ đốc nhân đã bị hành quyết. Những người tuân đạo nổi tiếng nhất của Si-miêc-nơ là Polycarp, đã bị hành quyết nửa thế kỷ sau thời của Giăng.

Chữ Hy-lạp dịch chữ "Si-miêc-nơ" đã được sử dụng trong bản Kinh Thánh 70 dịch chữ Do-thái nói tới nhũ hương, một chất được sử dụng làm nước hoa cho người sống (Mat 2:11) và người chết (Gi 19:39). Sự kết hợp của nó với cái chết phác họa hoàn hảo Hội thánh chịu khổ tại Si-miêc-nơ. Giống như nhũ hương, được sản xuất bằng cách nghiền nát một cây có mùi thơm, Hội thánh tại Si-miêc-nơ, bị nghiền nát bởi sự bắt bớ, đã cho ra một mùi thơm của lòng trung thành đối với Đức Chúa Trời. Tại Si-miêc-nơ, không giống như ở Ê-phê-sô, không có má che tình cảm đối với Đức Chúa Jêsus Christ. Do các tín đồ tại Si-miêc-nơ yêu mến Ngài, họ giữ lòng trung tín với Ngài; vì có lòng trung tín đó, họ bị ghét; vì họ bị ghét, họ bị bắt bớ; đổi lại, sự bắt bớ đó thúc giục họ yêu mến Đấng Christ càng hơn.

THÀNH PHỐ

Si-miêc-nơ (Kh 2:8b)

Si-miêc-nơ là một thành phố cổ, nguồn gốc của nó bị mất đi trong thời cổ đại. Có thể xem gốc gác của nó rất sớm sửa vào đầu năm 3000TC, nhưng lần định cư đầu tiên của Hy-lạp là vào khoảng năm 1000TC. Khoảng năm 600TC Si-miêc-nơ đã bị người Lydian tiêu diệt và nằm trong đồng đồ nát trong hơn ba thế kỷ cho đến khi hai người kế tục Đại đế Alexander tái thiết lại thành phố vào năm 290TC. Đó là thành phố Si-miêc-nơ được xây dựng lại trong thời của Giăng.

Như đã lưu ý ở trên, Si-miêc-nơ là một đồng minh bền vững của Rome. Thực vậy, cư dân của nó đã quá đắm say với Rome vào năm 195TC họ xây dựng một đền thờ để thờ lạy Rome. Một thế kỷ sau đó, quân đội của Sulla vị tướng lãnh La-mã đối diện với thời tiết cay đắng của mùa đông. Khi cuộc chiến của binh lính La-mã được thông báo trong một hội chúng cư dân Si-miêc-nơ, họ đã cởi quần áo của họ để gửi cho các binh lính này. Rome đã khen ngợi lòng trung thành của Si-miêc-nơ bằng cách chọn nó trên tất cả các ứng viên khác làm bối cảnh xây dựng ngôi đền thờ mới dành cho Hoàng đế Tiberius (năm 26SC). Rồi khi một trận động đất hủy diệt thành phố vào cuối thế kỷ thứ hai, Hoàng đế Marcus Aurelius đã tái thiết lại thành ấy.

Mặc dù Êphê-sô và Bết-găm bằng hoặc vượt hơn nó về tầm quan trọng kinh tế và chính trị, Si-miêc-nơ được cho là thành phố đẹp nhất trong Á châu. Thành phố nằm trên vịnh biển Aegean, và không giống như Êphê-sô, thành được chúc phước cho với một hải cảng thật tuyệt vời. Si-miêc-nơ cũng có lợi từ vị trí của nó ở cuối phía tây của con đường chạy qua thung lũng sông Hermus phong phú. Thêm vào với vẻ đẹp tự nhiên của môi trường xung quanh, bản thân thành phố cũng được thiết kế rất đẹp nữa. Nó chạy dài từ vịnh trên dốc của Pagos, một ngọn đồi lớn được bao phủ với nhiều chùa miếu và các cao ốc khác. Đường phố được bố trí tốt, với những con đường có hai hàng cây xanh. Con đường nổi tiếng nhất của Si-miêc-nơ: "*Phố vàng*", chạy vòng quanh các sườn của đồi Pagos. Ở một đầu là đền thờ Cybele, và đầu kia là đền thờ Zeus. Ở giữa là các đền thờ thần Apollo, Asklepios, và Aphrodite.

Si-miêc-nơ là một trung tâm nổi tiếng về khoa học và y học. Giống như thành Ê-phê-sô, nó có được đặc ân tự quản. Nó cũng là một trong vài thành phố dám xưng mình là cái nôi của thi sĩ Homer. Như đã lưu ý ở chương trước, hải cảng Êphê-sô cuối cùng đã bị phù sa bồi lên và thành phố đã không còn tồn tại nữa. Tuy nhiên, Si-miêc-nơ sống sót qua nhiều trận động đất, lửa và tồn tại hôm nay là thành phố Izmir của Thổ Nhĩ Kỳ.

LỜI KHEN NGỢI

Ta biết sự khốn khó nghèo khổ của người (dầu người giàu có mặc lòng), và những lời gièm pha của kẻ xưng mình là người Giu-đa, mà kỳ thực không phải, chúng nó vốn thuộc về hội quỷ Sa-tan. (Kh 2:9)

Không có gì thoát khỏi tầm nhìn của Chúa vinh hiển về Hội thánh Si-miêc-nơ, Ngài biết rõ từng chi tiết về các Hội thánh dưới sự chăm sóc của Ngài. Ngài khởi sự khen ngợi đối với những tín đồ bằng cách bảo đảm với họ rằng Ngài biết rõ **sự khốn khó** của họ vì cố lòng trung thành của họ đối với Đức Chúa Jê-sus Christ. Có ba lý do cho sự thù địch đó.

Thứ nhất, như đã lưu ý rồi, Si-miêc-nơ đã từng cuồng tín tôn thờ Rome trong nhiều thế kỷ. Không có gì phải ngạc nhiên, thành phố này là trung tâm hàng đầu cho việc thờ lạy hoàng đế. Các cư dân của Si-miêc-nơ đã sẵn lòng cung hiến sự thờ phượng mà Hoàng đế Domitian bấy giờ yêu cầu các thần dân của mình ở khắp nơi. Mặc dù các Cơ đốc nhân bằng lòng phục theo nhà cầm quyền dân sự của hoàng đế (Ro 13:1...), họ đã từ chối không dâng các thứ của lễ cho ông ta và thờ lạy ông ta. Vì sự từ chối đó, họ trở thành những kẻ loạn nghịch và đối mặt với cơn thanh nộ của nhà cầm quyền La-mã.

Thứ hai, các Cơ đốc nhân từ chối không tham gia vào tôn giáo ngoại giáo nói chung. Như đã lưu ý ở trên, Si-miêc-nơ đã thờ lạy một hỗn hợp đủ thứ tà thần, bao gồm Zeus, Apollo, Aphrodite, Asklepios, và đặc biệt là Cybele. Sự Cơ đốc nhân chối bỏ các đền thờ dị giáo của các thần tượng, cộng với việc họ thờ lạy một Đức Chúa Trời không thấy được, đã khiến họ bị lên án là những kẻ vô thần. Phần lớn sinh hoạt xã hội của Si-miêc-nơ xoay quanh việc thờ lạy tà giáo, và Cơ đốc nhân bị xem là những người theo hình thức phát triển xã hội chống lại xã hội vì đã từ chối không tham gia vào đó.

Cuối cùng, các tín đồ tại Si-miêc-nơ đối mặt với **những lời gièm pha của kẻ xưng mình là người Giu-đa, mà kỳ thực không phải, chúng nó vốn thuộc về hội** [của kẻ phạm thượng là] **quỷ Sa-tan**. Lời phát biểu gây sốc này khẳng định rằng những người Do-thái nào thù ghét và chối bỏ Đức Chúa Jêsus Christ cũng giống y như những môn đồ của Satan, là những kẻ chuyên thờ lạy hình tượng tà giáo (đối chiếu Gi 8:44). Chúa Jêsus sử dụng từ ngữ nặng nề **gièm pha**, thường là loại từ ngữ thù nghịch chống lại Đức Chúa Trời, chỉ ra sự gian ác, cường độ và sự nghiêm trọng của sự vu khống.

Những người Do-thái vô tín thường cáo buộc Cơ đốc nhân về tội ăn thịt đồng loại (dựa trên sự hiểu lầm về Tiệc Thánh của Chúa), phi đạo đức (dựa vào sự xuyên tạc về nụ hôn thánh mà các tín đồ chào hỏi nhau) (Rô 16:16; ICo 16:20; IICô 13:12; ITe 5:26), đập phá nhà cửa (khi người bạn đời trở thành một Cơ đốc nhân và người kia thì không, điều này thường gây ra mâu thuẫn; đối chiếu Lu 12:51-53), thuyết vô thần (bởi vì, như đã lưu ý rồi, Cơ đốc nhân đã chối bỏ đền thờ tà giáo của các vị thần), và sự bất trung và nổi loạn về mặt chính trị (vì Cơ đốc nhân từ chối không dâng hiến tế cho hoàng đế). Hy vọng tiêu diệt đức tin Cơ đốc, một số người Do-thái giàu có và có ảnh hưởng của Si-miêc-nơ đã vu cáo những lời lẽ giả dối, phạm thượng này lên cho người La-mã. Những kẻ thù ghét Tin lành này là một **nhà hội của quỷ Satan**, ý nói họ tập hợp lại để lên kế hoạch tấn công Hội thánh, như họ làm theo ý muốn của Satan, đã xưng mình là nhà hội của Đức Chúa Trời, nhưng đúng là họ đã đi ngược lại.

Buồn thay, sự thù nghịch của dân cư Do-thái tại Si-miêc-nơ đối với Cơ Đốc giáo không phải là điều mới mẻ. Sách Công Vụ các Sứ Đồ thường ghi lại sự chống đối do Satan xúi giục như thế (thí dụ 2:13; 4:2-3, 18; 5:17-18, 28, 40; 6:9...; 7:54-60; 8:1...; 9:20-23; 12:1-3; 13:6, 45; 14:2, 19; 17:5...; 13; 18:6, 12-13; 19:9; 20:3; 21:27...; 23:12...). Ở Si-miêc-nơ, như đã thường xảy ra trước đó, sự thù nghịch của dân cư Do-thái đã đầu độc dư luận nghịch cùng các Cơ đốc nhân.

Sự bất bớ Hội thánh tại Si-miêc-nơ đã lên đến cao điểm của nó nửa thế kỷ sau khi có bức thư này, với sự hành quyết vị giám mục già nua của Hội thánh là Polycarp, trong đó những người Do-thái vô tín đã đóng vai trò chính. Một tài liệu chuyên ngữ từ thế kỷ thứ hai có tựa đề The Encyclical Epistle of the Church at Smyrna Concerning the Martyrdom of the Holy Polycarp [thư tín của Hội thánh tại Si-miêc-nơ liên quan đến sự tuận đạo của Thánh Polycarp]:

Toàn bộ dân chúng, lấy làm kinh ngạc về tâm trí cao thượng mà hạng người tin kính được biểu thị ra bởi các Cơ đốc nhân, đã kêu lên: "những kẻ vô thần, hãy rút đi; nguyện chúng sẽ tìm ra Polycarp!"

Nhưng Polycarp là đáng ngưỡng mộ nhất, khi lần đầu tiên ông nghe [rằng người ta sẽ tìm kiếm ông], ông chẳng chút bối rối, nhưng quyết định tiếp tục sống trong thành phố. Tuy nhiên, để chịu theo ước muốn của nhiều người, ông thấy thuyết phục để rời khỏi đó. Vì lẽ đó, ông ra đi, đến một ngôi nhà ở quê không xa thành phố lắm. Ông ngụ ở đó cùng với một vài người bạn, không tham dự gì hết cả ngày đêm ngoài việc cầu nguyện cho tất cả mọi người, và cầu thay cho các Hội thánh trên khắp thế giới, theo thói quen thông thường của ông. Và trong khi ông đang cầu nguyện, một sự mặc thị đã tự hiện ra cho ông thấy ba ngày trước khi ông bị bắt; và, kìa, cái gối dưới đầu ông dường như phát hoả. Về sự ấy, xây lại với những người đang ở với ông, ông đã nói tiên tri với họ: "Ta phải bị thiêu sống".

Và khi những kẻ truy bắt ông đến gần, ông rời đi đến nơi ngụ khác, những kẻ theo đuổi ông ngay lập tức theo sát ông và khi họ không tìm gặp ông, họ bắt đi hai thanh niên [có mặt ở đó], một trong hai người bị tra tấn, đã thú nhận. Vì thế, ông không thể nào tiếp tục ẩn trốn được nữa, vì những kẻ phản ông đều là người nhà của ông. Khi ấy, Irenarch (có chức vụ y như chức vụ của Cleronomus), nhân danh Herod, vội vã đưa ông đến vận động trường. [Mọi sự này đã xảy ra] để ông có thể chu toàn phần đặc biệt của mình, được trở nên kẻ dự phần với Đấng Christ, và những kẻ phản ông sẽ gánh chịu án phạt của chính Giu-đa.

Khi ấy, những kẻ truy bắt ông, cùng với các kỵ mã, và đem gã thanh niên theo với chúng, đi ra ngoài vào giờ ăn tối vào ngày dọn mình, với vũ khí thông thường của họ, giống như thể đi ra chống lại ăn cướp vậy. Rồi đến chiều tối, [họ đến nơi ông trú ngụ], họ thấy ông đang nằm ở tầng trên của một ngôi nhà nhỏ kia, từ đó ông có thể trốn sang một nơi khác; nhưng ông từ chối và nói: "Ý Chúa được nên". Vì thế, khi nghe tin họ đến, ông đi xuống và trao đổi với họ. Và những kẻ có mặt ở đó đều lấy làm lạ trước tuổi tác và sự kiên định của ông, có người nói: "Với nhiều nỗ lực như thế để đi bắt một ông cụ đáng kính như thế sao?" Ngay lập tức trong giờ đó, ông truyền lệnh rằng phải có cái gì để ăn và uống dọn ra trước mặt họ, họ quan tâm nhiều lắm, trong khi ông xin họ cho phép ông một giờ đồng hồ để cầu nguyện không bị quấy rối. Và khi họ đồng ý, ông đứng dậy và cầu nguyện, được đầy đặn ân điển của Đức Chúa Trời, ông không thể ngưng cầu nguyện trong hai giờ đồng hồ liên, trước sự kinh ngạc của những kẻ đã nghe ông cầu nguyện, đến nỗi nhiều người bắt đầu ăn năn vì biết rằng họ đã đến chống lại một ông cụ tin kính như thế.

Bảy giờ, khi ông thôi không cầu nguyện nữa, sau khi ông đã nhắc đến mọi sự có liên quan với ông, cả nhỏ và lớn, rõ nét hay mờ mờ, cũng như Giáo hội Phổ thông trên khắp thế giới, thì giờ ra đi của ông đã đến rồi, họ đặt ông lên một con lừa, rồi dẫn nó vào thành, hôm ấy là ngày Sa-bát. Và Irenarch Herod, cùng với cha ông ta là Nicetes (cả hai đang ngồi trên xe ngựa), gặp ông rồi đưa ông lên xe, ngồi bên cạnh ông, và cố gắng thuyết phục ông: "Có gì đâu khi phải nói: Lạy Chúa Tể Caesar, và trong việc dâng của lễ, với các nghi lễ khác được thấy có trong những dịp như thế, và an ninh được bảo đảm?" Nhưng lúc đầu ông không trả lời họ; và khi họ tiếp tục thúc giục ông, ông nói: "Tôi sẽ không làm theo điều mấy ông khuyên tôi đâu". Vậy, họ không có hy vọng trong việc thuyết phục ông, họ bắt đầu thốt ra lời lẽ cay đắng với ông, và dùng bạo lực quăng ông ra khỏi xe, trong trường hợp ấy, khi bị quăng ra như thế, ông bị trật khớp chân [do té ngã]. Nhưng không chút bối rối, và giống như thể chẳng có đau đớn gì hết, ông háo hức tiến về phía trước, rồi bị dẫn tới vận động trường, ở đó xôn xao dữ lắm, chẳng có phương thế nào nói để người ta nghe thấy được.

Bảy giờ, khi Polycarp bước vào vận động trường, có một tiếng nói từ trời đến cùng ông: "Hãy mạnh mẽ, và tỏ mình thật trọng phước, hỡi Polycarp!" Không một người nào nhìn thấy ai đến nói chuyện với ông; nhưng những người anh em có mặt đã nghe giọng nói đó. Rồi khi ông bị dẫn đi, sự xôn xao lớn hẳn lên khi họ nghe thấy Polycarp đã bị bắt. Và khi ông đến gần, vị thống đốc tỉnh hỏi ông liệu ông có phải là Polycarp hay không!?! Ông nhận chính ông là Polycarp, [viên thống đốc tỉnh] tìm cách thuyết phục ông chối bỏ [Đấng Christ], ông ta nói rằng: "Hãy xem trọng tuổi già của ông đi" và nhiều thứ tương tự khác, theo thông lệ của họ, chẳng hạn như "Hãy nhân danh thần may mắn Caesar; hãy ăn năn rồi nói: Những kẻ dị giáo, hãy cút đi". Nhưng Polycarp, nhìn chăm chăm với một vẻ mặt nghiêm khắc về phía đám đông dân tà giáo gian ác trên vận động trường, rồi ông vẫy tay với họ, khi với những lời than thở, ông ngó lên trời rồi nói: "Hãy đi với những người vô thần". Khi ấy, viên thống đốc thúc giục ông, và nói: "Hãy thôi đi, và ta sẽ buông tha cho ông được tự do, hãy quả trách Đấng Christ đi"; Polycarp tuyên bố: "Tám mươi sáu năm tôi đã hầu việc Ngài, và Ngài không bao giờ làm tổn thương tôi: làm sao tôi có thể xúc phạm Vua của tôi và là Cứu Chúa của tôi chứ?" Và khi viên thống đốc một lần nữa nhấn mạnh, ông ta nói: "Hãy nhân danh thần may mắn Caesar mà thôi đi", ông đáp: "Vì ông cứ thúc hoài, như ông đã nói, tôi sẽ nhân danh thần may mắn, và không giả vờ không biết tôi là ai và tôi là gì, hãy nghe đi tôi lấy can đảm mà tuyên bố: tôi là một Cơ đốc nhân. Và nếu ông muốn học đòi các lễ đạo của Cơ đốc giáo, hãy chỉ định cho tôi một ngày, thì ông sẽ nghe được chúng". Viên thống đốc đáp: "Hãy thuyết phục dân chúng đi". Nhưng Polycarp nói: "Đối với ông, tôi nghĩ cần có một câu chuyện nói tới [đức tin của tôi]; vì chúng ta được dạy dỗ phải dành mọi sự tôn trọng (không làm hại cho bản thân mình) đối với quyền bính và bậc cầm quyền mà Đức Chúa Trời đã chỉ định. So về các việc này, tôi không cho rằng họ xứng đáng nhận được bất cứ câu chuyện nào từ tôi". Khi đó viên thống đốc nói cùng ông: "Tôi có những con thú hoang ở gần đây; tôi sẽ quăng ông cho chúng nó, trừ phi ông ăn năn". Nhưng ông đáp: "Vậy thì hãy gọi chúng đến đi, vì chúng tôi không có thông lệ ăn năn điều chi là nhơn đức để nắm lấy điều ác; và lấy làm tốt cho tôi khi bị đối từ những gì là gian ác trở thành điều công bình". Một lần nữa, viên thống đốc nói cùng ông: "Ta sẽ khiến cho ngươi bị cháy như đuốc, vì thấy ngươi coi thường các thú hoang, nếu ngươi không chịu ăn năn". Nhưng Polycarp nói: "Ông đe dọa tôi với lửa thiêu đốt trong một giờ đồng hồ, và sau khi lửa dập tắt, nhưng không biết gì về ngọn lửa của phán xét sắp tới và án phạt đời đời, dành cho những kẻ bất kính. Nhưng tại sao ngươi cứ quấy rầy mãi vậy? Hãy làm những gì ngươi muốn đi".

Trong khi ông nói những điều này và nhiều thứ khác giống như vậy, ông được đầy đặn với lòng tin cậy và vui mừng, vẻ mặt ông tràn đầy ân điển, gương mặt ấy không khuyu xuống như thể bị rắc rối bởi những điều đã được nói cùng ông, song trái lại, viên thống đốc đã kinh ngạc, rồi sai người công bố giữa vận động trường ba lần: "Polycarp đã xưng mình là một Cơ đốc nhân". Lời tuyên bố này đã được sử giả loan báo, toàn thể đám đông, cả dân ngoại và người Do-thái, những kẻ cư ngụ tại Si-mi-ec-nơ, đã gào lên với giận dữ không thể kiểm soát được, họ hô lớn lên: "Đây là giáo sư của Á châu, giáo phụ của các Cơ đốc nhân, và là kẻ lật đổ các thần linh của chúng ta, ông ta là người đã dạy dỗ nhiều người đùng dâng của lễ, hoặc thờ lạy các thần". Sau

khi nói vậy, họ gào lên, cầu xin Philip xứ Asiarch thả một con sư tử vào cắn xé Polycarp. Nhưng Philip đáp rằng ông không có phép làm như thế, việc xem trình diễn thú hoang đã xong rồi. Khi ấy, có vẻ là tốt cho họ để gào lên với một sự đồng lòng, rằng Polycarp nên bị thiêu sống. Và thế là khái tượng cái gỏi cháy được tỏ cho ông sắp sửa ứng nghiệm, ông quay lại và nói tiên tri với những kẻ trung tín có mặt với ông: "Ta phải bị thiêu sống".

Khi ấy, việc này đã được thực hiện hiệu quả với tốc độ cao hơn là người ta nói, đám đông ngay lập tức cùng nhau thu thập gỗ và cột lại thành từng chùm ở các cửa hiệu và phòng tắm hơi; đặc biệt là người Do-thái, theo thói quen, sốt sắng phụ giúp họ trong việc ấy. Và khi giàn hoả đã sẵn sàng, Polycarp, đặt quần áo mình qua một bên, và nói lỏng dây nịt lưng, cũng tìm cách cởi bỏ đôi dép đi – một việc mà ông ta không quen làm, bởi vì từng người trong số những người trung tín, họ luôn sốt sắng tìm cách chạm vào làn da của ông. Vì, trong câu chuyện nói tới đời sống thánh khiết của ông, ngay trước khi tuận đạo, ông đã được trang sức bằng từng loại nhon đức. Ngay khi ấy, họ chất chung quanh ông với những thứ đã được chuẩn bị cho giàn hoả. Nhưng khi họ còn sắp sửa đóng đinh ông, ông nói: "Hãy để tôi yên như vậy đi; vì Đấng đã thêm sức cho tôi để chịu đựng ngọn lửa, Ngài cũng giúp đỡ tôi, không cần sự bảo đảm bằng những mũi đinh, tôi sẽ ở đây không cử động trong đồng than tro".

Vậy, họ không đóng đinh ông, song chỉ trói ông lại mà thôi. Và ông, ngoặc hai tay ra phía sau lưng, và bị cột như một con chiên được bắt từ trong bầy để làm con sinh, và chuẩn bị để làm của lễ thiêu đáng nhận dâng lên Đức Chúa Trời, ngược mặt lên trời và nói: "Lạy Chúa là Đức Chúa Trời Toàn năng, là Cha của Đức Chúa Jêsus Christ là Con hạnh phúc yêu dấu, bởi Ngài chúng con nhận được sự hiểu biết về Ngài, là Đức Chúa Trời của các thiên sứ và các thế lực, và là Chúa của từng tạo vật, và là Chúa của toàn thể dòng giống người công bình đang sống trước mặt Ngài, con dâng lên Ngài lời cảm tạ vì Ngài đã kể đến con, xứng đáng cho ngày này và giờ này, để con có một phần trong số người tuận đạo của Ngài, trong cái chén của Đấng Christ, đến sự sống lại của sự sống đời đời, cả thân và hồn, qua sự không hay hư nát [được truyền cho] bởi Đức Thánh Linh. Giữa vòng họ nguyện con được chấp nhận hôm nay trước mặt Ngài như một sinh tể mập béo dâng lên đáng nhậm, theo như Ngài, là Đức Chúa Trời chơn thật, đã định trước, đã tỏ ra trước cho con, và giờ đây đã được ứng nghiệm. Nhon đó con cũng ngợi khen Ngài vì mọi sự, con xin chúc phước Ngài, con ngợi khen Ngài, cùng với Đức Chúa Jêsus Christ ở trên trời đời đời, là Con yêu dấu của Ngài, với Đấng Christ, với Ngài và Đức Thánh Linh, nguyện sự vinh hiển cho cả bây giờ và cho hết thảy các năm hầu đến. Amen".

Khi ông tuyên bố xong lời này, và đã cầu nguyện xong, những kẻ được chỉ định nhóm lửa lên. Và khi ngọn lửa bùng lên trong giận dữ, chúng tôi, là những người được phép chứng kiến, đã nhìn thấy một phép lạ lớn lao, và đã được bảo tồn để chúng tôi có thể tường trình lại cho nhiều người khác biết về những gì đã xảy ra. Về ngọn lửa, tự nó hình thành như một mái vòm, giống như cánh buồm của chiếc thuyền khi đầy gió, nó bao bọc lấy thân thể của một người tuận đạo. Và ông đã hiện ra trong đó chẳng giống như xác thịt bị thiêu đốt, nhưng như cái bánh bị nướng, hay như vàng và bạc sáng rực ở trong lò lửa. Hơn nữa, chúng tôi nhận thấy mùi dầu thơm [ra từ đồng cùi], giống như thể mùi hương thơm hoặc một số loại gia vị quý giá đang bốc lên ở đó.

Lâu một chút, khi những kẻ gian ác kia nhận ra thân thể ông không thể bị thiêu trong ngọn lửa, họ truyền lệnh cho một tên đao phủ đến gần và dùng dao găm đâm qua người ông. Và khi làm như vậy, có một con chim bồ câu bay đến, và một lượng huyết đổ ra, để ngọn lửa bị tắt đi; và mọi người lấy làm lạ không biết có một sự khác biệt nào như vậy giữa kẻ vô tín và người được chọn hay không, Polycarp là một người trong số được chọn đó, ông là một giáo sư và là sứ đồ trong thời đại chúng ta, và là giám mục của Giáo hội Phổ thông tại Si-miệc-nơ. Mỗi lời lẽ ra từ miệng ông một là đã hoặc sẽ được ứng nghiệm.

Lời tuyên bố của Chúa Jêsus rằng người Do-thái nào đã bắt bớ Hội thánh Si-miệc-nơ nói **mình là người Giu-đa, mà kỳ thực không phải**, đã gây ra một số thắc mắc liệu họ có phải là người Do-thái thuần chủng hay không!?! Chắc chắn họ là hậu duệ theo phần xác của Áp-ra-ham, nhưng không phải là người Do-thái thực sự theo xác định của Phao-lô: "Vì người nào chỉ bề ngoài là người Giu-đa, thì không phải là người Giu-đa, còn phép cắt bì làm về xác thịt ở ngoài, thì không phải là phép cắt bì; nhưng bề trong là người Giu-đa mới là người Giu-đa, phép cắt bì bởi trong lòng, làm theo cách thiêng liêng, không theo chữ nghĩa, mới là phép cắt bì thật. Một người Giu-đa như vậy được khen ngợi, chẳng phải bởi loài người, bèn là bởi Đức Chúa Trời" (Ro 2:28-29). Mặc dù đây là bởi người Do-thái thuần chủng, họ là những người ngoại giáo về mặt thuộc linh. Họ liên minh với những kẻ thù dân ngoại của Đức Chúa Trời trong nỗ lực dập tắt Cơ đốc giáo tại Si-miệc-nơ.

Không những Chúa biết rõ sự bất bớ mà Hội thánh Si-miéc-nơ đã đối diện với, mà còn biết về **nghèo khổ** của nó nữa. Ngược lại với **penēs** là từ đồng nghĩa của nó, cho thấy kẻ nào phấn đấu để làm thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của họ, **ptocheia** (nghèo khổ) mô tả những gã ăn mày, họ sống không phải do sức lao động của họ, nhưng nhờ sự khát thực nơi nhiều người khác (đối chiếu Richard C. Trench, *Synonyms of the New Testament* [reprint; Grand Rapids: Eerdmans, 1983], 128–29). Phần nhiều các tín đồ ở Si-miéc-nơ đều là nô lệ; hầu hết đều nghèo nàn. Một số ít người làm chủ sở hữu tài sản riêng chắc chắn đã mất chúng trong sự bất bớ.

Nói theo con người, Hội thánh tại Si-miéc-nơ đã có từng lý do để sụp đổ. Thay vì thế, Hội thánh vẫn giữ lòng trung tín với Chúa của nó, không bao giờ (không giống như Êphê-sô) từ bỏ tình yêu ban đầu của mình đối với Ngài. Vì lý do đó, Chúa Jê-sus phán cùng họ: **Đầu người giàu có mặc lòng**. Họ đã có những gì thực sự là quan trọng — sự cứu rỗi, sự nên thánh, ân điển, bình an, mối giao thông, một Cứu Chúa và Đấng Yên Ủi luôn cảm thông. Hội thánh ở Si-miéc-nơ là Hội thánh nghèo mà giàu, trái ngược với Hội thánh Lao-đi-xê, Hội thánh giàu vật chất nhưng là Hội thánh nghèo về mặt thuộc linh (xem 3:17). Hội thánh tại Si-miéc-nơ thể hiện sự giàu có thuộc linh của các Hội thánh trung tín chịu khổ xuyên suốt lịch sử.

MẠNG LINH

Người chớ ngại điều mình sẽ chịu khổ. Nay, ma quỷ sẽ quăng nhiều kẻ trong các người vào ngục, hầu cho các người bị thử thách; các người sẽ bị hoạn nạn trong mười ngày. (Kh 2:10a)

Sau khi khen ngợi họ vì chịu đựng sự bất bớ cách trung tín, Chúa Jê-sus đã cảnh cáo các tín đồ rằng còn nhiều việc sẽ đến. Trước khi chỉ ra bản chất của nó, Ngài truyền cho họ chớ ngại điều mình sẽ chịu khổ. Ngài sẽ ban cho họ sức lực để chịu đựng nó. Giống như Ngài đã nói với các môn đồ của Ngài ở Gi 16:33: "Ta đã bảo các người những điều đó, hầu cho các người có lòng bình yên trong ta. Các người sẽ có sự hoạn nạn trong thế gian, nhưng hãy cứ vững lòng, ta đã thắng thế gian rồi!" Vì lẽ đó, các tín đồ chịu khổ trong bày ấy sẽ dám nói cùng Đa-vít rằng: "Tôi đã để lòng tin cậy nơi Đức Chúa Trời, ắt sẽ chẳng sợ chi; Người đời sẽ làm chi tôi?" (Thi 56:11).

Đặc biệt, Chúa nói trước rằng ma quỷ sẽ quăng nhiều kẻ trong các người vào ngục. Mục đích của Đức Chúa Trời trong việc cho phép sự tù đày ấy, hầu cho các người bị thử thách. Bằng cách chịu đựng thử thách ấy một cách thành công, họ sẽ chứng minh thực tại đức tin của họ, được thêm sức cho (II Co 12:9-10) — và một lần nữa chứng minh rằng Satan không thể huỷ diệt đức tin cứu rỗi chơn thật.

Trận đấu siêu nhiên ở Si-miéc-nơ chỉ là một cuộc giao tranh trong cuộc chiến kéo dài của Satan chống lại Đức Chúa Trời. Đây luôn luôn là kế hoạch của Satan muốn tấn công con cái của Đức Chúa Trời và nỗ lực hòng tiêu diệt đức tin của họ. Đó là lý do tại sao một trong những tước hiệu của hắc trong Kinh Thánh là "kẻ kiện cáo anh em" (12:10). Tuy nhiên, những cuộc tấn công vào con cái thật của Đức Chúa Trời không thể thành công. Chúa Jê-sus tuyên bố: "Ta ban cho nó sự sống đời đời; nó chẳng chết mất bao giờ, và chẳng ai cướp nó khỏi tay ta. Cha ta là Đấng lớn hơn hết đã cho ta chiến đó, và chẳng ai cướp nổi chiến đó khỏi tay Cha" (Gi 10:28-29); và "Ý muốn của Đấng đã sai ta đến là để sự gì Ngài đã ban cho ta, thì ta chớ làm mất, nhưng ta phải làm cho sống lại nơi ngày sau rốt" (Gi 6:39). Là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của họ, Chúa Jê-sus "có thể cứu toàn vẹn những kẻ nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời, vì Ngài hằng sống để cầu thay cho những kẻ ấy" (He 7:25). Trong Ro 8:28-29, Phao-lô lần theo chuỗi không thể phá vỡ từ biết trước cho đến tiền định cho kẻ được gọi đến sự xưng công bình đến sự vinh hiển; không một ai bị hư mất dọc đường. Hết thấy những ai được kêu gọi sẽ được giữ gìn cho đến khi họ được nên giống như Đấng Christ trong sự vinh hiển.

Sự hiểu biết mọi nỗ lực của hắc hòng tiêu diệt đức tin cứu rỗi bị định cho phải thất bại không ngăn cản Satan khỏi cố gắng. Cuộc tấn công đáng chú ý nhất của hắc nhắm vào đức tin cứu rỗi đã được ghi lại trong sách Gióp, ở đây (với sự cho phép của Đức Chúa Trời) hắc đã tước khỏi Gióp gia đình, tài sản và sức khoẻ thể xác của ông. Mọi sự Gióp bị bỏ lại là một người vợ và những người bạn, mưu luận của họ khiến

cho ông phải phân tâm. Nhưng "trong mọi sự ấy, Gióp không phạm tội, và chẳng nói phạm thượng cùng Đức Chúa Trời" (Gióp 1:22, đối chiếu 2:10). Lời công bố đắc thắng của Gióp: "Đầu Chúa giết ta, ta cũng còn nhờ cậy nơi Ngài" (Gióp 13:15), cho thấy cả hai: sự đắc thắng của đức tin cứu rỗi chơn thật và sự thất bại hoàn toàn của Satan.

Trong Tân Ước, Satan đã tìm cách hòng tiêu diệt đức tin của Phi-e-rơ nhưng bất thành. Chúa Jê-sus đã cảnh cáo ông: "Hỡi Si-môn, Si-môn, nầy quỷ Sa-tan đã đòi sàng sảy ngươi như lúa mì. Song ta đã cầu nguyện cho ngươi, hầu cho đức tin ngươi không thiếu thốn. Vậy, đến khi ngươi đã hối cải, hãy làm cho vững chí anh em mình" (Lu 22:31-32). Giống như các tín hữu ở thành Si-mi-ec-nơ, Chúa Jê-sus đã nói trước cuộc tấn công của Satan nhắm vào Phi-e-rơ, Ngài còn nói Phi-e-rơ sẽ chịu đựng nó một cách thành công. Phao-lô cũng sống sót qua sự tồi tệ nhất mà Satan có thể quăng vào ông:

"Nhưng Chúa phán rằng: Ân điển ta đủ cho ngươi rồi, vì sức mạnh của ta nên trọn vẹn trong sự yếu đuối. Vậy, tôi sẽ rất vui lòng khoe mình về sự yếu đuối tôi, hầu cho sức mạnh của Đấng Christ ở trong tôi. Cho nên tôi vì Đấng Christ mà đành chịu trong sự yếu đuối, nhuốc nhơ, túng ngặt, bắt bớ, khốn khó; vì khi tôi yếu đuối, ấy là lúc tôi mạnh mẽ" (II Co 12:9-10).

Đức Chúa Trời, một mình Ngài kiểm soát mọi hoàn cảnh của cuộc sống, sẽ không cho phép Satan hành hại Hội thánh Si-mi-ec-nơ trong một thời gian dài. Chúa Jê-sus hứa rằng họ **sẽ không gặp khổ nạn trong mười ngày**. Mặc dù có người xem **mười ngày** về biểu tượng tiêu biểu cho mọi sự từ mười giai đoạn bắt bớ dưới thời La-mã, đến một khoảng thời gian không xác định, đến một khoảng thời gian mười năm, không có lý do giải thích để giải trình chúng là điều chi khác hơn mười ngày thực tế. Cuộc tấn công chính của Satan nhắm vào Hội thánh địa phương đó sẽ rất mãnh liệt, nhưng ngắn ngủi.

MƯỜI LUẬN

Khá giữ trung tín cho đến chết, rồi ta sẽ ban cho ngươi mũ triều thiên của sự sống. Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh rằng: Kẻ nào thắng, sẽ chẳng bị hại gì về lần chết thứ hai (Kh 2:10b-11)

Như đã lưu ý trước đây, Đấng Christ không khiển trách Hội thánh có lòng trung thành tại Si-mi-ec-nơ. Ngài kết thúc bức thư với một vài câu sau cùng mưu luận rất khích lệ. Người nào minh chứng sự chân thật của đức tin họ bằng cách giữ lòng **trung tín** với Chúa **cho đến chết** sẽ nhận được **mũ triều thiên** làm phần thưởng của họ (stephanos, vương miện của kẻ chiến thắng) **của sự sống** (đối chiếu Gia 1:12). **Mũ triều thiên** (phần thưởng, đỉnh điểm, kết quả) của đức tin cứu rỗi chơn thật là sự sống đời đời, và sự bền đỗ minh chứng sự chơn thật của đức tin khi họ gánh chịu gian khổ. Kinh thánh dạy rằng Cơ đốc nhân chơn thật sẽ sống thật bền đỗ. Lẽ thật trong Kinh thánh đã được hiểu rõ bởi các trước giả Lời xưng tội ở Westminster, họ đã viết: "Họ, những kẻ mà Đức Chúa Trời đã tiếp nhận trong Con Yêu Dấu của Ngài, được kêu gọi và được nên thánh bởi Thánh Linh Ngài, không thể rời khỏi tình trạng của ân điển hay vấp ngã hoàn toàn, mà sẽ chắc chắn bền đỗ ở đó cho đến cuối cùng, và được cứu cho đến đời đời". Đây là sự dạy rõ ràng của Kinh Thánh (thí dụ Mat 10:22; 24:13; Mac 4:13-20; Gi 8:31; Co 1:21-23; I Gi 2:19).

Như đã lưu ý trong chương 4 của tập sách này, cụm từ **Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh** kết thúc từng thư tín trong bảy thư tín. Nó nhấn mạnh tầm quan trọng của những gì Đức Chúa Trời phán dạy trong Kinh Thánh, và nhấn mạnh đến trách nhiệm của các tín đồ là phải nghe theo nó. Lời hứa cho **kẻ nào thắng** (tất cả Cơ đốc nhân, đối chiếu phần thảo luận trong chương 4 của tập sách này) là người ấy **sẽ chẳng bị hại gì về lần chết thứ hai**. Mặc dù các tín đồ bị bắt bớ sẽ phải gánh chịu lần chết thứ nhứt (theo phần xác), họ sẽ không bao giờ trải qua **lần chết thứ hai** (không phải là tiêu diệt, mà là án tử hình đời đời trong địa ngục, Kh 20:14; 21:8). **Chẳng** là phần tiêu cực mạnh nhất mà ngôn ngữ Hy Lạp có thể biểu hiện.

Hội thánh bị bắt bớ, chịu khổ song trung tín tại Si-mi-ec-nơ đứng trong mọi thời đại như một tấm gương cho những ai "đã nghe lời một cách trung thực và tốt lành, giữ nó nhanh chóng và sinh hoa trái với

sự kiên trì" (Lu 8:15). Bởi vì họ đã trung thành xưng Ngài ra trước mặt mọi người, nên Chúa Jêsus sẽ xưng họ ra trước mặt Đức Chúa Cha (Mat 10:32).

Bẹt-găm: Hội Thánh Theo Thế Gian

(Kh 2:12-17)

6

“Cũng hãy viết cho thiên sứ của Hội thánh Bẹt-găm rằng: Đây là lời phán của Đấng có thanh gươm nhọn hai lưỡi: Ta biết nơi người ở; đó là ngôi của quỷ Sa-tan; người đã vưng lòng tôn danh ta, không chối đạo ta; dầu trong những ngày đó, An-ti-ba, kẻ làm chứng trung thành của ta đã bị giết nơi các người, là nơi Sa-tan ở. Nhưng ta có điều quở trách người; vì tại đó, người có kẻ theo đạo Ba-la-am, người ấy dạy Ba-lác đặt hòn đá ngăn trở trước mặt con cái Y-sơ-ra-ên, dặng dỗ chúng nó ăn thịt cúng thần tượng và rủ ren làm điều dâm loạn. Người lại cũng có những kẻ theo đạo Ni-cô-la. Vậy, hãy ăn năn đi, bằng chẳng, ta sẽ đến mau kíp cùng người, lấy thanh gươm ở miệng ta mà giao chiến cùng chúng nó. Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh: Kẻ nào thắng, ta sẽ ban cho ma-na đang giấu kín; và ta sẽ cho nó hòn sỏi trắng, trên đó có viết một tên mới, ngoài kẻ nhận lấy không ai biết đến” (Kh 2:12-17)

Đối với nhiều người trong Hội thánh ngày nay, thuật ngữ "thế gian" có một chiếc nhãn kỳ lạ, cổ xưa cho nó. Họ kết nó với những điều cấm kỵ nghịch lại những thứ như khiêu vũ, xem phim hoặc chơi bài. Hội thánh thân thiện với người sành điệu, kẻ điều hướng, lèo lái theo thị trường không rao giảng nghịch nhiều với thế gian hôm nay. Làm như vậy có thể khiến cho những người chưa tin (không nhắc tới nhiều tín đồ) không thoải mái, và vì lẽ đó tránh được chiến lược tiếp thị cho người nghèo.

Nhưng không giống như nhiều Hội thánh đương thời, Kinh thánh không ngần ngại xét đoán tình trạng thế gian về tội lỗi nghiêm trọng mà nó có trong đó. Thế gian là bất kỳ sự bận tâm hoặc quan tâm nào đến hệ thống sinh hoạt tạm thời, nó đặt bất cứ việc gì dễ gây vỡ trước những gì là đời đời. Kể từ khi những người tin Chúa không là chỉ thể của hệ thống thế gian (Gi 15:19), họ không được làm theo mặc dù họ sống trong đó. Sứ đồ Phaolô viết: "Đừng làm theo đời này, nhưng hãy biến hóa bởi sự đổi mới của tâm thần mình, để thử cho biết ý muốn tốt lành, đẹp lòng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời là thể nào" (Ro 12:2). Bởi vì họ đã được chuộc bởi ân điển của Đức Chúa Trời, những người tin Chúa được kêu gọi phải "chừa bỏ sự không tin kính và tình dục thế gian, phải sống ở đời này theo tiết độ, công bình, nhân đức" (Tit 2:12). Giacô lưu ý: "giữ lấy mình cho khỏi sự ô uế của thế gian" (1:27), vì: "làm bạn với thế gian tức là thù nghịch với Đức Chúa Trời. Cho nên, ai muốn làm bạn với thế gian, thì người ấy trở nên kẻ nghịch thù cùng Đức Chúa Trời vậy" (Gia 4:4). I Gi 2:15-17 khiến cho người tin Chúa phải có trách nhiệm lẫn tránh tình trạng thế gian sao cho dứt khoát:

Chớ yêu thế gian, cũng đừng yêu các vật ở thế gian nữa; nếu ai yêu thế gian, thì sự kính mến Đức Chúa Cha chẳng ở trong người ấy. Vì mọi sự trong thế gian, như sự mê tham của xác thịt, mê tham của mắt, và sự kiêu ngạo của đời, đều chẳng từ Cha mà đến, nhưng từ thế gian mà ra. Và thế gian với sự tham dục nó đều qua đi, song ai làm theo ý muốn Đức Chúa Trời thì còn lại đời đời.

Hội thánh Bẹt-găm, giống như nhiều Hội thánh ngày nay, đã thất bại không chú ý tới những lời cảnh báo trong Kinh thánh chống lại tình trạng thế gian. Kết quả, nó đã trôi dạt vào sự thỏa hiệp và đã ở trong nguy cơ bị thế gian xen vào. Đó sẽ là bước tiếp theo trên con đường sa sút từ sự mất đi tình yêu ban đầu của Hội thánh Êphêso đối với Đức Chúa Jêsus Christ.

Phù hợp với khuôn mẫu chung của 7 thư tín, bức thư gửi Hội thánh Bết-găm mở ra trong bảy chặng đường: thư tín, Hội thánh, thành phố, lời khen, sự quan tâm, mạng lệnh, và mưu luận.

THƯ TÍN

Này là lời phán của Đấng có thanh gươm nhọn hai lưỡi: (Kh 2:12c)

Đấng có **thanh gươm nhọn hai lưỡi** là Đức Chúa Jêsus Christ phục sinh, được tôn vinh hiển, như được chỉ ra ở 1:16. Ngài, thông qua sứ đồ Giăng đã được cảm thúc, là tác giả của thư tín này. Trong bức thư này, giống như thư tín gửi cho Hội thánh Ê-phê-sô và Si-mi-ên, Đấng Christ xác định chính mình Ngài bằng cách sử dụng một trong những cụm từ mang tính cách mô tả từ sự mặc thị của Giăng ở 1:12-17.

Thanh gươm nhọn hai lưỡi đề cập đến Lời của Đức Chúa Trời. He 4:12 lưu ý rằng: "Vì lời của Đức Chúa Trời là lời sống và linh nghiệm, sắc hơn gươm hai lưỡi, thấu vào đến כדי chia hồn, linh, cốt, tủy, xem xét tư tưởng và ý định trong lòng". Sứ đồ Phao-lô cũng sử dụng phép ẩn dụ nói tới thanh gươm để mô tả Ngôi Lời (Eph 6:17). Thanh gươm có **hai lưỡi** mô tả quyền năng của Ngôi Lời trong việc phơi bày và đánh giá những suy tưởng trong tâm lòng của con người. Ngôi Lời không bao giờ sử dụng gươm một lưỡi bị cùn lụt đâu.

Phần mô tả về Đức Chúa Jêsus Christ này phác họa Ngài là Quan Án và là Đấng Đào Phủ. Phần mô tả sự hiện ra của Ngài trong Lần Đến Thứ Hai, Giăng viết rằng: "Có một lưỡi gươm bén ở miệng Ngài ra, Ngài sẽ lấy nó mà đánh các dân, và cai trị họ bằng một cây gậy sắt. Ngài giày đạp thùng rượu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời toàn năng" (19:15). Đây không phải là lời giới thiệu tích cực, đầy hứa hẹn đâu; đây là một lời đe dọa. Chính phần giới thiệu tiêu cực đầu tiên nói tới Đấng Christ vì Hội thánh Bết-găm đã đối diện với sự phán xét sắp xảy ra. Thảm họa hiện đến lơ mơ trên đường chân trời của Hội thánh theo đời này; nó đã và đang là một bước ngăn từ sự thỏa hiệp với thế gian đến việc chối bỏ Đức Chúa Trời hoàn toàn và đối mặt với cơn thịnh nộ của Ngài.

Hội thánh tại Bết-găm tiêu biểu cho nhiều Hội thánh xuyên suốt lịch sử đã thỏa hiệp với thế gian. Tinh thần thỏa hiệp ấy đặc biệt rất rõ ràng trong thời kỳ từ thế kỷ thứ IV đến thế kỷ thứ VII. Vào năm 313SC hoàng đế Constantine ra Chiếu chỉ Milan, phê chuẩn quyền tự do tôn giáo cho các Cơ đốc nhân và kết thúc hai thế kỷ rưỡi bắt bớ tàn bạo. Ông đã dùng Cơ đốc giáo và làm cho nó trở thành một tôn giáo được ưa thích trong đế quốc. Điều đó khởi sự tiến trình bởi đó Cơ đốc giáo kết hợp với nhà nước La-mã. Các thầy tế lễ tà giáo trở thành linh mục của Cơ đốc giáo; các đền chùa tôn giáo trở thành các nhà thờ Cơ Đốc; các kỳ lễ tà giáo trở thành lễ hội Cơ đốc. Cơ đốc giáo không còn là vấn đề riêng tư nữa, mà là một bản sắc dân tộc. Nhà thờ kết hôn với hệ thống chính trị, do đó tình trạng thế gian đồng nghĩa với Hội thánh.

Ngày nay, theo một số cách thức, tình trạng thế gian vẫn còn lan tràn trong nhà thờ. Các giáo hội, thậm chí cả các hệ phái, đã rời bỏ đức tin thật và vòng tay ôm lấy thế gian về mặt triết học và đạo đức học. Rồi ở một số nơi, các nhà thờ của nhà nước vẫn tồn tại dưới hình thức bất lực về mặt thuộc linh. Giống như Hội thánh ở Bết-găm, họ rơi vào sự phán xét bởi Chúa Tể của Hội thánh chơn thật.

HỘI THÁNH

Hội thánh Bết-găm (Kh 2:12a)

Sách Công Vụ các Sứ Đồ không ghi lại sự thành lập Hội thánh tại Bết-găm. Theo Cong 16:7-8, Phao-lô đã đi qua My-si (khu vực có Bết-găm trong đó) trên chuyến hành trình truyền giáo thứ nhì của ông, nhưng không có một tường trình nào cho rằng vị sứ đồ một là đã giảng Tin lành hoặc thành lập một Hội thánh ở đó vào thời điểm ấy. Rất có thể, Hội thánh Bết-găm đã được thành lập trong chức vụ Phao-lô ở Ê-phê-sô, khi đạo Tin lành ra khỏi đó để rao giảng khắp vùng Á châu (Cong 19:10). Bởi vì Hội thánh bị bao quanh bởi nền

văn hoá theo tà giáo, sự quyền rũ liên tục của nền văn hoá ấy cứ vây quanh nó, được bồi thêm với các tội lỗi tương tự. Nó cũng phải đối mặt với sự thù hận trầm trọng từ những kẻ thờ lạy hoàng đế bất bớ.

THÀNH PHỐ

Bet-găm (Kh 2:12b)

Bet-găm nằm khoảng một trăm dặm về phía Bắc thành Ê-phê-sô, với Si-miéc-nơ nằm ở khoảng giữa. Không giống như Ê-phê-sô và Si-miéc-nơ, Bet-găm không phải là một thành phố cảng nhưng nằm khoảng mười lăm dặm trong đất liền tính từ Biển Aegean. Nó cũng không nằm trên bất kỳ tuyến thương mại chính nào cả. Tuy nhiên, giống như thủ phủ cổ xưa của nó, Bet-găm được coi là thành phố lớn nhất Á châu. Nhà thơ La-mã Pliny gọi nó là "thành phố nổi tiếng nhất Á châu" (cited in Robert H. Mounce, *The Book of Revelation, The New International Commentary on the New Testament* [Grand Rapids: Eerdmans, 1977], 95). Đến thời điểm Giảng viết sách Khải huyền, Bet-găm là thủ phủ của Á châu trong gần 250 năm (kể từ năm 133TC, khi vị vua cuối cùng của nó trao vương quốc của ông cho Rome). Bet-găm tồn tại ngày nay là thành phố Bergama của Thổ Nhĩ Kỳ.

Phần lớn Bet-găm được xây dựng trên một ngọn đồi lớn hình nón cao hơn vùng đồng bằng khoảng một ngàn feet. Bối cảnh này rất ấn tượng ngay cả trong các thời hiện đại mà nhà khảo cổ học nổi tiếng thế kỷ 19, Sir William Ramsay đã khen ngợi: "Ngoài các địa điểm khác ở Tiểu Á nó cung ứng khách du lịch ấn tượng về một thủ phủ hoàng gia, nơi có quyền bính: hòn núi đá mà nó đứng thật cao lớn, và thống trị vùng đồng bằng rộng lớn của thung lũng sông Caicus [đồng bằng sông ngòi] một cách tự hào và dũng mãnh" (*The Letters to the Seven Churches of Asia* (Albany, Oreg.: AGES Software; reprint of the 1904 edition), 226).

Thư viện khổng lồ của Bet-găm (200.000 quyển sách viết tay) đứng thứ nhì sau Alexandria. Thư viện của Bet-găm gây ấn tượng đến nỗi Mark Antony về sau trao gửi nó cho người yêu của mình, là Nữ hoàng Cleopatra xứ Ai-cập. Theo truyền thuyết, giấy da (hay da bò con) được người dân Bet-găm phát minh để cung cấp vật liệu dùng để viết cho thư viện của họ. Sau khi tìm cách xây dựng một thư viện cạnh tranh với thư viện ở Alexandria, một vị vua xứ Bet-găm vào thế kỷ thứ ba cố gắng lôi kéo thủ thư của thư viện Alexandrian đến thành phố của ông ta. Không may, vua xứ Ai-cập lại biết được kế hoạch, đã từ chối không cho phép viên quản thủ thư viện rời đi, và khi trả đũa, đã ra lệnh cấm xuất khẩu thêm giấy da sang Bet-găm. Không phải lo việc ấy, người Bet-găm đã phát triển loại giấy da, làm bằng da động vật đã được xử lý, để sử dụng làm vật liệu để viết. Mặc dù giấy da đã được biết đến từ một ngàn năm trước ở xứ Ai-cập, người Bet-găm chịu trách nhiệm cho việc sử dụng rộng rãi loại giấy này trong thế giới cổ đại. Thực vậy, từ ngữ "bìa da" có thể được rút ra từ một hình thức của chữ "Bet-găm".

Vì có thư viện của nó, Bet-găm là một trung tâm văn hoá và học tập quan trọng. Vị y sĩ có tên là Galen, chỉ đứng sau Hippocrates nổi tiếng, đã chào đời và học tập ở Bet-găm. Thành phố thấy mình là người bảo vệ văn hoá Hy-lạp ở Tiểu Á. Một đường viền xung quanh nền của bàn thờ Zeus tưởng niệm chiến thắng của người thành Bet-găm đối với bọn cướp rừng Gauls.

Bet-găm là một trung tâm thờ lạy quan trọng bốn vị thần chính của thế giới La-Hy, và các đền thờ dành cho Athena, Asklepios, Dionysos, và Zeus đều có ở đó. Nhưng phủ lên sự thờ lạy các vị thần đó là sự tôn kính của Bet-găm đối với việc thờ lạy hoàng đế. Bet-găm xây dựng ngôi đền đầu tiên dành cho việc thờ phượng hoàng đế ở Á châu (29TC), để tôn vinh Hoàng đế Augustus. Về sau, thành phố sẽ xây dựng thêm hai đền thờ nữa, tôn vinh các hoàng đế Trajan và Septimus Severus. Thế là thành phố này đã trở thành trung tâm thờ phượng hoàng đế ở trong tỉnh, rồi ở đó, nhiều hơn bất kỳ thành phố nào khác trong Á châu, các Cơ đốc nhân đã sống trong nguy hiểm bị gây hại từ hệ thống thờ lạy hoàng đế. Ở các chỗ khác, Cơ đốc nhân chủ yếu sống trong nguy hiểm vào một ngày mỗi năm khi họ bị buộc phải dâng của lễ cho hoàng đế; ở Bet-găm họ đối mặt với nguy hiểm mỗi ngày. Rất có thể là An-ti-ba (2:13) đã tuân đạo bị xử tử, ít nhất là một phần, vì đã không chịu thờ lạy hoàng đế.

KHEN NGỢI

Ta biết nơi người ở; đó là ngôi của quỷ Sa-tan; người đã vững lòng tôn danh ta, không chối đạo ta; dầu trong những ngày đó, An-ti-ba, kẻ làm chứng trung thành của ta đã bị giết nơi các người, là nơi Sa-tan ở (Kh 2:13)

Mặc dù các hoàn cảnh khó khăn mà họ thấy mình đang ở trong đó, các tín đồ tại Bết-găm đã dạn dĩ giữ vững đức tin của họ trong Đức Chúa Jêsus Christ. Ngài khen ngợi họ vì liên tục **vững lòng tôn danh Ngài** — mặc dù **nơi họ ở là ngôi của quỷ Sa-tan**. Nhiều gợi ý đã được đưa ra để xác định **ngôi của quỷ Sa-tan**. Có người xác định nó với bàn thờ uy nghi của Zeus đã thống trị cấm thành của Bết-găm. Không những đây là bàn thờ đâu, như Edwin Yamauchi lưu ý:

Từ ngữ “*bàn thờ*” có phần sai lạc. Cấu trúc là một tòa tháp vuông hoành tráng dưới dạng một cái móng ngựa, 120x112 foot. Cái bực của bàn thờ cao gần 18 feet. Cái gờ lớn, chạy dưới nền của cấu trúc 446 feet, mô tả một *gigantomachy*, đó là một trận chiến của các thần và những người khổng lồ. Đây là một trong những tác phẩm vĩ đại nhất của nghệ thuật Hy-lạp. (*New Testament Cities in Western Asia Minor* [Grand Rapids: Baker, 1980], 35–36).

Một cấu trúc ấn tượng như vậy có thể dễ xứng với **ngôi của quỷ Sa-tan**.

Những người khác **kết ngôi của quỷ Sa-tan** với sự thờ phượng thần Asklepios rất phổ biến trong Bết-găm. Asklepios là thần chữa bệnh, và mọi người từ khắp nơi trên thế giới cổ đều đến tại Bết-găm, tìm cách được chữa lành tại chùa miếu của hắn. Asklepios được mô tả như một con rắn, và loài rắn không độc đi lại tự do trong đền thờ của thần này. Những người xin chữa bệnh một là nằm ngửa hoặc nằm xuống sàn nhà của đền thờ, với hy vọng được một trong những con rắn chạm vào (tiêu biểu cho chính bản thân thần linh) và nhơn đó được lành bệnh. Cách biểu tượng như thế chắc chắn sẽ nhắc cho các Cơ đốc nhân nhớ đến Sa-tan (Kh 12:9, 14, 15; 20:2). Trong sự trị vì của Hoàng đế Diocletian, một số Cơ đốc nhân là thợ đắp gạch đá bị tử hình vì đã từ chối không chịu khắc hình thần Asklepios (Mounce, *Revelation*, 96, n.36).

Những người khác chỉ ra rằng, như đã nói ở trên, Bết-găm là trung tâm hàng đầu của sự thờ lạy hoàng đế ở tỉnh Á châu. Và hệ thống thờ lạy hoàng đế chắc chắn là mối đe dọa nghiêm trọng nhất cho các Cơ đốc nhân ở Bết-găm. Chính vì sự họ từ chối không thờ lạy hoàng đế, chớ không phải các tà thần, mà Cơ đốc nhân phải đối diện với án tử hình. **Ngôi của quỷ Sa-tan** có thể dễ được coi như là một tham khảo đến sức mạnh của Rôma ở dưới “thần của thế gian này” (II Co 4:4), và xúc phạm đến Đức Chúa Trời qua hệ thống thờ lạy hoàng đế.

Đối với bất kỳ hoặc hết thảy những lý do đó, Bết-găm có thể được gọi một cách chính đáng là thành phố là nơi có **ngôi của quỷ Sa-tan**. Ở giữa những hoàn cảnh khó khăn và cố gắng đó, các tín đồ vẫn tiếp tục ở — một từ nói tới việc cư trú lâu dài như ngược lại với việc đi ngang qua — ở Bết-găm. Theo thuật ngữ hiện đại, họ “bám trụ ở đó”. Bất chấp sự bất bớ và đau khổ họ đã chịu đựng, các tín đồ ở Bết-găm tiếp tục vững lòng tôn danh ta, và **không chối bỏ đức tin**. Họ không tách đối với Đấng Christ hay đối với những lẽ thật trung tâm của đức tin Cơ đốc. Các tín đồ trung tín ở Bết-găm đã nêu gương cho lẽ thật có trong lời lẽ của Đấng Christ trong Mat 16:18: “Còn ta, ta bảo người rằng: Người là Phi-e-rơ, ta sẽ lập Hội thánh ta trên đá này, các cửa âm phủ chẳng thắng được hội đó”. Không một lượng chống đối nào của quỷ Sa-tan có thể phá huỷ đức tin cứu rỗi chân chính khi những người tin Chúa đang sở hữu nó.

Hội thánh Bết-găm giữ vững lòng trung tín của họ dầu trong **những ngày đó An-ti-ba**, là người mà Đấng Christ đã mô tả là **kẻ làm chứng trung thành của ta, đã bị giết nơi các người**. Không có gì biết chắc về An-ti-ba ngoài câu nói này. Có lẽ ông là một trong những nhà lãnh đạo của Hội thánh Bết-găm. Theo truyền khẩu, ông đã bị nướng cho đến chết trong một con bò bằng đồng suốt cuộc bắt bớ bởi Hoàng đế Domitian. **Làm chứng dịch martus**, một từ sau cùng được chuyển thành Anh ngữ như chữ **martyr** [tuần đạo], bởi vì có rất nhiều người làm chứng cho Đấng Christ phải trả giá bằng mạng sống của họ.

Đây là một người đã trả cái giá tối hậu cho sự ông từ chối không chịu thỏa hiệp. Vì có lòng trung tín của ông, Chúa Phục Sinh đã khen ngợi An-ti-ba với một tước hiệu được sử dụng ở chỗ khác để chỉ về chính mình Ngài (Kh 1:5; 3:14). Sự trung tín và lòng dũng cảm của An-ti-ba là một sự khiển trách cho những người nào ở Bết-găm bị cám dỗ phải thỏa hiệp với thế gian.

MỐI QUAN TÂM

Nhưng ta có điều quở trách người; vì tại đó, người có kẻ theo đạo Ba-la-am, người ấy dạy Ba-lác đặt hòn đá ngăn trở trước mặt con cái Y-sơ-ra-ên, dựng đổ chúng nó ăn thịt cúng thần tượng và rử ren làm điều dâm loạn. Người lại cũng có những kẻ theo đạo Ni-cô-la. (Kh 2:14-15)

Hội thánh tại Bết-găm giữ lòng trung thành với Đấng Christ và lẽ thật Cơ đốc. Hội thánh trung tín bền giữ tại trung tâm của mình, như đã có, về sự chống đối của quỷ Sa-tan — ngay cả đối mặt với sự tuân đạo. Tuy nhiên, mọi sự đã không suông sẻ ở tại Bết-găm đâu. Sau khi khen ngợi những tín hữu ở đó, Đấng Christ đã báo cho họ biết, **Nhưng ta có điều quở trách người.** Mỗi quan tâm của Ngài, ấy là họ đã có **một số người theo đạo** đối. Trong khi đại đa số các tín đồ ở Bết-găm đều trung tín và trung thành với lẽ thật, thì có một số người gần bó với Hội thánh, họ đặt tới chỗ tin theo đạo đối. Trong khi nhiều người trong lãnh vực Cơ đốc ngày nay đưa ra sự sáng của chân lý, và lỗi theo Kinh Thánh và thần học bị coi là không quan trọng, đây chẳng phải là quan điểm của Chúa của Hội thánh. Chúa của chúng ta cầm lấy nó chống lại bất kỳ ai trong Hội thánh của Ngài lo nắm giữ sự sai lầm. Đáng buồn thay, phần còn lại đang dung túng những kẻ sai lầm này, thay vì đối mặt với họ, và nếu họ từ chối không chịu ăn năn, hãy gạt họ ra khỏi Hội thánh (đối chiếu Tit 3:10-11). Giống như nhiều Hội thánh ngày nay, Hội thánh tại Bết-găm đã thất bại không vâng theo mạng lệnh của Kinh thánh phải thực hành kỷ luật của Hội thánh (đối chiếu Mat 18:15-18).

Thật đặc biệt, Đấng Christ vốn quan tâm đến hai kẻ dị giáo đã được dung túng ở Bết-găm, một người được gắn với một nhân vật Cựu Ước, và người kia với một nhân vật trong Tân Ước. Thứ nhất, có người đã chạy theo **đạo Ba-la-am**. Câu chuyện nói tới Ba-la-am, một tiên tri nổi tiếng của Cựu Ước chuyên làm thuê, được thấy trong Dan 22-25. Lo sợ dân Do-thái vì có những gì họ đã làm cho dân A-mô-rít, Ba-lác, vua xứ Mô-áp, đã thuê Ba-la-am đến rủa sả họ. Sau khi ba lần tìm cách rủa sả dân Do thái không thành công, Ba-la-am đã đến với một kế hoạch khác. Một khi ông không thể rủa sả được dân Do-thái, ông quyết định làm cho họ phải sa bại bằng **dạy Ba-lác đặt hòn đá ngăn trở trước mặt con cái Y-sơ-ra-ên, dựng đổ chúng nó ăn thịt cúng thần tượng và rử ren làm điều dâm loạn.** Ông ta đã mưu định dùng phụ nữ Mô-áp dụ dỗ dân Do-thái bước vào hành vi của thế giới vô thần ở xung quanh họ — phi luân về tình dục và thờ lạy hình tượng (Dan 25; 31:16). Sự liên kết phạm thượng với Sa-tan và các tà thần sẽ đánh bại dân Do-thái và phá hủy sức mạnh thuộc linh của họ. Kế hoạch của Ba-la-am đã thành công, mặc dù chưa đến tầm cỡ mà ông ta hy vọng. Đức Chúa Trời đã can thiệp và nghiêm chỉnh sửa phạt Y-sơ-ra-ên, giết chết hai mươi bốn ngàn người (Dan 25:9), bao gồm nhiều vị lãnh đạo (Dan 25:4-5). Hành động quyết liệt này đã ngăn cản dân Do-thái sa vào tình trạng phi đạo đức và thờ lạy thần tượng.

Giống như dân Do-thái đã bị quyến dụ bởi sự dạy giả dối của Ba-la-am, một số người trong Hội thánh tại Bết-găm đã bị dụ dỗ pha trộn với hệ thống tà giáo (Giu 1:10-11). Phi-e-rơ đã quở trách những kẻ theo đạo Ba-la-am ở IPhi 2:15-16: **"chúng nó đã bỏ đường thẳng mà đi sai lạc theo đường của Ba-la-am, con trai Bô-sô, là kẻ tham tiền công của tội ác; nhưng người bị trách về sự phạm tội của mình, bởi có một con vật câm nói tiếng người ta, mà ngăn cấm sự điên cuồng của người tiên tri đó".** Nhưng khi Đức Chúa Trời nghiêm chỉnh sửa phạt Y-sơ-ra-ên vì một sự hội hiệp thể ấy, cũng vậy Đức Chúa Jesus Christ đe dọa làm tương tự như thế trong phân đoạn này. Trong IICo 6:14-17, sứ đồ Phaolô chỉ ra điều ngu xuẩn tội lỗi của sự các tín đồ tìm cách hội hiệp với thế gian:

“Chớ mang ách chung với kẻ chẳng tin. Bởi vì công bình với gian ác có hội hiệp nhau được chăng? Sự sáng với sự tối có thông đồng nhau được chăng? Đấng Christ và Bê-li-an nào có hòa hiệp chi, hay là kẻ tin có phần gì với kẻ chẳng tin? Có thể nào hiệp đền thờ Đức Chúa Trời lại với hình tượng và thần? Vì chúng ta là đền thờ của Đức Chúa Trời hằng sống, như Đức Chúa Trời đã phán rằng: Ta sẽ ở và đi lại giữa họ; ta sẽ làm Đức Chúa Trời của họ, và họ làm dân ta. Bởi vậy Chúa phán rằng: Hãy ra khỏi giữa chúng nó, hãy phân rẽ ra khỏi chúng nó, đừng đá động đến đồ ô uế, thì ta sẽ tiếp nhận các người”.

Bất chấp tấm gương minh họa của Y-sơ-ra-ên và sự dạy rõ ràng của sứ đồ Phao-lô, mà họ vốn quen thuộc với, một số người ở Bết-găm cứ khẳng khẳng theo sự dạy của Ba-la-am. Họ tin một người có thể đến những kỳ lễ ngoại giáo, với mọi sự đòi truy và phi luân về tình dục của họ, mà vẫn hiệp cùng Hội thánh thờ phượng Đức Chúa Jesus Christ. Nhưng điều đó là bất khả thi, vì "làm bạn với thế gian tức là thù nghịch với Đức Chúa Trời sao? Cho nên, ai muốn làm bạn với thế gian, thì người ấy trở nên kẻ nghịch thù cùng Đức

Chúa Trời vậy" (Gia 4:4). Phi-e-rơ đã viết: "Hỡi kẻ rất yêu dấu, anh em như người ở trọ, kẻ đi đường, tôi khuyên phải kiêng những điều xác thịt ưa thích, là điều chống trả với linh hồn" (IPhi 2:11). Vấn đề là liệu Cơ đốc nhân có thể tham gia vào các bữa tiệc của thần tượng đã được định liệu nhiều thập kỷ trước tại Giáo hội nghị Jerusalem, giáo hội nghị này đã ban hành một mạng lệnh cho người tin Chúa phải "kiêng ăn của cúng thần tượng, huyết, thú vật chết ngọt, và chớ tà dâm" (Cong 15:29).

Sự thỏa hiệp đó vẫn còn tiếp tục hôm nay, khi những người giống như Ba-la-am xuất hiện để nói thay cho Đức Chúa Trời, nhưng bị tác động bởi sự tham lam và tự mình định đoạt mọi sự bằng chức quyền, họ dẫn Hội thánh vào trong tội lỗi.

Kẻ dị giáo thứ nhì được dung túng tại Bết-găm liên quan đến một nhân vật trong Tân Ước. **Cũng có những kẻ theo đạo Ni-cô-la.** Cụm từ **ngược lại cũng có** cho thấy rằng sự dạy của đảng Ni-cô-la đã dẫn đến cùng một hành vi gian ác giống như của những kẻ theo đạo Ba-la-am. Như đã luận lẽ trong chương 4 của sách này, **đảng Ni-cô-la** lấy danh nghĩa của họ từ Nicholas, một trong bảy người được chọn để giám sát việc phân phối thực phẩm ở Công Vụ các Sứ Đồ 6. Trong trường hợp ông ta trở thành một kẻ bội đạo hay không (như một số giáo phụ Hội thánh đầu tiên đã tin) hoặc đảng Ni-cô-la, các môn đồ của ông ta, đã đảo lộn sự dạy của ông ta mà chẳng có ai biết đến. Lạm dụng sự dạy của Kinh Thánh nói tới quyền tự do Cơ đốc, đảng Ni-cô-la cũng dạy rằng Cơ đốc nhân có thể đến dự vào các cuộc truy hoan của tà giáo. Họ đã rũ ren Hội thánh với tình trạng phi đạo đức và thờ lạy hình tượng.

Phần lớn các tín đồ ở Bết-găm không tham gia vào những sai lầm của các nhóm tà giáo. Họ giữ lòng trung thành với Đấng Christ và đức tin Cơ đốc. Nhưng do dung túng nhiều nhóm và từ chối không áp dụng kỷ luật Hội thánh, họ đã dự phần vào trong tội lỗi của họ, điều này dẫn tới sự phán xét của Chúa.

MẠNG LỆNH

Vậy, hãy ăn năn đi, bằng chẳng, ta sẽ đến mau kíp cùng ngươi, lấy thanh gươm ở miệng ta mà giao chiến cùng chúng nó (Kh 2:16)

Phương thuốc chữa cho bất kỳ hành vi tội lỗi nào đều là **ăn năn**. **Ăn năn** ra từ chữ *metanoō*, một từ được sử dụng trong Kinh Thánh để mô tả sự đổi ý kết quả bằng sự thay đổi hành vi. Trong khi khoan dung được ca ngợi trong nền văn hoá hiện đại của chúng ta, dung thứ cho sự dạy của tà giáo hay hành vi tội lỗi trong Hội thánh không phải là một đức tính tốt mà là tội lỗi. Vì vậy, một vấn đề nghiêm trọng dường ấy, nếu họ thất bại không ăn năn, thất bại không kỷ luật, Đấng Christ cảnh cáo họ **ta sẽ đến mau kíp cùng ngươi, lấy thanh gươm ở miệng ta mà giao chiến cùng chúng nó** (đối chiếu Dan 22:23). Cả Hội thánh phải đối mặt với thanh gươm phán xét của Đấng Christ, những kẻ theo tà giáo chuyên thực hành tội lỗi và sự gian ác của họ, và phần còn lại của Hội thánh vì đã dung túng nó. Sự thay đổi các nhân xưng đại danh từ **ngươi** thành **chúng nó** phản ánh một thành ngữ Hy-bá-lai cơ bản thường thấy có trong bản dịch 70; cả hai nhân xưng đại danh từ này chỉ ra cả Hội thánh.

Hội thánh không thể dung chịu được điều ác dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với người thành Cô-rinh-tô hay khoe mình, tự hào dung túng một người phạm tội loạn luân, Phaolô đã viết: **"Thật anh em chẳng có cơ mà khoe mình đâu! Anh em há chẳng biết rằng một chút men làm cho cả đồng bột dậy lên sao? Hãy làm cho mình sạch men cũ đi"** (ICo 5:6-7). Các tín đồ phạm tội phải cảm thấy khổ sở trong mối giao thông và thờ phượng của hội thánh bằng cách đương diện với Lời của Đức Chúa Trời cách có quyền. Mục tiêu của nhà thờ cũng không nhằm cung ứng một môi trường mà những người không tin cảm thấy thoải mái ở đó; đó sẽ là một chỗ mà ở đây họ có thể nghe được lẽ thật và bị thuyết phục về tội lỗi để họ được cứu (Ro 10:13-17). Từ tế (đối chiếu ITi 2:24-26), ân cần, mềm mại, nhưng vững vàng, những người không tin Chúa cần phải đối diện với thực tại tội lỗi của họ và sự tiếp trợ giàu ơn của Đức Chúa Trời hơn sự chết có tính cách hy sinh của Đức Chúa Jêsu Christ. Sai lầm sẽ không bao giờ bị lấp liếm đi bởi thỏa hiệp với nó. Hội thánh chưa biết đối diện ngày nay phần lớn đang lặp đi lặp lại sai lầm của Hội thánh Bết-găm trên một cấp độ lớn lao, và đối diện với sự phán xét của Chúa Tể của Hội thánh.

MƯỜI LUẬN

Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh: Kẻ nào thắng, ta sẽ ban cho ma-na đang giấu kín; và ta sẽ cho nó hòn sỏi trắng, trên đó có viết một tên mới, ngoài kẻ nhận lấy không ai biết đến (Kh 2:17)

Đấng Christ kết luận thư tín của Ngài với lời lẽ khích lệ và khuyến bảo. Như đã lưu ý ở chương 4 của sách này, cụm từ **“Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh”** nhấn mạnh tầm quan trọng hết mức của lời lẽ Đấng Christ và trách nhiệm của người tin Chúa phải lắng nghe và áp dụng chúng. Như trong trường hợp của sáu thư tín kia, các lời hứa được gửi đến cho **kẻ nào thắng** — một cụm từ bao gồm tất cả những người tin Chúa (IGi 5:4-5). Đấng Christ hứa 3 điều cho các thuộc viên của Hội thánh tại Bết-gâm.

Thứ nhất, Ngài hứa sẽ **ban ma-na đang giấu kín cho họ**. **Ma-na** là bánh mì nhúng mật ong mà Đức Chúa Trời mà với nó Đức Chúa Trời đã cho dân Israel ăn trong suốt các năm phiêu bạt trong đồng vắng (Xu 16:14...). Theo Xu 16:33, dân Do-thái cần phải tưởng niệm sự tiếp trợ thiêng liêng đó bằng cách giữ một bình đựng ma-na ở trong hòm Giao Ước trong suốt những chuyến đi của họ. **Ma-na giấu kín** tiêu biểu cho Đức Chúa Jêsus Christ, Bánh Hằng Sống xuống từ trời (Gi 6:48-51). Ngài cung ứng phần dinh dưỡng thuộc linh cho những ai đặt đức tin nơi Ngài. **Ma-na giấu kín** tượng trưng cho mọi ơn phước và lợi ích của việc nhận biết Đấng Christ (Eph 1:3).

Đã có nhiều suy đoán về hòn đá trắng tượng trưng cho cái gì?! Có người gắn nó với U-rim và Thumim đeo trên ngực của thầy tế lễ thượng phẩm (Xu 28:15, 30; Le 8:8; Dan 27:21; Phu 33:8). Hai hòn đá này được sử dụng để xác định ý muốn của Đức Chúa Trời và tiêu biểu cho quyền hành của thầy tế lễ thượng phẩm phải cầu xin sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời cho vị lãnh đạo nào không thể trực tiếp tiếp cận với Đức Chúa Trời, song đã phải trải qua cầu trúc thầy tế lễ. Không cứ cách nào đó, Đức Chúa Trời đã khiến cho mấy viên sỏi đó tỏ lộ ý muốn của Ngài dưới hình thức vượt quá hình thức đơn giản là Được và Không Được của việc bắt thăm. Theo nhận định này, bởi **hòn sỏi trắng** này, Đức Chúa Trời hứa với những kẻ đắc thắng sự hiểu biết về ý muốn của Ngài. Những người khác xác định **hòn sỏi trắng** là một viên kim cương, là thứ đá quý nhất trong các loại đá, tượng trưng sự ban cho quý báu nhất của Đức Chúa Trời về sự sống đời đời cho những người tin theo Chúa. Tuy nhiên, dường như tốt nhất là hiểu **hòn sỏi trắng** theo ánh sáng của tập tục La-mã ban thưởng các hòn sỏi trắng cho những người chiến thắng trong các cuộc thi đấu thể thao. Một hòn sỏi trắng, được chạm khắc tên của vận động viên, góp phần như chiếc vé dự bàn tiệc được ban thưởng thật đặc biệt. Theo nhận định này, Đấng Christ hứa với kẻ đắc thắng được vào dự lễ kỷ niệm chiến thắng đời đời ở trên trời.

Sẽ có **hòn sỏi trắng, trên đó có viết một tên mới, ngoài kẻ nhận lấy không ai biết đến**. Như thấy có từ cụm từ đó, chúng ta không thể biết đâu là **tên mới** cho tới khi chúng ta nhận được nó (đối chiếu Phu 29:29). **Kainos** (mới) không có nghĩa là mới ngược với cũ theo thời gian, nhưng mới theo ý nghĩa khác nhau về chất lượng. **Tên mới** sẽ góp phần như sự được phép của mỗi tín hữu được chuyển vào sự vinh hiển đời đời. Đặc biệt nó sẽ phản ánh duy nhất tình yêu đặc biệt của Đức Chúa Trời và sự làm nuôi của từng con cái thật của Ngài.

Hội thánh Bết-gâm đã đối diện với cùng một sự lựa chọn mà từng Hội thánh tương tự đều phải đối diện với. Hội thánh có thể ăn năn và nhận lãnh mọi ơn phước của sự sống đời đời trong sự vinh hiển của thiên đàng. Hoặc Hội thánh có thể từ chối không chịu ăn năn và đối diện với thực tại đáng sợ về việc có Đức Chúa Jêsus Christ tuyên chiến với nó. Việc duy trì con đường thỏa hiệp cuối cùng dẫn đến sự phán xét.

Thi-a-ti-rơ:

Hội thánh Dung Túng Tội Lỗi

(Kh 2:18-29)

7

“Người cũng hãy viết thư cho thiên sứ của Hội thánh Thi-a-ti-rơ rằng: Đây là lời phán của Con Đức Chúa Trời, là Đấng mắt như ngọn lửa, và chân như đồng sáng: ta biết công việc người, lòng thương yêu người, đức tin người, sự hầu việc trung tín người, lòng nhịn nhục người, và công việc sau rốt người còn nhiều hơn công việc ban đầu nữa. Nhưng điều ta trách người, ấy là người còn dung cho Giê-sa-bên, người nữ ấy xưng mình là tiên tri, dạy dỗ và phỉnh phờ tôi tớ ta, đặt rủ chúng nó phạm tà dâm, và ăn thịt cúng thần tượng. Ta đã cho nó thì giờ để ăn năn, mà nó chẳng muốn ăn năn điều tà dâm nó! Nay, ta quăng nó trên giường đau đớn, và phạm kẻ nào phạm tội tà dâm với nó, mà không ăn năn việc làm của nó, thì ta cũng quăng vào tai nạn lớn. Ta sẽ đánh chết con cái nó; và mọi Hội thánh sẽ rõ ta là Đấng dò biết lòng dạ loài người; và ta sẽ tùy công việc của mỗi người trong các người mà báo lại. Nhưng, với các người là kẻ khác ở tại Thi-a-ti-rơ, chưa từng nhận lấy đạo đó và chưa biết điều sâu hiểm của quỷ Sa-tan, như chúng vẫn nói, thì ta phán dặn rằng ta không gán cho các người gánh nặng khác. Chừa các người khá bền giữ những điều mình đã có, cho tới chừng ta đến. Kẻ nào thắng, và giữ các việc của ta đến cuối cùng, ta sẽ ban cho quyền trị các nước: kẻ đó sẽ cai trị bằng một cây gậy sắt, và sẽ phá tan các nước như đồ gốm, khác nào chính ta đã nhận quyền cai trị đó nơi Cha ta. Ta sẽ cho kẻ ấy ngôi sao mai. Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh!” (Kh 2:18-29)

Đức Chúa Jêsus Christ đã kêu gọi Hội Thánh của Ngài phải nên thánh và giữ lấy sự thanh sạch bằng cách xử lý tội lỗi ngay ở giữa nó. Thực vậy, sự dạy dỗ đầu tiên Ngài ban cho Hội Thánh là phải đương diện với tội lỗi. Trong Mat 18:15-17 Chúa Jêsus truyền bảo:

“Nếu anh em người phạm tội cùng người, thì hãy trách người khi chỉ có người với một mình người; như người nghe lời, thì người được anh em lại. Ví bằng không nghe, hãy mời một hai người đi với người, hầu cứ lời hai ba người làm chứng mà mọi việc được chắc chắn. Nếu người không chịu nghe các người đó, thì hãy cáo cùng Hội thánh, lại nếu người không chịu nghe Hội thánh, thì hãy coi người như kẻ ngoại và kẻ thù thế vậy”.

Việc thực hành kỷ luật Hội thánh mà Đấng Christ đã thiết lập để duy trì sự thánh khiết của Hội Thánh là mục đích có hai phần: kêu gọi các tín hữu phạm tội trở lại với cách ăn ở ngay thẳng, và thanh lọc khỏi Hội thánh những kẻ nào ngoan cố bám lấy tội lỗi của họ. Trong cả hai trường hợp, sự thanh sạch của Hội thánh đều được duy trì.

Sau khi Hội thánh ra đời vào ngày Lễ Ngũ Tuần, Chúa đã chứng tỏ sự cam kết của Ngài đối với một Hội thánh thanh sạch bằng cách hành quyết A-na-nia và Sa-phi-ra (Cong 5:1-11). Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem truyền cho các tín đồ phải giữ "những điều cần dùng, tức là anh em phải kiêng ăn của cúng thần tượng, huyết, thú vật chết ngột, và chớ tà dâm; ấy là mọi điều mà anh em khá kiêng giữ lấy vậy. Kính chúc bình an!" (Cong 15:28-29).

Sứ đồ Phao-lô cũng có một mối quan tâm nồng nhiệt dành cho sự thanh sạch của Hội thánh. Lấy làm kinh khủng nơi thái độ thần nhiên của người thành Côrinthô đối với tội trọng trong hội chúng của họ, Phao-lô đã viết:

“Có tin đồn ra khắp nơi rằng trong anh em có sự dâm loạn, dâm loạn đến thế, dẫu người ngoại đạo cũng chẳng có giống như vậy: là đến nỗi trong anh em có kẻ lấy vợ của cha mình. Anh em còn lên mình kiêu ngạo! Anh em chẳng từng buồn rầu, hầu cho kẻ phạm tội đó bị trừ bỏ khỏi vòng anh em thì hơn! Về phần tôi, thân dẫu xa cách mà lòng ở tại đó, (vì anh em và lòng tôi được hội hiệp với quyền phép của Đức Chúa Jê-sus, là Chúa chúng ta), nên tôi đã dường như có mặt ở đó, nhân danh Đức Chúa Jê-sus là Chúa chúng ta, tuyên án kẻ phạm tội đó rằng, một người như thế phải phó cho quỷ Sa-tan, để hủy hoại phần xác thịt, hầu cho linh hồn được cứu trong ngày Đức Chúa Jê-sus” (ICô 5:1-5).

Chính mình Phao-lô đã gạt bỏ cấp lãnh đạo phạm tội không chịu ăn năn ra khỏi Hội thánh Ê-phê-sô: “Hy-mê-nê và A-léc-xan-đơ, ta đã phó cho quỷ Sa-tan rồi, hầu cho họ học biết đừng phạm thượng nữa” (ITi 1:20).

Trong thư thứ hai ông viết gửi cho họ, Phao-lô đã giải thích cho người thành Cô-rinh-tô biết điều chi tác động ông mong muốn sự thanh sạch của Hội thánh: “Vì về anh em, tôi rất sốt sắng như sự sốt sắng của Đức Chúa Trời, bởi tôi đã gả anh em cho một chồng mà thôi, dâng anh em như người trinh nữ tinh sạch cho Đấng Christ” (II Co 11:2). Eph 5:25-27 cũng dạy rằng Hội thánh là một cô dâu tinh sạch cho Đức Chúa Jê-sus Christ: “Đấng Christ đã yêu Hội thánh, phó chính mình vì Hội thánh, để khiến Hội thánh sau khi lấy nước rửa và dùng Đạo làm cho Hội thánh sạch, dâng tỏ ra hội thánh đầy vinh hiển, không vết, không nhăn, không chi giống như vậy, nhưng thánh sạch không chỗ trách được ở trước mặt Ngài”.

Bất chấp sự dạy rõ ràng của Kinh Thánh cho các Hội thánh ngộ nghịch xuyên suốt lịch sử đã dung túng tội lỗi, theo một khuôn mẫu giống như hội chúng Thi-a-ti-rơ, các thuộc viên của họ đều dính dáng vào cả hai: tà dâm về thuộc thể lẫn thuộc linh. Qua những nỗ lực xảo quyệt của một giáo sư giả, những tội lỗi đó đã trở nên phổ biến trong Hội thánh tại Thi-a-ti-rơ. Bức thư mà Đấng Christ gửi cho các thuộc viên của nó là một bức thư thật khiêm tốn, và đánh dấu một chặng đường mới trong các thư tín gửi cho bảy Hội thánh. Nhà giải kinh Charles Erdman đưa ra nhận định này về vị trí của bức thư này trong số bảy thư tín:

Thư tín gửi cho Hội thánh ở Thi-a-ti-rơ bắt đầu nhóm thứ hai của các sứ điệp gửi cho các Hội thánh ở Á châu. Trong nhóm thứ nhất, Hội thánh Ê-phê-sô được đánh dấu bởi lòng trung thành với Đấng Christ lại thiếu mất tình yêu thương. Ở Hội thánh Si-mi-ê-nơ lòng trung thành bị thử nghiệm bằng lửa. Tại Hội thánh Bết-gâm lòng trung thành thiếu mất tình cảm về mặt đạo đức. Tuy nhiên, cả ba Hội thánh đều có đức tin chơn thật, và đã không hàng phục trước các cuộc tấn công của ma quỷ.

Trong trường hợp Hội thánh tại Thi-a-ti-rơ, như ở các Hội thánh tại Sạt-đe và Lao-đi-xê, tình hình còn trầm trọng hơn nhiều. Ở đây, không những một thiểu số nhỏ là dửng dưng, mà một lượng lớn đã thực sự phục theo các ảnh hưởng tiêu cực của sự dạy giả dối. (*The Revelation of John* [Philadelphia: Westminster, 1966], 56).

Có một sự tồi tệ tiệm tiến nơi bản chất của bảy Hội thánh này, giống như chúng mô tả cho thấy ngày càng bị ảnh hưởng bởi điều ác. Cái vòng xoáy xuống thấp nhất đạt đến điểm thấp nhất tại Lao-đi-xê.

Cụm từ “điều sâu hiểm của quỷ Sa-tan” (2:24) tỏ ra thể nào Hội thánh Thi-a-ti-rơ đã trượt khỏi mối quan hệ với những người ở Si-mi-ê-nơ và Bết-gâm. Hội thánh Si-mi-ê-nơ đối mặt với sự thù địch từ “hội quỷ Satan” nghĩa là, từ những người Do-thái vô tín (2:9). Hội thánh Bết-gâm tồn tại ngay bối cảnh ngai của Satan (2:13), tiêu biểu cho tôn giáo giả của dân Ngoại (đặc biệt là hệ thống thờ lạy hoàng đế). Nhưng Hội thánh tại Thi-a-ti-rơ đã chìm xuống phần tận cùng nơi rất sâu thẳm của sự lường gạt của ma quỷ.

Bức thư gửi cho Hội thánh này là bức thư dài nhất trong bảy thư tín, mặc dù nhắm tới Hội thánh ở thành phố nhỏ nhất trong bảy thành phố. Nó có một sứ điệp quan trọng cho Hội thánh ngày nay: đạo giả và tội lỗi không được phép — ngay cả dưới ngọn cờ yêu thương, khoan dung và hiệp một. Chắc là có nhiều lời khen ngợi trong một Hội thánh. Có một chức vụ hiệu quả, phát triển về số lượng, và thậm chí có xã hội thân ái, mọi thứ có thể xuất hiện ở bề mặt. Tuy nhiên, tình trạng phi đạo đức và đạo dối, nếu không bị đối diện với, sẽ đem sự phán xét đến từ Chúa của Hội thánh.

Cũng bảy yếu tố đó tạo thành bức thư gửi cho Thi-a-ti-rơ: thư tín, Hội thánh, thành phố, lời khen ngợi, sự quan tâm, mạng lệnh và mưu luận.

THƯ TÍN

Này là lời phán của Con Đức Chúa Trời, là Đấng mắt như ngọn lửa, và chân như đồng sáng: (Kh 2:18c)

Tước hiệu **Con Đức Chúa Trời** và hai cụm từ có tính cách mô tả được rút ra từ sự mặc thị về Đấng Christ phục sinh ở 1:12-17 xác định tác giả là Đức Chúa Jêsus Christ. Như đã lưu ý, trong việc xác định chính mình Ngài trong bảy thư tín, Đấng Christ đã chọn các cụm từ từ sự mặc thị trước đó phù hợp tốt nhất với sự Ngài tiếp cận với từng Hội thánh. Các cụm từ được chọn ở đây tập trung vào vai trò của Ngài là Quan Án Thiêng Liêng.

Con Đức Chúa Trời nhấn mạnh đến thần tánh của Đấng Christ, nhấn mạnh lẽ thật cho rằng Ngài có cùng bản tánh với Đức Chúa Cha (đối chiếu Giăng 5:18). Đây là một sự thay đổi quan trọng trong từ ngữ. Trong sự mặc thị được ghi lại ở chương 1, Đấng Christ đã được mô tả như Con Người (1:13). Tước hiệu đó nhấn mạnh đến sự hạ mình, sự đồng hóa tình cảm của Ngài với những người tin Chúa là Thầy Tế Lễ có lòng hay thương xót. Nó cung ứng sự khích lệ cho các Cơ đốc nhân bị bắt bớ: "Nhân đó, Ngài phải chịu làm giống như anh em mình trong mọi sự, hầu cho đối với Đức Chúa Trời, trở nên thầy tế lễ thượng phẩm, hay thương xót và trung tín, dâng đền tội cho chúng dân. Vả, vì chính mình Ngài chịu khổ trong khi bị cám dỗ, nên có thể cứu những kẻ bị cám dỗ vậy" (He 2:17-18). Tước hiệu Con Người xem Đấng Christ trong khả năng của Ngài thông cảm với các nhu cầu, thử thách và cám dỗ của Hội Thánh Ngài.

Tuy nhiên, trong đoạn này, Chúa Jêsus được xác định là **Con của Đức Chúa Trời** (thời điểm duy nhất cụm từ này xuất hiện trong sách Khải huyền); phần nhấn mạnh không nhắm vào sự hạ mình của Ngài, song nhắm vào thần tánh của Ngài, vì cách tiếp cận của Ngài đối với Hội thánh tại Thi-a-ti-ơ không nằm trong vai trò Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm có sự đồng cảm, mà là Quan Án thiêng liêng. Không một chút yên ủi nào hết, nhưng chỉ có sự phán xét dòn chứa cho Hội thánh tại Thi-a-ti-ơ khi quyền phép thiêng liêng của Đấng Christ nhắm thẳng vào hội chúng tà dâm này.

Là Con thiêng liêng của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Jêsus Christ **có mắt như ngọn lửa**. Cái nhìn xuyên thấu, như tia laser thấy hết mọi sự; không một việc gì có thể che, giấu, hoặc kín đáo đối với Ngài. Phần mô tả Đức Chúa Jêsus Christ trong sự đến vinh hiển lần thứ hai của Ngài, Kh 19:12 chép rằng: "**Mắt Ngài như ngọn lửa**" (xem Đaniên 10:6). Một Hội thánh có thể cảm thấy tự hài lòng, có một tiếng tốt trong cộng đồng, hoặc thậm chí đối với các Hội thánh khác. Nhưng đôi mắt xuyên thấu của Đức Chúa Jêsus Christ nhìn thấy nó như nó vốn có vậy.

Phần mô tả **chân của Ngài như đồng sáng** gợi nhớ đến Kh 19:15, ở đó Kinh Thánh chép về Đấng Christ như sau: "Ngài giày đạp thùng rượu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời toàn năng". Bàn chân của Đấng Christ lộ lên rực rỡ **như đồng sáng** mô tả sự thanh sạch và thánh khiết của Ngài khi Ngài giày đạp sự ô uế.

Phần mô tả kinh khiếp của Đức Chúa Jêsus Christ đã tạo ra cú sốc, kinh ngạc và sợ hãi khi bức thư này được đọc cho hội chúng nghe tại thành Thi-a-ti-ơ. Nó trở nên như một sự thông biết thật năng động đối với họ, giống như nó có cho hết thầy các Cơ đốc nhân phạm tội, rằng Đấng Christ sẽ phán xét tội lỗi liên tục, không chịu ăn năn. Theo lời lẽ của sứ đồ Phi-e-rơ: "Vì thời kỳ đã đến, là khi sự phán xét sẽ khởi từ nhà Đức Chúa Trời" (IPhi 4:17).

HỘI THÁNH

Hội thánh Thi-a-ti-ơ (Kh 2:18a)

Giống như trường hợp với các Hội thánh ở Si-mi-ec-nơ và Bết-găm, Kinh thánh không ghi lại việc thành lập Hội thánh tại Thi-a-ti-ơ. Theo Cong 16:14: "Có một người trong bọn đó nghe chúng ta, tên là Ly-

đi, quê ở thành Thi-a-ti-rơ, làm nghề buôn hàng sắc tía, vẫn kính sợ Đức Chúa Trời", đã trở lại đạo dưới chức vụ của Phao-lô tại thành Philip. Câu 15 ghi lại rằng các thành viên trong gia đình của bà cũng đạt đến chỗ có đức tin cứu rỗi nơi Đấng Christ và đã chịu phép rửa tội. Có khả năng là Ly-đi và gia đình bà đã dự phần vào việc mở mang Hội thánh tại Thi-a-ti-rơ. Hơn nữa, Hội thánh ở đó được thành lập như một chiến dịch truyền giáo của Phao-lô tại thành Êphê-sô (Cong 19:10).

THÀNH PHỐ

Thi-a-ti-rơ (Kh 2:18b)

Từ Bết-găm, cực Bắc của bảy thành phố, con đường La-mã quay về phía Đông và rồi hướng đông nam tới Thi-a-ti-rơ, khoảng bốn mươi dặm. Thi-a-ti-rơ nằm trong một thung lũng chạy dài bắc-nam kết nối với các thung lũng hai dòng sông Caicus và Hermus. Không giống như Si-miéc-nơ hay Bết-găm, Thi-a-ti-rơ được xây dựng ở một xứ tương đối bằng phẳng và thiếu một cung điện. Sự thiếu vắng các công trình tự nhiên đó sẽ đóng một vai trò quan trọng trong lịch sử của nó.

Thi-a-ti-rơ được một trong những người kế nhiệm Alexander Đại đế là Seleucus thiết lập, như một tiền đồn quân sự bảo vệ con đường chạy dọc bắc-nam. Sau đó nó được đổi tay, và dưới quyền cai trị của Lysimachus, là nhân vật cai trị Bết-găm. Thi-a-ti-rơ là cửa ngõ vào Bết-găm, và nhiệm vụ của những người bảo vệ tại Thi-a-ti-rơ là ngăn chặn kẻ tấn công và do đó hoãn binh cho Bết-găm. Không may, vì Thi-a-ti-rơ không có phương tiện phòng thủ tự nhiên, tiền đồn ở đó không có hy vọng chống giữ lâu dài. Thế là thành phố đã bị phá hủy và xây dựng lại nhiều lần; sự tham khảo rất ít vào nó trong văn học cổ đại thường mô tả sự chinh phục của nó bởi một quân đội xâm lược.

Sau cùng, khoảng năm 190TC, Thi-a-ti-rơ đã bị quân La-mã chiếm đóng và sát nhập rồi hưởng lấy nền hoà bình của người La-mã. Thế rồi thành phố trở thành một trung tâm thương mại thịnh vượng. Vị trí của nó nằm trên con đường chạy dọc bắc-nam, trước đây là một cửa ngõ, bây giờ trở thành một tài sản. Con đường đó trở nên quan trọng hơn trong thời La Mã, vì nó kết nối Bết-găm với Lao-đi-xê, Si-miéc-nơ, và các khu vực nội địa của tỉnh Á-châu. Nó cũng góp phần như con đường bưu điện của người La-mã. Vào thời điểm sách Khải huyền được viết ra, Thi-a-ti-rơ đã bước vào giai đoạn thịnh vượng lớn lao nhất của nó.

Thi-a-ti-rơ đã được lưu ý vì nó có nhiều hiệp hội (*trương đương với các công đoàn lao động ngày nay*). Ngành công nghiệp chính của Thi-a-ti-rơ là sản xuất len và hàng nhuộm (*đặc biệt là hàng tía, nhuộm bằng thuốc nhuộm màu tím lấy từ rễ cây thiên thảo*), nhưng các tấm bia cũng đề cập đến các hiệp hội dành cho công nhân làm vải bạt, các nhà sản xuất hàng may mặc bên ngoài, thợ nhuộm, thợ thuộc da, thợ làm tóc, thợ làm bánh, những tay buôn nô lệ và thợ đồng. (William Ramsay, *The Letters to the Seven Churches of Asia* (Albany, Oreg.: AGES Software; reprint of the 1904 edition], 260). Ly-đi có lẽ đã đại diện cho hiệp hội của bà tại thành Philip (*Công Vụ các Sứ Đồ 16:14*), cho thấy rằng thị trường của Thi-a-ti-rơ trải dài qua biển Aegean đến lục địa Hy-lạp.

Không giống như Bết-găm hay Si-miéc-nơ, Thi-a-ti-rơ không phải là một trung tâm tôn giáo quan trọng. Thần chính được người thành Thi-a-ti-rơ thờ lạy là Apollo, thần mặt trời của người Hy-lạp. Ở đó cũng không có dân cư Do-thái đáng kể. Áp lực mà các Cơ đốc nhân ở thành Thi-a-ti-rơ phải đối mặt với đến từ các hiệp hội. Để nắm giữ một ngành nghề hoặc điều hành một doanh nghiệp, điều cần thiết là phải trở thành thuộc viên của một hiệp hội. Mỗi hiệp hội có vị thần hộ mệnh của nó, các lễ hội tôn vinh các thần đó đã được tổ chức — hoàn toàn với thịt cúng cho các thần tượng và phi luân về tình dục. Các Cơ đốc nhân đối mặt với tình trạng chẳng đặng đừng khi đến tham dự những bữa tiệc đó hoặc có thể mất sinh kế của họ. Người trong Hội thánh Thi-a-ti-rơ phải xử lý thế nào với tình huống đã khiến cho Đức Chúa Jê-sus Christ phải quan tâm sâu sắc.

LỜI KHEN NGỢI

ta biết công việc người, lòng thương yêu người, đức tin người, sự hầu việc trung tín người, lòng nhịn nhục người, và công việc sau rốt người còn nhiều hơn công việc ban đầu nữa (Kh 2:19)

Như Ngài đã khen ngợi đối với các Hội thánh tại thành Ê-phê-sô và Bết-gâm, Đấng Christ đã khen ngợi Hội thánh tại Thi-a-ti-rơ trước khi bày tỏ ra nỗi lo lắng của Ngài về điều đó. Ngài bảo đảm với họ rằng Ngài đã không quên những **công việc** ngay thẳng của họ (đối chiếu He 6:10), Ngài chia các công việc ấy thành bốn loại.

Thứ nhất, các tín đồ ở thành Thi-a-ti-rơ đã bày tỏ **lòng thương yêu** đối với Đức Chúa Trời và với nhau — mặc dù tình cảm đó rõ ràng là yếu ớt, một khi không có một nền tảng vững chắc của đạo thật chính thống. Trong một số phương thức, Thi-a-ti-rơ thì mạnh mẽ ở chỗ Ê-phê-sô yếu đuối; thực vậy, đây là Hội thánh đầu tiên trong bảy Hội thánh đã được ngợi khen vì tình yêu của nó.

Thứ hai, Đấng Christ đã khen ngợi họ vì có **đức tin** của họ. Pistis (**đức tin**) được dịch hay hơn “trung thành”, hay “trung tín”. Các Cơ đốc nhân đích thực trong thành Thi-a-ti-rơ đã sống nương cậy, tin cậy và trước sau như một (đối chiếu câu 25). Đức tin và tình yêu thương thường được liên kết trong Tân Ước (thí dụ, ICo 13:2, 13; IICo 8:7; Ga 5:6; Eph 1:15; 3:17; Co 1:4; ITe 1:3; 3:6; 5:8; IITe 1:3; ITi 1:14; 2:15; 6:11; IITi 1:13; 2:22; 3:10; Tít 2:2).

Sự hầu việc và **sự nhịn nhục** đều phát xuất từ đức tin và tình yêu thương. Người nào yêu sẽ biểu hiện tình yêu đó qua việc làm thoả mãn các nhu cầu của tha nhân. Người nào trung tín sẽ nhịn nhục kiên trì trong đức tin (đối chiếu Mat 16:24-26; 24:13).

Không những Cơ đốc nhân thành Thi-a-ti-rơ sở hữu các đức tính này, mà **công việc sau rốt** của họ còn **nhiều hơn** so với số lượng lúc ban đầu. Công việc yêu thương của họ ngày càng tương thích hơn, và sự nhịn nhục trung tín của họ ngày càng mạnh mẽ hơn. Họ đã tấn tới trong ân điển, trưởng thành trong nếp sống Cơ đốc của họ, và lý tưởng của Đấng Christ ngày càng thăng tiến (IIPhi 1:8). Về nếp sống ấy mà họ đã được khen ngợi.

MỐI QUAN TÂM

Nhưng điều ta trách người, ấy là người còn dung cho Giê-sa-bên, người nữ ấy xưng mình là tiên tri, dạy dỗ và phỉnh phờ tôi tớ ta, đặt rủ chúng nó phạm tà dâm, và ăn thịt cúng thần tượng. Ta đã cho nó thì giờ để ăn năn, mà nó chẳng muốn ăn năn điều tà dâm nó! Nay, ta quăng nó trên giường đau đớn, và phạm kẻ nào phạm tội tà dâm với nó, mà không ăn năn việc làm của nó, thì ta cũng quăng vào tai nạn lớn. Ta sẽ đánh chết con cái nó; và mọi Hội thánh sẽ rõ ta là Đấng dò biết lòng dạ loài người; và ta sẽ tùy công việc của mỗi người trong các người mà báo lại. (Kh 2:20-23)

Mặc dù họ đã nhận được lời khen ngợi, mọi sự đều không suông sẻ với Hội thánh tại Thi-a-ti-rơ. Vấn đề không phải là bắt bớ bên ngoài, mà là sự thoả hiệp bên trong; không phải là bày sới dữ từ bên ngoài bày chiến, mà ngược lại từ con người ở bên trong kia (đối chiếu Công Vụ các Sứ Đồ 20:29-30). Cái nhìn xuyên thấu của Chúa Hội thánh đã phân biệt sai lầm nghiêm trọng, khiến Ngài phải cảnh báo **điều ta trách người**. Việc sử dụng nhân xưng đại danh từ chỉ ra sự nhắc nhở này một cách đặc biệt đối với lãnh đạo của hội chúng. Bản cáo trạng, ấy là **người còn dung cho Giê-sa-bên, người nữ ấy xưng mình là tiên tri, dạy dỗ và phỉnh phờ tôi tớ ta, đặt rủ chúng nó phạm tà dâm, và ăn thịt cúng thần tượng**. Tội lỗi, dường như liên quan đến đại đa số các thuộc viên của hội thánh Thi-a-ti-rơ, có đến hai phần. Thứ nhất, họ đã vi phạm sự dạy của Kinh Thánh cho rằng đàn bà không được làm giáo viên hay giảng viên trong Hội thánh (ITi 2:12). Điều đó dẫn họ đến chỗ **dung cho Giê-sa-bên, người nữ ấy xưng mình là tiên tri**. Họ kết hợp lỗi của họ trong việc cho phép bà ta đứng dạy đạo đối. Kết quả là, Chúa Jêsus tuyên bố: **dạy dỗ và phỉnh phờ tôi tớ ta, đặt rủ chúng nó phạm tà dâm, và ăn thịt cúng thần tượng**.

Giê-sa-bên chắc chắn không phải là tên thật của nữ tiên tri giả, nhưng giống như người vợ bị ổi của vua A-háp, bà ta là đại biểu của Satan chuyên làm cho dân sự Chúa ra đời bại. Vì thế, Đức Giê-hô-va đã gán cho bà ta với cái tên Giê-sa-bên tiêu biểu. Giê-sa-bên trong Cựu Ước là một người đàn bà vô liêm sỉ khôn tả xiết —nhiều đến nỗi Kinh Thánh đặt tên cho kẻ lấy nàng làm vợ là điều xấu xa nhất mà vua A-háp đã có: **“A-háp, con trai Ôm-ri, làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va hơn hết thấy các người tiên bói mình. Và, người lấy sự bắt chước theo tội lỗi của Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát, làm nhỏ mọn, nên người đi lấy Giê-sa-bên, con gái Et-ba-anh, vua dân Si-đôn, mà làm vợ; người cũng đi hầu việc Ba-anh và thờ lạy nó”** (IVua 16:30-31). Qua ảnh hưởng gian ác của Giê-sa-bên, sự thờ phượng thần Ba-anh đã lan rộng trong xứ Israel.

Giống như bản sao Cựu Ước của Giê-sa-bên, **người nữ** trong thành Thi-a-ti-tơ đã **xưng mình là tiên tri** đã thành công trong việc **dạy dỗ và phỉnh phờ tới tở ta, đặt rủ chúng nó phạm tà dâm, và ăn thịt cúng thần tượng. Ta đã cho nó**. Người ta có thể suy đoán rằng người nữ ấy đã kết hôn với nhị nguyên thuyết về triết học rất phổ biến trong triết học Hy-lạp đương thời. Khi được đưa vào trong Hội thánh, sự dạy dỗ cho rằng linh hồn là thiện, còn xác thịt là ác. Một khi Đức Chúa Trời chỉ chú trọng đến linh hồn, những người cung ứng nó đã lập luận đối trá, một người làm gì với thân thể của họ thì chẳng nhằm nhò gì hết. Như vậy, theo Giê-sa-bên, nếu Cơ đốc nhân phạm vào **tội tà dâm** hay **ăn thịt cúng thần tượng** thì chẳng sao cả. Bà ta cũng đã lấy quan điểm bị vặn cong, chống nghịch đạo lý nói tới ân điển của Đức Chúa Trời, luận lẽ rằng sẽ có sao đâu nếu Cơ đốc nhân phạm tội, một khi Đức Chúa Trời giàu ơn tha thứ cho họ. Có lẽ bà ta cũng khuyến khích Cơ đốc nhân nên kinh nghiệm mọi điều sâu hiểm của Satan để họ có thể làm chứng tốt hơn cho người chưa được cứu. Bất kể nội dung cụ thể nào nơi sự dạy dỗ dối của bà ta, nó dẫn tới đại đa số các tín hữu ở thành Thi-a-ti-rơ lạc lối khỏi lẽ thật và sự công bình.

Kinh Thánh dạy rằng Cơ đốc nhân đích thực có thể sa vào tình trạng phi luân tình dục (đối chiếu ICo 6:15-20) và thờ lạy hình tượng (đối chiếu ICo 10:21). Song để dẫn dắt các Cơ đốc nhân khác vào đạo dối hoặc sống phi luân là một tội rất nghiêm trọng, một người đối diện với án phạt nghiêm trọng nhất. Ở Mat 18:6-10, Chúa Jêsus đã mô tả bóng bẩy các hậu quả nghiêm trọng cho những ai dẫn dắt các tín hữu khác vào trong tội lỗi:

Song, nếu ai làm cho một đứa trong những đứa nhỏ này đã tin ta sa vào tội lỗi, thì thà buộc cối đá vào cổ, mà quăng nó xuống đáy biển còn hơn. Khốn nạn cho thế gian vì sự gây nên phạm tội! Vì sự gây nên phạm tội phải có; song khốn nạn thay cho ai là kẻ gây nên phạm tội! Nếu tay hay là chân người làm cho người sa vào tội lỗi, hãy chặt và ném nó cho xa người đi; vì thà người què chân hay là cụt tay mà vào nơi hằng sống, còn hơn là đủ cả hai tay hay là hai chân mà bị quăng vào lửa đời đời. Nếu con mắt người làm cho người sa vào tội lỗi, thì hãy móc mà ném cho xa người đi; vì thà người một mắt mà vào nơi hằng sống, còn hơn là đủ hai mắt mà bị quăng vào lửa địa ngục. Hãy giữ mình đừng khinh dễ một đứa nào trong những đứa trẻ này; vì ta bảo các người, các thiên sứ của chúng nó trên trời thường thấy mặt Cha ta, là Đấng ở trên trời.

Những “đứa nhỏ này đã tin” theo Đấng Christ không phải là loại trẻ con theo phần xác đâu, mà là những con trẻ thuộc linh — những người tin Chúa. Dẫn dắt người khác đã tin Chúa vào trong tội lỗi quả là việc nghiêm trọng vì Chúa phán chết bị chìm trong nước là một sự lựa chọn tốt hơn. Hình ảnh của việc tự cắt xén là thứ ngôn ngữ mô tả nhu cần phải hành động quyết liệt trong việc xử lý đối với tội lỗi.

Trong Cựu Ước, Giê-sa-bên đối diện với một cứu cánh tồi tệ, xứng đáng với tình trạng của bà ta là một người đã dẫn Israel vào chỗ sai lạc:

Giê-hu liền đến tại Gít-rê-ên. Giê-sa-bên hay, bèn giội phấn mặt mình, trang điểm đầu, và đứng trông nơi cửa sổ. Khi Giê-hu đi qua cửa thành, nàng nói rằng: Hỡi Xim-ri, kẻ giết chúa mình! Bình yên chăng? Giê-hu ngược mắt lên về hướng cửa sổ, nói rằng: Trên cao kia, ai thuộc về ta? Ai? Hai ba quan hoạn bèn ngó ra về hướng người. Người kêu chúng rằng: Vậy, hãy ném nó xuống đất! Chúng ném nàng xuống đất, và huyết vọt lại trên tường và trên ngựa, rồi ngựa giầy đạp nàng dưới chân. Giê-hu vào, ăn và uống xong, đoạn nói rằng: Vậy, hãy đi xem đàn bà khốn nạn và lo chôn nó, vì nó là con gái của vua. Vậy, các tôi tớ đi đặt chôn nàng; nhưng chúng chỉ còn thấy cái sọ, hai chân, và lòng bàn tay nàng mà thôi. Chúng trở về cho chủ mình hay điều đó. Giê-hu bèn nói: Ấy là lời của Đức Giê-hô-va đã cậy miệng Ê-li, người Thi-sê-be, tôi tớ Ngài,

mà phán rằng: Chó sẽ ăn thịt Giê-sa-bên tại trong đồng ruộng Gít-rê-ên; và thấy nàng sẽ như phân trên mặt đất, trong ruộng Gít-rê-ên, đến đời người ta không thể nói rằng: Đây là Giê-sa-bên (II Vua 9:30-37)

Đức Chúa Trời giàu ơn đã cho nữ tiên tri giả thì giờ để ăn năn tại thành Thi-a-ti-rơ, nhưng minh họa cho lẽ thật đáng buồn là dân sự ưa thích sự tối tăm hơn là sự sáng láng (Gi 3:19), bà ta không muốn ăn năn về điều tà dân nó. Sự từ chối thẳng thừng và dứt khoát của bà ta không chịu ăn năn sẽ dẫn đến một sự phán xét khủng khiếp, được bày ra bởi thể gian bất bớ hiện khi ấy. Vì Giê-sa-bên từ chối không chịu ăn năn, Đấng Christ tuyên bố ta quăng nó trên giường đau đớn. Cụm từ đau đớn không phải là một phần của bản gốc tiếng Hy-lạp, nhưng được ghi ra như là sự phỏng đoán của người dịch. Trong ánh sáng phần kết cuộc của việc Giê-sa-bên từ chối không chịu ăn năn, có thể là cái giường đề cập đến sự chết và địa ngục — nơi nghỉ ngơi cuối cùng cho những ai từ chối không chịu ăn năn.

Sự phán xét thiêng liêng sắp giáng xuống không những trên Giê-sa-bên, mà còn trên kẻ nào phạm tội tà dân với nó nữa. Chúa dọa quăng họ vào tai nạn lớn — chó không phải đại nạn chung cuộc được mô tả ở Khải huyền 4-19, mà là khổ nạn hay rối rắm. Một khi đây là những Cơ đốc nhân phạm tội, họ đã tin theo những lời dối trá của bà ta, Chúa không dọa đưa họ xuống địa ngục như Ngài đã răn đe nữ tiên tri giả. Ngài hứa sẽ đem đến cho họ sự sửa phạt trầm trọng — ngay cả sự chết theo phần xác (đối chiếu I Co 11:30; IGi 5:16) — trừ phi họ ăn năn các việc làm của họ.

Khi ấy, Đấng Christ đặt tên cho nhóm thứ ba đang đối diện với sự phán xét thiêng liêng, Ngài tuyên bố: Ta sẽ đánh chết con cái nó. Con cái của Giê-sa-bên không phải là con ruột của bà ta mà là con thuộc linh của bà ta. Hội thánh sắp sửa bốn mươi tuổi khi Giăng viết thư tín, do đó sự dạy dỗ của bà ta đã được đủ lâu cho thế hệ thứ hai những kẻ sai trái dậy lên. Như Ngài đã làm với A-na-nia và Sa-phia-ra, Chúa dọa giết chết những kẻ phạm sai lầm này bằng dịch lệ (theo nghĩa đen là "giết họ bằng cái chết"). Đã quá trễ cho Giê-sa-bên; tấm lòng của bà ta đã bị chai cứng trong tội lỗi không chịu ăn năn. Nhưng Đức Chúa Jêsu Christ lấy lòng thương xót cảnh cáo các môn đồ của mình phải ăn năn trong khi vẫn còn có thời gian.

Sự phán xét nghiêm ngặt đã được hứa với nữ tiên tri và các môn đồ của bà ta một lần nữa tỏ ra lòng thương xót của Đấng Christ đối với Hội thánh tinh sạch về mặt giáo lý và về cách ăn ở. Ngài sẽ làm bất cứ điều gì là cần thiết để thanh lọc Hội thánh của Ngài về tội lỗi — thậm chí đến điểm cắt đi sinh mạng của các giáo sư giả. Thực tại hiển nhiên này sẽ khiến cho hết thảy những ai muốn trở thành giáo sư và nhà truyền đạo trong Hội thánh phải biết chắc là họ đang nói ra lẽ chơn thật (đối chiếu Gia 3:1). Điều đó cũng cảnh báo những Cơ đốc nhân nào đang bước theo các giáo sư giả phải ăn năn tội của họ, e rằng họ phải đối diện với sự sửa phạt thiêng liêng.

Đấng Christ sẽ nhận được sự vinh hiển khi Ngài xét đoán Giê-sa-bên cùng các môn đồ của bà ta. Khi điều đó xảy ra, mọi Hội thánh sẽ nhìn biết rằng Ngài là Đấng biết lòng dạ loài người. Cụm từ đó cung ứng thêm phần khẳng định về thần tánh của Đấng Christ, một khi cụm từ này được sử dụng trong Cựu Ước lúc nói đến Đức Chúa Trời (thí dụ, ISu 28:9; Thi 7:9; Ch 24:12; Giê 11:20; 17:10; 20:12). Sau khi Ngài phán xét Hội thánh Thi-a-ti-rơ, hết thảy các Hội thánh khác sẽ bị cảnh cáo chống lại điều ác trong việc dung túng tội lỗi. Họ cũng nhận ra rằng không một điều gì có thể giấu khỏi cái nhìn xuyên thấu của Chúa các Hội thánh.

Không biết có bao nhiêu người trong hội chúng này đáp lại lời cảnh báo của Đấng Christ, nhưng, thế thảm thay, Hội thánh Thi-a-ti-rơ như một tổng thể dường như không quan tâm đến lời cảnh báo ấy. Lịch sử ghi lại Hội thánh này đã trở thành miếng mồi của phong trào tà giáo Montanist (một tiên tri giả dẫn dắt phong trào, ông ta xưng mình tiếp tục phân khai thị từ Đức Chúa Trời tẻ tách ra ngoài Kinh Thánh) rồi kết thúc vào cuối thế kỷ thứ hai.

Thế rồi Đấng Christ đưa ra một lời yên ủi cho các tín đồ thực trong Hội thánh Thi-a-ti-rơ, họ không bước theo sự dạy dỗ của Giê-sa-bên: và ta sẽ tùy công việc của mỗi người trong các người mà báo lại. Sự phán xét không lường trước của Đấng Christ sẽ chiếu theo công việc của mỗi người; những ai vô tội sẽ không bị trừng phạt cùng với kẻ có tội. Mọi người sẽ bị xét đoán bởi công việc của họ [nam hay nữ] là chủ đề thường xuyên trong Kinh Thánh. Trong Mat 7:16, Chúa Jêsu nói về các tiên tri giả: "Các người nhờ những trái nó mà nhận biết được". Khi nói về lần đến thứ hai, Chúa Jêsu đã cảnh báo: "Vì Con người sẽ

ngự trong sự vinh hiển của Cha mình mà giáng xuống cùng các thiên sứ, lúc đó, Ngài sẽ thưởng cho từng người, tùy việc họ làm" (Mat 16:27; Kh 22:12). Đức Chúa Trời là Quan Án công bình "sẽ trả lại cho mỗi người tùy theo công việc họ làm" (Ro 2:6). Phao-lô viết về đối thủ cay đắng của mình, thợ đồng A-léc-xan-đơ: "tùy theo công việc hấn, Chúa sẽ báo ứng" (IITi 4:14).

Các việc làm luôn luôn là cơ sở cho sự phán xét thiêng liêng. Tuy nhiên, nói như thế không có nghĩa là sự cứu rỗi là bởi việc làm đâu (đối chiếu Eph 2:8-9; IITi 1:9; Tit 3:5). Các việc làm của người ta cho thấy tình trạng thuộc linh của họ. Đây là điều Gia-cơ muốn nói khi ông thổ lộ: "ta sẽ chỉ cho người đức tin bởi việc làm của ta" (Gia 2:18). Đức tin cứu rỗi chắc chắn sẽ tự biểu hiện ra bằng những việc lành, khiến cho Gia-cơ tuyên bố rằng: "Về đức tin, cũng một lẽ ấy; nếu đức tin không sanh ra việc làm, thì tự mình nó chết" (Gia 2:17, đối chiếu câu 26). Cơ đốc nhân là những tạo vật mới (II Co 5:17), "là việc Ngài làm ra, đã được dựng nên trong Đức Chúa Jê-sus Christ để làm việc lành mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn trước cho chúng ta làm theo" (Eph 2:10). Việc làm không thể cứu được, nhưng chúng hay bị rửa sạch.

Sự phán xét phải bắt đầu với nhà của Đức Chúa Trời (I Phi 4:17). Nhưng sự phán xét của Đấng Christ sẽ phản ánh công bằng từng việc làm của từng người một — một thực tại sẽ đem lại sự sợ hãi cho những ai dạy dỗ và thực hành đạo dối, nhưng yên ủi và hy vọng cho đức tin của người nào là chân chính.

MẠNG LỊNH

Nhưng, với các người là kẻ khác ở tại Thi-a-ti-rơ, chưa từng nhận lấy đạo đó và chưa biết điều sâu hiểm của quỷ Sa-tan, như chúng vẫn nói, thì ta phán dặn rằng ta không gán cho các người gánh nặng khác. Chỉ các người khá bền giữ những điều mình đã có, cho tới chừng ta đến (Kh 2:24-25)

Sau khi cảnh báo những kẻ làm theo đạo dối phải ăn năn, Đấng Christ thốt ra lời yên ủi **cho kẻ khác ở tại Thi-a-ti-rơ, chưa từng nhận lấy đạo đó** [sự dạy giả dối của Giê-sa-bên]. Chúng gọi lại những lời yên ủi của Đức Chúa Trời cho người ta trong thời của Malachi, họ sợ bị quét bỏ đi trong sự phán xét thiêng liêng:

“Bấy giờ những kẻ kính sợ Đức Giê-hô-va nói cùng nhau, thì Đức Giê-hô-va để ý mà nghe; và một sách để ghi nhớ được chép trước mặt Ngài cho những kẻ kính sợ Đức Giê-hô-va và tưởng đến danh Ngài. Đức Giê-hô-va vạn quân phán: Những kẻ ấy sẽ thuộc về ta, làm cơ nghiệp riêng của ta trong ngày ta làm; và ta sẽ tiệc cùng chúng nó như một người tiệc con trai mình hầu việc mình” (Ma 3:16-17)

Đấng Christ xác định rõ các tín đồ thực là những kẻ **chưa biết những điều sâu hiểm của quỷ Satan, như chúng vẫn nói**. Giê-sa-bên cùng các môn đồ của bà ta xưng mình là ông dẫn những chỗ hiểm sâu sự thống trị của quỷ Satan mà vẫn giữ không bị tổn thương về mặt tâm linh. Trong thần học giả dối sai lạc, gian ngoa của họ, họ tin họ có thể giữ như thế mà không bị trừng phạt. Sự dạy của phái tiền-Ngô đạo này cho rằng người ta được tự do dẫn thân vào lãnh địa của quỷ Satan và tham gia vào các tội lỗi của cơ thể mà không gây tổn hại cho linh hồn. Một khi linh hồn thuộc về Đức Chúa Trời, họ phát ra thứ logic bị vặn cong, có vấn đề gì không một khi thân thể dục vào các bữa tiệc thờ lạy hình tượng và dục phần vào phi luân về mặt tình dục? Họ tưởng bản thân họ được tự do khám phá các lãnh vực của quỷ Satan rồi sau đó trở trên đến thờ lạy Đức Chúa Trời.

Đối với những tín đồ đích thực, họ chưa kinh nghiệm phần tri thức sâu hiểm mà những kẻ dị giáo này xưng nhận, Đấng Christ phán: **Ta không gán cho các người gánh nặng khác**. Việc mang lấy gánh nặng nhìn thấy sự dạy giả dối cùng lối sống phi luân trong Hội thánh của họ, và phải kháng cự lại sự gạ gẫm và nhạo báng từ đảng của Giê-sa-bên, là gánh nặng đủ để họ phải mang lấy. Nhưng e là họ trở nên quá tự tin, Đấng Christ khuyên họ: **Vậy thì, ai tưởng mình đứng, hãy giữ kéo ngã** (đối chiếu I Co 10:12). Việc sử dụng từ ngữ mạnh mẽ **krateō** (giữ cho chắc) chỉ ra rằng điều đó sẽ không dễ dàng đâu. Sự đến của Đấng Christ có liên quan đến Hội thánh Thi-a-ti-rơ là sự Ngài đến với họ trong sự phán xét. Nhưng theo một ý nghĩa rộng hơn, tất cả các tín đồ cần phải **"mến sự lành"** (Ro 12:9) cho tới khi Đấng Christ tái lâm.

MƯU LUẬN

Kẻ nào thắng, và giữ các việc của ta đến cuối cùng, ta sẽ ban cho quyền trị các nước: kẻ đó sẽ cai trị bằng một cây gậy sắt, và sẽ phá tan các nước như đồ gốm, khác nào chính ta đã nhận quyền cai trị đó nơi Cha ta. Ta sẽ cho kẻ ấy ngôi sao mai. Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh! (Kh 2:26-29)

Cho **kẻ nào thắng** (nghĩa là, một Cơ đốc nhân chơn thật; đối chiếu I Giăng 5:5) và **giữ các việc** của Đấng Christ (ngược lại với những kẻ trong câu 22, họ thực hành mọi điều ác của Giê-sa-bên) **đến cuối cùng** (sự vâng lời đánh dấu một Cơ đốc nhân chân chính), Đấng Christ hứa hai việc. Thứ nhất, **Đấng Christ sẽ ban cho quyền trị các nước; kẻ đó sẽ cai trị bằng một cây gậy sắt, và sẽ phá tan các nước như đồ gốm**. Lời hứa ấy, được rút ra từ Thi 2:7-9, là một sự đóng góp vào trong Vương quốc Thiên hi niên. Người nào cứ giữ lòng trung tín với Đấng Christ dù bị đánh đập và bị xem khinh trong đời này sẽ đồng trị với Ngài trong vương quốc của Ngài trên đất này. Họ sẽ thực hành **quyền trị các nước**, cai trị **bằng một cây gậy sắt** (đối chiếu Kh 12:5; 19:15). Các nước đó trong vương quốc ngàn năm chống cự lại quyền cai trị của Đấng Christ và đe dọa dân sự Ngài sẽ bị huỷ diệt. Người nào đồng trị với Ngài sẽ giúp bảo hộ dân sự Ngài và khuyến khích sự nên thánh và sự công bình. Đấng Christ sẽ giao quyền cho họ **cũng như Ngài đã nhận quyền cai trị đó nơi Cha ta** (đối chiếu Gi 5:22, 27).

Đấng Christ cũng hứa **ban cho** các môn đồ trung tín của Ngài **ngôi sao mai**. Có người gắn ngôi sao mai với các phân đoạn như Da12:3 và Mat 13:43. Lời hứa ấy là, người tin Chúa sẽ phản ánh sự vinh hiển của Đấng Christ. Trong khi các Cơ đốc nhân lo phản ánh sự vinh hiển của Đấng Christ, nhìn thấy **ngôi sao mai** là chính mình Đấng Christ — một tước hiệu mà Ngài giả định trong Kh 22:16 (đối chiếu I Phi 1:19). Đấng Christ hứa với những người tin Chúa trong mọi sự đầy đầy chính mình Ngài; đúng là Đấng mà chúng ta: **“xem như trong một cái gương, cách mập mờ: đến bấy giờ chúng ta sẽ thấy hai mặt đối nhau; ngày nay tôi biết chưa hết: đến bấy giờ tôi sẽ biết như Chúa đã biết tôi vậy”** (ICo 13:12).

Lời lẽ kết thúc, **Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh!** là mạng lệnh phải lắng nghe phải che giấu sứ điệp của bức thư gửi cho Hội thánh tại thành Thi-a-ti-rơ. Ba lẽ thật quan trọng được đề ra. Thứ nhất, bức thư này tỏ ra sự nghiêm trọng của việc thực thi và dung túng cho tội lỗi và rằng Đức Chúa Trời sẽ phán xét những tội lỗi liên tục, chưa hề ăn năn trong Hội thánh. Thứ hai, một khuôn mẫu vâng lời đánh dấu các Cơ đốc nhân đích thực. Cuối cùng, lời hứa giàu ơn của Đức Chúa Trời cho kẻ thuộc về Ngài, ấy là, bất chấp mọi tranh đấu với tội lỗi và sai lầm trong các Hội thánh, họ sẽ kinh nghiệm mọi sự đầy đầy của Đấng Christ khi họ cùng Ngài trị vì trong vương quốc của Ngài. Các Hội thánh ấy, giống như Thi-a-ti-rơ, họ thất bại không tiếp thu được sứ điệp sẽ nhận lấy sự phán xét đời đời; người nào áp ủ sứ điệp của nó sẽ nhận được sự chúc phước thiêng liêng.

Sat-đe: Hội thánh Chết

(Kh 3:1-6)

8

“Người cũng hãy viết cho thiên sứ của Hội thánh Sat-đe rằng: Đây là lời phán của Đấng có bảy vì thần Đức Chúa Trời và bảy ngôi sao: Ta biết công việc người; người có tiếng là sống, nhưng mà là chết. Hãy tỉnh thức, và làm cho vững sự còn lại, là sự hầu chết; vì ta không thấy công việc của người là trọn vẹn trước mặt Đức Chúa Trời ta. Vậy hãy nhớ lại mình đã nhận và nghe đạo thể nào, thì giữ lấy, và ăn năn đi. Nếu người chẳng tỉnh thức, ta sẽ đến như kẻ trộm, và người không biết giờ nào ta đến bắt người thình lình. Nhưng, ở Sat-đe, người còn có mấy người chưa làm ô uế áo xống mình: những kẻ đó sẽ mặc áo trắng mà đi cùng ta, vì họ xứng đáng như vậy. Kẻ nào thắng, sẽ được mặc áo trắng như vậy. Ta sẽ không xóa tên người khỏi sách sự sống và sẽ nhận danh người trước mặt Cha ta, cùng trước mặt các thiên sứ Ngài. Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh!” (Kh 3:1-6).

Khoảng cách to lớn của không gian giữa các vì sao là bao la không thể tưởng tượng nổi. Các ngôi sao gần nhất đối với chúng ta là hàng nghìn tỷ dặm. Những khoảng rộng lớn ấy đã buộc các nhà thiên văn phải đưa ra một đơn vị đo lường thích hợp, năm ánh sáng. Một năm ánh sáng tương đương với khoảng cách mà ánh sáng, đi hơn 186.000 dặm mỗi giây đồng hồ, di chuyển trong một năm — nhiều hơn 6 nghìn tỷ dặm.

Khoảng cách rộng lớn thậm chí đến các ngôi sao gần nhất cho thấy một khả năng rất thú vị. Nếu một ngôi sao cách địa cầu ba mươi năm ánh sáng phát nổ và chết cách đây năm năm, chúng ta sẽ không thể nói là đã nhìn thấy nó trong vòng 25 năm nữa. Mặc dù không còn tồn tại nữa, ánh sáng từ ngôi sao đó vẫn chiếu sáng giống như thể không có gì thay đổi.

Minh họa ấy tổng hợp hoàn toàn tình huống ở nhiều Hội thánh. Chúng vẫn chiếu sáng với thứ ánh sáng phản chiếu của một quá khứ rực rỡ. Nhìn chúng từ xa, người ta sẽ nghĩ rằng chẳng có gì thay đổi. Tuy nhiên, bóng tối tăm thuộc linh của sự dạy giả dối và lối sống tội lỗi đã dập tắt sự sáng có ở bên trong, mặc dù một số tiếng tăm của chúng có thể vẫn còn đó.

Một Hội thánh như vậy là Hội thánh tại Sat-đe. Nó có tiếng là sống, nhưng Đức Chúa Jêsus Christ lại tuyên bố là nó đã chết. Con đường tròn ốc đi xuống mà các Hội thánh này mô tả, khởi sự với việc Hội thánh Ê-phê-sô mất đi tình yêu ban đầu của mình đối với Đức Chúa Jêsus Christ và tiếp tục với tình trạng thế gian của Hội thánh Bết-gâm và sự dung túng tội lỗi của Hội thánh Thi-a-ti-rơ, tuột xuống mức thấp mới tại Sat-đe. Hội thánh ở Sat-đe có thể được đặt cho biệt danh là "Hội thánh Cỗ Lùng thứ nhứt". Đây là một Hội thánh bị tội lỗi chi phối, sự vô tín và đạo dối. Giống như cây vả trong thí dụ của Chúa Jêsus, nó có nhiều lá, song chẳng có quả nào hết (Mat 21:19).

Giống như phần còn lại của bảy Hội thánh, Hội thánh tại Sat-đe là một Hội thánh đích thực, tồn tại trong thời của Giăng. Tuy nhiên, nó cũng tiêu biểu cho các Hội thánh chết đã tồn tại xuyên suốt lịch sử, và đáng buồn thay, tiếp tục tồn tại trong chính thời của chúng ta. Ánh sáng xuất hiện kia chỉ là ảo ảnh.

Thư tín từ Đức Chúa Jêsus Christ gửi cho Hội thánh tại Sat-đe có thể được chia thành bảy phần quen thuộc: thư tín, Hội thánh, thành phố, sự quan tâm, sự ngợi khen, mạng lệnh và mưu luận.

THƯ TÍN

Này là lời phán của Đấng có bảy vì thần Đức Chúa Trời và bảy ngôi sao (Kh 3:1c)

Các phân mô tả về tác giả thiêng liêng trong từng thư tín được rút ra từ sự hiện thấy ở 1:12-17. Thư tín gửi cho Sạt-đê rút ra một yếu tố bổ sung từ lời chào thăm ở 1:4, ở đây cụm từ **bảy vì thần** cũng xuất hiện. Cụm từ đó có thể đề cập đến Es 11:2, ở đây Đức Thánh Linh được mô tả là: **"Thần của Đức Giê-hô-va. . . , tức là thần khôn ngoan và thông sáng, thần mưu toan và mạnh sức, thần hiểu biết và kính sợ Đức Giê-hô-va"**. Nó cũng đề cập đến phân mô tả tượng trưng nói tới Đức Thánh Linh như một chiếc đèn có bảy ngọn (menorah), được trình bày ở Xa 4:1-10. Trong cả hai trường hợp, phần tham khảo nhắm vào sự đầy đầy của Đức Thánh Linh. Đức Chúa Jêsus Christ được biểu hiện trong Hội Thánh Ngài qua Đức Thánh Linh.

Bảy ngôi sao là bảy sứ giả hoặc trưởng lão (đổi chiếu 1:20), một ngôi sao ra từ từng Hội thánh (trong 7 Hội thánh), họ mang một bản sao sách Khải huyền về lại Hội thánh của họ. Hình ảnh tỏ ra Đức Chúa Jêsus Christ, Chúa Chủ Tể của Hội thánh, trung gian sự cai trị của Ngài qua các cấp lãnh đạo và mục sư tin kính.

Phần giới thiệu của Đấng Christ về chính mình Ngài không gọi ra sự nghiêm trọng của hoàn cảnh ở Sạt-đê. Ngạc nhiên thay, Ngài đã không tự giới thiệu chính mình Ngài là Đấng Quan Án thiêng liêng (như Ngài đã giới thiệu ở 2:18 cho Hội thánh tại Thi-a-ti-rơ), mặc dù Hội thánh tại Sạt-đê đối mặt với sự phán xét sắp xảy ra. Thay vì thế, Ngài mô tả chính mình Ngài là Đấng hoạt động tối cao trong Hội thánh của Ngài qua Đức Thánh Linh và các cấp lãnh đạo tin kính. Phần giới thiệu đó góp phần như một sự nhắc nhở cho Hội thánh Sạt-đê về những gì họ thiếu thốn. Không có Đức Thánh Linh, Hội thánh tại Sạt-đê đã chết, bị tràn ngập ở đó là người chưa được chuộc.

HỘI THÁNH

Hội thánh Sạt-đê (Kh 3:1a)

Mặc dù các chi tiết không được ghi lại trong Kinh Thánh, Hội thánh tại Sạt-đê có lẽ đã được thành lập như một chiến dịch truyền giáo của Phaolô tại Ê-phê-sô (Cong 19:10). Nhân vật nổi bật nhất từ Hội thánh tại Sạt-đê được biết đến trong lịch sử là Melito. Ông là một nhà biện giải (một người đã viết sách bảo hộ Cơ đốc giáo), ông phục vụ trong vai trò giám mục ở Sạt-đê vào cuối thế kỷ thứ hai. Ông cũng đã viết phần chú giải được biết đến sớm nhất về các phân đoạn trích từ sách Khải Huyền. Bức thư không nói đến sự bắt bớ (tại sao Satan lại bận tâm lo bắt bớ một Hội thánh đã chết chứ?), đạo dối, các giáo sư giả, hoặc lối sống đồi trụy. Tuy nhiên, một số sự kết hợp mọi việc ấy rõ ràng là đang hiện hữu ở Sạt-đê, vì Hội thánh đã chết.

THÀNH PHỐ

Sạt-đê (Kh 3:1b)

Ở một mức độ đáng phải nói tới, lịch sử của Hội thánh tại Sạt-đê vốn tương ứng với lịch sử của thành phố. Được thành lập vào khoảng năm 1200TC, Sạt-đê là một trong những thành phố lớn nhất trong thế giới cổ đại, thủ phủ của vương quốc Ly-đi giàu có. (*Tên của vị vua nổi tiếng nhất của vương quốc, là Croesus, đã sống với câu nói: "giàu có như Croesus"*). Aesop, nhà văn nổi tiếng về loại truyện ngụ ngôn có thể xuất thân từ Sạt-đê. Phần lớn tài sản của Sạt-đê đến từ vàng lấy ở sông Pactolus gần đó; các nhà khảo cổ đã tìm ra hàng trăm cái nôi dùng để tinh chế vàng, trong tàn tích của Sạt-đê (Edwin M. Yamauchi, *New Testament Cities in Western Asia Minor* [Grand Rapids: Baker, 1980], 65). Các đồng tiền vàng và bạc dường như đã được đúc đầu tiên ở Sạt-đê. Thành phố cũng được hưởng lợi từ vị trí của nó ở cuối con đường hoàng gia phía Tây dẫn lên phía Đông thành phố thủ đô của Susa của người Ba-tư, và từ vùng lân cận nó dẫn tới các tuyến

đường thương mại quan trọng khác. Đây cũng là trung tâm sản xuất len và ngành may mặc; thực vậy, Sạt-đe xưng mình đã khám phá cách thức để nhuộm len.

Sạt-đe nằm khoảng ba mươi dặm về phía nam của Thi-a-ti-rơ trong thung lũng phì nhiêu của sông Hermus. Một loạt các núi đồi nhô ra từ dãy núi Tmolus, ở phía Nam sông Hermus. Trên một trong những ngọn núi ấy, khoảng 1.500 feet mặt bằng của thung lũng, thành phố Sạt-đe nổi lên. Vị trí của nó làm cho thành phố rộng lớn ra nhưng không thể xâm nhập được. Ngọn đồi mà Sạt-đe được xây dựng trên đó có những vách đá mịn, gần như vuông góc với ba mặt. Duy từ phía Nam, người ta có thể tiếp cận với thành phố, thông qua một con đường dốc khó đi. Ở mặt lý tưởng khác là có rất ít chỗ cho thành phố mở rộng. Sau cùng, khi Sạt-đe mọc lên, một thành phố mới trải ra quanh chân đồi. Bối cảnh cũ vẫn là nơi ẩn náu để rút lui về khi nguy hiểm đe dọa cả thành phố.

Vị trí dường như bất khả xâm phạm của nó khiến cho cư dân Sạt-đe trở nên quá tự tin. Sự tự mãn đó dẫn đến sự sụp đổ của thành phố. Qua sự bất cẩn, điều không thể tưởng tượng xảy ra: Sạt-đe đã bị chiếm. Tin tức nói tới sự sụp đổ của nó đã gửi sóng xung kích qua cả thế giới Hy-lạp. Ngay cả trong thời của Giăng, vài thế kỷ sau đó, một câu nói theo kiểu châm ngôn tương đương với "*việc chiếm được thành Sạt-đe*" với "*thực hiện điều bất khả thi*" (Colin J. Hemer, *The Letters to the Seven Churches of Asia in Their Local Setting* [Sheffield: JSOT Press, 1986], 133). Mục sư Robert L. Thomas kể lại câu chuyện nói tới sự sụp đổ của thành Sạt-đe:

Bất chấp lời cảnh báo nghịch lại sự tự mãn của vị thần Hy-lạp mà ông đã hội ý, Croesus, vua của xứ Lydia, đã khởi sự một cuộc tấn công chống lại Cyrus, vua của xứ Ba-tư, nhưng đã bị đánh bại. Trở về Sạt-đe để thu hồi và xây dựng lại quân đội của mình cho một cuộc tấn công khác, ông đã bị Cyrus truy kích nhanh chóng, vua này đã bao vây nghịch với Sạt-đe. Croesus cảm thấy thật an toàn trong tình huống bất khả xâm phạm của mình tại thành phố và dự đoán được một chiến thắng dễ dàng đối với người Ba-tư, họ đang bị kẹt giữa những tảng đá vuông góc ở thành phố thấp hơn, một con mồi dễ nuốt chà nát quân đội xứ Lydia. Sau khi nghỉ một buổi tối trong lúc thậm kịch đang mở ra, ông thức dậy để khám phá ra rằng người Ba-tư đã giành được quyền kiểm soát thủ phủ bằng cách cắt đứt từng bức tường một (549TC). Thế là sự an ninh mà người thành Sạt-đe cảm thấy rằng họ đã bỏ đi phương tiện tiếp cận không có ai canh gác cả, cho phép quân nghịch tràn lên tiếp cận chẳng có ai theo dõi. Phải nói rằng ngay cả một đứa trẻ cũng có thể bảo vệ thành phố khỏi vụ tấn công này, song chẳng có người nào được chỉ định đứng canh gác để theo dõi phía mà người ta tin là không thể tiếp cận được.

Lịch sử tự nó lặp lại hơn ba thế kỷ rưỡi sau đó, khi Đại đế Antiochus chiếm lấy Sạt-đe bằng cách sử dụng loại leo núi bằng chân đến từ đảo Crete (195TC). Quân đội của ông đã bước vào thành bằng một con đường khác trong khi những người bảo vệ trong sự tự tin vô ý không chắc ai đó có thể tiếp cận được, eo đất liền kết nối núi Tmolus ở phía Nam. (*Revelation 1–7: An Exegetical Commentary* [Chicago: Moody, 1992], 241).

Sạt-đe không còn lấy lại được sự độc lập của mình nữa, sau cùng bị đặt vào quyền kiểm soát của quân La-mã vào năm 133TC. Một trận động đất thảm khốc đã hủy diệt thành phố vào năm 17SC, nhưng nó được tái thiết lại với sự tài trợ hào phóng của Hoàng đế Tiberius. Với lòng biết ơn, cư dân Sạt-đe đã xây dựng một đền thờ để tôn vinh ông. Tuy nhiên, đối tượng thờ lạy chính của thành phố là nữ thần Cybele — cùng là nữ thần được thờ lạy tại thành Ê-phê-sô như nữ thần Artemis (*Diana*). Những dòng suối nước nóng không xa Sạt-đe lắm được tưởng niệm như một vị trí mà ở đó các vị thần của họ thể hiện quyền lực để ban sự sống kẻ chết — một chú thích mỉa mai cho cả thành phố có Hội thánh của họ đã dây chết. Trong thời của Giăng, Sạt-đe đã thịnh vượng nhưng lại tan rã, những ngày vinh quang của nó đã qua rồi. Cả hai: thành phố và Hội thánh nó chứa đã mất đi sức sống của họ.

MỐI QUAN TÂM

Ta biết công việc người; người có tiếng là sống, nhưng mà là chết ... vì ta không thấy công việc của người là trọn vẹn trước mặt Đức Chúa Trời ta. (Kh 3:1d, 2b)

Vì Hội thánh Sạt-đe đã chết, Đấng Christ đã bỏ qua lời khen ngợi thường lệ trong giấy lát rồi đi thẳng vào mọi suy nghĩ của Ngài về Hội thánh. Mặc dù đáng đáp bẽ ngoài của nó có thể đã đánh lừa người ta (nó

có **tên tuổi**, hoặc tiếng tăm **sống động**), Hội thánh Sạt-đe không thể đánh lừa Đức Chúa Jêsus Christ toàn tri, là Đấng biết rõ mọi **việc làm** của nó. Với tri thức không thể sai sót của mình, Ngài tuyên bố Hội thánh Sạt-đe **đã chết rồi**. Giống như nhiều Hội thánh ngày nay nó đã bị thế gian làm cho ô uế, được đánh dấu bởi sự hư hoại bên trong, và hạng người không được chuộc đang đùa giỡn trong Hội thánh tại đó.

Sự chết thuộc linh trong Tân Ước luôn luôn liên quan đến nguyên nhân của nó — tội lỗi. Eph 2:1 mô tả hạng người chưa được tái sinh là đã **"chết vì làm lỗi và trong tội ác mình"** (Lu 9:60; 15:24, 32; Co 2:13; ITi 5:6; IGi 3:14). Hội thánh tại Sạt-đe giống như một viện bảo tàng, trong đó các loại thú nhồi bông được trưng bày trong môi trường sống tự nhiên của chúng. Mọi thứ cho thấy dường như rất là tự nhiên, song chẳng có gì là sống động cả. Tội lỗi đã giết chết Hội thánh Sạt-đe.

Đâu là những dấu hiệu nguy hiểm cho thấy một Hội thánh đang dần chết? Một Hội thánh đang ở trong nguy hiểm khi nó đang thoả lòng với mấy cái vòng hoa trong quá khứ của nó, khi nó gắn bó nhiều với các nghi thức hơn là thực tại thuộc linh, khi nó tập trung vào chữa lành các căn bệnh xã hội thay vì làm thay đổi tâm lòng của người ta qua việc rao giảng Tin lành ban sự sống của Đức Chúa Jêsus Christ, khi nó bận bịu với vật chất hơn là những việc thuộc linh, khi nó quan tâm đến những gì người ta suy nghĩ hơn là điều Đức Chúa Trời phán dạy, khi nó cứ nhắm vào các tín điều theo giáo lý và hệ thống thần học hơn là nhắm vào Lời của Đức Chúa Trời, hoặc khi nó mất đi niềm tin cho rằng từng lời lẽ của Kinh Thánh đều là Lời của chính mình Đức Chúa Trời. Bất luận sự nhóm lại, vô luận tòa nhà của nó gây ấn tượng đến đường nào, vô luận tình trạng của nó có là gì đi nữa trong cộng đồng, đã chối bỏ nguồn duy nhất của sự sống thuộc linh, giống như một Hội thánh đã chết mất.

Hội thánh tại Sạt-đe đang thực thi nhiều **công việc** lắm; họ đã ném trải nhiều biến động. Nhưng những công việc ấy, Đấng Christ tuyên bố, đã không được **trọn vẹn trước mặt Đức Chúa Trời ta**. Mặc dù đủ để cung ứng cho Hội thánh Sạt-đe một tiếng tăm trước mặt người ta, những công việc ấy là chưa đủ và chưa thể được chấp nhận ở trước mặt Đức Chúa Trời. Họ chỉ là những thầy ma không có sự sống, không có mục đích; các việc lành của hội chúng Sạt-đe chỉ là những bộ đồ liêm của người chưa được tái sinh. Các thầy ma thuộc linh (đối chiếu Eph 2:1-2) làm cho Hội thánh Sạt-đe phải sống dối trá. Họ đã bị đặt trên cán cân bởi Đấng Quan Án Công Bình và thấy là kém thiếu (đối chiếu Da 5:27).

Vị anh hùng trong Cựu Ước là Sam-sôn cung ứng một minh họa cho tình trạng chẳng đặng đừng của Hội thánh Sạt-đe. Mặc dù những màn trình diễn ngoạn mục và sức mạnh tuyệt vời, cuộc đời của ông đã đi đến chỗ kết thúc đáng buồn và bi thảm. Đa-li-la cám dỗ **"mỗi ngày nàng lấy câu hỏi ghẹo lòng rồi trí người"** (Cac 16:16) để tỏ ra cho ả thấy bí quyết sức mạnh của mình. Cuối cùng, sau khi **"người bị tức mình hòng chết"** (câu 16) bởi sự hiếu chiến liên tục của mình, Sam-sôn nói ra sự thực cho Đa-li-la biết. ả đã cắt tóc ông, và ông bị mất hết sức lực của mình, không phải vì việc tóc bị cắt, mà vì có ông bất tuân đối với Đức Chúa Trời. Khi ấy, khoảnh khắc đáng buồn nhất của toàn bộ câu chuyện bi thảm đã đến. Người Phi-li-tin đến bắt lấy Sam-sôn, và bắt chập, ông cần phải xử lý với họ. Tuy nhiên, họ bắt lấy, trói ông lại và móc hai con mắt của ông. Thê thảm thay, Sam-sôn **"không biết Đức Giê-hô-va đã lìa khỏi mình"** (câu 20). Mặc dù ông chính là người ấy, với cùng tên tuổi đó, sức lực của ông đã biến đi. Kết quả cho Sam-sôn là tù đầy, mù lòa, nhục nhã, và sau cùng là sự chết.

Hội thánh tại Sạt-đe cũng vậy, từng sống động và mạnh mẽ về mặt thuộc linh, giờ đây đã bị mù và yếu đuối, không nhận ra rằng Đức Chúa Trời đã ra đi từ lâu.

LỜI KHEN NGỢI

Nhưng, ở Sạt-đe, người còn có mấy người chưa làm ô uế áo xống mình: những kẻ đó sẽ mặc áo trắng mà đi cùng ta, vì họ xứng đáng như vậy. (Kh 3:4).

Ở giữa Hội thánh đã chết mất này, đầy dẫy hạng người chưa được tái sinh, **mấy người** tin Chúa chọn thật đã bị tan rã ra giống như các loài hoa trong sa mạc. Tuy nhiên, về họ thì chưa đủ đâu, sự thay đổi tâm ý tổng thể của Đấng Christ về Hội thánh trông như một sa mạc vậy. Nhưng Ngài đã không quên những người giữ lòng trung thành

đối với Ngài (đối chiếu Ma 3:16-17; He 6:10).

Đức Chúa Trời bảo tồn số dân sót trung tín với Ngài là một chủ đề thường xuyên trong Kinh Thánh. Phaolô viết ở Ro 11:1-5:

Vậy tôi nói: Đức Chúa Trời có bỏ dân Ngài chăng? Chẳng hề như vậy; vì chính tôi là dân Y-sơ-ra-ên, dòng dõi Áp-ra-ham, về chi phái Bên-gia-min. Đức Chúa Trời chẳng từng bỏ dân Ngài đã biết trước. Anh em há chẳng biết Kinh Thánh chép về chuyện Ê-li sao? thể nào người kiện dân Y-sơ-ra-ên trước mặt Đức Chúa Trời mà rằng: Lạy Chúa, họ đã giết tiên tri Ngài, hủy phá bàn thờ Ngài; tôi còn lại một mình, và họ tìm giết tôi. Nhưng Đức Chúa Trời đáp lại thể nào? Ta đã để dành cho ta bảy ngàn người nam chẳng hề quí gố i trước mặt Ba-anh. Ngày nay cũng vậy, có một phần còn sót lại theo sự lựa chọn của ân điển.

Đức Chúa Trời có phần dân sót lại của Ngài ngay cả trong Hội thánh đã chết ở Sạt-đê. Đã có một vài người chôn thật ở giữa vòng kẻ kiêu ngạo, một vài người biết hạ mình xuống giữa vòng người thể gian, và một vài người biệt riêng ra giống như lúa mì sống giữa vòng gai góc vậy.

Đấng Christ mô tả số dân sót trung tín giống như **những người chưa làm ô uế áo xống của họ. Ô uế** ra từ chữ **molun^o**, ý nói: "làm dơ", "làm ô uế", "bẩn thỉu", hoặc "gây ô nhiễm". Đây là một từ quá quen thuộc với hàng độc giả ở Sạt-đê vì cơ len của thành phố được sản xuất theo kiểu nhuộm sẵn. **Áo xống** tiêu biểu cho nhân vật trong Kinh thánh (thí dụ, Es 64:6; Giu 1:23). Số dân sót trung tín có thể bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời vì họ không bị ô uế hoặc ô nhiễm bản thân, mà còn tỏ ra bản chất tin kính của họ nữa.

Đây là một câu nói quá quen thuộc với hàng độc giả ở Sạt-đê vì cơ kỹ nghệ nhuộm len của thành phố. Áo xống tiêu biểu cho nhân vật trong Kinh Thánh (thí dụ, Es 64:6; Giu 1:23). Dân sót có lòng trung tín sẽ bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời vì họ chưa làm ô uế hay gây ô nhiễm cho bản thân họ, nhưng lại tỏ ra bản chất tin kính của họ.

Đặc biệt, Đấng Christ nói về họ rằng họ **sẽ mặc áo trắng mà đi cùng ta, vì họ xứng đáng như vậy**. Trong thời xa xưa, loại áo xống đó được mặc riêng cho lễ hội và tiệc tùng. Vì họ đã từ chối không làm ô uế áo xống của họ, nên Đấng Christ sẽ thay thế loại áo xống tinh sạch được con người gìn giữ với loại áo xống tinh khiết thiêng liêng (đối chiếu 7:14). Loại áo xống màu trắng tinh khiết mà Đấng Christ hứa ở đây và trong câu 5 (đối chiếu 6:11; 7:9, 13; 19:8, 14) ở chỗ khác được đan dệt bởi chính mình Đấng Christ (Ma 17:2; Mac 9:3) và các thiên sứ thánh (Mat 28:3; Mac 16:5; Cong 1:10). Người nào có một lượng thánh khiết và tinh sạch giờ đây sẽ được ban cho sự thánh khiết và tinh sạch hoàn toàn trong tương lai.

MẠNG LỊNH

Hãy tỉnh thức, và làm cho vững sự còn lại, là sự hầu chết; ... Vậy hãy nhớ lại mình đã nhận và nghe đạo thể nào, thì giữ lấy, và ăn năn đi. Nếu người chẳng tỉnh thức, ta sẽ đến như kẻ trộm, và người không biết giờ nào ta đến bắt người thành lình. (Kh 3:2a, 3)

Đấng Christ nhắc tới mạng lịnh ban cho dân sót trung tín gồm các Cơ đốc nhân chôn thật ở tại Sạt-đê; không có một điểm nào chỉ vào những kẻ đã chết. Nếu Hội thánh của họ cần phải sống còn, tuyệt nhiên nó phải cần đến sự sống. Đấng Christ đặt trước mặt họ con đường dẫn tới sự phục hồi thuộc linh bằng cách cung ứng cho họ năm bước sau đây:

Thứ nhứt, họ cần phải **tỉnh thức**. Không có chút thì giờ nào cho sự dừng dưng; họ không thể đi xuôi với dòng chảy, họ phải lội ngược lại với dòng chảy đó. Số dân sót tín đồ cần phải nhìn vào mọi việc đã xảy ra trong Hội thánh của họ, đánh giá tình huống, lao vào những việc làm mang tính thay đổi, đương diện với tội lỗi và sai lầm, rồi hãy tạo ra một sự khác biệt.

Thứ hai, họ phải **làm cho vững sự còn lại, là sự hầu chết**. Sự là một danh từ trung tính trong tiếng Hy-lạp và không đề cập đến con người, mà đề cập đến các thực tại thuộc linh. Đấng Christ đã khuyên các Cơ đốc nhân thực tại Sạt-đe phải quật thẳng vào ngọn lửa ân điển thuộc linh đang dần tàn còn lại trong Hội thánh của họ.

Bước thứ ba dành cho dân sót trung tín phải **nhớ lại mình đã nhận và nghe đạo thế nào**. Họ cần quay trở lại với các lẽ thật trong Lời của Đức Chúa Trời, nhớ đến Tin lành và sự dạy của các sứ đồ. Đến thời điểm này, các thư tín của Phaolô đã ở trong chỗ quay vòng (đối chiếu IIPhi 3:15-16) và phần còn lại của Tân Ước đã được viết ra. Các tín đồ ở Sạt-đe cần phải tái khẳng định lại đức tin của họ đặt nơi lẽ thật nói tới Đấng Christ, tội lỗi, ơn cứu rỗi và sự nên thánh. Trong lời lẽ của Phaolô gửi cho Ti-mô-thê, họ cần phải canh chừng những gì đã được ủy thác cho họ (ITi 6:20). Họ cần phải thiết lập nền tảng giáo lý vững chắc để làm cơ sở cho sự phấn hưng.

Thứ tư, sau khi trở lại với các lẽ thật của Kinh thánh, họ cần phải **giữ** lấy chúng. Nền thần học chính thống mà tẻ tách ra khỏi loại đời sống vâng phục sẽ không mang lại sự đổi mới.

Cuối cùng, họ cần phải **ăn năn**. Với sự hối tiếc và buồn rầu, các tín đồ ở tại Sạt-đe cần phải xưng tội và xây khỏi tội lỗi của họ. Năm bước này, nếu tỉ mỉ làm theo, sẽ đem lại cơn phấn hưng.

Các hậu quả nếu cơn phấn hưng không đến sẽ là nghiêm trọng đấy. Đấng Christ đã cảnh cáo họ, **Nếu người chẳng tỉnh thức, ta sẽ đến như kẻ trộm, và người không biết giờ nào ta đến bắt người thành linh**. Hình ảnh Chúa Jêsus đến như kẻ trộm luôn mang ý tưởng về sự phán xét sắp xảy tới (Mat 24:43; Lu 12:39; ITe 5:2, 4; IIPhi 3:10; Kh 16:15). Ở đây mỗi đe dọa không liên quan đến lần đến thứ hai của Ngài, mà là Chúa sẽ đến và phá diệt Hội thánh Sạt-đe nếu không có một cơn phấn hưng nào hết. Điều đó cũng có thể được suy nghĩ như một lời cảnh báo về sự phán xét đối diện hết thảy các Hội thánh chết nơi sự tái lâm của Đấng Christ.

Cách duy nhất để tránh sự phán xét nghiệt ngã hơn đang chờ đợi những ai nhìn biết lẽ thật mà xây khỏi nó (He 10:29-30) một phải bước theo con đường dẫn đến sự sống thuộc linh.

MƯỜI LUẬN

Kẻ nào thắng, sẽ được mặc áo trắng như vậy. Ta sẽ không xóa tên người khỏi sách sự sống và sẽ nhận danh người trước mặt Cha ta, cùng trước mặt các thiên sứ Ngài. Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh! (Kh 3:5-6)

Bằng cách khích lệ, Đấng Christ đã mô tả số phần thưởng đang chờ đợi những ai dự phần vào cuộc phấn hưng. Các Cơ đốc nhân thực, như đã lưu ý rồi, **sẽ được mặc áo trắng**. Trong thế giới cổ đại, **áo trắng** cũng được mặc vào các dịp lễ hội như đám cưới chẳng hạn. Các Cơ đốc nhân thực sẽ mặc áo của họ trong tiệc cưới của Chiên Con (19:7-9). Áo trắng cũng được mặc bởi những người kỷ niệm chiến thắng trên chiến trường; hết thảy các Cơ đốc nhân thực đều chiến thắng nhờ Đấng Christ đối với tội lỗi, sự chết và Sa-tan. Nhưng, như đã đề cập trong phần bàn luận ở câu 4, **áo trắng** chủ yếu của các tín đồ tiêu biểu cho sự tinh khiết và nên thánh. Đấng Christ hứa sẽ mặc cho các Cơ đốc nhân trong sự sáng láng tinh sạch và thánh khiết cho đến đời đời.

Đấng Christ còn hứa thêm với từng Cơ đốc nhân chân thật rằng Ngài **sẽ không xóa tên người khỏi sách sự sống và sẽ nhận danh người trước mặt Cha ta, cùng trước mặt các thiên sứ Ngài**. Thật là khó tin, mặc dù phân đoạn Kinh Thánh này nói ngược lại, có người giả định rằng câu này dạy rằng: tên của Cơ đốc nhân có thể bị xóa khỏi **sách sự sống**. Do đó, họ đại đột chuyển lời hứa thành lời đe dọa. Xu 32:33, có người biện luận, ủng hộ ý tưởng cho rằng Đức Chúa Trời có thể loại bỏ tên của ai đó khỏi Sách Sự Sống. Trong câu nói ấy, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: **"Kẻ nào phạm tội cùng ta, ta sẽ xóa nó khỏi**

sách ta". Tuy nhiên, không có chút mâu thuẫn nào giữa câu Kinh Thánh đó và lời hứa của Đấng Christ trong Kh 3:5. Quyền sách được đề cập đến trong Xu 32:33 không phải là Sách Sự Sống được mô tả ở đây, trong Phi 4:3, rồi kể đó trong Khải huyền (13:8; 17:8; 20:12, 15; 21:27). Thay vì thế, nó ám chỉ đến quyền sách nói tới người sống, tường trình của những người còn đang sống (đối chiếu Thi 69:28). Khi ấy, mối đe dọa đó không phải là án chết đời đời, mà là cái chết theo phần xác.

Trong thời của Giăng, các bậc cầm quyền giữ một sổ đăng ký của công dân thành phố. Nếu ai đó chết, hoặc phạm tội nghiêm trọng, tên của họ đã bị xóa khỏi sổ đăng ký đó. Đấng Christ, Vua của thiên đàng, hứa không bao giờ xóa bỏ tên của Cơ Đốc nhân thực ra khỏi danh sách tên những người được **“ghi trong sách sự sống của Chiên Con đã bị giết từ buổi sáng thế”** (13:8).

Ngược lại, Đấng Christ sẽ **nhận danh** của từng người tin Chúa **trước mặt Cha Ta cùng trước mặt các thiên sứ Ngài**. Ngài sẽ khẳng định rằng họ thuộc về Ngài. Ở đây, Đấng Christ tái khẳng định lời hứa Ngài đã lập trong khi thi hành chức vụ ở trên đất: **"Bởi đó, ai xưng ta ra trước mặt thiên hạ, thì ta cũng sẽ xưng họ trước mặt Cha ta ở trên trời"** (Mat 10:32). Lẽ thật đây sự yên ủi ấy nói rằng ơn cứu rỗi của Cơ Đốc nhân được bảo đảm cho đến đời đời chính là sự dạy không thể nhầm được của Kinh Thánh. Không một chỗ nào lẽ thật ấy đã được trình bày rất mạnh mẽ cho bằng Ro 8:28-39:

Và, chúng ta biết rằng mọi sự hiệp lại làm ích cho kẻ yêu mến Đức Chúa Trời, tức là cho kẻ được gọi theo ý muốn Ngài đã định. Vì những kẻ Ngài đã biết trước, thì Ngài cũng đã định sẵn để nên giống như hình bóng Con Ngài, hầu cho Con này được làm Con cả ở giữa nhiều anh em; còn những kẻ Ngài đã định sẵn, thì Ngài cũng đã gọi, những kẻ Ngài đã gọi, thì Ngài cũng đã xưng là công bình, và những kẻ Ngài đã xưng là công bình, thì Ngài cũng đã làm cho vinh hiển. Đã vậy thì chúng ta sẽ nói làm sao? Nếu Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta, thì còn ai nghịch với chúng ta? Ngài đã không tiếc chính Con mình, nhưng vì chúng ta hết thảy mà phó Con ấy cho, thì Ngài há chẳng cũng sẽ ban mọi sự luôn với Con ấy cho chúng ta sao? Ai sẽ kiện kẻ lựa chọn của Đức Chúa Trời: Đức Chúa Trời là Đấng xưng công bình những kẻ ấy. Ai sẽ lên án họ ư? Đức Chúa Jêsu Christ là Đấng đã chết, và cũng đã sống lại nữa, Ngài đang ngự bên hữu Đức Chúa Trời, cầu nguyện thế cho chúng ta. Ai sẽ phân rẽ chúng ta khỏi sự yêu thương của Đấng Christ? có phải hoạn nạn, khổ cùng, bắt bớ, đói khát, trần truồng, nguy hiểm, hay là gươm giáo chăng? Như có chép rằng: Vì có Ngài, chúng tôi bị giết cả ngày; Họ coi chúng tôi như chiên định đem đến hàng làm thịt. Trái lại, trong mọi sự đó, chúng ta nhờ Đấng yêu thương mình mà thắng hơn bội phần. Vì tôi chắc rằng bất kỳ sự chết, sự sống, các thiên sứ, các kẻ cầm quyền, việc bây giờ, việc hầu đến, quyền phép, bề cao, hay là bề sâu, hoặc một vật nào, chẳng có thể phân rẽ chúng ta khỏi sự yêu thương mà Đức Chúa Trời đã chứng cho chúng ta trong Đức Chúa Jêsu Christ, là Chúa chúng ta.

Bức thư gửi đến Sạt-đe kết thúc, giống như sáu bức thư kia, với một lời khuyên phải lắng nghe phần mưu luận, mạng lệnh, và các lời hứa nó chứa: ***Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh!*** Những cái thầy ma chết về mặt thuộc linh đóng vai Hội thánh cần chú ý đến lời cảnh cáo của Đấng Christ về sự phán xét sắp xảy tới. Các tín đồ dừng dừng cần phải tỉnh thức trước khi quá muộn không thể cứu được Hội thánh của họ. Và một số ít người trung tín có thể được yên ủi với sự hiểu biết rằng ơn cứu rỗi của họ được bảo đảm cho đến đời đời.

Chuyện gì đã xảy ra với Sạt-đe? Có phải họ chú ý đến lời cảnh báo không? Có phải con phản hưng đã đến? Một người nổi bật như Melito làm giám mục của Sạt-đe một vài thập kỷ sau khi Giăng luận rằng ít nhất một con phản hưng đã diễn ra ở tại Sạt-đe. Cho đến khi Đấng Christ tái lâm, ấy chẳng phải là quá muộn cho các Hội thánh chết khác tìm ra con đường dẫn tới sự đổi mới thuộc linh.

Phi-la-đen-phi: Hội thánh Trung Tín

(Kh 3:7-13)

9

“Người cũng hãy viết cho thiên sứ của Hội thánh Phi-la-đen-phi rằng: Đây là lời phán của Đấng thánh, chân thật, là Đấng có chìa khóa của Đa-vít, mở thì không ai đóng được, đóng thì không ai mở được: Ta biết công việc ngươi; này, ta đã mở trước mặt ngươi một cái cửa không ai đóng được; vì ngươi có ít năng lực, mà đã giữ đạo ta, và chẳng chối danh ta. Này, ta ban cho ngươi mấy kẻ trong những kẻ thuộc về hội quỷ Sa-tan, chúng nó xưng mình là người Giu-đa, mà kỳ thực không phải, nhưng chúng nó nói dối; này, ta sẽ khiến chúng nó đến sấp mình xuống dưới chân ngươi, và sẽ cho chúng nó biết rằng ta đã yêu ngươi. Vì ngươi đã giữ lời nhện nhục ta, ta cũng sẽ giữ ngươi khỏi giờ thử thách, là giờ sẽ đến trong khắp thế gian, đặng thử những người ở trên đất. Ta đến mau kíp; hãy giữ lấy điều ngươi có, hầu cho không ai cất lấy mào triều thiên của ngươi. Kẻ nào thắng, ta sẽ cho làm trụ trong đền Đức Chúa Trời ta, và người sẽ không ra khỏi đó nữa; ta lại sẽ lấy danh Đức Chúa Trời ta, danh của thành Đức Chúa Trời ta, là Giê-ru-sa-lem mới từ trên trời, bởi Đức Chúa Trời ta mà xuống, cùng danh mới ta, mà viết trên người. Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh!” (Kh 3:7-13)

Đôi khi tôi được các thanh niên yêu cầu đến làm Mục sư quản nhiệm nếu tôi biết có nhà thờ nào mà không có nan đề nào. Đáp ứng của tôi đối với họ là "Nếu tôi nhận, tôi sẽ không nói cho các bạn biết đâu; các bạn đã đến đó và làm hư hỏng nó". Mục tiêu là không có nhà thờ nào trọn vẹn cả. Các nhà thờ đều vật vờ bởi vì hết thảy đều được dựng nên bởi những con người bất toàn, hay phạm tội. Nhà thờ không phải là chỗ dành cho hạng người không có yếu điểm; chính mỗi thông công của những người tỉnh thức về các yếu điểm của họ rồi ao ước muốn có sức lực và ân điển của Đức Chúa Trời đầy đầy đời sống của họ. Đây là một loại bệnh viện dành cho những ai nhìn biết họ đang ốm yếu và thiếu thốn.

Giống như bao Hội thánh khác, Hội thánh ở tại Phi-la-đen-phi vốn có những điểm bất toàn của nó. Tuy nhiên, Chúa đã khen ngợi các thuộc viên của nó vì có lòng trung tín và trung thành của họ. Họ và hội chúng tại Si-mi-ec-nơ là hai trong số bảy Hội thánh không nhận lãnh một lời quở trách nào hết từ nơi Chúa của Hội thánh. Bất chấp những lần vật vờ của họ, các Cơ đốc nhân tại Phi-la-đen-phi đều trung tín và vâng phục, hầu việc và thờ phượng Chúa. Họ cung ứng một tấm gương tốt của một Hội thánh địa phương.

Để giúp đỡ trong việc tìm hiểu bức thư gửi cho Hội thánh Phi-la-đen-phi, nó có thể được chia thành sáu tiêu đề: thư tín, Hội thánh, thành phố, lời khen ngợi, mạng linh và mưu luận.

THƯ TÍN

“Đây là lời phán của Đấng thánh, chân thật, là Đấng có chìa khóa của Đa-vít, mở thì không ai đóng được, đóng thì không ai mở được” (Kh 3:7c)

Đức Chúa Jêsu Christ, tác giả thiêng liêng của bảy thư tín, luôn luôn giới thiệu Ngài với một phần mô tả phản ánh cá tánh của Ngài. Trong năm thư tín trước, các phần mô tả này đến từ sự mặc thị được ghi lại

ở 1:12-17. Nhưng phần mô tả này của Ngài là độc nhất vô nhị và không rút ra từ sự mặc thị trước đó. Nó có các đặc điểm Cựu Ước rất rõ nét.

Đấng Thánh đề cập đến Đức Chúa Trời, một mình Ngài sở hữu sự thánh khiết tuyệt đối. Cựu Ước hay mô tả Đức Chúa Trời là Đấng Thánh (thí dụ, II Vua 19:22; Gióp 6:10; Thi 71:22; 78:41; Es 43:15; 54:5; Ha 3:3). Êsai 6:3 long trọng tuyên bố: "Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Đức Giê-hô-va vạn quân! Khắp đất đầy dẫy sự vinh hiển Ngài!" (Kh 4:8). Khi nói Đức Chúa Trời là thánh là nói rằng Ngài hoàn toàn tẻ tách ra khỏi tội lỗi; do đó bổn tánh của Ngài tuyệt đối không vấp, không ô uế.

Tước hiệu "Đấng Thánh" được sử dụng trong Tân Ước như một tước hiệu nói tới Đấng Mê-si dành cho Đức Chúa Jêsu Christ. Trong Mac 1:24 một con quỷ kinh khiếp hét lên: "Hỡi Jêsu, người Na-xa-rét, chúng tôi với Ngài có sự gì chẳng? Ngài đến để diệt chúng tôi sao? Tôi biết Ngài là ai: là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời!"

Khi thông báo sự ra đời của Ngài cho Ma-ri biết, thiên sứ mô tả Chúa Jêsu là "Đấng Thánh" (Lu 1:35). Trong G 6:69 Phierơ khẳng định: "chúng tôi đã tin, và nhận biết rằng Chúa là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời". Về sau, ông quở trách những người Do-thái vô tín, vì họ "đã chối bỏ Đấng Thánh và Đấng Công bình mà xin tha một kẻ giết người cho mình" (Cong 3:14).

Việc Chúa Jêsu xác nhận chính mình Ngài là **Đấng Thánh** sẽ không kém hơn một lời xưng nhận trực tiếp về thần tánh. Đức Chúa Jêsu Christ sở hữu bổn tánh quan trọng, thánh khiết và vô tội của Đức Chúa Trời không suy giảm, không thay đổi. Bởi vì Đấng Christ là thánh, nên hội thánh của Ngài cũng phải là thánh nữa. Phierơ viết: "Nhưng, như Đấng gọi anh em là thánh, thì anh em cũng phải thánh trong mọi cách ăn ở mình" (I Phi 1:15). Như vậy Đấng Thánh toàn tri đã không đưa ra một lời quở trách, cảnh báo, hoặc xét đoán Hội thánh Phi-la-đen-phi, quả thật Ngài đã nói tốt cho họ.

Không những Đức Chúa Jêsu Christ là Đấng Thánh; mà Ngài còn mô tả chính mình Ngài là Đấng chân thật nữa. Lẽ thật được sử dụng trong sự kết hợp với sự thánh khiết để mô tả Đức Chúa Trời trong Kh 6:10; 15:3; 16:7; 19:2, 11. *Alēthinos* (**chân thật**) biểu thị điều chi là thực, xác thực và đích thực. Ở giữa sự giả dối, làm lạc và sai trái đầy dẫy thế gian, Đức Chúa Jêsu Christ là lẽ thật (Gi 14:6).

Thứ ba, Đấng Christ mô tả chính mình Ngài là **Đấng có chìa khóa của Đa-vít**. Kh 5:5 và 22:16 nói rất rõ, **Đa-vít** làm biểu tượng cho chức vụ Mê-si. Một **chìa khóa** trong Kinh Thánh tiêu biểu cho uy quyền; hễ ai giữ chìa khóa người ấy có quyền kiểm soát (đôi chiếu 1:18; 9:1; 20:1; Mat 16:19). Thuật ngữ **chìa khóa của Đa-vít** cũng xuất hiện ở Es 22:22, ở đó nó đề cập đến Ê-li-a-kim, viên quản lý hay thủ tướng của nhà vua Israel. Vì có chức vụ của ông, ông kiểm soát sự tiếp cận đến nhà vua. Là người giữ **chìa khóa của Đa-vít**, chỉ một mình Chúa Jêsu mới có thẩm quyền tối thượng quyết định ai bước vào vương quốc Mê-si của Ngài (đôi chiếu Gi 10:7, 9; 14:6; Cong 4:12). Kh 1:18 tỏ ra rằng Chúa Jêsu có chìa khóa của sự chết và địa ngục; ở đây Ngài được mô tả là có chìa khóa để cứu rỗi và chúc phước cho.

Sau cùng, Chúa Jêsu xác định chính mình Ngài là **Đấng mở thì không ai đóng được, đóng thì không ai mở được**. Phần mô tả đó nhấn mạnh đến sự toàn năng của Đấng Christ; những gì Ngài làm không thể bị xây chuyển bởi một người mạnh sức hơn. Đức Giê-hô-va tuyên bố ở Es 43:13: "**Ta làm ra, ai ngăn cấm ta được?**" (đôi chiếu Es 46:9-11; Gie 18:6; Da 4:35). Không một ai có thể đóng các cánh cửa đối với vương quốc hoặc đối với việc chúc phước một khi Ngài giữ cho chúng mở ra, và không một ai có thể mở chúng ra một khi Ngài giữ cho chúng phải đóng lại. Trong ánh sáng của lời hứa ở câu 8, Đấng Christ cũng có thể đề cập đến việc mở và đóng các cánh cửa cho sự thờ phượng. Trong từng trường hợp, phần nhấn mạnh nhằm vào quyền kiểm soát của Ngài đối với Hội thánh của Ngài.

Đức Chúa Jêsu Christ, là Chúa thánh khiết, chân thật, quyền năng, toàn tri của Hội thánh, chẳng tìm được điều gì để xét đoán trong Hội thánh Phi-la-đen-phi là một sự khích lệ đầy vui mừng đối với họ.

HỘI THÁNH

Hội thánh Phi-la-đen-phi (Kh 3:7a)

Có ít điều được biết về Hội thánh Phi-la-đen-phi từ ra phân đoạn Kinh Thánh này. Giống như hầu hết bảy Hội thánh kia, có lẽ nó được thành lập trong chức vụ của Phao-lô ở thành Ê-phê-sô (Cong 19:10). Một vài năm sau khi Giảng viết sách Khải huyền, giáo phụ Hội thánh đầu tiên là Ignatius đã đi ngang qua Phi-la-đen-phi trên con đường chịu tử đạo ở Rome. Sau đó ông viết cho Hội thánh một lá thư khích lệ và dạy dỗ. Một số Cơ đốc nhân xuất thân từ Phi-la-đen-phi đã chịu tuận đạo với Polycarp tại Si-miéc-nơ (xem chương 5 của sách này). Hội thánh đã kéo dài trong nhiều thế kỷ. Các Cơ đốc nhân ở Phi-la-đen-phi đứng vững vàng ngay cả sau khi khu vực đã bị người Hồi giáo tràn ngập, sau cùng không chống cự nổi vào giữa thế kỷ mười bốn.

THÀNH PHỐ

Phi-la-đen-phi (Kh 3:7b)

Từ đồng bằng sông Hermus ở Sạt-đê và Si-miéc-nơ, một đồng bằng nhỏ hơn (*thuộc dòng sông Cogamis*) rẽ ra phía đông nam. Một con đường xuyên qua đồng bằng này cung cấp phương tiện tốt nhất để đi lên 2.500 feet tính từ đồng bằng Hermus tới vùng cao nguyên trung tâm rộng lớn. Ở đồng bằng này, cách Sạt-đê khoảng ba mươi dặm, là thành Phi-la-đen-phi.

Phi-la-đen-phi là thành phố trẻ nhất trong bảy thành phố, được thành lập một thời gian ngắn sau năm 189TC một là do Vua Eumenes của Bết-găm hoặc em ruột của ông, Attalus II, kế vị ông làm vua. Trong từng trường hợp, thành phố lấy danh hiệu của nó từ biệt danh của Attalus II là Philadelphus ("*người yêu anh*"), lòng trung thành của ông với anh mình Eumenes đã mang danh hiệu ấy cho ông.

Mặc dù định vị trên bối cảnh dễ bảo vệ trên một ngọn đồi cao 800 foot, nhìn ra một con đường quan trọng, Phi-la-đen-phi không được thành lập chủ yếu là tiền đồn quân sự (*giống như Thi-a-ti-rơ*). Những người sáng lập nó để làm một trung tâm văn hoá và ngôn ngữ của Hy-lạp, tiền trạm truyền giáo để truyền bá chủ nghĩa Hy-lạp đến các khu vực Lydia và Phrygia. Phi-la-đen-phi đã thành công trong sứ mệnh của nó xuất sắc đến nỗi năm 19SC ngôn ngữ Lydian đã được thay thế hoàn toàn bằng tiếng Hy-lạp.

Phi-la-đen-phi được hưởng lợi từ vị trí của nó tại điểm nối của các tuyến thương mại quan trọng (*cũng như là điểm dừng trên tuyến Imperial Post Road*), mang về cho nó danh hiệu "*cửa ngõ vào phương Đông*" (Robert H. Mounce, *The Book of Revelation*, The New International Commentary on the New Testament [Grand Rapids: Eerdmans, 1977], 114–15). Thành phố nằm bên rìa của *Katakekaumene* ("*đất bị thiêu đốt*"), một khu vực núi lửa, đất đai phì nhiêu lý tưởng cho các vườn nho. Tuy nhiên, ở gần khu vực hoạt động địa chấn như vậy có những hạn chế của nó. Vào năm 17SC, một trận động đất mạnh đã làm rung chuyển Phi-la-đen-phi, cùng với Sạt-đê và mười thành phố lân cận khác. Mặc dù sự tàn phá ban đầu lớn hơn tại Sạt-đê, Phi-la-đen-phi, ở gần với tâm chấn hơn, đã kinh nghiệm những cơn hậu địa chấn trong các năm kế tiếp. Trải nghiệm làm tổn thương thần kinh này đã để lại những vết sẹo về mặt tâm lý trên cư dân Phi-la-đen-phi, như Sir William Ramsay lưu ý:

Phần nhiều cư dân ở lại bên ngoài thành phố sống trong các lều trại trong đồng bằng, và những người nào kiên nhẫn đủ (*như suy nghĩ tỉnh táo*) vẫn ở lại trong thành phố, thực hiện nhiều thiết bị đa dạng để hỗ trợ và củng cố các bức tường và nhà cửa chống lại những dư chấn định kỳ. Ký ức về thảm hoạ này đã sống rất lâu . . . người ta sống giữa nguy hiểm từng đe dọa, trong nỗi lo sợ luôn luôn là một tai vạ mới; và thói quen đi ra chỗ rộng rãi có lẽ đã không biến mất khi Bảy Thư Tin đã được viết ra. (*The Letters to the Seven Churches of Asia* [Albany, Oreg.: AGES Software; reprint of the 1904 edition], 316–17).

Trong sự biết ơn đối với việc trợ giúp về mặt tài chánh của Caesar Tiberius trong việc tái thiết lại thành phố của họ, người dân thành Phi-la-đen-phi đã hiệp với một vài thành phố khác để dựng tượng đài cho ông. Vượt xa hơn các thành phố khác, Phi-la-đen-phi thực sự đổi tên của nó thành Neocaesarea trong nhiều năm trời. Vài thập kỷ sau đó, thành phố một lần nữa đổi tên của nó thành Flavia, để tôn vinh dòng họ Hoàng

để La-mã. Nó sẽ được biết đến bởi cả hai tên, Phi-la-đen-phi và Flavia, trong suốt các thế kỷ thứ hai và thứ ba.

LỜI KHEN NGỢI

"Ta biết công việc ngươi; này, ta đã mở trước mặt ngươi một cái cửa không ai đóng được; vì ngươi có ít năng lực, mà đã giữ đạo ta, và chẳng chối danh ta. Này, ta ban cho ngươi mấy kẻ trong những kẻ thuộc về hội quý Sa-tan, chúng nó xưng mình là người Giu-đa, mà kỳ thực không phải, nhưng chúng nó nói dối; này, ta sẽ khiến chúng nó đến sấp mình xuống dưới chân ngươi, và sẽ cho chúng nó biết rằng ta đã yêu ngươi. Vì ngươi đã giữ lời nhịn nhục ta, ta cũng sẽ giữ ngươi khỏi giờ thử thách, là giờ sẽ đến trong khắp thế gian, đặng thử những người ở trên đất. Ta đến mau kíp" (Kh 3:8-11a)

Không tìm thấy gì trong những **công việc** khiến Ngài phải quan tâm, Đức Chúa Jêsus Christ tiếp tục khen ngợi các Cơ đốc nhân ở Phi-la-đen-phi trong bốn thực tại đặc trưng của hội chúng.

Thứ nhất, Hội thánh Phi-la-đen-phi **có ít năng lực**. Đó không phải là một lời bình luận tiêu cực về sự yếu đuối của họ, mà là một lời khen ngợi về sức lực của họ; Hội thánh Phi-la-đen-phi thì nhỏ về số lượng (đối chiếu Lu 12:32), nhưng có ảnh hưởng mạnh mẽ trên thành phố của nó. Hầu hết các thuộc viên của họ đều là nghèo nàn, từ các giai cấp thấp kém hơn trong xã hội (đối chiếu ICo 1:26). Nhưng họ dám nói với Phaolô: "Cho nên tôi vì Đấng Christ mà đành chịu trong sự yếu đuối, nhuốc nhơ, túng ngặt, bắt bớ, khốn khó; vì khi tôi yếu đuối, ấy là lúc tôi mạnh mẽ" (II Co 12:10). Bất chấp kích thước nhỏ bé của nó, sức mạnh thuộc linh tuôn chảy trong Hội thánh Phi-la-đen-phi. Nhiều người đã được cứu chuộc, nhiều đời sống đã được biến đổi, và Tin lành nói tới Đức Chúa Jêsus Christ đã được rao giảng.

Các tín đồ ở Phi-la-đen-phi cũng được đánh dấu bởi sự vâng phục; họ **giữ Lời** của Đấng Christ. Giống như Gióp, họ dám nói: "Tôi chẳng hề lìa bỏ các điều răn của môi Ngài, vẫn vâng theo lời của miệng Ngài hơn là ý muốn lòng tôi" (Gióp 23:12). Giống như Martin Luther, trước nghị viện của Hoàng đế, họ dám nói: **"Lương tâm của tôi bị Lời của Đức Chúa Trời bắt phục"**. Họ không đi chệch khỏi khuôn mẫu của sự vâng phục, như đó minh chứng tình yêu chân thật của họ đối với Đấng Christ (Gi 14:23-24; 15:13-14).

Đấng Christ đã khen ngợi thêm hội chúng Phi-la-đen-phi vì đã **không chối bỏ danh** của Ngài, bất chấp những áp lực mà họ phải đối mặt với để làm như vậy. Họ vẫn giữ lòng trung thành vô luận họ phải trả giá nào. Kh 14:12 mô tả các thánh đồ trong Con Đại Nạn, họ từ chối không chịu nhận lấy dấu của con thú: **"Đây tỏ ra sự nhịn nhục của các thánh đồ: chúng giữ điều răn của Đức Chúa Trời và giữ lòng tin Đức Chúa Jêsus"**. Giống như họ, Hội thánh Phi-la-đen-phi sẽ không từ bỏ đức tin của mình.

Sau cùng, Đấng Christ đã khen ngợi Hội thánh Phi-la-đen-phi bởi vì các thuộc viên của nó vẫn **giữ lời nhịn nhục** của Ngài. Bản dịch NIV làm cho ý nghĩa của Đấng Christ được sáng tỏ thêm: **"Các ngươi đã giữ mạng lệnh của ta phải nhịn nhục chịu đựng"**. Cơ đốc nhân ở Phi-la-đen-phi đã trung tín nhịn nhục qua mọi thử thách và khó khăn của họ.

Sự kiên trì bền bỉ đã đánh dấu đời sống trên đất của Chúa Jêsus (He 12:2-4) đã được nêu gương cho hết thảy Cơ đốc nhân. Phaolô viết cho người thành Ê-phê-sô: "Nguyên xin Chúa soi dẫn lòng anh em tới đến sự yêu mến Đức Chúa Trời, và sự nhịn nhục của Đấng Christ!" (II Te 3:5). Cả hai: mạng lệnh và tấm gương của Đấng Christ đều tác động các Cơ đốc nhân phải nhịn nhục chịu đựng. Thật vậy, sự nhịn nhục là một phương diện thiết yếu của đức tin cứu rỗi (Mathi 10:22).

Vì có sự trung tín của nó, Đức Chúa Jêsus Christ đã lập với Hội thánh Phi-la-đen-phi một số lời hứa đáng kinh ngạc. Thứ nhất, Ngài đặt **trước mặt họ một cánh cửa mở mà không ai có thể đóng lại được**. Sự cứu rỗi của họ là an toàn; lối vào của họ cả hai: các ơn phước cứu rỗi bởi ân điển và vào vương quốc của Đấng Mêsi trong tương lai của Đấng Christ đã được bảo đảm. Bức tranh nói tới việc Đấng Christ mở cửa cũng tiêu biểu cho việc Ngài ban các cơ hội phục vụ cho các tín đồ của Hội thánh Phi-la-đen-phi. Ở các chỗ

khác trong Kinh Thánh, một cánh cửa mở mô tả sự tự do rao giảng Tin lành. Việc giải thích các chương trình đi lại của mình cho người Côrinthô, Phaolô báo cho họ biết: "Nhưng tôi sẽ ở lại thành Ê-phê-sô cho đến lễ Ngũ tuần, vì tại đó có một cái cửa lớn mở toang ra cho công việc tôi, lại có nhiều kẻ đối địch" (ICo 16:8-9). Trong thư thứ hai gửi cho họ, ông viết: "Lại khi tôi đã đến thành Trô-ách đang giảng Tin Lành của Đấng Christ, dầu Chúa đã mở cửa cho tôi ở đó" (II Co 2:12). Đối với người thành Cô-lô-se Phaolô viết: "Phải bền đỗ và tỉnh thức trong sự cầu nguyện, mà thêm sự tạ ơn vào. Cũng hãy cầu nguyện cho chúng tôi, xin Đức Chúa Trời mở cửa cho sự giảng đạo" (Co 4:2-3). Vị trí chiến lược thành phố của họ đã cung ứng cho các Cơ đốc nhân ở Phi-la-đen-phi với một cơ hội lo rao giảng Tin lành.

Câu 9 ghi lại lời hứa thứ hai do Đức Chúa Jêsus Christ lập với Hội thánh Phi-la-đen-phi: "Này, ta ban cho ngươi mấy kẻ trong những kẻ thuộc về hội quỷ Sa-tan, chúng nó xưng mình là người Giu-đa, mà kỳ thực không phải, nhưng chúng nó nói dối; này, ta sẽ khiến chúng nó đến sấp mình xuống dưới chân ngươi, và sẽ cho chúng nó biết rằng ta đã yêu ngươi". Như trường hợp ở Si-mi-ec-nơ (đôi chiếu 2:9), Cơ đốc nhân ở Phi-la-đen-phi đối mặt với sự thù địch từ những người Do-thái vô tín. Về sau, Ignatius tranh luận với một số người Do-thái thù địch trong chuyến viếng thăm của ông đến Phi-la-đen-phi. Vì có họ chối bỏ Đức Chúa Jêsus Christ trong vai trò Đấng Mê-si, nên hết thảy họ không phải là hội chúng của Đức Chúa Trời, mà là hội chúng của quỷ Sa-tan. Mặc dù họ xưng rằng họ là người Do-thái, lời xưng nhận ấy là một lời nói dối. Về mặt chủng tộc, văn hoá, và nghi thức, họ là người Do-thái, nhưng về mặt thuộc linh thì họ không phải là người Do-thái. Phaolô xác định một người Do-thái đích thực ở Ro 2:28-29: "Vì người nào chỉ bề ngoài là người Giu-đa, thì không phải là người Giu-đa, còn phép cắt bì làm về xác thịt ở ngoài, thì không phải là phép cắt bì; nhưng bề trong là người Giu-đa mới là người Giu-đa, phép cắt bì bởi trong lòng, làm theo cách thiêng liêng, không theo chữ nghĩa, mới là phép cắt bì thật. Một người Giu-đa như vậy được khen ngợi, chẳng phải bởi loài người, bèn là bởi Đức Chúa Trời" (Ro 9:6-7).

Đáng ngạc nhiên thay, Đấng Christ đã hứa rằng một số người Do-thái đang bắt bớ các Cơ đốc nhân tại Phi-la-đen-phi sẽ **đến sấp mình xuống dưới chân ngươi, và sẽ cho chúng nó biết rằng ta đã yêu ngươi**. Sấp mình xuống dưới chơn ai đó mô tả sự thấp hèn, thất bại hoàn toàn và đầu phục. Những kẻ thù của Hội thánh Phi-la-đen-phi sẽ bị đánh bại, bị hạ bệ một cách hoàn toàn. Hình ảnh này được rút ra từ Cựu Ước, mô tả cái ngày trong tương lai khi các dân Ngoại vô tín sẽ sấp mình xuống trước số dân sót Y-sơ-ra-ên tin theo Chúa (đôi chiếu Es 45:14; 49:23; 60:14). Sự trung tín của Hội thánh Phi-la-đen-phi sẽ được tưởng thưởng bằng ơn cứu rỗi của một số người Do-thái đang bắt bớ họ.

Các Hội thánh trung tín khác trong lịch sử cũng được Chúa cho phép tiếp cận với người Do-thái với Tin lành nói tới Đấng Mê-si, là Đức Chúa Jêsus Christ. Rồi trong tương lai, ngày sẽ đến khi "cả dân Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu" (Ro 11:26), khi Đức Chúa Trời "đổ thần của ơn phước và của sự nài xin ra trên nhà Đa-vít, và trên dân cư Giê-ru-sa-lem; chúng nó sẽ nhìn xem ta là Đấng chúng nó đã đâm; và chúng nó sẽ thương khóc, như là thương khóc con trai một, sẽ ở trong sự cay đắng, như khi người ta ở trong sự cay đắng vì có con đầu lòng" (Xa 12:10).

Câu 10 có chứa lời hứa cuối cùng với Hội thánh Phi-la-đen-phi: **Vì ngươi đã giữ lời nhện nhục ta, ta cũng sẽ giữ ngươi khỏi giờ thử thách, là giờ sẽ đến trong khắp thế gian, đặng thử những người ở trên đất**. Bởi vì các tín đồ ở Phi-la-đen-phi đã thành công vượt qua được rất nhiều thử nghiệm, Chúa Jêsus đã hứa sẽ buông tha họ khỏi phần kiểm tra cuối cùng.

Bản chất sâu rộng của lời hứa đó kéo dài vượt ra ngoài hội chúng Phi-la-đen-phi bao gồm tất cả các Hội thánh trung tín trong lịch sử. Câu này hứa rằng Hội thánh sẽ được giải cứu khỏi Kỳ Đại Nạn, như nó hỗ trợ sự Cát Lên trước khi có cơn đại nạn. Sự Cát Lên là chủ đề của ba phân đoạn trong Tân Ước (Gi 14:1-4; ICo 15:51-54; ITe 4:13-17), không một phân đoạn nào trong số đó nói đến sự phán xét, mà thay vì thế nói tới Hội thánh được cất lên trời. Có ba nhận định về thời điểm Cát Lên liên quan đến Kỳ Đại Nạn: nó đến vào cuối Kỳ Đại Nạn (lý thuyết hậu Đại nạn), giữa kỳ Đại nạn (lý thuyết giữa kỳ Đại nạn) và nhận định dường như được phân đoạn Kinh Thánh này hỗ trợ, rằng Sự Cát Lên diễn ra trước Kỳ Đại Nạn (lý thuyết trước kỳ Đại nạn).

Một vài khía cạnh của lời hứa tuyệt vời này đáng phải lưu ý. Thứ nhất, phần thử nghiệm hãy còn trong tương lai. Thứ hai, phần thử nghiệm dành cho một thời điểm nhất định, hạn chế; Chúa Jêsu mô tả thời điểm ấy là **giờ thử thách**. Thứ ba, đó là một thử nghiệm sẽ phơi bày mọi người ra vì họ vốn có thật vậy. Thứ tư, phần thử nghiệm có phạm vi toàn cầu, một khi nó sẽ đến trong khắp thế gian. Sau cùng, và quan trọng nhất, mục đích của nó là để **thử những người ở trên đất** — một cụm từ được sử dụng như thuật ngữ kỹ thuật trong sách Khải Huyền nói tới hạng người vô tín (đối chiếu 6:10; 8:13; 11:10; 13:8, 12, 14; 14: 6; 17:2, 8). **Giờ thử thách** là Tuần thứ bảy mươi của Đaniên (Da 9:25-27), thời điểm rối rắm của Giacóp (Gie30:7), kỳ đại nạn bảy năm. Chúa hứa sẽ giữ Hội thánh Ngài ở ngoài giờ thử thách trong tương lai sẽ đến giáng trên kẻ vô tín.

Những kẻ vô tín một là vượt qua thử thách bằng cách ăn năn, hoặc thất bại do từ chối không chịu ăn năn. Kh 6:9-11; 7:9-10, 14; 14:4; và 17:14 mô tả những người ăn năn trong kỳ Đại Nạn và được cứu, do đó vượt qua thử thách; Kh 6:15-17; 9:20; 16:11; và 19:17-18 mô tả những kẻ từ chối không chịu ăn năn, vì thế thất bại trước thử thách, rồi bị rửa sạch.

Đã có nhiều tranh cãi về ý nghĩa của cụm từ *tēreō ek* (khỏi). Người nào lập luận rằng Hội thánh sẽ trải qua Kỳ Đại Nạn cho rằng cụm từ này có nghĩa là bảo toàn giữa một tình trạng khẩn cấp. Họ tin rằng Hội thánh sẽ trải qua những sự phán xét của kỳ đại nạn và Đức Chúa Trời sẽ gìn giữ Hội thánh ở giữa các sự phán xét kia, hầu cho Hội Thánh nhưn đó nổi bật lên thành công vào lúc cuối giờ thử thách. Tuy nhiên, nhận định đó không thích ứng trên nền tảng ngôn ngữ lẫn Kinh thánh. Ý nghĩa cơ bản của giới từ *ek* là "khỏi", "ra khỏi" hoặc "tách ra". Nếu Chúa muốn truyền đạt rằng Hội thánh sẽ được bảo toàn ở giữa Kỳ Đại Nạn, các giới từ *en* ("trong") hoặc *dia* ("qua") sẽ thích hợp hơn. *En* được sử dụng ba lần với động từ *tēreō* trong Tân Ước (Cong 12:5; IPhi 1:4; Giude 21) và *Eis* một lần (Cong 25:4), luôn luôn ám chỉ sự tồn tại trước đó ở bên trong với một nhận định liên tục ở trong. *tēreō* với *ek* ngụ ý ngược lại: sự tồn tại liên tục ở bên ngoài.

Thời điểm duy nhất khác mà cụm từ *tēreō ek* xuất hiện trong Kinh Thánh là ở Gi17:15. Trong lời cầu nguyện với tư cách Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của Ngài, Chúa Jêsu đã cầu nguyện: **"Con chẳng cầu Cha cất họ khỏi thế gian, nhưng xin Cha gìn giữ họ cho khỏi điều ác"**. Chắc chắn Ngài không cầu xin các tín hữu được bảo toàn bên trong quyền lực của Sa-tan, vì các tín đồ đã được **"cứu khỏi quyền của sự tối tăm, làm cho chúng ta dời qua nước của Con rất yêu dấu Ngài"** (Co 1:13). Cơ đốc nhân là những người đã xây **"từ tối tăm mà qua sáng láng, từ quyền lực của quỷ Sa-tan mà đến Đức Chúa Trời"** (Cong 26:18). IGi 5:19 chép rằng đây là thế giới chưa được tái sanh đang nằm trong quyền lực của Sa-tan, chớ không phải những người tin Chúa.

Ý nghĩa của *tēreō ek* trong Gi 17:15, được giữ kín hoàn toàn, lập luận mạnh mẽ về một ý nghĩa tương tự trong Kh 3:10. Sứ đồ Giăng đã viết cả hai phân đoạn, và cả hai đều là các trích dẫn trực tiếp của Đức Chúa Jêsu Christ. Để giải thích *tēreō ek* là một lời hứa bảo toàn ở giữa Kỳ Đại Nạn chỉ ra một khó khăn khác: Hội thánh Phi-la-đen-phi chưa hề ở trong Kỳ Đại Nạn, là điều hãy còn ở trong cuộc tương lai.

Một sự phản đối rõ ràng khác trong việc lý giải *tēreō ek* là lời hứa bảo toàn ở giữa Kỳ Đại Nạn, ấy là các tín đồ trong thời điểm ghê khiếp đó sẽ không được bảo toàn. Thực vậy, nhiều người sẽ tuân đạo (6:9-11; 7:9-14), dẫn đến kết luận rằng việc hứa hẹn sự bảo toàn là vô nghĩa nếu các tín đồ đối mặt với cùng một số phận y như hạng tội nhân trong suốt Kỳ Đại Nạn.

Có người cho rằng lời hứa giải cứu là chỉ khỏi cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời trong suốt Kỳ Đại Nạn. Nhưng một lời hứa cho rằng Đức Chúa Trời sẽ không giết chết các tín đồ, song sẽ cho phép Sa-tan và Anti-christ làm như vậy sẽ cung ứng sự an ủi nhỏ cho Hội thánh chịu khổ Phi-la-đen-phi.

Sự **đến** mà Đấng Christ đề cập tới khác với sự đến được hứa cho nhiều Hội thánh khác trong 7 Hội thánh (thí dụ, 2:5, 16; 3:3). Những lời hứa trước đó đều là những lời cảnh cáo về việc xét đoán tạm thời nhắm vào các hội chúng phạm tội (đối chiếu Cong 5:1-11; ICo 11:28-30). Tuy nhiên, sự **đến** được nói tới ở đây là để đưa giờ thử thách lên đến đỉnh điểm trong lần đến thứ hai của Chúa chúng ta. Chính sự đến của Đấng Christ để giải cứu Hội thánh (đối chiếu IITe 2:1), chớ không phải để đem sự phán xét đến cho nó. **Mau kíp**

mô tả sự đến sắp xảy ra của Đấng Christ vì Hội thánh của Ngài; sự ấy có thể xảy ra vào bất kỳ thời điểm nào. Đáp ứng của từng người tin Chúa đáng phải là: "A-men, lạy Đức Chúa Jêsus, xin hãy đến!" (22:20).

MẠNG LỊNH

hãy giữ lấy điều người có, hầu cho không ai cất lấy mào triều thiên của người (Kh 3:11b)

Vì có sự tái lâm sắp xảy ra của Chúa vì Hội thánh của Ngài, người tin Chúa phải **giữ lấy điều người có**. Các thuộc viên của Hội thánh Phi-la-đen-phi đã sống trung tín và trung thành với Đấng Christ; Ngài truyền cho họ phải giữ luôn như thế. Người nào bền đỗ cho đến cuối cùng như đó mình chứng tính chơn thật ơn cứu rỗi của họ (Mat 10:22; 24:13).

Sự thực cho thấy rằng các tín đồ được bảo đảm cho đến đời đời vì có quyền phép của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, các phương tiện mà nhờ đó Ngài bảo đảm cho họ là bằng cách tiếp trợ cho tín đồ với thứ đức tin biết nhịn nhục. Cơ đốc nhân được cứu bởi quyền phép của Đức Chúa Trời, nhưng không được tách khỏi đức tin chắc chắn và thường trực của họ. Phaolô viết trong Co 1:22-23 rằng: "nhưng bây giờ Đức Chúa Trời đã nhờ sự chết của Con Ngài chịu lấy trong thân thể của xác thịt mà khiến anh em hòa thuận, đặt làm cho anh em đứng trước mặt Ngài cách thánh sạch không vết, không chỗ trách được; miễn là anh em tin Chúa cách vững vàng không núng, chẳng hề dời khỏi sự trông cậy đã truyền ra bởi đạo Tin Lành mà anh em đã nghe". Theo IGi 2:19, những ai từ bỏ đức tin cho thấy rằng họ chưa bao giờ thực sự được cứu bắt đầu với: "Chúng nó đã từ giữa chúng ta mà ra, nhưng vốn chẳng phải thuộc về chúng ta; vì nếu chúng nó thuộc về chúng ta, thì đã ở cùng chúng ta; song điều đó đã xảy đến, hầu cho tỏ ra rằng mọi kẻ ấy chẳng thuộc về chúng ta vậy".

Lời hứa của Đấng Christ cho người nào nhịn nhục cách trung tín là **không ai cất lấy mào triều thiên của người** (đối chiếu Gia 1:12). Kh 2:10 xác định mào triều thiên này là "**mào triều thiên của sự sống**", hay như bản văn Hy-lạp sát nghĩa đọc là: "**mào triều thiên, ấy là sự sống**". **Mào triều thiên**, hay phần thưởng, cho những ai bền đỗ cách trung tín cho đến cuối cùng là sự sống đời đời kèm theo với tất cả các phần thưởng của cuộc thi (II Gi 1:8). ITi 4:8 mô tả đó là mào triều thiên công bình, và IPhi 5:4 là mào triều thiên vinh hiển. Trong tình trạng được tôn vinh hiển của chúng ta, chúng ta sẽ sống hoàn toàn công bình, và như thế có khả năng phản ánh sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Những người nào mà sự nhịn nhục trung tín của họ đánh dấu họ là con cái thực của Đức Chúa Trời không bao giờ sợ mất đi ơn cứu rỗi của họ.

MƯU LUẬN

Kẻ nào thắng, ta sẽ cho làm trụ trong đền Đức Chúa Trời ta, và người sẽ không ra khỏi đó nữa; ta lại sẽ lấy danh Đức Chúa Trời ta, danh của thành Đức Chúa Trời ta, là Giê-ru-sa-lem mới từ trên trời, bởi Đức Chúa Trời ta mà xuống, cùng danh mới ta, mà viết trên người. Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh! (Kh 3:12-13)

Khi Ngài kết luận bức thư gửi cho Hội thánh trung tín tại Phi-la-đen-phi, Đấng Christ hứa bốn ơn phước đời đời cho **người nào thắng** (một danh xưng khác cho một Cơ Đốc nhân, IGi 5:5).

Lời hứa đầu tiên, ấy là Đấng Christ **sẽ cho người làm trụ trong đền thờ của Đức Chúa Trời ta, và người sẽ không ra khỏi nó nữa**. Một **trụ** tiêu biểu cho sự ổn định, thường trực và bất động. Cột trụ cũng có thể tiêu biểu cho danh dự; trong các đền thờ ngoại giáo, chúng thường được chạm khắc theo một phương thức như thế để tôn vinh một vị thần đặc biệt. Lời hứa diệu kỳ của Đấng Christ lập với những người tin Chúa, ấy là họ sẽ có một nơi chốn danh dự đời đời **trong đền Đức Chúa Trời ta** (thiên đàng). Đối với những người thường chạy trốn khỏi thành phố vì có động đất và kẻ thù, lời hứa cho rằng họ **sẽ không ra khỏi** thiên đàng vốn được hiểu là an ninh trong sự vinh hiển đời đời.

Lời hứa thứ hai của Đấng Christ cho kẻ nào thắng, ấy là Ngài sẽ **viết danh của Đức Chúa Trời ta lên trên người**. Điều đó mô tả quyền làm chủ, ấn định rằng hết thảy Cơ đốc nhân chọn thật đều thuộc về Đức Chúa Trời. Nó cũng nói về mối quan hệ cá nhân mật thiết mà chúng ta có với Ngài cho đến đời đời.

Thứ ba, Đấng Christ hứa sẽ viết lên người tin Chúa **danh của thành Đức Chúa Trời ta, là Giê-ru-sa-lem mới từ trên trời, bởi Đức Chúa Trời ta mà xuống**. Cơ đốc nhân có quyền công dân đời đời trong **thành phố** thủ đô của thiên đàng, **Jerusalem mới**, được mô tả rất dài ở Khải huyền 21. Đây là một lời hứa khác về sự an ninh, an toàn và vinh hiển.

Cuối cùng, Đấng Christ hứa với những người tin Chúa **danh mới** của Ngài. Danh của Đấng Christ tiêu biểu cho sự đầy đầy của Thân Vị Ngài. Trên thiên đàng, những người tin Chúa sẽ **"thấy Ngài như Ngài vốn có thật vậy"** (IGi 3: 2), và bất cứ điều gì chúng ta đã biết về Ngài sẽ mờ nhạt trong chỗ thực tại chúng ta sẽ gặp Ngài trong đó. **Danh mới** mà bởi đó chúng ta sẽ có đặc ân kêu cầu Ngài sẽ phản ánh sự mặc khải vinh hiển về Thân Vị của Ngài.

Lời khuyên **Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh** kết thúc bảy thư tín. Những người tin Chúa phải chú ý tới các lẽ thật được tìm thấy trong mỗi bức thư, một khi bảy Hội thánh tiêu biểu cho các loại Hội thánh đã tồn tại xuyên suốt lịch sử. Bức thư gửi Hội thánh trung tín Phi-la-đen-phi tỏ ra rằng Đức Chúa Trời toàn năng, thánh khiết, chọn thật, tối cao đổ ra các ơn phước của Ngài trên các Hội thánh giữ lòng trung thành với Ngài. Ngài sẽ chúc phước cho họ với những cánh cửa mở ra cho công cuộc truyền giáo, cứu rỗi đời đời, các ơn phước của vương quốc, và sự giải cứu ra khỏi giờ thử thách lớn lao xảy đến trên đất. Sau cùng, Ngài sẽ mang hết thảy những ai bền đỗ trong đức tin của mình đến phước hạnh đời đời của thiên đàng, ở đó Ngài sẽ tỏ chính mình Ngài ra thật trọn vẹn cho họ thấy. Lời hứa của những phước hạnh phong phú đó sẽ khích lệ từng hội thánh và từng Cơ đốc nhân noi theo tấm gương trung tín của Hội thánh Phi-la-đen-phi.

Lao-đi-xê: Hội Thánh Hâm Hâm

(Kh 3:14-22)

10

“Người cũng hãy viết cho thiên sứ của Hội thánh Lao-đi-xê rằng: Này là lời phán của Đấng A-men, Đấng làm chứng thành tín chân thật, Đấng làm đầu cội rễ cuộc sáng thế của Đức Chúa Trời: Ta biết công việc của người; người không lạnh cũng không nóng. Ước gì người lạnh hoặc nóng thì hay! Vậy, vì người hâm hâm, không nóng cũng không lạnh, nên ta sẽ nhả người ra khỏi miệng ta. Vả, người nói: Ta giàu, ta nên giàu có rồi, không cần chi nữa; song người không biết rằng mình khổ sở, khôn khó, nghèo ngặt, đui mù và lóa lờ. Ta khuyên người hãy mua vàng thử lửa của ta, hầu cho người trở nên giàu có; mua những áo trắng, hầu cho người được mặc vào và điều xấu hổ về sự trần truồng người khỏi lộ ra; lại mua thuốc xức mắt để tẩy sạch mắt người, hầu cho người thấy được. Phàm những kẻ ta yêu thì ta quở trách sửa phạt; vậy hãy có lòng sốt sắng, và ăn năn đi. Này, ta đứng ngoài cửa mà gõ; nếu ai nghe tiếng ta mà mở cửa cho, thì ta sẽ vào cùng người ấy, ăn bữa tối với người, và người với ta. Kẻ nào thắng, ta sẽ cho ngồi với ta trên ngôi ta, như chính ta đã thắng và ngồi với Cha ta trên ngôi Ngài. Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh!” (Kh 3:14-22)

Có thể lẽ đạo bị thăm nhất trong lịch sử cứu chuộc là chuyện buồn nói tới Israel sai lạc. Dân Do-thái là hạng người nhận lãnh nhiều đặc ân thuộc linh không lường được: "tức là dân Y-sơ-ra-ên, là dân được những sự làm con nuôi, sự vinh hiển, lời giao ước, luật pháp, sự thờ phượng và lời hứa; là dân sanh hạ bởi các tổ phụ, và theo phần xác, bởi dân ấy sanh ra Đấng Christ, là Đấng trên hết mọi sự, tức là Đức Chúa Trời đáng ngợi khen đời đời. A-men" (Ro 9:4-5). Đức Chúa Trời đã chọn họ từ hết thảy các dân tộc trên thế giới, giải cứu họ ra khỏi Ai-cập, đưa họ vào trong Đất Hứa, yêu thương họ, và chăm chút bảo vệ họ (đối chiếu Phu 4:37; 7:7-8).

Mặc dù có những đặc ân đó, lịch sử của Israel là một lịch sử nói tới sự loạn nghịch liên tục chống lại Đức Chúa Trời. Sau khi họ được giải cứu cách kỳ diệu ra khỏi Ai-cập, sự loạn nghịch của người Do-thái dẫn tới sự phán xét nghiêm ngặt của Đức Chúa Trời, khi cả một thể hệ bị hư mất trong đồng vắng. Chu kỳ của tội lỗi của Israel, sự phán xét của Đức Chúa Trời, sự ăn năn và phục hồi của Y-sơ-ra-ên trải khắp sách Các Quan Xét. Sự kiêu ngạo tội lỗi của dân Do-thái đã khiến họ chối bỏ Đức Chúa Trời không nhận Ngài là Vua của họ và đòi cho phải có một vị vua về mặt con người. Vị vua đầu tiên của họ là Saul bất tuân, rồi xứ sở đã ở trong chỗ rối loạn suốt phần trị vì của ông. Sau thời kỳ hoà bình và vâng phục tương đối dưới quyền của Đa-vít và Sa-lô-môn, Y-sơ-ra-ên bị chia thành hai vương quốc. Tất cả các vị vua phương Bắc (của Israel) và hầu hết các vị vua phương Nam (xứ Giuđa) đều là hạng người xấu xa, khiến cho dân sự của họ lao vào những sự gớm ghiếc bản thù của sự thờ lạy hình tượng.

Trong các thế kỷ bất tuân, loạn nghịch, và bội đạo, Đức Chúa Trời đã giàu ơn kêu gọi Y-sơ-ra-ên xây trở lại cùng Ngài. Đức Chúa Trời công bố ở Gie 7:25: "Từ ngày tổ phụ các người ra khỏi đất Ê-díp-tô cho đến ngày nay, ta đã sai mọi đầy tớ ta, tức các tiên tri, đến cùng các người; mỗi ngày ta dậy sớm sai họ đến". Nhưng thay vì ăn năn và trở về cùng Đức Chúa Trời, dân Do-thái "chẳng nghe ta, chẳng hề để tai vào, song lại cứng cổ, ăn ở càng xấu hơn tổ phụ mình" (Gie 7:26; đối chiếu 25:4; 29:19; 35:15; 44:4-5; Xa 7:12).

Sau cùng, Đức Chúa Trời đã dẫn sự phán xét giáng trên dân sự của Ngài vì họ loạn nghịch và không chịu ăn năn. Trước tiên Israel rơi vào tay người A-sy-ri, rồi sau đó xứ Giu-đa bị người Ba-by-lôn bắt đi làm phu tù và thành Jerusalem bị tiêu diệt. II Vua 17:7-23 nhắc lại lời cầu nguyện buồn thảm về tội lỗi đã dẫn đến sự phán xét của Đức Chúa Trời giáng trên dân sự Ngài:

Và, dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ, là Đấng đã rút họ ra khỏi xứ Ê-díp-tô, và khỏi tay hà hiếp của Pha-ra-ôn, vua Ê-díp-tô; chúng đã kính thờ các thần khác theo thói tục của các dân tộc mà Đức Giê-hô-va đã đuổi khỏi trước mặt dân Y-sơ-ra-ên, và theo lệ mà các vua Y-sơ-ra-ên đã định. Dân Y-sơ-ra-ên làm lên những việc bất chính nghịch cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng, xây dựng những nơi cao trong khắp các thành họ, từ tháp vọng canh cho đến thành kiên cố, dựng lên những trụ thờ trên các nổng cao và dưới những cây rậm. Tại trên các nơi cao, chúng xông hương y như các dân tộc mà Đức Giê-hô-va đã đuổi khỏi trước mặt họ, phạm những việc gian ác, và chộc giận Đức Giê-hô-va. Chúng hầu việc những hình tượng mà Đức Giê-hô-va đã cấm chúng rằng: Các ngươi chớ thờ chúng nó. Song Đức Giê-hô-va cậy miệng các đấng tiên tri và những kẻ tiên kiến mà khuyên Y-sơ-ra-ên và Giu-đa rằng: Khá từ bỏ đường ác của các ngươi, hãy gìn giữ điều răn và luật lệ ta, tùy theo các mạng lệnh ta cậy những tiên tri, là tôi tớ ta, mà truyền cho tổ phụ các ngươi. Nhưng chúng không muốn nghe, cứng cổ mình, y như các tổ phụ của chúng không có lòng tin Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ. Chúng khinh bỏ các luật lệ và giao ước Ngài đã lập cùng tổ phụ họ, và những lời chứng mà Ngài đã phán với họ. Chúng đi theo các thần hư không, và trở thành hư không, bắt chước các dân tộc ở chung quanh mình, mà Đức Giê-hô-va đã cấm làm theo gương của chúng nó. Chúng khinh bỏ hết thầy giới mệnh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, tự đúc lấy hai tượng bò con, cùng làm thần tượng A-sê-ra, thờ lạy hết thầy cơ binh trên trời, và thờ phượng Ba-anh. Chúng cũng đưa con trai con gái mình qua lửa, dùng tà thuật, tin bói khoa, chuyên làm điều dữ trước mặt Đức Giê-hô-va, để chộc giận Ngài. Bởi cố ấy, Đức Giê-hô-va rất nổi giận dữ cùng dân Y-sơ-ra-ên, xua đuổi chúng khỏi trước mặt Ngài; chỉ còn lại chi phái Giu-đa mà thôi. Chính Giu-đa cũng không vâng giữ các điều răn của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ; bèn đi theo những lệ luật mà Y-sơ-ra-ên đã lập. Thế thì, Đức Giê-hô-va từ bỏ cả dòng dõi Y-sơ-ra-ên, làm khốn khổ họ, và phó họ vào tay các kẻ cướp giựt, cho đến phải lưu đầy cách xa mặt Ngài. Y-sơ-ra-ên đã phân rẽ nhà Đa-vít, tôn Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát, làm vua; người quyến dụ Y-sơ-ra-ên bội nghịch Đức Giê-hô-va, và khiến cho họ phạm tội lớn. Dân Y-sơ-ra-ên đều đi trong hết thầy tội lỗi của Giê-rô-bô-am đã phạm, chẳng từ bỏ chút nào, cho đến ngày Đức Giê-hô-va đầy đuổi họ khỏi trước mặt Ngài, y như Ngài đã phán bởi miệng của các tiên tri, tôi tớ Ngài. Vậy, Y-sơ-ra-ên bị cất khỏi xứ mình, lưu đầy qua A-si-ri cho đến ngày nay.

Sự bội đạo của Y-sơ-ra-ên khiến cho Chúa phải buồn rầu. Trong thí dụ của Es 5:1-3, Israel được phác họa như là một vườn nho được chăm sóc đàng hoàng, thế mà nó chỉ đóc ra những trái nho hoang. Ở câu 4, Đức Giê-hô-va đã phán rất đơn giản: "Có điều chi nên làm cho vườn nho ta mà ta không làm cho nó chẳng? Có sao khi ta mong sanh trái nho, thì nó lại sanh trái nho hoang vậy?" Trong Es 48:18 Ngài kêu lên: "Than ôi! ước gì người đã để ý đến các điều răn ta! thì sự bình an người như sông, và sự công bình người như sóng biển". Trong Thi 78:40, tác giả Thi thiên than thở: "Biết mấy lần chúng nó phản nghịch cùng Ngài nơi đồng vắng, và làm phiền Ngài trong chỗ vắng vẻ!" Ê-sai lặp lại cùng một ý nghĩ đó: "Song họ đã bội nghịch, đã làm cho Thần thánh Ngài buồn rầu, Ngài bèn trở làm cừ thù với họ, và chính mình Ngài chinh chiến cùng họ" (Es 63:10). Trong Exe 6:9, Đức Chúa Trời phán về Y-sơ-ra-ên rằng: "Ta đã buồn rầu trong lòng, vì lòng tà dâm của chúng nó đã lia bỏ ta, và mắt chúng nó hành dâm theo thần tượng mình".

Tân Ước cũng ghi lại sự buồn rầu của Đức Chúa Trời qua Y-sơ-ra-ên loạn nghịch. Khi tiếp cận thành Giê-ru-sa-lem lần cuối cùng, Đức Chúa Jêsus Christ kêu lên: "Hỡi Giê-ru-sa-lem, Giê-ru-sa-lem, ngươi giết các tiên tri, và quăng đá các đấng chịu sai đến cùng ngươi, bao phen ta muốn nhóm họp con cái ngươi, như gà mái túc và ấp con mình dưới cánh, mà các ngươi chẳng muốn!" (Lu 13:34). Lịch sử lâu dài của người Do-thái về sự cứng lòng chối bỏ Thân Vĩ, các mạng lệnh, cùng những sứ giả của Đức Chúa Trời, lên đến đỉnh điểm một vài ngày sau đó khi họ kêu la đòi từ hình Đấng Mê-si của họ.

Sứ đồ Phao-lô cảm thấy nỗi đau khổ của Đức Chúa Trời đối với sự vô tín của đồng bào mình. Ông viết cho người thành Rô-ma: "Hỡi anh em, sự ước ao trong lòng tôi và lời tôi vì dân Y-sơ-ra-ên cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời, ấy là cho họ được cứu. Vì tôi làm chứng cho họ rằng họ có lòng sốt sắng về Đức Chúa Trời, nhưng lòng sốt sắng đó là không phải theo trí khôn" (Ro 10:1-2). Ở Ro 9:2, ông viết: "tôi buồn bực lắm, lòng tôi hằng đau đớn" về sự vô tín của dân Y-sơ-ra-ên. Sự buồn rầu nhiệt thành của Phao-lô về sự vô tín ấy đến nỗi ông đưa ra lời tuyên bố gây sốc, là nếu có thể được, ông sẽ sẵn sàng "bị đứt bỏ, lia khỏi Đấng Christ, vì anh em bà con tôi theo phân xác" (câu 3).

Thê thảm thay, sự vô tín đáng buồn của dân Israel tìm thấy một sự tương đương trong Hội thánh. Có rất nhiều người trong các Hội thánh, thậm chí cả các hội chúng, họ bị hư mất. Họ có thể sống thành thực, sốt sắng, và tôn giáo ở bề ngoài, nhưng họ lại chối bỏ lẽ thật của Tin lành. Họ có hết thấy sự dạy phong phú của Tân Ước về sự sống, sự chết và sự sống lại của Đấng Christ chứa trong Kinh Thánh mà họ không tin và không vâng theo. Kết quả là, họ bị định đoạt, giống như dân Israel vô tín. Phao-lô mô tả họ là những kẻ "giữ điều nhân đức, nhưng chối bỏ quyền phép của nhân đức đó", rồi sau đó khuyên người các tín đồ theo cách khôn ngoan "hãy lánh xa những kẻ thể ấy" (II Ti 3:5).

Hội thánh ở Lao-đi-xê tiêu biểu cho các Hội thánh bội đạo như đã có trong cả lịch sử. Đây là Hội thánh sau cùng và tệ hại nhất trong bảy Hội thánh được đề cập đến bởi Chúa chúng ta. Đường tròn ốc đi xuống bắt đầu ở Ê-phê-sô, tiếp tục qua Bết-găm, Thi-a-ti-rơ, và Sạt-đê, xuống đến tận đáy tại Lao-đi-xê. Ngay cả ở Sạt-đê đã có một số tín đồ chơn thật bị bỏ lại; theo như có thể xác định được, Hội thánh ở Lao-đi-xê là một Hội thánh dối giả, hoàn toàn chưa được tái sanh. Nó có sự khác biệt đáng tởm vì là Hội thánh duy nhất trong số bảy Hội thánh mà Đấng Christ không có một lời khen ngợi tích cực nào hết. Phù hợp với tính chất quyết liệt của tình hình ở Lao-đi-xê, đây cũng là bức thư đe dọa nhiều nhất trong bảy thư tín.

Nội dung của thư tín này có thể được chia thành sáu chủ đề: thư tín, Hội thánh, thành phố, mối quan tâm, mạng lịnh, và mưu luận.

THƯ TÍN

“Đấng A-men, Đấng làm chứng thành tín chân thật, Đấng làm đầu cội rễ cuộc sáng thế của Đức Chúa Trời” (Kh 3:14c)

Giống như trong thư tín gửi cho Hội thánh tại Phi-la-đen-phi, Đấng Christ không xác định chính mình Ngài đang sử dụng bất kỳ cụm từ nào trong sự mặc thị được ghi lại ở 1:12-17. Thay vì thế, Ngài xác định chính mình Ngài đang sử dụng ba tước hiệu thiêng liêng.

Trước hết, Đức Chúa Jêsus Christ đã mô tả chính mình Ngài là **Đấng A-men**. Tước hiệu độc nhất vô nhị, chỉ được sử dụng ở đây trong Kinh Thánh để mô tả Đấng Christ, gợi nhớ lại Ê-sai 65:16, ở đây Đức Chúa Trời hai lần được gọi là **"Đức Chúa Trời chơn thật"** [tiếng Hy-bá-lai là a-men]. A-men là một chuyển ngữ của một chữ Hy-bá-lai có nghĩa là "sự thật", "khẳng định" hay "chắc chắn". Từ này đề cập đến cái gì đó vững chắc, cố định và không thể thay đổi. **A-men** thường được sử dụng trong Kinh thánh để khẳng định tính chân thật của một lời công bố (thí dụ Dan 5:22; Ne 8:6; Mat 6:13; Ro 16:27; ICo 16:24; và cũng trong Mat 5:18; 6:2; Mac 9:1; Lu 4:24; Gi1:51; 3:3, 5, 11; 5:19; trong bản KJV a-men được dịch là theo tiếng Hy-lạp là "đích thực" và "thật sự" trong bản NASB). Bất cứ điều chi Đức Chúa Trời phán đều là sự thật và chắc chắn; vì lẽ đó, Ngài là Đức Chúa Trời chân thật.

Đấng Christ chắc chắn là **Đấng A-men** theo ý nghĩa Ngài là Đức Chúa Trời chân thật hoá thân thành nhục thể. Nhưng có nhiều điều trong tước hiệu phong phú này hơn là một sự khẳng định về thần tánh của Ngài. Trong II Côrintô 1:20, Phao-lô viết về Đức Chúa Jêsus Christ: **"Vì chưng cũng như các lời hứa của Đức Chúa Trời đều là phải trong Ngài cả, ấy cũng bởi Ngài mà chúng tôi nói 'A-men,' làm sáng danh Đức Chúa Trời"**. Chính qua thân vị và công tác của Đấng Christ mà mọi lời hứa và giao ước của Đức Chúa Trời được ứng nghiệm và được bảo đảm. Mọi lời hứa trong Cựu Ước về ơn tha thứ, sự thương xót, yêu thương, ân điển, hy vọng và sự sống đời đời đều bị ràng buộc nơi sự sống, sự chết và sự sống lại của Đức Chúa Jêsus Christ. Ngài là **Đấng A-men** vì Ngài là Đấng đã khẳng định mọi lời hứa của Đức Chúa Trời.

Đấng Christ cũng tự xác định Ngài là **Đấng Làm Chứng Thành Tín Chơn Thật**. Tước hiệu ấy càng làm sáng tỏ suy tưởng được thể hiện trong tước hiệu thứ nhất. Không những Chúa Jêsus là Đấng A-men vì công tác của Ngài, mà còn vì mọi sự Ngài phán dạy đều là phải lẽ. Ngài hoàn toàn đáng tin cậy, chính xác

hoàn toàn, và lời chứng của Ngài luôn đáng tin cậy. Đức Chúa Jêsus Christ là "**đường đi, lẽ thật, và sự sống**" (Gi 14:6, phần nhấn mạnh được thêm vào).

Đây là cách thích đáng để bắt đầu bức thư gửi người Lao-đi-xê bởi vì nó khẳng định với họ rằng Đấng Christ đã đánh giá chính xác tình trạng chưa được chuộc của họ. Điều đó cũng khẳng định rằng sự Ngài ban hiến mỗi thông công và ơn cứu rỗi trong câu 20 là đúng, bởi vì các lời hứa của Đức Chúa Trời đều được khẳng định qua công tác của Ngài.

Sau cùng, Đấng Christ đề cập đến chính mình Ngài như là **Đấng Làm Đầu Cội Rễ Cuộc Sáng Thế Của Đức Chúa Trời**. Bản dịch Anh ngữ có phần mơ hồ và gây nhầm lẫn. Kết quả là các giáo sư giả tìm cách chối bỏ thần tánh của Đấng Christ đã nỗ lực sử dụng câu này để chứng minh Ngài là một hữu thể được dựng nên. Tuy nhiên, chẳng có một sự mơ hồ nào trong phiên bản Hy-lạp. Archē (**Đấng Làm Đầu**) không có ý nói Đấng Christ là thân vị đầu tiên Đức Chúa Trời đã dựng nên đầu, mà chính mình Đấng Christ là nguồn hay gốc của sự sáng tạo (đối chiếu Kh 22:13). Qua quyền phép của Ngài, muôn vật đều được dựng nên (Gi 1:3; He 1:2).

Bức thư này gửi người Lao-đi-xê có nhiều điểm chung với bức thư của Phao-lô gửi cho Hội thánh Cô-lô-se. Thành Cô-lô-se không xa thành Lao-đi-xê bao nhiêu, vì vậy có vẻ như chính thứ tà giáo ấy đang hành hại người thành Cô-lô-se đang trên đường đến thành Lao-đi-xê (đối chiếu Co 4:16). Tà giáo ấy, một hình thức của phái ngộ đạo (Gnosticism) (từ chữ gnōsis theo tiếng Hy-lạp, "tri thức"), họ dạy rằng Đấng Christ là một hữu thể được dựng nên, một trong hàng loạt hình ảnh nói tới Đức Chúa Trời. Những người đề xướng của nó cũng xưng rằng họ sở hữu một tri thức thuộc linh bí mật và cao hơn, bên trên và bên ngoài lời lẽ đơn giản của Kinh Thánh. Chống lại tà giáo đó, Phaolô viết về Đấng Christ:

“Ấy chính Ngài là hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được, là Đấng sanh ra đầu hết thấy mọi vật dựng nên. Vì muôn vật đã được dựng nên trong Ngài, bất luận trên trời, dưới đất, vật thấy được, vật không thấy được, hoặc ngôi vua, hoặc quyền cai trị, hoặc chấp chánh, hoặc cầm quyền, đều là bởi Ngài và vì Ngài mà được dựng nên cả. Ngài có trước muôn vật, và muôn vật đứng vững trong Ngài” (Co 1:15-17)

"Đầu hết" (prōtotokos) không bị hạn chế ở người thứ nhất được sinh ra theo thứ tự thời gian, nhưng đề cập đến người cao nhất hoặc ưu việt, là người được vinh dự cao nhất (đối chiếu Thi 89:27). Do đó, Đấng Christ là nguồn (archē) của sự sáng tạo, và là thân vị tối cao (prōtotokos) trong đó.

Tà giáo sai trái này về thân vị của Đấng Christ là lý do tại sao Hội thánh Lao-đi-xê đã gục chết về mặt thuộc linh. Lý thuyết về Đấng Christ dị giáo của họ đã tạo ra một Hội thánh không được tái sanh. Sự dạy giả dối về Đấng Christ, đặc biệt là sự chối bỏ thần tánh của Ngài, cũng là một cái móc của hệ thống thờ lạy hình tượng ngày nay nữa.

HỘI THÁNH

Hội thánh Lao-đi-xê (Kh 3:14a)

Tân Ước không ghi lại bất kỳ điều gì về việc thành lập Hội thánh tại Lao-đi-xê. Giống như hầu hết sáu Hội thánh khác, có thể nó được thành lập trong suốt chức vụ của Phaolô tại Ê-phê-sô (Cong 19:10). Phao-lô không sáng lập nó, một khi ông viết cho người thành Cô-lô-se một vài năm sau đó, ông vẫn chưa đến viếng Lao-đi-xê (Co 2:1). Kể từ khi bạn đồng sự với Phao-lô là Ê-pháp-ra đã sáng lập Hội thánh ở thành Cô-lô-se gần đó (Co 1:6-7), ông cũng đã sáng lập Hội thánh Lao-đi-xê. Có người gợi ý rằng Archippus, con của Phi-lê-môn (Phil 1:2), là Mục sư ở đây (đối chiếu Co 4:17), một khi Giáo hội nghị các sứ đồ (Apostolic Constitutions) thế kỷ thứ tư đặt tên Archippus làm Giám mục của Lao-đi-xê (vii, 46).

THÀNH PHỐ

Lao-đi-xê (Kh 3:14b)

Một trong ba thành phố (với *Cô-lô-se* và *Hierapolis*) trong đồng bằng Lycus, khoảng một trăm dặm về phía Đông của Ê-phê-sô, Lao-đi-xê nằm ở phía Đông Nam trong bảy thành phố, khoảng bốn mươi dặm tính từ Phi-la-đen-phi. Các thành phố chị em của nó của nó là Cô-lô-se, khoảng mười dặm về phía Đông, và Hierapolis, khoảng sáu dặm về phía Bắc. Nằm trên một vùng cao khoảng vài trăm feet, Lao-đi-xê gần như bất khả xâm phạm về mặt địa lý. Yếu điểm dễ bị tấn công nằm ở chỗ nó có ống dẫn nước vài dặm qua những kênh có thể bị chặn đứng dễ dàng hoặc bị lực lượng bao vây chuyển hướng khác.

Lao-đi-xê được thành lập bởi vua xứ Seleucid là Antilochus II và được đặt tên theo người vợ đầu tiên của ông. Kể từ khi ông ly dị bà vào năm 253TC, thành phố hầu như được thành lập trước thời điểm ấy. Mặc dù các cư dân ban đầu phần lớn đến từ Syria, một số lượng đáng kể người Do-thái cũng đến định cư ở đó. Một tổng đốc địa phương đã từng ngăn cấm người Do-thái không được nộp thuế đền thờ cho Jerusalem. Khi họ cố gắng làm như vậy bất chấp lệnh cấm, ông đã tịch thu số vàng họ dự định cho khoản thuế đó. Từ số lượng hàng bị tịch thu, có 7.500 người Do-thái sinh sống ở Lao-đi-xê; còn có thêm vài ngàn phụ nữ và trẻ em. Ngay cả kinh Talmud nói một cách khinh bỉ về cuộc sống nhân hạ và đại dột của những người Do-thái tại Lao-đi-xê.

Với sự xuất hiện của Pax Romana (*hòa bình dưới quyền cai trị của Rome*), Lao-đi-xê được thịnh vượng. Chính vị trí chiến lược nằm ở ngã ba đường quan trọng: con đường phía Đông-Tây dẫn từ Ê-phê-sô vào bên trong, và con đường Bắc Nam từ Bết-găng đến biển Địa Trung Hải. Vị trí đó đã biến Lao-đi-xê thành một thành phố thương mại quan trọng. Vào thế kỷ thứ nhất TC, nghị sĩ và triết gia La Mã Cicero đã gửi các bức thư kể Lao-đi-xê là trung tâm ngân hàng chiến lược. Vì vậy, Lao-đi-xê trở nên giàu có, nó phải trả giá cho việc tái thiết sau trận động đất tàn phá vào năm 60SC, bác bỏ những đề xuất hỗ trợ tài chính từ Rome.

Thành phố cũng nổi tiếng với loại len mềm, màu đen mà nó sản xuất. Vải len được may thành các loại y phục và dệt thành thảm, cả hai đều được tìm mua nhiều sau đó. Lao-đi-xê cũng là một trung tâm quan trọng của y học cổ đại. Ngôi đền thần của người Phrygi gần đó là Men Karou có một trường y khoa quan trọng gắn liền với nó. Ngôi trường đó nổi tiếng nhất với thuốc bôi mắt mà nó phát triển, được xuất khẩu trên toàn thế giới Hy-La. Tất cả ba ngành công nghiệp, tài chính, len, và sản xuất thuốc bôi mắt, đã được nhắc tới trong thư tín này gửi cho Hội thánh Lao-đi-xê.

MỐI QUAN TÂM

“Ta biết công việc của người; người không lạnh cũng không nóng. Ước gì người lạnh hoặc nóng thì hay! Vậy, vì người hâm hẩm, không nóng cũng không lạnh, nên ta sẽ nhổ người ra khỏi miệng ta. Vả, người nói: Ta giàu, ta nên giàu có rồi, không cần chi nữa; song người không biết rằng mình khổ sở, khốn khó, nghèo ngặt, đui mù và lỏa lồ” (Kh 3:15-17)

Vì không có gì để khen ngợi Hội thánh chưa được tái sinh này, Đấng Christ đã khởi sự đi thẳng vào mối quan tâm của Ngài. **Công việc** luôn luôn tỏ ra tình trạng thuộc linh đích thực của con người, như được chỉ ra qua lời lẽ của Chúa **"các người nhờ những trái nó mà nhận biết được"** (Mat 7:16, đối chiếu Ro 2:6-8). Mặc dù sự cứu rỗi hoàn toàn là do ân điển của Đức Chúa Trời nhờ một mình đức tin mà thôi, **công việc** khẳng định hoặc phủ nhận sự hiện diện của ơn cứu rỗi đích thực (Gia 2:14 ...). Đức Chúa Jêsu Christ toàn tri vốn biết rõ mọi công việc của người Lao-đi-xê và chúng chỉ ra một Hội thánh chưa được tái sinh.

Đấng Christ đã quở trách họ vì **không lạnh cũng không nóng** mà là **hâm hẩm**. Lời nói ẩn dụ của Ngài được rút ra từ nguồn cung cấp nước của Lao-đi-xê. Bởi vì nó đi vài dặm qua một kênh ngầm trước khi vào đến thành phố, dòng nước đến nơi thì hôi, bẩn, và ấm. Nó không đủ nóng để thư giãn và làm sự phục hồi, giống như các suối nước nóng ở Hierapolis. Nó cũng không lạnh và tươi mát, giống như dòng suối ở Cô-lô-se. Dòng nước hâm hẩm của Lao-đi-xê đã ở trong tình trạng vô dụng.

Khi so sánh trạng thái thuộc linh của nó với nước hôi, bẩn và ấm của thành phố, Đấng Christ đã ban cho Hội thánh Lao-đi-xê một sự quở trách dữ dội, gây sốc: **vì người hâm hẩm, không nóng cũng không**

lạnh, nên ta sẽ nhả người ra khỏi miệng ta. Một số Hội thánh khiến cho Chúa phải bật khóc, những Hội thánh khác làm cho Ngài phải tức giận; Hội thánh Lao-đi-xê đã khiến Ngài phát ốm.

Hạng người **nóng** là những người đang sống về mặt thuộc linh và có được sự nhiệt tình của một đời sống đã được biến đổi. Mặt khác, **lạnh** về mặt thuộc linh, được hiểu tốt nhất là những kẻ chối bỏ Đức Chúa Jêsus Christ. Tin lành không làm họ thất vọng; nó chẳng gọi lên trong họ một đáp ứng thuộc linh nào cả. Họ chẳng màng gì đến Đấng Christ, Lời của Ngài, hay Hội thánh của Ngài. Và họ không giả vờ về việc này; họ chẳng phải là kẻ giả hình.

Hâm hằm không thích ứng với cả hai loại. Thực sự thì họ chưa được cứu, tuy nhiên họ không công khai chối bỏ Tin lành. Họ đến nhóm lại ở nhà thờ và xưng mình biết Chúa. Giống như người Pha-ri-si, họ sống hài lòng với cách thực hành một tôn giáo tự xưng công bình; họ là những kẻ giả hình đang chơi trò đạo đức. Đức Chúa Jêsus Christ đã mô tả hạng người như vậy trong Mat 7:22-23: "Ngày đó, sẽ có nhiều người thưa cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, chúng tôi chẳng từng nhân danh Chúa mà nói tiên tri sao? nhân danh Chúa mà trừ quỷ sao? và lại nhân danh Chúa mà làm nhiều phép lạ sao? Khi ấy, ta sẽ phán rõ ràng cùng họ rằng: Hỡi kẻ làm gian ác, ta chẳng biết các ngươi bao giờ, hãy lui ra khỏi ta!"; "Vì tôi làm chứng cho họ rằng họ có lòng sốt sắng về Đức Chúa Trời, nhưng lòng sốt sắng đó là không phải theo trí khôn" (Ro 10:2). Họ là những kẻ "giữ điều nhân đức, nhưng chối bỏ quyền phép của nhân đức đó" (ITi 3:5). Sự giả hình kỳ quặc đáng ghét này đã khiến cho Đấng Christ phải buồn rầu.

Những kẻ giả hình tự xưng công bình này còn lâu mới với tới Tin lành, họ chẳng khác gì những kẻ chối Chúa với tấm lòng nguội lạnh. Loại chối Chúa ấy ít nhất cho thấy rằng họ đã bị hư mất. Nhưng người nào tự xưng công bình cho rằng mình đã được cứu thường hay bảo vệ những cảm xúc tôn giáo của họ và không muốn nhận ra tình trạng đích thực của họ. Họ không lạnh đủ để cảm thấy cái nọc cay đắng tội lỗi của họ. Kết quả là, không có ai xa rời lẽ thật hơn kẻ đưa ra lời xưng nhận bình an nhưng không bao giờ kinh nghiệm được đức tin cứu rỗi chân chính. Không một kẻ nào khó với tới Đấng Christ hơn một Cơ đốc nhân giả hình. Lời phê phán của Chúa Jêsus đối với người Pha-ri-si và người Sa-đu-sê tự xưng công bình, ấy là: **"những kẻ thâm thuế và phường dĩ điểm sẽ được vào nước Đức Chúa Trời trước các ngươi"** (Mat 21:31).

Thật không may, các Hội thánh hâm hằm như vậy ngày nay rất là phổ biến, khiến cho bức thư gửi người thành Lao-đi-xê đặc biệt có liên quan. Như John R. W. Stott lưu ý:

Có lẽ không một thư tín nào trong bảy thư tín thích hợp với Hội thánh thuộc thế kỷ thứ hai mươi hơn thư tín này. Nó mô tả sinh động tín ngưỡng đáng tôn trọng, tình cảm, trên danh nghĩa, hời hợt, là thứ rất phổ biến giữa vòng chúng ta hiện nay. Cơ đốc giáo của chúng ta rất yếu ớt và xanh xao. Chúng ta dường như đã tầm lầy mùi tôn giáo hâm hằm. (*What Christ Thinks of the Church* [Grand Rapids: Eerdmans, 1980], 116).

Sự hâm hằm của người thành Lao-đi-xê được kết hợp bởi sự tự lừa dối của họ. Đấng Christ đã quở trách họ về việc tự đánh giá không chính xác thảm khốc của họ: "Vả, người nói: Ta giàu, ta nên giàu có rồi, không cần chi nữa; song người không biết rằng mình khổ sở, khôn khó, nghèo ngặt, đui mù và lỏa lồ". Các công việc của họ cung ứng sự dối trá cho lời lẽ trống rỗng của họ. "Đức Chúa Jêsus phán rằng: Chẳng phải hề những kẻ nói cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, thì đều được vào nước thiên đàng đâu; nhưng chỉ kẻ làm theo ý muốn của Cha ta ở trên trời mà thôi" (Mat 7:21). Giống như vị quan trẻ, giàu có kia (Mat 19:16-22), họ bị lừa dối về tình trạng thuộc linh thực sự của họ.

Như đã nói ở trên, Lao-đi-xê là một thành phố rất giàu có. Sự giàu có đó cung ứng cho các thuộc viên của Hội thánh một ý thức sai lầm về sự an ninh khi họ tưởng rằng sự giàu có thuộc linh của họ phản ánh sự giàu có vật chất của thành phố nơi họ sinh sống. Họ đã sống giàu có trong sự kiêu căng thuộc linh nhưng bị phá sản trong ân điển cứu rỗi. Khi tin mình bị người ta ganh tỵ, thực ra họ rất đáng thương. Thuyết ngộ đạo [Gnosticism] của họ, đã được bàn bạc trên đây, đã khiến họ tin rằng họ đã đạt được một cấp độ tri thức đáng tự hào. Chắc chắn là họ xem thường những người chất phác, là kẻ chấp nhận và thỏa lòng với sự

dạy của Kinh Thánh về thân vị và công tác của Đức Chúa Jêsus Christ. Nhưng thực ra, như Chúa Jêsus chỉ ra, rằng họ **khổ sở, khôn khó, nghèo ngặt, dui mù và lừa lỏ**.

MẠNG LINH

“Ta khuyên người hãy mua vàng thử lửa của ta, hầu cho người trở nên giàu có; mua những áo trắng, hầu cho người được mặc vào và điều xấu hổ về sự trần truồng người khỏi lộ ra; lại mua thuốc xức mắt để thoa mắt người, hầu cho người thấy được. Phàm những kẻ ta yêu thì ta quở trách sửa phạt; vậy hãy có lòng sốt sắng, và ăn năn đi. Nay, ta đứng ngoài cửa mà gõ; nếu ai nghe tiếng ta mà mở cửa cho, thì ta sẽ vào cùng người ấy, ăn bữa tối với người, và người với ta” (Kh 3:18-20)

Đức Chúa Jêsus Christ có thể đã xét đoán ngay lập tức và huỷ diệt Hội thánh này đầy dẫy với những kẻ giả hình chưa được chuộc. Thay vì thế, Ngài đã giàu ơn ban cho họ ơn cứu rỗi đích thực. Lời kêu gọi có ba phần của Đấng Christ dựa trên ba đặc điểm thành phố Lao-đi-xê được biết đến nhiều nhất và lấy làm tự hào: sự giàu có, ngành công nghiệp len, và sản xuất thuốc bôi mắt. Đấng Christ đã ban cho họ loại vàng thuộc linh, y phục thuộc linh, và tầm nhìn thuộc linh.

Tất nhiên, Chúa không dạy rằng ơn cứu rỗi có thể kiếm được bằng các việc lành; hạng tội nhân hư mất chẳng có gì để **mua** ơn cứu rỗi (Es 64:5-6). Việc **mua** ở đây cũng giống như mua lấy lời kêu gọi để được cứu trong Es 55:1: **"Hỡi những kẻ nào khát, hãy đến suối nước! Và người nào không có tiền bạc, hãy đến, mua mà ăn! Hãy đến, mua rượu và sữa mà không cần tiền, không đòi giá"**. Hết thấy hạng tội nhân phải dâng lên tình trạng tội tệt, hư mất của họ. Để đánh đổi về việc ấy, Đấng Christ ban hiến sự công bình của Ngài cho những ai thực sự ăn năn.

Đấng Christ khuyên người thành Lao-đi-xê **mua** sắm từ Ngài ba thứ, hết thấy đều tượng trưng cho sự cứu chuộc đích thực. Thứ nhất, họ cần phải mua **vàng thử lửa** để họ **trở nên giàu có**. Họ cần vàng không có tạp chất, tiêu biểu cho sự giàu có vô giá của ơn cứu rỗi chân thật. Phi-e-rơ đã viết về **"đức tin anh em quý hơn vàng hay hư nát"** (IPhi 1:7), trong khi Phao-lô định nghĩa đức tin cứu rỗi là **"làm nhiều việc phước đức, kíp ban phát và phân chia của mình có, vậy thì đôn chứa về ngày sau một cái nền tốt và bền vững cho mình"** (ITi 6:18-19). Đấng Christ hiến cho người thành Lao-đi-xê một ơn cứu rỗi chân thật, tinh khiết, là ơn sẽ đưa họ vào mối quan hệ thực sự với Ngài.

Thứ hai, Đấng Christ khuyên họ phải mua **áo trắng để mặc vào, và điều xấu hổ về sự trần truồng khỏi lộ ra**. Len màu đen nổi tiếng của Lao-đi-xê tượng trưng cho áo xống tội lỗi, bẩn thỉu mà kẻ chưa được tái sinh đã mặc lấy (Es 64:6; Xa 3:3-4). Ngược lại, Đức Chúa Trời đã mặc cho người được chuộc với loại **áo trắng** (3:4-5; 4:4; 6:11; 7:9, 13-14, đối chiếu Es 61:10), tượng trưng cho những việc công bình đi kèm theo với đức tin cứu rỗi chân chính (19:8).

Sau cùng, Đấng Christ hiến cho họ **thuốc xức mắt để mắt họ có thể nhìn thấy**. Mặc dù họ lấy làm tự hào về tri thức thuộc linh siêu việt cao cấp của họ, thực ra người thành Lao-đi-xê đã bị mù loà về mặt thuộc linh. Tình trạng mù loà tiêu biểu cho sự thiếu hiểu biết và tri thức về lẽ thật thuộc linh (đối chiếu Mat 15:14, 23:16-17, 19, 24, 26; Lu 6:39; Gi 9:40-41; 12:40; Ro 2:19; IICo 4:4; IGi 2:11). Giống như hạng người chưa được tái sinh, người thành Lao-đi-xê cần đến Đấng Christ để **"mở mắt họ, hầu cho họ từ tối tăm mà qua sáng láng, từ quyền lực của quỷ Sa-tan mà đến Đức Chúa Trời, và cho họ bởi đức tin nơi ta được sự tha tội, cùng phần gia tài với các thánh đồ"** (Cong 26:18; đối chiếu IPhi 2:9).

Có người cho rằng lời nói kêu gọi trực tiếp của Đấng Christ với người thành Lao-đi-xê trong câu 19: **"phàm những kẻ ta yêu, thì ta quở trách sửa phạt"**, chỉ ra rằng họ là những người tin Chúa. Tuy nhiên, các câu 18 và 20 dường như thích đáng hơn để chỉ ra rằng họ chưa được tái sinh, đang có cần đến vàng của sự giàu có thuộc linh đích thực, áo xống công bình chân thật, và thuốc xức mắt mang lại sự hiểu biết thuộc linh chân thật (câu 18).

Đấng Christ có một **tình yêu** đặc biệt và độc nhất vô nhị cho kẻ được chọn của Ngài. Tuy nhiên, các phân đoạn Kinh Thánh như Mác 10:21 và Giăng 3:16 cho thấy Ngài cũng yêu thương kẻ chưa được chuộc. Vì người thành Lao-đi-xê bề ngoài được xác định với Hội thánh của Đấng Christ và vương quốc của Ngài, họ đã sống trong bầu khí quyền quan tâm của Ngài. **Quở trách** có nghĩa là phơi bày và thuyết phục. Đây là thuật ngữ chung chung nói tới cách xử sự của Đức Chúa Trời với hạng tội nhân (đối chiếu Gi 3:18-20; 16:8; ICo 14:24; Tit 1:9; Giu 1:15). **Sửa phạt** đề cập đến kỷ luật (đối chiếu Lu 23:16, 22) và được sử dụng trong sự thuyết phục của Đức Chúa Trời đối với những kẻ vô tín (ITi 2:25). Do đó, thuật ngữ của câu 19 không buộc rằng Đấng Christ đề cập hạng tín đồ. Chúa thương xót, dịu dàng kêu gọi những người trong Hội thánh chưa được tái sinh đến với đức tin cứu rỗi, e Ngài lên án và xét đoán họ (đối chiếu Exe 18:30-32; 33:11).

Nhưng để cho người Lao-đi-xê được cứu, họ sẽ phải **sốt sắng** và **ăn năn**. Điều đó tương đương với thái độ khóc lóc về tội lỗi và khao khát sự công bình mà Chúa Jêsus nói đến (Mat 5:4, 6). Trong khi sự ăn năn chưa phải là một việc làm xứng đáng, Tân Ước kêu gọi đến với ơn cứu rỗi bao hàm luôn sự việc ấy (ví dụ Mat 3:2, 8; 4:17; Mac 6:12; Lu 13: 3, 5; 15 :7, 10, Cong 2:38, 3:19; 8:22; 11:18; 17:30; 20:21; 26:20; Ro 2:4; IICo 7:10; ITi 2:25; IIPhi 3: 9). Trong sự ăn năn, tội nhân chuyển từ tội lỗi của mình thành ra sự hầu việc Đức Chúa Trời (ITe 1:9).

Ăn năn có nghĩa là bạn nhận ra mình là một tội nhân tội lỗi, bần thui ở trước mặt Đức Chúa Trời, rằng bạn xứng đáng với cơn thanh nộ và sự trừng phạt của Đức Chúa Trời, rằng bạn bị địa ngục vây lấy. Nói như thế có nghĩa là bạn bắt đầu nhận ra việc này gọi là tội lỗi đang ở trong bạn, để bạn ước ao từ bỏ nó, và xây dựng mình lại với mọi hình dạng và kiểu thức. Bạn đoạn tuyệt với thế gian với mọi giá, thế gian trong tâm trí của bạn và tầm nhìn cũng như thực tế của nó, rồi bạn chối bỏ mình, vác lấy thập tự giá và đi theo Đấng Christ. (D. Martyn Lloyd-Jones, *Studies in the Sermon on the Mount* [Grand Rapids: Eerdmans, 1974], 2:248).

Sứ điệp cho Hội thánh bị hư mất này, cũng như cho hết thảy những ai chưa được cứu, là phải **sốt sắng** theo đuổi **“ăn năn dẫn tới sự sống”** (Cong 11:18).

Đức Chúa Jêsus Christ theo lời mời gọi ăn năn trong câu 19 với một lời mời gọi nhẹ nhàng, duyên dáng trong câu 20. Hội thánh Lao-đi-xê bội đạo chỉ có thể trông mong Đấng Christ đến trong sự phán xét mà thôi. Nhưng thực tế đáng giết mình, được trình bày bởi từ ngữ **Này**, ấy là Đấng Christ **đứng tại cửa của Hội thánh Lao-đi-xê mà gõ**; nếu ai trong hội thánh **nghe tiếng của Ngài và mở cửa cho**, thì **Ngài sẽ vào cùng người ấy, ăn bữa tối với người, và người với Đấng Christ**.

Mặc dù câu này đã được sử dụng trong vô số dữ liệu và sứ điệp truyền giáo để mô tả Đấng Christ đang gõ trên cánh cửa lòng của hạng tội nhân, nó còn rộng bao la hơn thế nữa. Cánh cửa mà Đấng Christ đang gõ không phải là cánh cửa lòng của một con người bình thường, mà là với Hội thánh Lao-đi-xê. Đấng Christ đang đứng ở ngoài Hội thánh bội đạo này và muốn đi vào – là thứ chỉ có thể xảy ra nếu dân sự đã chịu ăn năn.

Trước hết, lời mời là lời mời cá nhân, một khi ơn cứu rỗi là cá nhân. Nhưng Ngài đang gõ nơi cửa của Hội thánh, kêu gọi nhiều người đến với đức tin cứu rỗi, hầu cho Ngài có thể bước vào Hội thánh. Nếu một người (**bất cứ ai**) mở cửa bằng sự ăn năn và đức tin, Đấng Christ sẽ bước vào Hội thánh đó qua cá nhân đó. Hình ảnh Đấng Christ đứng ở ngoài Hội thánh Lao-đi-xê đang tìm lối vào cách mạnh mẽ ám chỉ rằng, không giống như Sắt đen, chẳng có một tín đồ nào ở đó cả.

Lời mời gọi của Đấng Christ muốn **ăn bữa tối** với Hội thánh biết ăn năn nói tới mối thông công, sự giao thông, và sự mật thiết. Dự phần một bữa ăn trong thời xa xưa tượng trưng cho sự hội hiệp của con người trong mối tương giao yêu thương. Những người tin Chúa sẽ dùng bữa tối với Đấng Christ tại tiệc cưới của Chiên Con (19:9) và trong vương quốc ngàn năm bình an (Lu 22:16, 29-30). **Bữa tối** *deipneō*, đề cập đến bữa ăn tối, bữa ăn cuối cùng trong ngày (đối chiếu Lu 17:8; 22:20; ICo 11:25, ở đây tiếng Hy-lạp là "cơm tối", "bữa cơm tối" và "dùng cơm tối"). Đức Chúa Jêsus Christ giục giã họ ăn năn và có mối giao thông với Ngài trước khi đem phán xét giáng xuống và đã quá trễ cho đến đời đời.

MƯỜI LUẬN

“Kẻ nào thắng, ta sẽ cho ngồi với ta trên ngai ta, như chính ta đã thắng và ngồi với Cha ta trên ngai Ngài. Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh!” (Kh 3:21-22)

Lời hứa tuyệt diệu cho **kẻ nào thắng** (hết thấy những người tin Chúa, 2:7, 11, 26, 3:5, 12; I Giăng 5:5) ấy là Đấng Christ sẽ **cho người ngồi với Ngài trên ngai Ngài**, y như **Ngài đã thắng và ngồi với Cha trên ngai Ngài**. Để thưởng thức mối giao thông với Đấng Christ trong vương quốc và suốt cõi đời đời là đủ phước hạnh vượt quá mọi sự hiểu biết. Nhưng Đấng Christ còn hiến cho nhiều hơn thế, Ngài hứa chỗ ngồi cho người tin Chúa trên ngai Ngài dự phần với Đức Chúa Cha (đối chiếu Mat 19:28, Lu 22:29-30). Điều đó tượng trưng cho lẽ thật cho rằng chúng ta sẽ đồng trị với Ngài (II Ti 2:12; Kh 5:10, 20:6; đối chiếu I Co 6:3).

Quyền ngồi với Đấng Christ trên ngai của Ngài ở trên trời chỉ là một trong nhiều lời hứa được lập cho những kẻ thắng trong các thư tín gửi cho bảy Hội thánh. Những kẻ thắng cũng được hứa cho đặc ân ăn uống từ cây sự sống (2:7), mào triều thiên của sự sống (2:10), bảo vệ khỏi lần chết thứ hai (2:11), ma-na kín giấu (2:17), hòn sỏi trắng với tên mới viết trên đó (2:17), quyền cai trị các nước (2:26-27), ngai sao mai (2:28), áp trắng, tiêu biểu cho sự thanh sạch và thánh khiết (3:5), vinh dự được Đấng Christ xưng danh trước mặt Đức Chúa Cha và các thiên sứ thánh trên thiên đàng (3:5), được làm cột trụ trong đền của Đức Chúa Trời (3:12) và danh Đức Chúa Trời, và danh của Giê-ru-sa-lem mới, và danh Đấng Christ được viết trên người (3:12).

Giống như sáu thư tín kia, thư tín gửi cho người Lao-đi-xê kết thúc với lời khuyên của Đấng Christ, **Ai Có Tai Hãy Nghe Lời Đức Thánh Linh Phán Cùng Các Hội Thánh**. Sứ điệp gửi cho Hội thánh bội đạo rất rõ ràng: hãy ăn năn, và mở lòng ra với Đấng Christ trước khi đem phán xét giáng xuống. Hàm ý cho các tín đồ chân thật là, giống như Đấng Christ, với lòng thương xót chúng ta phải kêu gọi những người trong Hội thánh bội đạo phải ăn năn và nhận lãnh ơn cứu rỗi trong Đức Chúa Jêsus Christ (đối chiếu Giu 1:23).

Chuyến Đi Lên Trời

(Kh 4:1-11)

11

“Kể đó, tôi nhìn xem, này, một cái cửa mở ra trên trời; và tiếng thứ nhất mà tôi đã nghe nói với tôi, vang rầm như tiếng loa, phán cùng tôi rằng: Hãy lên đây, ta sẽ cho ngươi thấy điều sau này phải xảy đến. Tức thì tôi bị Thánh Linh cảm hóa; thấy một ngôi đặt tại trên trời, trên ngôi có một Đấng đang ngồi đó. Đấng ngồi đó rực rỡ như bích ngọc và mã não; có cái móng đáng như lục bửu thạch bao chung quanh ngôi. Chung quanh ngôi lại có hai mươi bốn ngôi; trên những ngôi ấy tôi thấy hai mươi bốn trưởng lão ngồi, mặc áo trắng và đầu đội mão triều thiên vàng. Từ ngôi ra những chớp nhoáng, những tiếng cùng sấm; và bảy ngọn đèn sáng rực thấp trước ngôi: đó là bảy vị thần của Đức Chúa Trời. Trước ngôi có như biển trong ngần giống thủy tinh, còn chính giữa và chung quanh có bốn con sanh vật, đằng trước đằng sau chỗ nào cũng có mắt. Con sanh vật thứ nhất giống như sư tử, con thứ nhì như bò đực, con thứ ba mặt như mặt người, con thứ tư như chim phụng hoàng đang bay. Bốn con sanh vật ấy mỗi con có sáu cánh, chung quanh mình và trong mình đều có mắt; ngày đêm lúc nào cũng nói luôn không dứt: Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Chúa, là Đức Chúa Trời, Đấng Toàn năng, Trước Đã Có, Nay Hiện Có, Sau Còn Đến! Khi các sanh vật lấy những sự vinh hiển, tôn quý, cảm tạ mà dâng cho Đấng ngự trên ngôi là Đấng hằng sống đời đời, thì hai mươi bốn trưởng lão sắp mình xuống trước mặt Đấng ngự trên ngôi, và thờ lạy Đấng hằng sống đời đời; rồi quăng mão triều thiên mình trước ngôi mà rằng: Lạy Đức Chúa Trời là Chúa chúng tôi, Chúa đáng được vinh hiển, tôn quý và quyền lực; vì Chúa đã dựng nên muôn vật, và ấy là vì ý muốn Chúa mà muôn vật mới có và đã được dựng nên” (Kh 4:1-11)

Có một sự ham thích chưa từng có trong thời buổi này về đời sau giữa vòng Cơ đốc nhân và những ai không phải là Cơ đốc nhân. Các quyển sách nói về các kinh nghiệm sau – hay gần -- chết và về các thiên sứ đứng đầu danh sách bán chạy nhất. Các chương trình truyền hình khám phá lãnh vực kín nhiệm về cõi siêu nhiên, thường nhắm vào các thiên sứ và những điều họ làm với con người. phần nhiều người, cả những người xưng mình là Cơ đốc nhân và những người không phải là Cơ đốc nhân, đều xưng mình đã đến viếng thiên đàng rồi quay trở lại để thuật lại về những trải nghiệm của họ.

Ngược lại với những sự huyền ảo, kỳ quái, thường ngớ ngẩn của những người dám xưng mình đã viếng qua thiên đàng (mà tôi đã chỉ trích trong các quyển sách của tôi *Charismatic Chaos* [Grand Rapids: Zondervan, 1992] và *The Glory of Heaven* [Wheaton, Ill.: Crossway, 1996]), Kinh Thánh ghi lại những câu chuyện nói tới hai người thực sự đã được đưa đến đó trong các sự hiện thấy. Trong II Côrinhtô 12, sứ đồ Phaolô viết về việc được đưa đến tầng trời thứ ba (nơi ngự của Đức Chúa Trời). Nhưng ông đã bị cấm không được nói về những gì ông nhìn thấy ở đó (II Co 12:4).

Sứ đồ Giăng cũng có đặc ân vô giá khi viếng qua thiên đàng. Không giống như Phaolô, Giăng đã được phép cung ứng phần mô tả chi tiết về sự mặc thị của ông, mà ông đã làm trong các chương 4 và 5 của sách Khải huyền. Trong hai chương đó, Giăng ghi lại sự mặc thị thứ nhì mà ông đã xem thấy, mặc thị thứ nhứt là sự hiện thấy của ông về Đức Chúa Jêsus Christ đã được tôn vinh hiển ở 1:12-17. Kinh thánh đề cập đến thiên đàng hơn năm trăm lần, và những người khác, như Phaolô (II Côrinhtô 12) và Ê-xê-chi-ên (Ê-xê-chi-ên 1), đã ghi ra các phần mô tả về thiên đàng. Tuy nhiên, phần mô tả của Giăng ở các chương 4 và 5 là trọn vẹn và đầy đủ thông tin trong cả Kinh thánh. Được hỗ trợ bởi vị sứ đồ yêu dấu, độc giả có được những

đặc điểm vượt trội của lãnh vực đời này, nắm bắt được những thực tại nói tới thiên đàng đời đời. Qua sự mặc thị của Giảng, các tín đồ có đặc quyền xem trước chỗ mà họ sẽ sống cho đến đời đời.

Sự xuất hiện lần đầu tiên của cụm từ **kế đó** (câu 1) liên quan đến trình tự riêng của Giảng. Cần phải lưu ý rằng sự mặc thị thứ nhì này nối theo liền sau sự mặc thị của Giảng về Đấng Christ phục sinh, được tôn vinh hiển (1:9-20) và các thư tín gửi cho bảy Hội thánh (2:1-3:22). Cụm từ **kế đó** được sử dụng khắp sách Khải huyền để đánh dấu phần bắt đầu của một sự hiện thấy mới (đối chiếu 7:9; 15:5; 18:1; 19:1).

Sự xuất hiện lần thứ hai **kế đó** liên quan đến niên đại của Đức Chúa Trời. Cách sử dụng cụm từ này đánh dấu một sự chuyển đổi quan trọng của sách Khải huyền từ kỷ nguyên Hội thánh ("những việc nay hiện có", 1:19), được mô tả trong các chương 2-3, đến phân đoạn lớn thứ ba của quyền sách ("những việc sau sẽ đến", 1:19), được tìm thấy trong chương 4-22. Bối cảnh chuyển từ các vấn đề liên quan đến Hội thánh (những điều không có chỗ nào nhắc tới trong các chương 4-19) trên đất đến một bối cảnh đầy kịch tính ở trên trời. Bối cảnh đó tập trung vào ngai Đức Chúa Trời và hình thành phần khai mào cho các biến cố lịch sử trong tương lai (con đại nạn, vương quốc thiên hi niên và trạng thái đời đời) được mở ra ở các chương 6-22. Trong việc giữ lấy lời hứa của Chúa buông tha Hội thánh của Ngài khỏi giờ thử thách (sự đổ ra cơn thanh nộ trước khi Chúa tái lâm) được ban ra ở 3:10, Hội thánh sẽ được cất lên trước thời kỳ của cơn đại nạn (được mô tả chi tiết ở các chương 6-19) bắt đầu.

Như Giảng đã **nhìn xem**, với sự kinh ngạc của ông (được chỉ ra bởi tiếng la lên **này**), ông đã thấy **một cái cửa mở ra trên trời** (đối chiếu Exe1:1; Cong 7:56). Cái cửa đã mở ra rồi công nhận Giảng bước vào **tầng trời** thứ ba (đối chiếu IICo 12:2; hữu thể thứ nhứt bầu khí quyển trái đất và khoảng không gian thứ nhì liên hành tinh và giữa các vì sao) — đến chính gian phòng của Đức Chúa Trời. Đó là **tầng trời** mà Đấng Christ đã thăng thiên về đó sau khi Ngài phục sinh và từ đó Ngài đã ngự ở bên hữu Đức Chúa Trời (Gi 14:2-3; Cong 1:9-11; 3:20-21; 7:55-56; Ro 10:6; Co 3:1; ITe 4:16). Thiên đàng trở thành điểm nhấn của Giảng trong hầu hết phần còn lại của sách Khải Huyền.

Sau khi xem thấy cánh cửa mở, **tiếng thứ nhất** mà Giảng **đã nghe được** là giọng nói quen thuộc **giống như tiếng loa** đã nói với ông trong sự mặc thị thứ nhứt của ông (1:10). Như đã lưu ý trong phần bàn bạc phân đoạn ở chương 3 của loạt bài này, đây là tiếng của Đức Chúa Jêsus Christ đã phục sinh và đã được tôn vinh hiển. Tiếng của Ngài được ví như **tiếng loa** vì chất lượng chỉ huy, có uy quyền. Đặc biệt Chúa truyền cho Giảng **phải lên đây**, nghĩa là lên trời. Giảng không bị cuốn vào một ảo tưởng huyền bí, nhưng được chuyển đi về mặt thuộc linh bước vào thực tại của thiên đàng. Có người nhìn thấy trong mạng lịnh này là tham khảo đến sự cất lên của Hội thánh. Tuy nhiên, câu này không mô tả Hội thánh thăng thiên về trời trong sự phục sinh vinh hiển, mà là Giảng lên trời để tiếp nhận sự mặc thị.

Lẽ đạo trung tâm sự mặc thị của Giảng là ngai của Đức Chúa Trời, được nhắc tới mười một lần trong chương này. Mọi đặc điểm của chương có thể được tóm lược chiếu theo cách chúng có liên quan đến ngai vinh hiển thiêng liêng. Sau khi mô tả ngai ấy, Giảng thuật lại cho chúng ta biết ai đang ngự trên ngai, việc gì đang xảy ra ở quanh ngai, điều chi ra từ ngai, điều chi đứng trước ngai, ai đang đứng ở trung tâm và xung quanh ngai, và điều gì hướng về phía ngai.

NGAI

Tức thì tôi bị Thánh Linh cảm hóa; thấy một ngai đặt tại trên trời, (Kh 4:2a)

Hầu hết nhiều người ngày nay, họ xưng mình có những sự hiện thấy về thiên đàng có khuynh hướng thường nhấn mạnh đến sự tầm thường và kỳ quái. Nhưng sự hiện thấy của Giảng tập trung vào ngai vinh hiển của Đức Chúa Trời và sự oai nghi không thể nói xiết của Đấng đang ngự trên ngai đó. Khi ông được đưa ra khỏi chiều kích của không gian và thời gian quen thuộc rồi đến từng trời có sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong quyền phép của **Đức Thánh Linh** (đối chiếu 1:10), Giảng lấy làm kinh ngạc và sửng sốt bởi những gì ông đã xem thấy, khiến ông phải thốt lên **kìa**.

Nguyên nhân sự kinh ngạc của Giăng, ấy là ông đã nhìn thấy **một ngôi đặt tại trên trời là ngai của Đức Chúa Trời**. Đây chẳng phải là mẫu trưng bày đâu, mà là một biểu tượng cho uy quyền tối cao của Đức Chúa Trời (đối chiếu Thi 11:4; 103:19; Es 66:1) đặt trong đền thờ ở trên trời (đối chiếu 7:15; 11:19; 14:15, 17; 15:6–8; 16:17). Theo Kh 21:22 đền thờ trên trời không phải là một toà nhà: **“Chúa là Đức Chúa Trời Toàn Năng và Chiên Con”** là đền thờ. Cách sử dụng thuật ngữ đền thờ tiêu biểu cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Ngài được nói tới là **đặt**, vì sự tể trị tối cao của Đức Chúa Trời là ổn định, thường trực, và bất di dịch. Một sự hiện thấy về ngai bất động của Đức Chúa Trời tỏ ra Ngài đang nắm lấy quyền cai trị vũ trụ thường trực, không thay đổi và trọn vẹn. Đây là sự nhận biết đầy khích lệ theo ánh sáng của các biến cố kinh khiếp của kỳ tận thế sắp sửa được bày ra (các chương 6–19). Đồng thời, Êsai đã được yên ủi trong suốt thời kỳ khủng khiếp trong lịch sử Israel do ông nhìn thấy sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (Êsai 6).

NGÔI TRÊN NGAI

trên ngôi có một Đấng đang ngồi đó. Đấng ngồi đó rực rỡ như bích ngọc và mã não; (Kh 4:2b-3a)

Các thể lực bất thường, đàn độn, không chủ đích của cơ hội ngẫu nhiên, như nhiều người tin theo cách đại dốt, không cai quản vũ trụ đâu. Thay vì thế, Đấng Tạo Hóa Chí Cao, Toàn Năng đang ngồi trên Ngai của Ngài trong vai trò Đấng Tể Trị của nó. Không như cách sử dụng trong tiếng Hy-bá-lai (đối chiếu He 1:3; 10:12; 12:2), ở đó nó mô tả thái độ yên nghỉ của Đấng Christ, từ ngữ ngồi ở đây chỉ ra tư thế đang tể trị. Tư tưởng không phải là yên nghỉ vì công tác cứu chuộc đã được hoàn thành, nhưng đang trị vì vì sự phán xét sắp sửa diễn ra.

Mặc dù Giăng không nói tới danh của Đấng đang ngồi trên ngai, Ngài là ai thì rất là rõ ràng. Ngài là Đấng mà Êsai đã nhìn thấy trong sự hiện thấy của ông: “Tôi thấy Chúa ngồi trên ngôi cao sang, vạt áo của Ngài đầy đầy đền thờ” (Es 6:1). Tiên tri Michê cũng đã nhìn thấy Ngài ngồi trên ngai vinh hiển của Ngài: “Tôi thấy Đức Giê-hô-va ngự trên ngôi Ngài và cả cơ binh trên trời đứng chầu Ngài bên hữu và bên tả” (IVua 22:19). Tác giả Thi thiên tuyên bố: “Đức Chúa Trời cai trị các nước, Đức Chúa Trời ngự ngôi thánh Ngài” (Thi 47:8). Đaniên cũng đã nhìn thấy một mặc thị nói tới phòng có ngai ở trên trời:

“Ta nhìn xem cho đến chừng các ngôi đã đặt, và có Đấng Thượng Cổ ngồi ở trên. Áo Ngài trắng như tuyết, và tóc trên đầu Ngài như lông chiên sạch. Ngôi Ngài là những ngọn lửa, và các bánh xe là lửa hừng. Trước mặt Ngài, một sông lửa chảy ra và tràn lan; ngàn ngàn hầu hạ Ngài và muôn muôn đứng trước mặt Ngài. Sự xét đoán đã sẵn, và các sách mở ra” (Da 7:9-10)

Nhưng có lẽ cái nhìn chi tiết nhất vào Đức Chúa Trời đang ngự trên ngôi của Ngài trên trời ngoài sách Khải huyền đã được cung ứng cho bởi Ê-xê-chi-ên:

“Bên trên vòng khung giải trên đầu các vật sống, có hình như cái ngai, trạng nó như là bích ngọc; trên hình ngai ấy có hình như người ở trên nó. Trong ngai và mọi nơi chung quanh, ta cũng thấy như đồng bóng nhoáng, giống lửa, từ trạng ngang lưng người ấy trở lên; và từ trạng ngang lưng trở xuống, ta thấy như lửa sáng hừng chung quanh. Ánh sáng thấy chung quanh đó giống như ánh sáng của cái mống trong mây khi đang mưa. Ấy là tỏ ra hình trạng của sự vinh quang Đức Giê-hô-va. Ta thấy thì sắp mặt xuống, và nghe tiếng của một Đấng phán cùng ta” (Exe 1:26-28).

Trong sự đối chiếu sâu sát với các câu chuyện tự nhiên, xác xược, kiêu căng, hầu hết là phạm thượng của những kẻ ngày nay dám xưng mình có những sự hiện thấy về Đức Chúa Trời, Êsai (Es 6:5), Ê-xê-chi-ên (Exe 1:28), và Đaniên (Da 7:15) đều lấy làm kinh khủng và hạ mình xuống bởi các sự hiện thấy của họ.

Giăng mô tả **Đấng đang ngồi trên ngôi rực rỡ như bích ngọc và mã não** ở bề ngoài. Sự mô tả ấy gợi nhớ lại sấm chớp loé sáng, lửa cháy rực lên và đủ thứ màu sắc sống động trong sự hiện thấy của Ê-xê-chi-ên. Kh 21:11 mô tả **bích ngọc** là “tinh thể trong suốt”; vì vậy, xác định loại đá này như một viên kim

cương là đúng nhất. Mọi góc cạnh sáng lấp lánh sự vinh hiển của Đức Chúa Trời được sánh với một viên kim cương, chói lọi phản chiếu những màu sắc của quang phổ. **Mã não**, từ đó thành phố Sạt-đe có tên đó, là một loại ngọc màu đỏ bốc lửa. Nó cũng thể hiện vẻ đẹp sáng lấp lánh sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, và cũng có thể tượng trưng cho cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời, sắp sửa đổ ra giáng trên thế gian loạn nghịch, tội lỗi (các chương 6-19).

Có thêm một biểu tượng nữa trong việc lựa chọn hai loại đá này. **Bích ngọc** và **mã não** là loại đá đầu tiên và cuối cùng trên bảng đeo ngực của thầy tế lễ thượng phẩm (Xu 28:17-20, "mã não", "bích ngọc"), tượng trưng cho con đầu lòng (Ru-bên) và con út (Bên-gia-min) của Gia-cóp.

Có thể là các loại đá ấy mô tả mối quan hệ giao ước của Đức Chúa Trời với Israel; cơn thanh nộ và sự phán xét của Ngài sẽ không làm tiêu trừ mối quan hệ đó. Thực vậy, chính trong kỳ Đại Nạn, qua mọi nỗ lực sốt sắng truyền giáo của 144.000 người (Kh 7:3...), "cả dân Israel sẽ được cứu" (Ro 11:26). Cũng có thể là tên của Ru-bên ("kìa, một đứa trai") và Bên-gia-min ("con trai của tay hữu ta") phác họa Con của Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Jêsus Christ, đang ngồi bên tay hữu của Đức Chúa Trời trong sự vinh hiển.

Sự mặc thị của Giăng về ngai của Đức Chúa Trời không phải là một sự mặc thị nói tới sự bình an và yên ủi đâu. Sự oai nghi, chớp nháng, vinh hiển của nó tỏ ra những sự kinh khiếp trong cơn phán xét của Đức Chúa Trời. Thực sự: "Đức Chúa Trời của chúng ta là đám lửa hay thiêu đốt" (He 12:29; đối chiếu Phu 4:24).

CHUNG QUANH NGAI

có cái móng dáng như lục bửu thạch bao chung quanh ngai. Chung quanh ngai lại có hai mươi bốn ngai; trên những ngai ấy tôi thấy hai mươi bốn trưởng lão ngai, mặc áo trắng và đầu đội mão triều thiên vàng. (Kh 4:3b-4)

Ngoài phần mô tả của ông về ngai, ông mô tả những gì hiện có ở xung quanh ngai ấy, Giăng lưu ý trước tiên những gì có ở chung quanh ngai đó có cái móng bao chung quanh ngai. Giăng mô tả cái móng đó giống như lục bửu thạch cho thấy rằng màu lục là màu chính. Cái móng này một lần nữa được giới thiệu tỏ ra sự vinh hiển nhiều sắc màu rực rỡ của Đức Chúa Trời (đối chiếu Exe 1:28). Cái móng cung ứng một sự cân đối khích lệ với những chớp nháng dữ dội của sự phán xét được xem trước phát ra từ ngoài của Đức Chúa Trời. Theo Sa 9:13-17, cái móng tượng trưng cho giao ước, sự thành tín, ơn thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời. Các thuộc tánh của Đức Chúa Trời luôn luôn tác động với một sự hài hoà trọn vẹn. Cơn thanh nộ của Ngài không hề tác động với phí tổn sự thành tín của Ngài; các sự phán xét của Ngài không bao giờ dứt bỏ các lời hứa của Ngài. Quyền phép và sự thánh khiết của Đức Chúa Trời sẽ khiến cho chúng ta phải sống trong sự kinh hãi khôn khổ nếu không có sự thành tín và ơn thương xót của Ngài. Đức Chúa Trời đã phán về dân sót trung tín của Israel, họ e sợ bị quét sạch trong sự phán xét của Ngài đối với xứ sở: "Những kẻ ấy sẽ thuộc về ta, làm cơ nghiệp riêng của ta trong ngày ta làm; và ta sẽ tiếc chúng nó như một người tiếc con trai mình hầu việc mình" (Ma 3:17).

Giăng cũng đã nhìn thấy ở chung quanh ngai hai mươi bốn ngai; trên những ngai ấy tôi thấy hai mươi bốn trưởng lão ngai, mặc áo trắng và đầu đội mão triều thiên vàng. Lai lịch của hai mươi bốn trưởng lão đã bị tranh cãi nhiều. Trong khi có người xem họ là một thứ bậc các hữu thể thuộc hàng thiên sứ, dường như tốt nhất là xem họ là các đại biểu con người trong Hội thánh. Một vài hàng chứng cứ chỉ ra phân kết luận đó.

Thứ nhất, phần tham khảo đến hai mươi bốn ngai, ngai trên đó là hai mươi bốn trưởng lão chỉ ra rằng họ đang trị vì cùng với Đấng Christ. Không một chỗ nào trong Kinh Thánh nói các thiên sứ đang ngồi trên ngai, họ cũng không được phác họa là đang cai trị hay trị vì.

Vai trò của họ khi phục vụ là “thần hầu việc Đức Chúa Trời, đã được sai xuống để giúp việc những người sẽ hưởng cơ nghiệp cứu rỗi hay sao” (He 1:14; đối chiếu Mat 18:10). Mặt khác, Hội thánh đã được hứa cho là sẽ đồng trị với Đấng Christ (2:26–27; 3:21; 5:10; 20:4; Mat 19:28; Lu 22:30; ICo 6:2–3; IITi 2:12).

Presbuteroi (trưởng lão) chưa hề được sử dụng trong Kinh Thánh đề cập đến hàng thiên sứ, mà luôn đề cập đến con người. Từ này thường nói tới những người lớn tuổi nói chung, và các bậc cầm quyền của cả hai: Israel và Hội thánh. Chẳng có một sự tranh cãi nào khi sử dụng presbuteroi ngoài sách Khải huyền đề cập đến hàng thiên sứ. (Có người tin rằng “trưởng lão” trong Es 24:23 đề cập đến hàng thiên sứ, nhưng nó cũng đề cập đến con người). Thêm nữa, “trưởng lão” không phải là từ ngữ thích hợp để mô tả hàng thiên sứ, họ chẳng có tuổi.

Trong khi các thiên sứ xuất hiện trong màu trắng (thí dụ, Gi 20:12; Cong 1:10), áo trắng thường là áo của người tin Chúa. Đặc biệt, đó là sự thực trong văn mạch của sách Khải huyền. Đấng Christ hứa với các tín đồ tại thành Sạt-đê rằng họ sẽ “được mặc áo trắng” (3:5). Ngài khuyên người thành Lao-đi-xê bội đạo nên “mua những áo trắng, hầu cho người được mặc vào” (3:18). Ở tiệc cưới Chiên Con, Cô Dâu của Ngài sẽ “mặc áo sáng láng tinh sạch bằng vải gai mịn” (19:8). Áo trắng tiêu biểu cho sự công bình của Đấng Christ được gán cho người tin Chúa khi được cứu.

Các vị trưởng lão đội mũ triều thiên vàng trên đầu cung ứng thêm bằng chứng cho thấy rằng họ là những con người. Các thứ mũ triều thiên chưa hề được hứa trong Kinh Thánh cho hàng thiên sứ, các thiên sứ cũng chưa ai thấy họ đội mũ triều thiên bao giờ. Stephanos (mũ triều thiên) là mũ của người chiến thắng, những kẻ chịu đựng nổi thử thách, những người nào đua tranh và đạt được chiến thắng. Đấng Christ đã hứa một mũ triều thiên như thế cho các tín hữu trung thành ở Si-mi-ec-nơ: “Khả giữ trung tín cho đến chết, rồi ta sẽ ban cho người mũ triều thiên của sự sống” (2:10). Phaolô viết: “Hết thấy những người đua tranh, tự mình chịu lấy mọi sự kiêng kỵ, họ chịu vậy để được mũ triều thiên hay hư nát [stephanos]. Nhưng chúng ta chịu vậy để được mũ triều thiên không hay hư nát” (ICo 9:25). Ông viết về mũ triều thiên không hay hư nát đó một lần nữa ở IITi 4:8: “Hiện nay mũ triều thiên của sự công bình đã để dành cho ta; Chúa là quan án công bình, sẽ ban mũ ấy cho ta trong ngày đó, không những cho ta mà thôi, nhưng cũng cho mọi kẻ yêu mến sự hiện diện của Ngài”. Giacô đã viết về “mũ triều thiên của sự sống mà Đức Chúa Trời đã hứa cho kẻ kính mến Ngài” (Gia 1:12), và Phierơ viết về “mũ triều thiên vinh hiển, chẳng hề tàn héo” (IPhi 5:4).

Các thiên sứ thánh về mặt cá nhân không đua tranh với và thắng hơn tội lỗi; vì vậy, mũ triều thiên của người nào thắng, mũ triều thiên của những ai thành công chạy cuộc đua rồi về đích đắc thắng, sẽ không thích ứng dành cho họ.

Như vậy, giả sử rằng, hai mươi bốn trưởng lão đều là con người, thắc mắc vẫn là con người nào mà họ đại diện cho ở đây?! Thứ nhất, cần phải để ý rằng con số 24 được sử dụng trong Kinh Thánh để nói tới sự trọn vẹn và sự tượng trưng. Có hai mươi bốn chức sắc của nơi thánh tiêu biểu cho 24 dòng thầy tế lễ thuộc họ Lê-vi (ISu 24:4-5, 7-18), cũng như 24 ban hát trong đền thờ (I Sứ ký 25). Dù hai mươi bốn trưởng lão có là ai đi nữa, khi ấy, họ tiêu biểu cho một nhóm đông người hơn.

Có người tin rằng các trưởng lão tiêu biểu cho Israel. Nhưng trong khi các cá nhân Do-thái đã và sẽ tiếp tục được cứu chuộc xuyên suốt lịch sử, vào thời điểm của sự hiện thấy này, dân tộc là một tổng thể vẫn chưa được cứu chuộc. Sự phán xét và cứu rỗi dân tộc của họ (Ro 11:26) xảy ra trong suốt Kỳ Đại Nạn (các chương 6-19), phần lớn là kết quả của mọi nỗ lực truyền giáo của 144.000 người (được giới thiệu ở chương 7). Khi hai mươi bốn trưởng lão được giới thiệu lần thứ nhất, các sự kiện này vẫn chưa diễn ra.

Tương tự, các trưởng lão không thể là các thánh đồ trong Kỳ Đại Nạn, một khi họ vẫn chưa trở lại đạo. Các trưởng lão có mặt rồi trên trời khi các thánh đồ trong Kỳ Đại Nạn về đến. Kh 7:11-14 mô tả bối cảnh:

“Và, hết thầy thiên sứ đứng vòng chung quanh ngôi và chung quanh các trưởng lão cùng bốn con sanh vật, sắp mặt xuống trước ngôi, và thờ lạy Đức Chúa Trời, mà rằng: A-men! Sự ngợi khen, vinh hiển, khôn ngoan, chúc tạ, tôn quý, quyền phép và sức mạnh đều về Đức Chúa Trời chúng ta đời đời vô cùng! A-men. Bấy giờ một trưởng lão cất tiếng nói với tôi rằng: những kẻ mặt áo dài trắng đó là ai, và bởi đâu mà đến? Tôi thưa rằng: Lạy chúa, chúa biết điều đó. Người lại phán cùng tôi rằng: Đó là những kẻ ra khỏi cơn đại nạn, đã giặt và phiếu trắng áo mình trong huyết Chiên Con”.

Các trưởng lão cũng được thấy ở trên trời khi các biến động khác của Kỳ Đại Nạn diễn ra, tỉ như khi các nước trần gian trở thành Vương quốc của Đấng Christ (11:15-18), khi 144.000 người nhóm lại trên Núi Si-ôn (14:1-3), và khi Đức Chúa Trời huỷ diệt hệ thống kinh tế và tôn giáo của người Ba-by-lôn (19:1-4).

Có người phân hai mươi bốn trưởng lão ra thành hai nhóm, mỗi nhóm 12 người, nhóm này tiêu biểu cho Hội thánh và nhóm kia tiêu biểu cho Israel. Tuy nhiên, chẳng có lý do thuyết phục nào khi chú giải như thế trong việc phân tách họ ra thế ấy. Với đáng đáp của họ trong sách Khải huyền, họ xuất hiện như một nhóm thống nhất 24 người, chớ không hề là 2 nhóm 12 người bao giờ.

Như vậy, không phù hợp khi cho hai mươi bốn trưởng lão đều là thiên sứ, hoặc cho là họ tiêu biểu cho Israel, các thánh đồ trong Kỳ Đại Nạn, hay một sự kết hợp của Israel và Hội thánh. Chỉ còn có một lý do khả thi có thể chấp nhận được, ấy là họ tiêu biểu cho Hội thánh đã được cất lên, đã được tôn vinh hiển, đã đăng quang, họ hát lên bài ca cứu chuộc (5:8-10). Họ có mào triều thiên của họ và đang sống trong chỗ đã được sắm sẵn cho họ, họ đã đi ở với Chúa Jêsus tại đó (đối chiếu Gi 14:1-4).

TỪ NGÔI RA

Từ ngôi ra những chớp nhoáng, những tiếng cùng sấm; (Kh 4:5a)

Tuôn tràn ra từ sự hiện diện của Đức Chúa Trời, được tượng trưng bằng ngai, Giăng nhìn thấy một nhân vật đi trước đám cháy cơn thanh nộ thiêng liêng sắp sửa nổ ra giáng trên thế gian tội lỗi. Chớp nhoáng, những tiếng cùng sấm được kết hợp với sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong Xu 19:16 và Exe 1:13. Chúng cũng được kết hợp với sự phán xét của Đức Chúa Trời trong Kỳ Đại Nạn. Trong Kh 8: 5: “Thiên sứ lấy hương, dùng lửa nơi bàn thờ bỏ đầy vào, rồi quăng xuống đất; liền có sấm sét, các tiếng, chớp nhoáng và đất động”. Trong Kh 11:19: “Đền thờ Đức Chúa Trời bèn mở ra ở trên trời, hòm giao ước bày ra trong đền thờ Ngài, rồi có chớp nhoáng, tiếng, sấm sét, động đất và mưa đá lớn”. Khi vị thiên sứ thứ bảy đổ bát mình ra liền có “chớp nhoáng, tiếng rầm, sấm vang” (6:18). Giăng nhìn xem trước cơn thanh nộ thiêng liêng sẽ được đổ ra trên trái đất, được mô tả trong các chương 6-19.

TRƯỚC NGÔI

và bảy ngọn đèn sáng rực thấp trước ngôi: đó là bảy vì thần của Đức Chúa Trời. Trước ngôi có như biển trong ngần giống thủy tinh, (Kh 4:5b-6a)

Khi ông nhìn xem bối cảnh trên trời, Giăng nhìn thấy hai thứ **trước ngôi**. Thứ nhứt là **bảy ngọn đèn sáng rực**. Không giống như các chân đèn được nhắc tới ở 1:12-13, đây là những ngọn đuốc đặt ngoài trời, không cung ứng thứ ánh sáng mềm mại, nhẹ nhàng của ngọn đèn đặt ở trong nhà, mà là một ngọn đuốc sáng rực. Giăng xác định chúng là **bảy vì thần của Đức Chúa Trời**. Như đã lưu ý trong phần bàn luận 1:4 trong chương 1 của sách này, cụm từ đó mô tả Đức Thánh Linh trong mọi sự đầy dẫy của Ngài (đối chiếu Es 11:2; Xa 4:1-10). Sự tiêu biểu bảy lần của Đức Thánh Linh trong Ê-sai nói tới sự khôn ngoan, hiểu biết, mưu luận, sức mạnh, tri thức, sự tôn trọng, và thần thánh; trong Xa-cha-ri nói tới quyền năng; trong Kh 1:4 nói tới ân

điền và sự bình an; và ở đây là sự xét đoán dữ dội. Những ngọn đuốc được kết hiệp với chiến tranh trong Cac 7:16, 20 và Na 2:3-4. Sự hiện thấy của Giăng mô tả Đức Chúa Trời đang sẵn sàng lâm chiến vì nhân loại tội lỗi, loạn nghịch và Đức Thánh Linh là ngọn đuốc chiến tranh của Ngài. Đáng Yên Ủi của những ai kính mến Đáng Christ sẽ là Đáng Thiêu Đốt những kẻ nào chối bỏ Ngài.

Cũng ở phía trước ngai của Đức Chúa Trời **có như biển trong ngân giống thủy tinh**. Biển ấy có tính cách ẩn dụ, một khi chẳng có biển nào ở trên trời cả (21:1). Những gì Giăng thấy dưới bệ ngai là một mặt đường rộng lớn, sáng rực như thủy tinh lấp lánh. Xuất Êdíp-tô ký 24:10 ghi lại một bối cảnh tương tự khi Môi-se, A-rôn và các trưởng lão của Y-sơ-ra-ên **“ngó thấy Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, dưới chân Ngài có một vật giống bích ngọc trong ngân, khác nào như sắc trời thanh-quang”** (đối chiếu Exe 1:22, 26). Thiên đàng không phải là một thế giới đầy bóng sương mù và những hiện thân không rõ ràng. Đó là một thế giới rực rỡ sáng láng, khúc xạ và chiếu sáng xuyên qua các đồ trang sức và thủy tinh trong một tư thế trỗi hơn khả năng mô tả và suy tưởng của chúng ta (Kh 21:10-11, 18).

TRONG VÀ QUANH NGÔI

còn chính giữa và chung quanh có bốn con sanh vật, đằng trước đằng sau chỗ nào cũng có mắt. Con sanh vật thứ nhất giống như sư tử, con thứ nhì như bò đực, con thứ ba mặt như mặt người, con thứ tư như chim phụng hoàng đang bay. Bốn con sanh vật ấy mỗi con có sáu cánh, chung quanh mình và trong mình đều có mắt (Kh 4:6b-8a)

Phân đoạn Kinh Thánh này giới thiệu **bốn con sanh vật**, chúng sẽ đóng một vai trò quan trọng trong những biến cố được mặc khải trong sách Khải huyền. Chúng được nhắc tới ở cả hai nơi: **chính giữa và xung quanh ngai**, ý nói vị trí của chúng nằm ở vòng trong gần ngai. Phân đoạn Kinh Thánh tương tự ở Exe 1:12, 17 gợi ý chúng liên tục tự chuyển động. Phần phiên dịch **sanh vật** là chỗ dễ gây hiểu nhầm, một khi đây chẳng phải là động vật. Cụm từ này rút ra từ một chữ duy nhất trong bản văn Hy-lạp, dạng danh từ của động từ *zaō*, nghĩa là "sống".

Ê-xê-chi-ên cung ứng một phần mô tả chi tiết các vật sống này và về sự oai nghi vinh hiển của thiên đàng và ngai của Đức Chúa Trời:

Này, ta thấy có luồng gió bão đến từ phương bắc, một đám mây lớn bọc lửa giải sáng khắp tư bề; từ giữa nó, thấy như loài kim bóng nhoáng ra từ chính giữa lửa. Từ giữa nó, thấy giống như bốn vật sống, hình trạng như vậy: bộ giống người, mỗi con có bốn mặt và bốn cánh. Chân nó thẳng, bàn chân như bàn chân bò con đực; sáng ngời như đồng bóng nhoáng. Dưới những cánh nó, bốn bên đều có tay người; bốn con có mặt và có cánh mình như sau này: cánh tiếp giáp nhau khi đi, không xây lại, mỗi con cứ đi thẳng tới. Còn như hình mặt nó, thì bốn con đều có mặt người; bốn con đều có mặt sư tử ở bên hữu; bốn con đều có mặt bò ở bên tả; và bốn con đều có mặt chim ưng. Những mặt và cánh phân rẽ ra bởi trên cao; mỗi con có hai cánh giáp với nhau, và có hai cánh che thân mình. Mỗi con đi thẳng tới: thần khiến đi đâu thì đi đó, không xây mình lại trong khi đi. Hình trạng của những vật sống ấy giống như hình trạng than đỏ và đuốc lửa; lửa lên xuống giữa các vật sống ấy, lửa nhoáng sáng và có chớp từ nó phát ra. Các vật sống ấy chạy đi và trở lại như hình trạng chớp nhoáng.

Vả, đang khi ta ngắm xem các vật sống ấy, này, trên đất có một cái bánh xe ở kề bên các vật sống ấy, mỗi một trong bốn mặt đều có một bánh xe. Hình và kiểu những bánh xe ấy giống như bích ngọc; hết thấy bốn bánh đều giống nhau; hình và kiểu như là bánh xe trong bánh xe. Khi đi tới, thì đều đi bốn phía mình: khi đi không phải xây lại. Vòng bánh xe cao và dễ sợ; và vòng bánh xe của bốn con đều đầy những mắt. Khi các vật sống đi, các bánh xe cũng đi kề bên; các vật sống bị cất lên khỏi đất, các bánh xe cũng bị cất lên như vậy. Thần muốn đi đâu thì các vật sống đi đó; thần đi đó thì các bánh xe cũng bị cất lên kề bên các vật sống; vì thần của vật sống đó ở trong các bánh xe.

Khi các vật sống đi, chúng nó cũng đi; dừng, chúng nó cũng dừng; và khi các vật sống bị cất lên khỏi đất, thì các bánh xe cũng bị cất lên kề bên, vì thần của vật sống ở trong các bánh xe. Ở trên đầu vật sống, thấy một vòng khung, giống như thủy tinh dễ sợ, giải ra trên đầu chúng nó. Dưới vòng khung đó, các cánh nó sẽ thẳng ra, cái này đối với cái kia. Các vật ấy mỗi con có hai cánh che thân thể mình ở bên này và bên kia. Khi đi tới,

ta nghe tiếng của những cánh chúng nó, như nước lớn âm âm, như tiếng của Đấng Toàn năng, tiếng om sòm như tiếng một đạo binh vậy. Khi dừng lại, thì xủ cánh xuống. Lúc chúng nó dừng lại và xủ cánh xuống, thì từ nơi vòng khung trên đầu có tiếng vang ra (Exe 1:4-25).

Phần mô tả của Ê-xê-chi-ên tỏ ra khó hiểu, gần như không mạch lạc, khi ông cố gắng muốn bày tỏ bởi cảnh ngoạn mục, siêu phàm mà ông đã chứng kiến. Cả hai phần mô tả của Ê-xê-chi-ên và phần mô tả trong Khải huyền 4 mô tả thứ có thể được gọi là cỗ máy chiến tranh thiêng liêng sẵn sàng để mở ra sự phán xét.

Exe 10:15 đặc biệt xác định cụ thể bốn con sanh vật này: **"Đoạn, các chê-ru-bin dấy lên: ấy là vật sống mà ta thấy trên bờ sông Kê-ba". Bốn con sanh vật** đó là chê-ru-bin, một đẳng cấp các thiên sứ cao quý được kết hiệp trong Kinh thánh với quyền phép thánh của Đức Chúa Trời (thí dụ ISa 4:4; IISa 6:2; 22:11; Thi 80:1; 99:1; Es 37:16). Sau khi A-đam và Ê-và phạm tội, Đức Chúa Trời đã đuổi họ ra khỏi vườn Ê-đen và đặt chê-ru-bin tại nơi lối vào để giữ họ không quay trở lại (Sa 3:24). Hai chê-ru-bin chạm khắc được đặt trong Nơi Chí Thánh, về mặt biểu tượng canh giữ sự thánh khiết của Đức Chúa Trời (IVua 6:23-28). Sa-tan, trước khi hấn sa ngã, là **"một chê-ru-bin được xức dầu đang che phủ"**; bổn phận của hắn là nhóm lại tại ngai của Đức Chúa Trời (Exe 28:14, đối chiếu câu 16).

Giăng, giống như Ê-xê-chi-ên, đã tìm cách nắm bắt thực tại bằng các thuật ngữ dễ hiểu để mô tả bởi cảnh không thể tả ở trước mặt mình. Thứ nhất, ông nói những con sanh vật đang trước đang sau đầy những mắt (câu 8, Exe 1:18; 10:12), tiêu biểu cho ý thức, sự tỉnh táo, và tri thức toàn diện của họ. Mặc dù chúng không phải là sự toàn tri, không một điều gì liên quan đến bổn phận của chúng thoát khỏi sự giám sát của chúng.

Phần mô tả của Ê-xê-chi-ên về các thiên sứ này lưu ý rằng từng con sanh vật đều có đủ bốn mặt (Exe 1:6). Nhưng từ điểm thuận lợi của Giăng, **con sanh vật thứ nhất giống như sư tử, con thứ nhì như bò đực, con thứ ba mặt như mặt người, con thứ tư như chim phụng hoàng đang bay**. Các phần mô tả đó xem bốn chê-ru-bin trong mối quan hệ với thế giới được dựng nên; **sư tử** tiêu biểu cho các tạo vật hoang dã, **bò đực** tiêu biểu cho loài gia súc, **chim phụng hoàng** là loài tạo vật hay bay, và **con người** đỉnh cao của sự sáng tạo.

Về mặt biểu tượng, **sư tử** tiêu biểu cho sức mạnh, **bò đực** tiêu biểu cho sự phục vụ, **con người** tiêu biểu cho lý do, và **chim phụng hoàng** tiêu biểu cho tốc độ. Kinh Talmud nhìn thấy trong bốn con sanh vật này bốn hình thức chính về sự sống trong sự sáng tạo của Đức Chúa Trời. Kinh Talmud cũng lưu ý rằng mười hai chi phái của Israel đã đóng trại dưới bốn ngọn cờ này; một số với Ru-bên (được tiêu biểu bởi một người), các chi phái khác với Đan (được tiêu biểu bởi chim phụng hoàng), các chi phái khác với Êp-ra-im (được tiêu biểu bởi bò đực), và phần còn lại với chi phái Giu-đa (được tiêu biểu bởi sư tử).

Bốn con sanh vật, nói chung giống như các thiên sứ (Mat 13:40-43, 49; 25:31...; Kh 15:1, 7), đều có dính dáng sâu sắc với những sự phán xét hầu đến trong Kỳ Đại Nạn, trong đó chúng sẽ đóng một vai trò toàn bộ. Chúng sẽ có mặt ở đó ở phần đầu những sự phán xét thiêng liêng giống như một trong số chúng kêu đòi người cưỡi con ngựa bạch (6:1-2). Một chê-ru-bin khác sẽ quyết định thảm họa kinh tế giáng trên đất (6:6), trong khi chê-ru-bin khác sẽ để cho bảy thiên sứ tham gia vào các sự phán xét bằng cái bát của họ (15:7).

Sáu cánh của chúng cho thấy trách nhiệm và đặc ân lớn lao của chúng là phải thường xuyên thờ lạy Đức Chúa Trời. Từ sự hiện thấy của Ê-sai, chúng ta học biết rằng sê-ra-phin (có lẽ là cùng hữu thể giống như chê-ru-bin) đã sử dụng sáu cánh của chúng trong tư thế như sau: **"hai cái che mặt, hai cái che chân và hai cái dùng để bay"** (Es 6:2). Bốn trong sáu cánh của chúng có liên quan đến sự thờ phượng; với hai cánh chúng che mặt lại, một khi ngay cả các tạo vật được tôn kính nhất không thể nhìn xem sự vinh hiển của Đức Chúa Trời mà không bị thiêu đốt. Chúng cũng sử dụng hai cánh để che chân, một khi chúng đứng trên đất thánh. Thờ phượng nhơn đó là đặc ân, ơn kêu gọi, và là công tác thường trực.

ĐỐI VỚI NGÀI

“ngày đêm lúc nào cũng nói luôn không dứt: Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Chúa, là Đức Chúa Trời, Đấng Toàn Năng, Trước Đã Có, Nay Hiện Có, Sau Còn Đến! Khi các sanh vật lấy những sự vinh hiển, tôn quý, cảm tạ mà dâng cho Đấng ngự trên ngai là Đấng hằng sống đời đời, thì hai mươi bốn trưởng lão sấp mình xuống trước mặt Đấng ngự trên ngai, và thờ lạy Đấng hằng sống đời đời; rồi quăng mũ triều thiên mình trước ngai mà rằng: Lạy Đức Chúa Trời là Chúa chúng tôi, Chúa đáng được vinh hiển, tôn quý và quyền lực; vì Chúa đã dựng nên muôn vật, và ấy là vì ý muốn Chúa mà muôn vật mới có và đã được dựng nên” (Kh 4:8b-11)

Thật là thích hợp, bối cảnh trên trời lên đến đỉnh điểm trong sự thờ phượng đối cùng Đức Chúa Trời đang ngồi trên ngai. Trong phân đoạn này và trong chương 5 là năm bài thánh ca ngợi khen, trong khi ca hát thì kích cỡ của ca đoàn tăng lên dần dần. Những bài ca thánh ngợi khen bắt đầu ở câu 8 với kiểu tứ tấu — bốn con sanh vật sống. Ở câu 10, hai mươi bốn trưởng lão tham gia vào, và ở 5:8, đàn hạc được thêm vào với lời khen ngợi. Phần còn lại các thiên sứ thêm giọng của họ vào ở 5:11. Sau cùng, ở 5:13, các hữu thể được dựng nên trong vũ trụ hiệp cùng ca đoàn ngợi khen Đức Chúa Trời. Sự thờ phượng được dành riêng cho một mình Đức Chúa Trời, một khi vì không có ai trong vũ trụ giống như Ngài. Trong ISu 17:20 Đa-vít cầu nguyện: “Ôi Đức Giê-hô-va, chẳng có ai giống như Ngài, và cứ theo mọi điều lỗ tai chúng tôi đã nghe, ngoài Ngài chẳng có ai là Đức Chúa Trời” (Thi 86:8-10; 89:6-8).

Bài thuyết trình hùng mạnh về lời ca ngợi và thờ phượng này có thể được chia thành hai khổ: bài thánh ca sáng tạo (chương 4) và bài thánh ca cứu chuộc (chương 5). Bài thánh ca của sự sáng tạo, khổ thứ nhất, có thể được chia thành nhiều phần.

Phần âm nhạc hùng hồn ngợi khen và thờ phượng này có thể được chia thành hai phần: bài ca nói tới sự sáng tạo (chương 4), và bài ca nói tới sự cứu chuộc (chương 5). Bài ca nói tới sự sáng tạo, phần thứ nhất, có thể được chia thành vài đoạn.

Bốn con sanh vật khởi sự bài ca thờ phượng bằng cách tập trung vào sự thánh khiết của Đức Chúa Trời: **“ngày đêm lúc nào cũng nói luôn không dứt”: Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Chúa, là Đức Chúa Trời**”. Sự lặp đi lặp lại ba lần **“thánh thay”** cũng được thấy có ở Êsai 6:3; sự thánh khiết là thuộc tánh duy nhất trong các thuộc tánh của Đức Chúa Trời đã được lặp đi lặp lại, một khi thuộc tánh ấy là sự tóm tắt hết mọi sự mà Ngài vốn có. Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là sự phân rẽ hoàn toàn và trọn vẹn của Ngài đối với điều ác trong bất kỳ và từng hình thức nào. Ngài là tuyệt đối không vấp bởi bất kỳ điều ác, sai lầm, hay làm sai trái nào — không giống như các thiên sứ (có thiên sứ đã phạm tội) hay con người (hết thảy họ đều phạm tội). Trong ISa 2:2, An-ne tuyên bố: “Chẳng ai thánh như Đức Giê-hô-va” bởi vì một mình Ngài là “thánh khiết, vinh hiển” (Xu 15:11). Tiên tri Habacúc đã ngợi khen Đức Chúa Trời vì “mắt Chúa thánh sạch chẳng nhìn sự dữ, chẳng có thể nhìn được sự trái ngược” (Hab 1:13). Tác giả Thi thiên tuyên bố: “Đức Chúa Trời ngự ngai thánh Ngài” (Thi 47:8), trong khi Thi 111:9 thêm: “Danh Ngài là thánh, đáng kính sợ”. Trong IPhi 1:16, chính mình Đức Chúa Trời tuyên bố: **“Hãy nên thánh, vì ta là thánh”**.

Nhưng trong trường hợp này, sự ngợi khen dành cho sự thánh khiết của Đức Chúa Trời đặc biệt được biểu hiện qua sự phán xét. Là thánh, Đức Chúa Trời vốn ghét tội lỗi, và đồ con thanh nộ Ngài ra giáng trên nó. Gióp đã hỏi các mưu sĩ của mình: “Chớ thì sự oai nghi Ngài sẽ chẳng khiến các người bối rối sao?” (Giop 13:11). Sau khi Đức Chúa Trời hành quyết một số người ở Bết-sê-mét vì đã dám nhạo báng Hòm Giao Ước, những kẻ còn sống kia hô lên: “Ai có thể đứng nổi trước mặt Giê-hô-va là Đức Chúa Trời chí thánh?” (ISa 6:20). Sau khi U-xa phải ngã chết vì chạm đến Hòm Giao Ước: “Trong ngày đó, Đa-vít sợ Đức Giê-hô-va và nói rằng: Hòm của Đức Giê-hô-va sẽ thế nào vào nhà ta được?” (II Sa 6:9). Bị phủ lụt bởi sự hiện thấy của ông về sự thánh khiết oai nghi của Đức Chúa Trời, Êsai kêu lên: “Khốn nạn cho tôi! Xong đời tôi rồi! Vì tôi là người có môi dơ dáy, ở giữa một dân có môi dơ dáy” (Es 6:5).

Vì có ân điển và ơn thương xót của Ngài, Đức Chúa Trời kèm chế cơn phán xét rộng khắp giáng trên hết thảy tội nhân, như họ xứng đáng. Nhưng Cơn Đại Nạn trong thì tương lai, cơ hội để được thương xót và ân điển sẽ qua đi, và thế gian tội lỗi, loạn nghịch sẽ cảm thấy sự giận dữ trọn vẹn trong cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời. Kinh khiếp trong thời điểm ấy đến nỗi hạng tội nhân không chịu ăn năn sẽ nói với: “núi và đá lớn rằng: Hãy rơi xuống chận trên chúng ta, đừng tránh khỏi mặt của Đấng ngự trên ngai, và khỏi cơn giận của Chiên Con! Vì ngày thanh nộ lớn của Ngài đã đến, còn ai đứng nổi?” (6:16-17).

Không những sự thánh khiết của Đức Chúa Trời khiến cho phải thờ phượng, mà còn quyền phép của Ngài nữa. Trong bài ca ngợi khen, bốn con sanh vật đề cập đến Đức Chúa Trời là **Đấng Toàn Năng** — một tước hiệu bởi đó Đức Chúa Trời xác định chính mình Ngài với Áp-ra-ham (Sa 17:1). Thuật ngữ ấy xác định Đức Chúa Trời là hữu thể mạnh mẽ nhất, quyền lực nhất, hoàn toàn chẳng có một sự yếu đuối nào cả, quyền phép chinh phục và sức lực áp đảo của Ngài chẳng có ai chống cự được. Vì Đức Chúa Trời là Toàn Năng, Ngài có thể chẳng cần phải nỗ lực để làm bất cứ việc gì mà ý chỉ thánh của Ngài sẽ dự định làm (đối chiếu Es 40:28). Ở giữa những thử thách, Gióp khẳng định: “Nếu luận về sức lực, kìa, Ngài vốn quyền năng!” (Giop 9:19). Tác giả Thi thiên tuyên bố: “Đức Chúa Trời chúng tôi ở trên các tầng trời; Phàm điều gì vừa ý Ngài, thì Ngài đã làm” (Thi 115:3). Trong Es 46:10, Đức Chúa Trời phán: “Muru của ta sẽ lập, và ta sẽ làm ra mọi sự ta đẹp ý”. Sau khi kinh nghiệm sự phán xét mang lại sự tàn phá và sỉ nhục của Đức Chúa Trời, Vua Nê-bu-cát-nét-sa công nhận: “Hết thảy dân cư trên đất thấy đều cảm như là không có; Ngài làm theo ý mình trong cơ binh trên trời, và ở giữa cư dân trên đất; chẳng ai có thể cản tay Ngài và hỏi rằng: Ngài làm chi vậy?” (Da 4:35). Chúa Jêsus dạy rằng “Đức Chúa Trời làm mọi việc đều được” (Mat 19:26).

Quyền phép của Đức Chúa Trời được thấy rõ trong sự sáng tạo. Thi thiên 33:9 chép: **“Vì Ngài phán, thì việc liền có; Ngài biểu, thì vật bèn đứng vững bền”**. Sau khi dựng nên vũ trụ, Đức Chúa Trời cũng nắm quyền điều khiển nó. Trong ISu 29:11-12, David tuyên bố:

“Hỡi Đức Giê-hô-va sự cao cả, quyền năng, vinh quang, toàn thắng, và oai nghi đáng quí về Ngài; vì muôn vật trên các tầng trời và dưới đất đều thuộc về Ngài. Đức Giê-hô-va ôi! nước thuộc về Ngài; Ngài được tôn cao làm Chúa tể của muôn vật. Hoặc sự giàu có, hoặc sự vinh quang, đều do Chúa mà đến, và Chúa quản trị trên muôn vật; quyền năng và thế lực ở nơi tay Chúa; tay Chúa khiến cho được tôn trọng và ban sức mạnh cho mọi người”.

Cụm từ **“Ngài có quyền”** tỏ ra quyền phép của Đức Chúa Trời đối với con cái được chọn, được cứu chuộc của Ngài. Trong Eph 3:20 Phaolô ngợi khen Đức Chúa Trời vì Ngài “bởi quyền lực cảm động trong chúng ta, có thể làm trời hơn vô cùng mọi việc chúng ta cầu xin hoặc suy tưởng”, ông nói thêm trong IICo 9:8: “Đức Chúa Trời có quyền ban cho anh em đủ mọi thứ ơn đầy dẫy, hầu cho anh em hằng đủ điều cần dùng trong mọi sự, lại còn có rỗi rộng nữa để làm các thứ việc lành”. Phaolô viết cho Timôthê bày tỏ thái độ tin cậy của ông nơi quyền phép của Đức Chúa Trời đang tác động vì ích cho ông: “vì biết ta đã tin Đấng nào, chắc rằng Đấng ấy có quyền phép giữ sự ta đã phó thác cho đến ngày đó” (ITi 1:12). He 2:18 tỏ ra rằng Đức Chúa Jêsus Christ “có thể cứu những kẻ bị cám dỗ vậy” trong khi He 7:25 tái khẳng định với các tín đồ rằng “Ngài có thể cứu toàn vẹn những kẻ nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời, vì Ngài hằng sống để cầu thay cho những kẻ ấy”. Giude kết thúc bức thư ngắn ngủi của ông với lời ngợi khen: “Vả, nguyên Đấng có thể gìn giữ anh em khỏi vấp phạm và khiến anh em đứng trước mặt vinh hiển mình cách rất vui mừng, không chỗ trách được, là Đức Chúa Trời có một, là Cứu Chúa chúng ta, bởi Đức Chúa Jêsus Christ là Chúa chúng ta, được sự vinh hiển, tôn trọng, thế lực, quyền năng thuộc về Ngài từ trước vô cùng và hiện nay cho đến đời đời! A-men” (Giu 1:24-25).

Nhưng giống như trường hợp với sự thánh khiết của Ngài, khía cạnh quyền phép của Đức Chúa Trời trong nhận định ở đây, rõ ràng nhất là quyền phép của Ngài được tỏ ra trong sự phán xét. Thí dụ, Ngài xét đoán Satan và các thiên sứ phạm tội, trục xuất họ ra khỏi thiên đàng; nhận chìm thế gian trong Nước Lụt; hủy diệt Sô-đôm, Gô-mô-rơ, và các thành của đồng bằng; nhấn chìm đạo quân của Pha-ra-ôn; và tan rã vị vua quyền lực nhất trên thế gian, là Nê-bu-cát-nét-sa, buộc người phải ăn cỏ như một con vật trong bảy năm. Nhiều lần quyền phép của Đức Chúa Trời đã tiêu diệt kẻ ác. Và chính quyền phép của Đức Chúa Trời thả ra

những cơn phán xét khủng khiếp, không thể kèm lại được giáng trên nhân loại tội lỗi trong Kỳ Đại Nạn trước khi Chúa tái lâm.

Khi nói tới quyền phép phán xét của Đức Chúa Trời, tiên tri Nahum tuyên bố: "Ai đứng được trước sự thanh nộ Ngài? Ai đương nổi sự nóng giận Ngài? Sự tức giận của Ngài đổ ra như lửa, những vàng đá vỡ ra bởi Ngài" (Na 1:6, đối chiếu Ma 3:2). Đức Chúa Trời sẽ phán xét bậc cầm quyền con người, họ tưởng trong sự đại dốt rằng họ có thể chống nghịch lại Ngài (Thi 2:2-6). Môi-se thắc mắc: "Ai biết sức sự giận của Chúa? Tùy theo sự kính sợ xứng đáng cho Chúa, ai biết sức sự nóng nả Chúa?" (Thi 90:11). "Các người khá than khóc! Vì ngày của Đức Giê-hô-va đã gần: ngày đó đến như cơn tai nạn đến bởi Đấng Toàn Năng" (Es 13:6). Ở Gio 1:15: Giô-ên cũng cảnh cáo về sự phán xét hầu đến của Đức Chúa Trời: "Ôi ngày ấy! vì ngày Đức Giê-hô-va đã gần! Nó đến như một tai vạ thả ra bởi Đấng Toàn Năng".

Bốn con sanh vật cũng ngợi khen Đức Chúa Trời vì cỗi đời đời của Ngài, ca tụng Ngài là **Đấng trước đã có, nay hiện có và là Đấng sẽ đến** (đối chiếu phần bàn bạc về cụm từ này ở các chương 1 và 2 trong sách này), **Đấng hằng sống đời đời** (đối chiếu 10:6; 15:7; Da 4:34). Kinh Thánh nhắc đi nhắc lại khẳng định cỗi đời đời của Đức Chúa Trời, rằng Ngài vượt thời gian, chẳng có ngày đầu cũng chẳng có ngày rốt (thí dụ, Thi 90:2; 93:2; 102:24-27; Es 57:15; Mi 5:2; Ha 1:12; ITi 1:17; 6:15-16). Việc ấy biệt riêng Ngài ra khỏi loài động vật, chúng có cả hai: phần đầu và phần rốt, và hàng thiên sứ và con người, họ có khởi đầu, song sẽ chẳng có sự c uối cùng đâu.

Nhận biết rằng Đức Chúa Trời là đời đời cung ứng sự yên ủi cho con cái Ngài, không giống như cha loài người, một khi Ngài luôn luôn hiện diện ở đó để chăm sóc cho họ. Sự đời đời của Đức Chúa Trời bảo đảm rằng sự sống đời đời của chúng ta ở trên trời sẽ không giờ dứt, chúng ta sẽ nhận lãnh **"sự vinh hiển cao trọng đời đời, vô lượng, vô biên"** (II Co 4:17). Nhưng cũng có ý nói rằng án phạt của kẻ ác trong địa ngục sẽ kéo dài cho đến đời đời, sự khóc lóc, rên rỉ, và cắn răng của họ sẽ không hề dứt, rằng **"khỏi của sự đau đớn chúng nó bay lên đời đời"** (Kh 14:11). Sự huỷ diệt hạng tội nhân như thế là một minh chứng cho sự công bình của Đức Chúa Trời.

Sự ngợi khen của bốn con sanh vật, khi chúng **lấy những sự vinh hiển, tôn quý, cảm tạ mà dâng cho Đấng ngự trên ngôi**, khởi động một sự đáp ứng từ **hai mươi bốn trưởng lão**. Họ sẽ **sấp mình xuống trước mặt Đấng ngự trên ngôi, và thờ lạy Đấng hằng sống đời đời**. Đây là lần thứ nhứt trong sáu lần các vị trưởng lão nằm sấp trước mặt Đức Chúa Trời (5:8, 14; 7:11; 11:16; 19:4). Một tư thế như vậy là tư thế của sự thờ lạy kính kiền, một đáp ứng tự nhiên đối với sự oai nghi, thánh khiết và vinh hiển đáng sợ của Đức Chúa Trời (đối chiếu Sa 17:3; Gios 5:14; Exe 1:28; 3:23; 43:3; 44:4; Mat 17:6; Cong 9:4).

Thật đáng ngạc nhiên, sau khi nằm phủ phục, hai mươi bốn trưởng lão đã **quăng mũ triều thiên của họ trước ngôi**. Họ chẳng màng gì với sự tội bực của chính họ. Họ chẳng quan tâm đến sự thánh khiết, danh dự hay phần thưởng của riêng họ. Mọi sự ấy đều mờ nhạt rồi trở nên vô nghĩa trong ánh sáng sự vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Các trưởng lão thêm nốt nhạc riêng của họ vào giai điệu ngợi khen được khởi sự bởi bốn con sanh vật, họ kêu lên: **"Lạy Đức Chúa Trời là Chúa chúng tôi, Chúa đáng được vinh hiển, tôn quý và quyền lực; vì Chúa đã dựng nên muôn vật, và ấy là vì ý muốn Chúa mà muôn vật mới có và đã được dựng nên"** Axios (**đáng**) được sử dụng nói tới Hoàng đế La-mã khi ông ta diễu hành trong đám rước chiến thắng. Mục tiêu bài ca của các trưởng lão là nhắm vào sự vinh hiển của Đức Chúa Trời được tỏ ra trong sự sáng tạo; Ngài được giới thiệu là Đấng Tạo Hoá trong cả Kinh Thánh (đối chiếu 10:6; Sa 1:1; Xu 20:11; Es 40:26, 28; Giê 10:10-12; 32:17; Co 1:16). Các vị trưởng lão đang công nhận rằng Đức Chúa Trời có quyền cả hai: cứu chuộc và xét đoán tạo vật của Ngài. Bài ca của họ reo lên thiên đàng bị mất đi trở thành thiên đàng tìm lại được.

Đoản khúc thứ nhứt của bài ca ngợi khen này phác hoạ Đức Chúa Trời sắp sửa xét đoán Sa-tan, ma quỷ, và hạng tội nhân rồi hồi lại sự sáng tạo của Ngài. Cả hai: các con sanh vật và hai mươi bốn trưởng lão chỉ có thể thờ lạy trong sự kinh sợ và lạ lùng khi Đức Chúa Trời sửa soạn đem lại cái ngày vinh hiển mà Phaolô viết về ngày ấy như sau:

“Vì muôn vật đã bị bắt phục sự hư không, chẳng phải tự ý mình, bèn là bởi có Đấng bắt phục. Muôn vật mong rằng mình cũng sẽ được giải cứu khỏi làm tội sự hư nát, đặt dự phần trong sự tự do vinh hiển của con cái Đức Chúa Trời. Vì chúng ta biết rằng muôn vật đều than thở và chịu khó nhọc cho đến ngày nay” (Ro 8:19-22).

Mặc Thị Về Chiên Con

(Kh 5:1-14)

12

Rồi tôi thấy trong tay hữu Đấng ngồi trên ngai một quyển sách viết cả trong lẫn ngoài, có đóng bảy cái ấn. Tôi cũng thấy một vị thiên sứ mạnh mẽ cất tiếng lớn kêu rằng: Ai đáng mở quyển sách này và tháo những ấn này? Dầu trên trời, dưới đất, bên dưới đất, không ai có thể mở quyển sách ấy hoặc nhìn xem nó nữa. Vì không có ai đáng mở quyển sách ấy hoặc nhìn xem nó nữa, nên tôi khóc dầm dề. Bấy giờ, một người trong các trưởng lão nói với tôi rằng: Chớ khóc, kìa, sự tử của chi phái Giu-đa, tức là Chồi của vua Đa-vít, đã thắng, thì có thể mở quyển sách ấy và tháo bảy cái ấn ra. Tôi lại thấy chính giữa ngai và bốn con sanh vật, cùng chính giữa các trưởng lão, có một Chiên Con ở đó như đã bị giết; Chiên Con có bảy sừng và bảy mắt, là bảy vì thần của Đức Chúa Trời sai xuống khắp thế gian. Chiên Con bước tới, lấy sách ở tay hữu đấng ngự trên ngai. Khi lấy sách, bốn con sanh vật và hai mươi bốn trưởng lão bèn sắp mình xuống trước mặt Chiên Con, mỗi kẻ cầm một cây đàn và những bình vàng đầy hương; đó là những lời cầu nguyện của các thánh. Chúng hát một bài ca mới rằng: Ngài đáng lấy quyển sách mà mở những ấn ra; vì Ngài đã chịu giết lấy huyết mình mà chuộc cho Đức Chúa Trời những người thuộc về mọi chi phái, mọi tiếng, mọi dân tộc, mọi nước, và Ngài đã làm cho những người ấy nên nước, và thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời chúng ta; những người ấy sẽ trị vì trên mặt đất. Đoạn, tôi nhìn xem, nghe bốn bên ngai và các sanh vật cùng các trưởng lão, có tiếng của vô số thiên sứ; thiên sứ hàng muôn hàng ngàn, đồng nói lên một tiếng lớn rằng: Chiên Con đã chịu giết đáng được quyền phép, giàu có, khôn ngoan, năng lực, tôn quý, vinh hiển và ngợi khen! Tôi lại nghe mọi vật dựng nên trên trời, dưới đất, bên dưới đất trên biển, cùng mọi vật ở đó đều nói rằng: Chúc cho Đấng ngồi trên ngai cùng Chiên Con được ngợi khen, tôn quý vinh hiển và quyền phép cho đến đời đời! Rồi bốn con sanh vật đều nói: A-men. Và các trưởng lão sắp mình xuống mà thờ lạy. (Kh 5:1-14)

Xuyên suốt lịch sử, đã có rất nhiều kẻ giả dạng, họ muốn dành lấy ngai vua của địa cầu, nên đã tìm cách chinh phục và cai trị trên thế gian. Nhân vật cai trị đầu tiên và đầy quyền lực và nổi tiếng nhất là Sa-tan. Sau cuộc loạn nghịch của hắc chống lại Đức Chúa Trời bị chà nát, hắc và những thiên sứ theo hắc đã bị quăng ra khỏi các tầng trời (Lu 10:18; Kh 12:3-4), và hắc trở thành "chúa đời này" (II Co 4:4). Hắc đã truyền cảm hứng cho một loạt người để thử bàn tay của họ về sự chinh phục, những nhân vật như Nê-bu-cát-nét-sa, Đa-ri-út, A-léc-xan-đơ Đại đế, và Hoàng đế của Rome, rợ Hung nô, Thành Cát Tư Hãn, Napoleon, Lenin, Stalin và Hitler. Trong tương lai, một nhà chinh phục con người đầy quyền lực nhất, dưới quyền của Sa-tan trong mọi sự, là Anti-christ cuối cùng.

Hết thảy các nhân vật đó, và một đạo binh loạn nghịch kém cỏi kia, có một điểm chung: họ đã thất bại. Chỉ có một cá nhân có uy quyền, quyền bính và quyền hành cai trị đất: là Đức Chúa Jêsus Christ. Một ngày kia, Ngài sẽ lấy lại những gì chính đáng thuộc về Ngài từ kẻ chiếm đoạt Sa-tan, và hết thảy những kẻ nổi loạn, ma quỷ và con người. Không một ai khác xứng đáng hay có khả năng cai trị thế gian — không một kẻ gian ác, không một người nhơn đức, không có ma quỷ, và không có một thiên sứ thánh nào hết. Khải huyền 5 giới thiệu Đức Chúa Jêsus Christ, là nhà cai trị hợp pháp của địa cầu, là Đấng được phác họa sắp sửa tái lâm để cứu chuộc thế gian ra khỏi tội lỗi, Sa-tan, sự chết và sự rủa sả. Ngài là lễ đạo chính trong sự mặc thị thứ hai của Giăng về thiên đàng.

Các biến cố trong chương 5 xảy ra ngay sau các biến cố của chương 4. Bối cảnh, như trong chương 4, là ngôi của Đức Chúa Trời ở trên trời. Hiện thời là chê-ru-bin, hai mươi bốn trưởng lão (tượng trưng cho Hội thánh được cất lên, được tôn vinh hiển), và Đức Thánh Linh trong sự vinh hiển gấp bảy lần của Ngài (4:5). Các biến cố được mô tả trong hai chương này dự đoán việc tàn sát của cơn phán xét thiêng liêng sắp sửa được đổ ra giáng trên địa cầu tội lỗi, loạn nghịch và bị rửa sạch (các chương 6-19). Sự sợ hãi bởi nét oai nghi khôn tả xiết của ngài Đức Chúa Trời, và các chớp nhoáng của sấm sét phát ra từ đó, chê-ru-bin và các trưởng lão bắt đầu các thánh ca ngợi khen Đức Chúa Trời. Những bài thánh ca này tưởng niệm Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hoá và là Đấng Cứu Chuộc, và sự vui mừng vì Ngài sắp sửa lấy lại những gì đáng thuộc về Ngài. Đây là khoảnh khắc mà hết thảy Cơ đốc nhân (Eph 1:14) và toàn thể sự sáng tạo (Ro 8:19-22) đều ao ước.

Khi khoảnh khắc ấy đến gần, Đức Chúa Trời khởi sự lay động. Cụm từ **tôi thấy**, hay “tôi nhìn xem”, giới thiệu các bối cảnh khác nhau trong chương này (đối chiếu các câu 2, 6, 11) và nhấn mạnh tư cách của Giăng là một chứng nhân. Trong mặc thị của ông, Giăng **thấy trong tay hữu Đấng ngồi trên ngôi một quyển sách viết cả trong lẫn ngoài, có đóng bảy cái ấn**. Đức Chúa Trời chìa tay Ngài ra, thực vậy, và trong tay đó có cầm một **quyển sách**. Biblion (**quyển sách**) không đề cập đến sách theo ý nghĩa hiện đại, mà là một cuộn giấy (đối chiếu 6:14). Cuộn giấy là một tấm giấy thật dài hoặc bằng da thú, được cuộn lại từ hai đầu vào giữa. Loại giấy cuộn như thế thường được sử dụng trước khi phát minh loại sách theo kiểu hiện đại, bao gồm các trang giấy vuông vức xếp lại với nhau.

Trong khi người La-mã sẽ **đóng bảy cái ấn**, cuộn giấy này không phải là một chúc thư, mà là một việc làm hay một hợp đồng. Mục sư Robert L. Thomas giải thích:

Loại hợp đồng này đã được biết đến khắp vùng Trung Đông trong thời cổ đại và được sử dụng bởi người La Mã từ thời Nero trở đi. Hợp đồng đầy đủ sẽ được viết ở các trang bên trong và đóng bảy con dấu. Khi ấy, nội dung hợp đồng sẽ được mô tả ngắn gọn ở bên ngoài. Tất cả các loại giao dịch được hoàn thành theo cách này, bao gồm hợp đồng kết hôn, hợp đồng thuê và cho thuê, giải phóng nô lệ, hợp đồng hóa đơn, và trái phiếu. Sự hỗ trợ cũng bắt nguồn từ các tập quán của người Do-thái. Tài liệu tiếng Hy-bá-lai giống với cuộn giấy này là một văn kiện được gấp lại và ký tên, đòi hỏi ít nhất ba nhân chứng. Một phần của văn bản sẽ được viết ra, xếp lại và niêm phong, với một nhân chứng khác nhau ký tên ở mỗi lần gấp lại. Một lượng lớn các nhân chứng có nghĩa là văn kiện quan trọng hơn đã được ký kết. (Khải huyền 1-7: Sách giải thích theo kiểu chú giải [Chicago: Moody, 1992], 378).

Giê-rê-mi 32 cung ứng một minh họa rất hay về việc sử dụng một tài liệu như vậy. Trong những ngày cuối cùng của vương quốc phía Nam, một thời gian ngắn trước khi thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ, anh họ của Giê-rê-mi là Ha-na-mê-ên đến gặp ông. Ha-na-mê-ên trong lúc cùng kiệt muốn bán một thửa ruộng mà ông làm chủ trong thành A-na-tốt quê quán của Giê-rê-mi, không xa thành Giê-ru-sa-lem lắm. Ha-na-mê-ên biết rằng một khi quân đội Ba-by-lôn chinh phục (thực ra, người Ba-by-lôn chưa chiếm lấy đất đai, đối chiếu Giê-rê-mi 32:2, 24-25), ông sẽ mất mảnh đất của mình. Giê-rê-mi, theo lệnh của Đức Chúa Trời (Gie 32:6-7), đã mua mảnh ruộng bất chấp sự mất mát khả thi là một dấu hiệu cho thấy rằng tình trạng phụ tù của người Ba-by-lôn sẽ không lâu dài đâu (Gie 32:15). Gie 32:9-15 ghi lại các chi tiết về việc mua ruộng của ông:

“Vậy tôi mua ruộng ở A-na-tốt của Ha-na-mê-ên, con trai chú tôi, và tôi cân mười bảy siếc-lơ bạc cho người. Tôi viết khế và niêm phong, mời người làm chứng và cân bạc trong cái cân. Tôi liền lấy tờ khế bán, cả khế đã niêm phong theo lệ luật và thói tục, và khế để ngõ nữa. Tôi trao khế mua cho Ba-rúc, con trai Nê-ri-gia, cháu Ma-a-sê-gia, trước mặt Ha-na-mê-ên, con trai chú tôi, và trước mặt những kẻ làm chứng có ký tên vào khế nữa, cũng ở trước mặt mọi người Giu-đa đang ngồi trong hành lang lính canh. Đoạn, tại trước mặt họ tôi dặn Ba-rúc rằng: Đức Giê-hô-va vạn quân Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Hãy lấy những tờ khế này, khế mua niêm phong, và khế để ngõ, và để trong một cái bình đất, đựng những tờ khế ấy còn được lâu ngày. Vì Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Người ta sẽ còn mua nhà, ruộng, và vườn nho trong đất này”.

Cuộn giấy Giăng đã nhìn thấy trong tay của Đức Chúa Trời là chứng thư cho địa cầu, mà Ngài sẽ ban cho Đấng Christ. Tuy nhiên, không giống như các việc làm khác, nó không ghi lại chi tiết những gì Đấng Christ sẽ thừa tự, nhưng thay vì thế, nó ghi lại cách Ngài sẽ có được cơ nghiệp theo cách hợp pháp. Ngài sẽ có được nó qua phương tiện phán xét thiêng liêng sắp sửa được đổ ra trên đất (6:1...). Đang khi cuộn

giấy nói tới số phận và sự phán xét, đây cũng là cuộn giấy nói tới sự cứu chuộc nữa. Nó thuật lại cách thức Đấng Christ sẽ chuộc lấy thế gian khỏi kẻ chiếm đoạt là Sa-tan, và những kẻ ấy cùng ma quỷ nào đã cộng tác với hắn. Êxêchiên mô tả chính cuộn giấy ấy trong khi ông được mặc thị về thiên đàng: “Ta bèn xem, này, có một cái tay giơ đến ta, cầm một bản sách cuộn. Bản ấy giở ra trước mặt ta, có chữ đã chép, cả trong và ngoài; ấy là những lời ca thương, than thở, khốn nạn đã chép vào đó” (Exe 2:9-10).

Chương này phân chia tự nhiên thành 3 tiểu đoạn: tìm kiếm Đấng xứng đáng, chọn lựa Đấng xứng đáng, cùng bài ca của Đấng xứng đáng.

TÌM KIẾM ĐÁNG XỨNG ĐÁNG

Tôi cũng thấy một vị thiên sứ mạnh mẽ cất tiếng lớn kêu rằng: Ai đáng mở quyển sách này và tháo những ấn này? Dầu trên trời, dưới đất, bên dưới đất, không ai có thể mở quyển sách ấy hoặc nhìn xem nó nữa. Vì không có ai đáng mở quyển sách ấy hoặc nhìn xem nó nữa, nên tôi khóc dầm dề. (Kh 5:2-4)

Vị thiên sứ mạnh mẽ (xem 10:1; 18:21) không thấy nói tới danh tánh. Có người xác định Ngài là Gáp-ri-ên, người khác thì cho là Mi-ca-ên, nhưng một khi văn mạch không nói tới danh tánh, Ngài phải được giữ kín. Ngài **cất tiếng lớn kêu** hầu cho lời tuyên bố của Ngài thấu đến từng góc của vũ trụ. Thiên sứ tìm kiếm ai đó **đáng** mở quyển sách và **tháo những ấn** kia. Ngài hỏi, **Ai** có tình trạng xứng đáng bẩm sinh, đạo đức và quyền bính thiêng liêng đủ tư cách để tháo mấy cái ấn? Và ai có quyền đánh bại Sa-tan cùng đạo quân quỷ sứ nó, để quét sạch tội lỗi cùng mọi tác dụng của nó, và để đảo ngược sự rủa sả giáng trên mọi loài thọ tạo?

Nhưng khi tiếng vang vọng lại của Ngài tan đi, duy chỉ có sự im lặng. Các thiên sứ trưởng đầy quyền năng Mi-ca-ên và Gáp-ri-ên không đáp trả. Hàng ngàn thiên sứ khác vô số vẫn giữ im lặng. Hết thấy người chết trong sự công bình của mọi thời đại, bao gồm Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp, Giô-sép, Gióp, Môi-se, David, Solomon, Ê-li, Ê-li-sê, Ê-sai, Giê-rê-mi, Ê-xê-chiên, Đa-ni-ên, Phi-e-rơ và phần còn lại các sứ đồ, Phao-lô, và mọi người khác ra từ thời Hội thánh, không nói gì cả. **Dầu trên trời, dưới đất, bên dưới đất, không ai có thể mở quyển sách ấy hoặc nhìn xem nó nữa.** Một cuộc tìm kiếm khắp cả vũ trụ, từ địa ngục đến thiên đàng và mọi chỗ ở giữa, dẫn tới chỗ không có một ai xứng đáng để mở cuộn giấy kia.

Bị phủ lụt với đau khổ và mất tinh thần nơi ngã rẽ của các biến cố, **Vì không có ai đáng mở quyển sách ấy hoặc nhìn xem nó nữa, nên tôi khóc dầm dề. Khóc** ra từ **klaiō**, cùng một từ thường mô tả sự khóc lóc của Chúa Jêsus về thành Giê-ru-sa-lem (Lu 19:41), và sự khóc lóc cay đắng của Phi-e-rơ sau khi phản Chúa (Lu 22:62). Vì vậy, đây là một từ diễn tả tình cảm rất mạnh, không kiềm chế được. Đây là lần duy nhất trong Kinh Thánh, những giọt nước mắt được nhìn thấy từ trên trời (xem 7:17; 21:4). W. A. Criswell giải thích tại sao Giăng khóc:

[Nước mắt của Giăng] tiêu biểu cho những giọt nước mắt của hết thảy dân sự của Đức Chúa Trời trải qua bao thế kỷ. Những giọt nước mắt đó của sứ đồ Giăng là những giọt nước mắt của A-đam và Ê-va, bị đuổi ra khỏi Vườn Ê-đen, khi họ gục đầu xuống bên ngôi mộ đầu tiên, khi họ tưới lên bụi của đất với những giọt nước mắt của họ trên khuôn mặt im lặng, yên ắng của con trai họ, là A-bên. Đó là những giọt nước mắt của con cái Israel trong tình trạng nô lệ khi họ kêu cầu cùng Đức Chúa Trời trong thống khổ và và trong tình trạng nô lệ của họ. Đây là những giọt nước mắt của tuyền dân Đức Chúa Trời trải bao thế kỷ khi họ kêu la thấu trời. Đây là những tiếng nấc nghẹn và nước mắt đã tràn ra từ tâm lòng và linh hồn của dân sự Chúa khi họ nhìn vào người chết câm nín của họ, khi họ đứng bên cạnh những ngôi mộ của họ mở toang ra, khi họ trải nghiệm những thử thách và đau khổ của cuộc đời, những chứng đau đầu và thất vọng khôn tả xiết. Đó là sự rủa sả mà tội lỗi chồng chất lên tạo vật đẹp đẽ của Đức Chúa Trời; và đây là sự nguyên rủa bàn tay kẻ nào cầm giữ nó, kẻ chiếm đoạt, kẻ không có môn bài, kẻ xâm lăng, kẻ xa lạ, người lạ, con rỗng, con rắn, là Sa-tan quỷ dữ. *"Nên tôi khóc dầm dề"*, vì sự thất bại không tìm được Đấng Cứu Chuộc, nghĩa là địa cầu này đang ở trong sự rủa sả của nó bị cầm phải chịu chết cho đến đời đời. Câu ấy có ý nói sự chết, tội lỗi, sự rủa sả và địa ngục sẽ cai trị mãi mãi và đời đời và tể trị địa cầu của Đức Chúa Trời sẽ mãi mãi nằm trong tay của Sa-tan. (*Expository Sermons on Revelation* [Grand Rapids: Zondervan, 1969], 3:69–70).

Sự khóc lóc của Giăng, mặc dù là chân thành, song chưa chín chắn. Ông không cần phải khóc, vì Đức Chúa Trời sắp sửa nắm lấy hành động. Tương tự, Chúa Jêsus nói cho goá phụ ở thành Na-in (Lu 7:13)

cùng những kẻ đang khóc lóc vì cái chết của đứa con gái của chủ nhà hội (Lu 8:52) rằng nước mắt của họ vốn chẳng thích ứng vì có những gì Ngài sắp sửa thực hiện. Giăng bật khóc vì ông muốn nhìn thấy được trừ khử khỏi điều ác, tội lỗi, và sự chết. Ông muốn nhìn thấy Sa-tan bị đánh bại và vương quốc của Đức Chúa Trời được thiết lập trên đất. Ông muốn nhìn thấy Israel được cứu và Đấng Christ được tôn cao. Giăng vốn biết rõ rằng Đấng Mê-si đã bị thủ tiêu, thành Giê-ru-sa-lem bị huỷ diệt, và dân Do-thái bị tàn sát và bị tan rã. Ông vốn ý thức rõ ràng rằng Hội thánh đã đổi mặt với sự bất bớ kịch liệt rồi bị tiêm nhiễm với tội lỗi (các chương 2–3). Từ nhận định của ông, mọi sự dường như đâm ra rất tối tăm. Liệu chẳng có ai bước tới phía trước để làm thay đổi sự việc này ư? Có phải chẳng có một người nào sẽ mở cuộn giấy ra và chuộc lấy tạo vật của Đức Chúa Trời sao? Nhưng Giăng không cần phải khóc, vì cuộc tìm kiếm người nào xứng đáng mở cuộn giấy kia ra sắp sửa tới hồi hết thúc.

CHỌN LỰA ĐÁNG XỨNG ĐÁNG

Bấy giờ, một người trong các trưởng lão nói với tôi rằng: Chớ khóc, kìa, sư tử của chi phái Giu-đa, tức là Chồi của vua Đa-vít, đã thắng, thì có thể mở quyển sách ấy và tháo bẫy cái ả ra. Tôi lại thấy chính giữa ngôi và bốn con sanh vật, cùng chính giữa các trưởng lão, có một Chiên Con ở đó như đã bị giết; Chiên Con có bảy sừng và bảy mắt, là bảy vì thần của Đức Chúa Trời sai xuống khắp thế gian. Chiên Con bước tới, lấy sách ở tay hữu đáng ngự trên ngôi. (Kh 5:5-7)

Bởi vì những giọt nước mắt của ông là không thích ứng, **một người trong các trưởng lão** bảo Giăng **chớ khóc**. Khi ấy, ông ta đưa sự chú ý của Giăng tới một Thân Vị mới đang nổi lên trên bối cảnh, **sư tử của chi phái Giu-đa, Chồi của Vua Đa-vít**. Không có một người nào và không có một thiên sứ nào có thể chuộc lấy vũ trụ, trừ ra một Thân Vị là Đấng có quyền. Tất nhiên, Thân Vị này là Đức Chúa Jêsus Christ đã được tôn vinh hiển, đã được tôn cao, được mô tả ở đây bởi hai tước hiệu Mê-si của Ngài. **Tước hiệu Sư tử của chi phái Giu-đa** rút ra từ lời chúc phúc của Gia-cóp về chi phái Giu-đa trong Sa 49:8-10:

Hỡi Giu-đa! các anh em sẽ khen ngợi con, tay con sẽ chặn cổ quân nghịch, các con trai cha sẽ quỳ lạy trước mặt con. Giu-đa là một sư tử to; Hỡi con! Con bắt được mồi rồi tha về. Nó sụm gối, nằm khác nào sư tử đục, như sư tử cái; há ai dám khiến ngồi lên? Cây phủ viết chẳng hề dời khỏi Giu-đa, kẻ lập pháp không dứt khỏi giữa chân nó, cho đến chừng Đấng Si-lô hiện tới, và các dân vâng phục Đấng đó.

Đấng cai trị giống như sư tử ra từ chi phái Giu-đa rất là mạnh mẽ, dữ tợn, khiến cho chết chóc — Đấng Mê-si, là Đức Chúa Jêsus Christ (He 7:14). Người Do-thái trong thời của Chúa Jêsus vốn trông mong Đấng Mê-si được đầy năng quyền và giải phóng họ ra khỏi bàn tay nặng nề của những kẻ áp bức họ, lúc bấy giờ là nhà cầm quyền La-mã. Đây là một phần vì Chúa Jêsus thất bại không liệu được những điều họ trông mong đến nỗi họ đã chối bỏ và giết Ngài chết đi. Ngài chẳng có một khao khát nào về chính trị cả (đôi chiếu Gi 6:15; 18:36), Ngài cũng không sử dụng quyền phép lạ lùng của Ngài để chống lại những kẻ áp bức La-mã. Thay vì thế, Ngài ban hiến một vương quốc thuộc linh.

Đáng buồn thay, người Do-thái đánh giá sai Đấng Mê-si của họ một cách hoàn toàn. Ngài là sư tử, sẽ xé nát cùng huỷ diệt các kẻ thù của họ. Nhưng Ngài sẽ làm vậy tùy theo thời khắc của Ngài, chớ không theo thời biểu của họ. Sư tử của Ngài giống như sự phán xét các kẻ thù nghịch Ngài đang chờ đợi cái ngày hầy còn ở trong cuộc tương lai mà Ngài đã chọn — là ngày khởi sự mở ra trong Khải huyền chương 5.

Chúa Jêsus cũng được thấy ở đây là **cái chồi** hay dòng dõi của **Vua David** (đôi chiếu 22:16; Gie 23:5–6; 33:15-17). Tước hiệu Mê-si ấy rút ra từ Es 11:1, 10: **“Có một chồi sẽ nứt lên từ gốc Y-sai, một nhánh từ rễ nó sẽ ra trái ... Xảy ra trong ngày đó, rễ Y-sai đứng lên làm cò cho muôn dân, các nước đều tìm đến Ngài, nơi an nghỉ của Ngài sẽ được vinh hiển”**. Giống như bảng gia phả trong Mathi 1 và Luca 3 cho thấy, Chúa Jêsus là dòng dõi của David, cả hai bên: cha và mẹ của Ngài. Trong Rôma 1:3, sứ đồ Phao-lô nói rằng Chúa Jêsus **“theo xác thịt thì bởi dòng dõi vua Đa-vít sanh ra”**. Thuật ngữ **“Con vua David”** là một tước hiệu của Đấng Mê-si thường được sử dụng trong các sách Tin lành (thí dụ Mat 9:27; 12:23; 15:22; 20:30–31; 21:9,15; 22:42; Mac 12:35).

Chúa Jêsus là Đấng xứng đáng để cầm lấy cuộn giấy kia vì có Ngài là ai, là Vua hợp pháp ra từ lòng của David; Ngài vốn có thật vậy, sư tử ra từ chi phái Giu-đa với quyền phép để tiêu diệt các kẻ thù của Ngài;

và cũng vì có những gì Ngài đã làm — Ngài **đã thắng**. Tại thập tự giá, Ngài đã đánh bại tội lỗi (Rô-ma 8:3), sự chết (He 2:14-15), cùng mọi thế lực của âm phủ (Co 2:15; IPhi 3:19). Những người tin Chúa là những kẻ thắng qua sự đắc thắng của Ngài (Co 2:13-14; IGi 5:5).

Khi ông nhìn vào bối cảnh không thể tin được ở trước mặt mình, sự sáng chói, loé sáng phản ánh sự vinh hiển của Đức Chúa Trời đang phát ra từ ngôi, chiếc cầu vòng sáng rực vây quanh ngôi, phản nền rực rỡ mà ngôi ấy được đặt ở trên, tia chớp loé lên và sấm sét loan báo trước sự phán xét thiêng liêng rất đáng sợ, bốn con sanh vật và hai mươi bốn trưởng lão, sự chú ý của Giăng chỉ ra những gì ông nom thấy ở **chính giữa ngôi (với bốn con sanh vật) cùng các trưởng lão**. Thay vì phải tán thưởng Sự Tử của chi phái Giu-đa, Nhà Vua toàn thắng thuộc dòng David, Giăng đã nhìn thấy **một Chiên Con**. Chúa Jêsus không thể là Sự tử của sự phán xét, hoặc nhà Vua của sự vinh hiển, trừ phi trước tiên Ngài là **“Chiên Con của Đức Chúa Trời, là Đáng cất bỏ tội lỗi của thế gian”** (Gi 1:29).

Arnion (**Chiên Con**), vóc dáng nhỏ bé, đề cập đến một con chiên con, hoặc một con chiên nhỏ nuôi trong nhà. Hình ảnh rút ra từ lễ Vượt Qua, khi các gia đình Do-thái được yêu cầu phải giữ chiên con làm sinh tế giống như thú cưng nuôi trong nhà bốn ngày trước khi hy sinh nó (Xu 12:3-6). Trong khi mỗi chiên con dưới thời Cựu Ước chỉ về Đấng Christ, Ngài chỉ được đề cập đến là chiên con có một lần trong Cựu Ước (Es 53:7). Trong Tân Ước ngoài sách Khải huyền, Ngài chỉ được gọi là chiên con có bốn lần mà thôi (Gi 1:29, 36; Cong 8:32; IPhi 1:19). Nhưng trong sách Khải huyền, Ngài xuất hiện trong vai trò Chiên Con có tới ba mươi một lần.

Một vài đặc điểm chỉ ra rằng đây chẳng phải là chiên con thông thường. Thứ nhất, Ngài đang **đứng**, sống động, trên chân của Ngài, tuy nhiên trông **như đã bị giết**. Những vết sẹo từ vết thương gây chết chóc mà Chiên Con này nhận lãnh đều thấy được rõ ràng bằng mắt thường; thế mà Ngài vẫn còn sống. Mặc dù ma quỷ và hạng người gian ác đã mưu nghịch cùng Ngài và giết Ngài đi, Ngài đã sống lại từ kẻ chết, nhơn đó đánh bại kẻ thù và thắng hơn các kẻ nghịch thù của Ngài.

Ở cái nhìn đầu tiên, dường như là một sự lệch lạc kỳ cục lắm khi đưa chiên con ra để chống lại con rồng (12:9) và bẻ lũ quái thú của địa ngục châu chấu (9:3), ếch nhái (16:13), và lính chiến con người (19:19) là những kẻ chạy theo con rồng. Song Chiên Con này còn hơn cả thứ sinh tế đã được dâng lên vì có tội lỗi; mà Ngài còn là Sự tử và là **“Vua các vua, Chúa các chúa”** (19:16). Ngài đã đánh bại Sa-tan rồi (IGi 3:8; đối chiếu Gi 12:31; 16:11; Rô-ma 16:20; Hê-bơ-rơ 2:14) cùng các thế lực của hắc (Co 2:15; IPhi 3:22) tại thập tự giá và sắp sửa làm cho chiến thắng ấy ra trọn.

Đặc điểm khác về Chiên Con này mà Giăng đã lưu ý, ấy là nó có **bảy sừng**. Theo hình ảnh được rút ra từ thế giới động vật, **sừng** trong Kinh Thánh tiêu biểu cho sức mạnh và quyền bính (thí dụ ISa 2:1, 10; IISa 22:3; Thi 18:2; 75:10; 89:17, 24; Gie 48:25; Mi 4:13). **Bảy**, con số của sự trọn vẹn, tiêu biểu cho quyền phép tuyệt đối, trọn vẹn của Chiên Con. Chiên Con trong mặc thị của Giăng cũng có **bảy mắt**, một lần nữa chỉ ra sự toàn tri thật trọn vẹn và sự thông biết và tri thức thật trọn vẹn. Giăng đề ý, mấy con mắt đó tiêu biểu cho **bảy vì thần của Đức Chúa Trời sai xuống khắp thế gian**. Như đã lưu ý trong các phần bản luận ở 1:4 và 4:5 trước đây trong sách này, cụm từ **bảy vì thần của Đức Chúa Trời** mô tả Đức Thánh Linh trong mọi sự đầy dẫy của Ngài. Ở đây, cũng như ở 4:5, sự đầy dẫy của Đức Thánh Linh được nhận thấy trong quan hệ với sự phán xét, khi Ngài **được sai xuống khắp thế gian** tìm kiếm hạng tội nhân phạm tội, không chịu ăn năn phải chịu phán xét (đối chiếu Gi 16:8).

Câu 7 ghi lại hành động sau cùng, kỳ lạ trong bối cảnh ở trên trời. Mọi sự Giăng đã mô tả kể từ lúc sự mặc thì khởi sự ở 4:1 đã được dựng lên hướng tới khoảnh khắc này. Nhận định này được xem là hành động lịch sử long trọng, nổ ra, hành động này loan báo sự cuối cùng thời đại của con người. Mục tiêu tối hậu về sự cứu chuộc sắp sửa diễn ra; con người sẽ tìm lại được thiên đàng, Vườn Ê-đen được phục hồi. Trước cặp mắt lạ lùng của Giăng Chiên Con **bước tới, lấy sách ở tay hữu đáng ngự trên ngôi**.

Đây là cùng một bối cảnh mà Đaniên mô tả trong Da 7:13-14, mặc dù Đa-ni-ên không nhắc tới cuộn giấy:

Ta lại nhìn xem trong những sự hiện thấy ban đêm, này, có một người giống như con người đến với những đám mây trên trời; người tới đến Đấng Thượng Cổ và bị dẫn đến trước mặt Ngài. Người được ban cho quyền thế, vinh hiển, và nước; hầu cho hết thảy các dân, các nước, các thứ tiếng đều hầu việc người. Quyền thế người là quyền thế đời đời chẳng qua đi, và nước người không bao giờ phải hủy phá.

Đấng xứng đáng đã đến để thu lại những gì hợp pháp thuộc về Ngài.

BÀI CA CỦA Đấng XỨNG ĐÁNG

Khi lấy sách, bốn con sanh vật và hai mươi bốn trưởng lão bèn sấp mình xuống trước mặt Chiên Con, mỗi kẻ cầm một cây đàn và những bình vàng đầy hương; đó là những lời cầu nguyện của các thánh. Chúng hát một bài ca mới rằng: Ngài đáng lấy quyền sách mà mở những ấy ra; vì Ngài đã chịu giết lấy huyết mình mà chuộc cho Đức Chúa Trời những người thuộc về mọi chi phái, mọi tiếng, mọi dân tộc, mọi nước, và Ngài đã làm cho những người ấy nên nước, và thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời chúng ta; những người ấy sẽ trị vì trên mặt đất. Đoạn, tôi nhìn xem, nghe bốn bên ngồi và các sanh vật cùng các trưởng lão, có tiếng của vô số thiên sứ; thiên sứ hàng muôn hàng ngàn, đồng nói lên một tiếng lớn rằng: Chiên Con đã chịu giết đáng được quyền phép, giàu có, khôn ngoan, năng lực, tôn quý, vinh hiển và ngợi khen! Tôi lại nghe mọi vật dựng nên trên trời, dưới đất, bên dưới đất trên biển, cùng mọi vật ở đó đều nói rằng: Chúc cho Đấng ngồi trên ngôi cùng Chiên Con được ngợi khen, tôn quý vinh hiển và quyền phép cho đến đời đời! Rồi bốn con sanh vật đều nói: A-men. Và các trưởng lão sấp mình xuống mà thờ lạy. (Kh 5:8-14)

Sự xuất hiện của Chiên Con khi Ngài bước tới lấy cuộn giấy khiến cho sự ngợi khen bùng lên từ khắp mọi nơi trong vũ trụ. Sự ngợi khen càng lúc càng tăng lên thành sự thờ lạy lúc bối cảnh của sự cứu chuộc lên tới đỉnh điểm của nó. Trong hai bài ca ngợi khen đầy vẻ oai nghi của chương 4 được thêm vào ba bài nữa ở chương 5. Sự thờ lạy bùng phát tự nhiên kết quả từ sự nhìn biết việc thất bại đã được lường trước lâu nay về tội lỗi, sự chết, và Sa-tan sắp sửa được hoàn tất và Đức Chúa Jêsu Christ sẽ tái lâm trên đất trong đắc thắng và thiết lập vương quốc thiên hi niên vinh hiển của Ngài. Sự rửa sạch sẽ bị đảo lại, số dân sót Israel có lòng tin sẽ được cứu, và Hội thánh sẽ được tôn vinh, được tôn cao, và được ban cho đặc ân đồng trị vì với Đấng Christ. Hết thảy những dự đoán về thời kỳ thiên hi niên sau cùng bộc lộ ra nơi viễn cảnh về mọi sự sắp sửa diễn ra.

Khi họ khởi sự bài ca ngợi khen và thờ phượng của họ, **bốn con sanh vật và hai mươi bốn trưởng lão bèn sấp mình xuống trước mặt Chiên Con**. Họ dâng lên cùng sự thờ lạy cho Đấng Christ mà họ đã dâng lên cho Đức Chúa Cha ở 4:10 hiến cho mình chứng đáng thuyết phục về thần tánh của Đấng Christ, một khi chỉ có Đức Chúa Trời mới được thờ lạy mà thôi (đối chiếu 19:10; Mat 4:10).

Sau khi Chúa Jêsu hoàn tất sự cứu chuộc bằng cách mang lấy tội lỗi lên trên thập tự giá, Đức Chúa Trời đã làm cho Ngài sống lại từ kẻ chết và tôn Chúa Jêsu ngồi bên tay hữu của Ngài. Chúa Jêsu đã nhận lại sự vinh hiển mà Ngài vốn có trong sự hiện diện của Đức Chúa Cha trước khi sáng thế (Giăng 17:5). Phaolô viết về Đấng Christ khi gửi thư cho người thành Êphêso: **“mà Ngài đã tỏ ra trong Đấng Christ, khi khiến Đấng Christ từ kẻ chết sống lại và làm cho ngồi bên hữu mình tại các nơi trên trời, cao hơn hết mọi quyền, mọi phép, mọi thế lực, mọi quân chủ cùng mọi danh vang ra, không những trong đời này, mà cũng trong đời hầu đến nữa. Ngài đã bắt muôn vật phục dưới chân Đấng Christ, và ban cho Đấng Christ làm đầu Hội thánh”** (Eph 1:20-22).

Nhưng dù được tôn cao bên tay hữu của Đức Chúa Cha, Đức Chúa Jêsu Christ chưa cai trị trọn vẹn đâu. Thi thiên 2:6–12 nói tới ngày còn trong tương lai khi Đấng Christ trị vì trên đất:

Dầu vậy, ta đã lập Vua ta Trên Si-ôn là núi thánh ta. Ta sẽ giảng ra mạng lệnh: Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: Người là Con ta; Ngày nay ta đã sanh Người. Hãy cầu ta, ta sẽ ban cho Con các ngoại bang làm cơ nghiệp, Và các đầu cùng đất làm của cải. Con sẽ dùng cây gậy sắt mà đập bể chúng nó; Con sẽ làm vỡ nát chúng nó khác nào bình gốm. Vì vậy, hỡi các vua, hãy khôn ngoan; Hỡi các quan xét thế gian, hãy chịu sự dạy dỗ. Khá hầu việc Đức Giê-hô-va cách kính sợ, Và mừng rỡ cách run rẩy. Hãy hôn Con, e Người nổi giận, Và các người hư mất trong đường chẳng; Vì con thanh nộ Người hòng nổi lên.

Mục sư Donald Grey Barnhouse từng lưu ý rằng có bốn việc ngoài tầm với trong vũ trụ: Hội thánh, sẽ được ở trên trời; Israel, họ sẽ sống trong sự bình an sở hữu mọi đất đã được hứa cho nó; Sa-tan, là kẻ thuộc về hồ lửa, và Đấng Christ, Ngài sẽ ngồi trên ngai của Ngài đang trị vì. Hết thảy bốn thứ dị thường ấy sẽ được an định khi Đấng Christ lấy cuộn giấy từ tay Cha của Ngài.

Nhưng trước khi Ngài khởi sự mở cuộn giấy ấy ra ở chương 6, bài ca ngợi khen đến ở chương 5. Khi họ tỏ mình trước mặt Chiên Con trong sự thờ lạy, Giảng lưu ý rằng **mỗi kẻ** trong hai mươi bốn trưởng lão **cầm một cây đàn và những bình vàng đầy hương; đó là những lời cầu nguyện của các thánh.** (Cấu trúc văn phạm bản văn tiếng Hy-lạp dường chỉ ra rằng chính các trưởng lão, chứ không phải bốn con sanh vật, họ đã cầm các thứ này). **Đàn** thường được kết hiệp với sự thờ phượng trong Cựu Ước (thí dụ IISa 6:5; ISu 15:16, 20, 28; 16:5; IISu 5:12; 29:25; Thi 33:2; 71:22; 92:1-4; 144:9; 150:3; đối chiếu Kh 14:2; 15:2), nhưng chúng cũng được kết với việc nói tiên tri. Trong I Sa-mu-ên 10:5, Sa-mu-ên nói với Sau-lơ: **"Kế sau, người sẽ đến Ghi-bê-a-Ê-lô-him, là nơi có một cái đồn của dân Phi-li-tin; khi đã vào thành, người sẽ gặp một đoàn tiên tri từ nơi cao xuống, có đàn sắt, trống cơm, ống sáo, và đàn cầm đi trước; họ sẽ nói tiên tri"**. Tương tự, khi nói tới việc nói tiên tri, Ê-li-sê đã nói: **"Nhưng bây giờ, hãy đem đến cho tôi một người khải đàn. Trong lúc người ấy khải đàn, thì tay của Đức Giê-hô-va ở trên Ê-li-sê"** (IIVua 3:15). ISu 25:1 ghi lại rằng: **"Đa-vít và các quan tướng đội binh cũng để riêng ra mấy con cháu của A-sáp, Hê-man và Giê-đu-thun hầu phục dịch, lấy đàn cầm, đàn sắt, và chập chửa để nói tiên tri"** (đối chiếu các câu 3, 6). Các loại đàn mà những trưởng lão cầm có lẽ tiêu biểu cho hết thảy lời tiên tri, tiêu biểu cho các biến cố quan trọng sắp sửa diễn ra.

Ngoài các loại đàn, các trưởng lão cũng đang cầm **những bình vàng đầy hương**. Những cái bình lớn này đã được sử dụng trong đền tạm và đền thờ (Ivua 7:40,45,50; IIVua 12:13-14; ISu 28:17; IISu 4:22; Gie 52:19; Xa 14:20), ở đó chúng được kết nối với bàn thờ. Chúng tiêu biểu cho công tác cầu thay của thầy tế lễ cho dân sự. Trong Kinh thánh, ở các chỗ khác gần việc xông hương với những lời cầu nguyện của các thánh đồ trong Thi 141:2; Lu 1:9-10; và Kh 8:3-4 (đối chiếu 6:9-10). Hương đựng trong những cái bình này tượng tiêu biểu cho những lời cầu nguyện của các tín đồ xuyên suốt các thời đại mà sự cứu chuộc đất đã được nói trước và được hứa cho sẽ xảy đến. Được ghép chung với nhau, đàn và bình hương cho thấy rằng mọi sự mà các sách tiên tri đã nói và mọi điều con cái của Đức Chúa Trời đã dâng lên cầu thay sau cùng sẽ được ứng nghiệm.

Khi các trưởng lão đem đến trước mặt Đức Chúa Trời mọi sự ước ao và những lời cầu nguyện của các thánh đồ, họ đã hát lên một bài ca mới. Một khi (với ngoại lệ khả thi là Gióp 38:7) không có chỗ nào trong Kinh thánh ghi lại các thiên sứ cất tiếng ca hát, nhìn thấy các trưởng lão đang ca hát ở đây là điều tốt nhứt. (Ở nhiều bản thảo Kinh Thánh có chép: **"Ngài... đã chuộc chúng ta cho Đức Chúa Trời"**, như phiên bản Kinh Thánh King James mới, ở đó cũng có quan điểm trên đây, một khi bốn con sanh vật là các thiên sứ, họ không cần ai chuộc cả). Điều đó phù hợp với phần còn lại của Kinh thánh, phác hoạ kẻ được chuộc đang ca hát ngợi khen Đức Chúa Trời (đối chiếu Cac 5:3; IISu 5:13; Ne 12:46; Thi 7:17; 9:2; 61:8; 104:33; 146:2; Cong 16:25; Eph 5:19) và các thiên sứ nói tới điều đó (đối chiếu Lu 2:13-14). Xuyên suốt Kinh Thánh **bài ca mới** là bài ca nói tới sự cứu chuộc (Thi 33:3; 40:3; 96:1; 98:1; 144:9; 149:1; Es 42:10; Kh 14:3).

Bài ca mở ra với một sự tái khẳng định rằng Đấng Christ **đáng lấy quyền sách mà mở những ấn ra**. Ngài xứng đáng vì Ngài là Chiên Con, sự tử của chi phái Giuđa, và là Vua các vua và là Chúa các chúa. **Mở những ấn** của quyền sách **ra** có nghĩa là ban hành những sự phán xét đã được ghi chép trong đó. Khi ấy, tiếp tục củng cố tình trạng xứng đáng của Đấng Christ, bài ca tiếp tục, **vì Ngài đã chịu giết lấy huyết mình mà chuộc cho Đức Chúa Trời những người thuộc về mọi chi phái, mọi tiếng, mọi dân tộc, mọi nước**. Cụm từ đó giải thích lời phát biểu ở câu 6 cho rằng Con Chiên đã chịu giết, giải thích tầm quan trọng của sự chết Ngài. Đó là cái chết mang tính cách thay thế, hy sinh của Đấng Christ **mà chuộc cho Đức Chúa Trời**. . . **những người thuộc về mọi chi phái, mọi tiếng, mọi dân tộc, mọi nước**. **Chuộc** ra từ agoraz -o, một từ Tân Ước phong phú nói tới sự chuộc tội, phác hoạ các nô lệ được mua chuộc ngoài khu chợ rồi sau đó được buông tha. Tại thập tự giá, Đức Chúa Jêsus Christ đã trả giá chuộc (bằng chính **huyết** Ngài, IPhi 1:18-19) để chuộc **những người thuộc về mọi chi phái** (dòng dõi), **mọi tiếng** (ngôn ngữ) **mọi dân tộc** (chủng tộc) **mọi nước** (văn hoá) từ khu chợ nô lệ của tội lỗi (đối chiếu ICo 6:20; 7:23; Ga 3:13). Bốn thuật ngữ xuất hiện cùng nhau xuất hiện trong Kh 7:9; 11:9; 13:7; và 14: 6 và bao gồm toàn thể nhân loại.

Đối với Giăng, đây là một sự nhận biết thật kỳ diệu và đáng mừng vì một ngày kia những người được chuộc sẽ bao gồm những con người từ khắp nơi trên thế giới. Trong một ngày khi Hội thánh thì nhỏ bé, bị cô lập, vất vả và phạm tội, Giăng phải quan tâm đến tương lai của Hội thánh — đặc biệt, vì năm trong số bảy Hội thánh trong các chương 2-3 có nhiều nan đề nghiêm trọng và có thể dẫn đến chỗ diệt vong. Sự hiểu biết việc bắt bớ và tội lỗi không dập tắt được ngọn lửa lan rộng của Cơ đốc giáo đã mang lại niềm vui và hy vọng cho tâm lòng của vị sứ đồ.

Bài ca chuyển sang việc thể hiện các kết quả của sự cứu chuộc: **và Ngài đã làm cho những người ấy nên nước, và thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời chúng ta; những người ấy sẽ trị vì trên mặt đất.** Việc sử dụng **những người ấy** thay vì **"chúng ta"** chỉ ra sự bao la và toàn diện của công tác cứu chuộc. Hai mươi bốn vị trưởng lão bản thân họ vượt qua các thánh đồ thuộc mọi thời đại mà bước vào sự ca tụng ngợi khen và tin kính của họ. Người được chuộc là một phần trong **nước** của Đức Chúa Trời (xem 1:6), một cộng đồng những người tin Chúa ở dưới quyền tế lễ của Đức Chúa Trời. Họ cũng là **thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời chúng ta** (đối chiếu 20:6), chỉ ra họ hoàn toàn tiếp cận với sự hiện diện của Đức Chúa Trời để thờ phượng và phục vụ. Chức thầy tế lễ hiện nay của các tín đồ (IPhi 2:5, 9) tỏ ra trước rằng cái ngày trong tương lai khi chúng ta sẽ hoàn toàn tiếp cận và tương giao trọn vẹn với Đức Chúa Trời. Trong vương quốc thiên hiên, những người tin Chúa sẽ **đồng trị trên đất** với Đấng Christ (20:6; ITi 2:12).

Trong câu 1, Giăng nói ở lần thứ tư trong chương rằng ông đã nhìn thấy một việc quan trọng. Khi ông **nhìn xem, nghe bốn bên ngai và các sanh vật cùng các trưởng lão, có tiếng của vô số thiên sứ; thiên sứ hàng muôn hàng ngàn**, (đối Da 7:10). Về tiếng nói của bốn con sanh vật và hai mươi bốn trưởng lão đã được thêm vào với tiếng của các thiên sứ vô số. **Hàng muôn hàng ngàn** có nghĩa là "10.000", rõ ràng là con số cao nhất mà chữ Hy Lạp có một từ. Cụm từ hàng muôn hàng ngàn mô tả một đạo binh không thể đếm được. He 12:1 cũng chép rằng số các thiên sứ thánh không thể đếm được. Số lượng họ nhiều gấp hai lần các thiên sứ sa ngã (ma quỷ) theo Kh 12:3-4.

Đạo binh lớn bắt đầu **nói tiếng lớn** (Ne 9:4; Thi 33:3; "kêu cầu lớn tiếng", 98:4 "nức tiếng") sự ca tụng quen thuộc, **Chiên Con đã chịu giết đáng được quyền phép, giàu có, khôn ngoan, năng lực, tôn quý, vinh hiển và ngợi khen!** Một lần nữa, phản nhân mạnh nhắm vào sự chết của Đấng Christ cung ứng một sự cứu chuộc trọn vẹn, vì có đó người ta phải dành cho Ngài sự tôn thờ, khen ngợi, và sùng bái. Ngài xứng đáng nhận lãnh sự công nhận vì có **quyền phép** và sự toàn năng của Ngài. Ngài xứng đáng nhận được sự công nhận vì có **sự giàu có** vật chất và thuộc linh mà Ngài hiện có — Ngài có mọi sự (Thi 50:10-12). Ngài xứng đáng nhận được sự công nhận vì **sự khôn ngoan** và sự toàn tri của Ngài. Về mọi sự đó và mọi sự trọn vẹn tuyệt đối khác của Ngài, Đức Chúa Jêsu Christ xứng đáng với mọi **năng lực, tôn quý, vinh hiển và ngợi khen!**

Giống như bài thánh ca ngợi khen lên cao dần, **mọi vật dựng nên trên trời, dưới đất, bên dưới đất trên biển, cùng mọi vật ở đó** đều tham gia vào. Câu nói bao hàm này là một sự gợi nhớ đến Thi thiên 69:34: **"Nguyện trời, đất, biển, và các vật hay động trong đó, đều ngợi khen Ngài"** và câu kết thúc của sách Thi thiên: **"Phàm vật chi thở, hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va! Ha-lê-lu-gia!"** (Thi 150:6). Giai điệu hùng hồn này kêu lớn tiếng lên: **"Chúc cho Đấng ngồi trên ngai, cùng Chiên Con, được ngợi khen, tôn quý, vinh hiển, và quyền phép cho đến đời đời"**. Ôn phước vô tận, vinh hiển vô tận, khen ngợi vô tận, vinh quang vô tận, và sự thờ phượng vô hạn thuộc về Đức Chúa Cha, và Đức Chúa Jêsu Christ. Loài thọ tạo không thể chứa hết niềm vui của nó đối với sự cứu chuộc sắp xảy ra (đối chiếu Ro 8:19-22).

Lạc mất trong sự kỳ diệu, yêu thương, và ngợi khen, bốn con sanh vật chỉ có thể **nói "Amen"**. Lời khẳng định long trọng có ý nói "nguyện được như thế", "xin hãy khiến cho việc xảy ra" (đối chiếu 1:6-7). **Và các trưởng lão sấp mình xuống mà thờ lạy.**

Không bao lâu nữa, đạo binh hùng mạnh này sẽ diễu hành ra khỏi thiên đàng để thi hành sự phán xét, thu lấy kẻ được chọn và tái lâm cùng với Đấng Christ khi Ngài dựng nên vương quốc trên đất của Ngài. Bối cảnh đã được thiết lập.

Khởi Đầu Của Sự Cuối Cùng

Bốn Cái Ấn Đầu Tiên

(Kh 6:1-8)

13

“Tôi nhìn xem, khi Chiên Con mở ấn thứ nhất trong bảy ấn thì tôi thấy một con trong bốn con sanh vật nói tiếng như sấm rằng: Hãy đến! Tôi nhìn xem, thấy một con ngựa bạch. Người cỡi ngựa có một cái cung; có kẻ ban cho người một cái mào triều thiên, và người đi như kẻ đã thắng lại đến đâu cũng thắng. Khi Chiên Con mở ấn thứ nhì, tôi nghe con sanh vật thứ nhì nói: Hãy đến! Liền có con ngựa khác sắc hồng hiện ra. Kẻ ngồi trên ngựa được quyền cất lấy cuộc hòa bình khỏi thế gian, hầu cho người ta giết lẫn nhau; và có kẻ ban cho người một thanh gươm lớn. Khi Chiên Con mở ấn thứ ba, tôi nghe con sanh vật thứ ba nói: Hãy đến! Tôi nhìn xem, thấy một con ngựa ô. Kẻ ngồi trên ngựa tay cầm cái cân. Tôi lại nghe ở giữa bốn con sanh vật như có tiếng nói rằng: Một đấu lúa mì bán một đơ-ni-ê, ba đấu mạch nha bán một đơ-ni-ê, còn dầu và rượu chớ động đến. Khi Chiên Con mở ấn thứ tư, tôi nghe con sanh vật thứ tư nói: Hãy đến! Tôi nhìn xem, thấy một con ngựa vàng vàng hiện ra. Người cỡi ngựa ấy tên là Sự Chết, và Âm phủ theo sau người. Họ được quyền trên một góc tư thế gian, để bắt hại dân sự bằng dao, bằng đói kém, bằng dịch lệ và bằng các loài thú dữ trên đất” (Kh 6:1-8)

Kinh Thánh dạy rằng thế gian không lay chuyển đã không hướng đến hoà bình và thống nhất, mà hướng đến một cuộc chiến tranh sau cùng, lớn lao, chiến trận A-t-ma-ghê-đôn (16:14–16). Cho tới bầu không khí tàn sát, nhiều việc sẽ tiếp tục xấu đi khi thế gian càng sa ngày càng sâu vào hỗn loạn, lộn xộn, và tội lỗi. Khi sự cuối cùng đến, chiến tranh gia tăng, tội ác gia tăng, sẽ có nhiều biến động về kinh tế, cùng các thảm họa trong thiên nhiên chưa từng thấy, tỉ như các trận động đất, lũ lụt, đói kém và bệnh tật (đối chiếu Ma-thi-ơ 24:6–8). Hết thảy các tai vạ ấy sẽ đánh dấu sự đổ ra cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng trên thế giới sa ngã, loạn nghịch.

Các tiên tri trong Cựu Ước nói về thời kỳ khủng khiếp về sự phán xét trong tương lai này. Khi mô tả nỗi khổ của Israel trong kỳ ấy, Giê-rê-mi viết: **“Khốn thay! Ngày đó thật lớn, đến nỗi chẳng hề có ngày nào giống như vậy. Ấy là kỳ tai hại của Gia-cốp!”** (Giê-rê-mi 30:7). Khi mô tả sự phán xét hậu đến của các dân Ngoại, Ê-sai đã viết:

“Hỡi các nước, hãy đến gần mà nghe; hỡi các dân, hãy để ý! Đất và mọi vật trong nó thế gian và mọi vật sanh ra đó, hãy đều nghe! Vì Đức Giê-hô-va nổi giận nghịch cùng mọi nước; cơn thịnh nộ Ngài nghịch cùng cả đạo binh họ; Ngài đã giao họ cho sự diệt vong, phó cho sự đánh giết. Kẻ bị giết trong chúng nó sẽ phải ném bỏ, thây chết bay mùi hôi; các núi đầm đìa những máu. Cả cơ binh trên trời sẽ tan tác, các tầng trời cuốn lại như cuốn sách; cả cơ binh điều tàn như lá nho rụng, như lá vả khô rơi xuống” (Ê-sai 34:1-4)

Trong Kh 5:1-7, Đấng Christ đã nhận từ Đức Chúa Cha một cuộn giấy được đóng với bảy cái ấn cho tới chùng được mở ra bởi Đấng có thẩm quyền để làm công việc ấy. Cuộn giấy chứa việc làm xác định cho địa cầu. Không giống như các việc làm thông thường, nó không chứa phần mô tả về cơ nghiệp của Đấng Christ, nhưng thay vì thế, nó chứa các chi tiết cho thấy Ngài sẽ thực thi việc tái xưng nhận những gì thuộc về Ngài theo cách hợp pháp. Khởi sự ở chương 6, cuộn giấy được mở ra và mấy cái ấn được tháo ra. Việc mở ra cuộn giấy đánh dấu phần mở đầu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời và sự phán xét giáng trên con người tội lỗi khi Chúa lấy lại tạo vật ra khỏi tay kẻ chiếm đoạt, là Sa-tan.

Mỗi cái ấn của cuộn giấy (đối chiếu 5:1) tiêu biểu cho một sự phán xét thiêng liêng đặc biệt sẽ tuần tự được đổ ra trên đất. Các cái ấn bao gồm toàn bộ thời kỳ Đại Nạn (3:10), lên đến cao điểm với sự tái lâm của Đấng Christ. Cách tốt nhất để tìm hiểu bốn cái ấn đầu tiên như đang diễn ra trong nửa đầu của Con Đại Nạn, cái ấn thứ năm kéo dài từ ấn thứ nhất đến phân nửa ấn thứ nhì, (được gọi là "con đại nạn" trong 7:14 và kéo dài ba năm rưỡi 11:2; 12:6; 13:5) rồi ấn thứ sáu và thứ bảy xảy ra trong suốt "con đại nạn đó". Rõ ràng, ấn thứ bảy chứa những sự phán xét bằng bảy tiếng kèn (8:1-11:19) và tiếng kèn thứ bảy (11:15) chứa những sự phán xét qua bảy cái bát (16:1-21). Cho nên bảy cái ấn chứa hết thấy những sự phán xét cho đến cuối cùng khi Đức Chúa Jêsu Christ tái lâm.

Sự mở ra bảy cái ấn tương ứng với phần niên đại của Chúa chúng ta về các biến cố của Con Đại Nạn được thấy trong chính sử điệp của Chúa Jêsu mô tả kỳ tận thế và sự tái lâm của Ngài, được ghi lại trong Ma-thi-ơ 24. Cái ấn thứ nhất mô tả một sự hòa bình giả dối, ngăn ngừa sẽ đi trước cuộc tàn sát lần cuối cùng. Trong Mat 24:4-5, Chúa Jêsu cũng nói về sự hoà bình ấy, cảnh cáo về các christ giả, dối gạt, họ cứ nói về sự hoà bình đó. Cái ấn thứ hai mô tả cuộc chiến tranh trên toàn thế giới, điều này Chúa Jêsu cũng có tiên đoán (Ma-thi-ơ 24:6-7). Cái ấn thứ ba, đói kém, tìm gặp một sự tương ứng trong Mat 24:7. Trong cùng câu đó, Chúa Jêsu tiên đoán các trận động đất, tiêu biểu cho thiên tai; cái ấn thứ tư tiêu biểu cho chết chóc bởi các thảm hoạ thiên nhiên như vậy, bao gồm động đất và dịch lệ. Cái ấn thứ năm, chỉ ra nhiều người tuân đạo ở dưới bàn thờ, tìm thấy một sự tương ứng trong lời cảnh cáo của Chúa Jêsu rằng những người tin Chúa sẽ bị tuân đạo trong Kỳ Đại Nạn (Mat 24:9). Trong suốt lần mở cái ấn thứ sáu, bầu trời trở nên đen kịt lại — giống như Chúa Jêsu tiên đoán bầu trời sẽ ra như thế (Ma-thi-ơ 24:29). Cái ấn thứ bảy cho thấy những sự phán xét đầy biến động sau cùng, bao gồm hết thấy sự tàn phá từ các lần phán xét bằng tiếng kèn và cái bát, dẫn tới lần đến lần thứ hai của Ngài (Mat 24:37...).

Giống như cơn đau đẻ của người mẹ tăng theo tần số và cường độ khi thời điểm sinh con đến gần, cũng một thể ấy những sự phán xét được mô tả bởi mấy cái ấn sẽ tăng lên suốt kỳ Đại Nạn cho đến khi chúng lên đến cao điểm trong lần đến của Đức Chúa Jêsu Christ trong sự vinh hiển phán xét. Bốn cái ấn đầu tiên bao gồm thời kỳ Chúa Jêsu được mô tả là **"đầu sự tai hại"** (Mat 24:8). Bốn sự phán xét ấy thật là kinh khủng, chúng chỉ là sự đổ ra mở đầu cho cơn thanh nộ sau cùng của Đức Chúa Trời trong ba cái ấn sau cùng.

CÁI ẤN THỨ NHẤT: SỰ HOÀ BÌNH GIẢ DỐI

"Tôi nhìn xem, khi Chiên Con mở ấn thứ nhất trong bảy ấn thì tôi thấy một con trong bốn con sanh vật nói tiếng như sấm rằng: Hãy đến! Tôi nhìn xem, thấy một con ngựa bạch. Người cỡi ngựa có một cái cung; có kẻ ban cho người một cái mũ triều thiên, và người đi như kẻ đã thắng lại đến đâu cũng thắng" (Kh 6:1-2)

Các chương 4 và chương 5 mô tả sự ngợi khen được dâng lên ở trên trời cho Đức Chúa Cha và Đức Chúa Jêsu Christ. Chương 4 tôn vinh Đức Chúa Trời trong vai trò Đấng Tạo Hoá (đối chiếu 4:11) trong khi chương 5 tôn vinh Đức Chúa Jêsu Christ là Đấng Cứu Chuộc (đối chiếu 5:9-10). Thành linh, khi những cái ấn khởi sự được mở ra trong chương 6, sự ngợi khen đình lại khi lường trước sự đoán phạt sắp xảy tới. Giờ đây bối cảnh chuyển từ trời cao xuống đất, đó sẽ là trọng tâm của các biến cố qua sự tái lâm của Đấng Christ trong chương 19 và sự thiết lập vương quốc trên đất của Ngài trong chương 20.

Sau khi nhận được từ Đức Chúa Cha công việc xác định cho địa cầu (5:7), **Chiên Con** (Đức Chúa Jêsu Christ) đã **mở ấn thứ nhất trong bảy ấn**. Giống như mỗi ấn bị mở ra trong sự hiện thấy, những gì đã được ghi chép trên cuộn giấy không được đọc, nhưng đã được làm ra. Ngay lập tức, Giăng nghe thấy **một trong bốn con sanh vật** (Chê-ru-bin, một đẳng cấp thiên sứ cao quý — đối chiếu Ê-xê-chi-ên 10:15 và xem phần thảo luận 4:6-8 chương 11 của sách này) **nói tiếng như sấm: "Hãy đến"**. Để đáp lại lời triệu tập của thiên sứ, **một con ngựa bạch** có người cỡi trên nó. Bốn cái ấn đầu tiên liên quan đến ngựa và người cỡi ngựa (được gọi là bốn người cỡi ngựa trong sách Khải huyền). Ngựa trong Kinh Thánh được gắn kết với chiến thắng, oai nghi, quyền lực, và chinh phục (thí dụ 19:11, 14; Giop 39:19-25; Ch 21:31; Es 43:17; Gie 6:23; Xai 9:10; 10:3).

Sau khi thấy phần tương ứng với 19:11, có người xác định **người cỡi** con ngựa bạch là Đấng Christ. Nhưng kể từ khi Đấng Christ mở cuộn giấy bị đóng ấn ra, Ngài không thể là người cỡi ngựa cho được. Hơn nữa, người cỡi ngựa này đội một **stephanos**, một vương miện chiến thắng như là một phần thưởng vậy; trong 19:12 Đấng Christ đội nhiều **diademas**, vương miện hoàng gia. Không giống như người cỡi ngựa này, là người có cái cung, Đấng Christ mang một thanh gươm (19:15). Sau cùng, Đấng Christ tái lâm ở phần cuối Kỳ Đại Nạn, chứ không phải vào lúc khởi sự của kỳ ấy.

Nhiều người khác xác định người cỡi ngựa là Anti-christ. Nhưng kể từ khi ba người cỡi ngựa kia không tiêu biểu cho các cá nhân mà cho các thế lực không riêng ai (chiến tranh, đói kém, và chết chóc), vậy nên tốt nhất phải xem người thứ nhứt cũng là một thế lực nữa. Thế lực đó được định nghĩa tốt nhất là một sự hòa bình trên toàn thế giới, bị tan rã trong suốt cái ấn thứ nhì bởi người cỡi ngựa thứ nhì (6:4). Tuy nhiên, như sẽ thấy, Anti-christ sẽ đóng vai trò lãnh đạo thúc đẩy ám ảnh toàn cầu với việc tìm kiếm hòa bình.

Vì vậy, trước khi những nỗi kinh khiếp của kỳ Đại Nạn nổ ra và dẫn tới trận chiến A-t-ma-ghe-đôn, sẽ có một thời kỳ hòa bình cấp thế giới. Nhưng nó sẽ là một nền hòa bình giả tạo, khi thế giới bị lừa vào một ý thức giả dối về an ninh nối theo sau bởi chiến tranh, đói kém, và chết chóc. Mong muốn tuyệt vọng của thế giới về hòa bình quốc tế sẽ là mồi cho cái bẫy của Sa-tan. Sự khao khát về an ninh và an toàn sẽ thực hiện trong bàn tay của Anti-christ, nhà cai trị của Sa-tan, hắn sẽ thuyết phục thế giới rằng hắn có thể cung ứng cho họ. Đặc biệt, hắn sẽ lừa dối Israel, dân sự Do-thái luôn muốn có một nền hòa bình lâu dài, và hắn **“sẽ lập giao ước vững bền với nhiều người [Israel] trong một tuần lễ”** (Da 9:27). Tuy nhiên, hiệp ước hòa bình và sự bảo hộ của Anti-christ sẽ không kéo dài: **“và đến giữa tuần ấy, người sẽ khiến cửa lễ và cửa lễ chay đứt đi. Kể hủy phá sẽ đến bởi cánh gươm ghiếc, và sẽ có sự giận dữ đổ trên nơi bị hoang vu, cho đến kỳ sau rốt, là kỳ đã định”** (Đaniên 9:27). Sự bình an giả tạo mà Anti-christ đem lại sẽ phải dừng lại đột ngột ở điểm giữa của Kỳ Đại Nạn khi hắn báng bỏ Đền Thờ tại thành Giê-ru-sa-lem, phản bội dân Do-thái, rồi mở ra những cuộc tấn công chết chóc thẳng vào họ (đối chiếu Ma-thi-ơ 24:4–10). Sẽ chẳng có sự bình an chi hết cho tới chừng nào Chúa Bình An dựng lên vương quốc đời này của Ngài (20:1–6).

Kinh Thánh lặp đi lặp lại lời cảnh cáo về miếng mồi hoà bình giả tạo. Giê-rê-mi mô tả những kẻ trong thời của ông họ tuyên bố: **“Bình an! bình an! mà không bình an chi hết”** (Gie 6:14; 8:11). Ông kêu la với Đức Giê-hô-va: **“Tôi bèn thưa rằng: Ôi! hỡi Chúa Giê-hô-va, nầy các tiên tri bảo họ rằng: Các người sẽ không thấy gươm đao, sẽ chẳng có đói kém; nhưng ta sẽ ban sự bình an bền lâu cho các người ở trong miền này”** (Gie 14:13). Đức Giê-hô-va đáp: **“Ấy là những lời nói dối, mà các tiên tri đó nhân danh ta truyền ra. Ta chẳng từng sai họ đi, chẳng từng truyền linh và chẳng từng phán cùng họ. Họ nói tiên tri đó là theo những sự hiện thấy giả dối, sự bói khoa, sự hư không, và sự lừa gạt bởi lòng riêng mình!”** (câu 14). Khi viết về sự dối gạt về sự bình an giả tạo tương ứng như thế này, Phao-lô nói: **“Khi người ta sẽ nói rằng: Bình hòa và an ổn, thì tai họa thành linh vụt đến, như sự đau đớn xảy đến cho người đàn bà có nghén, và người ta chắc không tránh khỏi đâu”** (ITe 5:3).

Dường như rất khó tin rằng thế giới, đang lơ lửng trên bờ vực của thảm họa sau cùng, có thể bị dối gạt hoàn toàn như thế. Tuy nhiên, đây chính là những gì đã xảy ra ở quy mô nhỏ hơn trước khi cuộc chiến tranh phá tán nhất diễn ra, là Thế chiến II. Adolf Hitler vạch ra chi tiết kế hoạch chinh phục trong cuốn sách của ông có đề tựa là Mein Kampf, xuất bản hơn một thập niên trước khi Thế chiến II bắt đầu. Dù vậy, thật khó tin là các đồng minh phương Tây (đặc biệt là Anh và Pháp) cứ khăng khăng tin rằng lời xưng nhận giả dối của Hitler là một nhân vật của hòa bình. Họ đứng im lìm khi ông ta tái chiếm vùng Rhineland (khu phi quân sự sau Thế chiến I), do đó hủy bỏ Hiệp ước Versailles, sau đó là Áo, Sudetenland và Tiệp Khắc. Với việc muốn xoa dịu Hitler và tránh né chiến tranh, Thủ tướng Anh Neville Chamberlain đến gặp nhà độc tài Đức quốc xã tại Munich năm 1938. Khi ông trở lại Anh, Chamberlain đắc thắng vẫy một tờ giấy trên tay (chứa một cam kết vô giá trị về hòa bình từ Hitler) mà ông tuyên bố được bảo đảm **“hoà bình với danh dự . . . hòa bình cho thời đại của chúng ta”**. Khi Winston Churchill (một trong số ít người mà Hitler không hề nắm được) đã dấy lên trong Hạ viện tuyên bố rằng nước Anh đã phải chịu đựng một sự thất bại hoàn toàn, ông đã bị những thành viên đầy giận dữ trong Quốc hội hò hét. Sự dối gạt gần như quá phổ biến; gần như ai nấy đều hiểu sai các dự tính của Hitler. Chín sau khi ông xâm chiếm Ba-lan vào tháng 9 năm 1939, sau cùng các đồng minh mới công nhận sự thật. Đến lúc đó thì đã quá trễ để tránh né thảm họa của Đệ II Thế chiến.

Người cỡi ngựa có **một cái cung** song chẳng có mũi tên nào hết, rồi người ấy được tôn vinh với một **mão triều thiên có kẻ đã ban cho người**, cho thấy rằng công cuộc **chinh phục** của người sẽ liên quan đến các chiến thắng không đổ máu. Mão triều thiên của ông (stephanos) là vương miện của người chiến thắng. Người thực sự chẳng phải là một vị vua và không có một vương miện thực sự nào (diadēma) cho nhà vua cả, nhưng đã đạt được một vương miện từ thế gian vì những thành tựu đặc thắng của người dẫn đến hòa bình cấp thế giới. Người sẽ không **thắng** bởi quân đội, nhưng bằng cách khéo léo và gian dối (đối chiếu IITe 2:9-11). Chiến thắng của người sẽ là một cuộc chiến thắng "chiến tranh lạnh", một nền hòa bình đạt được theo sự nhất trí, chứ không phải do xung đột (Da 9: 24-27). Ngay cả khi số phận sau cùng của thế gian đến gần, Anti-christ sẽ hứa hẹn một thời hoàng kim của nền hòa bình và thịnh vượng. Với lòng biết ơn, cả thế giới sẽ tôn tâng ông và nâng ông lên vị trí lãnh đạo tối cao. Nhưng cả hai: những lời tuyên bố và nền hòa bình sẽ không tồn tại được lâu dài đâu.

CÁI ẤN THỨ HAI: CHIẾN TRANH

“Khi Chiên Con mở ấn thứ nhì, tôi nghe con sanh vật thứ nhì nói: Hãy đến! Liền có con ngựa khác sắc hồng hiện ra. Kẻ ngồi trên ngựa được quyền cất lấy cuộc hòa bình khỏi thế gian, hầu cho người ta giết lẫn nhau; và có kẻ ban cho người một thanh gươm lớn” (Kh 6:3-4)

Tâm trạng hưng phấn của thế giới về nền hòa bình và hài hoà sẽ bị tan tác khi con ngựa thứ hai và người cỡi ngựa xuất hiện trên bối cảnh. Giống như Đệ II Thế Chiến nổi theo sau nền hòa bình giả tạo do Hitler thiết lập, cũng một thể ấy những cuộc chiến tranh tàn phá sẽ lan rộng khắp thế giới theo sau sự sụp đổ hoà bình giả tạo của Anti-christ. Đây là câu chuyện chuyển sang tồi tệ và cứ như thế cho đến khi Nhà Vua đích thực tái lâm để thiết lập vương quốc của Ngài.

Khi Chiên Con **mở ấn thứ nhì** Giăng **nghe con sanh vật thứ nhì** triệu người cỡi ngựa thứ nhì, **nói: “Hãy đến”**. Ngay lập tức **con ngựa sắc hồng hiện ra. Hồng**, màu của lửa và huyết, mô tả chiến tranh. Sự phán xét của Đức Chúa Trời giáng xuống và sự bình an giả tạo, ngăn ngui do Anti-christ đưa ra trở thành một cuộc tàn sát đầm máu.

Trước tiên, Giăng lưu ý, về người cỡi ngựa, rằng **Kẻ ngồi trên ngựa được quyền cất lấy cuộc hòa bình khỏi thế gian**. Mọi sự xảy ra đều ở dưới quyền tể trị của Đức Chúa Trời. Ngài cho phép sự hòa bình giả tạo, và Ngài kết thúc nó rồi đưa chiến tranh đến trên đất. Ngược lại với sự dạy của một số người, những sự phán xét trong kỳ Đại Nạn không phản ảnh cơn giận dữ của loài người hay cơn thịnh nộ của Sa-tan; chúng chỉ tỏ ra cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đổ ra trên thế gian. Chính Ngài là Đấng cầm lấy cuộn giấy đóng bẩy ấn và Chiên Con mới là Đấng mở nó ra. Đôi khi sớm sủa trong nửa đầu của kỳ Đại Nạn, trong phần khởi sự đau đớn khi sinh con (đối chiếu Mat 24:8; Mac 13:7-8; Lu 21:9), nền hòa bình cấp thế giới đổi thành xung đột khắp thế giới giống như **hòa bình biến khỏi thế gian** vậy. Khi mô tả thời kỳ này, Chúa Jêsus phán: **“Các người sẽ nghe nói về giặc và tiếng đồn về giặc ... Dân này sẽ đẩy lên nghịch cùng dân khác, nước nọ nghịch cùng nước kia”** (Mat 24:6-7). **Người ta giết lẫn nhau** trên một cấp độ không lường được. Tàn sát bạo lực sẽ trở nên phổ biến. Trong khi Kinh thánh không cung ứng chi tiết, những tiến bộ trong kho vũ khí hiện đại cho thấy một vụ tàn sát khủng khiếp không thể tưởng tượng được.

Giăng cũng lưu ý rằng **một thanh gươm lớn** đã được trao cho người cỡi ngựa. Machaira (gươm) đề cập đến loại gươm mà người lính La-mã đeo bước vào chiến trường. Nó cũng là một thứ vũ khí được sử dụng bởi các tay sát thủ. Sự hiện thấy mô tả một **thanh gươm lớn** để mô tả phạm vi của cuộc chiến. Khi ấy, nền hòa bình giả dối của Anti-christ sẽ tan tác trong một vòng xoáy chiến tranh, ám sát, nổi loạn, và tàn sát.

Khi hấn nổi lên trong việc thúc đẩy một nền hòa bình giả tạo, sau cùng Anti-christ sẽ đóng vai chính trong cuộc chiến tranh nổi theo sau đó. Mặc dù là kiến trúc sư trưởng của nền hòa bình giả tạo, khi chiến tranh nổ ra trên khắp thế giới, hấn sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc dùng đến chiến tranh để duy trì uy quyền và thế lực của mình. Anti-christ sẽ khéo léo trong chiến tranh khi hấn có mặt thúc đẩy nền hòa bình giả tạo. Da 8:24 mô tả sự nghiệp của hấn trong vai trò một chiến binh: **“Quyền thế người sẽ lớn thêm, nhưng không phải bởi sức mình. Người làm những sự tàn phá lạ thường; và được thịnh vượng, làm**

theo ý mình, hủy diệt những kẻ có quyền và dân thánh”. Giữa vòng các nạn nhân của hắn sẽ là nhiều người thuộc dân sự của Đức Chúa Trời (đối chiếu 6:9; Mat 24:9).

Anti-christ dựng lên sự gớm ghiếc hoang vu (Da 11:31; 12:11; Mat 24:15) sẽ có nhiều sự xung đột rất lớn, được mô tả chi tiết trong Da 11:36-45:

“Vua sẽ làm theo ý muốn mình; kiêu ngạo và lên mình cao hơn hết các thần; nói những lời lạ lùng nghịch cùng Đức Chúa Trời của các thần. Người sẽ được may mắn cho đến khi con thanh nộ Chúa được trọn, bởi vì điều gì đã có chỉ định thì phải ứng nghiệm. Người sẽ không đoái xem các thần của tổ phụ mình, cùng kẻ mà đàn bà vẫn mến. Người sẽ chẳng coi thần nào ra gì; bởi vì người tôn mình lên cao hơn hết cả. Nhưng người sẽ ở chỗ mình tôn kính thần của các đôn lũy; người sẽ lấy vàng, bạc, đá quý, và những vật tốt đẹp mà tôn kính thần tổ phụ mình không biết. Người sẽ cậy thần lạ giúp cho mà lấy các đôn lũy vững bền, và người sẽ ban thêm sự vinh hiển cho kẻ nào nhận mình. Người cho họ cai trị nhiều người, và chịu tiền bạc mà chia đất. Đến kỳ sau rốt, vua phương nam sẽ tranh chiến cùng người. Vua phương bắc đem xe binh, lính kỵ và nhiều tàu, xông đến vua đó như cơn gió lốc. Người sẽ lấn vào các nước, tràn tới và đi qua. Người sẽ vào đến đất vinh hiển, và nhiều nước sẽ bị đổ. Song những người Ê-đôm, người Mô-áp và những kẻ làm đầu trong dân Am-môn sẽ thoát khỏi tay người. Người sẽ giang tay ra trên các nước, và đất Ê-díp-tô sẽ không thoát khỏi. Người sẽ chiếm lấy các của báu, vàng và bạc, cùng hết thảy đồ quý báu của Ê-díp-tô. Dân Li-by và dân Ê-thi-ô-bi sẽ theo sau người. Song những tin tức từ phương đông và phương bắc sẽ đến làm cho người bối rối; người sẽ giận lắm mà đi ra để tàn phá và hủy diệt nhiều người. Người sẽ đặt các trại của cung mình ở khoảng giữa biển cùng núi vinh hiển và thánh. Song người sẽ đến sự cuối cùng mình, và chẳng có ai đến giúp đỡ người cả”.

Là đầu của liên minh Tây phương, Anti-christ, như đã nói ở trên, ban đầu sẽ tỏ mình là một nhà vô địch hoà bình. Thậm chí hắn dường như làm được những điều mà không ai có thể làm được, mang lại hòa bình cho vùng Trung Đông rồi rầm kia. Hắn sẽ lập một hiệp ước với Israel, xem như là người bảo hộ và bảo vệ họ. Nhưng chẳng bao lâu các màu sắc thực sự của hắn sẽ bày ra, và mong muốn của hắn về sự thống trị sẽ kích thích sự loạn lạc. Các nỗ lực của Anti-christ hòng tiêu diệt kẻ thù của mình và cai trị họ bằng một bàn tay sắt sẽ mở ra những cuộc chiến tranh kéo dài suốt phần còn lại của Kỳ Đại Nạn. Sau cùng, khi Nhà Vua đích thực của trần gian, là Đức Chúa Jêsus Christ, tái lâm, Anti-christ sẽ bị quăng vào trong hồ lửa cho đời đời (20:10).

Các cuộc chiến tranh bắt đầu với phần mở ra của ấn thứ nhì kéo dài phần thời gian ngắn ngủi còn lại trước sự đến của vương quốc thiên hi niên.

CÁI ẤN THỨ BA: ĐÓI KÉM

“Khi Chiên Con mở ấn thứ ba, tôi nghe con sanh vật thứ ba nói: Hãy đến! Tôi nhìn xem, thấy một con ngựa ô. Kề ngồi trên ngựa tay cầm cái cân. Tôi lại nghe ở giữa bốn con sanh vật như có tiếng nói rằng: Một đấu lúa mì bán một đơ-ni-ê, ba đấu mạch nha bán một đơ-ni-ê, còn dầu và rượu chớ động đến” (Kh 6:5-6)

Khi Chiên Con **mở ấn thứ ba**, tiếng nói mạnh mẽ của **con sanh vật thứ ba** loan báo cho biết sự xuất hiện của con ngựa thứ ba và người cỡi ngựa. Cách sử dụng từ **“kia”** cho thấy ông giật mình và bị sốc vì vẻ bề ngoài đáng sợ của người cỡi ngựa thứ ba. **Màu đen** được gắn kết với đói kém ở Ca 5:10 (KJV). Đói kém là hậu quả hợp lý của chiến tranh cấp thế giới vì nguồn cung ứng lương thực bị phá hủy và những ai dính dáng vào sản xuất lương thực đều bị giết chết. Chúa Jêsus cũng dự đoán nạn đói kém trong tương lai ở Mat 24:7: **“Dân này sẽ nghịch cùng dân khác, nước nọ nghịch cùng nước kia; nhiều chỗ sẽ có đói kém và động đất”**. Đức Chúa Trời đã sử dụng đói kém như một phương tiện của sự phán xét trong quá khứ (thí dụ Le 26:26; Phu 32:24; IIVua 8:1; Thi 105:16; Es 3:1; Gie 16:4; Exe 4:16-17; 5:16; 14:13; Ag 1:11), nhưng đây sẽ là sự đói kém tàn phá nhất trong cả thảy lịch sử của con người.

Cái cân mà người cỡi ngựa **cầm nơi tay** phác họa sự phân phối sẽ kết quả từ nạn đói. Như ở Hoa Kỳ trong thời kỳ Suy Thoái, ở châu Âu sau Đệ II Thế Chiến, và ngày nay ở nhiều quốc gia thuộc thế giới thứ ba bị chiến tranh tàn phá, sẽ có những người đói khát đang đứng xếp hàng nhận lấy đồ ăn. Nhưng họ sẽ không tìm thấy đủ thức ăn để sống tiếp, khi cái ấn thứ tư trong sự hiện thấy của Giăng tỏ ra. Theo sau sự xuất hiện

của con ngựa ô và người cưỡi ngựa, Giăng nghe ở giữa bốn con sanh vật. Vì bốn con sanh vật được đặt ở xung quanh ngài (4:6), đây có thể là tiếng của Đức Chúa Trời, là Đấng đang ngồi trên ngai (4:2-3). Đức Chúa Trời cũng phán trong sự kết nối với cái ấn thứ năm (6:11). Ngài phán ở đây như một lời nhắc nhở rằng đối kém là một sự phán xét trực tiếp ra từ Ngài.

Những lời loan báo của Đức Chúa Trời cho thấy đối kém gây ra sự tàn phá là đường nào: **Một đấu lúa mì** không đủ trợ giúp cho một người sống trong một ngày, đang khi một đơ-ni-ê tiêu biểu cho lương một ngày công của một công nhân trung bình. Lao động của người dân sẽ chưa cung ứng đủ lương thực cho bản thân họ và không đủ cho gia đình họ. Những người với gia đình của họ sẽ có thể mua ba đấu lúa mì cho một đơ-ni-ê. Có như thế mới cung ứng thức ăn cho gia đình của họ, nhưng lúa mì có giá trị dinh dưỡng thấp và thường để nuôi bầy gia súc. Do đó, tiền lương của một người sẽ khó mà nuôi ba người ăn với thứ thức ăn có chất lượng thấp. Cả hai bối cảnh này đều tiêu biểu cho tiền lương trong cảnh đói nghèo, và báo hiệu những điều kiện đối kém rất nghiệt ngã.

Trong ánh sáng của các điều kiện cùng cực ấy, Đức Chúa Trời cảnh báo mọi người ta **chớ đụng đến [phung phí] dầu và rượu**. Các thứ thực phẩm cơ bản sẽ trở thành những món xa hoa vô giá. **Dầu** ôliu và **rượu**, được sử dụng trong việc chuẩn bị và nấu nướng thức ăn, cũng như lọc cho nước sạch, cần phải được bảo vệ cẩn thận.

Một nền hòa bình giả tạo nối theo sau là những chiến cuộc trên toàn thế giới và nạn đói tàn phá trên toàn cầu sẽ kết hợp làm leo thang mọi hỗn loạn trong vũ trụ. Mọi sự này sẽ xảy ra trong nửa đầu của kỳ Đại Nạn, trong khi điều tồi tệ nhất sẽ xảy tới.

CÁI ẤN THỨ TƯ: SỰ CHẾT

“Khi Chiên Con mở ấn thứ tư, tôi nghe con sanh vật thứ tư nói: Hãy đến! Tôi nhìn xem, thấy một con ngựa vàng vàng hiện ra. Người cỡi ngựa ấy tên là Sự Chết, và Âm phủ theo sau người. Họ được quyền trên một góc tư thế gian,ặng sát hại dân sự bằng gươm dao, bằng đói kém, bằng dịch lệ và bằng các loài thú dữ trên đất” (Kh 6:7-8)

Cái ấn thứ tư trong sự hiện thấy nối theo sau khuôn mẫu của ba cái ấn đầu tiên. **Chiên Con** đã mở **cái ấn thứ tư và con sanh vật thứ tư** triệu tập con ngựa thứ tư và người cỡi nó. Giăng mô tả con ngựa sau cùng là **con ngựa vàng vàng**. Chloros (ashen, vàng vàng), từ đó tiếng Anh mới có chữ "chlorophyll" (chất diệp lục) và "chlorine" ("clor"), đề cập đến một màu vàng vàng. Nó mô tả thảm thực vật xanh trong nó, Tân Ước cũng sử dụng (8:7; 9:4; Mac 6:39). Màu của con ngựa mô tả tế nhị sự chết chóc màu vàng vàng của xác chết khi phân hủy. Phải, **người cỡi ngựa ấy tên là Sự Chết**. Sự chết giáng trên một quy mô to lớn là kết quả tất yếu của cuộc chiến tranh và nạn đói rộng khắp. Trong bối cảnh ghê khiếp và kinh khủng này, Giăng nhìn thấy **theo sau** với sự chết. Âm phủ (ở đây tiêu biểu cho mồ mả) như nó vốn có, trở thành kẻ đào mồ, chôn vùi hài cốt các nạn nhân của Sự Chết. Sự Chết và Âm phủ cũng song hành trong 1:18 và 20:13-14.

Tầm cỡ sự chết và sự huỷ diệt đần độn bởi chiến tranh và đói kém khi ấy đã được xác định số lượng; **họ [sự chết và âm phủ] được quyền tiêu diệt một góc tư dân cư của thế gian**. Với dân số hiện tại của thế giới gần 6 tỷ, 1,5 tỷ người chết sẽ là tổng số đáng kinh ngạc. Trong thời đại của các thứ vũ khí hạt nhân, hóa học và sinh học, tổng số kinh khiếp ấy là con số đáng tin cậy. Sự chết sẽ sử dụng bốn công cụ trong phần việc tồi tệ của mình. Ba công cụ đầu tiên, gươm, đói kém và dịch lệ, thường được kết với nhau trong Kinh thánh (thí dụ ISu 21:12; IISu 20:9; Gie 14:12; 24:10; 44:13; Exe 6:11), và hết thảy bốn công cụ xuất hiện trong Exe 14:12-21.

Gươm (chiến tranh) và **đói kém** đã được bàn bạc rồi trong sự kết nối với cái ấn thứ hai và thứ ba; cái ấn thứ tư làm cho các điều kiện này còn trầm trọng thêm. **Dịch lệ** dịch từ chữ **thanatos**, cùng một từ được dịch là "Sự Chết" sớm hơn trong câu 8. Ở đây, chủ yếu nó đề cập đến bệnh tật là nguyên nhân gây tử vong (đối chiếu 2:23; 18:8) nhưng đủ rộng để bao gồm các thiên tai như động đất mà Chúa Jêsu đã tiên đoán (Mat 24:7), lũ lụt, và núi lửa phun trào. Nó cũng đề cập đến những tác dụng của vũ khí sinh hóa học nữa.

Xuyên suốt lịch sử nhân loại, bệnh tật đã giết chết con người trên quy mô lớn hơn rất nhiều so với chiến tranh. Những binh sĩ Liên Hiệp đã chết vì bệnh tật trong cuộc Nội Chiến hơn là tử trận. Ước tính có khoảng 30 triệu người chết vì cúm đại dịch trong giai đoạn 1918-1919 — nhiều gấp ba lần so với ước tính 8,5 triệu binh sĩ thiệt mạng trong Đệ I Thế Chiến. Thêm nữa, mấy triệu người chết cùng thời điểm đó khi dịch sốt rét nổ ra ở Nga, Ba Lan và Romania. Trong một thế giới bị tàn phá bởi chiến tranh và đói kém, bệnh tật như thế không thể tránh khỏi sẽ lan đi rộng khắp.

Ở cái nhìn đầu tiên, việc bao gồm **các loài thú dữ** với chiến tranh, đói kém, và bệnh tật dường như gây bối rối, một khi hầu hết các tạo vật nguy hiểm cho con người, một là tuyệt chủng hoặc bị cô lập ở những khu vực không có dân cư. Nhưng một lời giải thích khả thi, ấy là tạo vật gây chết chóc nhiều nhất trong mọi tạo vật, là loài chuột, đang phát triển mạnh ở các khu đông dân cư. Loài chuột chịu trách nhiệm về hàng triệu người chết trong suốt lịch sử, cả hai: bằng cách ăn cung cấp cho, và đặc biệt là lây lan tật bệnh. Sự xuất hiện tai hại và tàn phá nặng nề nhất của bệnh lây lan từ chuột là Black Death [cái chết đen], một thứ bệnh dịch hạch xảy ra vào thế kỷ thứ mười bốn đã quét sạch $\frac{1}{4}$ cho đến $\frac{1}{3}$ dân số ở châu Âu. Trong một thế giới bị tàn phá bởi chiến tranh, đói kém và bệnh tật, người bị hại bởi chuột cũng nhiều không kém.

Bốn cái ẩn đầu tiên rõ ràng mô tả những sự phán xét tạo ra sự kinh hãi, đáng sợ mà chẳng có điều tương ứng nào trong lịch sử của nhân loại. Chẳng có một điều gì khác xảy ra kể từ khi Giăng đã có sự mặc thị này đã làm ứng nghiệm những sự phán xét này. Những lời tiên tri về ngày tận thế như thế này không thể đem áp dụng cho sự huỷ diệt Jerusalem vào năm 70SC (đã xảy ra trước khi Giăng có sự hiện thấy này, một khi ông viết sách Khải huyền khoảng năm 96SC) hoặc bất kỳ biến cố nào khác kể từ biến cố ấy. Sự tàn phá này chưa xảy ra, tuy nhiên bốn sự phán xét đầu tiên bằng ẩn như thế này chỉ là khởi đầu của những cơn khốn nạn kinh khủng mà thế giới tội lỗi, loạn nghịch sẽ kinh nghiệm. Còn tệ hại hơn nữa là mấy cái ẩn còn lại, tiếng kèn và những cái bát sẽ tới đến nữa. Vào thời điểm ấy, thế giới tội nhân sẽ nhìn biết rằng **“sa vào tay Đức Chúa Trời hằng sống là sự đáng kinh khiếp thay!”** (He 10:31). Sẽ chẳng có một lối thoát nào dành cho những kẻ vô tín không chịu ăn năn thoát khỏi những kinh khiếp của Kỳ Đại Nạn, hoặc khỏi những kinh khủng tệ hại không xiết kể của địa ngục. Trong lời lẽ của trước giả thơ Hê-bơ-rơ: **“mà nếu ta còn trễ nải sự cứu rỗi lớn dường ấy, thì làm sao tránh cho khỏi được?”** (He 2:3).

Những Lời Cầu Nguyện Xin Báo Thù: Cái Ấn Thứ Năm (Kh 6:9-11)

14

Khi Chiên Con mở ấn thứ năm, tôi thấy dưới bàn thờ có những linh hồn của kẻ đã chịu giết vì đạo Đức Chúa Trời và vì lời chứng họ đã làm. Chúng đều kêu lên lớn tiếng rằng: Lạy Chúa là Đấng thánh và chân thật, Chúa trì hoãn xét đoán và chẳng vì huyết chúng tôi báo thù những kẻ ở trên đất cho đến chừng nào? Có kẻ bèn cho họ mỗi người một cái áo trắng dài; và có lời phán rằng phải ở yên ít lâu nữa, cho đến khi được đủ số người cùng làm việc và anh em mình phải bị giết như mình vậy. (Kh 6:9-11)

Cần phải thấy rằng Đức Chúa Trời đã dựng nên con người theo ảnh tượng của Ngài và con người đã tráo trở. Con người đã tạo ra các hình tượng theo bất cứ hình thức nào mà họ ưng ý và thích nghi với lối sống tội lỗi của họ. Theo lời lẽ giễu cợt của nhà văn người Anh là D. H. Lawrence: "Đức Chúa Trời chỉ là một kinh nghiệm tưởng tượng thật vĩ đại" (trích trong *The Columbia Dictionary of Quotations*, Copyright © 1993, 1995 by Columbia University Press). Đức Chúa Trời đã quả trách những kẻ đại dốt ấy trong Thi thiên 50:21: "Người tưởng rằng ta thật y như người; Nhưng ta sẽ trách phạt người, trưng các điều đó ra trước mặt người". Đức Chúa Trời là Đấng đã tỏ chính mình Ngài ra trong Kinh Thánh và chẳng phải là điều mà con người tưởng tượng về Ngài.

Trong khi Kinh Thánh cho thấy rằng Đức Chúa Trời là yêu thương, thương xót và giàu ơn — một Cứu Chúa của hạng tội nhân, một sự thật nói về Ngài không thích nghi hôm nay, ấy là Ngài, một Đức Chúa Trời báo thù những kẻ chối bỏ Ngài và chối bỏ sự cứu rỗi nơi Con của Ngài. Kinh Thánh lập đi lập lại khẳng định đây là trường hợp. Trong Phu 32:35 Đức Chúa Trời tuyên bố: "Sự báo thù sẽ thuộc về ta, phần đối trả sẽ qui về ta" (đối chiếu các câu 41, 43). Trong một vài Thi thiên được biết đến như là loại thi thiên rửa sã (từ động từ rửa sã, ý nói "kêu gọi tai hoạ giáng trên ai đó"), tác giả Thi thiên kêu cầu Đức Chúa Trời thực hiện sự báo thù giáng trên kẻ ác. Một phân đoạn như vậy được thấy trong Thi 64:7-9, ở đây David nói về kẻ ác rằng: "Nhưng Đức Chúa Trời sẽ bắn chúng nó: thình lình chúng nó bị tên thương tích. Như vậy chúng nó sẽ vấp ngã, lưỡi chúng nó nghịch lại chúng nó; hết thầy ai thầy đến đều sẽ lắc đầu. Cả loài người đều sẽ sợ; họ sẽ rao truyền công việc của Đức Chúa Trời, và hiểu biết điều Ngài đã làm". Thi 79:10 chép: "Vì có sao các dân nói rằng: Đức Chúa Trời chúng nó ở đâu? Nguyên sự báo thù huyết kẻ tôi tớ Chúa, mà đã bị đổ ra". Trong Thi thiên 94, tác giả Thi thiên cầu xin: "Hỡi Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời, sự báo thù thuộc về Ngài, Hỡi Đức Chúa Trời, sự báo thù thuộc về Ngài, xin hãy sáng rực rỡ Chúa ra. Hỡi quan xét thế gian, hãy chỗi dậy, Báo trả xứng đáng cho kẻ kiêu ngạo ... Ngài làm cho sự gian ác chúng nó đổ lại trên chúng nó, và diệt chúng nó trong sự hung dữ chúng nó; Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi sẽ diệt chúng nó" (các câu 1-2, 23). Các Thi thiên có tính cách rửa sã khác gồm có 7, 35, 40, 55, 58, 59, 69, 109, 137, 139, và 144.

Các tiên tri cũng nói tới sự báo thù của Đức Chúa Trời. Êsai đã viết:

Hỡi các nước, hãy đến gần mà nghe; hỡi các dân, hãy để ý! Đất và mọi vật trong nó thể gian và mọi vật sanh ra đó, hãy đều nghe! Vì Đức Giê-hô-va nổi giận nghịch cùng mọi nước; cơn thanh nộ Ngài nghịch cùng cả đạo binh họ; Ngài đã giao họ cho sự diệt vong, phó cho sự đánh giết. Kẻ bị giết trong chúng nó sẽ phải ném

bỏ, thân chết bay mùi hôi; các núi đầm đìa những máu ... Vì Đức Giê-hô-va có ngày báo thù, có năm báo trả vì có Si-ôn. (Êsai 34:1-3, 8).

Khi nói về Đức Chúa Trời, Êsai tuyên bố: “Ngài mặc sự công bình làm giáp, đội sự cứu rỗi trên đầu làm mũ trụ; lấy sự báo thù làm áo mà bận, lấy sự sốt sắng làm áo tơi mà choàng mình. Ngài báo trả cho người ta tùy việc họ làm: sự thanh nộ cho kẻ đối địch Ngài, sự báo oán cho kẻ thù nghịch; Ngài sẽ báo trả các cù lao” (Es 59:17-18). Một trong những việc mà Tội Tớ (Đức Chúa Jêsu Christ) sẽ công bố ra là “ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta” (Es 61:2), trong khi ở 63:4 Đức Chúa Trời phán về việc có một ngày báo thù ở trong tâm lòng của Ngài.

Khi nói về thời điểm Đức Chúa Trời sẽ thực hiện sự báo thù giáng trên kẻ thù của Israel, tiên tri Giêrêmi tuyên bố: “Ngày đó thuộc về Chúa, là Đức Giê-hô-va vạn quân; ấy là ngày báo thù, Ngài sẽ báo kẻ thù nghịch mình. Gươm nuốt mà no, uống huyết chúng nó cho đầy; vì Chúa, là Đức Giê-hô-va vạn quân, có sự tể trị trong xứ phương bắc, bên sông Ô-phơ-rát” (Gie 46:10). Tiên tri Mi-chê ghi lại lời hứa của Đức Chúa Trời “sẽ làm sự báo thù ra trên những nước không nghe theo ta, trong cơn ta nổi giận và căm tức” (Mi 5:15), trong khi Na-hum 1:2 mô tả Đức Chúa Trời là “ghen và báo thù; Đức Giê-hô-va báo thù, và đây sự thanh nộ. Đức Giê-hô-va báo thù kẻ cừ địch mình và cừ giận cho kẻ thù mình”.

Ở giữa sự phán xét, Đức Chúa Trời buông tha những ai thuộc về Ngài. Ma 4:1-2 chép:

“Vì này, ngày đến, cháy như lò lửa. Mọi kẻ kiêu ngạo, mọi kẻ làm sự gian ác sẽ như rơm cỏ; Đức Giê-hô-va vạn quân phán: Ngày ấy đến, thiêu đốt chúng nó, chẳng để lại cho chúng nó hoặc rễ hoặc nhánh. Nhưng về phần các ngươi là kẻ kính sợ danh ta, thì mặt trời công bình sẽ mọc lên cho, trong cánh nó có sự chữa bệnh; các ngươi sẽ đi ra và nhảy nhót như bò tơ của chuồng”.

Êsai yên ủi và run sợ giữa vòng dân sự ông bằng cách giục giã họ: “Hãy bảo những kẻ có lòng sợ hãi rằng: Khá vững lòng, đừng sợ nữa! Đây này, Đức Chúa Trời các ngươi sẽ lấy sự báo thù mà đến, tức là sự báo trả của Đức Chúa Trời. Chính Ngài sẽ đến và cứu các ngươi!” (Es 35:4).

Sự báo thù của Đức Chúa Trời cũng không bị giới hạn trong Cựu Ước. Chúa Jêsu đã mô tả thời điểm phán xét của Đức Chúa Trời tương lai trong kỳ Đại Nạn là “ngày báo thù” (Lu 21:22). Phaolô viết cho người thành Têsalônica:

“Vả, theo sự công bình Đức Chúa Trời, thì ắt là Ngài lấy điều khổ báo cho những kẻ làm khổ anh em, và cho anh em, là kẻ chịu khổ, được nghỉ ngơi với chúng tôi, trong khi Đức Chúa Jêsu từ trời hiện đến với các thiên sứ của quyền phép Ngài, giữa ngọn lửa hùng, báo thù những kẻ chẳng hề nhận biết Đức Chúa Trời, và không vâng phục Tin Lành của Đức Chúa Jêsu Christ chúng ta. Họ sẽ bị hình phạt hư mất đời đời, xa cách mặt Chúa và sự vinh hiển của quyền phép Ngài” (II Te 1:6-9).

Cả hai: Phaolô (Ro 12:19) và tác giả thư Hêborơ (Hê-bơ-rơ 10:30) đều trung dẫn Phu 32:35, ở đây khẳng định sự báo thù thuộc về Chúa.

Sự báo thù của Đức Chúa Trời không được xem là tương đồng với tính chất trả thù và mong muốn trả thù cay đắng của con người bé nhỏ kia. Sự thánh khiết, sự ngay thẳng, và sự công bình của Đức Chúa Trời đòi hỏi rằng Ngài phải thực hiện sự trả thù giáng trên hạng tội nhân không chịu ăn năn. Sự trả thù thuộc về một mình Đức Chúa Trời bởi vì mọi tội lỗi suy cho cùng đều nghịch lại Ngài và là một sự xúc phạm đối với Ngài (đôi chiếu Thi 51:4).

Sự hiểu biết một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ thi hành sự báo thù giáng trên những kẻ chối bỏ Ngài không biện minh cho bất kỳ sự báo thù riêng nào giáng trên phần của những người tin Chúa. Ch 25:21 truyền: “Nếu kẻ thù nghịch con có đói, hãy cho nó ăn; nếu có khát, hãy cho nó uống”. Phaolô dạy dỗ tư tưởng ấy trong Ro 12:19-20: “Hỡi kẻ rất yêu dấu của tôi ơi, chính mình chớ trả thù ai, nhưng hãy nhường cho cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời; vì có chép lời Chúa phán rằng: Sự trả thù thuộc về ta, ta sẽ báo ứng.

Vậy nếu kẻ thù mình có đói, hãy cho ăn; có khát, hãy cho uống; vì làm như vậy, khác nào mình lấy những than lửa đỏ mà chất trên đầu người”. Chúa Jê-sus (Lu 23:34), Ê-tiên (Cong 7:60), Phao-lô (ICo 4:12) cũng không tìm cách báo thù riêng giáng trên những kẻ hiếp đáp mình. Ngay cả chính mình Đức Chúa Trời tuyên bố: “Ta chẳng lấy sự kẻ dữ chết làm vui, nhưng vui về nó xây bỏ đường lối mình và được sống” (Exe 33:11), vì “Chúa ... lấy lòng nhịn nhục đối với anh em, không muốn cho một người nào chết mất, song muốn cho mọi người đều ăn năn” (II Phi 3:9).

Sự nhận biết rằng ngày của Đức Giê-hô-va sẽ tới đến, trong đó Đức Chúa Trời sẽ thực hiện sự báo thù giáng trên kẻ ác là một sự báo thù vừa sung sướng vừa cay đắng dành cho những người tin Chúa. Một mặt, chúng ta vui mừng, vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời sẽ được tỏ ra, tội lỗi sẽ bị cất bỏ đi, thế gian sẽ phải tách ra khỏi kẻ chiếm đoạt là Sa-tan, và Đức Chúa Trời sẽ được tôn vinh. Song ở mặt kia, ngày ấy sẽ đem đến sự hủy diệt kẻ bất kính cùng án phạt đời đời dành cho họ.

Thái độ vừa sung sướng vừa cay đắng, gần như là vừa yêu vừa ghét đối với sự phán xét của Đức Chúa Trời đã được phác họa ra trong Kh 10:8-10:

“Tiếng mà tôi đã nghe đến từ trời, lại nói cùng tôi và bảo rằng: Hãy đi, lấy quyển sách nhỏ mở ra trong tay vị thiên sứ đang đứng trên biển và đất. Vậy, tôi đi tới vị thiên sứ và xin người cho tôi quyển sách nhỏ. Người phán: Ngươi hãy lấy và nuốt đi; nó sẽ đắng trong bụng ngươi, nhưng trong miệng ngươi nó sẽ ngọt như mật. Tôi lấy quyển sách nhỏ khỏi tay vị thiên sứ và nuốt đi; trong miệng tôi nó ngọt như mật, nhưng khi tôi nuốt rồi, thì đắng ở trong bụng”.

Phản ứng ban đầu của Giăng đối với sự phán xét được mô tả trong quyển sách nhỏ kia là sự nhận biết ngọt ngào cho thấy Đức Chúa Trời sẽ được tôn vinh và sự vinh hiển của Ngài sẽ trỗi lên bối cảnh. Nhưng sự nhìn biết hiển nhiên về những điều kinh khiếp sẽ giáng trên những kẻ vô tín đã làm cho ông phải kinh sợ.

Đức Chúa Trời vốn nhịn nhục đối với hạng tội nhân nào biết ăn năn vòng tay ôm lấy Tin lành, nhưng sẽ có một thời khi Ngài sẽ không cảm được sự phán xét của Ngài giáng trên những kẻ chối bỏ nó. Ngài đã ban cho thế gian tội lỗi trước Nước Lụt 120 năm để ăn năn (Sa 6:3), rao giảng sứ điệp cứu rỗi cho họ qua Nô-ê. Nhưng vào cuối thời kỳ đó, sự phán xét của Nước Lụt đã ập đến và tiêu diệt hết thảy họ. Tương tự như vậy, trong tương lai sẽ có một ngày khi ân điển kết thúc và sự phán xét sẽ giáng trên mọi người. Sứ đồ Phao-lô giờ đây công bố với các triết gia tại Đồi Mars trong thành A-then: “Vậy thì, Đức Chúa Trời đã bỏ qua các đời ngu muội đó, mà nay biểu hết thảy các người trong mọi nơi đều phải ăn năn, vì Ngài đã chỉ định một ngày, khi Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian, bởi Người Ngài đã lập, và Đức Chúa Trời đã khiến Người từ kẻ chết sống lại, để làm chứng chắc về điều đó cho thiên hạ” (Cong 17:30-31).

Chính dự đoán về ngày vĩ đại sắp tới của cơn thịnh nộ Đức Chúa Trời được biết đến như là Ngày của Đức Giê-hô-va (xem phần bàn luận về Ngày của Đức Giê-hô-va trong chương 15 của sách này) trong nhận định ở cái ấn thứ năm. Ngày đó sẽ đến trong thời kỳ Đại Nạn 7 năm (tuần lễ thứ 70 ở Da 9:27), đặc biệt trong khoảng thời gian ba năm rưỡi sau cùng mà Chúa Jê-sus mô tả là “hoạn nạn lớn, đến nỗi từ khi mới có trời đất cho đến bây giờ chưa từng có như vậy, mà sau này cũng không hề có nữa” (Mat 24:21; đối chiếu Kh 7:14). Như đã trình bày ở chương 13 của sách này, bốn cái ấn đầu tiên, sự hoà bình giả tạo, chiến tranh, đói kém, và chết chóc sẽ diễn ra trong ba năm rưỡi đầu tiên của Kỳ Đại Nạn, thời kỳ Chúa Jê-sus gọi là “đầu sự tai hại” (Mat 24:8). Giống như cơn đau đẻ của một phụ nữ cứ tăng dần lên khi thời điểm sanh con đến gần, cũng một thể ấy các biến cố kinh khiếp trong sự phán xét của Đức Chúa Trời cứ tăng dần lên khi sự tái lâm của Đức Chúa Jê-sus Christ đến gần. Sức mạnh trọn vẹn cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời sẽ được bùng ra trong phân nửa thứ nhì của Kỳ Đại Nạn.

Cái ấn thứ năm đánh dấu điểm chính giữa thời kỳ Đại Nạn trong việc nối liền lỗ hổng giữa phần khởi sự cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời trong phân nửa đầu tiên của Kỳ Đại Nạn và sự giận dữ trọn vẹn của nó

được tỏ ra trong phân nửa thứ nhì. Giống như những người cỡi ngựa của bốn cái ấn đầu tiên, nó cũng tỏ ra một sức mạnh. Sức mạnh ấy là những lời cầu nguyện của các thánh đồ Đức Chúa Trời dâng lên Ngài xin sự báo thù chính xác giáng trên con người loạn nghịch. Ba đặc điểm rất rõ ràng khi cái ấn thứ năm được mở ra: thân vị liên quan, lời thỉnh cầu họ có, và lời hứa họ nhận lãnh.

THÂN VỊ

“Khi Chiên Con mở ấn thứ năm, tôi thấy dưới bàn thờ có những linh hồn của kẻ đã chịu giết vì đạo Đức Chúa Trời và vì lời chứng họ đã làm” (Kh 6:9)

Giống như với bốn cái ấn đầu tiên, khi Chiên Con (Đức Chúa Jêsus Christ, một mình Ngài mới có quyền lấy lại vũ trụ; đối chiếu 5:4-5) mở ấn thứ năm, kết quả khác được bày tỏ trong việc mở ra sự phán xét thiêng liêng, trong đó Giăng thấy dưới bàn thờ có những linh hồn của kẻ chịu giết. Đây là những người đã tuân đạo, bị giết trong thời điểm của hết thảy những sự phán xét. Thêm vào với sự phán xét thiêng liêng qua sự hoà bình giả tạo, chiến tranh, đói kém, và bệnh tật đang thống trị thế giới vô tín, sẽ có sự bắt bớ rộng khắp các tín đồ do Sa-tan cầm đầu, các qui sứ nó, và Anti-christ sau cùng.

Chúa Jêsus dạy rằng hậu quả hiển nhiên của các biến cố trong Bài Giảng Trên Núi ở Ma-thi-ơ 24. Như đã lưu ý ở chương 13 của sách này, bảy câu đầu tiên của Ma-thi-ơ 24 mô tả các biến cố của bốn cái ấn đầu tiên. Giống như cái ấn thứ năm mô tả những người tuân đạo, cũng vậy Chúa Jêsus mô tả như thế trong Mat 24:9: “Bấy giờ, người ta sẽ nộp các ngươi trong sự hoạn nạn và giết đi; các ngươi sẽ bị mọi dân ghen ghét vì danh ta”. Biến cố đánh dấu điểm chính giữa của Kỳ Đại Nạn, bối cảnh dựng lên “sự hoang vu góm ghiếc”, chưa xảy ra cho đến câu 15 của Ma-thi-ơ 24. Vì lẽ đó, sự bắt bớ mà Chúa Jêsus nói tới (được kết hiệp với cái ấn thứ năm) sẽ khởi sự trong phân nửa đầu của Kỳ Đại Nạn rồi leo thang ở phân nửa thứ nhì, sau sự hoang vu góm ghiếc. Sự “hoang vu góm ghiếc” được đề cập đến ba lần trong lời tiên tri của Đaniên (Da 9:27; 11:31; 12:11) mô tả sự báng bổ đền thờ vào thế kỷ thứ hai TC bởi vua người Sy-ri Antiochus Epiphanes. Tuy nhiên, sự “hoang vu góm ghiếc” mà Chúa Jêsus mô tả trong Mat 24:15 sẽ tương tự với hành động của Antiochus. Lúc bấy giờ, Anti-christ sau cùng sẽ tôn mình lên trong đền thờ để được thờ lạy giống như Đức Chúa Trời (II Te 2:3-4). (Về phần bàn luận sâu hơn “sự hoang vu góm ghiếc” hãy xem Mathi-ơ 24–28, MacArthur New Testament Commentary [Chicago: Moody, 1989], 34–37). Sự cất bỏ những gì hiện nay đang ngăn trở hấn (II Te 2:6-7) sẽ cho phép Anti-christ cùng những kẻ gian ác theo hấn sẽ chẳng kềm chế được nữa. Thế lực giữ Anti-christ không tỏ ra hết điều ác của hấn chẳng có chi khác hơn là quyền phép của Đức Chúa Trời. Ngài sẽ giữ Anti-christ không bày tỏ chính mình hấn ra trước thời điểm mà Đức Chúa Trời đã ấn định. Khi ấy Ngài sẽ dẹp bỏ thế lực kềm chế và cho phép chrst giả mà Sa-tan ám vào bày tỏ ra trọn vẹn sự bội đạo của hấn.

Sự bắt bớ, ngay trong giai đoạn đầu của nó, sẽ có phạm vi trên toàn thế giới. Chúa Jêsus đã cảnh cáo: “các ngươi sẽ bị mọi dân ghen ghét vì danh ta” (Mat 24:9). Câu này cũng ám chỉ rằng sự bắt bớ sẽ được phép, nếu không phải do các nhà cầm quyền của thế giới chủ động lãnh đạo. Tự nhiên thì nó cũng có tính chất tôn giáo, cầm đầu bởi hệ thống tôn giáo giả trên toàn thế giới, liên kết lại trong sự thờ lạy Anti-christ (đối chiếu Kh 17:1-6). Sự thù hận của thế gian đối với Đức Chúa Cha, và Đức Chúa Jêsus Christ sẽ thúc đẩy họ bắt bớ những người tin Chúa (đối chiếu 16:9, 11, 21).

Chắc chắn là sự bắt bớ sẽ sàng lọc những người bề ngoài đồng hoá với Đức Chúa Jêsus Christ. Như đã từng xảy ra xuyên suốt lịch sử của Hội thánh, sẽ có cỏ lùng được pha trộn với lúa mì (Mat 13:24-43). Nhưng sự bắt bớ, như nó luôn luôn xảy ra, sẽ tiết lộ ai thực sự là người được chuộc và ai không. Chúa Jêsus đã mô tả tiến trình sàng lọc này Mat 24:10-12: “Khi ấy cũng có nhiều kẻ sẽ sa vào chước cám dỗ, phản nghịch nhau, và ghen ghét nhau. Nhiều tiên tri giả sẽ nổi lên và dỗ dành lắm kẻ. Lại vì có tội ác sẽ thêm nhiều thì lòng yêu mến của phần nhiều người sẽ nguội lạnh”. Những tín đồ giả hiệu sẽ tỏ ra họ không có

đức tin cứu rỗi chân chính do thiếu mất. I Gi 2:19 mô tả hạng người ấy: “Chúng nó đã từ giữa chúng ta mà ra, nhưng vốn chẳng phải thuộc về chúng ta; vì nếu chúng nó thuộc về chúng ta, thì đã ở cùng chúng ta; song điều đó đã xảy đến, hầu cho tỏ ra rằng mọi kẻ ấy chẳng thuộc về chúng ta vậy”. Mặt khác, các tín đồ chân chính sẽ, như luôn luôn, giữ lòng trung thành với Đức Chúa Jêsu Christ, một khi “kẻ nào bền chí cho đến cuối cùng, thì sẽ được cứu” (Mat 24:13). Người được chuộc luôn khẳng khái qua bất kỳ thử thách nào, bao gồm sự bắt bớ và tuận đạo.

Sự thù địch của thế gian đối với Đức Chúa Jêsu Christ và các môn đồ Ngài sẽ không thể ngăn trở "Tin lành về Nước Trời" khỏi việc "giảng ra khắp đất, để làm chứng cho muôn dân" (Mat 24:14). Các nhà truyền đạo sẽ bao gồm 144.000 nhà truyền giáo người Do-thái (7:1-8; 14:1-5), hai nhà truyền đạo năng động được biết đến như hai chứng nhân (11:3), và một thiên sứ bay liệng trên bầu trời (14:6-7). Sự giảng đạo của họ có hiệu quả đến nỗi những ai chịu đáp ứng với Tin lành ấy và được cứu, được mô tả trong Kh 7:9 là “vô số người, không ai đếm được”.

Như đã lưu ý trước đây trong chương này, "sự hoang vu gớm ghiếc" sẽ là sự kiện gây ra cuộc bức hại ngày một tăng dần lên. Nó sẽ xảy ra giữa đường qua kỳ đại nạn 7 năm khi Anti-christ làm ô uế đền thờ bằng cách dựng lên một hình tượng của chính mình và đòi hỏi thế giới phải thờ lạy hắn như là Đức Chúa Trời. Với hành động phạm thượng đó, Anti-christ sẽ bị lột mặt nạ vì hắn là Christ giả do Sa-tan ám vào.

Vào thời điểm đó, thế gian sẽ không còn xem Anti-christ là cấp lãnh đạo chính trị và đáng cứu tinh nữa. Vì “Kẻ đó sẽ lấy quyền của quỷ Sa-tan mà hiện đến, làm đủ mọi thứ phép lạ, dấu dị dối giả” (II Te 2:9), thế gian sẽ bị lừa gạt vào sự thờ lạy hắn như một thần linh vậy. Kh 13:3-4 dạy rằng sự thờ lạy rộng khắp này đối với Anti-christ sẽ bị tác động bởi quyền lực của of Satan: “cả thế gian đều lấy làm lạ mà theo con thú đó. Người ta khởi thờ phượng con rồng, bởi nó đã lấy quyền phép cho con thú; và họ cũng thờ phượng chính con thú, mà rằng: Ai sánh được với con thú, ai giao chiến cùng nó được?” Anti-christ sẽ tự tôn mình lên, nói ra “những lời kiêu ngạo phạm thượng” và Đức Chúa Trời cho phép hắn bày ra chiến dịch phạm thượng trong 42 tháng (13:5) — phân nửa thứ hai của Kỳ Đại Nạn.

Sự bắt bớ các tín đồ, việc này khởi sự sớm ở phân nửa đầu của Kỳ Đại Nạn, sẽ tăng mạnh lên sau khi Anti-christ tự tôn mình lên làm Đức Chúa Trời. Vào thời điểm đó, hắn sẽ “giao chiến cùng các thánh đồ và được thắng” (13:7). Với cả thế gian thờ lạy Anti-christ là Đức Chúa Trời, những người tin Chúa sẽ bị xem là những kẻ phạm thượng vì chống đối hắn. Việc ấy sẽ đem lại trên họ sự bắt bớ từ hệ thống tôn giáo giả hình của Anti-christ. Khải huyền 9:21 nói tới những vụ giết người tăng nhanh lúc bấy giờ; phần nhiều các nạn nhân chắc chắn sẽ những người tin Chúa, nạn nhân của bạo lực tràn lan.

Trong bài giảng trên núi, Chúa Jêsu cũng phán về sự bắt bớ ghê khiếp sẽ đánh dấu thời kỳ này:

“thì ai ở trong xứ Giu-đê hãy trốn lên núi; ai ở trên mái nhà, đừng xuống chuyên của cải trong nhà; và ai ở ngoài ruộng, đừng trở về lấy áo mình. Đang lúc đó, khôn khéo thay cho đàn bà có mang, và đàn bà cho con bú! Hãy cầu nguyện cho các ngươi khỏi trốn tránh nhằm lúc mùa đông hay là ngày Sa-bát; vì lúc ấy sẽ có hoạn nạn lớn, đến nỗi từ khi mới có trời đất cho đến bây giờ chưa từng có như vậy, mà sau này cũng không hề có nữa. Nếu những ngày ấy không giảm bớt, thì chẳng có một người nào được cứu; song vì có các ngươi được chọn, thì những ngày ấy sẽ giảm bớt” (Mat 24:16-22)

Việc bảo vệ duy nhất chống lại sự tấn công thịnh linh của sự bắt bớ, Chúa Jêsu phán, sẽ được quyết toán ngay lập tức. Người nào không thể nhanh đủ để chạy trốn, tỉ như phụ nữ đang mang thai và có con nhỏ, sẽ bị tàn sát. Thời tiết mùa đông khắc nghiệt và những hạn chế về đi lại của ngày Sa-bát cũng có thể ngăn trở những người cố gắng chạy trốn. Sự bắt bớ nghiệt ngã ấy sẽ trầm trọng đến nỗi không ai có thể sống sót trừ phi Đức Chúa Trời rút ngắn thời điểm bắt bớ lại. Kh 7:9-14 chỉ ra sự tàn sát sẽ ở trên một cấp độ lớn lao, kết quả nơi nhiều nạn nhân từ từng quốc gia nhiều quá không đếm xuể.

Giảng mô tả những người tuận đạo mà ông **thấy như những linh hồn ở dưới bàn thờ** vì sự sống lại của thân thể họ vẫn chưa diễn ra (đổi chiếu 20:4). Họ là bông trái đầu tiên của những người sẽ được cứu trong suốt kỳ Đại Nạn. Một số người trong họ sẽ là người Do-thái, báo trước ơn cứu rỗi của Y-sơ-ra-ên như một tổng thể vào cuối kỳ Đại Nạn (Xa 12:10; 14:1; Ro 11:26-29).

Phiên bản Kinh Thánh không xác định **bàn thờ** nào mà Giăng đã thấy, bởi cảnh ở trên trời cũng không tương ứng với đền thờ trên đất (hay đền tạm), không có ngôi nào cả (đối chiếu 4:2). Bàn thờ Giăng đã nhìn thấy rất có thể là biểu tượng của bàn thờ xông hương trong Cựu Ước (Xu 40:5), vì có sự kết hợp hương với lời cầu nguyện (đối chiếu 5:8; 8:3-4; Thi 141:2; Lu 1:10).

Giăng cung ứng hai lý do cho thấy tại sao những người tuân đạo đã bị giết: **vì đạo Đức Chúa Trời và vì lời chứng họ đã làm**. Họ sẽ giải thích chính xác những gì họ thấy đang diễn ra xung quanh họ trong thế gian theo ánh sáng của Kinh thánh. Họ sẽ rao giảng từ Kinh thánh sự phán xét của Đức Chúa Trời và kêu gọi mọi người phải ăn năn và tin theo đạo Tin lành. Tuy nhiên, Anti-christ cùng những kẻ theo hắn sẽ không dung chịu việc giảng đạo dạn dĩ của họ và sẽ bắt bớ rồi giết họ đi. **Vì lời chứng họ đã làm** đề cập đến lòng trung thành của họ đối với Đức Chúa Jêsus Christ (đối chiếu 1:2, 9; 12:17; 19:10; 20:4), là những điều được tỏ ra qua việc rao giảng Lời của Đức Chúa Trời ngay trước mặt sự thù nghịch và oán hận đe dọa mạng sống. Trong một thế giới không chịu ảnh hưởng kèm chế của Đức Thánh Linh, hạng người không thương xót sẽ giết hết những ai rao giảng trung tín và dạn dĩ sứ điệp nói tới sự phán xét và ơn cứu rỗi.

LỜI THỈNH CẦU

Chúng đều kêu lên lớn tiếng rằng: Lạy Chúa là Đấng thánh và chân thật, Chúa trì hoãn xét đoán và chẳng vì huyết chúng tôi báo thù những kẻ ở trên đất cho đến chừng nào?” (Kh 6:10)

Như có người đề nghị, cái ẩn thứ năm không phải là sự tuân đạo, vì sự tuân đạo không phải là sự phán xét đến từ Đức Chúa Trời. Những cái ẩn mô tả cơn thịnh nộ và sự phán xét của Đức Chúa Trời giáng trên kẻ ác và kẻ bất kính — chứ không phải giáng trên con cái của Ngài. Như vậy, thế lực có liên quan đến cái ẩn thứ năm là những lời cầu nguyện của những người tuân đạo trong kỳ Đại Nạn dâng lên Đức Chúa Trời nài xin sự báo thù giáng trên những kẻ giết người chối bỏ Đấng Christ.

Cầu nguyện sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc đổ ra những sự phán xét của Đức Chúa Trời giáng trên đất. Lời cầu nguyện này rất khác biệt đối với lời cầu nguyện của Ê-tiên tuân đạo (Cong 7:60), trong đó ông cầu nguyện cho những kẻ giết ông không bị Đức Chúa Trời cầm là tội. Lời cầu nguyện này của những người tuân đạo giống như các thi thiên mang tính rửa sạch. Một lời cầu nguyện xin tha thứ là phù hợp trong thời đại của ân điển. Nhưng khi ân điển đã kết thúc và sự phán xét tới đến, những lời cầu nguyện xin sự báo trả thiêng liêng, thánh khiết là thích ứng. Những lời cầu nguyện thế ấy không ra từ ước ao có sự báo thù, mà là một sự phản đối chống lại mọi sự gì là tội lỗi, bất khiết, bất kính đối với Đức Chúa Trời, và có tính hủy diệt tạo vật của Ngài.

Nhiều Cơ đốc nhân hành động giống như thể cầu nguyện chỉ là một hình thức mà có ít hiệu lực. Tuy nhiên, đáng kinh ngạc thay, những lời cầu nguyện của những người tuân đạo trong kỳ Đại Nạn sẽ lay động bàn tay phán xét của Đức Chúa Trời. Chúa Jêsus minh họa cùng nguyên tắc ấy trong thí dụ nói tới bà goá khẳng khái kia và vị quan xét không công bằng nọ: “Vậy, có lẽ nào Đức Chúa Trời chẳng xét lẽ công bình cho những người đã được chọn, là kẻ đêm ngày kêu xin Ngài, mà lại chậm chạp đến cứu họ sao! Ta nói cùng các ngươi, Ngài sẽ vội vàng xét lẽ công bình cho họ” (Lu 18:7-8). Những lời cầu nguyện của những kẻ tuân đạo trong kỳ Đại Nạn sẽ dự phần vào việc tác động các khổ hình của ẩn thứ sáu và ẩn thứ bảy cùng với những sự phán xét bằng tiếng kèn và mấy cái bát nổi theo sau.

Bàn tay phán xét của Đức Chúa Trời sẽ lay động đáp ứng với những người tuân đạo vì những lời cầu nguyện của họ sẽ là khẩn cấp, sốt sắng, mãnh liệt, và phù hợp với mục đích và ý muốn của Ngài. Krazō (kêu gào) là một từ mạnh mẽ nhấn mạnh nhu cầu cấp bách và biểu hiện các cảm xúc mạnh mẽ (đối chiếu Mat 9:27; 14:26, 30; 15:22; 20:30–31; Mac 9:24). Hai mươi bốn trưởng lão và các thiên sứ lớn tiếng ngợi khen Đức Chúa Trời (5:12), và những người tuân đạo nài xin Ngài **kêu lớn tiếng**. Trong việc giữ lời nài xin sự báo thù và sự công bình, họ xưng Ngài là **Chúa, Đấng thánh và chân thật**. **Chúa** không dịch từ kurios, từ ngữ phổ thông trong Tân Ước nói tới Chúa, song từ despotēs thì mạnh mẽ hơn ("thầy", "vua"). Từ ngữ này nói tới sức mạnh, quyền phép, sự oai nghi, và thẩm quyền của Đức Chúa Cha.

Những người tuân đạo lập luận nài xin sự báo thù trên hai thuộc tánh của Đức Chúa Trời. Bởi vì Đức Chúa Trời là **thánh**, Ngài phải xét đoán tội lỗi (đối chiếu Thi 5:4-5; Ha 1:13; Cong 10:42; 17:31; Ro 2:16; 3:6; ITi 4:1); bởi vì Ngài là **chân thật**, Ngài phải thành tín với Lời của Ngài và giữ lấy các lời hứa của Ngài (Dan 23:19; ISa 15:29; Lu 21:33). Kh 3:7 áp dụng cụm từ này **thánh khiết và chân thật** cho Đức Chúa Jêsu Christ, như đó khẳng định thần tánh và sự bình đẳng trọn vẹn với Cha của Ngài.

Thắc mắc của những người tuân đạo: "**Chúa trì hoãn xét đoán và chẳng vì huyết chúng tôi báo thù những kẻ ở trên đất cho đến chừng nào?**" không phản ánh một sự báo thù huyết từ phía cá nhân họ. Họ không cố gắng nói cho Đức Chúa Trời biết điều chi phải làm và khi nào thì làm việc ấy; họ đưa ra thắc mắc cho Ngài bởi vì họ có một ước muốn thánh, muốn nhìn thấy Sa-tan và Anti-christ bị tiêu diệt, tội lỗi bị đánh bại, kẻ ác bị xét đoán, và Đức Chúa Jêsu Christ tể trị trong sự vinh hiển ở trên đất. **Cho đến chừng nào** là tiếng kêu gào ai cũng biết của Israel đang chịu khổ, phản ánh thắc mắc gây bối rối của người công bình khi nỗi đau của họ chấm dứt (đối chiếu Thi 13:1; 35:17). Cụm từ **những kẻ ở trên đất** là một cụm từ kỹ thuật, nó đề cập kẻ bất kính khắp cả sách Khải huyền (đối chiếu 3:10; 8:13; 11:10; 13:8, 12; 17:2, 8). Giống như trường hợp của A-bên bị sát hại, ngay cả đất cũng kêu nài cho **huyết** của họ bị đòi nơi tay kẻ sát thủ.

Thời khắc của ân điển sắp tới hồi kết cuộc của nó. Dân sự của Đức Chúa Trời không phải tha thứ cho các kẻ thù của Đức Chúa Trời nữa. Thì giờ mau đến khi Đức Chúa Trời sẽ xét đoán những kẻ thù nghịch Ngài, và Đức Chúa Jêsu Christ sẽ chiếm lấy chỗ hợp pháp của Ngài là vua của cả đất. Nhưng một khi những kẻ tuân đạo này ra từ phân nửa đầu tiên của kỳ Đại Nạn: là "**đầu sự tai hại**", thời khắc ấy chỉ ngắn ngủi mà thôi.

LỜI HỨA

"Có kẻ bèn cho họ mỗi người một cái áo trắng dài; và có lời phán rằng phải ở yên ít lâu nữa, cho đến khi được đủ số người cùng làm việc và anh em mình phải bị giết như mình vậy" (Kh 6:11)

Hai yếu tố tạo nên đáp ứng của Đức Chúa Trời đối với các vị thánh tuân đạo của Ngài: một món quà làm biểu tượng, và một lời nói thốt ra. Món quà mà Đức Chúa Trời ban **cho họ** khi họ đến tại thiên đàng là **một cái áo trắng dài** (stole; một cái áo dài phủ tới chân). Những chiếc áo choàng trắng rực rỡ này là một phần thưởng của ân điển (đối chiếu 7:9, 14), làm biểu tượng cho món quà của Đức Chúa Trời về sự công bình, được phước đời đời, thiêng liêng, và vinh dự (đối chiếu 3:5), chúng làm biểu tượng cho mọi sự hiển vinh mà các thánh đồ được chuộc sẽ thưởng thức trên thiên đàng. Đây chẳng phải là loại áo dài thông thường đâu, một khi những gì được mô tả trong sự mặc thị này có trước sự sống lại của thân thể của người được chuộc, là điều xảy ra cho các thánh đồ của kỳ Đại Nạn lúc Đấng Christ tái lâm (20:4-5).

Cùng với món quà này là lời đã thốt ra của Đức Chúa Trời, nghĩa là, **rằng phải ở yên ít lâu nữa**. Đây chẳng phải là lời quở trách vì không kiên nhẫn, một khi không kiên nhẫn là tội lỗi và hạng người trọn vẹn trên thiên đàng không phạm tội.

Thay vì thế, đây là một sự mời gọi chấm dứt tiếng kêu gào báo thù và tiếp tục thưởng thức phước hạnh của sự **yên nghỉ** thiên thượng cho tới thời điểm của Đức Chúa Trời dành cho cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời tỏ ra. Cụm từ **ít lâu nữa** (đối chiếu Gi 7:33; 12:35) chỉ ra rằng thời điểm đó sẽ không bị trì hoãn lâu nữa đâu. Như đã đề cập đến trước đây, cái ẩn này được thấy rõ nhất khi mô tả thời kỳ ở giữa 7 năm đại nạn. Có một sự tương đồng trong lời nói với cụm từ trong Khải huyền 10:6: "**không còn có thì giờ nào nữa**", rõ ràng kết thúc sự trì hoãn mà Đức Chúa Trời đã phán với những người tuân đạo trong 6:11. Một thời điểm sẽ lướt qua rõ ràng giữa 6:11 và 10:6. Ngày phán xét và báo thù của Đức Chúa Trời vào khoảng ba năm rưỡi trước, và sẽ không đến **cho đến khi được đủ số người cùng làm việc và anh em mình phải bị giết như mình vậy**. Đức Chúa Trời quyết trước trong sự tể trị con số chính xác của những người sẽ bị giết. Những người đứng thỉnh cầu được

truyền cho phải tận hưởng phần còn lại của thiên đàng cho đến khi con số đó đã được đạt tới. Robert L. Thomas lưu ý:

Lời nói với các linh hồn ở dưới bàn thờ cung ứng cho họ sự tái bảo đảm rằng Đức Chúa Trời cuối cùng sẽ báo thù huyết của họ, nhưng thời điểm dành cho sự báo thù đó chưa đến. Một đặc điểm cần phải lộ ra trước là sự gia tăng số lượng của họ qua những lần tuận đạo. Những người sống trên đất dưới quyền lãnh đạo của con thú từ biển lên sẽ có một sự mất mát về sinh mạng con người lớn lao hơn trước khi Đấng Christ sau cùng can thiệp qua sự tái lâm của Ngài trên đất. Cho đến lúc đó, những người đã tuận đạo được truyền cho phải yên nghỉ và thưởng thức trạng thái phúc hạnh đã đạt được rồi (*Revelation 1–7: An Exegetical Commentary* [Chicago: Moody, 1992], 499).

Những người cùng làm việc và anh em là hai giai cấp trong dân sự. Nhóm thứ nhất còn đang sống và bằng lòng chịu chết giống như những người tuận đạo, mặc dù có thể họ không phải tuận đạo. Nhóm thứ hai là những kẻ sẽ bị giết.

Thế giới không phải là quá giác ngộ, nhân văn, văn minh, học vấn, hay tinh vi để tránh không lặp lại những hành động tàn bạo của quá khứ. Thực vậy, những hành động tàn bạo của Kỳ Đại Nạn sẽ vượt xa bất kỳ hành động nào đã xảy ra trước đó. Với sự kiềm chế siêu nhiên của Đức Chúa Trời nhắm vào tội lỗi bị cất đi và các thế lực của địa ngục không được lan tràn, việc tàn sát của thời điểm đó sẽ không có tiền lệ trong lịch sử của loài người. Nhưng từ thời buổi tối tăm và gian ác này, sẽ có hàng ngàn người đóng ấn lời chứng của họ về Lời của Đức Chúa Trời và quyền chủ tể của Đức Chúa Jêsu Christ bằng chính huyết của họ.

Lo Sợ Con Thanh Nộ Hầu Đến: Cái Ấn Thứ Sáu (Kh 6:12-17)

15

Tôi nhìn xem, khi Chiên Con mở ấn thứ sáu, thì có một cơn động đất lớn; mặt trời bèn trở nên tối tăm như túi lông đen, cả mặt trăng trở nên như huyết. Các vì sao trên trời sa xuống đất, như những trái xanh của một cây vả bị cơn gió lớn lung lay rụng xuống. Trời bị dời đi như quyển sách cuộn tròn, và hết thảy các núi các đảo bị quăng ra khỏi chỗ mình; các vua ở trên đất, các quan lớn, các tướng quân, các kẻ giàu, các kẻ quyền thế, các kẻ tội mọi, các người tự chủ đều ẩn mình trong hang hốc cùng hòn đá lớn trên núi, chúng nói với núi và đá lớn rằng: Hãy rơi xuống chận trên chúng ta, đừng tránh khỏi mặt của Đấng ngự trên ngai, và khỏi cơn giận của Chiên Con! Vì ngày thanh nộ lớn của Ngài đã đến, còn ai đứng nổi?” (Kh 6:12-17)

Một trong những lễ đạo chính về mặt tiên tri trong Kinh Thánh là sự đến của ngày thanh nộ sau cùng của Đức Chúa Trời được biết đến là Ngày của Đức Giê-hô-va. Trong sự thật cho thấy rằng **“Đức Chúa Trời hằng ngày nổi giận cùng kẻ ác”** (Thi 7:11), Ngày của Đức Giê-hô-va là một sự biểu lộ thường mô tả các thời kỳ khi Đức Chúa Trời đặc biệt can thiệp vào lịch sử của con người để phán xét. Cụm từ **“Ngày của Đức Giê-hô-va”** xuất hiện 19 lần trong Cựu Ước và 4 lần trong Tân Ước. Đây là thời điểm đặc biệt khi quyền phép và sự thánh khiết của Đức Chúa Trời được vén lên, đem lại sự khùng khiếp và sự chết cho các kẻ thù của Ngài. Các vị tiên tri mô tả Ngày của Đức Giê-hô-va như **“cơn tai nạn đến bởi Đấng Toàn Năng”** (Es 13:6; Gio 1:15), kỳ **“thanh nộ và nóng giận”** (Es 13:9), **“kỳ của các dân tộc”** (Exe 30:3), **“lớn và đáng khiếp”** (Gio 2:11), và **“ngày tối tăm, không phải là ngày ánh sáng”** (Am 5:18; đối chiếu câu 20).

Cụm từ **“Ngày của Đức Giê-hô-va”** không bị hạn chế cho cơn thanh nộ sau cùng trong tương lai, nhưng đôi khi đề cập đến những lần phán xét sắp xảy ra trong lịch sử, đã xảy ra trong suốt lịch sử của Cựu Ước (thí dụ Es 13:6-22; Exe 30:2-19; Gio 1:15; Am 5:18-20; Ap 1:11-14; So 1:14-18). Những lần phán xét theo kiểu Ngày của Đức Giê-hô-va như thế này thường được báo trước bởi một số lần phán xét sơ bộ ít nghiêm trọng hơn. Chúng xảy ra giống như những lời cảnh cáo qua việc cho phép nhìn thấy trước những sự phán xét tàn hại hơn chưa tới, chúng xảy đến khi **Ngày** thực sự đã đến.

Một trường hợp nói tới sự phán xét sơ bộ này đến từ tiên tri Giô-ên. Trong Gio 2:28-32, Ngày của Đức Giê-hô-va lúc sau cùng, tận thế đã được mô tả. Nhưng trình tự đem lại nhiều thông tin dẫn đến **Ngày** ấy. Gio 1:4-12 mô tả một trận dịch lệ đã xảy đến giáng trên xứ Giu-đa. Đây là cái nhìn trước về Ngày của Đức Giê-hô-va trong lịch sử đến trên xứ Giu-đa trong cuộc xâm lăng tương lai của người Ba-by-lôn được thấy ở Gio 2:1-17. Ngày của Đức Giê-hô-va trong lịch sử này cũng là một cái nhìn trước của Ngày tận thế chung cuộc được bàn luận ở 2:28-32.

Có một minh họa khác trong Ê-xê-chi-ên nói tới những lần phán xét sơ bộ dẫn đến Ngày của Đức Giê-hô-va. Trong Exe 13: 5, vị tiên tri tuyên bố rằng Ngày của Đức Giê-hô-va sẽ đến giáng trên xứ Giu-đa. Rõ ràng, ông đã cảnh cáo về việc đi làm phu tù cho người Ba-by-lôn và toàn bộ sự huỷ diệt thành Jerusalem — sự phân rã sinh hoạt quốc gia trong đất hứa rồi khỏi sự bảy mươi năm phu tù trong xứ Ba-by-lôn tà giáo. Mặc dù **Ngày** ấy chưa xảy đến, Ê-xê-chi-ên đã bị đi đày rồi, một trong mười ngàn người Do-thái bị đày sang Ba-by-lôn vào năm 597TC. Đã có một cuộc trục xuất người Do-thái trước đó vào năm 605TC, trong đó

Daniên và các bạn của ông đã bị bắt đi làm phu tù. Hai lần lưu đầy đầu tiên (các lần phán xét) là những lần nhìn thấy trước Ngày của Đức Giê-hô-va vào năm 586TC, khi người Ba-by-lôn phá hủy hoàn toàn thành Jerusalem và đặt dấu chấm hết cho dân tộc Israel khi nó còn tồn tại trong xứ. Như vậy, một lần nữa minh họa ấy cho thấy rằng Đức Chúa Trời gửi những lần phán xét sơ bộ trước Ngày của Đức Giê-hô-va.

Những lần khác, cụm từ "**Ngày của Đức Giê-hô-va**" đề cập trực tiếp đến những lần phán xét sau cùng, thuộc kỳ tận thế của Đức Chúa Trời vào phần cuối của lịch sử nhân loại (thí dụ Gio 2:28-32; Xa 14:1; Ma 4:1, 5; Cong 2:20; ITe 5:2; IITe 2:2; IIPhi 3:10). Ngày của Đức Giê-hô-va sau cùng này cũng sẽ có những lần phán xét sơ bộ trong năm cái ấn đầu tiên, trước khi nó khởi sự với việc mở ra cái ấn thứ sáu (6:17). Ngày đó sẽ diễn ra trong hai chặng, chặng thứ nhứt trong Kỳ Đại Nạn (ITe 5:2), rồi kế đó ở phần cuối thời kỳ Thiên Niên Kỷ (IIPhi 3:10). Hai chặng này cách nhau bởi một ngàn năm. Điều đáng chú ý là Phierơ, giống như thể xóa đi bất cứ thắc mắc nào về sự phân chia đó, nhắc cho quý độc giả nhớ rằng "**trước mặt Chúa một ngày như ngàn năm, ngàn năm như một ngày**" (IIPhi 3:8).

Phần chú giải chi tiết nhất trong Tân Ước về Ngày của Đức Giê-hô-va được thấy ở ITe 5:1-4:

Hỡi anh em, về thời và kỳ, thì không cần viết cho anh em; vì chính anh em biết rõ lắm rằng ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm trong ban đêm vậy. Khi người ta sẽ nói rằng: Bình hòa và an ổn, thì tai họa thành linh vụt đến, như sự đau đớn xảy đến cho người đàn bà có nghén, và người ta chắc không tránh khỏi đâu. Nhưng, hỡi anh em, anh em chẳng phải ở nơi tối tăm, nên nổi ngày đó đến thành linh cho anh em như kẻ trộm.

Người thành Tê-sa-lô-ni-ca rõ ràng đã thắc mắc với Phao-lô về thời điểm và chuỗi sự kiện liên quan đến Ngày của Đức Giê-hô-va. Phần nhiều Cơ đốc nhân tại thành Tê-sa-lô-ni-ca đã bối rối về tình trạng của những người đã chết trước khi Đấng Christ tái lâm, là việc mà họ tin sẽ xảy ra trong đời sống của họ. Sau khi đã truyền dạy cho họ tất cả những gì Đức Chúa Trời dự trù cho họ phải biết rõ về Sự Cất Lên (ITe 4:13-18), vị sứ đồ đã cảnh báo người thành Têsalônica phải sống một đời sống tin kính trong ánh sáng sự phán xét hầu đến của Đức Chúa Trời (ITe 5:4-8). Tập trung sự suy gẫm cá nhân vào các chi tiết thời điểm tiên tri với tổn phí tấn tới trong ân điển đã (và đang) không thích đáng.

Đức Chúa Trời đã không chọn tiết lộ thời điểm chính xác Ngày của Đức Giê-hô-va lúc sau cùng hoặc sự tái lâm của Đức Chúa Jêsus Christ (đối chiếu Mat 24:36; Cong 1:7). Không may, thực tế việc thiết lập niên đại vẫn tiếp tục tranh cãi trong thời đại của chúng ta.

Một khi Ngày của Đức Giê-hô-va sẽ bất ngờ và không cảnh báo xảy đến ("như kẻ trộm trong ban đêm"; ITe 5:2; đối chiếu IIPhi 3:10), những người tin Chúa còn sống trong Kỳ Đại Nạn cần phải sống trong sự lường trước và trông đợi sự đến tức thì của ngày ấy. Khi nói về sự tái lâm của Ngài, việc này là đỉnh cao chặng thứ nhứt của Ngày Đức Giê-hô-va, Chúa Jêsus phán: "Vậy hãy tỉnh thức, vì các ngươi không biết ngày nào Chúa mình sẽ đến" (Mat 24:42; đối chiếu câu 50). Sau đó, trong Bài Giảng Trên Núi, Ngài dè chừng: "Vậy, hãy tỉnh thức, vì các ngươi không biết ngày, cũng không biết giờ" (Mat 25:13; đối chiếu Lu 12:35-40). Từng thế hệ phải sẵn sàng cho Ngày của Đức Giê-hô-va. Phierơ thêm: "Vậy nên, hỡi kẻ rất yêu dấu, vì anh em trông đợi những sự đó, thì phải làm hết sức mình, hầu cho Chúa thấy anh em ở bình an, không dấu vớt, chẳng chỗ trách được" (IIPhi 3:14).

Ngay cả những người còn sống trong Kỳ Đại Nạn, họ sẽ không biết chính xác thời điểm nào Ngày của Đức Giê-hô-va sẽ bắt đầu. Họ sẽ bị các tiên tri giả lừa gạt, những kẻ này sẽ trấn an họ rằng sự phán xét chưa đến gần; thay vì thế, các kẻ ấy tái bảo đảm với họ "hòa bình và yên ổn" đang diễn ra — giống như những người tiên nhiệm của họ đã bảo đảm giả tạo cho Israel trong hoảng loạn (Mi 3:5; đối chiếu Gie 6:14; 8:11). Những kẻ lừa đã chuyên nói dối này sẽ nhạo báng ý tưởng cho rằng Đấng Christ sẽ tái lâm, đòi hỏi nhạo báng: "đến mà nói rằng: Chớ nào lời hứa về sự Chúa đến ở đâu? Vì từ khi tổ phụ chúng ta qua đời rồi, muôn vật vẫn còn nguyên như lúc bắt đầu sáng thế" (IIPhi 3:4). Bị các tiên tri giả lừa dối, thế gian sẽ mù quáng chìm vào Ngày của Đức Giê-hô-va rồi đối mặt với huỷ hoại thảm khốc, vô vọng.

Giống như năm cái ấn đầu tiên, cái ấn thứ sáu (giới thiệu sự đến của Ngày Đức Giê-hô-va, gọi đó là "ngày thanh nộ lớn", 6:17) gắn kết với một sức mạnh. Sức mạnh đó là sợ hãi, một cảm xúc ở giữa vòng những cảm xúc mạnh mẽ nhất của con người, có khả năng nắm bắt lý trí và ý chí. Sợ hãi có thể tạo ra mọi sự từ hèn nhất đến chủ nghĩa anh hùng, từ mạnh đến yếu, từ vây hãm đến thụ động, là lý do gây nhầm lẫn, từ suy nghĩ rõ ràng đến nỗi hoảng sợ hoàn toàn. Sợ hãi có thể thêm sức cho trái tim và khiến cho nó phải đập nhanh hơn — hoặc làm cho nó phải chết điếng.

Có nhiều nỗi sợ ảnh hưởng đến nhiều người, như sợ về bệnh tật, sợ bị thương, sợ chết, sợ mất người thân, sợ mất việc làm và sợ phát biểu trước công chúng. Thêm nữa, có những nỗi sợ khác (thường được gọi là ám ảnh) mà một số người dễ bị tổn thương, bao gồm sợ nhện, sợ côn trùng, sợ rắn, sợ chuột, sợ chó, sợ ở một mình, sợ không gian kín, sợ bay và sợ cao độ.

Người ta sợ đủ thứ hết, song hiếm có thứ chi phải sợ nhiều nhất. Trong Lu 12:5 Chúa Jêsu phán: “Song ta chỉ cho các người biết phải sợ ai: phải sợ Đấng khi đã giết rồi, có quyền bỏ xuống địa ngục; phải ta nói cùng các người, ấy là Đấng các người phải sợ!” Tác giả thư Hêbơrơ nói thêm: “Vì chúng ta biết Đấng đã phán rằng: Sự trả thù thuộc về ta; ta sẽ báo ứng, ấy là lời Chúa phán. Lại rằng: Chúa sẽ xét đoán dân mình. Sa vào tay Đức Chúa Trời hằng sống là sự đáng kinh khiếp thay!” (He 10:30-31). Nhưng thay vì kính sợ Ngài, hầu hết người ta một là xem Đức Chúa Trời giống như một cụ ông nhân từ, hoặc chối bỏ sự hiện hữu của Ngài. Tuy nhiên, một ngày nào đó, người ta sẽ có một nỗi sợ hãi như nung nấu, gây suy nhược, và không kiểm soát được trước những sự phán xét của Đức Chúa Trời hằng sống. Khi mô tả ngày hầu đến ấy, Chúa Jêsu phán trong in Lu 21:26 về “Người ta nhân trong khi đợi việc hung dữ xảy ra cho thế gian”. “Thất kinh mất vía” ra từ chữ *apopsuchō*, sát nghĩa là “ngừng thở” hoặc “tắt thở”. Khi Ngày của Đức Giê-hô-va đến, hạng tội nhân sẽ khủng khiếp đến nỗi một số người sẽ thất kinh mất vía và nhiều người khác sẽ ngã chết. Cái ấn thứ sáu cho thấy rằng người nào còn ở lại sẽ lấy làm khủng khiếp đến nỗi họ sẽ kêu gào những ngọn núi và đá lớn che giấu họ để tránh cơn thanh nộ tàn phá của Đức Chúa Trời.

Ba đặc điểm mô tả nỗi lo sợ phủ lụt gắn với cái ấn thứ sáu: lý do cho sợ hãi, tâm cớ của sợ hãi, và phản ứng của sợ hãi.

LÝ DO CHO SỢ HÃI

Tôi nhìn xem, khi Chiên Con mở ấn thứ sáu, thì có một cơn động đất lớn; mặt trời bèn trở nên tối tăm như túi lông đen, cả mặt trăng trở nên như huyết. Các vì sao trên trời sa xuống đất, như những trái xanh của một cây vả bị cơn gió lớn lung lay rụng xuống. Trời bị dời đi như quyển sách cuộn tròn, và hết thấy các núi các đảo bị quăng ra khỏi chỗ mình (Kh 6:12-14)

Không giống như năm cái ấn đầu tiên, mỗi một cái ấn liên quan đến con người không bằng cách này thì cũng bằng cách khác (bốn người cỡi ngựa và các thánh đồ ở dưới bàn thờ), trong **cái ấn thứ sáu** Đức Chúa Trời hành động một mình. Khi đến lúc cái ấn này được mở ra, điểm giữa của Kỳ Đại Nạn đã qua đi và thế gian đang ở trong giai đoạn ba năm rưỡi sau cùng được gọi là **"kỳ đại nạn"** (đối chiếu Mat 24:21). Vào lúc đó, Anti-christ cuối cùng đã làm ô uế đền thờ tại thành Jerusalem ("sự gớm ghiếc hoang vu"), thế gian thờ lạy hắn, và một sự bất bớ rất lớn người Do-thái và Cơ đốc nhân đã nổi ra. Thật là khó tin, ở giữa những hỗn loạn và lộn xộn từ những lần phán xét thiêng liêng giáng trên thế gian, đây sẽ là công việc rất bình thường đối với hầu hết mọi người. Phát biểu về thời điểm này, Chúa Jêsu phán: “Trong đời Nô-ê thế nào, khi Con người đến cũng thế ấy. Vì trong những ngày trước nước lụt, người ta ăn, uống, cưới, gả như thường cho đến ngày Nô-ê vào tàu, — và người ta không ngờ chi hết cho đến khi nước lụt tới mà đưa đem đi hết thấy, — khi Con người đến cũng như vậy” (Mat 24:37-39). Những lời cảnh cáo cho rằng các biến cố trầm trọng của năm cái ấn đầu tiên là phần ban đầu sự phán xét của Đức Chúa Trời rất ít ai để ý đến. Song các biến cố của cái ấn thứ sáu gây ra sự tàn phá và kinh khiếp đến nỗi chỉ có thể gán chúng duy nhất cho Đức Chúa Trời mà thôi. Thế gian sẽ bị buộc phải công nhận rằng những lời cảnh cáo của các nhà truyền đạo Cơ đốc về sự phán xét thiêng liêng là đặc biệt chính xác.

Như đã có lưu ý trước đây trong sách này, mấy cái ấn tương ứng với chuỗi các biến cố mà Chúa Jêsu

đã đưa ra trong Bài Giảng Trên Núi. Chúa mô tả các biến cố được gắn với cái ấn thứ sáu trong Mat 24:29: “Sự tai nạn của những ngày đó vừa mới qua, thì mặt trời liền tối tăm, mặt trăng không sáng, các ngôi sao từ trên trời sa xuống, và thế lực của các tầng trời rung động”. Câu chuyện của Lu-ca về Bài Giảng Trên Núi thêm: “sẽ có sự động đất lớn, có đói kém và dịch lệ trong nhiều nơi, có những điềm lạ kinh khiếp và dấu lớn ở trên trời” (Lu 21:11). Và Lu-ca còn viết thêm: “Sẽ có các điềm lạ trong mặt trời, mặt trăng, cùng các ngôi sao; còn dưới đất, dân các nước sào nhào rối loạn vì biển nổi tiếng om sòm và sóng bão. Người ta nhân trong khi đợi việc hung dữ xảy ra cho thế gian, thì thất kinh mất vía, vì các thế lực trên trời sẽ rung động” (Lu 21:25–26).

Các vị tiên tri trong Cựu Ước cũng có nói tới những tai vạ đáng sợ trong thiên nhiên khi nổi kết với Ngày của Đức Giê-hô-va. Giô-ên viết: “Hết thảy dân cư trong đất khá đều run rẩy! Vì ngày của Đức Giê-hô-va đến, ngày ấy đã gần: tức là ngày mờ mịt và tối tăm, ngày của mây và sương mù ... Đất run rẩy, trước mặt chúng nó, các tầng trời rung rinh mặt trời mặt trăng đều tối tăm, các ngôi sao thâu sự sáng lại” (Gio 2:1–2, 10; đối chiếu 2:31; 3:16).

Ê-xê-chi-ên đã viết về thời tiết bạo lực kèm theo Ngày của Đức Giê-hô-va (Exe 13:5-16), và Sôphôn đã mô tả ngày ấy là “ngày hoạn nạn và buồn rầu, ngày hủy phá và hoang vu, ngày tối tăm và mờ mịt, ngày mây và sương mù” (So 1:15). Giảng ghi lại sáu tai vạ thiên nhiên rất đáng sợ hiệp với việc mở ra cái ấn thứ sáu.

Thứ nhất, có **động đất rất lớn**. Đã có nhiều trận động đất trong lịch sử đã được ghi lại và sẽ có nhiều trận động đất nữa trong nửa đầu của Kỳ Đại Nạn (Ma-thi-ơ 24:7). Nhưng biến cố thảm họa nhất mà Giảng đã thấy trong cái ấn này sẽ mạnh mẽ và tàn phá nhiều hơn bất kỳ trận động đất nào trước đó. Thực vậy, điều này sẽ làm cho địa cầu phải lay chuyển rất nhiều (6:13-14). Seismos (động đất) sát nghĩa là "lay động". Trong Mat 8:24, nó mô tả một cơn bão lớn trên Biển Ga-li-lê, và bản Kinh Thánh 70 sử dụng nó trong Gio 2:10 để mô tả sự lay động của các tầng trời.

Đức Chúa Trời thường làm cho sự hiện diện của Ngài được cảm nhận trong lịch sử con người bằng cách lay động địa cầu. Ngài đã làm như thế khi Ngài ban luật pháp cho dân Israel tại Núi Si-nai (Xu 19:18; Thi 68:8), khi Ê-li kêu cầu Ngài (IVua 19:11-12), nơi sự chết của Con Ngài (Mat 27:51, 54), và khi Ngài thả Phaolô và Si-la ra khỏi nhà ngục ở thành Philip (Cong 16:26). Cả Êsai (Es 29:6) và Ê-xê-chi-ên (Exe 38:19) đều kết những trận động đất với sự phán xét của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, biến cố này khiến cho địa cầu phải lay động rất nhiều. Nó sẽ làm lay động các tầng trời cũng y như lay động địa cầu vậy.

Những trận động đất luôn luôn làm cho người ta phải sợ hãi. Có nhiều người cư ngụ ở quốc gia thường có động đất đang sống trong nỗi lo sợ thường trực về trận “động đất lớn”. Sau khi kinh nghiệm một trận động đất, có người đã thất kinh mất vía đến nỗi họ sống trong lều trại ngoài trời trong nhiều ngày, hoặc trong nhiều tuần lễ, lo sợ không dám ở lại trong nhà cửa của họ. Có người di chuyển ra khỏi khu vực thường hay có động đất. Số người lấy phiếu hẹn ở các phòng mạch tâm thần và tâm lý cũng tăng lên, là những kẻ còn phấn đấu để thắng hơn các nỗi sợ hãi của họ.

Nhưng những nỗi lo sợ do trận động đất này gây ra sẽ lớn hơn nhiều so với những trận động đất nào đã có trước đó. Không những đây sẽ là trận động đất mạnh bạo nhất mà thế gian đã từng chứng kiến, mà nó còn đến vào thời điểm rối rắm chưa từng có. Người nào đã kinh nghiệm trận động đất này sẽ sống sót qua cuộc chiến cấp thế giới, sự tàn phá do đói kém, và dịch lệ lan rộng các chứng bệnh chết người. Việc cất bỏ của Đấng kèm chế, Đức Thánh Linh, Đấng Thiêng Liêng đã cầm Satan và Anti-christ lại cho đến kỳ định của Đức Chúa Trời (IITe 2:6-8) sẽ để cho thế gian chìm vào tình trạng phi đạo đức, dữ dằn, gian ác, và bất kinh. Anti-christ sẽ được người ta thờ lạy giống như là Đức Chúa Trời và tiên tri giả của hắn sẽ tuyên bố rằng điều không tưởng đang ở gần — không bao lâu nữa những người tin nơi Đức Chúa Trời chơn thật sẽ chẳng còn có nữa. Tuy nhiên, ngay tức thì, lời nói dối của Sa-tan đã bị bày ra và những hy vọng giả tạo của thế gian bị tan tác bởi sự lay động mạnh mẽ của chính địa cầu ở dưới chân họ.

Theo sau trận động đất thì tai vạ thứ hai xuất hiện, khi **mặt trời bèn trở nên tối tăm như túi lông đen. Túi lông** là miếng vải thô mà những người chuyên than khóc dệt lấy, thường được làm từ lông dê **màu đen**. Theo sau trận động đất lớn lao tàn phá địa cầu, mặt trời sẽ đổi thành màu đen như cái áo choàng của hạng người chuyên than khóc. Khoa học gia Tiến sĩ Henry M. Morris giải thích điều gì có thể gây ra hiện tượng đó:

Trận động đất lớn được mô tả ở đây . . . lần đầu tiên trong lịch sử nằm trên phạm vi toàn cầu. Các nhà địa chấn và địa vật lý học trong những năm gần đây đã học biết rất nhiều về cấu trúc của địa cầu và về nguyên nhân và tính chất của những trận động đất. Lớp vỏ rắn chắc của địa cầu được trải qua một mạng lưới nhiều lỗi phức tạp, với cả thủy triều nằm trên cái áo choàng nhựa mà cấu trúc của nó vẫn chưa ai biết đến nhiều. Cho dù lớp vỏ bao gồm những cái đĩa di động lớn là một vấn đề tranh cãi hiện nay giữa các nhà địa vật lý, vì vậy nguyên nhân tối hậu của những trận động đất vẫn chẳng có ai biết đến. Với mọi khả năng, toàn bộ phức hợp bất ổn của lớp vỏ trái đất là phân sót lại của hiện tượng Nước Lụt lớn, đặc biệt là sự tan vỡ của nhiều con sông nằm dưới sâu.

Trong bất kỳ trường hợp nào, mạng vành đai chấn động bất ổn theo diện rộng cấp thế giới cũng sẽ bắt đầu trượt và nứt gãy trên cơ sở toàn cầu và một trận động đất cực kỳ lớn sẽ xảy ra. Rõ ràng, và thật tự nhiên, điều này được kèm theo với những lần phun trào lớn lao của núi lửa, phun một lượng lớn bụi, hơi nước và khí gas vào thượng tầng của bầu khí quyển. Có lẽ chính những điều này sẽ làm cho mặt trời bị tối tăm và mặt trăng bị đỏ như máu. (*The Revelation Record* [Wheaton, Ill.: Tyndale, 1983], 121).

Tiên tri Giô-ên đã nói về chính hiện tượng này khi gắn kết với Ngày của Đức Giê-hô-va: **“Mặt trời sẽ đổi ra tối tăm, mặt trăng ra máu, trước khi ngày lớn và kinh khiếp của Đức Giê-hô-va chưa đến”** (Gio 2:31; đối chiếu Es 13:9-10; Mat 24:29; Mac 13:24-25; Lu 21:25). Sự tối tăm được kết với sự phán xét ở khắp nơi trong Kinh Thánh (thí dụ, Xu 10:21-22; Mat 27:45).

Tai vạ thứ ba có liên quan chặt chẽ với sự tối tăm của mặt trời, khi **cả mặt trăng trở nên như huyết**. Sẽ có những đám mây tro thật lớn và khói phun ra bởi hoạt động của núi lửa được gắn với trận động đất mạnh trên toàn thế giới. Tro và khói đó bọc lấy mặt trăng, nhuộm màu nó đỏ như máu khi nó cố gắng xuyên qua bầu trời đầy khói đen.

Êsai cũng mô tả hiện tượng lạ lùng và kinh khiếp này, ông ghi lại trong Êsai 13:10: **“mặt trời mọc lên thì mờ tối, mặt trăng không soi sáng đâu”**. Giô-ên nói thêm: **“mặt trời mặt trăng đều tối tăm”** (Gio 2:10). Và, trong phân đoạn được trưng dẫn ở trên, Giô-ên đã nói đến mặt trời bị tối tăm và mặt trăng bị biến thành huyết (Gio 2:31; đối chiếu Cong 2:20). Hiện tượng này sẽ tác động từng phương diện của cuộc sống khi chu kỳ sáng và tối bị ngắt đi. Toàn bộ sự lu mờ của mặt trời và mặt trăng sẽ thêm vào nhiều lý do nữa cho thế gian phải ở trong sự hoảng loạn.

Sau đó, từ bầu trời tối tăm ấy xảy đến tai vạ thứ tư; Giảng ghi lại rằng **Các vì sao trên trời sa xuống đất**. Asters (các ngôi sao) có thể đề cập đến các ngôi sao đích thực, nhưng cũng có thể mô tả bất kỳ bộ phận nào ở trên trời khác với mặt trời và mặt trăng. Rõ ràng, trong bối cảnh này từ ngữ đó không đề cập đến các vì sao đích thực, một khi chúng quá lớn không thể rơi xuống đất và sẽ hoá nó ra tro trước khi đụng vào nó. Các ngôi sao vẫn ở đúng vị trí sau đó khi tiếng kèn thứ tư trỗi lên (8:12). Đây có thể là một tham khảo đến các tiểu hành tinh hoặc mưa sao oanh tạc địa cầu. Mới đây, các nhà khoa học đã có nhiều suy đoán về những ảnh hưởng của một tiểu hành tinh lớn sắp va đập vào địa cầu. Các chuyên gia hiện đại tin rằng những tác động của các tiểu hành tinh, sao chổi và sao băng sắp đập vào địa cầu sẽ tàn phá và gây ra sự hủy diệt chưa từng có. Sẽ có rất nhiều bộ phận như thế đập vào địa cầu mà Giảng, trong một phép so sánh sinh động, đã ví bối cảnh ấy **như những trái xanh của một cây vả bị cơn gió lớn lung lay rụng xuống**. Với toàn bộ địa cầu đang bị đè bẹp bởi những quả cầu lửa phát ra từ bóng tối, sẽ không có một chỗ nào để người ta chạy trốn, không nơi nào để họ tránh né được.

Tai vạ thứ năm trong cái án này tác động thẳng vào bầu khí quyển của địa cầu, vì từ nhận định của con người **Trời bị dời đi như quyển sách cuộn tròn**. Đây là nhận thức của con người về tầm quan trọng của cơn phán xét này, song chẳng phải là sự giải thể sau cùng của bầu trời, là điều sẽ xảy đến sau đó (21:1; IIPhi 3:10). Đây là đặc điểm của việc “có những điềm lạ kinh khiếp và dấu lớn ở trên trời” (Lu 21:11) sẽ

làm cho người ta phải kinh hãi. Giăng ví bầu trời với một quyển sách cuộn tròn có phần giữa và hai đầu cuộn lại. Bức tranh sinh động này tìm gặp phần tương ứng trong Es 34:4: “Cả cơ binh trên trời sẽ tan tác, các từng trời cuộn lại như cuộn sách; cả cơ binh điêu tàn như lá nho rụng, như lá vả khô rơi xuống”. Đức Chúa Trời sẽ tung một cú đấm thôi sơn nơi quyền thống trị của Sa-tan, là “vua cầm quyền chốn không trung” (Eph 2:2).

Khi trở lại trong sự mặc thị của ông trước các biến cố giáng trên đất, Giăng mô tả hiện tượng tàn phá của thiên nhiên lần thứ sáu, ông lưu ý rằng **hết thấy các núi các đảo bị quăng ra khỏi chỗ mình**. Lớp vỏ bất ổn toàn bộ của địa cầu khởi sự lay động và thay đổi vị trí. Tản sĩ Morris cũng giải thích cách sự việc này sẽ xảy ra:

Lớp vỏ địa cầu, vốn bất ổn kể từ trận Đại hồng thủy, sẽ chịu ảnh hưởng bởi các tiểu hành tinh đang tác động, các vụ núi lửa phun trào, và những lần động đất trên toàn thế giới, nhiều mảng lớn của nó sẽ thực sự bắt đầu trượt trên lớp vỏ nhựa sâu của địa cầu. Các nhà địa vật lý trong nhiều năm trời đã bị cuốn hút bởi ý tưởng “trôi dạt lục địa” (mặc dù có bằng chứng mạnh mẽ đang tích tụ chống lại bất kỳ hiện tượng nào như vậy xảy ra trong đời hiện tại). Có người đã cho xuất bản các lý thuyết nói về thảm họa thiên nhiên trong quá khứ liên quan đến cái mà họ gọi là “lớp vỏ chuyển động của trái đất”. Một số hiện tượng như vậy thực sự có thể bị kích hoạt dưới sự phán xét này của cái ấn thứ sáu, thu nhỏ lại thiệt hại đã xảy ra bởi tất cả các trận động đất lớn trong quá khứ. (The Revelation Record, 123).

Các tai vạ tàn phá trong thiên nhiên đi kèm với cái ấn thứ sáu sẽ trở thành các biến cố khủng khiếp nhất từng tác động trên địa cầu. Cái chạm của chúng sẽ trở thành thứ tàn phá cao độ hơn bất kỳ kịch bản tận thế hiện nay về các tiểu hành tinh đụng vào địa cầu. Và thậm chí những lần phán xét qua tiếng kèn và cái bát vẫn còn đang tới đến! Việc san phẳng hoàn toàn núi non sẽ đến sau đó lúc có sự phán xét qua cái bát thứ bảy (16:20).

TÀM CỐ CỦA SỢ HÃI

các vua ở trên đất, các quan lớn, các tướng quân, các kẻ giàu, các kẻ quyền thế, các kẻ tội mọi, các người tự chủ (Kh 6:15a)

Câu này chỉ ra rằng nỗi sợ hãi gây suy nhược do các tai vạ được gán với cái ấn thứ sáu sẽ tác động thẳng vào những kẻ không tin Chúa. Bảy phạm trù này bao gồm các giai cấp trong xã hội. **Các vua ở trên đất** đề cập đến những người đứng đầu nhà nước trên khắp thế giới. **Các quan lớn** (megistanes) là những quan chức cao cấp trong chính phủ. **Các tướng quân** là cấp lãnh đạo quân sự, trong khi **các kẻ giàu** là những người kiểm soát thương mại, kinh doanh và **các kẻ quyền thế** sẽ trở thành hạng người có thế lực. Họ cùng nhau bao gồm các thành phần ưu tú trong xã hội loài người. Mĩa mai thay, đây đúng là những người đã bất chấp lời cảnh báo về sự phán xét sắp xảy ra của Đức Chúa Trời và đã bắt bớ những người lo rao giảng sự phán xét ấy. Quyền lực chính trị, quyền lực quân sự, sự giàu có, cũng không phải kẻ quyền thế sẽ miễn trừ bất cứ ai trước sự phán xét của Đức Chúa Trời (đối chiếu Ch 11:4; So 1:18). Cũng chẳng phải hạng dân thường cũng chẳng phải giai cấp thấp kém hơn sẽ tránh thoát đâu; **các kẻ tội mọi** và **các người tự chủ** sẽ lấy làm kinh khủng y như người có quyền thế và giàu có vậy.

PHẢN ỨNG CỦA SỢ HÃI

đều ẩn mình trong hang hốc cùng hòn đá lớn trên núi, chúng nói với núi và đá lớn rằng: Hãy rơi xuống chặn trên chúng ta, đừng tránh khỏi mặt của Đấng ngự trên ngai, và khỏi cơn giận của Chiên Con! Vì ngày thanh nộ lớn của Ngài đã đến, còn ai đứng nổi? (Kh 6:15b-17)

Phản ứng của thế giới vô tín trước những kinh khiếp được phát ra bởi cái ấn thứ sáu sẽ không phải là phản ứng của sự ăn năn đâu (đối chiếu 9:21; 16:11), mà là sự hoảng loạn. Sau cùng họ sẽ công nhận mọi điều

mà những người tin Chúa đã nói lâu nay, rằng các tai vạ mà họ đã kinh nghiệm đều là sự phán xét của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, giống như ma quỷ mà Gia-cơ đã chép (Gia 2:19), họ sẽ tin và lo sợ nhưng lại chẳng chịu ăn năn. Họ sẽ chạy theo Sa-tan, tin theo mọi lời dối gạt của hắn, và vòng tay ôm lấy sứ giả nó, là Anti-christ. Kết quả là, Đức Chúa Trời sẽ từ bỏ họ: **“Ấy vì thế mà Đức Chúa Trời cho chúng nó mắc phải sự lầm lạc, là sự khiến chúng nó tin điều dối giả, hầu cho hết thấy những người không tin lẽ thật, song chuộng sự không công bình, đều bị phục dưới sự phán xét của Ngài”** (II Te 2:11-12). Người nào cứ mãi nặng lòng sẽ có tấm lòng của họ bị Đức Chúa Trời làm cho nặng nề; họ sẽ không thể ăn năn và tin cậy đâu.

Hạng tội nhân bị đánh bởi cơn hoảng loạn sẽ phản ứng một cách phi lý, đại đột nỗ lực **ẩn mình trong hang hốc cùng hòn đá lớn trên núi**, (đối chiếu Es 2:17-21) — chính các chỗ đang bị lay động. Chắc chắn họ đang tìm kiếm nơi ẩn náu tránh các thiên thạch và sao chổi đang bắn phá trái đất. Nhưng trong ánh sáng của trận động đất lớn lao kia cùng các dư chấn liên tục của nó, các vụ phun trào núi lửa lan rộng, và các rối loạn khác của lớp vỏ trái đất, những nơi ẩn náu đó sẽ không cung ứng một sự an toàn nào hết. Hơn nữa, trốn tránh Đức Chúa Trời hoặc tránh né sự phán xét của Ngài là điều bất khả thi. Khi nói tới dân Israel loạn nghịch, Đức Chúa Trời phán: “Dầu chúng nó đào đến âm phủ, tay ta cũng sẽ móc chúng nó ra; dầu chúng nó trèo lên trên trời, ta cũng sẽ làm cho chúng nó từ đó xuống. Dầu chúng nó ẩn mình nơi chót núi Cạt-mên, ta cũng sẽ đi tìmặng kéo chúng nó ra; dầu chúng nó lánh khuất mắt ta nơi đáy biển, ta cũng sẽ sai rắn cắn chúng nó tại đó” (Am 9:2-3; đối chiếu Thi 139:7-12).

Những biến cố đáng sợ gợi lên một buổi nhóm cầu nguyện khắp thế giới, nhưng những lời cầu nguyện cần phải dành cho Mẹ Thiên Nhiên, chớ không phải với Đức Chúa Trời. Giống như những kẻ vô tín đang mất hút dần vào trong đất với nỗ lực hư không của họ để ẩn mình, chúng nói với núi và đá lớn rằng: Hãy rơi xuống chận trên chúng ta, đừng tránh khỏi mặt của Đấng ngự trên ngôi, và khỏi cơn giận của Chiên Con! Vì ngày thanh nộ lớn của Ngài đã đến, còn ai đứng nổi?” Quá trễ rồi, những con người còn sống lúc bấy giờ sau cùng sẽ nhận ra rằng hết thấy các tai vạ đến giáng trên họ cùng thế giới của họ đều là hậu quả cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời. Chưa chịu và không thể ăn năn, họ sẽ gào lên với núi và đá lớn hãy rơi xuống chận trên họ và nghiền nát họ. Hai tiếng gào tương tự có thể được thấy ở trong Kinh Thánh (Os 10:8; Lu 23:30), cả hai trong thời kỳ thảm họa quốc gia cho dân Israel. Ở một cấp độ nào đó, họ cần phải tiên đoán trước về thời kỳ được đề cập đến ở trong cái ẩn thứ sáu. Người ta sẽ lấy làm kinh khiếp đến nỗi họ rất muốn chết đi còn hơn là đối diện với cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời thánh khiết — đại đột bất chấp sự thực cho rằng chết sẽ cung ứng tuyệt đối chẳng có một lối thoát nào tránh được sự phán xét thiêng liêng, thay vì thế là bị quăng vào trong hồ lửa đời đời (đối chiếu 20:11–15). **Đấng ngự trên ngôi** đề cập đến Đức Chúa Trời (4:2-3, 9-10). Khi ấy, họ sẽ đạt tới một sự hiểu biết rõ ràng rằng Đức Chúa Trời đã hiện diện ở đằng sau mọi sự phán xét.

Đặc biệt hơn nữa, họ lo sợ **cơn thanh nộ của Chiên Con**. Chiên Con, là Đức Chúa Jêsus Christ (5:6–8), là đại biểu của sự phán xét trực tiếp. Cơn thanh nộ của Chúa Jêsus hoá thân thành nhục thể được thấy chỉ có hai lần trong Kinh Thánh, khi Ngài dọn dẹp đền thờ (Gi 2:13-17; đối chiếu Mat 21:12-13). Trong đền thờ tương lai, Ngài sẽ xét đoán giống như một con sư tử (5:5). Dân sự đương trong cơn hoảng loạn trên thế gian sẽ nhìn nhận Chiên Con là Đấng hành quyết.

Ngày thanh nộ lớn (cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời và của Đấng Christ) là một cụm từ khác nói tới ngày của Chúa. Rõ ràng, thế gian sẽ hiểu ra cơn thanh nộ sau cùng sẽ đến.

Các phân đoạn chính trong Cựu Ước từ đó các hình ảnh trong cái ẩn thứ sáu được rút ra minh chứng rằng **ngày lớn** phải là Ngày của Đức Giê-hô-va (Es 2:10-11, 19-21; 13:9-13; 34:4, 8; Exe 32:7–8; Os 10:8; Gio 2:11, 30; So 1:14; Ma 4:5).

Những kinh khiếp này trong Ngày của Đức Giê-hô-va đi trước sự đến của Chúa và thậm chí lường trước sự tệt hại nhất sắp xảy tới trong cái ẩn thứ bảy, bao gồm những phán xét bằng tiếng kèn (8:1-9:21) và cái bát (16:1-21).

Bối cảnh kết thúc với việc đưa ra thắc mắc **còn ai đứng nổi?** Câu trả lời là: “không một ai”. Tiên tri Nahum viết: “Ai đứng được trước sự thanh nộ Ngài? Ai đương nổi sự nóng giận Ngài?” (Na 1:6). ITe 5:3 công bố rằng “tai họa thành linh vụt đến, như sự đau đớn xảy đến cho người đàn bà có nghén, và người ta chắc không tránh khỏi đâu”. Kẻ bất kính sẽ không thể tránh được sự phán xét thiêng liêng đâu.

Hình ảnh này, kinh khủng và khiếp đảm như nó vốn có, chẳng phải là vô vọng đâu. Hội thánh sẽ được cứu từ thời điểm ấy (3:10). Nhiều đoàn dân đông gồm những người được cứu ở giữa những khiếp kinh của sự phán xét thiêng liêng, và dân Ngoại (7:9) và người Do-thái (Ro 11:26). Nhưng đối với phần còn lại, lời lẽ của tác giả thơ Hêborơ chép: **“Vì nếu chúng ta đã nhận biết lẽ thật rồi, mà lại cố ý phạm tội, thì không còn có tế lễ chuộc tội nữa, nhưng chỉ có sự đợi chờ kinh khiếp về sự phán xét, và lửa hừng sẽ đốt cháy kẻ bội nghịch mà thôi ... Sa vào tay Đức Chúa Trời hằng sống là sự đáng kinh khiếp thay!”** (He 10:26-27, 31).

Những Kẻ Sống Sót Trong Cơn Thanh Nộ của Đức Chúa Trời (Kh 7:1-8)

16

Sau việc ấy, tôi thấy bốn vị thiên sứ đứng ở bốn góc đất, cầm bốn hướng gió lại, hầu cho không gió nào thổi trên đất, trên biển hay là trên cây nào. Tôi lại thấy một vị thiên sứ khác, từ phía mặt trời mọc mà lên, cầm ấn của Đức Chúa Trời hằng sống. Người cả tiếng kêu bốn vị thiên sứ đã được quyền làm hại đất cùng biển, và bảo rằng: Chớ làm hại đất, biển và cây cối, cho đến chừng nào chúng ta đã đóng ấn trên trán những tôi tớ Đức Chúa Trời chúng ta. Tôi lại nghe số người được đóng ấn là: Mười bốn vạn bốn ngàn người được đóng ấn từ trong các chi phái dân Y-sơ-ra-ên; Trong chi phái Giu-đa, một vạn hai ngàn người được đóng ấn; Trong chi phái Ru-bên, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Gát, một vạn hai ngàn; Trong chi phái A-se, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Nép-ta-li, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Ma-na-se, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Si-mê-ôn, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Lê-vi, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Y-sa-ca, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Sa-bu-lôn, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Giô-sép, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Bên-gia-min, một vạn hai ngàn đều được đóng ấn (Kh 7:1-8)

Chương đứng trước Khải huyền (6) nhìn vào thời điểm thảm họa chưa từng thấy, khủng bố không lường, và giết chóc không thể tưởng tượng được nằm chờ cả thế gian. Thường được gọi là Kỳ Đại Nạn, đó sẽ là thời điểm khi Đức Chúa Jêsus Christ lấy lại địa cầu khỏi kẻ chiếm đoạt, là Sa-tan. Hành động đó được đặc trưng trong sách Khải huyền bằng cách mở ra cuộn sách có đóng bảy cái ấn. Khi Ngài mở từng cái ấn ra, một sự phán xét thiêng liêng mới được đổ ra trên đất. Những sự phán xét của năm cái ấn đầu tiên rất là nghiêm trọng. Nhưng các tai vạ gắn với cái ấn thứ sáu (khởi sự Ngày của Đức Giê-hô-va) sẽ trở nên hơn năm cái ấn đầu tiên rất là nhiều. Và những sự phán xét của cái ấn thứ bảy, bao gồm những sự phán xét thậm chí còn mạnh hơn nữa qua tiếng kèn và cái bát, sẽ là điều tồi tệ nhất trong mọi sự.

Thế gian sẽ chối không công nhận rằng các tai vạ của năm cái ấn đầu tiên là sự phán xét của Đức Chúa Trời — bất chấp những lời cảnh cáo từ những người tin Chúa là chúng đến từ Đức Chúa Trời. Nhưng các biến cố của cái ấn thứ sáu sẽ rất khủng khiếp đến nỗi mọi người buộc phải công nhận chúng là sự phán xét của Đức Chúa Trời. Trong nỗi kinh hoàng của họ, ở giữa mọi nỗ lực hư không của họ hầu tránh né sự hiện diện ghê khiếp của Đức Chúa Cha và Chiên Con, ai nấy sẽ gào lên: “Vì ngày thanh nộ lớn của Ngài đã đến, còn ai đứng nổi?” (6:17).

Chương 7 hình thành một tiểu đoạn nằm trong dấu ngoặc đơn giữa cái ấn thứ sáu (6:12-17) và cái ấn thứ bảy (8:1) để trả lời thắc mắc đó, giới thiệu hai nhóm người, họ sẽ còn sống qua cơn thanh nộ của sự phán xét thiêng liêng. Thứ nhất, những người được mô tả trong các câu 1-8, là những nhà truyền đạo người Do-thái, họ sẽ được bảo toàn trên đất. Họ sẽ sống sót sau tai vạ thiêng liêng phát ra bởi những sự phán xét qua cái ấn, tiếng kèn và cái bát. Đức Chúa Trời cũng sẽ bảo vệ họ khỏi những nỗ lực giết chóc của Anti-christ và tay sai của hắn hầu quét sạch những người tin theo Đức Chúa Trời chơn thật. Sau khi sống sót qua cuộc chiến, đói kém, các tai vạ trong thiên nhiên chưa từng có, bệnh tật, lây lan, tội lỗi không kiểm soát, và sự bắt bớ ghê khiếp của Kỳ Đại Nạn, họ sẽ bước vào sống trong vương quốc ngàn năm. Nhóm thứ hai tránh thoát cơn thanh nộ thiêng liêng (các câu 9-17) là những người sẽ phải tuân đạo và nhưn đó được dẫn vào sự yên nghỉ hạnh phúc của thiên đàng, ở đó họ sẽ được bảo toàn. Sau các biến cố khủng khiếp của cái ấn thứ sáu,

và trước khi mở ra cái ẩn thứ bảy trong chương 8, Đức Thánh Linh cung ứng chương này như là một khúc dạo để cho độc giả làm chủ được hơi thở của mình. Đây cũng là một sự nhắc nhở rằng ở giữa cơn thịnh nộ của Ngài, Đức Chúa Trời còn nhớ đến sự thương xót (đối chiếu Ha 3:2).

Cặp mặc thị này tương phản với sự chuần bị của những người tin Chúa, họ sẽ được cứu ra khỏi cơn thịnh nộ đó, với sự hoảng loạn và tàn diệt những kẻ không tin Chúa, họ sẽ chẳng sống nổi đâu. ITe 5:3 tuyên bố rằng: "tai họa thành linh vụt đến, như sự đau đớn xảy đến cho người đàn bà có nghén, và người ta chắc không tránh khỏi đâu". Trong thư thứ hai của ông gửi cho người thành Tê-sa-lô-ni-ca, Phao-lô nói thêm: "và cho anh em, là kẻ chịu khổ, được nghỉ ngơi với chúng tôi, trong khi Đức Chúa Jê-sus từ trời hiện đến với các thiên sứ của quyền phép Ngài, giữa ngọn lửa hùng, báo thù những kẻ chẳng hề nhận biết Đức Chúa Trời, và không vâng phục Tin Lành của Đức Chúa Jê-sus Christ chúng ta. Họ sẽ bị hình phạt hư mất đời đời, xa cách mặt Chúa và sự vinh hiển của quyền phép Ngài" (II Te 1:7-9). Sau đó, trong bức thư, vị sứ đồ đã viết: "Ấy vì thế mà Đức Chúa Trời cho chúng nó mắc phải sự lầm lạc, là sự khiến chúng nó tin điều dối giả, hầu cho hết thảy những người không tin lẽ thật, song chuộng sự không công bình, điều bị phục dưới sự phán xét của Ngài" (II Te 2:11-12). Kinh Thánh không cung ứng một hy vọng nào cho bất kỳ kẻ nào sống bất kính trong Ngày đó sẽ thoát khỏi sự phán xét của Đức Chúa Trời. Ngày của Đức Giê-hô-va cuối cùng sẽ tiêu diệt hết thảy kẻ bất kính không nhìn biết Chúa và không vâng theo lẽ Tin lành của Đấng Christ.

Đức Chúa Trời sẽ bảo toàn dân sự của Ngài trong thời điểm phán xét là lẽ đạo quen thuộc trong Kinh Thánh. David hạ hê trong đặc thặng: "Người công bình kêu cầu, Đức Giê-hô-va bèn nghe, và giải cứu người khỏi các sự gian truân. Đức Giê-hô-va ở gần những người có lòng đau thương, và cứu kẻ nào có tâm hồn thống-hối. Người công bình bị nhiều tai họa, nhưng Đức Giê-hô-va cứu người khỏi hết" (Thi 34:17-19). Trong Thi 91:3-10 tác giả Thi thiên nhắc lại lời hứa bảo toàn của Đức Chúa Trời đối với người tin kính:

Ngài sẽ giải cứu ngươi khỏi bầy chim, và khỏi dịch lệ độc-hại. Ngài sẽ lấy lông Ngài mà che chở ngươi, và dưới cánh Ngài, ngươi sẽ được nương nấu mình; Sự chân thật Ngài là cái khiên và cái can của ngươi. Ngươi sẽ chẳng sợ hoặc sự kinh khiếp ban đêm, hoặc tên bay ban ngày, hoặc dịch lệ lây ra trong tối tăm, Hay là sự tàn diệt phá hoại đang lúc trưa. Sẽ có ngàn người sa ngã bên ngươi, và muôn người sa ngã bên hữu ngươi. Song tai họa sẽ chẳng đến gần ngươi. Người chôn lấp mắt mình nhìn xem, và sẽ thấy sự báo trả cho kẻ ác. Bước ngươi đã nhờ Đức Giê-hô-va làm nơi nương nấu mình, và Đấng Chí cao làm nơi ở mình, nên sẽ chẳng có tai họa gì xảy đến ngươi, cũng chẳng có ôn-địch nào tới gần trại ngươi.

Malachi mô tả sự yên ủi của Đức Chúa Trời cho lo sợ mình sẽ bị quét đi bởi những lần phán xét trong Ngày của Đức Giê-hô-va:

Bấy giờ những kẻ kính sợ Đức Giê-hô-va nói cùng nhau, thì Đức Giê-hô-va để ý mà nghe; và một sách để ghi nhớ được chép trước mặt Ngài cho những kẻ kính sợ Đức Giê-hô-va và tưởng đến danh Ngài. Đức Giê-hô-va vạn quân phán: Những kẻ ấy sẽ thuộc về ta, làm cơ nghiệp riêng của ta trong ngày ta làm; và ta sẽ tiếc chúng nó như một người tiếc con trai mình hầu việc mình. Bấy giờ các ngươi sẽ trở lại và sẽ phân biệt giữa kẻ công bình và kẻ gian ác, giữa kẻ hầu việc Đức Chúa Trời và kẻ không hầu việc Ngài. Vì vậy, ngày đến, cháy như lò lửa. Mọi kẻ kiêu ngạo, mọi kẻ làm sự gian ác sẽ như rơm cỏ; Đức Giê-hô-va vạn quân phán: Ngày ấy đến, thiêu đốt chúng nó, chẳng để lại cho chúng nó hoặc rễ hoặc nhánh. Nhưng về phần các ngươi là kẻ kính sợ danh ta, thì mặt trời công bình sẽ mọc lên cho, trong cánh nó có sự chữa bệnh; các ngươi sẽ đi ra và nhảy nhót như bò tơ của chuồng ...

Này, ta sẽ sai đấng tiên tri Ê-li đến cùng các ngươi trước ngày lớn và đáng sợ của Đức Giê-hô-va chưa đến. Người sẽ làm cho lòng cha trở lại cùng con cái, lòng con cái trở lại cùng cha, kéo ta đến lấy sự rửa sả mà đánh đất này" (Ma 3:16-4:2, 5-6).

Khi Đức Chúa Trời huỷ diệt thế gian bởi Nạn Lụt, Ngài đã bảo toàn Nô-ê cùng gia đình của ông. Khi Ngài huỷ diệt thành Sô-dôm và Gô-mô-rơ, Ngài đã bảo toàn Lót cùng các con gái của ông. Khi Ngài tiêu diệt thành Giê-ri-cô, Ngài đã bảo toàn Ra-háp cùng người nhà của nàng. Và khi Ngài huỷ diệt xứ Ai-cập, Ngài đã bảo toàn dân tộc Do-thái.

Kỳ Đại Nạn được bày ra để trở thành một thời điểm phán xét, tai vạ và chết chóc. Nhưng nó cũng sẽ là thời điểm của ơn cứu rỗi. Một số trong những người được cứu chuộc ra khỏi cơn Đại Nạn đã được nhắc đến rồi gắn với cái ấn thứ năm (6:9-11). Họ là những người tuân đạo, bị giết vì có sự trung tín của họ đối với Lời của Đức Chúa Trời và với Đức Chúa Jêsus Christ (đối chiếu 7:9-17). Nhiều người tin Chúa chắc chắn sẽ chết từ những chiến cuộc, đói kém và các tai vạ (6:3-8, 12-14) mà Đức Chúa Trời giáng ra trên đất. Vô số những người khác sẽ ngã chết như một hậu quả sự bất bớ của Anti-christ (13:7-10; 14:12-13; 17:6; 20:4). Tuy nhiên, những cái chết về phần xác của họ không phải là kết quả cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời (ITe 1:10; 5:9) hơn bất kỳ tín đồ nào ngã chết hôm nay. Những sự phán xét của Đức Chúa Trời giáng trên thế gian và sự bất bớ của Anti-christ chỉ là những phương tiện bởi đó Đức Chúa Trời đưa họ vào trong sự hiện diện của Ngài.

Tuy nhiên, có nhiều người sẽ không chết đâu, mà sẽ sống sót để sống trong vương quốc ngàn năm. Chúa Jêsus đã dạy dỗ lẽ thật ấy trong phần mô tả của Ngài về sự phán xét chiên và dê (Mat 25:31...). Dê (người chưa được cứu) sẽ bị quăng vào địa ngục (các câu 41-46), còn chiên (người đã được cứu) Chúa Jêsus sẽ phán: “Hỡi các người được Cha ta ban phúc, hãy đến mà nhận lấy nước thiên đàng đã sắm sẵn cho các người từ khi dựng nên trời đất” (câu 34). Những người tin Chúa nào còn sống lúc sự tái lâm của Chúa sẽ sống trong Vương quốc trần gian của Ngài.

Phần nhiều người trong số những kẻ bước vào sống trong vương quốc ngàn năm sẽ là các dân Ngoại (đối chiếu Es 2:2-4; Mi 4:1-5; Xa 8:20-23). Nhưng Kỳ Đại Nạn cũng là thời điểm cứu rỗi cho cả dân Do-thái, các vị tiên tri cũng có nhắc tới. Phần mô tả chi tiết nhất về biến cố đó được thấy trong lời tiên tri của Xachari:

“Ta sẽ đổ thần của ơn phúc và của sự nài xin ra trên nhà Đa-vít, và trên dân cư Giê-ru-sa-lem; chúng nó sẽ nhìn xem ta là Đấng chúng nó đã đâm; và chúng nó sẽ thương khóc, như là thương khóc con trai một, sẽ ở trong sự cay đắng, như khi người ta ở trong sự cay đắng vì có con đầu lòng. Trong ngày đó, sẽ có sự thương khóc lớn tại Giê-ru-sa-lem, như là sự thương khóc của Ha-đát-Rim-môn ở trong đồng bằng Mê-ghi-đô. Đất này sẽ thương khóc, mỗi họ riêng phần mình: họ của nhà Đa-vít riêng ra, những vợ chúng nó riêng ra; họ của nhà Na-than riêng ra, những vợ chúng nó riêng ra; họ của nhà Lê-vi riêng ra, những vợ chúng nó riêng ra; Họ Si-mê-i riêng ra, những vợ chúng nó riêng ra; phàm những họ còn sót lại, mỗi họ riêng ra, và những vợ chúng nó riêng ra. Trong ngày đó sẽ có một suối mở ra cho nhà Đa-vít và dân cư Giê-ru-sa-lem, vì tội lỗi và sự ô uế...”

“Đức Giê-hô-va phán rằng: Xảy ra trong khắp đất, hai phần của nó sẽ bị diệt và mất song một phần ba sẽ được còn lại. Ta sẽ đem một phần ba ấy vào lửa, ta sẽ luyện nó như luyện bạc, thử nó như thử vàng; chúng nó sẽ kêu cầu danh ta, và ta sẽ nhậm lời nó; ta sẽ phán rằng: Ấy là dân ta đây. Và nó sẽ nói rằng: Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời tôi” (Xa 12:10-13:1, 8-9)

Đây là thời điểm mà sứ đồ Phaolô nhắc tới khi ông viết: “vậy thì cả dân Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu, như có chép rằng: ‘Đấng Giải cứu sẽ đến từ Si-ôn, cất sự vô đạo ra khỏi Gia-cốp’” (Ro 11:26).

Kh 7:1-8 giới thiệu nhóm người sống sót (về các chỗ khác hãy xem 12:16-17), được bảo toàn ở giữa lốc xoáy của Kỳ Đại Nạn, họ đã được chuộc vào một thời điểm nào đó, giống như đòn chí mạng sau cùng, được biệt riêng ra cho sự phục vụ đặc biệt và được ban cho sự bảo hộ đặc biệt.

Sự mặc thị của Giảng về nhóm người đặc biệt này có ba đặc điểm: cơn thanh nộ bị kềm lại, các thánh đồ được đóng ấn, và dân Do-thái được xác định.

CƠN THANH NỘ BỊ KÈM LẠI

Sau việc ấy, tôi thấy bốn vị thiên sứ đứng ở bốn góc đất, cầm bốn hướng gió lại, hầu cho không gió nào thổi trên đất, trên biển hay là trên cây nào. (Kh 7:1)

Cụm từ **sau việc ấy** và “**sau những việc này**”, thường được nối theo sau bởi một hình thức của động từ *eidon* (“thấy”), được sử dụng mấy lần trong sách Khải huyền để giới thiệu một sự mặc thị mới (đối chiếu 4:1; 7:1; 7:9; 15:5; 18:1; 19:1, “đã nghe”). Cách sử dụng **sau việc ấy** trong phân đoạn này cho thấy rằng sự hiện thấy cái ấn thứ sáu đã kết thúc và Giảng sắp sửa nhìn thấy một sự mặc thị mới. Điều này cũng cho thấy rằng sự mặc thị mới này mô tả các biến cố xảy đến sau cái ấn thứ sáu theo thứ tự niên đại. Giờ đây, bởi cảnh nhân mạnh từ sự phán xét giáng trên kẻ bất kính đến sự bảo hộ đặc biệt dành cho người tin kính.

Khi sự mặc thị mở ra, trước tiên Giảng nhìn thấy **bốn vị thiên sứ**. Các vị thiên sứ thường được gắn trong Kinh thánh với sự phán xét của Đức Chúa Trời (đối chiếu 8:2...; 9:1...; 11:15–19; 14:15...; 15:1...; 16:1...; 18:1...; 19:17–18; IISa 24:16–17; IIVua 19:35; Thi 78:49; Mat 13:39–42, 49–50; 16:27; 25:31; IITe 1:7–8). **Bốn** vị này được ban cho quyền hạn trên các yếu tố thiên nhiên (đối chiếu 14:18; 16:5); họ được nhìn thấy khi đang **đứng ở bốn góc đất, cầm bốn hướng gió lại**, (đối chiếu Gie 49:36; Mat 24:31). Những kẻ chuyên hoài nghi, họ không tưởng được rằng phần tham khảo theo thể thơ của Giảng đối **bốn góc đất** phản ánh một khái niệm nguyên thủy cho rằng trái đất thì phẳng và vuông. Nhưng cụm từ thực sự đề cập đến toàn bộ địa cầu bằng cách chỉ ra bốn điểm chính trên bản đồ (đông, tây, nam, bắc), từ các vị thế đó **bốn hướng gió** (nghĩa là, các ngọn gió) **thổi trên đất** bắt nguồn. Tiến sĩ Henry M. Morris bình luận:

Từ lâu câu này đã bị chế giễu như là phản ánh một khái niệm “tiền-khoa học” về cấu trúc địa cầu, một khái niệm xem địa cầu là bằng phẳng với bốn góc. . . . Trong thuật ngữ kỹ thuật hiện đại, nó tương đương với điều mà một thủy thủ hoặc nhà địa chất học gọi là bốn góc tọa độ của la bàn, hoặc bốn hướng. Điều này cũng được biểu hiện rõ ràng qua việc nhắc tới “bốn hương gió”, theo cách sử dụng thông thường, là những cơn gió theo hướng đông, tây, nam, bắc.

Các phép đo trắc địa hiện đại chính xác trong những năm gần đây đã chứng minh rằng địa cầu thực sự có bốn “góc”. Đó là những chỗ lồi tạo ra từ “geoid” cơ bản, nghĩa là hình cầu cơ bản của địa cầu. Trái đất không thực sự một hình cầu hoàn hảo, nhưng hơi dẹt ở hai cực. Chỗ xích đạo phồng ra của nó có thể được hình thành bởi sự quay của trục trái đất, và bốn góc của nó nhô ra từ đó. (The Revelation [Wheaton, IL: Tyndale, 1983], 126)

Từ những vị trí chủ chốt trên địa cầu, các thiên sứ mạnh sức này bảo đảm rằng **không gió nào thổi trên đất, trên biển hay là trên cây nào**. Bốn ngọn gió thường được kết hợp trong Kinh thánh với sự phán xét của Đức Chúa Trời (đối chiếu Gie 49:36; Da 7:2; Os 13:15). Trong khoảng thời gian diễn ra cuộc thảo luận được mô tả trong chương 7, sự phán xét sẽ bị cầm lại khi các thiên sứ ngắt động cơ thiết yếu của bầu khí quyển địa cầu. Sẽ không có một ngọn gió, dù là gió nhẹ, không có sóng vỗ vào bờ, không có chuyển động của những đám mây trên bầu trời; mọi sự sẽ đứng yên một chỗ. Đó là một sự bày tỏ đáng kinh ngạc về sức mạnh, một khi

lưu thông khí quyển là một động cơ mạnh mẽ, được điều khiển bởi năng lượng từ mặt trời và từ vòng quay của trái đất. Năng lượng lớn lao gắn với hoạt động này đặc biệt trở nên rõ ràng khi chúng được hiển thị dưới dạng các bão tố, lốc xoáy và cuồng phong. Những cơn gió này trên địa cầu làm cho cuộc sống trên đất ra khả thi qua chu kỳ thủy văn, việc vận chuyển nước từ đất liền đến đại dương để tưới địa cầu. Tuy nhiên, các thiên sứ — chỉ có bốn — đã ngắt động cơ khổng lồ này. (Morris, *The Revelation Record*, 126)

Cầm lại ra từ chữ *krateō*, một từ ngữ mạnh mẽ chỉ ra các ngọn gió đang phấn đấu để luôn ra khỏi chỗ kèm chế chúng. Sự kèm chế của thiên sứ đối với gió cũng biểu hiện việc cầm giữ các dịch lệ gắn với những sự phán xét qua tiếng kèn thổi (8:5...). Vì thế, cụm từ kế tiếp nói tới cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời bị cầm lại trong một thời gian ngắn. Các ngọn gió phán xét đang thâm sức mạnh lại, không bao lâu nữa sẽ được thả ra.

CÁC THÁNH ĐỒ ĐƯỢC ĐÓNG ẤN

Tôi lại thấy một vị thiên sứ khác, từ phía mặt trời mọc mà lên, cầm ấn của Đức Chúa Trời hằng sống. Người cả tiếng kêu bốn vị thiên sứ đã được quyền làm hại đất cùng biển, và bảo rằng: Chớ làm hại đất, biển và cây cối, cho đến chừng nào chúng ta đã đóng ấn trên trán những tôi tớ Đức Chúa Trời chúng ta” (Kh 7:2-3)

Lý do cho sự kèm chế tạm thời sự phán xét của Đức Chúa Trời trở nên rõ ràng khi Giảng nhìn thấy **một vị thiên sứ khác** ngoài bốn thiên sứ đang cầm lại các ngọn gió. Có người xác định thiên sứ này là Đức Chúa Jêsus Christ, nhưng điều đó không thích ứng vì allos (khác) có nghĩa là khác trong một hệ số khác, một dạng khác giống như bốn vị thiên sứ đầu tiên. Mặc dầu Đấng Christ xuất hiện trong Cự Uớc là Thiên sứ của Đức Giê-hô-va, thực ra Ngài tự nhiên không phải là một thiên sứ. Thêm nữa, bằng cách sử dụng nhân xưng đại danh từ số nhiều "chúng ta" trong câu 3 là thiên sứ thứ năm xác định với bốn vị đầu tiên trong công tác đóng ấn các tôi tớ của Đức Chúa Trời.

Giảng đã nhìn thấy vị thiên sứ **từ phía mặt trời mọc mà lên**. Đây là lối theo thể thơ văn từ phương Đông, là điểm trong la bàn cho thấy mặt trời mọc từ chỗ đó. Từ nhận định của Giảng trên đảo Bát-mô, phía Đông sẽ hướng về đất Do-thái, là đất mà ơn cứu rỗi Đức Chúa Trời hứa cho đã đến qua Chúa Jêsus Đấng Mêsi, và từ đó 12 chi phái Israel xuất hiện — các thuộc viên trong số những thánh đồ sắp sửa được đóng ấn.

Thiên sứ cầm **ấn của Đức Chúa Trời hằng sống**. Sphragis (**ấn**) thường đề cập đến chiếc nhẫn mang dấu hiệu. Bậc vua chúa hoặc các quan chức khác sẽ sử dụng loại nhẫn đó để đóng dấu vào sáp gắn trên các tài liệu hoặc các thứ khác, như đó khẳng định tính xác thực và bảo đảm an ninh cho chúng (đối chiếu Sa 41:42; Et 3:10; 8:2, 8; Da 6:17; Mat 27:66). **Một cái ấn** chỉ ra quyền sở hữu và sự bảo hộ (đối chiếu Gi 6:27; IICo 1:22; Eph 1:13; 4:30).

Ngược lại với những cái ấn của bậc vua chúa cai trị trên thế gian, cái ấn mà thiên sứ đưa ra là của **Đức Chúa Trời hằng sống**. Kinh Thánh thường xác định Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời hằng sống (đối chiếu 4:9-10; 10:6; 15:7; Phu 5:26; Gios 3:10; ISa 17:26; IIVua 19:4; Thi 42:2; 84:2; Gie 10:10; 23:36; Da 6:20; Os 1:10; Mat 16:16; Ro 9:26; IICo 3:3; 6:16; ITi 3:15; 4:10; He 3:12; 9:14; 10:31; 12:22) để phân biệt Ngài với hình tượng chết mà những người không tin Chúa đang thờ lạy. Sự vinh hằng của Ngài bảo đảm rằng Ngài sẽ hoàn tất mọi ý chỉ của Ngài. Tà thần giả hình nổi bật nhất trong kỳ Đại Nạn, là Anti-christ, sẽ đóng ấn những kẻ chạy theo hắn (13:16-17; 14:9-11; 16:2; 19:20; 20:4), và Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống sẽ đóng ấn những kẻ thuộc về Ngài. Kh 14:1 xác định con dấu của dấu ấn Đức Chúa Trời giống như danh xưng của Đấng Christ và của Đức Chúa Cha.

Trong Cự Uớc, Đức Chúa Trời đánh dấu Israel với huyết bôi trên mày cửa của họ để buông tha họ khi Ngài giết con đầu lòng của xứ Ai-cập. Ngài đánh dấu Ra-háp với sợi chỉ màu đỏ điều để giữ nàng và những kẻ thuộc về nàng không bị giết chết. Nhưng phần minh họa tương xứng nhất là phân đoạn hiện tại ra từ Exe 9:3-6:

Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên bèn dấy lên khỏi chê-ru-bin, là nơi thường ngự, mà đến ngạch cửa nhà; Đức Giê-hô-va gọi người mặc vải gai, lưng đeo sừng mực mà phán rằng: Hãy trải qua giữa thành tức giữa Giê-ru-sa-lem, ghi dấu trên trán những người nào than thở khóc lóc về mọi sự gớm ghiếc đã phạm giữa thành này. Rồi Ngài phán cùng những người kia cách như cho tôi nghe rằng: Hãy qua trong thành đằng sau nó, và đánh; mắt người chớ đoái tiếc, và đừng thương xót. Nào già cả, nào trai trẻ, nào gái đồng trinh, nào con nít, đàn bà, hãy giết hết; nhưng chớ lại gần một kẻ nào là kẻ đã có ghi dấu; và khá bắt đầu từ nơi thánh ta. Vậy các người ấy bắt đầu từ các người già cả ở trước mặt nhà”.

Người nào với dấu hiệu của Đức Chúa Trời đặt trên họ sẽ được buông tha trong sự huỷ diệt hầu đến về thành Jerusalem. Tương tự, các tôi tớ này của Đức Chúa Trời mà thiên sứ sẽ đánh dấu với cái ấn của Đức Chúa Trời sẽ được bảo hộ khỏi và được gìn giữ qua những lần phán xét hầu đến (đối chiếu 9:4).

Khẩn cấp, có quyền, vị thiên sứ thứ năm **cả tiếng kêu bốn vị thiên sứ đã được quyền làm hại đất cùng biển, và bảo rằng: Chớ làm hại đất, biển và cây cối, cho đến chừng nào chúng ta đã đóng ấn**

trên trán những tôi tớ Đức Chúa Trời chúng ta”. Sự tàn phá gây “hại” hoặc thiệt hại sẽ giáng trên đất, biển và cây cối sẽ xảy ra khi bốn vị thiên sứ bắt ngờ thả ra sự phán xét (làm biểu tượng bởi các ngọn gió) mà họ đang cầm lại. Nhưng sự phán xét đó (và những lần phán xét qua tiếng kèn và cái bát) phải chờ đợi cho tới khi các thiên sứ đã **đóng ấn trên trán những tôi tớ Đức Chúa Trời chúng ta**. Nghĩa là họ được đề cập đến là **tôi tớ** cho thấy rằng họ đã được cứu chuộc rồi. Họ cứ giữ lòng trung tín với Đức Chúa Trời và Chúa Jêsus, và có lẽ đã rao giảng mạnh mẽ và hiệu quả Lời của Ngài ở giữa những hỗn loạn của sáu cái ấn đầu tiên. Vào thời điểm này, họ cần phải được bảo vệ hầu cho họ có thể tiếp tục rao giảng Lời của Đức Chúa Trời và lẽ thật nói tới Con Ngài là Đức Chúa Jêsus Christ trong những thời điểm gay gắt nhất. Sau khi việc đóng ấn hoàn tất, những sự phán xét có thể bắt đầu, rồi từ đó những người được đóng ấn sẽ được miễn trừ.

Kh 14:1-5 mô tả bản chất thanh sạch, không tì vết về mặt đạo đức của họ, sự họ tin kính đối với Đức Chúa Jêsus Christ. Họ là hạng tôi tớ trung tín, trung thành, tì mĩ, thánh khiết của Đức Chúa Trời trong suốt thời buổi tối tăm này; họ là phần tinh túy của vụ mùa. Họ cũng được mô tả là được **“chuộc từ trong loài người, để làm trái đầu mùa cho Đức Chúa Trời và Chiên Con”** (14:4). Họ cũng sẽ là hạng giáo sĩ hiệu quả nhất mà thế gian đã từng nhìn thấy, và sẽ trở thành đồ dùng trong sự biến đổi trong chính xứ sở của họ và của các nước nữa.

ISRAEL ĐƯỢC XÁC ĐỊNH

Tôi lại nghe số người được đóng ấn là: Mười bốn vạn bốn ngàn người được đóng ấn từ trong các chi phái dân Y-sơ-ra-ên; Trong chi phái Giu-đa, một vạn hai ngàn người được đóng ấn; Trong chi phái Ru-bên, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Gát, một vạn hai ngàn; Trong chi phái A-se, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Nép-ta-li, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Ma-na-se, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Si-mê-ôn, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Lê-vi, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Y-sa-ca, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Sa-bu-lôn, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Giô-sép, một vạn hai ngàn; Trong chi phái Bê-ni-min, một vạn hai ngàn đều được đóng ấn. (Kh 7:4-8)

Những tín đồ và giáo sĩ người Do-thái là bông trái của Y-sơ-ra-ên, như một dân sẽ được chuộc trước khi Đấng Christ tái lâm (Xa 12:10-13:1, 8-9; Ro 11:26). 144.000 người không phải là tín hữu Do-thái, mà là một nhóm duy nhất được chọn để rao giảng Tin lành trong thời buổi ấy (đối chiếu 12:17; 14:1-5). Mặc dù phân đoạn Kinh Thánh nói rõ rằng **một trăm bốn mươi bốn ngàn người** sẽ được **đóng ấn từ trong các chi phái dân Israel**, nhiều người khẳng khẳng xác định họ là Hội thánh. Họ trích dẫn vài phân đoạn Tân Ước xác định Hội thánh là Israel để hỗ trợ cho phần việc giải thích đó. Nhưng, việc nhận dạng Israel với Hội thánh trong các phân đoạn này là mong manh và bị tranh cãi. Do đó, họ không thể đưa ra sự hỗ trợ nào cho việc nhận dạng như vậy trong phân đoạn hiện tại. Sự thực cho thấy rằng "không một trường hợp rõ ràng nào về Hội thánh được gọi là 'Israel' có trong Tân Ước hoặc trong một vài tác phẩm của Hội thánh xưa cho đến năm 160SC. Sự thực này đang làm tê liệt bất kỳ nỗ lực nào để xác định Israel là Hội thánh trong Khải huyền 7:4" (Robert L. Thomas, Khải huyền 1-7: An Exegetical Commentary [Chicago: Moody, 1992], 476). Hơn nữa, "một nỗ lực như vậy trở nên lỗi bịch bởi vì nó đòi hỏi cách giải thích về loại hình phân chia Hội thánh thành mười hai chi phái trùng với danh sách trong Kh 7:5-8, thậm chí với tất cả những thất thường bản trong danh sách đó" (Thomas, Revelation 1-7, 476). Thuật ngữ **Israel** phải được diễn giải phù hợp cách sử dụng thường lệ trong Cựu và Tân Ước như một tham khảo đến các dòng dõi theo phần xác của Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp. Cũng không có lý do chú giải nào giải thích con số 144.000 và 12.000 người theo nghĩa đen.

Có 12.000 **người được đóng ấn từ từng chi phái dân Y-sơ-ra-ên**; nói tới mục đích tuyển chọn của Đức Chúa Trời. Sự lựa chọn ngẫu nhiên về con người sẽ không đạt tới một sự phân chia như vậy đâu. Trong khi danh sách chi phái bị lạc mất khi người La-mã chiếm lấy thành Jerusalem vào năm 70SC, Đức Chúa Trời biết rõ ai thuộc về từng chi phái. Phân đoạn này cũng dạy về điều được gọi là "mười chi phái bị mất", thực sự họ không bao giờ bị mất (đối chiếu 21:12; Mat 19:28; Lu 22:30; Gia 1:1). Thay vì thế, các đại biểu từ mười chi phái phía Bắc đã nhập về phía Nam và trộn lẫn với hai chi phái miền Nam (đối chiếu IISu 30:1-11; 34:1-9) và nhơn đó được bảo tồn.

Tên cụ thể các chi phái trong bản danh sách này làm đầy lên một số thắc mắc rất thú vị. Tuy nhiên, trước tiên, cần phải lưu ý rằng không có một tiêu chuẩn nào để liệt kê mười hai chi phái. Có ít nhất mười chín cách khác nhau để liệt kê họ trong Cựu Ước, không một cái nào phù hợp với danh sách được liệt kê ra ở đây:

Trong các danh sách của Cựu Ước, đôi khi phải theo thứ tự ra đời (Sa 29:32-35:18). Ở các chỗ khác, đó là thứ tự chúc phước của Gia-cốp dành cho họ (Sa 49:3-27), thứ tự của sự đóng trại (Dan 2:3-31), thứ tự tu bộ trước khi đánh chiếm xứ Canaan (Dan 26:4-51), thứ tự chúc phước và rửa sã (Phu 27:12-13), thứ tự chúc phước của Môi-se (Phu 33:6-25), thứ tự “các vua” (Dan 1:5-15), thứ tự cơ nghiệp (Gios 13:7-22:34), thứ tự theo những người vợ và nàng hầu (ISu 2:1-8:40), và thứ tự những cái cổng thành (Exe 48:31-34). (Thomas, Revelation 1-7, 479)

Mặc dù Ru-bên là con đầu lòng (Sa 46:8), Giu-đa được liệt kê trước nhất. Ru-bên đã mất quyền thừa kế của mình như là án phạt đối với hành vi sai trái về tình dục của ông với nàng hầu của cha mình (ISu 5:1). Sự bỏ sót chi phái Đan để ưu ái với chi phái tế lễ Lê-vi cũng là điều bất thường. Đan rõ ràng đã bị bỏ sót do thái độ thờ ơ của chi phái trước việc thờ lạy hình tượng (đối chiếu Phu 29:18-21 — thậm chí còn tồi tệ hơn cả phần còn lại của dân tộc (đối chiếu Các Quan Xét 18; Am 8:14). Trong khi Đan sẽ dự vào ơn phước ngàn năm (Exe 48:1-2, 32) chi phái sẽ không được chọn cho nhiệm vụ này cũng không được bảo vệ trong Kỳ Đại Nạn. Tương tự, tên của Ép-ra-im bị bỏ sót vì sự ưu ái của Giô-sép cha ông vì Ép-ra-im đã tẽ tách ra khỏi nhà cầm quyền Giu-đa (Es 7:17). Ép-ra-im, cũng như Đan, đã bị thiêu đốt với sự thờ lạy hình tượng (Os 4:17). Ma-na-se, anh của Ép-ra-im, được kể đến bởi vì ông là người con trung thành của Giô-sép.

Phân đoạn Kinh Thánh quan trọng này củng cố chân lý Kinh thánh mà Đức Chúa Trời không phải thông qua với dân Israel (đối chiếu Rô-ma 9-11). Mặc dù Israel thất bại trong sứ mệnh của nó trở thành một dân chứng nhân trong Cựu Ước, điều đó sẽ không phải là trường hợp trong tương lai. Từ người Do-thái sẽ có một lực lượng giáo sĩ lớn lao nhất mà thế gian từng biết đến. Kết quả nỗ lực của họ sẽ là một dân Israel được chuộc, như Đức Chúa Trời đã hứa, và nhiều dân Ngoại vô số được cứu.

Các Thánh Đồ Trong Kỳ Đại Nạn

(Kh 7:9-17)

17

“Sự ấy đoạn, tôi nhìn xem, thấy vô số người, không ai đếm được, bởi mọi nước, mọi chi phái, mọi dân tộc, mọi tiếng mà ra; chúng đứng trước ngai và trước Chiên Con, mặc áo dài trắng, tay cầm nhánh chà là, cất tiếng lớn kêu rằng: Sự cứu rỗi thuộc về Đức Chúa Trời ta, là Đấng ngự trên ngai, và thuộc về Chiên Con. Vả, hết thấy thiên sứ đứng vòng chung quanh ngai và chung quanh các trưởng lão cùng bốn con sanh vật, sắp mặt xuống trước ngai, và thờ lạy Đức Chúa Trời, mà rằng: A-men! Sự ngợi khen, vinh hiển, khôn ngoan, chúc tạ, tôn quý, quyền phép và sức mạnh đều về Đức Chúa Trời chúng ta đời đời vô cùng! A-men. Bấy giờ một trưởng lão cất tiếng nói với tôi rằng: những kẻ mặc áo dài trắng đó là ai, và bởi đâu mà đến? Tôi thưa rằng: Lạy chúa, chúa biết điều đó. Người lại phán cùng tôi rằng: Đó là những kẻ ra khỏi cơn đại nạn, đã giặt và phỉu trắng áo mình trong huyết Chiên Con. Ấy vì đó mà chúng được ở trước ngai Đức Chúa Trời, và ngày đêm hầu việc Ngài trong đền Ngài; còn Đấng ngồi trên ngai sẽ che chở chúng dưới trại Ngài. Chúng sẽ không đói không khát nữa; cũng không có mặt trời, hoặc cơn nắng gắt nào hại đến mình. Vì Chiên Con ở giữa ngai sẽ chặn giữ và đưa chúng đến những suối nước sông; Đức Chúa Trời sẽ lau hết nước mắt nơi mắt chúng” (Kh 7:9-17).

Đã có nhiều sự đáp ứng rất tốt đối với Tin lành trong suốt lịch sử, bao gồm sự ra đời của Hội thánh vào ngày Lễ Ngũ Tuần, Cải chánh ở Châu Âu vào thế kỷ XVI, và Cơn Tỉnh Thức Lớn Lao ở Mỹ vào thế kỷ 18. Trong những phong trào mạnh mẽ của ân điển cứu rỗi đó, hàng ngàn người đã đến với đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ. Dân sự của Đức Chúa Trời đã từng cầu nguyện xin Đức Chúa Trời đem lại những mùa gặt linh hồn lớn lao như thế, và thường Ngài đã trả lời.

Nhưng trong tương lai sẽ có một phản ứng trên toàn thế giới đối với Tin lành sẽ trội hơn bất kỳ suy tưởng nào khác trong lịch sử và có lẽ mọi suy tưởng khác kết hợp lại. Phản ứng ấy sẽ quét lên toàn cầu chỉ trong vài năm ngắn ngủi và tạo ra vô số những người được cứu chuộc từ tất cả các nước, biến nó thành phong trào lớn lao nhất của quyền phép cứu rỗi của Đức Chúa Trời mà thế gian sẽ nhìn thấy.

Sự mong đợi cơn "phản hưng" lớn lao đó phù hợp với sự thực Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời hay thương xót, giàu ơn, bởi bản tánh của Ngài là Đấng Cứu Thế và muốn cho mọi người đều được cứu. ITi 2:4 tuyên bố rằng Ngài: “muốn cho mọi người được cứu rỗi và hiểu biết lẽ thật”. IIPhi 3:9 thêm: “Chúa không chậm trễ về lời hứa của Ngài như mấy người kia tưởng đâu, nhưng Ngài lấy lòng nhịn nhục đối với anh em, không muốn cho một người nào chết mất, song muốn cho mọi người đều ăn năn” (thí dụ, Thi 106:21; Es 43:3, 11; 45:15, 21; 49:26; 60:16; 63:8; Os 13:4; Lu 1:47; 2:11; ITi 2:3; IITi 1:10; Tit 1:3; 2:10, 13; 3:4, 6; IIPhi 1:1).

Trong ITi 4:10 Đức Chúa Trời ấn định Ngài là “là Cứu Chúa của mọi người, mà nhất là của tín đồ”. Ngài là “Cứu Chúa của mọi người” theo một ý nghĩa tạm thời, thuộc thế (thường là ân điển); nghĩa là, Ngài để cho hạng tội nhân xứng đáng với cái chết và địa ngục ngay tức khắc khi họ cứ tiếp tục sống ở trên đất. Kỳ thực, Ngài không tiêu diệt họ trong địa ngục ngay lập tức khi họ phạm tội cho thấy ý định của Ngài. Tuy nhiên, Ngài là Đấng Cứu Thế của những người tin, theo một ý nghĩa thuộc linh và đời đời. Đối với những ai tiếp nhận Tin lành, Ngài ban cho sự sống và thiên đàng đời đời trong sự vinh hiển của nó cho đến đời đời.

Trong tương lai, Đức Chúa Trời sẽ đặt ơn cứu rỗi thuộc linh và đời đời của Ngài hiển nhiên vào một thời

điểm bất ngờ nhất. Thực vậy, Ngài sẽ làm thế vào thời điểm tồi tệ nhất trong toàn bộ lịch sử của con người. Có thể đó là thời điểm gian dữ nhất của Sa-tan, khi hắn cùng các quỷ sứ hắn hoành hành thế gian. Có thể đó là thời điểm gian ác không chi sánh được, khi Đức Thánh Linh dờ bỏ ảnh hưởng kềm chế của Ngài (II Te 2:7). Có thể đó sẽ là thời điểm khi sự cai trị kinh khiếp khắp thế gian của Anti-christ đang diễn ra kèm theo với sự đổ ra cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời và Ngày của Đức Giê-hô-va trong một loạt phán xét gây tàn phá không tưởng được. Có thể điều đó nằm giữa thời kỳ kinh khiếp và sợ hãi, Đức Chúa Trời sẽ cứu người ta ở một cấp độ không lường được.

Công tác giải cứu của Đức Chúa Trời trong thì tương lai ấy sẽ có hai phần. Thứ nhất, đó sẽ là thời điểm sự cứu rỗi cho cả dân Do-thái, là thời điểm mà Xachari (Xa 12:10...) trong Cựu Ước và Phaolô (Ro 11:25-27) trong Tân Ước đã dự ngôn. Bông trái đầu mùa sự cứu rỗi của Israel sẽ là 144.000 nhà truyền đạo người Do-thái (7:1-8), họ sẽ rao giảng Tin lành cả cho đồng bào của họ và cho các dân Ngoại.

Đây là ơn cứu rỗi của các dân Ngoại đó, được đặt trong nhận định ở 7:9-17 — một ơn cứu rỗi đã được hứa cho trong Kinh Thánh. Giao ước với Áp-ra-ham, trong đó Đức Chúa Trời đã hứa chúc phước cho Israel, cũng hứa ơn cứu rỗi cho các dân Ngoại nữa:

“Và, Đức Giê-hô-va có phán cùng Áp-ram rằng: Ngươi hãy ra khỏi quê hương, vòng bà con và nhà cha ngươi, mà đi đến xứ ta sẽ chỉ cho. Ta sẽ làm cho ngươi nên một dân lớn; ta sẽ ban phước cho ngươi, cùng làm nổi danh ngươi, và ngươi sẽ thành một nguồn phước. Ta sẽ ban phước cho người nào chúc phước ngươi, rủa sả kẻ nào rủa sả ngươi; và các chi tộc nơi thế gian sẽ nhờ ngươi mà được phước” (Sa 12:1-3).

Đức Chúa Trời từ buổi sáng thế đã chọn Israel làm một ống dẫn qua đó các ơn phước cứu rỗi của Ngài sẽ tuôn tràn ra khắp thế gian. Lễ thật ấy đã được khẳng định trong nhiều phân đoạn Cựu Ước. Trong Thi thiên 67, tác giả Thi thiên đã cầu nguyện: “Nguyện Đức Chúa Trời thương xót chúng tôi, và ban phước cho chúng tôi, soi sáng mặt Ngài trên chúng tôi.” (câu 1). Song phước hạnh ấy chưa dừng lại với họ đâu; tác giả Thi thiên đã nài xin Đức Chúa Trời chúc phước cho Israel “để đường lối Chúa được biết trên đất, và sự cứu rỗi của Chúa được biết giữa các nước ... Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho chúng tôi, và các đầu cùng đất đều sẽ kính sợ Ngài” (các câu 2, 7). Thi thiên 98:3 tuyên bố: “Ngài đã nhớ lại sự nhân từ và sự thành tín của Ngài đối cùng nhà Y-sơ-ra-ên; Các đầu đất đã thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời chúng tôi”. Được chọn để trở thành công cụ của Đức Chúa Trời trong sự cứu rỗi cho các nước, Israel đã thất bại thể thảm trong sứ mệnh đó. Hội thánh đã xen vào và là ống dẫn ấy trong kỷ nguyên này.

Trong tương lai, Đức Chúa Trời sẽ giàu ơn unction ban cho Israel cơ hội thứ nhì để trở nên một dân làm chứng cho Ngài, và vào thời điểm đó họ sẽ không thất bại nữa. Được lãnh đạo bởi 144.000 nhà truyền đạo (đối chiếu 7:1-8), Israel sẽ là sự sáng cho các nước trong giờ tăm tối nhất của lịch sử địa cầu. Lời hứa chúc phước của Đức Chúa Trời cho các nước trong thế gian qua dòng dõi của Áp-ra-ham sẽ được ứng nghiệm ở một cấp độ rất lớn lao.

Khi nói tới thì cứu rỗi các dân Ngoại trong tương lai, Êsai viết: “Xảy ra trong ngày đó, rễ Y-sai đứng lên làm cờ cho muôn dân, các nước đều tìm đến Ngài, nơi an nghỉ của Ngài sẽ được vinh hiển” (Es 11:10). Trong Es 49:6, Đức Chúa Trời đã hứa với Người Tôi Tớ (là Đức Chúa Jê-sus Christ) rằng dân sự từ các nước sẽ được thêm vào bầy chiên của Ngài: “Ngài có phán cùng ta rằng: Ngươi làm tôi tớ ta dựng lập lại các chi phái Gia-cốp, và làm cho những kẻ được gìn giữ của Y-sơ-ra-ên lại được trở về, còn là việc nhỏ; ta sẽ khiến ngươi làm sự sáng cho các dân ngoại, hầu cho ngươi làm sự cứu rỗi của ta đến nơi đầu cùng đất”. Trong Es 45:22 Đức Chúa Trời truyền lệnh: “Hỡi các ngươi hết thảy ở các nơi đầu cùng đất, hãy nhìn xem ta và được cứu!” Es 52:10 thêm: “Đức Giê-hô-va đã tỏ trần cánh tay thánh Ngài trước mắt mọi nước; mọi đầu cùng đất đã thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời chúng ta!” Trong một phân đoạn tương tự, được Phierơ trưng dẫn trong bài giảng của ông vào ngày Lễ Ngũ Tuần (Cong 2:17-21), Giôên cũng nói về ơn cứu rỗi trong tương lai cho các nước:

“Sau đó, ta sẽ đổ Thần ta trên cả loài xác thịt; con trai và con gái các ngươi sẽ nói tiên tri; những người già cả các ngươi sẽ thấy chiêm bao, những kẻ trai trẻ các ngươi sẽ xem sự hiện thấy. Trong những ngày đó, dầu

những đầy tớ trai và đầy tớ gái, ta cũng đổ Thần ta lên. Ta sẽ tỏ những sự lạ ra trong các tầng trời và trên đất: tức là máu lửa, và những trụ khói. Mặt trời sẽ đổi ra tối tăm, mặt trăng ra máu, trước khi ngày lớn và kinh khiếp của Đức Giê-hô-va chưa đến. Bấy giờ ai cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va thì sẽ được cứu; vì theo lời Đức Giê-hô-va, thì ở trên núi Si-ôn và trong Giê-ru-sa-lem, sẽ có những người trốn khỏi, và trong những người còn sống sót, sẽ có kẻ mà Đức Giê-hô-va kêu gọi” (Gio 2:28-32).

Chúa Jê-sus đã dạy rằng trước khi Ngài tái lâm vào cuối Kỳ Đại Nạn “Tin Lành này về nước Đức Chúa Trời sẽ được giảng ra khắp đất, để làm chứng cho muôn dân. Bấy giờ sự cuối cùng sẽ đến” (Mat 24:14). Gi 11:50-52 ghi lại một trong những lời tiên tri bất thường nhất trong Kinh Thánh (vì lời tiên tri này đã được tỏ ra qua một kẻ thù cay đắng lắm của Đấng Christ, thầy tế lễ thượng phẩm Cai-phe):

“Các ngươi chẳng xét rằng ta một người vì dân chịu chết, còn hơn cả nước bị hư mất. Vả, người nói điều đó chẳng phải tự mình, nhưng bởi làm thầy cả thượng phẩm đang niên, người nói tiên tri về Đức Chúa Jê-sus sẽ vì dân mà chết; và không những vì dân thôi, mà cũng để nhóm con cái Đức Chúa Trời đã tán lạc lại làm một đoàn”.

“Hay là, Đức Chúa Trời chỉ là Đức Chúa Trời của dân Giu-đa sao? Há chẳng phải cũng là Đức Chúa Trời của dân ngoại ư? Phải, Ngài cũng là của dân ngoại nữa” (Ro 3:29).

Kh 7:9-17 mô tả số người đông đảo từ các nước trên thế gian, họ đã được cứu trong kỳ Đại Nạn hầu đến. Số người này bao gồm cả người Do-thái đã được cứu trong sự rao giảng của 144.000 người. Không có thuật ngữ nào trong phân đoạn loại trừ người Do-thái. Thay vì thế, cụm từ “mọi dân tộc” có thể bao gồm cả họ nữa.

Tám chữ chìa khoá giới thiệu nhóm này: phần mô tả, địa điểm, hành động, sự hội hiệp, nguồn gốc, chức năng, sự bảo hộ, và sự tiếp trợ.

PHẦN MÔ TẢ

Sự ấy đoạn, tôi nhìn xem, thấy vô số người, không ai đếm được, bởi mọi nước, mọi chi phái, mọi dân tộc, mọi tiếng mà ra; ... mặc áo dài trắng, tay cầm nhánh chà là (Kh 7:9a,c)

Như trong Khải huyền (đối chiếu 4:1; 7:1; 15:5; 18:1; 19:1), cụm từ **sự ấy đoạn** giới thiệu một sự khải thị mới, khác với sự khải thị ở 7:1-8. Tiếng hoan hô **kìa** tỏ ra sự mặc thị này là một sự mặc thị gây sốc đáng giật mình, sững sốt đối với Giảng. Vị sứ đồ cao tuổi, là nhân vật còn sống sau cùng trong 12 sứ đồ, đã cảm thấy mình bị cô lập và cô đơn trong sự tù đày của mình trên đảo Bát-mô. Ông đã nhìn thấy các dân Ngoại đến với Đấng Christ, qua chính chức vụ của ông trong xứ Tiểu Á và qua các chức vụ của Phao-lô, Ti-mô-thê, Tít cùng nhiều người khác nữa. Các Hội thánh dân Ngoại đã được thiết lập, song phần lớn là các Hội thánh nhỏ, bị bao vây và bắt bớ. Hơn nữa, năm trong bảy Hội thánh ở Tiểu Á mà Chúa đã viết thư gửi cho họ trước đó trong quyển sách vĩ đại này (2:1-3:22) đã sa vào những hình thức đe dọa nghiêm trọng và nguy hiểm của tội lỗi. Nhìn thấy trong sự mặc thị đó, một đoàn dân đông người được chuộc ca hát ngợi khen Đức Chúa Trời là một kinh nghiệm sâu sắc đối với Giảng, ông là người đã nhìn thấy các thất bại nặng nề của những Hội thánh trong xứ Tiểu Á cùng những lời đe dọa phán xét đến từ Đức Chúa Trời (các chương 2-3). Sự khải thị này chắc chắn đã làm mới lại niềm vui và hy vọng của ông, khi ông nhận ra rằng Hội thánh sẽ tồn tại và đến cuối cùng, dân sự từ các nước sẽ được cứu với số lượng rất lớn.

Nhóm ấy đã được giới thiệu trong đoạn này phân biệt với 144.000 người (7:1-8) rõ ràng là từ một vài sự xem xét. Thứ nhất, như đã nói ở trên, cụm từ **sự ấy đoạn** trình bày một sự mặc thị mới. Thứ hai, nhóm này được mô tả như là **vô số người, không ai đếm được**; không một con số cụ thể nào được nhắc tới. Thứ ba, nhóm 144.000 người này ra từ 12 chi phái Israel (7:4-8); nhóm người này **bởi mọi nước, mọi chi phái, mọi dân tộc, mọi tiếng mà ra** (đối chiếu 5:9). Nó mô tả đám đông con người, vượt qua mọi rào cản và những dòng phân biệt. Sau cùng, 144.000 người vượt quá tầm với của những kẻ bắt bớ vì họ đã được đóng ấn để được bảo hộ khỏi bị bắt bớ ở trên đất (7:3); nhóm này vượt quá tầm với của những kẻ chuyên bắt bớ vì họ đã

có mặt rồi ở trên trời. Câu 14 mô tả và xác định họ: **“Đó là những kẻ ra khỏi cơn đại nạn, đã giặt và phieu trắng áo mình trong huyết Chiên Con”**.

Người được chuộc **mặc áo dài trắng**. Leukos (màu trắng) mô tả một màu trắng sáng láng, lấp lánh, rực rỡ. Trong các thời kỳ cổ đại, người ta mặc loại y phục ấy để dự các lễ hội và lễ lạc. **Áo dài** ra từ chữ stolē, là chữ mô tả một chiếc áo choàng dài, thật dài. Loại áo dài trắng rực rỡ này cũng là loại áo mà những kẻ tuân đạo đã mặc ở 6:9-11. Sự thực ấy cho thấy nhóm người theo nhận định của phân đoạn này là một phần của nhóm những người tuân đạo. Khi Kỳ Đại Nạn diễn ra, số người tuân đạo sẽ tăng lên, cũng như số lượng những người tin Chúa chết theo cách tự nhiên hoặc do bạo lực, cuối cùng tích hợp thành đám đông vô số, không thể đếm được, được mô tả ở trên trời trong phân đoạn này. **Áo dài trắng** là biểu tượng thay vì theo nghĩa đen, một khi các thánh đồ chưa có loại thân thể phục sinh (6:9; 20:4). Loại áo dài trắng đặc biệt phác họa sự cao trọng đắc thắng và vui mừng của họ. Loại áo dài trắng đó, cũng tượng trưng cho sự thánh khiết, được dành riêng cho Đấng Christ (Mat 17:2; Mac 9:3), các thiên sứ (Mat 28:3; Mác 16:5) và Hội thánh đã được tôn vinh hiển (19:8, 14).

Các thánh đồ cũng **cầm nhánh chà là trong tay họ**. Các nhánh chà là được kết hợp trong Kinh thánh với việc kỷ niệm, giải cứu và vui mừng. Đặc biệt, chúng nổi bật lên trong Ngày Lễ Lều Tạm, lễ lạc trong Cựu Ước kỷ niệm sự tiếp trợ của Đức Chúa Trời cho dân Israel trong suốt cuộc phiêu bạt trong đồng vắng của họ (Le 23:40), chúng được sử dụng trong việc dựng lên các túp lều để dân sự sống trong kỳ lễ ấy (Ne 8:15-17). Trong lần vào thành đắc thắng của Chúa Jêsus đoàn dân đông phần khởi kia đã vẫy những nhánh chà là khi họ hoan nghênh Ngài tiến vào thành Jerusalem, họ hô to: “Hô-sa-na! Chúc phước cho Đấng nhân danh Chúa mà đến, là Vua của Y-sơ-ra-ên!” (Gi 12:13). Các nhánh chà là ở trong tay của các thánh đồ đã được chuộc này là một biểu tượng thích nghi cho sự tiếp trợ bất xứng về ơn cứu rỗi đối với thế gian, Sa-tan, Anti-christ, tội lỗi, sự chết, và địa ngục được tiếp trợ cho họ bởi Đức Chúa Jêsus Christ.

ĐỊA ĐIỂM

chúng đứng trước ngai và trước Chiên Con (Kh 7:9b)

Giăng đã nhìn thấy đám đông các thánh đồ đắc thắng, vui mừng không thể đếm đặng **đứng trước ngai** của Đức Chúa Trời ở trên trời (đối chiếu 4:2). Họ cũng đứng trong sự hiện diện của **Chiên Con**, là Đấng Giăng đã nhìn thấy trong sự mặc thị thứ nhất đứng gần ngai (5:6). Nhiều người đã chịu chết nơi tay của Anti-christ (đối chiếu 20:4, ở đó “bị chặt đầu” nói tới cái chết rất bạo lực) vì từ chối không chịu nhận lấy dấu hiệu của hắn hoặc không chịu thờ lạy hắn. Họ không còn được thấy ở dưới bàn thờ cầu xin sự báo thù nữa (đối chiếu 6:9-11), là điều đã được khởi sự rồi, nhưng đắc thắng đứng trước ngai của Đức Chúa Trời: **“các linh hồn người nghĩa được vẹn lành”** (He 12:23).

HÀNH ĐỘNG

“cát tiếng lớn kêu rằng: Sự cứu rỗi thuộc về Đức Chúa Trời ta, là Đấng ngự trên ngai, và thuộc về Chiên Con” (Kh 7:10)

Giống như mọi sự ở trên trời, người được chuộc tuân đạo thường xuyên **cát tiếng lớn kêu** (đối chiếu 5:12; 6:10; 11:12, 15; 12:10; 14:7; 16:1; 19:1; 21:3) trong sự thờ phượng vui vẻ, hớn hờ. Chúa mong muốn sự ngợi khen lớn tiếng (Thi 66:1; 100:1). Những lời cầu thay của họ đã thôi và họ đang ngợi khen và dâng sự vinh hiển lên cho Đức Chúa Trời, là Đấng chịu trách nhiệm về sự đắc thắng của họ. Sự cứu rỗi là lẽ đạo sự thờ lạy của họ, như vốn có trong suốt sách Khải huyền. Trong sự mặc thị của ông về ngai của Đức Chúa Trời đã được ghi lại ở 5:8–10 Giăng lưu ý:

“Khi lấy sách, bốn con sanh vật và hai mươi bốn trưởng lão bèn sấp mình xuống trước mặt Chiên Con, mỗi kẻ cầm một cây đàn và những bình vàng đầy hương; đó là những lời cầu nguyện của các thánh. Chúng hát

một bài ca mới rằng: Ngài đáng lấy quyền sách mà mở những ấn ra; vì Ngài đã chịu giết lấy huyết mình mà chuộc cho Đức Chúa Trời những người thuộc về mọi chi phái, mọi tiếng, mọi dân tộc, mọi nước, và Ngài đã làm cho những người ấy nên nước, và thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời chúng ta; những người ấy sẽ trị vì trên mặt đất”.

Trong 12:10, Giảng “nghe trên trời có tiếng lớn rằng: Bây giờ sự cứu rỗi, quyền năng, và nước Đức Chúa Trời chúng ta đã đến cùng quyền phép của Đấng Christ Ngài nữa; vì kẻ kiêu cao anh em chúng ta, kẻ ngày đêm kiêu cao chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời, nay đã bị quăng xuống rồi”. Ở 19:1 Giảng viết: “Sự đó đoạn, tôi nghe ở trên trời như có tiếng lớn của lũ đông lắm rằng: A-lê-lu-gia! Sự cứu chuộc, vinh hiển, quyền phép đều thuộc về Đức Chúa Trời chúng ta”. Như trong sự thờ phượng đã được ghi lại ở 5:13..., sự hiện hữu của những kẻ ấy ở trên trời là là ngợi khen liên tục, đòi hỏi của Đức Chúa Trời Toàn Năng (quyền tể trị của Ngài được chỉ ra bởi lời bình cho rằng Ngài đang ngồi trên ngai) và Chiên Con. Họ xác định Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của chúng ta, xưng nhận, như hết thầy người được chuộc xưng nhận, Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của chính họ.

SỰ HỘI HIỆP

“Vả, hết thầy thiên sứ đứng vòng chung quanh ngai và chung quanh các trưởng lão cùng bốn con sanh vật, sấp mặt xuống trước ngai, và thờ lạy Đức Chúa Trời, mà rằng: A-men! Sự ngợi khen, vinh hiển, khôn ngoan, chúc tạ, tôn quý, quyền phép và sức mạnh đều về Đức Chúa Trời chúng ta đòi đòi vô cùng! A-men” (Kh 7:11-12)

Vô số những người tin Chúa đứng trước ngai của Đức Chúa Trời không chỉ có một mình trong sự thờ lạy lớn tiếng của họ đâu. Nhóm thứ nhất được xác định cùng với họ trong sự ngợi khen là **hết thầy thiên sứ đứng vòng chung quanh ngai**. Số lượng họ, cũng vậy, không thể đếm được đối với Giảng. Trong sự mặc thị trước về ngai của Đức Chúa Trời, Giảng chỉ có thể mô tả con số các thiên sứ là **“vô số thiên sứ; thiên sứ hàng muôn hàng ngàn”** (5:11). Phu 33:2 chép: **“Đức Giê-hô-va đã đến từ Si-na-i, Ngài từ Sê-i-rô dấy lên trên dân chúng, chiếu sáng từ núi Pha-ran, đến từ giữa muôn vàn đấng thánh”**. Trong một sự hiện thấy về Đức Chúa Trời ngồi trên ngai của Ngài ở trên trời, Đaniên đã nhìn thấy **“ngàn ngàn hầu hạ Ngài và muôn muôn đứng trước mặt Ngài”** (Da 7:10). Tác giả thơ Hêbơơ cũng nhìn thấy **“muôn vàn thiên sứ nhóm lại”** ở trên trời (He 12:22). Giu-đe 15 nói tới **“muôn vàn thánh”**. Các thiên sứ hiệp với những linh hồn của các thánh đồ trên trời trong việc ngợi khen Đức Chúa Trời không phải là ngạc nhiên đâu, vì họ được dựng nên để thờ lạy và hầu việc Ngài (Thi 103:20; Co 1:16).

Hạng tội nhân khôn khổ, bất xứng có thể tự do trộn lẫn với các thiên sứ nguyên sơ, thánh thiện là một thắng lợi của ân điển Đức Chúa Trời khiến cho các thiên sứ dâng sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời nhiều hơn nữa. Những kẻ này đã quay lưng lại với Đức Chúa Trời, họ từ chối Tin lành (hoặc trong một số trường hợp không hề nghe Tin lành ấy), và không phải là một chi thể của Hội thánh, họ đã bỏ lỡ sự Cát Lên. Vì vậy, ở giữa cơn thanh nộ và phán xét của Đức Chúa Trời trong suốt Kỳ Đại Nạn, Ngài sẽ nhớ lại lòng thương xót và nhóm họ lại với chính mình Ngài. Sự kỳ diệu của ơn cứu rỗi bởi ân điển của Đức Chúa Trời (một đề tài mà hàng thiên sứ lấy làm tò mò, họ chưa hề kinh nghiệm ơn ấy bao giờ; đối chiếu IPhi 1:12) được tỏ ra trước mặt các thiên sứ kích thích họ ngợi khen và thờ lạy Ngài (đối chiếu Eph 3:8-10). Mặc dù các thiên sứ không kinh nghiệm ơn cứu rỗi, họ vui mừng nơi ơn cứu rỗi của con người (Lu 15:7,10).

Các thiên sứ vây chung quanh ngai uy nghi, vinh hiển của Đức Chúa Trời (đối chiếu 4:1-6; 5:1,6) cũng được vây quanh bởi hai nhóm khác tham dự vào sự thờ lạy Đức Chúa Trời, **các trưởng lão cùng bốn con sanh vật**. Hai mươi bốn **trưởng lão** được xem như là đại biểu của Hội thánh được cất lên (xem phần bàn luận trong chương 11 của sách này). Trong 5:8-10, họ hát lên bài ca cứu chuộc, trong khi ở đây họ được thấy là đang ngợi khen Đức Chúa Trời của sự cứu chuộc. Như đã lưu ý trong phần thảo luận của chương 11, **bốn con sanh vật** là che-ru-bin, một đẳng cấp thiên sứ được tôn trọng. Hai nhóm này thường xuất hiện chung với nhau (đối chiếu 5:6, 8, 11, 14; 14:3; 19:4).

Bị phủ lụt bởi sự oai nghi, sự vinh hiển, và sự rực rỡ ở chung quanh ngôi của Đức Chúa Trời, hết thảy những ai đang hiện diện đều **sấp mặt xuống trước ngôi và thờ lạy Đức Chúa Trời**. Đây là phản ứng thích hợp của tất cả các tạo vật, bao gồm những ai là thánh và vẹn lành, họ sấp mình xuống trong sự sùng bái khiêm tốn trước sự hiện diện vinh hiển không chỉ sánh được và oai nghi của Đức Chúa Trời thánh khiết, chon thật có một (đối chiếu 4:10; 5:8, 14; 11:16; 19:4; Sa 17:3; Le 9:24; Gios 5:14; Cac 13:20; IVua 18:39; IIVua 20:18; Exe 1:28; 3:23; Mat 17:6; Phi 2:9-10). Khi ấy, việc công nhận sự tể trị, oai quyền, sự thánh khiết, và oai nghi của Đức Chúa Trời, những người thờ lạy trong sự mặc thị của Giăng đã thốt ra một lời chúc phước trước và sau với lời khẳng định nghiêm túc **amen**, nghĩa là "nguyện sẽ được như vậy". Lời cầu nguyện của họ, ấy là sự ngợi khen, vinh hiển, khôn ngoan, chúc tạ, tôn quý, quyền phép và sức mạnh đều về Đức Chúa Trời chúng ta đời đời vô cùng! (đối chiếu 4:11; 5:12).

Thờ phượng là công việc liên tục của những kẻ ở trên trời. Đã có lời ngợi khen trong các chương 4 và 5, trước khi những cái ấn được mở ra và sự phán xét bắt đầu. Bây giờ, khi những sự phán xét sau cùng về khí hậu đến gần, lại có lời ngợi khen nữa, ngợi khen không phải vì sự phán xét đã được lường trước mà vì sự phán xét đã được nhìn biết. Sự ngợi khen kết thúc bắt đầu với bốn con sanh vật, sau đó lớn lên khi hai mươi bốn trưởng lão, các thiên sứ và ngày càng nhiều các tử đạo hoạn nạn tham gia. Cuối cùng, tất cả thiên đàng đều ngợi khen Thiên Chúa.

Đỉnh cao của sự ngợi khen bắt đầu với bốn con sanh vật, rồi lớn dần khi hai mươi bốn trưởng lão, các thiên sứ, và số lượng ngày càng tăng những người tuân đạo trong kỳ đại nạn hiệp vào cùng. Sau cùng, cả thiên đàng vang dội với sự ngợi khen dành cho Đức Chúa Trời.

Cụm từ **đời đời vô cùng** cho thấy, cũng như lời chúc phước 5:13..., rằng lời ngợi khen này không phải là tạm thời hay thoáng qua đâu, mà là kéo dài cho đến đời đời. Những gì được mô tả ở đây là sự thờ phượng sẽ không bao giờ chấm dứt qua cõi đời đời vô tận.

NGUỒN GỐC

“Bây giờ một trưởng lão cất tiếng nói với tôi rằng: những kẻ mặt áo dài trắng đó là ai, và bởi đâu mà đến? Tôi thưa rằng: Lạy chúa, chúa biết điều đó. Người lại phán cùng tôi rằng: Đó là những kẻ ra khỏi cơn đại nạn, đã giặt và phẩy trắng áo mình trong huyết Chiên Con” (Kh 7:13-14)

Giăng trở thành một người dự phần tích cực trong sự mặc thị khi một trong hai mươi bốn **trưởng lão** hỏi ông: **"những kẻ mặt áo dài trắng đó là ai, và bởi đâu mà đến?"** Vị trưởng lão không hỏi han thông tin vì ông không biết, nhưng để nhấn mạnh mục đích của ông ấy cho Giăng và tất cả độc giả của Giăng biết. Tiến sĩ Robert Thomas bình luận về tầm quan trọng câu hỏi của vị trưởng lão: "Điều này minh họa cách trao đổi được sử dụng hết lúc này đến lúc khác để truyền tải một lời giải thích về sự mặc thị" (đối chiếu Gie 1:11, 13; Am 7:8; 8:2; Xa 4:2, 5). Công cụ này cho thấy những sự khải thị không được ban ra vì mục đích tỏ ra sự ngoạn mục, nhưng để truyền tải sự mặc thị, những chi tiết trong đó không thể bị bỏ sót" (Revelation 1–7: *An Exegetical Commentary* [Chicago: Moody, 1992], 493). Câu hỏi của vị trưởng lão chỉ rõ và nhấn mạnh sự thật người ta sẽ được cứu trong thời kỳ đại nạn ghê khiếp. Có người nghi ngờ rằng, khi nhắm tới cường độ sự phán xét của Đức Chúa Trời trong thời gian kinh khủng ấy. Rồi sẽ tới một điểm trong kỳ Đại Nạn khi những kẻ tiếp tục chối bỏ Tin lành sẽ được khẳng định trong sự chối bỏ đó. Kh 9:20-21 chép: "Còn những người sót lại, chưa bị các tai nạn đó giết đi, vẫn không ăn năn những công việc bởi tay chúng nó làm cứ thờ lạy ma quỷ cùng thần tượng bằng vàng, bạc, đồng, đã và gỗ, là những tượng không thấy, không nghe, không đi được. Chúng nó cũng không ăn năn những tội giết người, tà thuật, gian dâm, trộm cướp của mình nữa".

Kh 16:9 gọi lại lẽ thật ấy: "Loài người bị lửa rất nóng làm sém, chúng nó nói phạm đến danh Đức Chúa Trời là Đấng có quyền trên các tai nạn ấy, và chúng nó cũng không ăn năn để dâng vinh hiển cho Ngài". Phao-lô viết về những ai sẽ "hư mất, vì chúng nó đã không nhận lãnh sự yêu thương của lẽ thật để

được cứu rỗi. Ấy vì thế mà Đức Chúa Trời cho chúng nó mắc phải sự lầm lạc, là sự khiến chúng nó tin điều dối giả, hầu cho hết thấy những người không tin lẽ thật, song chuộc sự không công bình, điều bị phục dưới sự phán xét của Ngài” (II Te 2:10-12).

Có người cho rằng những người được chuộc tuân đạo trong kỳ Đại Nạn và những người khác được thấy ở trên trời sẽ là những người chưa bao giờ sống trong kỷ nguyên Hội thánh. Tuy nhiên, điều đó có thể không đúng, vì lý do cho thấy rõ ràng rằng một khi Kỳ Đại Nạn kéo dài trong 7 năm (Da 9:27) và phân nửa kỳ Đại Nạn đó (Kh 11:2-3; 12:6; 13:5), hết thấy họ đều phải trẻ hơn bảy năm của kỷ nguyên. Những người khác thì cho rằng đây là những người chưa hề nghe Tin lành trong suốt đời sống họ và đã nhận được cơ hội ăn năn sau khi chết. Sự giải thích đó cũng bất khả thi **"vì theo như đã định cho loài người phải chết một lần, rồi chịu phán xét"** (He 9:27; đối chiếu Gi 8:21-24). Người ta có cơ hội để ăn năn và tin đạo Tin lành chỉ trong suốt đời sống của họ; đây là những người mà trọn cuộc đời của họ sẽ kéo dài qua Sự Cát Lên cho đến Kỳ Đại Nạn.

Câu trả lời bồi rỗi của Giảng đối với vị trưởng lão là câu trả lời nhấn mạnh: **"Lạy chúa, chúa biết điều đó"**, và vừa là một lời thú nhận về sự thiếu hiểu biết và nài xin thêm về phần mặc thị. Sự Giảng gọi vị trưởng lão là **chúa** không gán thần tánh cho người này; ông đã sử dụng từ kurios (chúa) theo cách phổ thông như là một phẩm tước đáng tôn trọng. Đây là loại tôn trọng mà Giảng tỏ ra cho các hữu thể ở trên trời trong 19:10 và 22:8-9. Giảng đã được Chúa dạy cho biết rằng có ít người sẽ được cứu (Mat 7:13-14; 22:14) và đã nhìn thấy nhiều Hội thánh suy tàn, hầu cho đám đông rất lớn kẻ được chuộc này sẽ không thể hiểu được ông. Câu trả lời của vị trưởng lão trên trời đã khẳng định lai lịch của các tín đồ này là **những kẻ ra khỏi cơn đại nạn** (đối chiếu Mat 24:21). Họ đã sống trong đó, đã được chuộc trong đó, và giờ đây đã ra khỏi đó qua sự chết vì bạo lực, là nguyên nhân tự nhiên và tuân đạo. Cụm từ **những kẻ ra khỏi** dịch thì hiện tại phân từ của động từ erchomai. Nó mô tả một tiến trình kéo dài; nhóm này sẽ tiếp tục phát triển khi người ta cứ tiếp tục chết trong kỳ Đại Nạn (đặc biệt là phân nửa sau cùng, **Kỳ Đại Nạn**). Vì lẽ đó, sự Cát Lên của Hội thánh không được xem xét trong câu này, một khi đây là biến cố duy nhất, tức thời và thành linh (đối chiếu I Co 15:51-52). Phần mô tả của vị trưởng lão về những tín đồ này đã **ra khỏi cơn đại nạn** rõ ràng phân biệt họ với bất kỳ nhóm được chuộc nào khác trong lịch sử. Thuật ngữ **cơn đại nạn** đề cập đến một khoảng thời gian cụ thể trong tương lai độc nhất trong cả lịch sử loài người. Nó đề cập đến ngày tận thế trong tương lai của sự phán xét thiêng liêng ngay trước khi Đức Chúa Jêsu Christ tái lâm để thiết lập vương quốc trần gian của Ngài. Mọi sự phán xét được mô tả trong thời kỳ này, từ cái ấn thứ sáu qua những lần phán xét bằng tiếng kèn và cái bát không có phản tương ứng nào trong lịch sử loài người. Chưa hề có sự tàn phá như thế xảy ra trên toàn thế giới. Thuật ngữ **đại nạn** không thể mô tả sự tàn phá thành Jerusalem vào năm 70SC hay bất kỳ biến cố nào khác trong lịch sử. Thuật ngữ này phải mô tả một thời kỳ trong tương lai về sự sửa phạt thiêng liêng giáng trên toàn thế giới sa ngã; **"ngày thanh nộ lớn"** của Đức Chúa Trời và Chiên Con (6:17). Chính mình Đức Chúa Jêsu đã đặt ra cụm từ **"kỳ đại nạn"** (Mat 24:21) và giới hạn nó đến phân nửa thứ hai của Tuần lễ thứ bảy mươi của Đa-ni-ên (Mat 24:13-22; Mac 13:14-20; đối chiếu Da 9:27). Giới hạn của nó sẽ là bốn mươi hai tháng hoặc 1.260 ngày (11:2-3). Về thời kỳ này Thomas viết:

Đây là cuộc khủng hoảng nghiêm trọng của thử thách qua đó tất cả những kẻ nổi loạn chống lại Đức Chúa Trời phải vượt qua ngay trước lần đến thứ hai của Đấng Christ. Các tội tở của Đức Chúa Trời sẽ không gánh chịu những ảnh hưởng trực tiếp cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời. Họ sẽ không bị chạm đến bởi nó (*Hòn Đá*). Tuy nhiên, các thánh đồ trên đất sẽ không được miễn trừ khỏi sự giận dữ của kẻ thù Đức Chúa Trời trong giai đoạn này. Trong cả hai Đại Nạn và ba năm rưỡi khổ nạn trước đó, họ sẽ gánh chịu những đau khổ gây ra bởi những thù hận chống lại Đức Chúa Trời. Cường độ sự bất bớ sẽ là một dấu hiệu tăng cao so với những gì đã kinh nghiệm trước khi kỳ tận thế xảy đến và sẽ gia tăng một lần nữa khi thời kỳ bảy năm đi đến điểm giữa của nó. Có người sẽ tuân đạo theo phần cuối của cái ấn thứ sáu (*đối chiếu 6:9-11*) và nhiều người khác sẽ bị bất bớ bằng những phương thức khác. (Revelation 1-7, 497).

Nếu những tín đồ này là chi thể của hội thánh, tại sao vị trưởng lão lại không nhận ra họ? Dường như có ít lý do để phân biệt nhóm này với các nhóm khác trong Hội thánh nếu Hội thánh đang ở trên đất cả trước và trong Kỳ Đại Nạn. Nếu đây là trường hợp, vị trưởng lão chỉ đề cập đến họ là Hội thánh.

Vị trưởng lão mô tả thêm các tín đồ được chuộc trong kỳ Đại Nạn ở trên trời, làm thế nào họ kiếm được đặc ân sống trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời và các thiên sứ thánh. Sở dĩ như thế là vì họ **mặc áo**

dài trắng mà họ **đã giặt** và **phiếu trắng áo mình trong huyết Chiên Con**. Loại áo dài rực rỡ, sáng láng của họ đã được nhắc đến trước tiên trong câu 9, ở đó chúng làm biểu tượng chủ yếu cho lễ kỷ niệm, sự đắc thắng, và sự tôn cao; ở đây chúng chủ yếu nhấn mạnh sự công bình, sự thánh khiết, và sự tinh sạch. Loại áo xống bẩn thỉu trong Kinh Thánh tiêu biểu cho sự dơ dáy của tội lỗi (đối chiếu Es 64:6; Xa 3:3), và ơn cứu rỗi thường được phác họa như một sự giặt giũ (đối chiếu 22:14; Thi 51:7; Es 1:18; Tit 3:5). Bất cứ thứ gì có thể được thanh tẩy bằng cách rửa nó trong huyết xem qua có vẻ lạ lùng, nhưng không lạ lùng đối với người nào đã quen thuộc với Kinh Cựu Ước. Đối với họ, việc giặt giũ như vậy bị đòi hỏi cho việc làm sạch về mặt thuộc linh; phải có một của lễ bằng huyết mới thanh tẩy con người ra khỏi tội lỗi của họ. Huyết của con sinh trong Cựu Ước không cung ứng sự thanh tẩy hết tội lỗi (Hê-bơ-rơ 10:4), nhưng phác họa ra nhu cầu của một của lễ có thể - của lễ thanh tẩy ra khỏi tội lỗi một lần đủ cả; **huyết của Chiên Con**. Đây là phép ẩn dụ thường thấy có trong Kinh thánh vì sự chết hy sinh của Đấng Christ trên thập tự giá cung ứng việc thanh tẩy ra khỏi tội lỗi cho từng người tin Chúa trong mọi thời đại (đối chiếu 1:5; 5:9; 12:11; Mat 26:28; Cong 20:28; Ro 3:25; 5:9; Eph 1:7; 2:13; Co 1:20; He 9:12-14; 10:19; 13:12; IPhi 1:2, 19; IGi 1:7). Sự chết mang tính thay thế của Đấng Christ đã chuộc tội cho những người tin Chúa trong Kỷ Đại Nạn, và bởi đức tin ăn năn họ được xưng công bình và được phục hòa lại với Đức Chúa Trời (Ro 5:10; IICo 5:18-21).

CHỨC NĂNG

Ấy vì đó mà chúng được ở trước ngai Đức Chúa Trời, và ngày đêm hầu việc Ngài trong đền Ngài (Kh 7:15a)

Lý do những tín đồ trong kỳ Đại Nạn này được phép đứng **trước ngai Đức Chúa Trời**, ấy là họ đã được thanh tẩy và đã giặt sạch khỏi tội lỗi của họ bởi sự hy sinh của Chiên Con Đức Chúa Trời vì ích cho họ. Vì vậy, họ được phép đứng trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời để họ có thể **ngày đêm hầu việc Ngài**. **Hầu việc** ra từ chữ *latreuō*, thường được sử dụng để mô tả công việc tế lễ (đối chiếu Lu 2:37; He 8:5; 13:10); họ đề cập đến **"sự thờ phượng phải lễ"** (Ro 12:1) đối với Đức Chúa Trời. **Ngày đêm** là một thành ngữ chỉ ra công việc liên tục của họ; không có ngày đêm thực sự nào trong thiên đàng đời đời của Đức Chúa Trời (22:3-5). Vị trí của sự hầu việc đó là **trong đền Ngài** (đối chiếu 11:19; 14:15,17; 15:5-8; 16:1, 17). Hiện có một đền thờ ở trên trời, và sẽ có một đền thờ ở trên đất trong vương quốc ngàn năm của Đấng Christ trên đất (đối chiếu Ê-xê-chi-ên 40-48). Tuy nhiên, ở trạng thái đời đời, sẽ không còn cần đến một đền thờ nữa: **"vì Chúa là Đức Chúa Trời toàn năng và Chiên Con đều là đền thờ của thành"** (Kh 21:22). Đền thờ trên trời hiện nay là lãnh địa thánh, ở đó sự hiện diện của Đức Chúa Trời ngự ở bên ngoài vũ trụ đã sa ngã, nhưng điều đó sẽ không còn cần thiết trong trời mới đất mới, ở đó tội lỗi đã được bôi xóa đời đời. Sẽ chẳng còn một toà nhà nào dùng làm đền thờ nữa, vì Đức Chúa Trời sẽ chiếm hết mọi nơi, và hết thảy người tin Chúa khắp mọi nơi trong tình trạng đời đời sẽ tiếp tục thờ lạy và phục vụ Ngài cho đến đời đời.

SỰ BẢO HỘ

còn Đấng ngồi trên ngai sẽ che chở chúng dưới trại Ngài (Kh 7:15b)

Trong một hình ảnh thật kỳ diệu, đầy sự yên ủi, Đức Chúa Trời, được mô tả như **Đấng ngồi trên ngai** (đối chiếu 4:1-3; 5:1, 13; 7:10) hứa **sẽ che chở chúng dưới trại Ngài** (đối chiếu 21:3), về sự hiện diện Shechinah của Ngài trên các tín đồ đã bị bắt bớ này. **Trại** là một từ mà Giăng thích sử dụng (đối chiếu 13:6; 15:5; 21:3; động từ được dịch là "ngồi" xuất hiện trong Gi 1:14) phản ánh sự hiện diện kín giấu của Chúa. Nó tương ứng với các lời hứa trong Cựu Ước về sự hiện diện có tính cách bảo hộ của Đức Chúa Trời (đối chiếu Le 26:11-12; Exe 37:27; Xa 2:10-11; 8:3, 8). Những tín đồ này đã chứng kiến những ghê khiếp đau khổ không thể diễn tả được khi những sự phán xét của Đức Chúa Trời đổ ra trên thế gian. Họ đã gánh chịu sự bắt bớ khủng khiếp nơi tay của Anti-christ và những kẻ theo hần. Nhưng khi họ bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời, họ sẽ đến với một nơi thánh thiên thượng, là chỗ an toàn nhất. Ở đó họ sẽ nhận được nơi ẩn náu tránh những ghê khiếp của thế giới sa ngã hầu đến khi Đức Chúa Trời tiếp tục thả ra các sự phán xét gây tàn phá và huỷ diệt của Ngài.

SỰ TIẾP TRỢ

Chúng sẽ không đói không khát nữa; cũng không có mặt trời, hoặc cơn nắng gắt nào hại đến mình. Vì Chiên Con ở giữa ngôi sẽ chặn giữ và đưa chúng đến những suối nước sống; Đức Chúa Trời sẽ lau hết nước mắt nơi mắt chúng. (Kh 7:16-17)

Lời hứa đầy sự yên ủi này về sự tiếp trợ được rút ra từ và gần như giống với lời lẽ của Es 49:10. Khi họ trải qua những nỗi kinh hoàng của Kỳ Đại Nạn, những người chịu khổ này từ cơn đại nạn phải chịu đựng **đói, khát** và hơi nóng khi **mặt trời nhằm hại họ**, một hiện tượng sẽ xảy ra trong Kỳ Đại Nạn (16:9). Nhưng mọi yếu tố hành hại về phần xác và thuộc linh của đời này mà họ sẽ không còn kinh nghiệm nữa, thay vì thế họ sẽ thưởng thức sự thoả lòng cho đến đời đời, **Vì Chiên Con ở giữa ngôi** (đối chiếu 5:6) **sẽ chặn giữ và đưa chúng đến những suối nước sống; Đức Chúa Trời sẽ lau hết nước mắt nơi mắt chúng**. Hình ảnh của Đức Chúa Trời giống như Đấng Chấn Chiên của dân sự Ngài là một trong những hình ảnh thân thương và phổ biến nhất trong Cựu Ước (đối chiếu Thi thiên 23; 80:1; Es 40:11; Exe 34:23), và Chúa Jêsus được mô tả là Đấng Chấn dân sự Ngài trong Tân Ước (Gi 10:11...; He 13:20; IPhi 2:25; 5:4). Thú vị thay, ba lần sử dụng khác về poimainō (**chăn**) ở Khải huyền (2:27; 12:5; 19:15; “cai trị” hay “chăn bầy” trong cả ba trường hợp) tỏ ra Đấng Christ trong một kiểu cách huỷ diệt, chà nát hạng tội nhân bằng một cây gậy sắt, như trong Thi 2:9. Đấng Chấn Chiên Trưởng **sẽ đưa bầy chiên của Ngài đến những suối nước sống** (đối chiếu 21:6; 22:1,17). Ngài cũng sẽ **lau hết nước mắt nơi mắt chúng** (đối chiếu 21:4; Es 25:8), vì ở trên trời sẽ không còn có đau khổ, buồn rầu và nỗi khổ gây ra cho họ nữa.

Trong thời đại này, khi Cơ đốc giáo đang chịu bao vây bốn phía, dường như cái nắm bắt của nó về lẽ thật thiêng liêng rồi hướng tới sự thất bại, thật là yên ủi khi được tái khẳng định về sự đắc thắng tối hậu của ân điển cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Ở giữa tình huống thậm chí tồi tệ hơn nữa trong tương lai trước sự tái lâm của Đấng Christ, Đức Chúa Trời sẽ chuộc lấy dân sự Ngài. Tư tưởng ấy sẽ mang lại sự yên ủi rất lớn cho các tín đồ trong thời hiện tại và động viên mọi người ngợi khen Đức Chúa Trời vì sự vĩ đại trong chương trình cứu chuộc của Ngài. Và tối hậu, trong trạng thái đời đời, hết thảy các lời hứa này sẽ thành ra sự thật cho hết thảy những người tin Chúa.

“Khi Chiên Con mở ấn thứ bảy, trên trời yên lặng chừng nửa giờ. Tôi thấy bảy vị thiên sứ đứng trước mặt Đức Chúa Trời, và có người trao cho bảy ống loa. Đoạn, một vị thiên sứ khác đến, đứng bên bàn thờ, người cầm lư hương vàng, và được nhiều hương để dâng hương ấy trên bàn thờ bằng vàng ở trước ngai với các lời cầu nguyện của mọi thánh đồ. Khói hương từ tay thiên sứ bay lên trước mặt Đức Chúa Trời, với những lời cầu nguyện của các thánh đồ. Thiên sứ lấy lư hương, dùng lửa nơi bàn thờ bỏ đầy vào, rồi quăng xuống đất; liền có sấm sét, các tiếng, chớp nhoáng và đất động” (Kh 8:1-5)

Ngày của Đức Giê-hô-va trong tương lai sẽ là thời điểm cao trào của sự phán xét kết thúc thời của con người và sự cai trị của Sa-tan trên đất. Trong thời điểm đó, Đức Chúa Trời sẽ lấy lại địa cầu trong một cuộc tàn sát sau cùng của sự hủy diệt rộng khắp. Năm cái ấn đầu tiên (hòa bình giả tạo, chiến tranh, đói kém, chết chóc và báo thù) mô tả những sự phán xét sơ bộ dẫn tới sự đổ ra trọn vẹn cơn thịnh nộ thiêng liêng trong Ngày của Đức Giê-hô-va. Những sự phán xét sơ bộ ban đầu rất là kinh hoàng, chúng mờ nhạt đi trước sự kinh khủng của cái ấn thứ sáu, đánh dấu phần khởi sự Ngày của Đức Giê-hô-va. Những sự phán xét của cái ấn thứ sáu rất là kinh khiếp đến nỗi người ta sau cùng buộc phải công nhận Đức Chúa Trời là nguồn của mọi tai vạ. Tại thời điểm đó, họ sẽ kêu la với: **“núi và đá lớn rằng: Hãy rơi xuống chận trên chúng ta, đừng tránh khỏi mặt của Đấng ngự trên ngai, và khỏi cơn giận của Chiên Con! Vì ngày thịnh nộ lớn của Ngài đã đến, còn ai đứng nổi?”** (6:16-17).

Khi Chiên Con mở con dấu thứ bảy sau cùng trên quyển sách nhỏ có đề tựa công việc dành cho địa cầu (5:1), những sự phán xét trong Ngày của Đức Giê-hô-va sẽ gia tăng cường độ và mở rộng đáng kể. Cái ấn cuối cùng này chứa trong nó sự can quét đủ cả những sự phán xét thiêng liêng còn lại của Kỳ Đại Nạn, bao gồm những sự phán xét bằng tiếng kèn và cái bát. Mặc dù có người tin các biến cố trong sự phán xét bằng tiếng kèn và cái bát diễn ra đồng thời với những sự phán xét của cái ấn thứ sáu, hiểu chúng giống như được lồng vào nhau thì hay hơn. Cái ấn thứ 7 chứa 7 sự phán xét bằng tiếng kèn có vẻ rất rõ ràng, một khi chẳng có phần mô tả nào về sự phán xét trong cái ấn thứ 7, mà là một sự lường trước sự phán xét nghiêm khắc theo sau ngay lúc đó trong bối cảnh bảy sự phán xét bằng tiếng kèn. Cũng tương tự như thế, tiếng kèn thứ bảy không mô tả một sự phán xét (10: 7, 11:15-17), nhưng thay vì thế, nó chứa việc lường trước sự vui mừng thiên thượng đối với sự phán xét hầu đến, là việc sẽ dẫn đến sự hủy diệt sau cùng của Sa-tan và sự thiết lập sự cai trị của Đức Chúa Jêsus Christ. Giống như 10:7 chỉ ra, tiếng kèn thứ bảy là sự "hoàn tất". Chương 15 câu 1 nói rõ rằng tiếng kèn thứ bảy, hoàn tất công việc phán xét, chứa cơn giận dữ trong sự thịnh nộ sau cùng của Đức Chúa Trời, nó đổ ra hình ảnh bảy sự phán xét bằng dịch lệ : "Tôi thấy một điềm khác ở trên trời, vừa lớn vừa lạ: bảy thiên sứ cầm bảy tai nạn sau cùng, vì bởi các tai nạn này làm hết cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời". Chương 16 câu 1 xác định bảy trận dịch này là "bảy bát thịnh nộ của Đức Chúa Trời xuống đất". Khi ấy, chúng được mô tả rất chi tiết trong phần còn lại của chương 16 (các câu 2-21).

Những sự phán xét liên tiếp trong cái ấn thứ bảy sẽ diễn ra trong một khoảng thời gian không xác định; các ảnh hưởng của tiếng kèn thứ năm, thí dụ, sẽ kéo dài trong năm tháng (9:10). Trong khi thời biểu chính xác cho những sự phán xét bằng tiếng kèn và cái bát chưa được tiết lộ, sự tàn phá leo thang của chúng chỉ ra rằng hết thảy chúng đều xảy ra trong phân nửa cuối của Kỳ Đại Nạn. Vì lẽ đó, cái ấn thứ bảy bao gồm tất cả cơn thịnh nộ cuối cùng của Đức Chúa Trời dẫn tới sự tái lâm đắc thắng của Đức Chúa Jêsus Christ trong sự vinh hiển.

Bốn từ ngữ chính đã được dùng để mô tả các biến cố kết hiệp với phần mở ra của cái ấn thứ bảy: sự yên lặng, tiếng động, khẩn cầu, và bão tố.

SỰ YÊN LẶNG

“Khi Chiên Con mở ấn thứ bảy, trên trời yên lặng chừng nửa giờ” (Kh 8:1)

Là nhân vật kế thừa hợp pháp đối với vũ trụ, **Chiên Con** cầm lấy quyền sách (để tựa công việc làm cho địa cầu) từ tay của Đức Chúa Cha (5:7). Khi Ngài mở nó ra và gỡ sáu cái ấn đầu tiên ra, những sự phán xét thiêng liêng đã được đổ ra trên đất. Nhưng khi Ngài **mở ấn thứ bảy**, một phản ứng đặc biệt đã xảy ra: **trên trời yên lặng chừng nửa giờ**. Lần lại các sự mặc thị cho đến thời điểm này cho thấy rõ ràng rằng Giăng đã nghe thấy tiếng ồn đúng là ở trên trời. Xuất phát từ ngai của Đức Chúa Trời là "tiếng cùng sấm" (4:5). "Bốn con sanh vật ... nói luôn không dứt: Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Chúa, là Đức Chúa Trời, Đấng Toàn năng, Trước Đã Có, Nay Hiện Có, Sau Còn Đến!" (4:8), trong khi hai mươi bốn trưởng lão thêm bài ca ngợi khen của họ vào (4:11). Trong 5:2, Giăng nghe thấy một "vị thiên sứ mạnh mẽ cất tiếng lớn kêu rằng: Ai đáng mở quyển sách này và tháo những ấn này?" Trong phần đáp ứng lại với việc Chiên Con cầm lấy quyển sách các việc cần làm ở trên đất (5:5-7), trước tiên là bốn con sanh vật và hai mươi bốn trưởng lão (5:9-10), rồi một đoàn đông vô số các thiên sứ (5:11-12), và sau cùng là hết thảy mọi loài thọ tạo (5:13) đều dự phần vào việc ca ngợi Đức Chúa Trời. Khi Chiên Con mở ấn thứ nhất, Giăng đã "thấy một con trong bốn con sanh vật nói tiếng như sấm rằng: Hãy đến! (6:1) — như ông sẽ nghe khi các cái ấn thứ nhì (6:3), thứ ba (6:5), và thứ tư (6:7) được mở ra. Với việc mở ra cái ấn thứ năm, thì có những tiếng kêu gào của những người tuân đạo xin sự báo thù (6:9-10), trong khi việc mở ra cái ấn thứ sáu mang lại tiếng gầm lớn của một trận động đất thật lớn lao (6:12). Trong khoảng thời gian xen giữa các ấn thứ sáu và thứ bảy, một vị thiên sứ "kêu bốn vị thiên sứ đã được quyền làm hại đất cùng biển, và bảo rằng: Chớ làm hại đất, biển và cây cối, cho đến chừng nào chúng ta đã đóng ấn trên trán những tôi tớ Đức Chúa Trời chúng ta" (7:2-3). Sau đó, Giăng nhìn thấy

vô số người, không ai đếm được, bởi mọi nước, mọi chi phái, mọi dân tộc, mọi tiếng mà ra; chúng đứng trước ngai và trước Chiên Con, mặc áo dài trắng, tay cầm nhánh chà là, cất tiếng lớn kêu rằng: Sự cứu rỗi thuộc về Đức Chúa Trời ta, là Đấng ngự trên ngai, và thuộc về Chiên Con. Và, hết thảy thiên sứ đứng vòng chung quanh ngai và chung quanh các trưởng lão cùng bốn con sanh vật, sấp mặt xuống trước ngai, và thờ lạy Đức Chúa Trời, mà rằng: A-men! Sự ngợi khen, vinh hiển, khôn ngoan, chúc tạ, tôn quý, quyền phép và sức mạnh đều về Đức Chúa Trời chúng ta đời đời vô cùng! A-men" (7:9-13)

Nhưng sau mọi thứ lớn tiếng đó, như sự giận dữ đầy trọn của sự phán xét sau cùng sắp sửa được thả ra, sự yên lặng phủ lấy bối cảnh ở trên trời. Hàm ý, ấy là khi sự phán xét sắp sửa xảy ra sẽ hiển hiện cái ấn thứ 7 được mở ra và quyển sách mở ra, cả hai: người được chuộc cùng các thiên sứ đều lui lại yên lặng với sự im ắng lừng lừng trước thực tại tàn khốc của sự hủy diệt mà họ thấy đã xem thấy đã được viết lên trên quyển sách. Nửa tiếng đồng hồ yên lặng là sự bình tĩnh trước giống tổ. Đó là sự yên lặng của việc bị cấm đoán, kỳ vọng mãnh liệt, sợ hãi về những gì Đức Chúa Trời sắp làm.

Và sự yên lặng là phản ứng thích hợp duy nhất trước sự phán xét thiêng liêng như thế. Trong Thi 76:8-9 tác giả Thi thiên viết: "Khi Đức Chúa Trời chỗi dậy đoán xét, thì đất bèn sợ hãi, và yên lặng". Ha-ba-cúc tuyên bố: "Nhưng Đức Giê-hô-va ở trong đền thánh của Ngài, trước mặt Ngài, cả đất hãy làm thinh!" (Ha 2:20). Sô-phô-ni khuyên nhủ: "Hãy nín lặng ở trước mặt Chúa Giê-hô-va! Vì ngày của Đức Giê-hô-va đã gần" (So 1:7). Xa 2:13: "Mọi xác thịt khá nín lặng trước mặt Đức Giê-hô-va; vì Ngài đã thức dậy từ nơi ngự thánh của Ngài".

Trong khi thiên đàng đời đời không có thời gian, sứ đồ Giăng, ông đang xem sự mặc thị đó. Mỗi phút của nửa giờ yên lặng ấy đã làm tăng thêm cảm giác đau đớn dành cho Giăng. Thiên đàng, đã vang dội với những tiếng ngợi khen lớn từ đám đông người được chuộc và các thiên sứ, đã trở nên yên lặng chết chóc. Giờ phán xét cuối cùng của Đức Chúa Trời và đã đến — là giờ khi các thánh đồ được minh oan, tội lỗi bị trừng phạt, Sa-tan đã thua trận, và Đấng Christ được tôn cao lên. Sự kiện lớn lao nhất kể từ Sự Sa Ngã sắp sửa diễn ra và hết thảy thiên đàng được thấy đang chờ đợi đúng kỳ định.

THỎI LOA

Tôi thấy bảy vị thiên sứ đứng trước mặt Đức Chúa Trời, và có người trao cho bảy ống loa (Kh 8:2)

Theo sau nửa giờ im lặng ở trên trời, Giăng đã kinh nghiệm một đặc điểm mới của cái ấn thứ bảy, tức là **bảy vị thiên sứ đứng trước mặt Đức Chúa Trời**. Việc sử dụng mạo từ xác định cho thấy biệt chúng riêng ra là một nhóm duy nhất, là điều có người gọi là "*các thiên sứ hiện diện*". Động từ được dịch là **đứng** ở thì hiện tại hoàn thành, là thì chỉ ra rằng họ đã ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời và có mặt ở đó trong một thời gian. Kinh thánh mô tả nhiều đẳng cấp khác nhau và thứ tự của các thiên sứ, tỉ như chê-ru-bim (Sa 3:24), sê-ra-phin (Es 6:2), các thiên sứ trưởng (ITe 4:16; Giuđe 9), ngai, quyền cai trị, sự trị vì, uy quyền (Co 1:16) và các thứ quyền phép (Eph 6:12). 7 vị thiên sứ này dường như là một thứ tự về các thiên sứ có đẳng cấp cao. Gáp-ri-ên, là thiên sứ đã hiện ra với Xa-cha-ri và Ma-ry, có thể đã là một trong số họ, vì Ngài tự xác định mình với Xa-cha-ri là **"Ta là Gáp-ri-ên, đứng trước mặt Đức Chúa Trời"** (Lu 1:19).

Như Giăng đã thấy, có **bảy ống loa được trao cho** các thiên sứ này, để chuẩn bị cho những sự phán xét bằng tiếng loa mà sẽ sớm theo sau. Như họ đã làm trong các lần phán xét bằng những cái ấn (6:1, 3, 5, 6-7) và sẽ làm trong các sự phán xét bằng cái bát (16:2-4, 8, 10, 12, 17), các thiên sứ dự phần vào những sự phán xét bằng tiếng loa. Sự dự phần ấy phù hợp với sự dạy của Chúa Jêsus cho rằng các thiên sứ sẽ đóng một vai trò quan trọng trong các phán đoán chung cuộc của Đức Chúa Trời (thí dụ Mat 13:39-41, 49-50; 16:27; 25:31).

Các ống loa là loại nhạc cụ quan trọng nhất trong Kinh Thánh, được gắn với nhiều biến cố khác nhau. Trong Cựu Ước, các ống loa được sử dụng để triệu tập hội chúng của Israel lại (Dan 10:2), thổi loa để báo động trong thời điểm có chiến tranh (Dan 10:9; IISu 13:12; Exe 33:3), vào các kỳ lễ tôn giáo (Dan 10:10; Thi 81:3), loan báo các tin tức (ISA 13:3), tung hô các tân vương (I Các Vua 1:34, 39), và trong sự thờ phượng (ISu 16:6,42; IISu 5:12-13). So 1:14-16 gắn các tiếng loa với Ngày của Đức Giê-hô-va. Tân Ước dạy rằng tiếng loa sẽ công bố Sự Cát Lên (ICo 15:52; ITe 4:16) và chương này gắn chúng với những lần phán xét của Ngày ấy (8:6...).

Từng cái trong bảy tiếng loa đổ ra một sự phán xét cụ thể có cường độ lớn hơn sáu cái ấn đầu tiên, nhưng không phải là phá diệt giống như bảy bát (16:1-21). Bốn tiếng loa đầu tiên phá hủy sinh thái của địa cầu (8:6-12), hai tiếng loa kế đó tạo ra sự tiêu diệt của ma quỷ đối với nhân loại (8:13, 9:1-11, 13-19), và tiếng loa thứ bảy giới thiệu sự đổ ra sau cùng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời chứa trong các lần phán xét bằng những cái bát.

Khi thiên sứ đầu tiên thổi loa của mình, **"một phần ba đất bị cháy, một phần ba loài cây bị cháy, và mọi giống cỏ xanh đều bị cháy"** (8:7). Khi tiếng loa thứ hai thổi lên: **"một phần ba biển biến ra huyết"** (8:8). Tiếng loa thứ ba thổi lên phá hủy **"một phần ba các sông lớn và các suối nước"** (8:10). Khi thiên sứ thứ tư thổi loa của mình: **"một phần ba mặt trời bị hại, một phần ba mặt trăng và một phần ba các ngôi sao"** (8:12). Khi tiếng loa thứ năm trỗi lên, Giăng thấy bảy ma quỷ đang bay ra khỏi địa ngục để hành hại nhân loại (9:1-6). Khi tiếng loa thứ sáu vang lên, Giăng nhìn thấy bốn con quỷ mạnh sức **"đã chực sẵn đến giờ, ngày, tháng, và năm ấy, hầu cho tiêu diệt một phần ba loài người"** (9:13-15). Và với tiếng loa thứ bảy (11:15), đến lúc thả ra những sự phán xét bằng cái bát còn nghiêm trọng hơn bất cứ điều gì ở trước mặt họ (16:2-21).

Sau khi đã giới thiệu và trao cho những ống loa, bảy vị thiên sứ đã không thổi chúng ngay lập tức. Họ phải đợi những biến cố quan trọng khác xảy ra.

KHẨN CẦU

Đoạn, một vị thiên sứ khác đến, đứng bên bàn thờ, người cầm lư hương vàng, và được nhiều hương để dâng hương ấy trên bàn thờ bằng vàng ở trước ngai với các lời cầu nguyện của mọi thánh đồ. Khói hương từ tay thiên sứ bay lên trước mặt Đức Chúa Trời, với những lời cầu nguyện của các thánh đồ. (Kh 8:3-4)

Sự chú ý của Giăng bị kéo ra khỏi bài vị thiên sứ với các ống loa của họ qua một nhân vật khác. Như ông đã thấy, **một vị thiên sứ khác đến, đứng bên bàn thờ** xông hương (đối chiếu 6:9). Vì cơ công tác tế lễ của mình, có người xác định Ngài là Đức Chúa Jêsus Christ. Tuy nhiên, sự nhận dạng đó không phù hợp vì một vài lý do. Thứ nhất, Đấng Christ đã được xác định rồi trong bối cảnh trên trời là Chiên Con (5:6; 6:1; 7:17), phân biệt Ngài với thiên sứ này. Thứ hai, trong khi Đấng Christ trước khi hoá thân thành nhục thể xuất hiện như là Thiên sứ của Đức Giê-hô-va trong Cựu Ước, không một chỗ nào Chúa Jêsus được xác định là một thiên sứ trong Tân Ước. Thứ ba, phần tham khảo ở câu 2 đến bảy vị thiên sứ xác định ý nghĩa của thuật ngữ trong văn mạch này. Vị thiên sứ trong câu 3 được mô tả là thiên sứ **khác** (allos, một loại khác cùng loại, đối chiếu 7:2) như các thiên sứ ở câu 2. Sau cùng, ở mọi nơi Ngài xuất hiện trong sách Khải huyền, Chúa Jêsus được nhận dạng rõ ràng. Ngài được gọi là **"Đấng làm chứng thành tín, sanh đầu nhất từ trong kẻ chết và làm Chúa của các vua trong thế gian!"** (1:5), **"con người"** (1:13), **"Đấng trước hết và là Đấng sau cùng"** (1:17), **"Đấng Sống"** (1:18), **"Con của Đức Chúa Trời"** (2:18), **"Đấng thánh, chân thật"** (3:7), **"Đấng A-men, Đấng làm chứng thành tín chân thật, Đấng làm đầu cội rễ cuộc sáng thế của Đức Chúa Trời"** (3:14), **"sư tử của chi phái Giu-đa, tức là Chồi của vua Đa-vít"** (5:5), **"Chiên Con"** (6:1, 16; 7:17; 8:1). **"Đấng Trung Tín Và Chân Thật"** (19:11), **"Lời Đức Chúa Trời"** (19:13), và **"Vua Của Các Vua Và Chúa Của Các Chúa"** (19:16). Nếu Ngài là Đấng ở tại bàn thờ, thì có lý khi giả định rằng Ngài đã được nhận dạng một cách đặc biệt.

Giăng lưu ý rằng vị thiên sứ **đến, đứng bên bàn thờ** (câu 5). Bàn thờ đó là bản sao trên trời về bàn thờ xông hương trong đền thờ, cũng được làm bằng vàng (Xu 30:3). Đó cũng là bàn thờ xông hương bằng vàng mà Ê-sai đã nhìn thấy trong sự hiện thấy (Es 6:6) và bởi Ê-xê-chi-ên (đối chiếu Exe 10:2). Phần mô tả thêm về bàn thờ này ở trước ngôi bảo đảm với độc giả của Giăng rằng bàn thờ xông hương là bản sao trên đất với bàn thờ xông hương ở trên trời này. Nói rõ như thế bởi vì bàn thờ xông hương trong đền tạm và đền thờ là thứ ở gần nhất với Nơi Chí Thánh, là nơi sự vinh hiển Đức Chúa Trời ngự trị (Xu 30:6). Phù hợp với sự xác định đó là sự thực là vị thiên sứ đang giữ trong tay Ngài **lư hương bằng vàng**, hay chảo lửa. Trong kỷ nguyên Cựu Ước, các thầy tế lễ sẽ hai lần mỗi ngày (sáng và chiều) lấy những than nóng, đang cháy ra khỏi bàn thờ bằng đồng (nơi các thứ của lễ được dâng lên) và đưa chúng vào Nơi Thánh đến bàn thờ xông hương (Xu 30:7-8; IISu 29:11; đối chiếu IVua 7:50; IIVua 25:15; Gie 52:18-19). Khi ấy, họ xông hương, khói bay lên trời, tượng trưng cho những lời cầu nguyện của các thánh đồ (đối chiếu 5:8). Phần minh hoạ Tân Ước về điều này đến từ câu chuyện nói tới Xa-cha-ri, cha của Giăng Báp-tít: **"Vả, Xa-cha-ri cứ theo thứ tự trong ban mình mà làm chức tế lễ trước mặt Đức Chúa Trời. Khi đã bắt thăm theo lệ các thầy cả lập ra rồi, thì người được gọi vào nơi thánh của Chúa để dâng hương. Đang giờ dâng hương, cả đoàn dân đông đều ở ngoài cầu nguyện"** (Lu 1:8-10). Trong khi những người đứng bên ngoài cầu nguyện, Xa-cha-ri xông hương ở bên trong, làm biểu tượng cho những lời cầu nguyện đó bay lên đến Đức Chúa Trời.

Vị thiên sứ lấy nhiều hương (tượng trưng cho những lời cầu nguyện vô số của dân sự Đức Chúa Trời; 5:8; 6:9-11) mà **Ngài đã nhận được**, có lẽ bởi Đức Chúa Trời. Mặc dù phân đoạn không nói ai đã trao hương cho thiên sứ, động từ *didōmi* (**được trao cho**) thường xuyên trong sách Khải huyền đề cập đến một thứ mà Đức Chúa Trời đã ban cho (thí dụ 6:2, 4, 8, 11; 7:2; 9:1, 3, 5; 11:1, 2; 13:5, 7, 14, 15; 16:8; 19:8; 20:4).

Mục đích của thiên sứ **được trao hương cho là để Ngài thêm nó vào những lời cầu nguyện của tất cả các thánh đồ** đã dâng lên rồi từ bàn thờ. Những lời cầu nguyện xin Sa-tan bị tiêu diệt đi, tội lỗi bị đánh bại, sự chết của họ để phải được báo thù (đối chiếu 6:9-11), và Đấng Christ ngự đến. Khi thiên sứ thêm hương vào hương đã cháy trên bàn thờ, **Khói hương từ tay thiên sứ bay lên trước mặt Đức Chúa Trời, với những lời cầu nguyện của các thánh đồ**. Những lời cầu nguyện này chắc chắn là tiếng kêu la của những tín đồ trong Cơn Hoạn Nạn Lớn chống lại những kẻ bắt bớ họ và hết thảy những kẻ phạm thượng Đức Chúa Trời và Đấng Christ vào thời đó. Những lời cầu nguyện của họ, được khẳng định bằng hương thơm thiên thượng mà Đức Chúa Trời đã cung cấp, cho thấy rằng Ngài đang ở trong sự nhất trí với những tiếng kêu xin của các thánh đồ khi họ bước vào trong sự hiện diện của Ngài, từ đó những sự phán xét qua bảy tiếng loa sẽ được thả ra. Có một cảm xúc dự đoán trước khi những lời cầu nguyện này bay lên trước mặt Đức Chúa Trời. Họ sẽ sớm được trả lời: Cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời và những lời cầu nguyện của dân sự Ngài được kết nối. Câu hỏi ở 6:10: **"Cho đến chừng nào?"** sắp sửa được giải đáp.

BÃO TỐ

Thiên sứ lấy lư hương, dùng lửa nơi bàn thờ bỏ đầy vào, rồi quăng xuống đất; liền có sấm sét, các tiếng, chớp nhoáng và đất động. (Kh 8:5)

Sự im lặng nửa giờ đồng hồ của thiên đàng bị phá vỡ một cách đột ngột và sự phán xét được xem là một trận bão lửa thiêng liêng trên hành tinh này. Vị **thiên sứ** đứng trước bàn thờ xông hương bằng vàng lấy lư hương, dời đi những hòn than ra khỏi bàn thờ, **dùng lửa nơi bàn thờ bỏ đầy vào**. Khi ấy, trong một hành động khiến cho Giăng phải choáng váng và đám đông tụ họp ở trên trời, vị thiên sứ **quăng xuống đất**. Kết quả thật là thảm khốc, khi sự phán xét của Đức Chúa Trời giăng xuống địa cầu giống như một quả cầu lửa khổng lồ xuống từ bầu trời.

Lấy lư hương, dùng lửa nơi bàn thờ bỏ đầy vào, thường gắn kết với những lời cầu nguyện của dân sự Chúa, ở đây trở thành một biểu tượng cho cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời. Hành động quăng xuống đất của vị thiên sứ tỏ ra rằng sự phán xét của Đức Chúa Trời sẽ đến trong đáp ứng trực tiếp với những lời cầu nguyện đó. Gia 5:16 lưu ý rằng **"người công bình lấy lòng sốt sắng cầu nguyện, thật có linh nghiệm nhiều"**. Tác động tích lũy của những lời cầu nguyện của vô số người công bình sẽ rất mạnh mẽ.

Những tác động trực tiếp của cơn bão lửa bùng phát trên đất là **sấm sét, các tiếng, chớp nhoáng và đất động** tương phản trực tiếp với sự im lặng (8:1). **Sấm sét, các tiếng và chớp nhoáng** được gắn với sự oai nghi đáng kinh của ngai vinh hiển Đức Chúa Trời ở 4:5; 11:19; 16:18 (đối chiếu Xu 19:16-19). Không một chi tiết nào được đưa ra về trận động đất, nhưng có lẽ ít nhất nó mạnh y như trận động đất được gắn với cái ấn thứ sáu (6:12). Và theo sau trận động đất sẽ xảy đến những nỗi kinh hoàng của những lần phán xét bằng tiếng loa và cái bát. Đến cuối những lần phán xét đó, sự phán xét tẩy sạch của Đức Chúa Trời về sự sáng tạo của Ngài sẽ được trọn vẹn.

Mặc dù hết thảy những sự phán xét rất kinh khiếp, là những thứ vào điểm này, mọi người sẽ công nhận là đến từ Đức Chúa Trời (6:15-17), và sự rao giảng Tin lành trên khắp thế gian (Mat 24:14) của 144.000 người và nhiều người khác nữa, người ta sẽ vẫn từ chối không chịu tin (đối chiếu 9:20-21; 16:9, 11). Dường như rất khó tin, sau khi đã kinh nghiệm qua cơn thanh nộ trong sự phán xét của Đức Chúa Trời và đã nghe sứ điệp nói tới ơn cứu rỗi, người ta vẫn bướng bỉnh bám lấy tội lỗi của họ. Nhưng sự thật đáng buồn, ấy là **"sự sáng đã đến thế gian, mà người ta ưa sự tối tăm hơn sự sáng, vì việc làm của họ là xấu xa. Bởi vì phạm ai làm ác thì ghét sự sáng và không đến cùng sự sáng, e rằng công việc của mình phải trách móc chẳng"** (Gi 3:19-20).

Thế gian vô tín đã chối bỏ Chúa Jêsus khi Ngài ngự đến, giờ đây thế gian ấy chối bỏ sứ điệp ban sự sống của Tin lành và sẽ tiếp tục chối bỏ lẽ thật ngay cả trong sự đổ ra cơn thanh nộ và sự phán xét của Đức Chúa Trời trong tương lai. "Vì nếu chúng ta đã nhận biết lẽ thật rồi, mà lại cố ý phạm tội, thì không còn có tể lễ chuộc tội nữa, nhưng chỉ có sự đợi chờ kinh khiếp về sự phán xét, và lửa hừng sẽ đốt cháy kẻ bội nghịch mà thôi" (He 10:26-27).

Nhưng về những người biết ăn năn tội lỗi của họ rồi đến với đức tin cứu rỗi nơi Đức Chúa Jêsus Christ, thì thực tại phước hạnh, ấy là "Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con Một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất, mà được sự sống đời đời", vì "ai tin Ngài thì chẳng bị đoán xét đâu" (Gi 3:16, 18; đối chiếu Gi 5:24; Ro 5:1; 8:1, 34).

Sự Huỷ Diệt Sinh Thái Của Địa Cầu: Bốn Tiếng Loa Đầu Tiên (Kh 8:6-13)

19

“Bảy vị thiên sứ cầm bảy ống loa bèn sửa soạn thổi. Vị thứ nhất thổi loa, thì có mưa đá và lửa pha với huyết bị quăng xuống đất. Một phần ba đất bị cháy, một phần ba loài cây bị cháy, và mọi giống cỏ xanh đều bị cháy. Vị thiên sứ thứ nhì thổi loa; bèn có một khối tựa như hòn núi lớn toàn bằng lửa bị ném xuống biển. Một phần ba biển biến ra huyết, một phần ba sanh vật trong biển chết hết, và một phần ba tàu bè cũng bị hủy hết. Vị thiên sứ thứ ba thổi loa, thì một ngôi sao lớn ở trên trời rơi xuống, cháy có ngọn như một bó đuốc; ngôi sao ấy rơi vào một phần ba các sông lớn và các suối nước. Tên ngôi sao đó là Ngải cứu, một phần ba nước biển ra như mùi ngải cứu, và làm chết mất nhiều người ta, vì đã biến thành ra đắng. Vị thiên sứ thứ tư thổi loa, thì một phần ba mặt trời bị hại, một phần ba mặt trăng và một phần ba các ngôi sao cũng vậy, hầu cho một phần ba các vì sáng ấy đều bị tối tăm, và hầu cho ban ngày mất một phần ba sáng, và ban đêm cũng vậy. Bấy giờ tôi nhìn xem, nghe chim phụng hoàng bay giữa trời, kêu tiếng lớn rằng: Khốn thay! Khốn thay! Khốn thay! cho những dân sự trên đất, vì có tiếng loa mà ba vị thiên sứ khác còn phải thổi nữa” (Kh 8:6-13)

Con người ngày nay rất quan tâm đến việc cứu vớt môi trường. Lo sợ về sự trống không của tầng ozone, sự ô nhiễm, sự huỷ diệt của mưa rừng, và sự ấm lên toàn cầu thường xuyên có mặt trên các trang tin tức. Có mối quan tâm sâu sắc đến việc giải cứu các loài đặc biệt đang ở trong chỗ nguy hiểm, đủ thứ từ cá voi cho đến loài cú đêm ở California, cùng hàng loạt các loài khác nữa ít ỏi hơn. Đối với nhiều người, bảo vệ môi trường đã trở thành mối quan tâm còn hơn cả y tế và an ninh; nó trở thành một nan đề của thờ lạy hình tượng, cũng như họ đang thờ lạy “Mẹ Thiên Nhiên” bằng cách lo bảo vệ và làm cho địa cầu được sống động.

Chẳng có một thách mắc nào khi con người sa ngã đã thất bại trong trách nhiệm chăm sóc đúng đắn sự sáng tạo của Đức Chúa Trời (đối chiếu Sa 2:15). Nhưng thiệt hại mà con người đã làm cho địa cầu trở nên mờ nhạt so với những gì Đức Chúa Trời sẽ làm cho nó một ngày kia. Những sự phán xét dữ dội trong kỳ đại nạn thuộc tương lai sẽ tàn phá hoàn toàn địa cầu, gây ra sự phá hủy môi trường rộng khắp, không thể tưởng tượng được. Cuối cùng, sau Thiên hi niên, Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt hoàn toàn [hay không dựng nên] trời và đất trong hiện tại (II Phi 3:10), và sau khi cả vũ trụ đã qua đi không còn tồn tại nữa, Ngài sẽ thay thế nó bằng một trời mới và đất mới (Kh 21:1...).

Có một ý nghĩa trong đó kỷ nguyên hiện tại là thời đại của con người; người được tự do làm những gì người muốn trong vòng những giới hạn nhất định. Đó cũng là thời của Sa-tan, trong đó **"chúa đời này"** (II Co 4:4) đã được cấp những quyền tự do nhất định trong các thông số dung chịu có chủ đích và trong sự tể trị của Đức Chúa Trời. Nhưng Đức Chúa Trời sẽ không cho phép hiện trạng của mọi vụ việc cứ tiếp tục mãi mãi đâu. Ngài sẽ kết thúc thời buổi của con người, lật đổ kẻ cai trị, là Sa-tan, huỷ diệt hệ thống gian ác cấp thế giới hiện nay rồi thiết lập vương quốc đời này của Đức Chúa Jêsu Christ. Thời điểm phán xét trong tương lai đã được biết đến, đúng là ngày của Đức Giê-hô-va (xem phần bình luận trong chương 15 của sách này). Ngày đó liên quan đến một sự đổi mới hoàn toàn vũ trụ và địa cầu bởi sự phán xét và phục hồi.

Khi thời điểm những sự phán xét bằng tiếng loa bắt đầu đến gần, thế gian đã kinh nghiệm rồi trong nhiều năm thực tại đáng sợ và bất an cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời. Khi thời kỳ đại nạn bảy năm mở ra, sẽ có chiến tranh, đói kém, dịch lệ, các trận động đất gây tàn phá, các thiên thể bốc cháy nổ tung vào trái

đất, và sự cai trị kinh khiếp rộng khắp của Anti-christ trên toàn thế giới. Nhưng những sự phán xét bằng tiếng loa thậm chí còn tồi tệ hơn nhiều.

Như đã lưu ý trong chương trước của tập sách này, 8:1 mô tả một đoạn ngắn, nửa giờ đồng hồ trên trời khi đáp lại việc mở cái ấn thứ bảy và sau cùng. Những sự phán xét bằng tiếng loa và cái bát thật khủng khiếp được chứa trong cái ấn thứ bảy, việc mở cái ấn thứ bảy ra gây choáng váng đạo binh thiên sứ trên trời và người được chuộc phải im lặng hết.

Sự im lặng nửa giờ đồng hồ đó chấm dứt một cách đột ngột khi vị thiên sứ đứng trước bàn thờ quăng cái lư hương xuống đất. Trận động đất thật mạnh là kết quả (8:5), là dấu hiệu cho **bảy vị thiên sứ cầm bảy ống loa bèn sửa soạn thổi**. Những sự phán xét hành loạt, các tiếng loa vang lên sẽ đập vào địa cầu và giống dân gian ác của nó khi họ bỏ ra khỏi những hang động và đá lớn, ở đó họ nỗ lực hư không trốn tránh cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời trong suốt cái ấn thứ 6 (6:15-17). Với suy nghĩ rằng mọi thứ đang trở lại bình thường, họ sẽ bị trúng đòn nặng nề với những kinh khiếp đáng sợ, với tốc độ thật nhanh, nối theo sau là những sự phán xét qua mấy cái bát. Những phán xét sau cùng này giống như những sự phán xét được duy trì cho đến khi đóng ấn 144.000 người (7:3).

Bốn tiếng loa đầu tiên được mô tả ngắn gọn và thẳng thắn theo tư thế phòng ngừa; có nhiều chi tiết được đưa ra về ba tiếng loa sau cùng. Bốn tiếng loa đầu tiên hết thảy đều được xử lý trực tiếp với địa cầu. Chúng không làm biểu tượng cho sự phán xét về chính trị, xã hội, hoặc kinh tế; những kiểu phán xét này đến sau trong sách Khải huyền. Chúng cũng không mô tả bất kỳ sự phán xét nào đã từng xảy ra trong lịch sử ở một số địa phương hoặc khu vực. Những sự phán xét bằng tiếng loa là các biến cố đích thực, theo nghĩa đen, về mặt vật chất sẽ tác động lên toàn bộ địa cầu. Đức Chúa Trời sẽ sử dụng thiên nhiên để trừng phạt hạng tội nhân trong ngày đó. Sự phá hủy từng phần được mô tả qua cách sử dụng hay lặp đi lặp lại cụm từ **"một phần ba"** ở mỗi lần trong bốn lần phán xét bằng tiếng loa đầu tiên cho thấy đây chẳng phải là những sự phán xét sau cùng.

TIẾNG LOA THỨ NHỨT

“Vị thứ nhất thổi loa, thì có mưa đá và lửa pha với huyết bị quăng xuống đất. Một phần ba đất bị cháy, một phần ba loài cây bị cháy, và mọi giống cỏ xanh đều bị cháy” (Kh 8:7)

Mưa đá thường được kết hợp trong Kinh thánh với sự phán xét thiêng liêng (Xu 9:13-25; Giop 38:22-23; Thi 105: 32; Es 28:2; Ag 2:17), giống như **lửa** (đôi chiếu Sa 19:24; Thi 11:6; Exe 38:22). Sự kết hợp của lửa pha với huyết là phần gợi nhớ đến Giô-ên 2:30, ở đây cũng mô tả Ngày của Đức Giê-hô-va. Nguyên nhân cụ thể của **mưa đá và lửa bị quăng xuống đất** không được tiết lộ, nhưng theo quan điểm khoa học, một trận động đất với cường độ và mức độ của trận động đất ở 8:5 có thể sẽ gây ra các vụ phun trào núi lửa trên khắp thế giới. Ngoài ra, việc phun ra một số lượng lớn dung nham đang cháy (bề ngoài giống như máu) vào trong bầu khí quyển, những rối loạn trong bầu khí quyển do vụ phun trào này gây ra có thể tạo ra những cơn bão dữ dội, gây ra mưa đá lớn. Những trận bão như thế sẽ phù hợp với hình ảnh 8:5; Tiến sĩ Henry Morris cho biết rằng **huyết** có thể là máu thực sự, hoặc Giăng đang sử dụng loại ngôn ngữ mô tả: "Khối lượng hơi nước thổi lên trời có thể tích tụ lại với cường độ cao như mưa đá. . . . Huyết của người ta và động vật bị mắc kẹt có thể trộn lẫn nhau lại, hoặc có thể là những giọt nước mưa bị nhiễm bụi và khí mang màu đỏ giống như máu" (The Revelation Record [Wheaton, Ill: Tyndale, 1983] 146).

Morris cũng đưa ra một giải thích khác cho hiện tượng bốc lửa:

Có khả năng đạo binh thiên sứ sẽ chuyển quỹ đạo của một trong nhiều sao chổi mà hệ mặt trời có rất nhiều để trái đất vượt qua cái đuôi của nó. Sao chổi ngoạn mục nhất mà chúng ta quen thuộc — là sao chổi Halley — sẽ không cần phải lệch quỹ đạo bình thường của nó để bao phủ địa cầu trong chuyến tàu lửa của nó. Cho dù một kinh nghiệm như vậy sẽ tạo ra hiện tượng được mô tả trong phân đoạn này mà chúng ta không biết, một khi các nhà khoa học của chúng ta chẳng có một dữ liệu thực nghiệm nào để tiếp tục. (Morris, *The Revelation record*, 146).

Bất kể lời giải thích khoa học nào, sự chết chóc tràn ngập này đã được Đức Chúa Trời quăng xuống đất với các tác dụng gây tàn phá. Kết quả gây sốc nhất là **một phần ba đất bị cháy**, khiến cho đất đai trồng trọt không còn sử dụng được nữa. Rồi **một phần ba loài cây bị cháy**, phá huỷ hoa quả trên khắp trái đất. Sau cùng **mọi giống cỏ xanh đều bị cháy**. Bình luận về sự khó khăn do sự huỷ diệt mọi sự gây ra, hơn là một phần ba giống cỏ xanh, Robert Thomas viết:

Điều này chỉ ra tình thế chẳng đáng dừng, vì cỏ vẫn còn tồn tại khi tiếng loa thứ năm thổi lên (9:4). Nhìn thấy điều này là chỗ không thống nhất được giữ lại để bảo vệ hiệu quả về mặt nghệ thuật là sai lầm khi chú giải Kinh Thánh . . . Hai sự xem xét giúp giải quyết tình huống khó xử. Thứ nhất, một khoảng trống thời gian tiếng loa thứ nhất và thứ năm cho phép thời gian cho cỏ tái mọc lại sau khi bị cháy, nhưng trước cuộc tấn công của tiếng loa thứ năm. Thứ hai, ở hầu hết các phần của địa cầu, cỏ không xanh quanh năm đâu, nhưng theo mùa. Việc cháy toàn bộ cỏ xanh trong một mùa đặc biệt phần còn lại không được đựng đến cho đến khi mùa tiềm sinh kết thúc. . . . trong trường hợp phần bị tác động là một phần ba hoặc một số phần trăm khác, mà câu Kinh Thánh không nói đến. Phần mô tả chỉ đơn thuần nói rằng "mọi" giống nào màu xanh vào thời điểm có dịch lệ. Một trong hai cách giải thích này cho phép dùng "mọi" theo nghĩa đen của nó mà không có mâu thuẫn với 9:4. (*Revelation 8–22: An Exegetical Commentary* [Chicago: Moody, 1995], 17–18).

Lửa giáng xuống từ bầu trời đã khiến cho tàn tích bị cháy 1/3 thảm thực vật và rừng của địa cầu (Xu 9:25, ở đây ghi lại sự huỷ diệt rau cỏ ở Ai Cập).

Tác động của những vụ cháy thảm khốc như vậy sẽ lan rộng và tàn phá, bao gồm sự phá huỷ mùa màng, sự chết của động vật trên quy mô lớn, không còn gỗ để xây dựng, và huỷ hoại các lưu vực sông ngòi. Đó là một sự phán xét thích ứng cho những ai **"đổi lẽ thật Đức Chúa Trời lấy sự dối trá, kính thờ và hầu việc loài chịu dựng nên thế cho Đấng dựng nên"** (Rô-ma 1:25). Nhân loại sa ngã đã thất bại không nhận ra và tôn vinh Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa, thay vì thế họ chọn làm một vị thần làm bằng đất. Nhưng hệ thần học tiến hóa về môi trường làm sai lệch con người, nâng cao động thực vật, và bất chấp Đấng Tạo Hóa sẽ bị xét đoán thật nặng nề. "Ngày Địa Cầu" năm đó sẽ là một vụ việc ảm đạm và rủi ro; trong một thế giới bị tàn phá và hành hại sẽ không còn nhiều môi trường để chúc mừng nữa. Và những sự phán xét tội tệ hơn vẫn còn giáng xuống.

TIẾNG LOA THỨ NHỊ

"Vị thiên sứ thứ nhì thổi loa; bèn có một khối tựa như hòn núi lớn toàn bằng lửa bị ném xuống biển. Một phần ba biển biến ra huyết, một phần ba sanh vật trong biển chết hết, và một phần ba tàu bè cũng bị huỷ hết" (Kh 8:8-9)

Trong khi dân số của trái đất vẫn đang cố gắng phục hồi từ ngọn lửa tàn phá giáng xuống, Giăng đã nhìn thấy một dấu hiệu diệt vong đáng sợ xuất hiện trên bầu trời. **Vị thiên sứ thứ nhì thổi loa; bèn có một khối tựa như hòn núi lớn toàn bằng lửa bị ném xuống biển**. Sự phán xét của tiếng loa thứ nhì đã giáng xuống đất, sự phán xét của tiếng loa thứ nhì giáng trên biển. Đức Chúa Trời đã dựng nên biển để làm một nguồn phước cho nhân loại, cung ứng lương thực, oxy (phần lớn khí oxy của Địa Cầu đến từ thực vật nổi và tảo trong các đại dương của thế giới), và nước từ những trận giông bão trên đất nguyên được nhóm lại bằng cách bốc hơi từ các đại dương. Nhưng con người đã báo trả sự tiếp trợ giàu ơn của Đức Chúa Trời với sự vô ơn và thờ lạy hình tượng, tôn kính biển như là nguồn giả định của các tổ phụ họ đã được tiến hóa. Khi Ngài tàn phá môi trường đất đai, Đức Chúa Trời chơn thật đang phán xét biển cả.

Vật thể khổng lồ lao qua bầu trời mà những người quan sát với sự khủng khiếp trên đất **tựa như hòn núi lớn toàn bằng lửa**. Rõ ràng đây là một thiên thạch hoặc tiểu hành tinh khổng lồ, được bao quanh bởi các loại khí gây cháy bùng nổ bởi sự ma sát của khí quyển trái đất, trên đường va chạm với địa cầu. Các kịch bản ngày tận thế hiện có về một tiểu hành tinh chạm vào địa cầu sẽ trở thành sự thật với một sự báo thù. Mọi người sẽ nhìn thấy nó, dù sống động hay trên truyền hình, và khi kính thiên văn của thế gian nhìn thấy nó đang tới đến, nhiều dự đoán chắc chắn về việc nó co va chạm vào địa cầu hay là không! Nó sẽ va chạm, đánh vào nơi nào đó trên các đại dương của thế gian với một sức mạnh gây bùng nổ lớn hơn nhiều so với một quả bom

nguyên tử. Bởi vì tất cả các đại dương trên thế gian được nối liền, sự tàn phá từ sự va chạm này sẽ lan rộng khắp 1/3 vùng biển, khiến cho **1/3 biển biến ra huyết**.

Ba hiệu ứng thảm khốc về mặt siêu nhiên đã được ấn định, kết quả từ vụ va chạm: **một phần ba biển biến ra huyết**, như một kết quả của hiệu ứng đó **một phần ba sanh vật trong biển chết hết**. Giống như với tiếng loa thứ nhứt, thật là khó nói không biết **huyết** có phải là sự trầm tích kỳ diệu của máu thực hay không!?! Có lẽ là như thế, cái chết của hàng tỉ vô số các sinh vật biển như **một phần ba sanh vật trong biển chết hết**, chắc chắn có thể tính đến màu đỏ của nước. (Đây là sự gợi nhớ trận dịch trong đó nước của sông Ni-lơ biến thành huyết, Xu 7:20-21; đối chiếu So 1:3). Màu đỏ của mặt trời chiếu xuyên qua đám khói từ vụ va chạm cũng có thể làm cho bề mặt đại dương có bộ dạng giống như huyết.

Cái chạm này cũng sẽ tạo ra sóng thần khổng lồ không thể tưởng được (sóng thủy triều). Những làn sóng khổng lồ này sẽ phá hủy **một phần ba tàu bè** trên các đại dương của thế giới, lật đổ những chiếc tàu đi biển khổng lồ cùng các hải cảng. Sự phá vỡ giao dịch thương mại và giao thông sẽ gây ra những sự hỗn loạn về kinh tế.

Thế là hai tiếng loa đầu tiên sẽ mang lại sự phán xét gây tàn phá đối với cả đất và biển, vốn là khởi điểm của những thảm họa sau cùng mà Đức Chúa Trời sẽ thả ra giáng trên thế gian tội lỗi, loạn nghịch.

TIẾNG LOA THỨ BA

“Vị thiên sứ thứ ba thổi loa, thì một ngôi sao lớn ở trên trời rơi xuống, cháy có ngọn như một bó đuốc; ngôi sao ấy rơi vào một phần ba các sông lớn và các suối nước. Tên ngôi sao đó là Ngải cứu, một phần ba nước biển ra như mùi ngải cứu, và làm chết mất nhiều người ta, vì đã biến thành ra đắng” (Kh 8:10-11)

Khi **vị thiên sứ thứ ba thổi loa**, một vật thể khác đang cháy rớt xuống đất. Giảng mô tả vật thể mới nhất này là **“những điềm lạ kinh khiếp và dấu lớn ở trên trời”** (Lu 21:11) là **một ngôi sao lớn ở trên trời rơi xuống**. Aster (sao) có thể nói tới bất kỳ thiên thể nào khác hơn mặt trời và mặt trăng. Vật thể khổng lồ rơi xuống đại dương vẫn còn nguyên vẹn, nhưng vật thể này (có thể là sao chổi hoặc thiên thạch vì **cháy có ngọn như một bó đuốc**) tan rã khi nó chạm đến khí quyển của Địa Cầu. Sự thực cho thấy rằng nó được mô tả như **cháy có ngọn như một bó đuốc** hỗ trợ việc diễn giải đó, một khi lampas (đuốc) đã được sử dụng trong thời cổ đại để mô tả thiên thạch và sao chổi. Những mảnh vụn của vật thể thiên thạch đó **rơi vào một phần ba các sông lớn và các suối nước**, gây ô nhiễm vùng nước sạch quanh địa cầu. Điều này cũng là một sự gợi nhớ lại việc gây ô nhiễm nguồn nước uống của người Ai-cập (Xu 7:21, 24).

Vì có ảnh hưởng gây chết chóc của nó, **ngôi sao** sẽ được gọi là **Ngải Cứu**, mặc dù phân đoạn Kinh Thánh không tỏ ra ai sẽ đặt tên cho nó. **Ngải cứu** dịch chữ apsinthos, một từ chỉ được sử dụng ở đây trong Tân Ước. **Ngải cứu** là bụi cây có lá được sử dụng trong sản xuất chất absinthe, một loại rượu có mùi độc hại đến mức sản xuất của nó bị cấm ở nhiều nước. **Ngải cứu** được nhắc tới tám lần trong Cựu Ước, ở đó nó được kết với sự cay đắng, độc tố và sự chết (Phu 29:18; Ch 5:4; Gie 9:15; 23:15; Ca 3:15, 19; Am 5:7; 6:12). Trong ba công dụng trên, ngải cứu đã được kết nối với nước bị nhiễm độc. Thí dụ, trong Gie 9:15, Đức Chúa Trời phán về Israel loạn nghịch: **“Này, ta sẽ cho dân này ăn ngải cứu, và cho uống mật đắng”** (đối chiếu Gie 23:15; Ca 3:15).

Bất kể chất độc được tiêu biểu bởi danh xưng Ngải Cứu có là gì đi nữa, nó gây chết người, một khi **một phần ba nước biển ra như mùi ngải cứu**. Đây là điều ngược lại của phép lạ ở Ma-ra, ở đó Đức Giê-hô-va biến nước đắng ra ngọt ngào (Xu 15:25). Đây cũng là một sự gợi nhớ đến dịch lệ thứ nhứt ở Ai-cập, khi **“hết thủy nước sông bèn hóa thành huyết”** (Xu 7:20) và không còn uống được nữa. Khuôn mẫu sự huỷ diệt “một phần ba” được lặp đi lặp lại (một phần ba đất và cây cối bị cháy, câu 7, một phần ba các sinh vật biển bị giết biến thành huyết, câu 8, một phần ba các sinh vật biển bị giết và một- một phần ba tàu bè bị phá hủy, câu 9) cho thấy rõ ràng rằng đây không phải là các sự kiện thiên nhiên ngẫu nhiên mà là những sự phán xét thiêng liêng.

Không có cái chết nào của con người được nhắc đến với sự phán xét của hai tiếng loa đầu tiên, mặc dù chắc chắn họ sẽ gánh chịu một lượng lớn sinh mạng của con người. Nhưng với sự phán xét bằng tiếng loa thứ ba, Giăng ghi lại rằng **vì nước biển ra đắng, làm chết mất nhiều người ta**. Các dòng sông sẽ chảy với chất độc gây chết người; những cái giếng sẽ trở thành dòng nước của sự chết; các hồ và hồ chứa sẽ chứa đầy thứ nước độc hại. Con người sẽ có thể sống sót, trong một thời gian, sự hủy hoại của nguồn cung cấp lương thực do các sự phán xét bằng hai tiếng loa đầu tiên, sống dựa trên các thứ dự trữ. Nhưng người ta không thể sống sót lâu nếu không có nước uống, và việc mất đi một phần quan trọng lượng nước ngọt của thế giới sẽ gây ra cái chết lan rộng.

Sự tàn phá do các sự phán xét bằng ba tiếng loa thứ nhứt sẽ để cho các cư dân trên đất sống trong một trạng thái bị sốc và sợ hãi. Tuy vậy, Đức Chúa Trời vẫn chưa hoàn tất việc đổ ra cơn thịnh nộ của Ngài giáng trên con người tội lỗi. Sự chết của **nhiều người** chỉ là kết quả gián tiếp của ba vụ nổ đầu tiên này. Việc giết chết trực tiếp hàng tội nhân đến với tiếng loa thứ sáu (9:15).

TIẾNG LOA THỨ TƯ

“Vị thiên sứ thứ tư thổi loa, thì một phần ba mặt trời bị hại, một phần ba mặt trăng và một phần ba các ngôi sao cũng vậy, hầu cho một phần ba các vì sáng ấy đều bị tối tăm, và hầu cho ban ngày mất một phần ba sáng, và ban đêm cũng vậy. Bấy giờ tôi nhìn xem, nghe chim phụng hoàng bay giữa trời, kêu tiếng lớn rằng: Khốn thay! Khốn thay! Khốn thay! cho những dân sự trên đất, vì có tiếng loa mà ba vị thiên sứ khác còn phải thổi nữa” (Kh 8:12-13)

Khi **vị thiên sứ thứ tư thổi loa**, mục tiêu của sự phán xét thiêng liêng chuyển từ đất lên các tầng trời. Vẫn còn lác lác trước những ảnh hưởng của ba sự phán xét đầu tiên về sinh thái, mọi người sẽ tuyệt vọng tìm kiếm câu trả lời cho cuộc khủng hoảng. Chắc chắn sẽ có những cuộc hội thảo, hội nghị, các phiên họp khẩn cấp của Liên hợp quốc, các cuộc thảo luận giữa các nhà khoa học — tất cả đều tuyệt vọng và tìm cách ứng phó với những thiệt hại đối với hệ sinh thái của địa cầu.

Ở giữa mọi hoạt động loạn đã ấy, thì có một tai vạ mới trên bầu trời, khi **một phần ba mặt trời bị hại, một phần ba mặt trăng và một phần ba các ngôi sao cũng vậy**. Plēssō (**bị hại**) là động từ mà từ đó danh từ "dịch lệ" (các câu 11:6; 16:21) mới có. Các thiên thể trên trời bị hại bởi dịch lệ của Đức Chúa Trời **hầu cho một phần ba các vì sáng ấy đều bị tối tăm, và hầu cho ban ngày mất một phần ba sáng, và ban đêm cũng vậy**. Sự nhật thực một phần này, gợi nhớ lại dịch lệ thứ chín của người Ai-cập, là tạm thời, vì Đức Chúa Trời sau đó sẽ tăng nhiệt lượng đến từ mặt trời (đối chiếu 16:8-9). Tuy nhiên, vào thời điểm này, sự mất nhiệt từ mặt trời sẽ làm cho nhiệt độ giảm mạnh trên khắp thế giới. Điều này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến các khuôn mẫu thời tiết của địa cầu và thủy triều trên các đại dương, dẫn đến giông bão bất ổn, không lường được nữa, sự tàn phá mùa màng, và sự mất mát các loài động vật và sinh mạng con người.

Các tiên tri trong Cựu Ước đã kết các dấu hiệu này trên các tầng trời với Ngày của Đức Giê-hô-va. Ê-sai chép: “Này, ngày Đức Giê-hô-va đến, là ngày hung dữ, có sự thịnh nộ và nóng giận để làm đất này nên hoang vu, và diệt những kẻ có tội khỏi đó. Vì các ngôi sao và các đám sao trên trời sẽ chẳng chiếu sáng nữa; mặt trời mọc lên thì mờ tối, mặt trăng không soi sáng đâu” (Es 13:9-10). Phán qua tiên tri Ê-x-ê-chi-ên, Đức Chúa Trời tuyên bố: “Khi ta giập tắt người, thì ta sẽ che các tầng trời và làm tối các ngôi sao; dùng mây bao bọc mặt trời, và mặt trăng sẽ không chiếu sáng nữa. Ta sẽ làm cho tối tăm trên người mọi sự sáng láng trên trời, và ta sẽ bủa sự mờ mịt ra trên đất người, Chúa Giê-hô-va phán vậy” (Exe 32:7-8). Giô-ên viết: “Đất run rẩy, trước mặt chúng nó, các tầng trời rung rinh mặt trời mặt trăng đều tối tăm, các ngôi sao thấu sự sáng lại ... Mặt trời sẽ đổi ra tối tăm, mặt trăng ra máu, trước khi ngày lớn và kinh khiếp của Đức Giê-hô-va chưa đến...

... Mặt trời và mặt trăng tối tăm, các ngôi sao thấu sự sáng lại” (Gio 2:10, 31; 3:15). “Chúa Giê-hô-va phán: Sẽ xảy ra trong ngày đó, ta sẽ khiến mặt trời lặn đi trong lúc giữa trưa, và khiến đất tối tăm trong giữa ban ngày” (Am 8:9). Đức Chúa Jêsu Christ thêm lời dự ngôn của Ngài vào lời dự ngôn của các

tiên tri, cảnh báo: “Sẽ có các điềm lạ trong mặt trời, mặt trăng, cùng các ngôi sao” (Lu 21:25; đối chiếu Mác 13:24).

Sự mờ dần của ánh sáng đề ra bối cảnh cho một thông báo gây sửng sốt và đáng ngại. Khi Giảng nhìn xem, ông nghe chim phụng hoàng bay giữa trời, kêu tiếng lớn rằng: **Khốn thay! Khốn thay! Khốn thay!** cho những dân sự trên đất, vì có tiếng loa mà ba vị thiên sứ khác còn phải thổi nữa. Đây là hình ảnh của một con chim săn mồi mạnh sức lao vào tiêu nuốt nạn nhân của nó, trong trường hợp này đề cập đến cách tiếp cận nhanh chóng sự trả thù sau cùng của Đức Chúa Trời (đối chiếu Phu 28:49; Os 8:1; Ha 1:8). Được mô tả trong sự mặc thị là đang **bay giữa trời**, con chim sẽ ở độ cao của mặt trời lúc giữa trưa, nhờ thế có thể nhìn thấy mọi sự. Giọng nói lớn tiếng của ông bảo đảm ai nấy đều có thể nghe thấy những lời tuyên bố của ông. Cảnh báo nguy hiểm chim phụng hoàng, ấy là ba sự phán xét của ba tiếng loa sau cùng thậm chí sẽ còn tàn phá hơn cả bốn tiếng loa đầu tiên.

Trong khi những tai vạ kép được sử dụng để nhấn mạnh (đối chiếu 18:10, 16, 19; Exe 16:23), lời tuyên bố ba lần của chim phụng hoàng **Khốn thay! Khốn thay! Khốn thay!** giới thiệu một lời đe dọa cho mỗi tiếng loa trong ba tiếng loa còn lại **sẽ thổi lên** (9:1–21; 11:15...). **Khốn thay** được sử dụng trong khắp Kinh Thánh, là một biểu hiện của sự phán xét, hủy diệt và lên án (đối chiếu Dan 21:29; Isa 4:7–8; Giop 10:15; Thi 120:5; Tr 10:16; Es 3:9; Gie 4:13; Ca 5:16; Exe 13:3; Os 7:13; Am 6:1; Mi 2:1; Na 3:1; Ha 2:6; So 2:5; Mat 11:21; Giu 1:11).

Con thành nộ và sự phán xét của Đức Chúa Trời sẽ giáng trên **những dân sự trên đất**. Cụm từ mang tính mô tả đó được sử dụng trong sách Khải huyền như một thuật ngữ nói tới những kẻ chối bỏ Tin lành (đối chiếu 6:10; 11:10; 13:8, 12, 14; 17:2, 8). Mặc dù họ sẽ công nhận rằng các tai vạ mà họ đã kinh nghiệm đều đã đến từ Đức Chúa Trời (6:15–17), họ sẽ không chịu ăn năn. Sau đó, trong sách Khải huyền Giảng ghi lại rằng “**còn những người sót lại, chưa bị các tai nạn đó giết đi, vẫn không ăn năn những công việc bởi tay chúng nó làm cứ thờ lạy ma quỷ cùng thần tượng bằng vàng, bạc, đồng, sắt và gỗ, là những tượng không thấy, không nghe, không đi được. Chúng nó cũng không ăn năn những tội giết người, tà thuật, gian dâm, trộm cướp của mình nữa**” (9:20–21; đối chiếu 16:9, 11). Họ sẽ bị huỷ diệt vì họ thất bại không nghe theo lời cảnh báo của Đức Chúa Trời phán cùng hết thảy những tội nhân: “Cho nên, như Đức Thánh Linh phán rằng: Ngày nay nếu các ngươi nghe tiếng Ngài, thì chớ cứng lòng” (He 3:7–8).

Địa Ngục Trên Đất: Tiếng Loa Thứ Năm (Kh 9:1-12)

20

Vị thiên sứ thứ năm thổi loa, thì tôi thấy một ngôi sao từ trời rơi xuống đất, và được ban cho chìa khóa của vực sâu không đáy. Ngôi sao ấy mở vực sâu không đáy ra, có một luồng khói dưới vực bay lên, như khói của lò lửa lớn; mặt trời và không khí đều bị tối tăm bởi luồng khói của vực. Từ luồng khói ấy, có những châu chấu bay ra rải trên mặt đất; và có kẻ ban cho chúng nó quyền giống như bộ cạp ở đất vậy. Có lời truyền cho chúng nó chớ làm hại loài cỏ ở đất, thứ xanh và cây cối nào, nhưng chỉ làm hại những người không có ấn Đức Chúa Trời ở trên trán. Lại cho chúng nó phép, không phải là giết, nhưng là làm khổ những người đó trong năm tháng, và sự làm khổ ấy giống như sự làm khổ khi bộ cạp cắn người ta. Trong những ngày đó, người ta sẽ tìm sự chết, mà không tìm được; họ sẽ ước ao chết đi mà sự chết tránh xa. Những châu chấu đó giống như những ngựa sấm sấn để đem ra chiến trận: trên đầu nó có như mào triều thiên tợ hồ bằng vàng, và mặt nó như mặt người ta; nó có tóc giống tóc đàn bà, và răng nó như răng sư tử. Nó có giáp như giáp bằng sắt; và tiếng cánh nó như tiếng của nhiều xe có nhiều ngựa kéo chạy ra nơi chiến trường. Đuôi nó có nọc, như bộ cạp, ấy bởi trong những đuôi đó mà chúng nó có quyền hại người ta trong năm tháng. Nó có vua đứng đầu, là sứ giả của vực sâu, tiếng Hê-bơ-rơ gọi là A-ba-đôn, tiếng Gờ-réc là A-bô-ly-ôn. Nạn thứ nhất đã qua; nay còn hai nạn nữa đến sau nó. (Kh 9:1-12)

Bởi vì thể giới của chúng ta là nhà hát mà ở đó diễn ra câu chuyện cứu chuộc vinh hiển, tôn vinh danh Đức Chúa Trời, Sa-tan cùng các sứ nó đã tấn công dòng giống con người, biến trái đất thành bãi chiến trường chính trong cuộc chiến tranh vũ trụ nghịch cùng Đức Chúa Trời, các thiên sứ thánh, và người được chọn. Sa-tan đã phát động cuộc tấn công đầu tiên trong Vườn Ê-đen, ở đó hắn đã cám dỗ thành công A-đam và Ê-va phải bất tuân Đức Chúa Trời. Những hậu quả thảm khốc, ấy là “tội lỗi vào trong thế gian, lại bởi tội lỗi mà có sự chết, thì sự chết đã trải qua trên hết thảy mọi người như vậy, vì mọi người đều phạm tội” (Ro 5:12).

Sau Sự Sa Ngã, Đức Chúa Trời đã giàu ơn hứa ban một Đấng Cứu Thế, Ngài sẽ đến để tiêu diệt Sa-tan và giải phóng con người khỏi quyền lực của hắn (Sa 3:15). Sa-tan đã chống lại bằng cách sai ma quỷ đến sống chung với phụ nữ, với nỗ lực tạo ra dòng giống nửa quỷ nửa người mà Người-Trời không thể chuộc được (Sa 6:1-4). Đáp lại, Đức Chúa Trời đã hủy diệt dòng giống ấy và toàn thể giới tội lỗi này trong sự phán xét mạnh mẽ của Nạn Lụt trên toàn cầu — thảm họa lớn lao nhất mà địa cầu đã từng xem thấy.

Sự hành hại của Sa-tan đối với Gióp công bình cho thấy sự hận thù của hắn đối với người tin kính. Sa-tan tìm cách hủy diệt đức tin của Gióp — để đưa ông từ vương quốc của Đức Chúa Trời về lại với nước tối tăm của hắn. Với sự cho phép của Đức Chúa Trời, Sa-tan đã phá hủy tài sản của Gióp, giết chết con cái của ông, và hủy hoại sức khỏe của ông. Gióp đã bị bỏ lại với một người vợ cay đắng (Gióp 2:9), những người bạn mà sự mưu luận của họ đã khiến ông bị mất tập trung, và nhiều câu hỏi chưa được giải đáp về lý do tại sao Đức Chúa Trời lại để cho ông phải chịu khổ. Nhưng Gióp vẫn trung thành với Đức Chúa Trời, minh chứng rằng đức tin cứu rỗi là vĩnh cửu và Đức Chúa Trời gìn giữ kẻ thuộc về Ngài, để rồi đến cuối cùng Đức Chúa Trời được biện minh, và nỗ lực của Sa-tan hòng tiêu diệt đức tin của Gióp, giống như nỗ lực ấy đã làm với bất kỳ tín đồ nào

khác, không thành công. Như hấn đã làm với Gióp, Sa-tan liên tục cáo giác những người tin Chúa trước mặt Đức Chúa Trời (12:10, đối chiếu Xa 3:1).

Không một quốc gia nào đã trải qua nhiều cuộc tấn công của Sa-tan hơn Israel. Hấn luôn có một sự hận thù đặc biệt đối với tuyển dân của Đức Chúa Trời: "là dân sanh hạ bởi các tổ phụ, và theo phần xác, bởi dân ấy sanh ra Đấng Christ" (Ro 9:5). I Sứ ký 21 ghi lại một trong các cuộc tấn công của hấn: "Sa-tan dấy lên muốn làm hại cho Y-sơ-ra-ên, bèn giục Đa-vít lấy số Y-sơ-ra-ên ... Điều đó chẳng đẹp lòng Đức Chúa Trời; nên Ngài hành hại Y-sơ-ra-ên" (các câu 1, 7). Sự trừng phạt của Đức Chúa Trời mang hình thức một trận dịch lệ, trong đó có bảy mươi ngàn người Israel bị chết mất (câu 14). Trong suốt lịch sử, Sa-tan đã dụ dỗ Israel và Giuđa vào sự thờ lạy hình tượng, phi đạo đức và bất tuân đối với luật pháp của Đức Chúa Trời. Kết quả là, Đức Chúa Trời đã đem sự phán xét giáng trên dân sự của Ngài, đưa họ vào cuộc phu tù trong xứ A-si-ri và Ba-by-lôn. Vào kỳ đại nạn trong tương lai, một lần nữa Sa-tan sẽ nỗ lực tiêu diệt dân tuyển đó (12:1-6, 13-17).

Từ đầu đến cuối chức vụ trên đất của Chúa Jê-sus, Sa-tan đã hết sức chiến đấu với con giận dữ cùng kiệt của mình để chống lại Đức Chúa Jê-sus Christ. Hấn đã cám dỗ Đấng Christ trong bốn mươi ngày vào thời điểm Ngài bắt đầu chức vụ, rồi tìm cách gạt Ngài qua một bên khỏi công việc mà Cha Ngài đã sai đến để lo hoàn thành (Mat 4:1-11). Một cuộc chiến lâu dài và không ngừng nghỉ diễn ra chống lại Chúa Jê-sus bởi các cấp lãnh đạo Do-thái, Ngài đã xác định họ thuộc về gia tộc ma quỷ (Gi 8:44). Sa-tan không bao giờ ngừng nỗ lực đó, thậm chí cố gắng sử dụng những người thân thiết với Chúa Jê-sus chống lại Ngài (Mac 8: 32-33). Sa-tan đã cố gắng hủy diệt đức tin của cấp lãnh đạo hàng sứ đồ, là Phi-e-rơ, đòi hỏi từ Đức Chúa Trời cơ hội thử thách ông theo cách nặng nề (Lu 22: 31-32) với dự tính phá hủy đức tin của ông (như hấn đã cố gắng không thành công khi thực hiện với Gióp). Thử nghiệm được Đức Chúa Trời cho phép và rất là nặng nề. Thử thách ấy đã khiến Phi-e-rơ phải sợ hãi và chối Chúa ba lần (Lu 22: 34, 54-61), song Phi-e-rơ đã ăn năn (Lu 22:62) và được phục hồi (Gi 21:15-23) để trở thành nhà truyền giáo lỗi lạc trong ngày Lễ Ngũ Tuần (Cong 2:14 ...). Ở phần kết chức vụ của Chúa Jê-sus: "Và, quí Sa-tan ám vào Giu-đa, gọi là Ích-ca-ri-ôt, là người trong số mười hai sứ đồ" (Lu 22:3), ông ta đã nộp Đấng Christ vào tay những kẻ giết Ngài.

Hội thánh cũng là một mục tiêu đặc biệt cho cuộc tấn công của Sa-tan. Không lâu sau khi thành lập Hội thánh, chính Sa-tan đã thúc giục A-na-nia và vợ là Sa-phia-ra làm đòi bại Hội thánh bằng cách nói dối với Đức Thánh Linh (Cong 5:3). Sự nỗ lực ngu xuẩn, tội lỗi và đạo đức giả của cặp vợ chồng này muốn gây ấn tượng với những người khác với tình trạng thuộc linh của họ đã kết thúc khi Đức Chúa Trời khiến họ phải ngã chết trước mặt cả hội chúng (Cong 5:5-11). Sa-tan cũng đánh trận với sứ đồ Phao-lô, ngăn trở ông đến thăm Hội thánh Tê-sa-lô-ni-ca (ITe 2:18) và hành hạ ông bằng "một cái giẻ xóc vào thịt tôi, tức là quí sứ của Sa-tan" (IICo 12:7). Sa-tan cũng tấn công Hội thánh bằng cách đưa những người không tin Chúa vào đó, trộn lẫn cỏ lùng của hấn vào lúa mì của Đức Chúa Trời (Mat 13:38-39), làm mù quáng lý trí những kẻ chưa tin Chúa để họ chối bỏ Tin lành (IICo 4:4; đối chiếu Lu 8:12), và tìm cách áp đảo các tín hữu sự cám dỗ, bắt bớ và ngã lòng (IPhi 5:8). Đức Chúa Trời tể trị cho phép và giám sát mọi cuộc tấn công của Sa-tan và hoàn thành các mục đích của Ngài bất chấp chúng và qua chúng. Sa-tan là tội tớ của Đức Chúa Trời.

Trong tương lai, Sa-tan sẽ phục vụ mục đích của Đức Chúa Trời bằng cách được phép mở ra một cuộc tấn công gây chết chóc khác chống lại dòng giống con người. Cuộc tấn công đó sẽ đến khi tiếng loa thứ năm trời lên, suốt thời điểm phán xét của Đức Chúa Trời trong kỳ Đại Nạn (7:14). Trong hàng ngàn năm, thiên đàng đã công bố sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (đối chiếu Thi 19:1-2), nhưng trong tương lai họ sẽ công bố ra con thành nô của Ngài. Những sự phán xét qua bốn tiếng loa đầu tiên hết thảy sẽ liên quan đến các vật thể từ bầu trời bay xuống vào địa cầu, hoặc, trong trường hợp tiếng loa thứ tư, tự các thiên thể sẽ bị tác động (8:7-12).

Trong khi sự hủy diệt gây ra bởi bốn sự phán xét đầu tiên bằng tiếng loa sẽ rất là thảm khốc, còn lại ba tiếng loa sẽ còn tồi tệ hơn nhiều. Đó là sứ điệp được đưa ra bởi "chim phụng hoàng bay giữa trời" (8:13). Nó phát ra một sứ điệp ba lần về khốn khổ (mỗi sứ điệp cho từng tiếng loa trong ba tiếng loa sau cùng) giáng trên "dân sự trên đất" (8:13) — một thuật ngữ trong sách Khải huyền cho hạng người chưa được tái sanh (đối chiếu 6:10; 11:10; 13:8, 12, 14; 14:6; 17:2, 8) — vì những sự kinh hoàng mà những sự phán xét bằng ba tiếng loa sau cùng sẽ được thả ra. Sứ điệp của chim phụng hoàng sẽ cung ứng cho mọi người cơ hội cuối cùng để ăn năn trước thời điểm sự phán xét thiêng liêng đạt đến đỉnh cao của nó trong ba vụ bùng nổ sau cùng của

con thanh nô thánh của Đức Chúa Trời. Thật vậy, có vẻ như những kẻ đã ném trái sự phán xét của tiếng loa thứ năm không chịu ăn năn có thể được khẳng định trong tình trạng không ăn năn của họ (đối chiếu 9:20-21; 16:9, 11).

Từng sự phán xét trong bốn tiếng loa đầu tiên đều tác động đến vũ trụ vật chất theo một cách thức nào đó, nhưng với tiếng loa thứ năm, mục tiêu sẽ chuyển từ lãnh vực thuộc thể sang lãnh vực thuộc linh. Những sự kiện chấn thương kết hợp với sự mặc thị ở tiếng loa thứ năm được mở ra trong bốn bối cảnh: vực sâu không đáy, quyền phép được bung ra, bộ dạng được tỏ ra, và nhà vua lộ diện.

VỰC SÂU KHÔNG ĐÁY

Vị thiên sứ thứ năm thổi loa, thì tôi thấy một ngôi sao từ trời rơi xuống đất, và được ban cho chìa khóa của vực sâu không đáy. Ngôi sao ấy mở vực sâu không đáy ra, có một luồng khói dưới vực bay lên, như khói của lò lửa lớn; mặt trời và không khí đều bị tối tăm bởi luồng khói của vực. (Kh 9:1-2)

Khi vị thiên sứ **thứ năm thổi loa**, Giăng **thấy một ngôi sao từ trời rơi xuống đất**. Trong sự mặc thị của ông, vị sứ đồ đã thấy rồi một số thiên thể lao xuống địa cầu (đối chiếu 6:13; 8:8, 10). Tuy nhiên, không giống như chúng, **ngôi sao** này không phải là một mảnh vật chất trong vũ trụ, mà là một hữu thể thiên sứ (đối chiếu Giop 38:7). Hẳn được truyền cho **từ trời rơi xuống đất** cho thấy đây là một tham khảo đến Sa-tan — là thiên sứ lãnh đạo của tất cả các thiên sứ sa ngã. Es 14:12-15 mô tả sự sa ngã của thiên sứ này:

Hỡi sao mai, con trai của sáng sớm kia, sao ngươi từ trời sa xuống! Hỡi kẻ giày đạp các nước kia, ngươi bị chặt xuống đất là thể nào! Ngươi vẫn bụng bảo dạ rằng: Ta sẽ lên trời, sẽ nhắc ngai ta lên trên các ngôi sao Đức Chúa Trời. Ta sẽ ngồi trên núi hội về cuối cùng phương bắc. Ta sẽ lên trên cao những đám mây, làm ra mình bằng Đấng Rất Cao. Nhưng ngươi phải xuống nơi âm phủ, sa vào nơi vực thẳm! (đối chiếu Exe 28:12-16; Lu 10:18)

Sự sa ngã của Sa-tan được mô tả ở 9:1 chưa phải là sự loạn nghịch gốc của hắn. Mặc dù hắn cùng các thiên sứ nào cùng sa ngã với hắn (đối chiếu 12:4) đều bị trục xuất ra khỏi thiên đàng, Sa-tan còn giữ được quyền tiếp cận sự hiện diện của Đức Chúa Trời, ở đó hắn thường xuyên cáo buộc những người tin Chúa (12:10; Giop 1:6). Nhưng trong suốt kỳ Đại nạn, hắn cùng các sứ hèn sẽ đánh trận không thành công với thiên sứ Mi-ca-ên và các thiên sứ thánh. Như một kết quả thất bại của họ, họ sẽ thường xuyên bị quăng xuống đất. Kh 12:7-9 mô tả bối cảnh chiến trận đó:

Bấy giờ có một cuộc chiến đấu trên trời: Mi-chen và các sứ người tranh chiến cùng con rồng, rồng cũng cùng các sứ mình tranh chiến lại; song chúng nó không thắng, và chẳng còn thấy nơi chúng nó ở trên trời nữa. Con rồng lớn đó bị quăng xuống, tức là con rắn xưa, gọi là ma quỷ và Sa-tan, dỗ dành cả thiên hạ; nó đã bị quăng xuống đất, các sứ nó cũng bị quăng xuống với nó.

Với sân khấu hoạt động của hắn bây giờ bị hạn chế trên đất, và thời gian của hắn sắp cạn rồi (đối chiếu 12:12), Sa-tan sẽ tìm cách sắp xếp lại hết thảy các quỷ sứ hèn — các ma quỷ đã có sẵn rồi ở trên đất, những quỷ sứ bị quăng xuống đất cùng với hắn, và những quỷ sứ bị giam giữ trong **vực sâu không đáy** (sát nghĩa là "hố sâu thăm thẳm"). Abussos (không đáy) xuất hiện bảy lần trong sách Khải huyền, luôn luôn đề cập đến nơi trú ngụ của ma quỷ bị giam giữ ((đối chiếu 9:2, 11; 11:7; 17:8). Chính Sa-tan sẽ bị giam ở đó trong suốt thời kỳ thiên hi niên, bị xiềng khoá lại cùng với các quỷ sứ bị nhốt khác nữa (20:1, 3).

Kinh thánh dạy rằng Đức Chúa Trời đã tể trị lựa chọn giam giữ một số quỷ sứ trong **vực sâu** trừng phạt đó. II Phiơ 2:4 chép rằng: **“Vả, nếu Đức Chúa Trời chẳng tiếc các thiên sứ đã phạm tội, nhưng quăng vào trong vực sâu, tại đó họ bị trói buộc bằng xiềng nơi tối tăm để chờ sự phán xét”**. Cụm từ **"quăng vào trong vực sâu"** là một phân từ rút ra từ danh từ Tartarus tiếng Hy-lạp. Giống như Chúa Jêsu đã dùng một thuật ngữ nói tới địa ngục được rút ra từ tiếng Do-thái (Gehenna; đối chiếu Mat 5:22), cho nên Phi-e-rơ đã chọn một thuật ngữ từ thần thoại Hy-lạp mà độc giả của ông rất quen thuộc. Tartarus là tên được

sử dụng trong văn học Hy-lạp nói tới địa điểm mà những tội phạm tồi tệ nhất, những kẻ đã từng xúc phạm đến các vị thần, đi đến sau khi chết và bị trừng phạt. Chỗ mà ở đó Đức Chúa Trời giữ tù các quỷ sứ thực sự khác với địa điểm tưởng tượng trong thần thoại Hy-lạp. Tuy nhiên, việc sử dụng thuật ngữ Tartarus dường như mang ý tưởng cho rằng vì cố sự gian ác tội lỗi của họ, Đức Chúa Trời đã giam giữ các thiên sứ sa ngã trong một địa điểm khổ hình và cô lập nhứt thể ấy. Chúng vẫn ở lại chỗ ấy, chờ đợi sự kết án đến hình phạt sau cùng trong hồ lửa đời đời (Kh 20:10, 13-14).

Ma quỷ bị giam trong vực sâu chắc chắn sẽ là hạng độc ác, tàn bạo và hư hỏng nhất trong các thiên sứ sa ngã. Giu-đe mô tả một số trong chúng như “còn các thiên sứ không giữ thứ bậc và bỏ chỗ riêng mình”, hãy lưu ý rằng Đức Chúa Trời: “dùng dây xích họ trong nơi tối tăm đời đời cầm giữ lại để chờ sự phán xét ngày lớn. Lại như thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ cùng các thành lân cận cũng buông theo sự dâm dục và sắc lã, thì đã chịu hình phạt bằng lửa đời đời, làm gương để trước mặt chúng ta” (Giu 1:6-7). Phân đoạn Kinh Thánh đó mô tả các thiên sứ sa ngã nào đã rời bỏ lãnh vực thiên sứ để thường thức tội tình dục với con người, giống như con người ở thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ đã nỗ lực lao vào tình dục với các thiên sứ (Sa 19:1, 4-5).

Phi-e-rơ tỏ ra thời điểm tội lỗi của các thiên sứ này diễn ra:

Và, Đấng Christ cũng vì tội lỗi chịu chết một lần, là Đấng công bình thay cho kẻ không công bình, để dẫn chúng ta đến cùng Đức Chúa Trời; về phần xác thịt thì Ngài đã chịu chết, nhưng về phần linh hồn thì được sống. Ấy bởi đồng một linh hồn đó, Ngài đi giảng cho các linh hồn bị tù, tức là kẻ bội nghịch thuở trước, về thời kỳ Nô-ê, khi Đức Chúa Trời nhin nhục chờ đợi, chiếc tàu đóng nên, trong đó có ít người được cứu bởi nước, là chỉ có tám người. (I Phi-e-rơ 3:18-20).

Các "**linh hồn bị tù**" trong vực sâu "**tức là kẻ bội nghịch thuở trước, về thời kỳ Nô-ê**". Họ là những ma quỷ sống chung với phụ nữ trong nỗ lực thất bại của Sa-tan để làm bại hoại nhân loại và khiến cho dòng giống ấy không thể chấp nhận được (Sáng thế ký 6:1-4). Ma quỷ đó vẫn sợ mình bị quăng xuống vực sâu rất là rõ ràng từ sự thực có ma quỷ đã nài xin Chúa Jêsus đừng đưa chúng đến đó (Lu-ca 8:31). Điều đó cho thấy rằng các quỷ khác đã bị giam giữ ở đó kể từ các biến cố ở Sáng thế ký 6. Ma quỷ mà Sa-tan thả ra ở tiếng loa thứ năm có thể không bao gồm những kẻ đã phạm tội trong thời của Nô-ê (đối chiếu Giu-đe 6), một khi họ được truyền cho phải bị "**xích lại đời đời**" (Giu-đe 6) cho đến ngày cuối cùng khi chúng được đưa đến hồ lửa đời đời (20:10; Giu-đe 7). Những ma quỷ khác bị giam trong vực sâu có thể là những ma quỷ đã được thả ra. Vì vậy, vực sâu là nơi giam giữ tạm cho ma quỷ mà từ đó một số sẽ được thả ra dưới sự phán xét này.

Sau khi Satan nhận được chìa khóa dẫn đến vực sâu từ đấng giữ nó, là Đức Chúa Jêsus Christ (1:18), **hắn mở vực sâu không đáy ra** rồi thả các tù nhân của nó. John Phillips nhận xét:

Hãy hình dung thế gian sẽ như thế nào nếu chúng ta mở hết cửa của tất cả tù phạm của trái đất và buông tha những tên tội phạm hung ác và bạo lực nhất thế giới, trao cho họ trọn vẹn quyền cai trị để thực hành mọi sự bất ối của chúng trên con người. Một cái gì đó tồi tệ hơn đang chờ đợi cho thế giới. Sa-tan, bị quăng ra khỏi thiên đàng, giờ đây đã được phép triệu tập các quỷ dữ độc ác nhất trong vực sâu để hành động như các đại biểu của hắn trong việc đưa nhân loại đến bệ chôn của Con Thụ. (*Exploring Revelation, Revelation ed. [Chicago: Moody, 1987, reprint, Neptune, N. J.: Loizeaux, 1991], 125*).

Khi vực sâu mở ra, **có một luồng khói dưới vực bay lên, như khói của lò lửa lớn**. Khói trong sách Khải huyền có thể đề cập đến những việc thánh (8:4; 15:8), nhưng thường được kết hợp với sự phán xét (9:17-18; 14:11; 18:9,18; 19:3; đối chiếu Sa 19:28; Es 34:10; Gio 2:30; Na 2:13). Một luồng khói khổng lồ phát ra từ vực sâu đến nỗi **mặt trời và không khí đều bị tối tăm bởi luồng khói của vực**. Luồng khói gây ô nhiễm bầu trời tượng trưng cho sự bại hoại của địa ngục đang phát lên từ vực sâu để làm ô nhiễm cả thế giới.

QUYỀN PHÉP ĐƯỢC BUNG RA

Từ luồng khói ấy, có những châu chấu bay ra rải trên mặt đất; và có kẻ ban cho chúng nó quyền giống như bọ cạp ở đất vậy. Có lời truyền cho chúng nó chớ làm hại loài cỏ ở đất, thứ xanh và cây cối nào, nhưng chỉ làm hại những người không có ấn Đức Chúa Trời ở trên trán. Lại cho chúng nó phép, không phải là giết, nhưng là làm khổ những người đó trong năm tháng, và sự làm khổ ấy giống như sự làm khổ khi bọ cạp cắn người ta. Trong những ngày đó, người ta sẽ tìm sự chết, mà không tìm được; họ sẽ ước ao chết đi mà sự chết tránh xa. (Kh 9:3-6)

Từ luồng khói không lò, bốc mùi, nguy hiểm làm đen tối bầu trời và gây ra sự hoảng loạn giữa những cư dân trên đất, Giăng đã nhìn thấy một nỗi kinh hoàng mới xuất hiện. Ma quỷ, lấy hình thể trông thấy được bằng mắt thường giống như **bầy châu chấu**, bay ra khỏi vực sâu để hành hại **cả đất**. Sức mạnh tàn phá của bầy châu chấu được ghi nhận trong một vài phân đoạn trong Cựu Ước (Phục truyền luật lệ ký 28:38; II Sử ký 7:13; Thi thiên 105:34; Giô-ên 2:25; Na-hum 3:15); bầy châu chấu tiêu thụ tất cả các thảm thực vật trên đường đi của chúng. Bối cảnh này là một sự gợi nhớ đến dịch lệ cào cào trong xứ Ai-cập (Xuất Êđíp-tô ký 10:4-5, 12-20), và phần mô tả về dịch lệ châu chấu ở Giô-ên 1:1-7; 2:1-5, nhưng còn tệ hại hơn nhiều lắm. Hình ảnh luồng khói là một sự mô tả thích hợp về trận dịch cào cào, một khi hàng triệu châu chấu giống như bầy côn trùng dày đặc đến nỗi chúng có thể làm đen tối bầu trời và che khuất mặt trời, biến ngày thành đêm. Bầy châu chấu rất lớn ở cấp độ không thể tưởng tượng được (đối chiếu Thi thiên 105:34); một bầy trên Biển Đỏ vào năm 1889 đã được báo cáo là phủ hết 2.000 dặm vuông. Sự hủy diệt mà chúng có thể gây ra cho mùa màng và các thảm thực vật khác là đáng kinh ngạc (đối chiếu II Sử ký 7:13). John Phillips viết:

Dịch châu chấu tồi tệ nhất trong thời kỳ hiện đại đã tấn công Trung Đông vào năm 1951-1952 khi ở Iran, Iraq, Jordan, và Ả Rập Xê-út mọi thứ có màu xanh lá cây và phát triển bị cắn nuốt trên cả mấy trăm ngàn dặm vuông. Bầy châu chấu ăn lúa, lá và cuống lá, đập xuống vùng đất trống. Khi một bầy phát sinh và bay trên đường đi của nó, cánh đồng xanh lá cây bị bỏ lại giống như sa mạc; sự tro trọi và tàn phá trải dài thật xa mà mắt thường trông thấy được. (*Exploring Revelation*, 125-26).

Nhưng đây không phải là bầy châu chấu bình thường, mà là ma quỷ, giống như bầy châu chấu, mang lại sự tàn phá rộng khắp. Khi mô tả chúng dưới dạng châu chấu tượng trưng cho số lượng không thể đếm được của chúng và khả năng hủy diệt khổng lồ của chúng. Kỳ thực, ba lần trong phân đoạn (các câu 3, 5, 10) quyền của chúng gây ra đau khổ được sánh với bầy bọ cạp cho thấy rằng chúng không phải là châu chấu thực sự, một khi châu chấu không có đuôi để chích như bọ cạp. Bọ cạp là một loài nguy hiểm, thuộc họ nhện, trú ngụ ở những khu vực ẩm, khô, và có một cái đuôi dựng đứng kim chích thật độc. Nọc của nhiều loài bọ cạp gây ra đau đớn, và khoảng hai chục loài có khả năng giết chết con người. Các triệu chứng của nọc độc từ một trong những loài gây chết người, bao gồm co giật và tê liệt nặng nề, giống với những người kẻ bị quỷ ám (đối chiếu Mac 1:23-27; 9:20, 26). Kết hợp trong phần mô tả ma quỷ cả châu chấu và bọ cạp nhấn mạnh đến sự chết chóc trong sự xâm lược của ma quỷ. Nhưng đau khổ gây tàn phá bởi bầy ma quỷ này sẽ tồi tệ hơn nhiều so với đau đớn do loài con bọ cạp đích thực gây ra. Trong sự phán xét này, Đức Chúa Trời đưa ma quỷ vào sự tiếp xúc trực tiếp với hạng người không chịu ăn năn mà với chúng họ sẽ qua cõi đời đời trong hồ lửa. Sự thực cho thấy rằng các tạo vật giống như loài châu chấu và bọ cạp này ra từ vực sâu và vị lãnh tụ của chúng là "sứ giả của vực sâu" (9:11) cho thấy rằng ma quỷ phải được nhìn thấy trong bối cảnh này. Ma quỷ cũng được phác họa như các tạo vật từ vương quốc động vật ở 16:13, ở đó chúng xuất hiện là ếch nhái. Buồn thay, ngay cả kinh nghiệm khủng khiếp của ma quỷ xâm nhập như thế này sẽ không khiến cho nhiều người ăn năn (đối chiếu 9:20-21), nếu có.

Những hạn chế nghiêm ngặt đã được đặt vào các hoạt động của đạo binh ma quỷ này. Sự phán xét này, không giống như những sự phán xét của bốn tiếng loa đầu tiên, không nhắm vào thế giới vật chất. Thực vậy, có lời truyền cho chúng (có lẽ bởi Đức Chúa Trời, Ngài đã ban cho thiên sứ chìa khóa vực sâu ở 9:1, và Ngài kiểm soát mọi sự vì các mục đích của Ngài) là có những giới hạn. Đức Chúa Trời ngăn cấm bầy ma quỷ này chớ làm hại loài cỏ trên đất, thứ xanh hay cây cối nào (đối chiếu 8:7). Một lần nữa sự việc cho thấy rằng chúng không thực sự là loài côn trùng, vì châu chấu thực phải cắn nuốt sự sống thực vật. Sự tham khảo

đến cỏ trên đất cho thấy rằng một thời gian đã trôi qua kể từ khi sự phán xét bằng tiếng loa đầu tiên đã thiêu cháy toàn bộ cỏ có trong kỳ (8:7). Cỏ bị hư hại đã khởi mọc lại và vẫn không bị hại gì bởi trận dịch này, cho thấy rằng đã có đủ thời gian cho sự phục hồi một phần môi trường của đất.

Công việc của ma quỷ không nhắm vào thực vật, mà nhắm vào con người — không phải tất cả mọi người, mà chỉ nhắm vào những kẻ không có dấu ấn của Đức Chúa Trời trên trán của họ. Những người tin Chúa sẽ được bảo toàn, giống như Đức Chúa Trời che chở cho Y-sơ-ra-ên khỏi các hậu quả của các trận dịch ở Ai-cập (Xu 8:22...; 9:4...; 10:23). Những người nào có dấu ấn của Đức Chúa Trời trên trán, bao gồm không những 144.000 nhà truyền đạo người Do thái (7:3-4; 14:1), mà còn phần còn lại của những người được chuộc (đôi chiếu 22:4; ITi 2:19). Dấu ấn này khiến cho họ về mặt cá nhân thuộc về Đức Chúa Trời rồi được bảo hộ thể ấy khỏi các thể lực của địa ngục. Chúa Jêsus đã hứa với các tín hữu trung tín Phi-la-đen-phia rằng "kẻ nào thắng, ta sẽ cho làm trụ trong đền Đức Chúa Trời ta, và người sẽ không ra khỏi đó nữa; ta lại sẽ lấy danh Đức Chúa Trời ta, danh của thành Đức Chúa Trời ta, là Giê-ru-sa-lem mới từ trên trời, bởi Đức Chúa Trời ta mà xuống, cùng danh mới ta, mà viết trên người" (3:12).

Exe 9:4-6 minh hoạ lẽ thật mà Đức Chúa Trời bảo hộ dân sự Ngài ở giữa sự phán xét. Đức Chúa Trời đã truyền cho một thiên sứ đi ngang qua thành Jerusalem rồi đặt dấu hiệu trên kẻ được chuộc. Người nào không có dấu hiệu ấy không sợ cái chết khi thành phố sa vào tay người Ba-by-lôn:

mà phán rằng: Hãy trải qua giữa thành tức giữa Giê-ru-sa-lem, ghi dấu trên trán những người nào than thở khóc lóc về mọi sự gớm ghê đã phạm giữa thành này. Rồi Ngài phán cùng những người kia cách như cho tôi nghe rằng: Hãy qua trong thành đằng sau nó, và đánh; mắt người chớ đoái tiếc, và đừng thương xót. Nào già cả, nào trai trẻ, nào gái đồng trinh, nào con nít, đàn bà, hãy giết hết; nhưng chớ lại gần một kẻ nào là kẻ đã có ghi dấu; và khá bắt đầu từ nơi thánh ta. Vậy các người ấy bắt đầu từ các người già cả ở trước mặt nhà.

Ngay cả những gì ma quỷ có thể làm cho người chưa được tái sinh cũng bị hạn chế. Mặc dù Sa-tan có quyền về sự chết (He 2:14), việc thực thi quyền ấy phụ thuộc vào ý định và quyền phép tối cao của Đức Chúa Trời, vì vậy ma quỷ này được phép không phải là giết. Sau cả ngàn năm làm phu tù, ma quỷ độc ác chắc chắn sẽ muốn làm cho ai nấy nhìn biết mọi sự ác độc của chúng bằng cách tàn sát mọi người. Chắc chắn Sa-tan sẽ muốn giết hết những ai chưa được tái sinh để giữ họ đừng ăn năn. Nhưng Đức Chúa Trời, trong ơn thương xót của Ngài, sẽ khiến cho mọi người khổ sở trong năm tháng (vòng đời bình thường của loài châu chấu, thường từ tháng 5 đến tháng 9), trong thời gian đó chúng không thể chết nhưng sẽ được cung ứng cho cơ hội ăn năn và chấp nhận Tin lành. "Khô" mô tả hình phạt trong Khải huyền (11:10; 14:10-11; 18:7, 10, 15; 20:10; ngoại lệ duy nhất là 12:2; "nhọc nhằn" cũng là một từ Hy-lạp ở chỗ khác dịch là "hình khô"). Thời kỳ 5 tháng đó sẽ là thời kỳ đau khổ ghê gớm về mặt thuộc linh và khổ sở theo phần xác giáng trên những kẻ vô tín bởi sự phán xét của Đức Chúa Trời qua đạo binh ma quỷ. Sự phán xét đáng sợ này được ví như nỗi khổ gây ra bởi một con bọ cạp khi nó cắn người ta. Những người không tin cũng sẽ nghe sứ điệp cứu rỗi trong Đức Chúa Jêsus Christ được rao giảng bởi 144.000 nhà truyền đạo người Do-thái, hai chứng nhân và nhiều tín đồ khác. Năm tháng sẽ được dành cho nhiều người cơ hội cuối cùng để ăn năn và tin Chúa, trước khi họ ngã chết hoặc bị nhọc nhằn vĩnh viễn vì cố sự vô tín của họ (9:20-21; 16:9, 11).

Như vậy, hình khô kinh khủng sẽ được giáng trên những kẻ vô tín ấy trong những ngày đó (năm tháng của câu 5) người ta sẽ tìm sự chết, mà không tìm được; họ sẽ ước ao chết đi mà sự chết tránh xa. Mọi hy vọng sẽ qua đi mất; sẽ chẳng có ngày mai đâu. Đất mà người ta yêu mến và thờ lạy sẽ bị tàn phá hoàn toàn, đất bị tàn phá bởi trận động đất, lửa, và núi lửa, biển đầy những xác của hàng tỉ sinh vật chết, phần lớn nguồn nước ngọt biến thành chất độc cay đắng, bầu khí quyển bị ô nhiễm bởi các khí gas và mưa rào các mảnh vụn từ trên trời. Khi ấy, tội tệ nhất, sẽ có khói từ vực sâu địa ngục khi ma quỷ được thả ra gây khổ sở hạng người xấu xa về mặt thuộc linh và thuộc thể. Mơ mộng về điều không tưởng khắp thế gian dưới sự lãnh đạo của Anti-christ (con thú ở 13:1 ...) sẽ gục chết. Bị điên cuồng bởi sự phá hoại thứ năm và và độc ác của ma quỷ, người ta sẽ tìm cách thoát mái trong cái chết — chỉ để thấy rằng sự chết đã đi dự kỳ nghỉ của nó. Sẽ không thoát khỏi sự thống khổ do ma quỷ gây ra, sẽ không tránh khỏi được sự phán xét thiêng liêng. Mọi nỗ lực tự tử, dù là đạn dược, thuốc độc, chết chìm, hoặc nhảy từ các tòa nhà cao tầng, sẽ thất bại.

BỘ DẠNG ĐƯỢC TỔ RA

Những châu chấu đó giống như những ngựa sấm sẵn để đem ra chiến trận: trên đầu nó có như mào triều thiên tợ hồ bằng vàng, và mặt nó như mặt người ta; nó có tóc giống tóc đàn bà, và răng nó như răng sư tử. Nó có giáp như giáp bằng sắt; và tiếng cánh nó như tiếng của nhiều xe có nhiều ngựa kéo chạy ra nơi chiến trường. Đuôi nó có nọc, như bọ cạp, ấy bởi trong những đuôi đó mà chúng nó có quyền hại người ta trong năm tháng. (Kh 9:7-10)

Sau khi phác họa sự tàn phá mà bầy **châu chấu** (ma quỷ) gây ra, Giăng đưa ra phần mô tả chi tiết hơn về bộ dạng của chúng trong sự mặc thị. Chúng được mô tả là bầy châu chấu bởi vì chúng mang lại sự phán xét nhanh chóng, to lớn, gây tàn phá của Đức Chúa Trời ((đối chiếu Xu 10:4-5, 12-15; Phu 28:38; IVua 8:37; IISu 7:13; Thi 78:46; 105:34; Gio 2:1...; Am 7:1), nhưng các đặc điểm ghê khiếp, quá mức của chúng cho thấy chúng không giống như bất kỳ bầy châu chấu, bọ cạp nào, hay bất kỳ tạo vật nào khác chưa từng thấy có trên đất. Giăng chỉ có thể cung ứng tính cách xấp xỉ của một đạo quân thuộc linh này ghê khiếp là đường nào, như việc sử dụng lặp đi lặp lại các thuật ngữ **giống như** (được sử dụng mười lần trong phân đoạn này) và **tợ hồ**. Để mô tả đạo binh ma quỷ siêu nhiên và lạ lẫm, Giăng chọn các phép loại suy quen thuộc và tự nhiên.

Bộ dạng chung của bầy **châu chấu giống như những ngựa sấm sẵn để đem ra chiến trận**. Chúng ưa thích chiến tranh, mạnh mẽ và đầy thách thức, giống như những con ngựa đang căng thẳng và chân cào đất trong sự nóng nảy của chúng nhắm vào sứ mệnh về giết chóc. Gio 2:4-5 mô tả một trận dịch châu chấu bằng các thuật ngữ tương tự. **Trên đầu** của chúng, Giăng nhìn thấy **có như mào triều thiên bằng vàng**. **Mào triều thiên** chúng đội được gọi là stephanoi, mào triều thiên của người chiến thắng, cho thấy rằng đạo binh ma quỷ sẽ bất khả chiến bại, không ai có thể bắt phục được. Người ta sẽ chẳng có thứ vũ khí nào có thể gây hại cho chúng và không có sự chữa lành nào cho những hình khổ khủng khiếp do chúng gây ra. **Mặt của chúng giống như mặt người ta** cho thấy chúng là những hữu thể thông minh, có lý trí, chứ không phải là loài côn trùng đích thực. Trong khi Gie 51:27 mô tả bầy châu chấu như nhiều như lông cừu, phần mô tả về **tóc của chúng giống như tóc của đàn bà** nhấn mạnh nhiều đến sự quyến rũ của chúng. Sự vinh quang hay vẻ đẹp của một người nữ là mái tóc của nàng, là thứ mà nàng có thể trang điểm để trở nên quyến rũ hơn. Giống như các nàng tiên trong thần thoại Hy-lạp, bầy châu chấu là ma quỷ này sẽ thu hút người ta đến với sự diệt vong. **Răng nó như răng sư tử** (đối chiếu Gio 1:6), chúng sẽ khốc liệt, mạnh mẽ và gây chết chóc nhiều hơn cả sư tử, xé toạc và phân thây các nạn nhân của chúng. **Bộ giáp** bằng sắt, được thiết kế để bảo vệ các cơ quan quan trọng và bảo toàn sinh mạng của người lính, ở đây tiêu biểu cho tính bất khả xâm phạm của ma quỷ; chống lại hay tiêu diệt chúng sẽ là điều bất khả thi. Trong một phép ẩn dụ được rút ra từ bãi chiến trường, Giăng, như tiên tri Giô-ên (Gio 2:4-5), ví tiếng cánh của chúng với một đạo binh đang di chuyển, lưu ý rằng tiếng ấy **giống như tiếng của nhiều xe, có nhiều ngựa kéo ra chạy ra nơi chiến trường**. Sẽ chẳng thoát khỏi cuộc tấn công lớn lao, toàn cầu; không có một chỗ nào để chạy trốn hết. Sự ví sánh ba lần về ma quỷ với **bọ cạp** (đối chiếu các câu 3, 5) nhấn mạnh rằng sứ mệnh duy nhất của chúng là **làm hại cho người ta**. Bản chất hình khổ hết mức này của ma quỷ khiến cho ai nấy tìm kiếm cái chết và không gặp được nó, muốn theo đuổi sự chết mà không nắm được nó, không được mô tả. Tuy nhiên, với một cái nhìn vào một số minh họa của Kinh thánh về hình khổ của ma quỷ cung ứng một cái nhìn sâu sắc. Người cuồng tín ở Ga-đa-ra đã bị hình khổ của ma quỷ đến nỗi họ bị điên cuồng, sống trong khu mồ mả (Mat 8:28). Ở xứ Ga-li-lê Chúa Jêsu gặp gỡ toàn những kẻ bị quỷ ám khổ sở (Mat 4:23-24). Một đầy tớ của thầy đội bị hình khổ tra tấn do bệnh bại (Mat 8:6). Một cậu bé bị quỷ ám đã tự ném mình vào ngọn lửa và nước trong các hành động tự huỷ diệt (Mac 9:20-22). Những hình khổ cả thuộc linh và thuộc thể như thế là do ma quỷ gây ra. Trong **năm tháng** chúng sẽ làm như vậy cho cả thế giới của hạng tội nhân bất kính. Sự lặp đi lặp lại ma quỷ sẽ được phép hình khổ người ta trong một thời gian có hạn nhấn mạnh quyền phép tối thượng của Đức Chúa Trời trên khoảng thời gian tấn công của chúng. Chắc chắn, Ngài sẽ đẩy chúng trở lại vực sâu với cấp lãnh đạo gian ác của chúng (20:1-3) và rồi đưa chúng vào hồ lửa (20:10).

NHÀ VUA LỘ DIỆN

Nó có vua đứng đầu, là sứ giả của vực sâu, tiếng Hê-bơ-rơ gọi là A-ba-đôn, tiếng Gờ-réc là A-bô-ly-ôn. Nạn thứ nhất đã qua; nay còn hai nạn nữa đến sau nó. (Kh 9:11-12)

Không giống như bày châu chấu đích thực (đối chiếu Châm ngôn 30:27), ma quỷ có **vua đứng đầu**. Giảng cung ứng tước hiệu **sứ giả của vực sâu**. Có người xác định thiên sứ này là Sa-tan, nhưng lãnh địa của hắn là ở trên trời (Eph 6:12), ở đó hắn là **"vua cầm quyền chốn không trung"** (Eph 2:2). Hắn chẳng liên quan đến vực sâu cho đến khi hắn bị quăng vào đó (20:1-3). Tốt hơn, thiên sứ này được xem là một con quỷ có đẳng cấp cao trong hệ thống cấp bậc của Sa-tan. Giảng lưu ý rằng **tên của hắn theo tiếng Hê-bơ-rơ là A-ba-đôn, tiếng Gờ-réc là A-bô-ly-ôn**. Giảng sử dụng cả hai cái tên đó để nhấn mạnh đến ảnh hưởng của hắn đối với cả những người Do-thái và các dân Ngoại bất kính. Cả hai từ này đều có nghĩa là **"kẻ hủy diệt"** — một cái tên thích hợp cho kẻ đứng đầu đạo binh gây tàn phá của ma quỷ dấy lên từ vực sâu. **A-ba-đôn** được sử dụng trong Cựu Ước để mô tả nơi hình phạt đời đời (đối chiếu Gióp 26:6; 28:22; 31:12; Thi 88:11; Ch 15:11; 27:20), do đó củng cố thêm phần kết nối của thiên sứ này với vực sâu và địa ngục. **A-bô-ly-ôn** đến từ động từ Hy-lạp *apollumi*, có nghĩa là "Ta tiêu diệt". Các thuật ngữ này xác định kẻ đứng đầu là vua đạo binh gây chết chóc của ma quỷ.

Sau khi mô tả **nạn thứ nhất** (8:13, sự phán xét tiếng loa thứ năm), Giảng cảnh báo rằng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đã chưa chuyển theo đường chạy của nó. **Hai nạn** (các sự phán xét bằng tiếng loa thứ sáu và thứ bảy, bao gồm hết thảy những sự phán xét bằng cái bát) **đến sau đó**, vì vậy sẽ không có gì hơn chỉ là một tiếng thở dài ngắn ngủi nhẹ nhõm trước khi những sự phán xét đáng sợ hơn nữa theo sau giảng trên những kẻ **"dùng sự không công bình mà bắt hiếp lẽ thật"** (Rô 1:18).

Cuộc Tàn Sát Của Sa-tan: Tiếng Loa Thứ Sáu (Kh 9:13-21)

21

Vị thiên sứ thứ sáu thổi loa, thì tôi nghe có tiếng ra từ bốn góc bàn thờ bằng vàng đặt trước mặt Đức Chúa Trời. Tiếng ấy nói cùng vị thiên sứ thứ sáu đang cầm loa rằng: **Hãy cỡi cho bốn vị thiên sứ bị trói trên bờ sông cái O-phơ-rát. Bốn vị thiên sứ bèn được cởi trói, đã chực sẵn đến giờ, ngày, tháng, và năm ấy, hầu cho tiêu diệt một phần ba loài người. Số binh kỵ mã của đạo quân là hai trăm triệu; số đó tôi đã nghe. Kìa trong sự hiện thấy, tôi thấy những ngựa và kẻ cỡi ra làm sao: những kẻ ấy đều mặc giáp màu lửa, màu tía, màu lưu hoàng; đầu ngựa giống như đầu sư tử, và miệng nó có phun lửa, khói và diêm sanh. Một phần ba loài người bị giết vì ba tai nạn đó, là lửa, khói, và diêm sanh ra từ miệng ngựa. Vì quyền phép của những ngựa ấy ở nơi miệng và đuôi nó; những đuôi ấy giống như con rắn, và có đầu, nhờ đó nó làm hại người. Còn những người sót lại, chưa bị các tai nạn đó giết đi, vẫn không ăn năn những công việc bởi tay chúng nó làm cứ thờ lạy ma quỷ cùng thần tượng bằng vàng, bạc, đồng, đá và gỗ, là những tượng không thấy, không nghe, không đi được. Chúng nó cũng không ăn năn những tội giết người, tà thuật, gian dâm, trộm cướp của mình nữa.** (Kh 9:13-21)

Nhân loại nằm giữa hai bầu khí quyền thuộc linh đối ngược rất mạnh mẽ, mỗi bên đều tìm cách làm cho người ta thích nghi với chính bên mình. Không một ai trung lập trong chiến tranh vũ trụ; mọi người đều là một phần của **"quyền của sự tối tăm"** hoặc **"nước của Con rất yêu dấu Ngài"** (Co 1:13). Khi họ phục theo bên này hay bên kia, người ta trở thành bạn đồng hành của Đức Chúa Trời, hoặc các sứ của Sa-tan; những người đồng hành với các thiên sứ thánh, hoặc đồng hành với ma quỷ; bạn đồng hành với các thánh đồ, hoặc bạn đồng hành của hạng tội nhân.

E rằng bất cứ ai cũng có thể phạm phải sai lầm trầm trọng nhất, vì đưa ra sự chọn lựa sai lầm kết quả trong tai vạ đời đời. Đức Chúa Trời hiến cho người ta Tin lành ban sự sống của Đức Chúa Jêsus Christ; Sa-tan cùng các thế lực của địa ngục đưa người ta đến chỗ huỷ diệt của họ bằng cách treo lủng lẳng trước mặt họ **"sự vui sướng của tội lỗi"** (He 11:25). Tiếng nói vang vang của địa ngục luôn luôn muốn dập tắt, lấn át sự rao giảng của đạo Tin lành.

Sẽ có một ngày khi tiếng kêu gào của địa ngục sẽ lớn đến mức không thể cưỡng lại được. Người ta trong thời điểm đó sẽ bỏ qua lời giảng dạy đầy năng quyền và lập đi lập lại của Tin lành và lời cảnh cáo được chuyển tải bởi những sự phán xét khủng khiếp, tàn phá đến từ Đức Chúa Trời. Sau khi chối bỏ mọi sự ban hiến của ân điển và lòng thương xót, họ sẽ nhìn thấy sự chết giáng trên nhân loại qua các sự phán xét bằng tiếng loa và cái bát, là những điều mang lại cái chết trên quy mô chưa từng có trong lịch sử nhân loại. Tuy nhiên, dầu khi ấy họ sẽ không chịu ăn năn; trên thực tế, họ sẽ rủa sả Đức Chúa Trời (đối chiếu 9:20-21; 16:9, 11). Người ta ở thời điểm đó sẽ đưa ra sự lựa chọn không đổi song hành với các thế lực của địa ngục.

Trong khi sẽ có những sự phán xét thiêng liêng trong suốt Kỳ Đại Nạn 7 năm, chúng sẽ leo thang trong ba năm rưỡi sau cùng — thời điểm Chúa Jêsus gọi là **"hoạn nạn lớn"** (Mat 24:21; đối chiếu Kh 7:14). Như đã bàn luận trong các chương trước đó, những sự phán xét này sẽ được mở ra tuần tự trong ba loạt chồng chéo lên nhau: những cái ấn, các tiếng loa, và mấy cái bát. Từ cái ấn thứ bảy ra 7 sự phán xét bằng tiếng loa, và từ tiếng loa thứ bảy mà có 7 sự phán xét bằng cái bát.

Giống như tiếng loa thứ năm (9:1-12), tiếng của tiếng loa thứ sáu báo hiệu một cuộc tấn công khác, dữ dội hơn nữa giáng trên nhân loại tội lỗi. Cuộc tấn công này, không giống như cuộc tấn công trước đó, đem lại sự chết chóc. Nó mở ra trong ba chặng: thả ma quỷ ra, sự trở lại của cái chết, và phản ứng thách thức.

MA QUỶ ĐƯỢC THẢ RA

Vị thiên sứ thứ sáu thổi loa, thì tôi nghe có tiếng ra từ bốn góc bàn thờ bằng vàng đặt trước mặt Đức Chúa Trời. Tiếng ấy nói cùng vị thiên sứ thứ sáu đang cầm loa rằng: Hãy cỡi cho bốn vị thiên sứ bị trói trên bờ sông cái Ô-phơ-rát” (Kh 9:13-14)

Khi Giảng xây lại, vào thời điểm đã được ấn định, **vị thiên sứ thứ sáu thổi loa**. Ngay lập tức **Giảng nghe có tiếng**. Bản Hy-lạp sát nghĩa đọc là: **"một giọng nói"**, nhấn mạnh rằng Giảng đã nghe thấy một giọng đơn độc. Giọng nói ấy không được xác định, nhưng đó có thể là giọng của Chiên Con, là Đức Chúa Jêsus Christ. Ngài được phác họa trước đó đang đứng gần bên ngai (5:6), khi Ngài cầm cuộn sách có đóng dấu 7 ấn từ tay Đức Chúa Cha (5:7) rồi mở mấy cái ấn đó ra (6:1), như vậy việc thả ra hàng loạt sự phán xét mà trong đó tiếng loa thứ sáu là một phần. Hoặc đây có thể là giọng của một thiên sứ mà Giảng nhìn thấy đang đứng gần bên ngai bằng vàng bàn thờ xông hương bằng vàng (8:3).

Trong khi xác định nguồn gốc của tiếng ấy là bất khả thi, vị trí của tiếng ấy là: tiếng ấy ra từ **bốn cái sừng** (sừng nhỏ nhô ra ở mỗi góc) **của bàn thờ bằng vàng đặt trước mặt Đức Chúa Trời**. Giảng đã từng nhìn thấy bàn thờ này, một bản sao thiên thượng đối với bàn thờ xông hương thời Cựu Ước, hai lần trước sự mặc thị của ông. Trong đền tạm và đền thờ, bàn thờ này là chỗ xông hương, tượng trưng cho những lời cầu nguyện của dân sự xin sự thương xót bay lên Đức Chúa Trời. Nhưng trong sự mặc thị của Giảng, bàn thờ bằng vàng đã trở thành bàn thờ cầu thay, khi các thánh đồ đã tuân đạo ở đó nài xin Đức Chúa Trời báo thù cho những kẻ giết họ (6:9-11). Thế rồi ở 8:5, nó trở thành bàn thờ của sự phán xét, khi một thiên sứ cầm lấy **"lư hương, dùng lửa nơi bàn thờ bỏ đầy vào, rồi quăng xuống đất"**. Hành động của Ngài đề ra bối cảnh cho các phán xét bằng tiếng loa, là điều nối ngay theo sau.

Bàn thờ xông hương chính được mô tả chi tiết ở Xu 30:1-10:

Người cũng hãy đóng một cái bàn thờ bằng cây si-tim, để xông hương. Mặt bàn sẽ vuông, bề dài một thước, bề ngang một thước, và bề cao hai thước; bàn thờ sẽ có bốn sừng ló ra. Người hãy bọc vàng ròng trên mặt, bốn cạnh chung quanh và các sừng; còn tứ vi chạy đường viền vàng. Dưới đường viền đó, nơi hai bên, hãy làm hai cái khoen bằng vàng, để xỏ đòn dùi đặt khiêng. Hãy chuốt đòn khiêng bằng cây si-tim, bọc vàng. Người sẽ để bàn thờ đó trước bức màn che hòm báng chứng đối cùng nắp thi ân trên hòm, là nơi ta sẽ gặp người. Mỗi buổi sớm mai, khi A-rôn làm đèn, sẽ xông hương tại nơi đó. Vào lúc chiều tối, khi A-rôn thấp đèn, cũng sẽ xông hương: ấy là một thứ hương phải xông trước mặt Đức Giê-hô-va luôn luôn, trải qua các đời. Trên bàn thờ này chớ xông hương lạ, hoặc dâng của lễ thiêu, của lễ chay hay là lễ quán nào hết. Nhưng trải qua các đời, mỗi năm một lần, A-rôn sẽ lấy huyết của con sinh tể chuộc tội, bôi trên sừng bàn thờ này dâng chuộc tội cho nó. Ấy sẽ là một việc rất thánh cho Đức Giê-hô-va.

Như đã được lưu ý trong phần bàn luận ở 8:4-5 trong chương 18 của sách này, bàn thờ xông hương được đặt ngay trước bức màn phân biệt Nơi Chí Thánh, ở đó sự hiện diện của Đức Chúa Trời ngự, đối với Nơi Thánh. Không một ai trừ ra thầy tế lễ thượng phẩm có thể bước vào Nơi Chí Thánh và người chỉ vào nhằm Ngày Chuộc Tội. Nhưng thầy tế lễ thượng phẩm được phép bước vào Nơi Thánh, và được truyền cho phải xông hương trên bàn thờ vào buổi sáng và buổi chiều. Trong khi các thứ của lễ thường không được dâng lên trên bàn thờ xông hương, thầy tế lễ thượng phẩm buộc mỗi năm một lần phải dâng của lễ chuộc tội. Điều đó minh họa cho lẽ thật quan trọng của Kinh Thánh cho rằng sự chuộc tội cung ứng cơ sở cho sự cầu nguyện, thờ phượng và thông công Đức Chúa Trời. Không một người nào mà tội lỗi của họ chưa được chuộc có được quyền tiếp cận với Đức Chúa Trời.

Ngạc nhiên thay, đã có những lời phán xét đến từ bàn thờ hiệp với sự thương xót. Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời hay thương xót, giàu ơn và cảm thông, song **"Thần của Ngài sẽ chẳng ở cùng với"**

con người luôn đâu" (Sáng thế ký 6:3). Khi sự phán xét bằng tiếng loa này diễn ra, thời điểm dành cho lòng thương xót sẽ trôi qua; bàn thờ của sự thương xót sẽ trở thành bàn thờ của sự phán xét. Hạng người tội lỗi sau cùng sẽ chối bỏ hoàn toàn sự ban hiến ơn cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Theo lời của tác giả thơ Hêborơ:

Ai đã phạm luật pháp Môi-se, nếu có hai ba người làm chứng, thì chết đi không thương xót, huống chi kẻ giày đạp Con Đức Chúa Trời, coi huyết của giao ước, tức là huyết mà mình nhờ nên thánh, là ô uế, lại khinh lờn Đức Thánh Linh ban ơn, thì anh em há chẳng tưởng rằng người ấy đáng bị hình rất nghiêm đoán phạt hay sao? Vì chúng ta biết Đấng đã phán rằng: Sự trả thù thuộc về ta; ta sẽ báo ứng, ấy là lời Chúa phán. Lại rằng: Chúa sẽ xét đoán dân mình. Sa vào tay Đức Chúa Trời hằng sống là sự đáng kinh khiếp thay! (He 10:28-31).

Tiếng ấy từ bề mặt bàn thờ ở giữa bốn góc nhô ra rõ ràng đã truyền cho vị thiên sứ thứ sáu thổi loa: **“Hãy cỡi cho bốn vị thiên sứ bị trói trên bờ sông cái Ô-phơ-rát”**. **Bốn thiên sứ đó bị trói** chỉ ra rằng họ là ma quỷ (đối chiếu 20:1...; IPhi 2:4; Giu 1:6), vì các thiên sứ thánh không có một chỗ nào trong Kinh thánh nói họ bị trói cả. Vì các thiên sứ thánh luôn luôn bày tỏ ra ý chỉ hoàn hảo của Đức Chúa Trời, chẳng cần cho Ngài phải kèm chế họ đi ngược lại ý muốn của Ngài. Sự tể trị của Đức Chúa Trời đối với các thế lực ma quỷ là trọn vẹn — chúng bị trói hoặc thả đều theo mạng lệnh của Ngài. Thì phân từ hoàn thành được dịch là **trói** ngụ ý rằng bốn vị thiên sứ này bị trói trong quá khứ với những hậu quả liên tục; họ đã ở trong trạng thái hoặc tình trạng nô lệ cho đến khi thời điểm quyết định của Đức Chúa Trời đã đến cho họ được thả ra để thực thi chức năng của họ như là công cụ của sự phán xét thiêng liêng.

Bối cảnh tù đầy của bốn vị thiên sứ rất là quen thuộc — **sông cái Ô-phơ-rát** (đối chiếu Phu 1:7; Gios 1:4). Nhô lên từ các nguồn gần Núi A-ra-rát ở Thổ Nhĩ Kỳ, sông Ô-phơ-rát chảy hơn 1.700 dặm trước khi đổ vào Vịnh Ba-tư. Đây là con sông dài nhất và quan trọng nhất ở vùng Trung Đông và nổi bật trong Kinh Cựu Ước. Đây là một trong bốn con sông trong đó con sông chảy ra từ Vườn Ê-đen (Sa 2:14). Chính gần sông Ô-phơ-rát mà tội lỗi bắt đầu, lời nói dối đầu tiên đã được thốt ra, vụ giết người đầu tiên đã phạm phải, và tháp Ba-bê-nê (nguồn gốc của sự phức tạp toàn bộ các tôn giáo giả mạo lan tải khắp thế gian) đã được dựng lên. Sông Ô-phơ-rát là biên giới phía đông của Đất Hứa (Sa 15:18; Xu 23:31; Phu 11:24), và ảnh hưởng của Israel kéo dài tới sông Ô-phơ-rát trong đời trị vì của David (I Sứ ký 18:3) và Vua Solomon (IISu 9:26). Khu vực gần sông Ô-phơ-rát là vị trí trung tâm của ba cường quốc thế giới đã lấn lướt Israel: A-si-ri, Ba-by-lôn và Mê-đi Ba-tư. Chính trên hai bờ sông Ô-phơ-rát, Israel đã phải chịu đựng bảy mươi năm dài, cay đắng trong cảnh phụ tù (Thi 137:1-4). Chính dòng sông này những kẻ thù của Đức Chúa Trời sẽ vượt qua để tham chiến trong chiến trận Ất-ma-ghê-đôn (16:12-16).

Cách sử dụng mào từ xác định cho thấy rằng **bốn vị thiên sứ** này tạo thành một nhóm cụ thể. Lai lịch đặc biệt của họ không được tiết lộ, nhưng có thể họ là ma quỷ kiểm soát bốn đế chế chính trên thế giới của Ba-by-lôn, Mê-đi Ba-tư, Hy-lạp và Rô-ma. Đanien 10 cung ứng cái nhìn sâu sắc về chiến tranh giữa các thiên sứ thánh và ma quỷ ảnh hưởng đến từng quốc gia. Trong câu 13, một thiên sứ thánh đã nói cho Đa-ni-ên biết rằng: "Song vua nước Phe-rơ-sơ đã ngăn trở ta trong hai mươi một ngày; nhưng, này Mi-ca-ên là một trong các quan trưởng đầu nhất, đã đến mà giúp đỡ ta, và ta ở lại đó với các vua Phe-rơ-sơ". Thế rồi, trong câu 20, ông nói thêm: "Người có biết tại sao ta đến cùng người chẳng? Bây giờ ta trở về để đánh trận cùng vua của Phe-rơ-sơ, và khi ta đi, kia, vua của Gờ-réc sẽ đến". Bất kể họ là ai, bốn vị thiên sứ sa ngã này kiểm soát một đạo binh ma quỷ không lồ chuẩn bị cho chiến tranh chống lại loài người sa ngã khi Đức Chúa Trời thả họ ra để làm công việc ấy. Các lực lượng của Sa-tan tưởng họ đang làm công việc của cấp lãnh đạo ma quỷ và ngăn trở các mục đích của Đức Chúa Trời, thật ra lại là các tội tớ của Đức Chúa Trời đang làm chính xác những gì Ngài muốn thực thi.

SỰ TRỞ LẠI CỦA SỰ CHẾT

Bốn vị thiên sứ bèn được cỡi trời, đã chực sẵn đến giờ, ngày, tháng, và năm ấy, hầu cho tiêu diệt một phần ba loài người. Số binh kỵ mã của đạo quân là hai trăm triệu; số đó tôi đã nghe. Kia trong sự hiện thấy, tôi thấy những ngựa và kẻ cỡi ra làm sao: những kẻ ấy đều mặc giáp màu lửa, màu tía, màu lưu hoàng; đầu ngựa giống như đầu sư tử, và miệng nó có phun lửa, khói và diêm sanh. Một phần ba loài người bị giết vì ba tai nạn đó, là lửa, khói, và diêm sanh ra từ miệng ngựa. Vì quyền phép của những ngựa ấy ở nơi miệng và đuôi nó; những đuôi ấy giống như con rắn, và có đầu, nhờ đó nó làm hại người. (Kh 9:15-19)

Sự chết, là thứ đã có được một kỳ nghỉ dưới tiếng loa thứ năm (9:5-6), giờ đây trở lại với một sự báo thù. **Bốn vị thiên sứ** (các đấng bị trói ở sông Ô-phơ-rát, câu 14) **đã chực sẵn** bởi Đức Chúa Trời **đến giờ, ngày, tháng và năm ấy** (đối chiếu Mat 24:36) **được cỡi trời**. Đúng thời điểm chính xác vào năm, tháng, ngày và giờ chính xác đã định trước được kêu gọi theo chương trình tể trị của Đức Chúa Trời, Ngài sẽ thả bốn vị vua cao cấp này ra để Ngài có thể sử dụng họ trong sự phán xét thể gian của Ngài đang diễn ra.

Mục đích gây sốc, kinh khiếp cho việc thả cấp lãnh đạo ma quỷ này ra và các sứ của họ hầu cho **tiêu diệt một phần ba loài người** ("dân sự trên đất", 8:13). Sự phán xét của cái ấn thứ tư đã giết hết một phần tư dân số thế giới (6:8); điều này bổ sung **một phần ba** khiến số người chết từ hai lần phán xét cho thấy có đến hơn một nửa dân số đông đảo của đất. Tổng số đáng kinh ngạc đó chưa kể đến những người đã thiệt mạng trong những lần phán xét bằng cái ấn và tiếng loa khác nữa. Sự nhấn mạnh lặp đi lặp lại trong các lần phán xét bằng tiếng loa về một phần ba (đối chiếu 8:7-12) biểu hiện một cách thuyết phục rằng đây là những lần phán xét thiêng liêng chính xác được tể trị, chứ không chỉ là thiên tai.

Việc tàn sát khủng khiếp sẽ phá hoại hoàn toàn xã hội loài người. Nan đề xử lý các xác chết sẽ không thể nào lường được. Mùi hôi thối của các xác chết đang phân hủy sẽ thâm sâu vào thế giới, và cần có một nỗ lực to lớn nơi phần của người sống sót lo chôn chửng trong các mộ địa tập thể hoặc thiêu đốt chúng. Cách thức ma quỷ gây ra sự chết chóc cụ thể được tiết lộ trong câu 18.

Để giết chết hơn một tỉ người sẽ đòi hỏi một lực lượng hùng mạnh không thể tưởng tượng được. Giảng tường trình rằng **số binh kỵ mã của đạo quân là hai trăm triệu**. Đây có thể là một con số chính xác, hoặc nhiều thông số kỹ thuật, như các thông tin được sử dụng trong 5:11 và 7:9, đã được sử dụng. Khi ấy, giống như thể một số độc giả hoài nghi sẽ nghi ngờ rằng số lượng quá lớn, Giảng nhấn mạnh khẳng định vào độ chính xác của con số, ông làm chứng như sau: **"Số đó tôi đã nghe"**. Thêm vào với ma quỷ sống trên đất trong suốt lịch sử, **"các thần dữ ở các miền trên trời vậy"** (Eph 6:12) mới vừa bị quăng xuống đất (đối chiếu 9:1; 12:4), và vô số ma quỷ bị trói được thả ra khỏi vực sâu khi nghe tiếng loa thứ năm trời lên thì có một đạo binh 200.000.000 ma quỷ rất dữ dằn. Việc sử dụng **đạo quân** ở số nhiều có thể ngụ ý rằng lực lượng tấn công sẽ được chia thành bốn đạo quân, mỗi đạo quân được chỉ huy bởi một trong những con quỷ bị trói trước đây.

Có người cho rằng đây là đạo quân con người được đề cập đến trong 16:12 và do "các vua đông phương cầm đầu", lưu ý rằng quân đội Trung Hoa Đỏ kê số báo cáo con số 200 triệu trong thập niên 1970. Nhưng không có một tham khảo nào được thực hiện với quy mô quân đội được lãnh đạo bởi các vua Đông phương cầm đầu. Hơn nữa, đạo quân đó đã đến với bối cảnh trong sự phán xét cái bát thứ sáu, diễn ra trong suốt tiếng loa thứ bảy chứ không phải thứ sáu. Mặc dù có lúc một đội quân hiện có với con số **200 triệu**, tính bất khả thi trong việc cung cấp và vận chuyển một lực lượng rộng lớn như thế trên khắp thế giới hết thảy cũng luận lẽ chống lại số quân này là quân đội của con người. Ngôn ngữ biểu tượng thường mô tả bầy ngựa của quân đội này cho thấy đây là một lực lượng siêu nhiên thay vì lực lượng của con người, cũng như sự thực cho thấy rằng nó được chỉ huy bởi bốn con quỷ mới vừa được thả ra.

Trước khi mô tả bầy ngựa, các đại biểu thực sự của sự huỷ diệt, Giảng mô tả ngắn gọn **những kẻ cỡi trên chúng**. Ông lưu ý rằng **những kẻ ấy đều mặc giáp màu lửa, màu tía, màu lưu hoàng. Màu lửa** là màu đỏ; **màu tía**, màu xanh đen hoặc đen như khói; màu của **lưu huỳnh**, màu vàng lưu huỳnh, mô tả loại đá, khi cháy, tạo ra ngọn lửa cháy và khí gas làm nghẹt thở. Đó là màu sắc và đặc điểm chính của địa ngục (đối chiếu 14:10; 19:20; 20:10; 21:8), và chúng tô vẽ một bức tranh kinh hoàng về cơn thịnh nộ của Đức Chúa

Trời đổ xuống trên thế gian tội lỗi bởi bầy quỷ này. Những sắc màu này gợi nhớ lại sự huỷ diệt Sô-đôm, Gô-mô-rơ, và các thành phố lân cận (Sa 19:24-28).

Ngựa thường được gắn với chiến tranh trong Kinh thánh (thí dụ, Xu 14:9...; Phu 11:4; 20:1; Gios 11:4; ISa 13:5; IISa 1:6; 8:4; Thi 33:17; Ch 21:31; Es 5:28; Gie 6:23; Exe 23:23-24; 38:4, 15; Da 11:40; Os 1:7; Gio 2:4; Na 3:2-3), nhưng rõ ràng đây không phải là thứ ngựa đích thực đâu. Sử dụng ngôn ngữ có tính cách mô tả trong sự mặc thi, Giảng lưu ý rằng **đầu ngựa giống như đầu sư tử**. Giống như bầy **sư tử**, lực lượng ma quỷ dữ dằn, không ngừng nghỉ, quyết đoán và tàn sát các nạn nhân của chúng. Giảng lưu ý ba cách thức bầy ngựa ma quỷ giết chết các nạn nhân của chúng, hết thảy mọi sự này phác họa sự giận dữ, tàn phá rất bạo lực của địa ngục. Chúng đốt họ bằng lửa, và gây cho họ phải ngạt thở bằng **khói và diêm sanh**. Giảng nhìn thấy hậu quả tàn phá của cuộc tấn công gây chết chóc này của ma quỷ là **một phần ba loài người bị giết bởi tai nạn đó, là lửa, khói và diêm sanh ra từ miệng ngựa**.

Cần phải lưu ý rằng từ ngữ **tai nạn** sẽ xuất hiện thường xuyên trong phần còn lại của sách Khải huyền (11:6; 15:1, 6, 8; 16:9, 21; 18:4, 8; 21:9; 22:18) như một thuật ngữ nói tới những sự phán xét sau cùng mang tính huỷ diệt. Giống như thể phần mô tả ông đã đưa ra rồi là chưa đáng sợ đủ, Giảng nhìn thấy nhiều điều nữa về sức mạnh gây chết người của ma quỷ. Ông được cho biết rằng không những chỉ có quyền phép ra từ **miệng** của ngựa, mà còn ở **đuôi** của chúng nữa. Sau khi ví đầu ngựa với loài sư tử hoang dã, Giảng lưu ý rằng **những đuôi ấy giống như con rắn, và có đầu, nhờ đó nó làm hại người**. Đuôi của con ngựa không phải là loài rắn đích thực đâu, bởi vì ngựa này chẳng phải là giống ngựa đích thực. Con ngựa được xúc dầu với thể lực chiến tranh, sư tử với sức mạnh nguy hiểm, ác độc, con rắn có chất độc gây chết người. Những hình ảnh này mô tả tính cách chết chóc siêu nhiên của lực lượng ma quỷ này theo những thuật ngữ được hiểu phổ thông trong lãnh vực thiên nhiên. Không giống như nọc độc của loài bọ cạp gây ra trong cuộc tấn công của ma quỷ trước đây (9:5), sự rắn độc cắn do đạo binh này sẽ gây ra nhiều tử vong.

PHẢN ỨNG THÁCH THỨC

Còn những người sót lại, chưa bị các tai nạn đó giết đi, vẫn không ăn năn những công việc bởi tay chúng nó làm cứ thờ lạy ma quỷ cùng thần tượng bằng vàng, bạc, đồng, đá và gỗ, là những tượng không thấy, không nghe, không đi được. Chúng nó cũng không ăn năn những tội giết người, tà thuật, gian dân, trộm cướp của mình nữa. (Kh 9:20-21)

Sự chết mất một phần ba dân số còn lại của địa cầu sẽ là tai hoạ thảm khốc nhất đánh vào địa cầu kể từ thời NƯỚC LỤT. Tuy nhiên, trong một sự tỏ ra đáng kinh ngạc về sự cứng lòng, **Còn những người sót lại, chưa bị các tai nạn đó giết đi, vẫn không ăn năn**. Thật là khó tưởng tượng, sau nhiều năm chịu khổ và chết chóc dưới những sự phán xét khủng khiếp đến từ Đức Chúa Trời, cùng với sự rao giảng Tin lành đầy năng quyền của 144.000 nhà truyền đạo người Do-thái (7:1-8), hai chứng nhân (11:1-14), thiên sứ trên trời (14:6-7), và các tín đồ khác (Mat 24:14), những người sống sót vẫn từ chối không chịu ăn năn. Giống như những kẻ chối bỏ Chúa Jêsu xem khinh việc nhìn thấy các phép lạ của Ngài, không chịu nghe theo lời giảng dạy đầy năng quyền của Ngài và rao giảng về sự sống lại của Ngài, họ sẽ làm ứng nghiệm **"lời nầy của đấng tiên tri Ê-sai: Lạy Chúa, ai đã tin lời giảng chúng tôi, Và cánh tay Chúa đã tỏ ra cho ai? Vả lại, chúng không thể tin, vì Ê-sai lại có nói rằng: Ngài đã khiến mắt họ mù, lòng họ cứng, Hầu cho mắt chẳng thấy, lòng chẳng hiểu, Không tự hồi cải, Và ta chẳng chữa lành cho"** (Gi 12:38-40). Sau khi không chú ý đến lời cảnh báo của Kinh Thánh: **"Ngày nay nếu các ngươi nghe tiếng Ngài, thì chớ cứng lòng"** (He 4:7), họ sẽ bị hư mất (Kh 16:9, 11). Đáng buồn thay, họ sẽ chọn thờ lạy con rồng và con thú (Anti-christ) thay vì Chiên Con (đối chiếu 13:4-8).

Khi ông kết luận câu chuyện nói tới sự mặc thi đáng kinh ngạc này, Giảng liệt kê ra năm tội lỗi tiêu biểu cho sự phản ứng của những người đã từ chối không chịu ăn năn. Thứ nhất, họ **không ăn năn những công việc bởi tay chúng nó làm cứ thờ lạy ma quỷ cùng thần tượng bằng vàng, bạc, đồng, đá và gỗ, là những tượng không thấy, không nghe, không đi được** (đối chiếu Phu 4:28; Thi 115:5-7; 135:15-17). Kể từ khi có Sự Sa Ngã, con người thực hành sự thờ lạy hình tượng, thờ lạy **các công việc bởi tay chúng nó làm ra**. Cụm từ này được sử dụng trong Kinh Thánh đề cập đến các hình tượng (đối chiếu Phu 27:15;

31:29; II Vua 19:18; 22:17; II Su 32:19; 34:25; Thi 135:15; Es 2:8; 17:8; 37:19; Gie 1:16; 25:6, 7, 14; 32:30; 44:8; Os 14:3; Mi 5:13; Ag 2:14; Cong 7:41). Trong những thời xa xưa (và ngay cả trong một số xã hội ngày nay), người ta thực sự thờ lạy các **thần tượng bằng vàng, bạc, đồng, đá và gỗ, là những tượng không thấy, không nghe, không đi được** (xem những lời lăng mạ khinh thường của Đức Chúa Trời về sự điên rồ tội lỗi như thế trong Thi 115:1-8; Es 40:19-20; 44:8-20; Gie 10:3-5; Da 5:23; đối chiếu Ro 1:18-32). Còn thờ lạy bất kỳ hình tượng hay tà thần giả dối nào cũng là **thờ lạy ma quỷ** (Phu 32:17; Thi 106:37). Bản Kinh Thánh 70, (bản dịch Cựu Ước tiếng Hy-lạp) đề cập đến Thi 96:5, chép như sau: **“Vì những thần của các dân đều là hình tượng”**. Sứ đồ Phao-lô tuyên bố rằng **“nhưng đồ người ngoại đạo cúng tế là cúng tế các quỷ”** (ICo 10:20). Khi người ta thờ lạy hình tượng, những vị thần không tồn tại, ma quỷ tồn tại sẽ giả mạo các vị thần đó và giữ những kẻ thờ lại hình tượng làm phu tù cho quyền lực và sự lừa dối của ma quỷ. Các tôn giáo giả không phải là vô nghĩa về sự siêu nhiên đâu; họ đầy ắp nó — bởi vì họ là những cơ hội tốt nhất cho ma quỷ bắt linh hồn làm phu tù. Đây là những pháo đài của ICo 10:4-5, chúng phải bị tấn công bằng lễ thật nếu linh hồn cần được giải phóng.

Ở một điểm tương lai trong lịch sử thế giới, sự thờ lạy hình tượng, hình thức huyền bí, hình thức tâm linh, hình thức của Sa-tan và tất cả các hình thức tôn giáo sai lầm khác sẽ trở thành đại dịch, vì ma quỷ dẫn người ta vào cách ăn ở hung dữ hơn. Sự gian ác không kiềm chế, ngày càng leo thang sẽ chạy êm ả như chưa bao giờ xảy ra trong lịch sử nhân loại (đối chiếu ITi 4:1; ITi 3:1-5, 13). Kết quả là, thêm vào sự thờ lạy hình tượng, các loại tội phạm bạo lực như **giết người** sẽ tràn lan. Bị mất trí theo bất kỳ ý nghĩa đạo đức nào, hạng người gian ác không chịu ăn năn sẽ bắt chước tư dục làm đổ máu khi giết chóc của bầy ma quỷ. Những người tin theo Đức Chúa Trời chơn thật chắc chắn sẽ là mục tiêu hàng đầu của họ, khi họ chủ rủa tìm cách báo thù cho những tai họa mà Thiên Chúa đã giáng trên họ.

Giăng mô tả tội lỗi thứ ba mà sự mặc thị của ông tỏ ra sẽ là đặc điểm cho thời kỳ bi thảm đó là **tà thuật**, một từ Hy-lạp mà từ đó Anh ngữ có từ "pharmacy" [dược khoa] và "pharmaceuticals" [bào chế dược khoa]. Ma túy đã và vẫn đang còn được tin tưởng để tạo ra một trạng thái tôn giáo cao hơn trong sự thông công với các thần. (Về sự bàn luận những thực tiễn như vậy, hãy xem Ephesians, MacArthur New Testament Commentary [Chicago: Moody, 1986], 229-34). Pharmakōn cũng đề cập đến các chất độc, bùa mê thuốc lú, phù thủy, thần chú, phép thuật, liên hệ với đồng cốt, hoặc bất cứ vật gì gắn liền với sự thờ lạy hình tượng tà giáo để gợi lên ham muốn hoặc quyến rũ. Người ta sẽ chìm sâu xuống những bẫy dõ của Sa-tan trong tôn giáo giả tạo.

Tội thứ tư mà từ đó người chưa được tái sinh sẽ từ chối không chịu xây lại là gian dâm. Porneia là từ gốc của từ "pornography" [khiêu dâm] trong tiếng Anh. Đây là thuật ngữ chung mô tả tội lỗi tình dục của từng loại, bao gồm gian dâm, ngoại tình, hãm hiếp, và đồng tính luyến ái. Những ảo giác tình dục không thể mô tả hết sẽ tràn ngập trong thời đó.

Sau cùng, người ta sẽ từ chối không chịu ăn năn về sự **trộm cướp**. Giống như đạo đức, sự trung thực sẽ không còn tồn tại, khi người ta cạnh tranh về nguồn cung lương thực, quần áo, nước uống, nơi ở và thuốc men ngày càng khan hiếm.

Dưới ảnh hưởng lớn lao của các thế lực ma quỷ, thế giới sẽ rơi vào tình trạng tôn giáo giả mạo, giết người, rối loạn về tình dục, và tội phạm chưa từng có trong lịch sử loài người. Thật là tình tảo khi nhận ra rằng một ngày kia Chúa sẽ đến "đặng phán xét mọi người, đặng trách hết thảy những người không tin kính về mọi việc không tin kính họ đã phạm, cùng mọi lời si hồ mà những kẻ có tội không tin kính đó đã nói nghịch cùng Ngài" (Giu 1:15). Trong ánh sáng của sự phán xét hầu đến, đây là trách nhiệm của hết thảy những ai tin Chúa là phải trung tín rao giảng Tin lành cho những người chưa tin, qua đó **"rút họ ra khỏi lửa"** (Giu 1:23).

Khi Đức Chúa Trời Phá Vỡ Sự Im Lặng Của Ngài (Kh 10:1-11)

22

Đoạn, tôi lại thấy một vị thiên sứ khác sức mạnh lắm, ở từ trời xuống, có đám mây bao bọc lấy. Trên đầu người có mồng; mặt người giống như mặt trời và chân như trụ lửa. Người cầm nơi tay một quyển sách nhỏ mở ra: người để chân hữu mình trên biển, chân tả mình trên đất, và kêu lên một tiếng lớn, như tiếng sư tử rống: khi kêu tiếng đó rồi thì bảy tiếng sấm rền lên. Lại khi bảy tiếng sấm rền lên rồi, tôi có ý chép lấy, nhưng tôi nghe một tiếng ở từ trời đến phán rằng: Hãy đóng ấn, những điều bảy tiếng sấm đã nói, và đừng chép làm chi. Bấy giờ vị thiên sứ mà tôi đã thấy đứng trên biển và trên đất, giơ tay hữu lên trời, chỉ Đấng hằng sống đời đời, là Đấng đã dựng nên trời cùng muôn vật trên trời, dựng nên đất cùng muôn vật dưới đất, dựng nên biển cùng muôn vật trong biển, mà thề rằng không còn có thì giờ nào nữa; nhưng đến ngày mà vị thiên sứ thứ bảy cho nghe tiếng mình và thổi loa, thì sự mầu nhiệm Đức Chúa Trời sẽ nên trọn, như Ngài đã phán cùng các tôi tớ Ngài, là các đấng tiên tri. Tiếng mà tôi đã nghe đến từ trời, lại nói cùng tôi và bảo rằng: Hãy đi, lấy quyển sách nhỏ mở ra trong tay vị thiên sứ đang đứng trên biển và đất. Vậy, tôi đi tới vị thiên sứ và xin người cho tôi quyển sách nhỏ. Người phán: Người hãy lấy và nuốt đi; nó sẽ đắng trong bụng người, nhưng trong miệng người nó sẽ ngọt như mật. Tôi lấy quyển sách nhỏ khỏi tay vị thiên sứ và nuốt đi; trong miệng tôi nó ngọt như mật, nhưng khi tôi nuốt rồi, thì đắng ở trong bụng. Có lời phán cùng tôi rằng: Người còn phải nói tiên tri về nhiều dân, nhiều nước, nhiều tiếng và nhiều vua nữa. (Kh 10:1-11)

Một thắc mắc đã làm cho dân sự của Đức Chúa Trời phải bối rối trong suốt lịch sử, ấy là tại sao Đức Chúa Trời lại cho phép điều ác trên thế gian. Kẻ ác thường tỏ ra họ thịnh vượng. Tội lỗi dường như đi hoang và không ai kiểm soát được. Ai nấy đều thắc mắc, tại sao Đức Chúa Trời chưa chấm dứt mọi vụ giết chóc, đòi bại, và hỗn loạn trên thế gian? Tại sao Ngài lại để cho con cái của Ngài phải chịu khổ chứ? Khi nào thì sự công bình thiêng liêng sẽ thắng hơn và người công bình sẽ được giải cứu và kẻ ác sẽ bị hình phạt?

Ở giữa những thử thách của ông, Gióp đã than phiền rằng: "Trại của kẻ cướp được may mắn, những kẻ chọc giận Đức Chúa Trời ở bình an vô sự ... Có sao kẻ gian ác sống, trở nên già cả và quyền thế cường thịnh?" (Gióp 12:6; 21:7). Tác giả Thi thiên thường thắc mắc tại sao Đức Chúa Trời lại dung chịu hạng người gian ác. Trong Thi 10:1-5, tác giả Thi thiên đã thắc mắc với Đức Chúa Trời:

Đức Giê-hô-va ôi! vì có gì Ngài đứng xa, Lúc gian truân tại sao Ngài ẩn mình đi? Kẻ ác, vì lòng kiêu ngạo, hăm hờ rượt theo người khốn cùng; Nguyên chúng nó phải mắc trong mưu chước mình đã toan. Vì kẻ ác tự khoe về lòng dục mình; Kẻ tham của từ bỏ Đức Giê-hô-va, và khinh dể Ngài. Kẻ ác bộ mặt kiêu ngạo mà rằng: Ngài sẽ không hề hạch hỏi. Chẳng có Đức Chúa Trời: kia là tư tưởng của hắn. Các đường hắn đều may mắn luôn luôn; Sự đoán xét của Chúa cao quá, mắt hắn chẳng thấy được.

A-sáp than vãn: “Đức Chúa Trời ôi! kẻ cừ địch sẽ nói sỉ nhục cho đến chừng nào? Kẻ thù nghịch há sẽ phạm danh Chúa hoài sao? Sao Chúa rút tay lại, tức là tay hữu Chúa? Khá rút nó ra khỏi lòng, và tiêu diệt chúng nó đi!” (Thi 74:10-11). Ở một Thi thiên khác, A-sáp khẩn cầu: “Đức Chúa Trời ôi! xin chớ làm thinh. Đức Chúa Trời ôi! xin chớ nín lặng, chớ đứng yên. Vì, kìa, các kẻ thù nghịch Chúa náo loạn, và những kẻ ghét Chúa ngược đầu lên” (Thi 83:1-2). Trong Thi 94:3-4 một tác giả Thi thiên than phiền với Đức Chúa Trời: “Hỡi Đức Giê-hô-va, kẻ ác sẽ được thắng cho đến chừng nào? Chúng nó buông lời nói cách xác xược. Những kẻ làm ác đều phô mình”.

Đồng thanh với tiếng kêu của Tác giả Thi thiên, Giê-rê-mi cầu nguyện:

Hỡi Đức Giê-hô-va, tôi biện luận cùng Ngài, Ngài thật công bình; dầu vậy, tôi còn muốn biện luận cùng Ngài. Sao đường lối những kẻ ác được thanh vượng? Sao những người gian trá được yên ổn? Ngài đã vun trồng họ; họ đã đâm rễ, lớn lên và ra trái. Miệng họ ở gần Ngài, song lòng họ cách xa Ngài. Hỡi Đức Giê-hô-va, Ngài biết tôi, thấy tôi, thử xem lòng tôi đối với Ngài thế nào. Xin kéo những người ấy như con chiên bị dắt đến chỗ giết, biệt riêng họ ra cho ngày đánh giết! (Gie 12:1-3)

Ha-ba-cúc khẳng định: “Mắt Chúa thánh sạch chẳng nhìn sự dữ, chẳng có thể nhìn được sự trái ngược. Sao Ngài nhìn xem kẻ làm sự dối trá, khi kẻ dữ nuốt người công bình hơn nó, sao Ngài nín lặng đi?” (Ha 1:13). Các thánh đồ tuân đạo trong Kỳ Đại Nạn ở trên trời kêu gào với Đức Chúa Trời: “Chúng đều kêu lên lớn tiếng rằng: Lạy Chúa là Đấng thánh và chân thật, Chúa trì hoãn xét đoán và chẳng vì huyết chúng tôi báo thù những kẻ ở trên đất cho đến chừng nào?” (Kh 6:10).

Mọi đau đớn, đau khổ, khổ sở mà điều ác trong thế gian gây ra cho người tin kính khiến cho họ phải ao ước Đức Chúa Trời can thiệp. Một ngày sẽ đến khi Ngài sẽ phá vỡ sự im lặng của Ngài, một ngày khi mọi mục đích của Đức Chúa Trời liên quan đến con người và thế gian sẽ được hoàn thành. Vào thời điểm đó, Đức Chúa Jêsu Christ sẽ tái lâm và thiết lập vương quốc trên đất của Ngài. Người sẽ trị vì một cách công bình, với "cây gậy sắt" (Thi 2:9), và "thế gian sẽ đầy dẫy sự hiểu biết Đức Giê-hô-va, như các dòng nước che lấp biển" (Es 11:9). Hết thảy những ai vô thần, những ai không có ý thức, cùng những kẻ nhạo báng họ chế nhạo tư tưởng cho rằng Đấng Christ sẽ tái lâm (II Phi 3:3-4) sẽ phải câm nín đi. Nhiều thập kỷ tội lỗi, dối trá, trộm cắp, giết người, chiến tranh, bắt bớ và sự tuân đạo của dân sự Đức Chúa Trời sẽ kết thúc. Sa-tan cùng các sứ nó sẽ bị trói lại và quăng vào vực sâu trong một ngàn năm (Kh 20:1-3), không còn có khả năng cám dỗ, hành hại, hoặc cáo giác những người tin Chúa nữa. Sa mạc sẽ trở thành một khu vườn trổ đầy hoa (đối chiếu Es 35:1; 51:3; Exe 36:34-35), người ta sẽ sống đời sống rất thọ (Es 65:20), sẽ có sự hoà bình giữa những cựu thù ở mọi cấp độ xã hội — và ngay cả trong vương quốc của động vật (Es 11:6-8). Sự tàn phá của tội lỗi — nhiều tấm lòng tan vỡ, các mối quan hệ gãy đổ, những cuộc hôn nhân tan nát, nhiều gia đình không còn nữa, mơ ước tan tành, con người đổ vỡ — sẽ được chữa lành. Buồn rầu, khổ sở, than khóc và đau đớn sẽ tan biến đi như lớp sương lúc sáng mai trước mặt trời lúc giữa trưa (Kh 7:17; 21:4).

Tiếng loa thứ bảy thổi lên, loan báo sự tái lâm và tể trị tức thì của Đức Chúa Jêsu Christ, sẽ báo hiệu cho cái ngày đã được chờ đợi lâu nay đó: “Từ nay nước của thế gian thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài, Ngài sẽ trị vì đời đời” (11:15). Tiếng loa thứ bảy sẽ mở ra những sự phán xét bằng bảy cái bát với lửa lan thật nhanh ngay trước khi Đấng Christ tái lâm trên đất (16:1-21).

Nhưng trước khi tiếng loa thứ bảy thổi lên, sẽ có khoảng thời gian xen giữa từ 10:1 đến 11:14, cho phép Giăng (và độc giả hôm nay) phải dừng lại và thu thập những sự thật đáng kinh ngạc vừa được tiết lộ cho ông. Khoảng trống giữa tiếng loa thứ sáu và thứ bảy tương tự như khoảng thời gian xen giữa trong những sự phán xét của cái án và cái bát. Giữa những cái án thứ sáu và thứ bảy là khoảng thời gian xen giữa của chương 7; giữa những cái bát thứ sáu và thứ bảy có khoảng thời gian ngắn xen giữa 16:15. Những khoảng thời gian xen giữa này khuyến khích dân sự Đức Chúa Trời đang sống giữa cơn thanh nộ và kinh hoàng của sự phán xét thiêng liêng, và nhắc cho họ nhớ rằng Đức Chúa Trời vẫn đang tể trị trên mọi biến cố. Trong suốt những khoảng thời gian xen giữa đó, Đức Chúa Trời yên ủi dân sự của Ngài với sự hiểu biết rằng Ngài đã không quên họ, và sau cùng họ sẽ đắc thắng.

Điều này đặc biệt là sự thật: khoảng thời gian dài nhất (với số lượng dành cho nó) trong ba khoảng thời gian xen giữa, khoảng thời gian này ở giữa các tiếng loa thứ sáu và thứ bảy (10:1-11:14). Những người tin Chúa còn sống trong thời gian đó sẽ chịu đựng những kinh khiếp không tưởng được của một thế giới điên rồ vì tội lỗi, bị tấn công bởi ma quỷ. Giống như những người tin Chúa trong thời của Ma-la-chi (đối chiếu Ma 3:16-17), họ lo sợ mình bị quét sạch bởi những sự phán xét thiêng liêng đang tàn phá địa cầu. Đức Chúa Trời sẽ an ủi và tái khẳng định với họ rằng Ngài đã không quên họ và rằng Ngài vẫn tể trị trên mọi biến cố và đang bảo hộ dân sự Ngài.

Chương 10 mô tả các biến cố khai mào của khoảng thời gian xen giữa này sửa soạn cho tiếng loa sau

cùng trỗi lên. Sự việc xảy ra như thế do phần mô tả năm đặc điểm bất thường: một thiên sứ, một hành động, một câu trả lời, một lời tuyên bố, và một sự phân công.

MỘT THIÊN SỨ BẤT THƯỜNG

“Đoạn, tôi lại thấy một vị thiên sứ khác sức mạnh lắm, ở từ trời xuống, có đám mây bao bọc lấy. Trên đầu người có mũ; mặt người giống như mặt trời và chân như trụ lửa. Người cầm nơi tay một quyển sách nhỏ mở ra” (Kh 10:1-2a)

Như có chép trong sách Khải huyền (xem 4:1; 7:1, 9; 15:5; 18:1; 19:1), **eidon (tôi thấy)** đánh dấu phần mở đầu của một sự mặc thị mới. Theo sự mặc thị của ông về sáu tiếng loa đầu tiên (8:6 - 9:21), Giảng đã có một sự hiện thấy về một đấng mà trước đó ông không nhìn thấy. Vị **thiên sứ có sức mạnh** này khác biệt với bảy thiên sứ trỗi bảy tiếng loa lên. Sau khi ghi nhận sự tương đồng giữa phần mô tả của ông và phần mô tả của Đấng Christ trong 1:12-17, và Ngài, giống như Đấng Christ, từ trên trời xuống trong đám mây (đối chiếu 1:7), có người xác định thiên sứ này là Đức Chúa Jêsus Christ. Nhưng có một vài yếu tố chống lại việc xác nhận ấy.

Thứ nhất, việc sử dụng **allos (khác cùng loại)** nhận dạng thiên sứ này là một thiên sứ chính xác như các thiên sứ thổi loa đã được nhắc đến trước đây. Nếu Đấng Christ được đề cập đến ở đây, chữ **heteros (khác không cùng loại)** đáng trông mong, một khi Đấng Christ về bản chất thì khác với các thiên sứ. Đấng Christ không thể được mô tả như một thiên sứ chính xác giống như các thiên sứ khác, một khi họ được dựng nên còn Ngài là Đức Chúa Trời đời đời, là Đấng không được dựng nên.

Thứ hai, bất cứ khi nào Đức Chúa Jêsus Christ xuất hiện trong sách Khải huyền, Giảng cung ứng cho Ngài một tước hiệu không thể nhầm lẫn. Ngài được gọi là "Đấng làm chứng thành tín, sanh đầu nhất từ trong kẻ chết và làm Chúa của các vua trong thế gian" (1:5), con người (1:13), Đấng trước hết và là Đấng sau cùng (1:17), Đấng Sống (1:18), Con Đức Chúa Trời (2:18), Đấng thánh, chân thật (3:7), Đấng A-men, Đấng làm chứng thành tín chân thật, Đấng làm đầu cội rễ cuộc sáng thế của Đức Chúa Trời (3:14), sự tử của chi phái Giu-đa, tức là Chối của vua Đa-vít (5:5), Chiên Con (6:1, 16; 7:17; 8:1), Đấng Trung Tín Và Chân Thật (19:11), Lời Đức Chúa Trời (19:13), và Vua Của Các Vua Và Chúa Của Các Chúa (19:16). Thật là hợp lý khi cho rằng nếu Đấng Christ là vị thiên sứ ở đây thì Ngài sẽ được nhận diện rất khác biệt.

Thứ ba, các thiên sứ có sức mạnh khác, rõ ràng không thể được đồng hóa với Đấng Christ xuất hiện trong Khải huyền (5:2; 18:21). Một khi các thiên sứ khác được xác định như vậy, không có một lý do thuyết phục nào để liên kết tước hiệu đó với Đức Chúa Jêsus Christ. Hơn nữa, trong khi Đấng Christ trước khi hoá thân thành nhục thể xuất hiện trong Cựu Ước trong vai trò Thiên sứ của Đức Giê-hô-va, Tân Ước không có một chỗ nào đề cập đến Ngài là một thiên sứ cả.

Thứ tư, không thể tưởng tượng là Đức Chúa Jêsus Christ, Ngôi Hai trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời, có thể đưa ra lời thề mà vị thiên sứ này đưa ra ở các câu 5 và 6: "Bây giờ vị thiên sứ mà tôi đã thấy đứng trên biển và trên đất, giơ tay hữu lên trời, chỉ Đấng hằng sống đời đời, là Đấng đã dựng nên trời cùng muôn vật trên trời, dựng nên đất cùng muôn vật dưới đất, dựng nên biển cùng muôn vật trong biển". Một khi Ngài là Đức Chúa Trời, Đức Chúa Jêsus Christ phục sinh, được tôn vinh hiển sẽ chỉ chính mình mà thề (đối chiếu He 6:13).

Cuối cùng, vị thiên sứ này đã **từ trời xuống**. Để xác nhận Ngài là Đấng Christ thì phải thêm một sự hiện diện khác của Đấng Christ trên đất không thấy có ở một chỗ nào khác trong Kinh Thánh, là điều không phù hợp với những phần mô tả của Kinh thánh về Lần Đến Thứ Hai (Mat 24:30; 25:31; IITe 1:7-8).

Các thiên sứ khác được mô tả trong Kinh thánh có cùng một vẻ rực rỡ mà thiên thần này có. Exe 28:11-15 mô tả bề ngoài thiên sứ vinh hiển của Lucifer trước sự loạn nghịch của hắn chống lại Đức Chúa Trời:

Lại có lời Đức Giê-hô-va phán cùng ta như vậy: Hỡi con người, hãy làm một bài ca thương về vua Ty-rô và nói cùng người rằng: Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Người gồm đủ tất cả, đầy sự khôn ngoan, tốt đẹp trọn vẹn. Người vốn ở trong Ê-đên, là vườn của Đức Chúa Trời. Người đã có đầy mình mọi thứ ngọc báu, là ngọc mã não, ngọc vàng lọt, ngọc kim cương, ngọc thủy thương, ngọc sắc biếc, ngọc bích, ngọc sắc chàm, ngọc sắc xanh, ngọc thông hành, cùng vàng nữa. Nghề làm ra trông com ống sáo thuộc về người; từ ngày người mới được dựng nên đã sẵn sàng rồi. Người là một ché-ru-bin được xức dầu đang che phủ; ta đã lập người lên trên hòn núi thánh của Đức Chúa Trời; người đã đi dạo giữa các hòn ngọc sáng như lửa. Đường lối người trọn vẹn từ ngày người được dựng nên, cho đến lúc thấy sự gian ác trong người”.

Đaniên đã có sự hiện thấy về một thiên sứ, ông mô tả Ngài là “một người mặc vải gai, chung quanh lưng thắt đai bằng vàng ròng U-pha. Minh người như bích ngọc; mặt người như chớp, và mắt như đuốc cháy; tay và chân như đồng đánh bóng, và tiếng nói như tiếng đám đông” (Da 10:5-6). (Thiên sứ trong sự hiện thấy của Đaniên không phải là Đấng Christ trước khi hoá thân thành nhục thể rất rõ ràng từ sự thực Ngài yêu cầu sự vâng phục của Mi-ca-ên để đánh trận với ma quỷ, câu 13).

Sau khi giới thiệu vị thiên sứ có sức mạnh này, Giảng mô tả bộ trang phục ngoạn mục của Ngài. Ngài **có đám mây bao bọc lấy**, mặc lấy chiếc áo choàng của bầu trời trên hai vai mạnh sức của Ngài. Điều đó làm biểu tượng cho quyền phép, sự oai nghi và vinh hiển, và sự thực cho thấy Ngài đến đem theo sự phán xét. Đám mây liên quan đến lần đến thứ hai của Đấng Christ trong sự phán xét ở 1:7; 14:14-16; Mat 24:30; Mac 13:26; 14:62; và Lu 21:27.

Giảng cũng nhìn thấy **trên đầu Ngài có cái móng. Iris (cái móng)** là nữ thần Hy-lạp được nhân cách hoá bằng cái móng, và phục vụ trong vai trò một sứ giả của các thần. **Iris** trong tiếng Hy-lạp cổ được sử dụng để mô tả bất kỳ quang sáng nào ở xung quanh vật thể khác, chẳng hạn như vòng tròn xung quanh con mắt trên đuôi của con công, hoặc móng mắt của con mắt (Marvin R. Vincent, Word Studies in New Testament [Reprint, Grand Rapids : Eerdmans, 1946], 2: 477). Ở đây nó mô tả cái móng rực rỡ, nhiều màu sắc ở xung quanh đầu vị thiên sứ phản chiếu về huy hoàng rực rỡ của Ngài. Cũng một từ đó được sử dụng ở 4:3 để mô tả cái móng vòng quanh ngai của Đức Chúa Trời.

Trong khi đám mây làm biểu tượng cho sự phán xét, cái móng tiêu biểu cho lòng thương xót theo giao ước của Đức Chúa Trời ở giữa sự phán xét (như đã xảy ra trong 4:3). Sau Nước Lụt, Đức Chúa Trời đã ban cái móng làm dấu hiệu cho lời hứa của Ngài không bao giờ phá hủy thế gian bằng nước lụt nữa (Sa 9:12-16). Cái móng mà vị thiên sứ đội sẽ tái bảo đảm với dân sự của Đức Chúa Trời về lòng thương xót của Ngài giữa những phán xét hầu đến. Ma 3:16-4:2 trình bày chính hai mặt này trong lời hứa giao ước của Đức Chúa Trời về lòng thương xót đối với dân sự Ngài ở giữa sự phán xét:

Bấy giờ những kẻ kính sợ Đức Giê-hô-va nói cùng nhau, thì Đức Giê-hô-va để ý mà nghe; và một sách để ghi nhớ được chép trước mặt Ngài cho những kẻ kính sợ Đức Giê-hô-va và tưởng đến danh Ngài. Đức Giê-hô-va vạn quân phán: Những kẻ ấy sẽ thuộc về ta, làm cơ nghiệp riêng của ta trong ngày ta làm; và ta sẽ tiếc chúng nó như một người tiếc con trai mình hầu việc mình. Bấy giờ các ngươi sẽ trở lại và sẽ phân biệt giữa kẻ công bình và kẻ gian ác, giữa kẻ hầu việc Đức Chúa Trời và kẻ không hầu việc Ngài. Vì vậy, n gày đến, cháy như lò lửa. Mọi kẻ kiêu ngạo, mọi kẻ làm sự gian ác sẽ như rơm cỏ; Đức Giê-hô-va vạn quân phán: Ngày ấy đến, thiêu đốt chúng nó, chẳng để lại cho chúng nó hoặc rễ hoặc nhánh. Nhưng về phần các ngươi là kẻ kính sợ danh ta, thì mặt trời công bình sẽ mọc lên cho, trong cánh nó có sự chữa bệnh; các ngươi sẽ đi ra và nhảy nhót như bò tơ của chuồng”.

Chuyển sang mô tả bộ dạng của thiên sứ, Giảng lưu ý trước hết là **mặt Ngài giống như mặt trời** (đối chiếu 18:1). Sự vinh hiển, sáng láng của Ngài, vượt xa Môi-se (đối chiếu Xu 34:29-35), chiếu sáng cả đất **như mặt trời lúc giữa trưa** (đối chiếu 18:1). Tuy nhiên, sự rực rỡ ấy cũng chỉ là một sự phản chiếu nhạt nhòa sự vinh hiển **Shechinah** của Đức Chúa Trời, là Đấng “ở nơi sự sáng không thể đến gần được, chẳng người nào từng thấy Ngài và cũng không thấy được” (ITi 6:16) vì, như Ngài đã phán cùng Môi-se rằng: “Ngươi sẽ chẳng thấy được mặt ta, vì không ai thấy mặt ta mà còn sống” (Xu 33:20). Chính sự vinh hiển thuần khiết đã vụt sáng lên từ gương mặt của Chúa Jê-sus đã được tôn cao ở 1:16.

Tiếp theo, Giảng mô tả **bàn chân** và hai chân của vị thiên sứ như trụ lửa vững chắc, ổn định, không di động. Điều đó tiêu biểu cho sự thánh khiết bất khuất của Ngài trong việc đóng dấu sự phán xét của Ngài trên đất, được mô tả ở đây là **lửa** thiêu đốt kẻ bất kính (đối chiếu Ma 4:1).

Có người cho rằng việc sử dụng biblaridion (**quyển sách nhỏ**) trong câu 2 phân biệt quyển sách này với biblion ("**quyển sách**") của 5:1. Nhưng cách lý luận đó bỏ qua sự thực biblaridion là hình thức biblion thu nhỏ lại, và biblion cũng được dùng để chỉ quyển sách nhỏ ở 10:8. Thay vì phân biệt quyển sách này với quyển sách ở chương 5, hình thức thu nhỏ chỉ thêm một phần mô tả chi tiết hơn về nó trong sự mặc thị này. Quyển sách cần được thu nhỏ lại vì có tính cách biểu tượng của sự mặc thị này, một khi Giảng đã ăn lấy nó. Việc sử dụng thì phân từ hoàn thành hēneōgmenon (**đã được mở ra**) nhấn mạnh ý tưởng cuộn giấy đã được mở ra; sau khi đã được mở ra, nó vẫn còn được giữ mở ra như vậy. Việc này xác định nó với cuộn giấy chưa mở ra ở 5:1. Quyển sách nhỏ nằm mở ra trong bàn tay của thiên sứ bất thường này chỉ ra mọi sự kinh khiếp trong sự phán xét thiêng liêng sắp xảy tới.

MỘT HÀNH ĐỘNG BẤT THƯỜNG

“người để chân hữu mình trên biển, chân tả mình trên đất, và kêu lên một tiếng lớn, như tiếng sư tử rống: khi kêu tiếng đó rồi thì bảy tiếng sấm rền lên” (Kh 10:2b-3)

Vị thiên sứ ấy đặt **một chân trên biển** và **chân kia trên đất** cho thấy kích thước khổng lồ của Ngài từ quan điểm sự mặc thị của Giảng. Một khi chẳng có giới hạn nào được đưa ra trong việc mô tả **biển** và **đất**, hành động này của thiên sứ chứng tỏ thẩm quyền tối thượng của Đức Chúa Trời khi phán xét cả đất (đối chiếu 7:2; Xu 20:4, 11; Thi 69:34), là thứ Ngài sẽ sớm lấy lại từ tay kẻ chiếm đoạt, là Sa-tan. Phaolô viết: **"bởi chung đất và mọi vật chứa trong đất đều thuộc về Chúa"** (I Côrinhtô 10:26). Hành động của thiên sứ về mặt biểu tượng loan báo trước những sự phán xét sắp tới của tiếng loa thứ bảy và bảy cái bát trên cả đất.

Trong việc giữ lấy tầm thước khổng lồ của mình, vị thiên sứ **và kêu lên một tiếng lớn, như tiếng sư tử rống**. Tiếng kêu lớn của Ngài phản ánh sức mạnh, sự oai nghi và uy quyền của Đức Chúa Trời. Các vị tiên tri trong Cựu Ước cũng kết nối một tiếng gầm lớn, như sư tử với sự phán xét. Giê-rê-mi đoán trước việc ấy

“Đức Giê-hô-va quát tháo từ nơi cao; phát tiếng từ chỗ ở thánh Ngài; quát tháo to nghịch cùng chuồng chiên; trời tiếng kêu như những kẻ đập trái nho, nghịch cùng hết thầy dân cư trên đất” (Gie 25:30)

Ô-sê viết rằng: **“Đức Giê-hô-va, Ngài gầm thét như sư tử; Ngài sẽ gầm thét”** (Os 11:10), đang khi trong lời tiên tri của Giê-rê-mi: **“Đức Giê-hô-va gầm thét từ Si-ôn; Ngài làm cho vang tiếng mình ra từ Giê-ru-sa-lem; các tầng trời và đất đều rung động”** (Gio 3:16). Amốt cũng mô tả giọng kêu phán xét lớn tiếng (Am 1:2; 3:8). Điều này không có ý nói rằng giọng của thiên sứ đã hét lên không mạch lạc. Thay vì thế, Ngài đang phán rõ ràng nhưng với sức phát âm thật lớn để thu hút sự chú ý và gây ra sợ hãi. Những gì vị thiên sứ thực sự đã phán được ghi lại ở 10:6.

Sau khi vị thiên sứ **kêu lên** một việc lạ lùng đã xảy ra: **bảy tiếng sấm rền lên**. Số **Bảy** nói tới sự trọn vẹn, rất ráo và hoàn hảo. **Sấm** thường là dấu hiệu nói tới sự phán xét trong Kinh thánh (đối chiếu 8:5; 11:19; 16:18; ISa 2:10; IISa 22:14; Thi 18:13; Gi 12:28-30). Xu 9:23 ghi lại rằng "Mô-i-se bèn giờ gậy mình lên trời, Đức Giê-hô-va làm cho sấm động, mưa đá sa, lửa chạy trên mặt đất. Vậy, Đức Giê-hô-va khiến mưa đá sa trên xứ Ê-díp-tô". ISa 7:10: "Trong ngày đó Đức Giê-hô-va khiến sấm sét nổ vang trên dân Phi-li-tin, làm cho thua vỡ chạy, và chúng nó bị đánh bại trước mặt Y-sơ-ra-ên". Ê-sai chép: "Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ dùng sấm sét, động đất, tiếng ầm, gió lốc, bão, và ngọn lửa thiêu nuốt mà thăm phạt nó" (Es 29:6). Bảy tiếng sấm rền, làm lay động, mạnh mẽ kêu lên xin sự báo thù và phán xét cả đất tội lỗi. **Sấm** được phân biệt với giọng nói của vị thiên sứ và có thể được tiêu biểu cho tiếng của Đức Chúa Trời (đối chiếu ISa 7:10; Thi 18:13). Văn mạch không nói những gì **sấm** đã nói, nhưng sau khi nghe tiếng sấm ấy chắc chắn nó được thêm vào với sự kinh khiếp của bối cảnh phán xét (đối chiếu 8:5; 11:19; 16:18).

MỘT CÂU TRẢ LỜI BẤT THƯỜNG

Lại khi bảy tiếng sấm rền lên rồi, tôi có ý chép lấy, nhưng tôi nghe một tiếng ở từ trời đến phán rằng: Hãy đóng ấn, những điều bảy tiếng sấm đã nói, và đừng chép làm chi. (Kh 10:4)

Bảy tiếng sấm rền không những tạo ra một tiếng ồn thật lớn, mà còn truyền đạt thông tin **Giăng có ý chép lấy**. Trong sự vâng theo các mạng lệnh của Đức Chúa Trời, Giăng đã chép rồi nhiều điều về những gì ông đã nhìn thấy trong sự mặc thị của ông. Trong chương 1, Giăng nói rằng ông **"được Đức Thánh Linh cảm hóa, nghe đằng sau có tiếng kêu vang, như tiếng loa, rằng: Điều người thấy, hãy chép vào một quyển sách mà gởi cho bảy Hội Thánh tại Ê-phê-sô, Si-mi-ê-nơ, Bết-gâm, Thi-a-ti-rơ, Sạt-đe, Phi-la-đen-phi và Lao-đi-xê"** (1:10-11). Sau đó trong chương ấy, Đức Chúa Jêsus Christ đã được phục sinh vinh hiển truyền cho Giăng: **"Vậy hãy chép lấy những sự người đã thấy, những việc nay hiện có và những việc sau sẽ đến"** (1:19). Giăng cũng được chỉ thị riêng phải viết từng bức thư cho 7 Hội thánh (2:1, 8, 12, 18; 3:1, 7, 14). Sau đó trong sách Khải huyền, một lần nữa Giăng được truyền cho phải chép những gì ông đã nhìn thấy trong sự mặc thị của ông (14:13; 19:9; 21:5).

Nhưng trước khi Giăng có thể ghi chép sử điệp của bảy tiếng sấm rền kia, ông **đã nghe một tiếng ở từ trời** (đối chiếu câu 8; 11:12; 14:2, 13; 18:4) **đến phán rằng: Hãy đóng ấn, những điều bảy tiếng sấm đã nói, và đừng chép làm chi**. Trong trường hợp tiếng nói ấy là của Đức Chúa Cha, Đức Chúa Jêsus Christ, hay một thiên sứ thì không được tiết lộ. Tuy nhiên, mạng lệnh này rõ ràng có nguồn gốc từ Đức Chúa Trời — chính Đấng đã truyền cho Giăng ghi chép (đối chiếu 22:10). Lý do Giăng bị cấm không được ghi chép sử điệp của bảy tiếng sấm rền không được tiết lộ. Có thể rằng sự phán xét mà chúng thốt ra cũng rất là ghê khiếp không cho phép lộ ra. Bất kỳ suy đoán nào đối với nội dung cụ thể sử điệp của chúng đều là vô nghĩa cả; nếu Chúa muốn cho ai nấy đều nhìn biết, Ngài sẽ không cấm Giăng ghi chép đâu.

Daniên cũng bị cấm không được ghi lại các yếu tố nào đó trong sự hiện thấy của ông. Ở Da 8:26, ông được truyền cho: **"Vả, sự hiện thấy về các buổi chiều và các buổi mai mà đã nói đến là thật. Nhưng người hãy giữ kín sự hiện thấy đó, vì nó quan hệ với sau nhiều ngày"**. Sau đó ông được truyền cho: **"Hỡi Đa-ni-ên, hãy đi; bởi vì những lời này đã đóng lại và đóng ấn cho đến kỳ cuối cùng"** (Da 12:9). Sứ đồ Phaolô **"được đem lên đến chôn Ba-ra-đi, ở đó, nghe những lời không thể nói, mà không có phép cho người nào nói ra"** (II Co 12:4).

Có một số lẽ thật mà Đức Chúa Trời đã chọn không tiết lộ: **"Những sự bí mật thuộc về Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta; song những sự bày tỏ thuộc về chúng ta, và con cháu chúng ta đời đời, để chúng ta làm theo mọi lời của luật pháp này"** (Phu 29:29); **"Đức Chúa Trời phát tiếng và sấm rền ra lạ kỳ; Ngài làm những công việc lớn lao mà chúng ta hiểu không nổi?"** (Giop 37:5). Lời lẽ của bảy tiếng sấm rền rơi vào phạm trù đó. Chúng là lời lẽ duy nhất trong sách Khải huyền đã bị đóng ấn.

LỜI CÔNG BỐ BẤT THƯỜNG

"Bấy giờ vị thiên sứ mà tôi đã thấy đứng trên biển và trên đất, giơ tay hữu lên trời, chỉ Đấng hằng sống đời đời, là Đấng đã dựng nên trời cùng muôn vật trên trời, dựng nên đất cùng muôn vật dưới đất, dựng nên biển cùng muôn vật trong biển, mà thề rằng không còn có thì giờ nào nữa; nhưng đến ngày mà vị thiên sứ thứ bảy cho nghe tiếng mình và thổi loa, thì sự mầu nhiệm Đức Chúa Trời sẽ nên trọn, như Ngài đã phán cùng các tôi tớ Ngài, là các đấng tiên tri" (Kh 10:5-7)

Trong một hành động trang trọng, **vị thiên sứ mà Giăng đã thấy đứng trên biển và trên đất** [câu 2], **giơ tay hữu** (quyển sách nhỏ nằm ở tay trái của Ngài, câu 2) **lên trời** (nơi Đức Chúa Trời ngự) — tư thế chuẩn cho việc đưa ra một lời thề long trọng (đối chiếu Phu 32:40; Da 12:7). Đưa ra một lời thề như thế là khẳng định trước mặt Đức Chúa Trời rằng có một việc sẽ nói ra lẽ thật. Lời thề đó cho thấy rằng những gì vị thiên sứ sắp sửa nói ra đều có tầm quan trọng tối hậu và trung thực nhất.

Có người cho rằng hành động của thiên sứ vi phạm lệnh cấm, do Đức Chúa Jêsus Christ ban ra trong Ma-thi-ơ 5:34-35, chống lại việc thề thốt: **"Song ta phán cùng các ngươi rằng đừng thề chi hết: đừng chỉ trời mà thề, vì là ngôi của Đức Chúa Trời; đừng chỉ đất mà thề, vì là bề chân của Đức Chúa Trời; đừng chỉ thành Giê-ru-sa-lem mà thề, vì là thành của Vua lớn"**. Nhưng rõ ràng là một hữu thể thánh khiết trọn vẹn không thể làm bất cứ điều gì trái với các mạng lệnh của Đức Chúa Trời. Kinh thánh không cấm việc thề thốt, nhưng thay vì thế việc thề thốt với dự tính dối gạt (như các thầy thông giáo và người dòng Pha-ri-si đã thề, đối chiếu Mat 23:16-22). Kinh thánh ghi lại các lời thề của hạng người tin kính như Áp-ra-ham (Sa 21:25-31), Y-sác (Sa 26:26-31), David (ISa 20:12-17) và sứ đồ Phaolô (Cong 18:18). Hơn nữa, Kinh Thánh ghi nhận rằng chính mình Đức Chúa Trời đã đưa ra các lời thề (thí dụ, Sa 22:16-18; Lu 1:73; Cong 2:30; He 6:13). (Đề thảo luận thêm về vấn đề thề thốt, xem sách Giacô, MacArthur New Testament Commentary [Chicago: Moody, 1998], 263ff).

Thiên sứ đưa ra lời thề trong danh của **Đấng hằng sống đời đời, là Đấng đã dựng nên trời cùng muôn vật trên trời, dựng nên đất cùng muôn vật dưới đất, dựng nên biển cùng muôn vật trong biển**. Sự nhơn danh Đức Chúa Trời đó nhấn mạnh đến sự đời đời của Ngài (như trong 1:18; 4:9-10; 15:7) và quyền phép tể trị của Ngài trong và trên mọi vật trong sự sáng tạo của Ngài. Nó xác định Đức Chúa Trời là tác nhân tối hậu của muôn vật. Phaolô và Ba-na-ba đã kêu lên với đám đông ở Lít-tơ nhằm tìm cách giải thích cho họ: **"Hỡi các bạn, sao làm điều đó? Chúng ta chỉ là loài người giống như các ngươi; chúng ta giảng Tin Lành cho các ngươi, hầu cho xây bỏ các thần hư không kia, mà trở về cùng Đức Chúa Trời hằng sống, là Đấng đã dựng nên trời, đất, biển, và muôn vật trong đó"** (Cong 14:15). Với các triết gia theo tà giáo ở Hy-lạp trên đồi Mars ở A-thên Phaolô tuyên bố:

"Bấy giờ, Phao-lô đứng giữa A-rê-ô-ba, nói rằng: Hỡi người A-thên, phạm việc gì ta cũng thấy các ngươi sốt sắng quá chừng. Vì khi ta đi khắp thành các ngươi, xem xét khí vật các ngươi dùng thờ phượng, thì thấy một bàn thờ có chạm chữ rằng: THỜ CHÚA KHÔNG BIẾT. Vậy, Đấng các ngươi thờ mà không biết đó, là Đấng ta đang rao truyền cho. Đức Chúa Trời đã dựng nên thế giới và mọi vật trong đó, là Chúa của trời đất, chẳng ngự tại đền thờ bởi tay người ta dựng nên đâu. Ngài cũng chẳng dùng tay người ta hầu việc Ngài dường như có cần đến sự gì, vì Ngài là Đấng ban sự sống, hơi sống, muôn vật cho mọi loài. Ngài đã làm cho muôn dân sanh ra bởi chỉ một người, và khiến ở khắp trên mặt đất, định trước thì giờ đời người ta cùng giới hạn chỗ ở" (Cong 17:22-26)

Trong cả hai trường hợp, Phao-lô xác định với các dân ngoại theo tà giáo Đức Chúa Trời là nguồn gốc và là tác nhân đầu tiên của vũ trụ được dựng nên. Do đó, ông đã trả lời cho thắc mắc hấp dẫn nhất của con người trải qua các thế đại — thắc mắc về nguồn cội. Việc xác nhận Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa vang dội bài ca ngợi khen của hai mươi bốn trưởng lão được ghi lại ở 4:11: **"Lạy Đức Chúa Trời là Chúa chúng tôi, Chúa đáng được vinh hiển, tôn quý và quyền lực; vì Chúa đã dựng nên muôn vật, và ấy là vì ý muốn Chúa mà muôn vật mới có và đã được dựng nên"**. Lời công bố toàn diện cho rằng Đức Chúa Trời là **Đấng đã dựng nên trời cùng muôn vật trên trời, dựng nên đất cùng muôn vật dưới đất, dựng nên biển cùng muôn vật trong biển** cho thấy rằng phạm vi quyền phép sáng tạo của Đức Chúa Trời là bao quát toàn bộ (đối chiếu Sa 1:1; Xu 20:11; Thi 33:6; 102:25; 115:15; 124:8; 134:3; 146:5-6; Es 37:16; 42:5; Gie 32:17; 51:15). Mục đích của Ngài trong sự sáng tạo của Ngài sẽ được hoàn thành qua việc phán xét, đổi mới, hủy diệt, và tái tạo.

Nội dung cụ thể lời thề của vị thiên sứ là **không còn có thì giờ nào nữa**, đáp trả cho thắc mắc của những kẻ tuân đạo: **"Cho đến chừng nào?"** (6:10), và những lời cầu nguyện của các thánh đồ trong 8:3-5. Cụm từ này **nhưng đến ngày mà vị thiên sứ thứ bảy cho nghe tiếng mình và thổi loa** cho thấy rằng sự phán xét của tiếng loa thứ bảy sắp sửa tới và rằng đây chẳng phải là một biến cố đơn độc đâu, nhưng bao gồm **rất nhiều ngày** — cho thấy một khoảng thời gian. Khoảng thời gian này bao gồm những sự phán xét qua bảy cái bát (16:1-21), có vẻ như sẽ cần đến vài tuần hoặc vài tháng để mở ra. Vì vậy, tiếng loa thứ bảy đem lại sự phán xét cuối cùng được mô tả trong mấy cái bát thịnh nộ đổ ra trên trái đất. Thời gian kiên nhẫn của Đức Chúa Trời được xem là đã kết thúc; thời gian cho các hành động sau cùng của sự phán xét được xem là đã gần rồi. Thời gian dự kiến trong các thắc mắc của các môn đồ được ghi lại trong Mat 24:3 và Cong 1:6 đã đến. Những lời cầu nguyện của hết thảy các thánh đồ thuộc mọi thời đại vì đích đến của vương quốc Đức Chúa Trời đã được giải đáp (đối chiếu 6:9-11; Mat 6:9-10). Khi thiên sứ thứ bảy thổi loa: **"nước của thế gian thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài, Ngài sẽ trị vì đời đời"** (11:15).

Vào thời điểm ấy, **sự mầu nhiệm Đức Chúa Trời sẽ nên trọn, như Ngài đã phán cùng các tôi tớ Ngài, là các đấng tiên tri**. Sự mầu nhiệm trong Kinh thánh đề cập đến những lẽ thật mà Đức Chúa Trời đã giấu kín và sẽ tiết lộ vào đúng thời điểm của Ngài. Phaolô đã viết:

Ngôi khen Đấng có quyền làm cho vững chí anh em theo Tin Lành của tôi và lời giảng Đức Chúa Jêsu Christ, theo sự tỏ ra về lẽ mầu nhiệm, là lẽ đã giấu kín từ mọi đời trước, mà bây giờ được bày ra, và theo lệnh Đức Chúa Trời hằng sống, bởi các sách tiên tri, bày ra cho mọi dân đều biết, đặng đem họ đến sự vâng phục của đức tin (Ro 16:25-26)

Lẽ mầu nhiệm đã giấu kín trong quá khứ mà Tân Ước tỏ ra bao gồm **"những điều mầu nhiệm của nước thiên đàng"** (Mat 13:11), lẽ mầu nhiệm về **sự cứng lòng của dân Israel** (Ro 11:25), lẽ mầu nhiệm về **"Đấng Christ và Hội thánh"** (ICo 15:51), **"lẽ mầu nhiệm về điều bội nghịch"** (ITe 2:7), **"lẽ mầu nhiệm của Đấng Christ"** (Eph 3:4) và lẽ mầu nhiệm về **"Đấng Christ và Hội thánh"** (Eph 5:32), lẽ mầu nhiệm về **Đấng Christ nơi người tin Chúa** (Co 1:26-27), và mầu nhiệm về **sự hoá thân thành nhục thể** (ITi 3:16). Phaolô tự coi mình là một "viên quản gia" hay người giám hộ và là người giải quyết các lẽ mầu nhiệm này (ICo 4:1), **"phân phát"** những lẽ mầu nhiệm này **"đã được giấu kín trong Đức Chúa Trời"** (Eph 3:9).

Sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời (đối chiếu ICo 2:7; Co 2:2), là điều thiên sứ nói đến đó là **"hội hiệp muôn vật lại trong Đấng Christ, cả vật ở trên trời và vật ở dưới đất"** (Eph 1:10). Đây là tuyệt đích trong chương trình của Đức Chúa Trời trong việc đưa vương quốc vinh hiển của Ngài trong Đấng Christ đến chỗ hoàn thành. Nó bao gồm ơn cứu rỗi của người được chọn và chỗ của họ trong vương quốc vinh hiển của Ngài và mọi sự kèm theo với vương quốc ấy. Nó bao gồm sự phán xét con người và ma quỷ. **Sự mầu nhiệm** trước đây bị giấu kín đề cập đến tất cả các chi tiết chưa được biết được tỏ ra từ thời điểm này đến phần cuối của sách Khải huyền, khi trời mới và đất mới được dựng nên. Đức Chúa Trời đã rao giảng sự mầu nhiệm ấy (không có những chi tiết được tỏ ra trong Tân Ước) cho các tôi tớ Ngài là các **đấng tiên tri** trong Cựu Ước, và những người như Đa-ni-ên, Ê-xê-chi-ên, Ê-sai, Giê-rê-mi, Giô-ên, A-mốt, và Xa-cha-ri đã chép về các biến cố thuộc thời kỳ tận thế. Tuy nhiên, phần lớn các chi tiết đã được giấu kín và không được tiết lộ cho đến khi có Tân Ước (thí dụ: trong Mathiơ 24, 25, và ITe 1:5-2:12), và đặc biệt hơn trong các chương đứng trước trong sách Khải huyền. Đối với những người tin Chúa sống vào thời kỳ ấy trong một thế giới bị tàn phá bởi ma quỷ, giết người, phi luân về tình dục, lạm dụng ma túy, trộm cắp, và thiên tai vô song, sự nhận biết chương trình vinh hiển của Đức Chúa Trời đã diễn tiến đúng theo kế hoạch, vương quốc được hứa cho đang đến gần, khi **"sự nhận biết vinh quang Đức Giê-hô-va sẽ đầy dẫy khắp đất như nước đầy tràn biển"** (Ha 2:14), sẽ mang lại sự yên ủi và hy vọng rất lớn ở giữa sự phán xét.

SỰ PHÂN CÔNG BẤT THƯỜNG

"Tiếng mà tôi đã nghe đến từ trời, lại nói cùng tôi và bảo rằng: Hãy đi, lấy quyển sách nhỏ mở ra trong tay vị thiên sứ đang đứng trên biển và đất. Vậy, tôi đi tới vị thiên sứ và xin người cho tôi quyển sách nhỏ. Người phán: Ngươi hãy lấy và nuốt đi; nó sẽ đắng trong bụng ngươi, nhưng trong miệng ngươi nó sẽ ngọt như mật. Tôi lấy quyển sách nhỏ khỏi tay vị thiên sứ và nuốt đi; trong miệng tôi nó ngọt như mật, nhưng khi tôi nuốt rồi, thì đắng ở trong bụng. Có lời phán cùng tôi rằng: Ngươi còn phải nói tiên tri về nhiều dân, nhiều nước, nhiều tiếng và nhiều vua nữa" (Kh 10:8-11)

Tiếng mà Giảng đã nghe đến từ trời (câu 4) cảm ông ghi chép lời lẽ của bảy tiếng sấm rền lại phán cùng ông một lần nữa. Như ông đã có trước đó (đối chiếu 1:17; 4:1; 5:4-5; 7:13-14), một lần nữa Giảng trở thành một người tham gia tích cực vào sự mặc thị này. Ông rời khỏi chỗ của một người đứng quan sát để trở thành một diễn viên trong vở kịch. Tiếng ấy phán cùng ông: **Hãy đi, lấy quyển sách nhỏ mở ra trong tay vị thiên sứ đang đứng trên biển và đất**. Phần tham khảo thứ ba này nhắm vào vị trí của vị thiên sứ nhấn mạnh vào thẩm quyền bất thường mà Ngài có trên đất. Khi ấy, trong một minh hoạ nói tới phản ứng thích đáng nơi phần của người tin Chúa đối với sự phán xét sắp tới của Đức Chúa Trời, Giảng được truyền cho: **"Ngươi hãy lấy và nuốt đi; nó sẽ đắng trong bụng ngươi, nhưng trong miệng ngươi nó sẽ ngọt như mật"**. Vị thiên sứ biết rõ đâu là phản ứng của Giảng đối với lẽ thật này. Vâng lời, giống như Ê-xê-chi-ên ở

trước mặt Ngài (Exe 2:9-3:3), Trong sự mặc thị, về mặt biểu tượng Giăng đã **lấy quyển sách nhỏ khỏi tay vị thiên sứ và nuốt đi**. Y như vị thiên sứ đã nói trước, **trong miệng [Giăng] nó ngọt như mật, nhưng khi nuốt rồi, thì đắng ở trong bụng**.

Hành động ăn cuộn giấy làm biểu tượng cho sự hấp thụ và tiêu hoá Lời của Đức Chúa Trời (đối chiếu Thi 19:10; Gie 15:16; Exe 3:1-3). Khi Giăng nắm lấy lời thiêng liêng liên quan đến các sự phán xét còn lại y như Chúa đã nắm lấy cơ nghiệp trong vũ trụ, ông thấy lời lẽ được viết trong **cuộn sách nhỏ** kia nó **ngọt như mật và đắng**. Ngọt vì Giăng, giống như tất cả những người tin Chúa, họ muốn Chúa hành động trong sự phán xét để lấy lại địa cầu thuộc về Ngài rất hợp lệ rồi được tôn cao, được tôn vinh và được làm cho vinh hiển y như Ngài đáng được. Nhưng sự nhận biết số phận khủng khiếp đang chờ đợi những người không tin Chúa đã biến vị ngọt kia thành ra đắng.

Hết thảy những người nào kính mến Đức Chúa Jêsus Christ có thể liên kết với tư tưởng mâu thuẫn của Giăng. Những người tin Chúa khao khát Đấng Christ trở lại trong sự vinh hiển, vì Sa-tan sẽ bị huỷ diệt, và vương quốc vinh hiển của Chúa chúng ta sẽ được dựng lên trên đất, Ngài sẽ cai trị trong đó với thẩm quyền và sự vinh hiển rộng khắp trong khi thiết lập trong thế gian sự công bình, lẽ thật và sự bình an. Nhưng họ, giống như Phao-lô (Ro 9:1-3), than khóc cay đắng trước sự phán xét kẻ bất kính.

Trong khi giữ lấy kinh nghiệm vừa ngọt vừa đắng kia của Giăng: **Người còn phải nói tiên tri về nhiều dân, nhiều nước, nhiều tiếng và nhiều vua nữa".** Nữa cho thấy Giăng sắp được uỷ thác lần thứ hai (đối chiếu 1:19) để ghi chép phần còn lại của lời tiên tri mà Đức Chúa Trời sẽ ban cho ông. Những gì ông sắp tiếp thu sẽ tàn phá hơn bất cứ thứ gì được tỏ ra — và vinh hiển hơn nhiều. Ông phải trung thành với nhiệm vụ ghi lại mọi lẽ thật mà ông đã nhìn thấy và sẽ sớm nhìn thấy. Những lời tiên tri mà Giăng sẽ nhận lãnh được sẽ liên quan đến tất cả mọi người (tóm tắt trong bốn nhóm người ở 5:9 và 7:9) ở khắp mọi nơi. Vì vậy, Giăng cần phải cảnh báo về hết thảy các sự phán xét cay đắng đang đến trong tiếng loa thứ bảy và bảy cái bát. Là kẻ phu tù trên đảo Bát-mô (1:9), ông không có một cơ hội nào để rao giảng cho tất cả các nước, song ông cần phải viết ra các lời tiên tri và phân phát chúng, làm vậy để cảnh báo mọi người về sự cay đắng của sự phán xét hầu đến, về sự chết và địa ngục. Hạng tội nhân ở khắp mọi nơi có thể nhìn biết vì Giăng đã ghi chép lại những lời tiên tri này, trong khi sự phán xét hiện đang bị kềm lại, một ngày trong tương lai sẽ đến khi vị thiên sứ thứ bảy sẽ thổi tiếng loa của mình lên và sự thống trị của tội lỗi sẽ bị phá vỡ, sự tự do của Sa-tan và các sứ nó đi đến chỗ kết thúc, hạng người không tin kính sẽ bị phán xét, và những người tin Chúa sẽ được vinh hiển. Chương này trình bày một khoảng thời gian xen vào giữa của hy vọng với sự cay đắng, nó nhắc nhở hết thảy Cơ đốc nhân về trách nhiệm truyền bá Tin lành của họ để cảnh cáo thế gian trong thời buổi ấy.

Hai Người Làm Chứng

(Kh 11:1-4)

23

Bấy giờ có người ban cho tôi một cây lau giống như cây gậy, và biểu tôi rằng: Hãy đứng dậy đo đền thờ Đức Chúa Trời, bàn thờ, và những kẻ thờ lạy tại đó. Còn sân ngoài đền thờ thì hãy để nó ra ngoài, đừng đo làm chi; vì chỗ đó đã phó cho dân ngoại, họ sẽ giày đạp thành thánh đủ bốn mươi hai tháng. Ta sẽ cho hai người làm chứng ta mặc áo bao gai đi nói tiên tri trong một ngàn hai trăm sáu mươi ngày. Hai người làm chứng ấy tức là hai cây ô-li-ve và hai chân đèn đứng trước mặt Chúa của thế gian. Nếu ai muốn làm hại hai người đó, thì có lửa ra từ miệng hai người thiêu nuốt kẻ thù nghịch mình: kẻ nào muốn làm hại hai người thì phải bị giết như vậy. Hai người có quyền đóng trời lại, để cho trời không mưa trong những ngày mình nói tiên tri; hai người lại có quyền biến nước thành huyết và khiến các thứ tai nạn làm hại trên đất, lúc nào muốn làm cũng được cả. Khi hai người đã làm chứng xong rồi, có con thú dưới vực sâu lên, sẽ chiến đấu cùng hai người; thú ấy sẽ thắng và giết đi. Thân hai người sẽ còn lại trên đường cái của thành lớn, gọi bóng là Sô-dôm và Ê-díp-tô, tức là nơi mà Chúa hai người cũng đã bị đóng đi trên thập tự giá. Người ta ở các dân tộc, các chi phái, các tiếng, các nước sẽ trông thấy thân hai người trong ba ngày rưỡi, và chúng sẽ không cho chôn những thân ấy trong mồ. Các dân sự trên đất sẽ vui mừng hớn hở về hai người, và gói lễ vật cho nhau, bởi hai tiên tri đó đã khuấy hại dân sự trên đất. Nhưng, sau ba ngày rưỡi ấy, có sanh khí từ Đức Chúa Trời đến nhập vào trong hai người: hai người bèn đứng thẳng dậy, và những kẻ đứng xem đều kinh hãi cả thể. Hai người nghe một tiếng lớn ở từ trên trời đến phán cùng mình rằng: Hãy lên đây! Hai người bèn lên trời trong đám mây và những kẻ thù nghịch đều trông thấy. Đồng một giờ đó, có cơn động đất lớn; một phần mười của thành đổ xuống, bảy ngàn người chết trong cơn động đất ấy, còn những kẻ khác thất kinh và ngợi khen Đức Chúa Trời trên trời. "Nạn" thứ nhì qua rồi; nay "Nạn" thứ ba đến mau chóng (Kh 11:1-14)

Xuyên suốt lịch sử Đức Chúa Trời đã thành tín sai các phát ngôn viên của Ngài kêu gọi hạng tội nhân phải ăn năn. Trong suốt những năm tháng tối tăm thật dài của Israel loạn nghịch: “Song Đức Giê-hô-va cậy miệng các đấng tiên tri và những kẻ tiên kiến mà khuyên Y-sơ-ra-ên và Giu-đa rằng: Khá từ bỏ đường ác của các ngươi, hãy gìn giữ điều răn và luật lệ ta, tùy theo các mạng lệnh ta cậy những tiên tri, là tôi tớ ta, mà truyền cho tổ phụ các ngươi” (IIVua 17:13). Tuy nhiên, đáng buồn thay,

“Nhưng chúng không muốn nghe, cứng cổ mình, y như các tổ phụ của chúng không có lòng tin Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ. Chúng khinh bỏ các luật lệ và giao ước Ngài đã lập cùng tổ phụ họ, và những lời chứng mà Ngài đã phán với họ. Chúng đi theo các thần hư không, và trở thành hư không, bắt chước các dân tộc ở chung quanh mình, mà Đức Giê-hô-va đã cấm làm theo gương của chúng nó” (các câu 14–15).

Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ họ, đã truyền lại cho họ bởi các sứ giả của Ngài, vì Ngài đã giáng sự thương xót trên dân sự của Ngài và trên nơi ngự của Ngài; nhưng họ liên tục chế nhạo các sứ giả của Đức Chúa Trời, khinh dễ lời của Ngài và nhạo báng các tiên tri của Ngài, cho đến khi cơn thịnh nộ của Chúa đầy lên nghịch cùng dân sự Ngài, cho đến khi không còn phương chữa trị được nữa (IISu 36:15-16).

Ta đã sai mọi tôi tớ ta, tức các tiên tri, nhiều lần đến cùng các ngươi, nói rằng: “Ôi! sự gớm ghiếc mà ta ghét đó thì đừng phạm đến. Nhưng chúng nó chẳng nghe, chẳng để tai vào, chẳng chừa sự dữ, và cứ đốt hương cho các thần khác. Vì vậy cơn giận và sự thịnh nộ của ta đã đổ ra như lửa đốt nơi các thành của Giu-đa và các đường phố của Giê-ru-sa-lem; và chúng nó bị đổ nát hoang vu như có ngày nay” (Gie 44:4-6)

Các tiên tri như Ê-li, Ê-li-sê, Êsai, Giêrêmi, Giôna, và những vị khác đã đương đầu với cả hai: Israel lạc sai và các dân Ngoại tội lỗi, kinh nghiệm của Giêrêmi là kiểu mẫu nhận lãnh mà các vị tiên tri thường đã nhận được:

Này là lời phán cùng Giê-rê-mi về cả dân Giu-đa, trong năm thứ tư đời Giê-hô-gia-kim, con trai Giô-si-a, vua của Giu-đa; ấy là năm thứ nhất đời Nê-bu-cát-nét-sa, vua nước Ba-by-lôn. Đấng tiên tri Giê-rê-mi rao truyền những lời này trước mặt dân Giu-đa và hết thầy dân cư Giê-ru-sa-lem rằng: Từ năm thứ mười ba đời Giô-si-a, con trai A-môn, vua của Giu-đa, cho đến ngày nay có hai mươi ba năm, lời của Đức Giê-hô-va phán cùng tôi. Từ lúc đó, tôi dậy sớm nói cùng các người; nhưng các người chẳng khứng nghe tôi. Đức Giê-hô-va đã sai các đầy tớ Ngài, là các tiên tri, đến cùng các người, dậy sớm mà sai đến, nhưng các người không nghe lời, không để tai mà nghe. Các đấng ấy nói rằng: Mỗi người trong các người hãy từ đường dữ mình trở lại; hãy bỏ điều ác của việc làm mình, và ở trong đất mà Đức Giê-hô-va đã ban cho các người và tổ phụ các người từ xưa cho đến đời đời. Chớ theo các thần khác đặng hầu việc và thờ lạy, chớ lấy việc tay mình làm ra mà chọc giận ta nữa, thì ta sẽ không làm hại chi các người. (Gie 25:1-6)

Tuy nhiên, bức tranh chưa đến nỗi ảm đạm như thế; Đức Chúa Trời luôn luôn bảo toàn số dân sót có lòng tin. Phao-lô viết cho người thành Rô-ma: “Còn Ê-sai nói về dân Y-sơ-ra-ên mà kêu lên rằng: Dầu số con cái Y-sơ-ra-ên như cát dưới biển, chỉ một phần sót lại sẽ được cứu mà thôi” (Ro 9:27; đối chiếu Ro 11:4-5; Es 10:20-22; 11:11). Ôn cứu rỗi của Đức Chúa Trời đã đến với phần dân sót trung tín của Israel, cũng như các dân Ngoại chịu tin theo, qua sự trung tín rao giảng Tin lành. Trong Ro 10:13 Phao-lô tuyên bố: “Vì ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu”. Khi ấy, vị sứ đồ hỏi một cách hùng hồn: “Nhưng họ chưa tin Ngài thì kêu cầu sao được? Chưa nghe nói về Ngài thì làm thế nào mà tin? Nếu chẳng ai rao giảng, thì nghe làm sao?” (câu 14).

Trong Tân Ước, cũng như trong Cựu Ước, các nhà truyền đạo trung tín đã kêu gọi ăn năn và tin theo Chúa, hiển cho hết thầy các tội nhân niềm hy vọng được tha tội trong Đấng Christ. Đứng đầu hết trong số những nhà truyền đạo ấy là Đức Chúa Jê-sus Christ (Mat 4:17; Mac 1:38). Các đấng cấp truyền đạo trong Tân Ước cũng bao gồm Giăng Báp-tít (Mat 3:1-2), Mười Hai sứ đồ (Mat 10:5-7; Mac 6:7-12), Phi-e-rơ (Cong 7:1-56), Phi-líp (Cong 8:12, 35, 40), và hầu hết những kẻ tin theo họ, sứ đồ Phao-lô (Cong 13:15...; ITi 2:7; IITi 1:11).

Họ lần lượt chuyển giao lẽ thật của Tin lành cho thế hệ tiếp theo của các nhà truyền đạo tin kính, họ đã chuyển lẽ thật ấy qua cho các nhà truyền giáo khác (đối chiếu ITi 2:2), tỉ như Ti-mô-thê, Tít, các tiên tri và sứ đồ của Hội thánh, cũng như các trưởng lão của và các đấng tiên kiến trong Hội thánh đầu tiên. Cùng với nhiều nhà truyền giáo vô danh trải qua các thế đại, đã có những người nổi bật lo rao giảng Tin lành, tỉ như Clement, Ignatius, Polycarp, Chrysostom, Irenaeus, Wycliff, Huss, Tyndale, Luther, Calvin, Zwingli, Latimer, Knox, Bunyan, Wesley, Whitefield, Maclaren, Edwards, Spurgeon, và nhiều người khác nữa cho đến ngày nay.

Trong tương lai, trong thời khắc tối tăm nhất của Địa Cầu, Đức Chúa Trời sẽ đẩy lên hai nhà truyền đạo ngoại lệ đầy quyền phép. Họ sẽ không sợ hãi lo rao truyền Tin lành trong ba năm rưỡi trong bảy năm của Kỳ Đại Nạn, là khoảng thời gian mà Chúa Jê-sus gọi là “hoạn nạn lớn” (Mat 24:21; Kh 7:14). Trong khoảng thời gian đó, những sự phán xét thiêng liêng thật khủng khiếp giáng trên đất, khoảng thời gian của bảy ma quỷ hung dữ gây kinh khiếp và giết hại hàng triệu người, và sự gian ác đã lan tràn không ai kềm chế, sự rao giảng Tin lành của họ, cùng với sự rao giảng của 144.000 giáo sĩ người Do-thái (7:1-10), “thiên sứ bay giữa trời” (14:6), và những lời làm chứng của các tín hữu khác còn sống trong khoảng thời gian ấy, sẽ là một sự biểu hiện sau cùng của ân điển của Đức Chúa Trời hiển cho những tội nhân nào biết ăn năn và chịu tin theo Chúa.

Ngoài việc rao giảng Tin lành, hai nhà truyền đạo này sẽ công bố sự phán xét của Đức Chúa Trời giáng trên thế giới gian ác. Chức vụ của họ có thể sẽ kéo dài từ điểm giữa của Kỳ Đại Nạn cho đến ngay trước khi tiếng loa thứ bảy thổi lên. Tiếng loa này sẽ báo trước sự đổ ra những lần phán xét bằng cái bát lửa lan đi thật nhanh chóng, chiến trận A-t-ma-ghe-đôn và sự tái lâm của Đấng Christ. Trong suốt thời gian đó, họ sẽ công bố rằng các tai họa sẽ giáng xuống trên thế gian đều là những sự phán xét của Đức Chúa Trời. Họ sẽ dự phần vào việc làm ứng nghiệm lời của Đức Chúa Jê-sus Christ rằng “Tin Lành này về nước Đức Chúa Trời sẽ được giảng ra khắp đất, để làm chứng cho muôn dân. Bấy giờ sự cuối cùng sẽ đến” (Mat 24:14). Họ cũng sẽ được Đức Chúa Trời đại dụng để đem lại ơn cứu rỗi cho Y-sơ-ra-ên (đối chiếu phần thảo luận của câu 13 dưới đây).

Nhưng trước khi giới thiệu hai người trung tín làm chứng này, Giăng ghi lại một biến cố rất hay mà ông có một vai trò trong đó, một biến cố đề ra bối cảnh dành cho sự đến của hai người làm chứng.

ĐỀN THỜ BỊ ĐO

Bấy giờ có người ban cho tôi một cây lau giống như cây gậy, và biểu tôi rằng: Hãy đứng dậy đo đền thờ Đức Chúa Trời, bàn thờ, và những kẻ thờ lạy tại đó. Còn sân ngoài đền thờ thì hãy để nó ra ngoài, đừng đo làm chi; vì chỗ đó đã phó cho dân ngoại, họ sẽ giày đạp thành thánh đủ bốn mươi hai tháng (Kh 11:1-2)

Thỉnh thoảng trong sách Khải huyền, sứ đồ Giăng đóng một vai trò tích cực trong các sự mặc thị của ông (đối chiếu 1:17; 4:1; 5:4-5; 7:13-14; 10:8-10). Sau sứ mệnh mới phải ghi chép những lời tiên tri hầu đến trong Khải huyền (10:11), Giăng lại tham gia vào một trong những sự mặc thị mà ông đã ghi lại. Ông được . . . **ban cho một cây lau giống như cây gậy**, bởi chính thiên sứ đã trao đổi với ông ở 10:8 hoặc thiên sứ mạnh sức mà ông đã trao đổi với ở 10:9-11. Kalamos (cây tầm) đề cập đến cây sậy là thứ thực vật mọc ở thung lũng sông Giô-đanh có chiều cao từ 15 đến 20 feet. Cây này có thân rỗng và nhẹ, nhưng vẫn cứng đủ để sử dụng như một cây gậy để đi bộ (đối chiếu Exe 29:6) hoặc bị cạo nhẵn đi để làm bút (III Giăng 13). Thân cây, bởi vì chúng rất dài và nhẹ, rất lý tưởng cho việc sử dụng như thước đo. Trong viễn ảnh của Ê-xê-chi-ên, một thiên thần đã sử dụng cây gậy như vậy để đo lường đền thờ ngàn năm (Exe 40:3-43:17).

Giăng được yêu cầu phải **đo đền thờ của Đức Chúa Trời, kể cả bàn thờ, và những kẻ thờ lạy tại đó**. Rõ ràng, đây không phải là một nỗ lực để quyết định kích thước vật lý của nó, vì không có gì được cung ứng cho, nhưng đã truyền đạt một số lẽ thật quan trọng trở lại hơn phần kiến trúc. Sự việc đã chỉ ra, như trong một trường hợp ở Cựu Ước, rằng Đức Chúa Trời có khi đánh dấu mọi thứ cần phải hủy diệt (thí dụ IISa 8:2; IIVua 21:13; Es 28:17; Ca 2:8; Am 7:7-9, 17). Nhưng việc đo đạc của Giăng cần phải được hiểu rõ hơn là biểu thị quyền sở hữu, xác định các tham số về tài sản của Đức Chúa Trời (đối chiếu 21:15; Xa 2:1-5). Sự đo đạc này biểu hiện một việc gì đó tốt đẹp, một khi các thứ không được đo chính là điều ác (câu 2). Tốt nhất nên xem việc ấy là sự đo lường Israel của Đức Chúa Trời, được đền thờ làm biểu tượng, về ơn cứu rỗi, và về sự bảo hộ, sự bảo tồn và sự ưu ái đặc biệt của Ngài. Những lời tiên tri chưa được trao cho Giăng sẽ nhón đó phân biệt giữa sự ưu ái của Đức Chúa Trời đối cùng Israel và con thanh nộ của Ngài đối với thế giới ngoại giáo.

Lẽ thật đó chắc chắn là rất đáng khích lệ đối với Giăng. Vào thời điểm ông viết sách Khải huyền, tương lai của Israel trông rất ảm đạm. Một phần tư thế kỷ trước đó, người La-mã đã tàn bạo đàn áp cuộc nổi dậy của người Do-thái vào năm 66-70SC, giết hơn một triệu người Do-thái, tàn phá thành Giê-ru-sa-lem và thiêu đốt đền thờ. Nhưng, bất chấp sự hủy diệt lớn lao ấy: **"Đức Chúa Trời chẳng từng bỏ dân Ngài đã biết trước"** (Ro 11:2) và sẽ bảo tồn họ cho đến một ngày trong tương lai khi số dân sót của dân tộc tin theo Chúa sẽ được cứu (Ro 11:4-5, 26; đối chiếu Xa 12:10-13:1, 8-9).

Naos (đền thờ) không đề cập đến toàn bộ cấu trúc đền thờ (đối chiếu câu 2), mà đề cập đến bên trong đền thờ, được dựng lên từ Nơi Thánh và Nơi Chí Thánh. **Bàn thờ** có lẽ là bàn thờ bằng đồng, nằm bên ngoài nơi thánh trong sân, vì đó là chỗ mà **những kẻ thờ lạy** trong đền thờ sẽ nhóm lại. Dân sự không được phép vào đền thờ bên trong; chỉ có các thầy tế lễ mới có thể bước vào Nơi Thánh (nơi có bàn thờ xông hương, đối chiếu Lu 1:8-10). Những kẻ thờ lạy trong sự mặc thị của Giăng mô tả số dân sót Do-thái có lòng tin theo Chúa đang sinh sống trong Kỳ Đại Nạn, họ đang thờ lạy Đức Chúa Trời.

Sự hiện diện của đền thờ trong sự mặc thị này vào thời kỳ hoạn nạn lớn mang theo với nó sự nhận biết đầy khích lệ rằng đền thờ, bị người La-mã phá hủy nhiều năm trước khi Giăng viết, sẽ được tái thiết lại trong tương lai. Kinh thánh đề cập đến năm đền thờ. Sa-lô-môn xây dựng đền thờ thứ nhất, Xô-rô-ba-bên đã xây đền thờ thứ hai sau kỳ lưu đày, Hê-rôt xây dựng đền thờ thứ ba (trong thời của Đấng Christ), và chính mình Chúa sẽ xây dựng đền thờ thứ năm trong thời kỳ thiên niên niên (Ê-xê-chi-ên 40-48; Ag 2:9; Xa 6:12-13). Đền thờ Giăng nhìn thấy trong sự mặc thị này là đền thờ thứ tư, sẽ được xây dựng tại thành Giê-ru-sa-

lem trong Kỳ Đại nạn (Mat 24:15; ITe 2:4), và cùng với nó, hệ thống con sinh của người Do-thái sẽ được phục hồi (đối chiếu Da 9:27; 12:11).

Đền thờ trong Kỳ Đại Nạn sẽ được xây dựng vào nửa đầu của Kỳ Đại Nạn dưới sự bảo trợ và bảo vệ của Anti-christ. Nhiều người Do-thái chính thống ngày nay ước mơ xây dựng lại đền thờ của họ, nhưng bối cảnh của nó giờ đây đang bị chiếm (và trong tâm trí của nhiều người Do-thái bị xúc phạm) bởi nhà thờ Hồi giáo được biết đến là Dome of the Rock. Vì người Hồi giáo tin rằng đây là chỗ mà Muhammad lên trời, đây là một trong những đền thờ thiêng liêng nhất trong thế giới Hồi giáo. Đối với người Do-thái phải vật lộn để rút bối cảnh ấy ra khỏi tay người Hồi giáo và xây dựng đền thờ của họ sẽ không thể tưởng tượng nổi trong bầu khí hậu chính trị ngày nay. Nhưng trong Kỳ Đại Nạn, dưới sự bảo vệ của Anti-christ (đối chiếu Da 9:24-27), họ sẽ có khả năng tái thiết lại đền thờ.

Việc phục hồi sự thờ lạy trong đền thờ sẽ làm tỉnh thức mỗi quan tâm của phần nhiều người Do-thái nơi Đấng Mê-si. Nhiều người sẽ nhận ra rằng **"Vì huyết của bò đực và dê đực không thể cất tội lỗi đi được"** (He 10:4). Đức Chúa Trời sẽ sử dụng thái độ không thoả lòng đó để sửa soạn tấm lòng của họ cho cái ngày mà Ngài sẽ

sẽ đổ thân của ơn phước và của sự nài xin ra trên nhà Đa-vít, và trên dân cư Giê-ru-sa-lem; chúng nó sẽ nhìn xem ta là Đấng chúng nó đã đâm; và chúng nó sẽ thương khóc, như là thương khóc con trai một, sẽ ở trong sự cay đắng, như khi người ta ở trong sự cay đắng vì có con đau lòng. Trong ngày đó, sẽ có sự thương khóc lớn tại Giê-ru-sa-lem, như là sự thương khóc của Ha-đát-Rim-môn ở trong đồng bằng Mê-ghi-đô. Đất này sẽ thương khóc, mỗi họ riêng phần mình: họ của nhà Đa-vít riêng ra, những vợ chúng nó riêng ra; họ của nhà Na-than riêng ra, những vợ chúng nó riêng ra; họ của nhà Lê-vi riêng ra, những vợ chúng nó riêng ra; Họ Si-mê-y riêng ra, những vợ chúng nó riêng ra; phạm những họ còn sót lại, mỗi họ riêng ra, và những vợ chúng nó riêng ra. Trong ngày đó sẽ có một suối mở ra cho nhà Đa-vít và dân cư Giê-ru-sa-lem, vì tội lỗi và sự ô uế. (Xa 12:10-13:1)

Nhưng việc tái tỉnh thức về ơn phước trong Đấng Mê-si chơn thật sẽ kích thích tánh ganh tỵ ghê gớm của kẻ sai trái. Khi ngày càng có nhiều người Do-thái trở lại với sự thờ phượng ở đền thờ và bắt đầu tìm kiếm Đấng Mê-si của họ, Anti-christ sẽ hành động. Ở điểm giữa của Kỳ Đại Nạn, hắn sẽ thôi không thờ lạy nữa, làm ô uế đền thờ (sự hoang vu gớm ghiếc, Da 9:27; 12:11; Mat 24:15), và tự tôn mình lên làm đối tượng duy nhất đáng chấp nhận trong sự thờ phượng (13:15; ITe 2:4).

Việc đo đền thờ của Giăng tượng trưng cho việc đóng dấu số dân sót người Do-thái tin theo Chúa mà Đức Chúa Trời sẽ buông tha khỏi sự phán xét. Xa-cha-ri đã viết về những việc hầu đến đó:

Đức Giê-hô-va phán rằng: Xảy ra trong khắp đất, hai phần của nó sẽ bị diệt và mất song một phần ba sẽ được còn lại. Ta sẽ đem một phần ba ấy vào lửa, ta sẽ luyện nó như luyện bạc, thử nó như thử vàng; chúng nó sẽ kêu cầu danh ta, và ta sẽ nhậm lời nó; ta sẽ phán rằng: Ấy là dân ta đây. Và nó sẽ nói rằng: Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời tôi (13:8-9).

Này, ngày của Đức Giê-hô-va đến, những của cướp người sẽ bị chia giữa người. Vậy ta sẽ nhóm mọi nước lại tranh chiến cùng Giê-ru-sa-lem, và thành sẽ bị lấy, nhà sẽ bị cướp, đôn bà sẽ bị hãm, phân nửa thành sẽ đi làm phu tù; nhưng dân còn lại sẽ không bị trừ bỏ khỏi thành. Bấy giờ Đức Giê-hô-va sẽ ra đánh cùng các nước đó, như Ngài đã đánh trong ngày chiến trận. Trong ngày đó, chơn Ngài sẽ đứng trên núi ô-li-ve, là núi đối ngang Giê-ru-sa-lem về phía đông; và núi ô-li-ve sẽ bị xé ra chính giữa về phía đông và phía tây, đến nỗi thành ra một trũng rất lớn; phân nửa núi dời qua phương bắc, phân nửa dời qua phương nam. Các người sẽ trốn trong trũng núi, vì trũng núi ấy sẽ chạy dài đến At-san; và các người sẽ đi trốn như là trốn khỏi cơn động đất đang ngày Ô-xia, vua Giu-đa. Bấy giờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ta sẽ đến, hết thầy các thánh sẽ ở cùng người. (14:1-5)

Các chỉ dẫn của Giăng về việc đo đền thờ bao gồm một sự bỏ sót đáng kể. Ông được truyền cho: Còn sân ngoài đền thờ thì hãy để nó ra ngoài, đừng đo làm chi. Chỗ này nói tới hành lang dân Ngoại, nằm ở ngoài sân có bàn thờ bằng đồng. Nó đánh dấu ranh giới mà các dân Ngoại bị cấm không được đi qua. Trong thời Tân Ước, Rô-ma đã cho phép dân Do-thái có quyền hành quyết bất kỳ dân Ngoại nào vượt qua sân của các dân Ngoại.

Vì người dân Ngoại nào làm như vậy là làm ô uế đền thờ. Thực ra, đây là một mạng lưới giả, vì Phao-lô đã đưa các dân Ngoại vào trong đền thờ nhen nhúm lên cuộc nổi dậy dẫn đến việc ông bị bắt và bỏ tù (Cong 21:28-29).

Đức Chúa Trời cứu chuộc các dân ngoại, và sẽ tiếp tục làm như vậy trong kỷ nguyên này và trong kỳ đại nạn (5:9; 7:9). Nhưng Ngài sẽ chối bỏ các dân Ngoại vô tín, họ hội hiệp với Sa-tan và con thú và lán lướt Israel là dân giao ước của Ngài. Điểm phân biệt nhạy bén trong sự mặc thị này giữa dân Do-thái cùng các dân Ngoại cho thấy rằng Hội thánh, đã bị bắt làm phu tù (đối chiếu 3:10), không có mặt trong kỳ Đại Nạn, vì trong Hội thánh: “tại đây không còn phân biệt người Gờ-réc hoặc người Giu-đa, người chịu cắt bì hoặc người không chịu cắt bì” (Co 3:11). Ở Ê-phê-sô, Phao-lô viết rằng Đấng Christ:

là sự hòa hiệp của chúng ta; Ngài đã hiệp cả hai lại làm một, phá đổ bức tường ngăn cách, là sự thù nghịch đã phân rẽ ra, bởi vì Ngài đã đem thân mình mà trừ bỏ luật pháp của các điều răn chép thành điều lệ. Như vậy, khi làm cho hòa nhau, Ngài muốn lấy cả hai lập nên một người mới trong Ngài, và vì bởi thập tự giá Ngài đã làm cho sự thù nghịch tiêu diệt, nên nhờ thập tự giá đó Ngài khiến cả hai hiệp thành một thể, mà làm hòa thuận với Đức Chúa Trời (2:14-16).

Qua cách giải thích, Giảng được truyền cho không đo sân ngoài đền thờ **"vì chỗ đó đã phó cho dân ngoại, họ sẽ giày đạp thành thánh đủ bốn mươi hai tháng"**. **Bốn mươi hai tháng** (1.260 ngày, ba năm rưỡi) tương ứng với sự nghiệp độc ác của Anti-christ, là thời gian chi phối phân nửa sau của Kỳ Đại Nạn (13:5). Khoảng thời gian đó sẽ là đỉnh cao của "thời kỳ các dân Ngoại" (Lu 21:24) — hàng ngàn năm trong đó các quốc gia dân Ngoại có nhiều cách khác nhau chiếm đóng và áp bức **thành thánh** Giê-ru-sa-lem. A-si-ri, Ba-by-lôn, Mê-đi Ba-tư, Hy-lạp, Rô-ma, Thổ Nhĩ Kỳ, Anh, và người Ả-rập thay đều cai trị trên Giê-ru-sa-lem, và ngày nay sự tự trị của Israel rất là mong manh và ở dưới sự tấn công không ngớt. Nhưng sự hủy diệt và áp bức gây tàn phá bởi sự cai trị của Anti-christ cùng các đội quân ma quỷ cùng con người sẽ trội hơn những kẻ áp bức khác nữa.

Đức Chúa Trời sẽ che chở nhiều người Do-thái ở một chỗ mà Ngài đã chuẩn bị cho họ trong đồng vắng (có người cho rằng thành phố đá Petra). Khải huyền 12:6 chép: **"Còn người đàn bà, thì trốn vào đồng vắng, tại đó người đã có một nơi ở mà Đức Chúa Trời đã sửa soạn cho, để nuôi mình trong một ngàn hai trăm sáu mươi ngày"** (đối chiếu câu 14). Nhiều người Do-thái sẽ nghe theo lời cảnh báo của Chúa Jê-sus trốn đến nơi an toàn:

Khi các ngươi sẽ thấy sự góm giếc tàn nát lập ra trong nơi thánh, mà đáng tiên tri Đa-ni-ên đã nói (ai đọc phải để ý), thì ai ở trong xứ Giu-đê hãy trốn lên núi; ai ở trên mái nhà, đừng xuống chuyên của cải trong nhà; và ai ở ngoài ruộng, đừng trở về lấy áo mình. Đang lúc đó, khôn khó thay cho đàn bà có mang, và đàn bà cho con bú! Hãy cầu nguyện cho các ngươi khỏi trốn tránh nhằm lúc mùa đông hay là ngày Sa-bát (Mat 24:15-20)

Tuy nhiên, phần còn lại, những kẻ còn ở lại (có người đang sinh sống trong thành Giê-ru-sa-lem; 11:13) sẽ đối mặt với sự bắt bớ ghê khiếp từ các lực lượng của Anti-christ. Lúc bấy giờ, Đức Chúa Trời đem ơn cứu rỗi đến cho dân Israel, sử dụng hai nhà truyền đạo năng động, họ sẽ xuất hiện tại thành Giê-ru-sa-lem (câu 13), và cũng sẽ gánh chịu thái độ thù nghịch và hận thù (các câu 7-8).

Vào cuối 1.260 ngày (bốn mươi hai tháng; ba năm rưỡi), Đấng Christ sẽ tái lâm (19:11-16), tiêu diệt Anti-christ và các lực lượng của hắn (19:17-21; IITe 2:8), phán xét các nước (Mat 25:31-46), và thiết lập vương quốc ngàn năm trên đất của Ngài (20:1-10). Da 12:11-12 chỉ ra rằng sẽ có lũ hồng bảy mươi lăm ngày giữa sự tái lâm vinh hiển của Đấng Christ và phần khởi đầu của vương quốc để lo liệu các đặc điểm mới vừa đề cập đến.

Vì vậy, bất chấp mọi nỗ lực miệt thị của Anti-christ hòng tiêu diệt Israel, Đức Chúa Trời sẽ che chở Israel để cứu vớt, bảo vệ và bảo hộ dân tộc. Như Xa-cha-ri đã viết, 2/3 dân Y-sơ-ra-ên sẽ bị luyện lọc trong sự phán xét và còn lại một phần ba sẽ được cứu và bước vào sự vinh hiển của vương quốc đời này của Đấng Mê-si (Xa 13:8-9). Công cụ trong sự chuyển đổi của họ sẽ là một nhóm truyền giáo hai người độc nhất vô nhị, khó tin mà Giảng đang giới thiệu.

Ta sẽ cho hai người làm chứng ta mặc áo bao gai đi nói tiên tri trong một ngàn hai trăm sáu mươi ngày. Hai người làm chứng ấy tức là hai cây ô-li-ve và hai chân đèn đứng trước mặt Chúa của thế gian. Nếu ai muốn làm hại hai người đó, thì có lửa ra từ miệng hai người thiêu nuốt kẻ thù nghịch mình: kẻ nào muốn làm hại hai người thì phải bị giết như vậy. Hai người có quyền đóng trời lại, để cho trời không mưa trong những ngày mình nói tiên tri; hai người lại có quyền biến nước thành huyết và khiến các thứ tai nạn làm hại trên đất, lúc nào muốn làm cũng được cả. Khi hai người đã làm chứng xong rồi, có con thú dưới vực sâu lên, sẽ chiến đấu cùng hai người; thú ấy sẽ thắng và giết đi. Thấy hai người sẽ còn lại trên đường cái của thành lớn, gọi bóng là Sô-đôm và Ê-díp-tô, tức là nơi mà Chúa hai người cũng đã bị đóng đi trên thập tự giá. Người ta ở các dân tộc, các chi phái, các tiếng, các nước sẽ trông thấy thấy hai người trong ba ngày rưỡi, và chúng sẽ không cho chôn những thầy ấy trong mồ. Các dân sự trên đất sẽ vui mừng hớn hở về hai người, và gói lễ vật cho nhau, bởi hai tiên tri đó đã khuấy hại dân sự trên đất. Nhưng, sau ba ngày rưỡi ấy, có sanh khí từ Đức Chúa Trời đến nhập vào trong hai người: hai người bèn đứng thẳng dậy, và những kẻ đứng xem đều kinh hãi cả thể. Hai người nghe một tiếng lớn ở từ trên trời đến phán cùng mình rằng: Hãy lên đây! Hai người bèn lên trời trong đám mây và những kẻ thù nghịch đều trông thấy. Đồng một giờ đó, có cơn động đất lớn; một phần mười của thành đổ xuống, bảy ngàn người chết trong cơn động đất ấy, còn những kẻ khác thất kinh và ngợi khen Đức Chúa Trời trên trời. "Nạn" thứ nhì qua rồi; nay "Nạn" thứ ba đến mau chóng (Kh 11:3-14)

Sự nối kết giữa sự mặc thị này về hai nhà truyền đạo và phân đoạn đứng trước (*các câu 1-2*) cần phải làm cho rõ ràng. Họ sống giữa vòng các chứng nhân đặc biệt của Đức Chúa Trời, họ sẽ rao giảng sứ điệp phán xét của Ngài trong các giai đoạn cuối thời kỳ dân Ngoại giầy đạp trên thành Giê-ru-sa-lem — và sẽ rao giảng Tin lành hầu cho số dân sót Do-thái sẽ tin Chúa và vui hưởng sự bảo vệ của Đức Chúa Trời. Bấy đặc điểm trong đời sống và chức vụ của hai nhà truyền đạo dân dĩ này đã được trình bày trong phân đoạn: bốn phận, thái độ, lai lịch, quyền phép, sự chết, sự sống lại và cái chạm.

BỐN PHẬN CỦA HỌ

Ta sẽ cho hai người làm chứng ta đi nói tiên tri trong một ngàn hai trăm sáu mươi ngày (Kh 11:3a)

Một lần nữa, diễn giả là Đấng sẽ **giao quyền cho hai người làm chứng** không xác định được, nhưng có thể đây là Đức Chúa Cha, hay là Đức Chúa Jêsus Christ. **Hai người làm chứng** là hình thức số nhiều **martus**, từ đó Anh ngữ mới có chữ **martyr**, một khi có nhiều chứng nhân của Đức Chúa Jêsus Christ trong Hội thánh đầu tiên đã trả giá bằng mạng sống của họ. Vì từ ngữ này luôn được sử dụng trong Tân Ước để nói đến nhiều người, **hai người làm chứng** phải là những con người đích thực chứ không phải giả định, như một số nhà bình luận đã có ý kiến. Có **hai người làm chứng** vì Kinh Thánh đòi hỏi sự làm chứng của hai người mới khẳng định một sự kiện hay xác minh sự thật (Phu 17:6; 19:15; Mat 18:16; Gi 8:17; IICo 13:1; ITi 5:19; He 10:28).

Bốn phận của họ là phải **nói tiên tri**. Nói tiên tri trong Tân Ước không nhất thiết đề cập đến việc dự đoán tương lai. Ý chính của nó là "thốt ra", "nói ra", hay "rao giảng". (Bàn bạc về sự nói tiên tri, hãy xem I Côrinthô, The MacArthur New Testament Commentary [Chicago: Moody, 1984], 302...). Hai người làm chứng sẽ rao giảng cho thế gian biết rằng các tai vạ đang xảy ra trong phân nửa sau của Kỳ Đại Nạn là những sự phán xét của Đức Chúa Trời. Họ sẽ cảnh báo việc Đức Chúa Trời sau cùng đổ ra sự phán xét và địa ngục đời đời sẽ nổi theo sau. Đồng thời, họ sẽ rao giảng Tin lành, kêu gọi mọi người ăn năn và tin theo Đức Chúa Jêsus Christ. Khoảng thời gian chức vụ của họ là 1.260 ngày, ba năm rưỡi sau của Kỳ Đại Nạn, khi các lực lượng của Anti-christ đang áp chế thành Giê-ru-sa-lem (câu 2), và nhiều người Do-thái được che chở trong đồng vắng (12:6). Kỳ thực, họ là những nhà truyền đạo đích thực, chứ không phải là các biểu tượng của thể chế hay phong trào nào hết, được chỉ ra bằng cách mô tả về trang phục và cách ứng xử của họ nổi theo sau.

THÁI ĐỘ CỦA HỌ

mặc áo bao gai (Kh 11:3b)

Bao gai là loại vải thô, nặng nề, sơ sài mặc trong thời xa xưa như một biểu tượng của khóc than, đau khổ, buồn rầu, và si nhục. Gia-cốp mặc áo bao gai khi ông nghĩ Giô-sép đã bị giết (Sa 37:34). David đã truyền cho dân sự phải mặc áo bao gai sau vụ giết chết Áp-ne (IISa 3:31) và chính mình ông mặc nó suốt trận dịch mà Đức Chúa Trời gửi đến để đáp lại tội lỗi của ông về việc tu bộ dân (ISu 21:16). Vua Giô-ram đã mặc áo bao gai suốt cuộc bao vây thành Sa-ma-ri (IIVua 6:30), cũng như vua Ê-xê-chia khi thành Giê-ru-sa-lem bị tấn công (IIVua 19:1). Gióp (Giop 16:15), Ê-sai (Es 20:2), và Đa-ni-ên (Da 9:3) cũng mặc áo bao gai.

Hai người làm chứng này sẽ mặc lấy áo bao gai như là một bài học để bày tỏ ra nỗi buồn lớn lao của họ đối với thế giới vô tín, khốn khổ, bị các phán xét của Đức Chúa Trời hành hại, bị ma quỷ phá tán, và bị áp bức bởi hạng người gian ác, tội lỗi họ đã từ chối không chịu ăn năn. Họ cũng sẽ than khóc vì cố sự ô uế của đền thờ, sự áp bức của Giê-ru-sa-lem, và quyền lực của Anti-christ.

LAI LỊCH CỦA HỌ

Hai người làm chứng ấy tức là hai cây ô-li-ve và hai chân đèn đứng trước mặt Chúa của thế gian (Kh 11:4)

Thắc mắc về hai người làm chứng là ai đã gọi lên sự thích thú nơi các học giả Kinh Thánh trong nhiều năm trời, và có rất nhiều khả năng đã được gợi ý. Giảng xác định họ là **hai cây ô-li-ve và hai chân đèn đứng trước mặt Chúa của thế gian**. Phần mô tả khó hiểu đó được rút ra từ Xa 4:1-14:

Đoạn, thiên sứ nói cùng ta trở lại, đánh thức ta, như một người đương ngủ bị người ta đánh thức. Người nói cùng ta rằng: Ngươi thấy gì? Ta đáp rằng: Tôi nhìn xem, kia một cái chôn đèn bằng vàng cả, và một cái chậu trên chót nó, nó có bảy ngọn đèn; có bảy cái ống cho mỗi ngọn đèn ở trên chót nó. Ở kề bên lại có hai cây ô-li-ve, một cây ở bên hữu cái chậu, và một cây ở bên tả. Bấy giờ ta cất tiếng nói cùng thiên sứ đương nói với ta như vậy: Hỡi chúa tôi, những điều này là gì? Thiên sứ nói cùng ta đáp rằng: Ngươi không biết những điều này là gì sao? Ta nói: Thưa chúa! tôi không biết. Người đáp lại rằng: Đây là lời của Đức Giê-hô-va phán cho Xô-rô-ba-bên rằng: Ấy chẳng phải là bởi quyền thế, cũng chẳng phải là bởi năng lực, bèn là bởi Thần ta, Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy. Hỡi núi lớn, ngươi là ai? Ở trước mặt Xô-rô-ba-bên ngươi sẽ trở nên đồng bằng. Nó sẽ đem đá chót ra; sẽ có tiếng kêu rằng: Xin ban ơn, ban ơn cho nó! Lại có lời Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: Tay Xô-rô-ba-bên đã lập nền nhà này, thì tay nó cũng sẽ làm xong; và ngươi sẽ biết rằng Đức Giê-hô-va vạn quân đã sai ta đến cùng các ngươi. Vì ai là kẻ khinh dễ ngày của những điều nhỏ mọn? Bầy con mắt Đức Giê-hô-va trải đi qua lại khắp đất, sẽ vui mà xem thấy dây chuẩn mực ở trong tay Xô-rô-ba-bên. Ta bèn đáp lại cùng người rằng: Hai nhánh ô-li-ve ở bên hữu và bên tả chon đèn là gì? Ta lại cất tiếng nói cùng người lần thứ hai mà rằng: Hai nhánh ô-li-ve ở kề bên hai ống vòi vàng, có dầu vàng chảy ra, là gì? Người đáp rằng: Ngươi không biết những điều đó là gì sao? Ta nói: Thưa chúa, tôi không biết. Người bèn nói rằng: Ấy là hai người chịu xúc dầu, đứng bên Chúa của cả đất.

Sự hiện thấy của Xa-cha-ri đều có sự ứng nghiệm cả gần và xa. Sự ứng nghiệm về mặt lịch sử là sự tái thiết đền thờ vào thời kỳ hậu lưu đầy bởi thầy tế lễ Giê-hô-sua (Xa 3:1-10), nhà lãnh đạo tôn giáo, và Xô-rô-ba-bên, nhà lãnh đạo về mặt chính trị.

Nhưng lời tiên tri của Xa-cha-ri cũng nhìn tới trước sự phục hưng của Israel trong thời kỳ Thiên hi niên (Xa 3:8-10). **Hai cây ô-li-ve** và **hai cây đèn** tượng trưng cho ánh sáng phục sinh, một khi dầu ô-li-ve thường được sử dụng trong các loại đèn. Việc kết nối đèn với cây nhằm mô tả sự cung cấp dầu thường trực, tự phát và tiếp trợ tự động từ hai cây ô-li-ve vào hai cây đèn. Điều đó tượng trưng cho lẽ thật rằng Đức Chúa Trời sẽ không đem lại ơn cứu rỗi từ năng lực của con người, mà nhờ vào quyền phép của Đức Thánh Linh (đối chiếu Xa 4:6). Giống như Giê-hô-sua và Xô-rô-ba-bên, hai người làm chứng sẽ dẫn dắt một sự phục hưng thuộc linh của Israel đến cực điểm trong việc xây dựng một đền thờ. Sự rao giảng của họ sẽ là công cụ trong sự biến đổi cả dân tộc Israel (Kh 11:13, đối chiếu Ro 11:4-5, 26), và đền thờ gắn liền với sự biến đổi đó sẽ là đền thờ ngàn năm.

Trong khi chẳng thể quyết đoán về lai lịch cụ thể của hai nhà truyền đạo này, nhưng có một số lý do cho thấy rằng họ có thể là Môi-se và Ê-li.

Thứ nhất, các phép lạ họ sẽ làm ra (tiêu diệt kẻ thù của họ bằng lửa, cầm giữ mưa lại, hoá nước thành huyết, đánh vào địa cầu với nhiều trận dịch) tương tự với những sự phán xét đã giáng xuống trong Cựu Ước bởi Môi-se và Ê-li với mục đích kích thích sự ăn năn. Ê-li đã gọi lửa xuống từ trời (IIVua 1:10, 12) và công bố một đợt hạn hán kéo dài ba năm rưỡi trên đất (IVua 17:1; Gia 5:17) — cùng chiều dài tương tự như cơn hạn hán do hai người làm chứng mang lại (Khải huyền 11:6). Môi-se hoá nước sông Ni-lơ thành huyết (Xu 7:17-21) và loan báo các trận dịch khác giáng trên Ai-cập đã được ghi lại trong Xuất Êđíp-tô ký các chương 7-11.

Thứ hai, cả Cựu Ước lẫn truyền khẩu Do-thái đều mong đợi Môi-se và Ê-li trở lại trong tương lai. Ma-la-chi 4:5 đã tiên đoán sự trở lại của Ê-li, và người Do-thái tin rằng lời hứa của Đức Chúa Trời dấy lên một tiên tri giống như Môi-se (Phu 18:15, 18) đòi hỏi sự trở lại của ông (đối chiếu Gi 1:21; 6:14; 7:40). Lời tuyên bố của Chúa Jêsu trong Mat 11:14 rằng **"nếu các người muốn hiểu biết, thì ấy là Ê-li, là đáng phải đến"** không nhất thiết loại trừ sự trở lại của Ê-li trong tương lai. Một khi người Do-thái không chấp nhận Chúa Jêsu, Giăng không làm ứng nghiệm lời tiên tri đó. Ông đã đến **"lấy tâm thần quyền phép Ê-li mà đi trước mặt Chúa, để đem lòng cha trở về con cái, kẻ loạn nghịch đến sự khôn ngoan của người công bình, đặt sửa soạn cho Chúa một dân sẵn lòng"** (Lu 1:17).

Thứ ba, cả hai: Môi-se và Ê-li (có lẽ đại diện cho Luật Pháp và Lời Tiên Tri) xuất hiện với Đấng Christ nơi sự Hoá Hình, cái nhìn trước về Lần Đến Thứ Hai (Mat 17:3).

Thứ tư, cả hai đều đã rời khỏi trần gian bằng những phương thức bất thường. Ê-li không hề chết, nhưng đã được chuyển lên trời trong một chiếc xe ngựa lửa (IIVua 2:11-12), và Đức Chúa Trời đã chôn cất theo cách siêu nhiên thi thể của Môi-se trong một địa điểm bí mật (Phu 34:5-6; Giuđê 9). Câu nói trong He 9:27 cho thấy rằng: **"Theo như đã định cho loài người phải chết một lần, rồi chịu phán xét"**, không loại trừ sự trở lại của Môi-se, vì có những ngoại lệ hiếm hoi khác cho tuyên bố chung chung đó (chẳng hạn như La-xa-rơ; Gi 11:14, 38-44).

Vì phân đoạn Kinh Thánh không xác định cụ thể hai nhà truyền đạo này, quan điểm được bảo vệ ở trên, giống như tất cả các quan điểm khác về lai lịch của họ, cần phải nghiên cứu nhiều hơn.

QUYỀN PHÉP CỦA HỌ

Nếu ai muốn làm hại hai người đó, thì có lửa ra từ miệng hai người thiêu nuốt kẻ thù nghịch mình: kẻ nào muốn làm hại hai người thì phải bị giết như vậy. Hai người có quyền đóng trời lại, để cho trời không mưa trong những ngày mình nói tiên tri; hai người lại có quyền biến nước thành huyết và khiến các thứ tai nạn làm hại trên đất, lúc nào muốn làm cũng được cả (Kh 11:5-6)

Dù hai người làm chứng có phải là Môi-se và Ê-li hay không, họ sẽ có quyền phép kỳ diệu tương tự như hai nhân vật này trong Cựu Ước. Nếu họ có một cái chạm riêng tư và thu hút sự chú ý của thế giới trong suốt các biến cố ghê khiếp ở phân nửa thứ hai của Kỳ Đại Nạn, họ sẽ cần phải có khả năng để làm ra những việc kỳ diệu.

Giống như Nô-ê trước Nước Lụt và Môi-se trước các trận dịch ở Ai-cập, hai người làm chứng sẽ không sợ hãi cứ rao giảng sự phán xét, cơn thanh nộ, sự báo thù của Đức Chúa Trời, và nhu cần phải ăn năn. Vì có ấy, họ sẽ bị ghét bỏ (đối chiếu các câu 9-10) và nhiều người **muốn làm hại** họ trong những ngày họ lo giảng đạo. Khi sự tổn hại được làm ra, họ sẽ phản ứng với quyền phép thật kỳ diệu — **lửa sẽ ra từ miệng hai người thiêu nuốt kẻ thù nghịch mình**. Không một lý do nào để cho rằng đây không phải là lửa thật, đúng là lửa, một khi Đức Chúa Trời đã dùng lửa trong quá khứ để thiêu đốt các kẻ thù của Ngài (Le 10:2; Dan 11:1; 16:35; Thi 106:17-18). Những ai **muốn làm hại** hai nhà truyền đạo **phải bị giết như vậy** vì Đức Chúa Trời không muốn sự rao giảng của họ dừng lại cho đến khi chức vụ của họ đã hoàn tất và sẽ phán xét với cái chết của những người cố gắng ngăn chặn việc ấy.

Trong cả Cựu và Tân Ước, Đức Chúa Trời thường sử dụng các phép lạ để xác nhận các sứ giả của Ngài. Trong thời điểm của Kỳ Đại Nạn, khi thế gian bị điều hành bởi hoạt động siêu nhiên của ma quỷ, tôn giáo giả hiệu, giết chóc, tình dục sai trái, và sự gian ác lan tràn, các dấu lạ siêu nhiên do hai người làm chứng này làm ra sẽ đánh dấu họ là các tiên tri đích thực của Đức Chúa Trời.

Tầm cỡ quyền phép lớn lao của họ sẽ được tỏ ra khi họ có **quyền đóng trời lại, để cho trời không mưa trong những ngày mình nói tiên tri**. Điều đó sẽ giúp cho hạng người đau khổ được mạnh mẽ thêm. Sự phán xét bằng tiếng loa thứ ba kết quả trong việc đầu độc 1/3 lượng nước ngọt của địa cầu (8:10-11). Thêm vào đó, cơn hạn hán ba năm rưỡi kéo dài suốt 1.260 ngày lo giảng đạo của họ (câu 3, đoạn Lu 4:25; Gia 5:17) do hai người làm chứng đưa ra sẽ gây ra sự tàn phá mùa màng trên diện rộng và sự mất mát về con người và đời sống động vật qua đói và khát.

Thêm nữa, giống như Môi-se, hai người làm chứng sẽ có **quyền biến nước thành huyết và khiến các thú tai nạn làm hại trên đất, lúc nào muốn làm cũng được cả**. Sự tàn phá mà hai nhà truyền đạo chuyên làm phép lạ này sẽ khiến cho họ bị ghét bỏ và lo sợ. Chắc chắn người ta sẽ tìm kiếm trong thất vọng để huỷ diệt họ, song chẳng làm chi được nữa. Họ sẽ không bị ngăn trở và ngăn chặn trong thời gian họ thi hành các nhiệm vụ.

SỰ CHẾT CỦA HỌ

Khi hai người đã làm chứng xong rồi, có con thú dưới vực sâu lên, sẽ chiến đấu cùng hai người; thú ấy sẽ thắng và giết đi. Thấy hai người sẽ còn lại trên đường cái của thành lớn, gọi bóng là Sô-đôm và Ê-díp-tô, tức là nơi mà Chúa hai người cũng đã bị đóng đi trên thập tự giá. Người ta ở các dân tộc, các chi phái, các tiếng, các nước sẽ trông thấy thấy hai người trong ba ngày rưỡi, và chúng sẽ không cho chôn những thầy ấy trong mồ. Các dân sự trên đất sẽ vui mừng hơn hờ về hai người, và gọi lễ vật cho nhau, bởi hai tiên tri đó đã khuấy hại dân sự trên đất (Kh 11:7-10)

Hạng người tội lỗi sẽ cố gắng trong tuyệt vọng và không thành công để trừ bỏ hai người làm chứng này trong suốt chức vụ của họ với một nỗ lực kamikaze kết quả trong việc thiêu đốt chúng. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời sẽ bảo vệ họ cho đến khi **họ đã làm chứng xong rồi**, đã đạt được các mục đích của Ngài trong suốt thời gian Ngài quyết định cho chức vụ của họ. Ở cuối thời điểm đó, **có con thú dưới vực sâu lên, sẽ chiến đấu cùng hai người; thú ấy sẽ thắng và giết đi**. Đây là phần tham khảo đầu tiên trong ba mươi sáu tham khảo ở Khải huyền về **con thú** và dự đoán các thông tin chi tiết hơn về nó sẽ được đưa vào các chương 13 và 17. Nó được giới thiệu ở đây với phần nhấn mạnh đến nguồn gốc của nó. Người ta nói rằng nó đã **lên từ vực sâu**, cho thấy nó được Sa-tan mặc lấy quyền phép cho. Một khi Sa-tan được mô tả là con rồng (12:3, 9), hình ảnh này chẳng phải là Sa-tan. Sách Khải huyền nói về hắn trong chương 13 cho thấy rằng **con thú** là một nhân vật cai trị cấp thế giới (thường được gọi là Anti-christ) là nhân vật bắt chước Đấng Christ thật, cai trị trên dân cư của đất, và đòi hỏi sự thờ phượng của họ (13:1-8). **Vực sâu** là nhà tù cho một số ma quỷ nhất định (xem phần thảo luận 9:1-2 trong chương 20 của tập sách này). Mặc dù hắn là một con người, con thú được kích hoạt bởi sự hiện diện và sức mạnh ra từ quỹ dữ xuất phát từ **vực sâu**. Trước sự vui mừng và ơn cứu rỗi của thế giới tội lỗi, **con thú** (Anti-christ) cuối cùng sẽ **thắng hơn** hai người làm chứng và **giết họ đi** (đối chiếu những vụ tấn công thành công khác của hắn ở 12:17; 13:7).

Sau cái chết của họ, **thầy hai người** bị bỏ còn trên **đường cái của thành lớn**, nơi mà họ phục vụ và ở đó họ đã bị giết. Trong thế giới đời xưa, phơi thầy kẻ thù là cách làm nhục tối hậu. Đức Chúa Trời cấm dân Do-thái làm theo cách đó (Phu 21:22-23).

Thành lớn là thành Giê-ru-sa-lem, gọi bóng (hay tốt hơn "về mặt thuộc linh") là Sô-đôm và Ai-cập thích ứng với sự gian ác của nó. Đáng buồn thay, thành Giê-ru-sa-lem đã từng là thành của Đức Chúa Trời sẽ bị điều ác xâm chiếm đến nỗi nó sẽ giống như thành **Sô-đôm** và xứ **Ai-cập** gian ác. Phần mô tả về thành Giê-ru-sa-lem chẳng khác gì hơn **Sô-đôm** và **Ai-cập** để tỏ ra rằng một thời là thành thánh giờ chẳng khác gì hơn so với những nơi mà ai cũng biết vì thái độ của chúng thù ghét Đức Chúa Trời chon thật và Lời của

Ngài. Phần chú thích cho thấy rằng hai người làm chứng sẽ bị giết trong thành phố **nơi mà Chúa hai người cũng đã bị đóng đinh trên thập tự giá** đã giúp xác định làm nhận ra Giê-ru-sa-lem theo cách hoàn toàn rõ ràng. Hai người làm chứng sẽ chết trong cùng một thành phố với Chúa của họ, cho thấy rằng, như vốn có đối với Ngài, thành phố đó sẽ là điểm trọng tâm của việc rao giảng của họ. Nó cũng cho thấy rằng thành Giê-ru-sa-lem sẽ là ngai cai trị của Anti-christ (đối chiếu IITe 2:3–4).

Việc sử dụng các cụm từ bao gồm **các dân tộc, các chi phái, các tiếng, các nước** (đối chiếu 5:9; 7:9; 10:11) chỉ ra rằng mọi người trên khắp thế giới sẽ **sẽ trông thấy thầy hai người** (trên truyền hình vệ tinh hoặc một số hình thức truyền thông khác). Trong một sự phô bày không lành mạnh và khinh miệt, suốt **ba ngày rưỡi** thế giới **sẽ không cho chôn những thầy ấy trong mồ**. Đám đông không biết ăn năn, cứng lòng vì tội lỗi sẽ muốn phản khởi với cấp lãnh đạo của họ là Anti-christ, và tôn vinh hắn vì chiến thắng của hắn đối với hai nhà truyền đạo gây rối kia, họ đã mang lại sự hạn hán và đã rao giảng Tin lành đáng ghét.

Cái chết của hai người làm chứng sẽ mở ra những tiệc tùng đủ thứ trên khắp thế giới. Thật không thể tin được, **Các dân sự trên đất** (thuật ngữ kỹ thuật nói tới hạng người không tin Chúa, đối chiếu 6:10; 8:13; 13:8,12,14; 14:6; 17:2, 8) **sẽ vui mừng hơn hở về hai người, và gởi lễ vật cho nhau, bởi hai tiên tri đó đã khuấy hại dân sự trên đất**. Mía mai thay, đây là lần nhắc tới duy nhất trong sách Khải huyền về sự vui mừng. Hạng tội nhân sẽ vui sướng vì những người đến rao báo cho họ những sự phán xét của Đức Chúa Trời, đã **khuấy hại** họ với quyền làm phép lạ và các sứ điệp lên án tội lỗi của họ và loan báo sự phán xét sắp xảy đến của Đức Chúa Trời (các câu 5-7) và kêu gọi họ phải ăn năn đã bị chết. Phản ứng theo cảm tính này phản ánh tỏ tường lần chối bỏ sau cùng của họ.

SỰ PHỤC SINH CỦA HỌ

Nhưng, sau ba ngày rưỡi ấy, có sanh khí từ Đức Chúa Trời đến nhập vào trong hai người: hai người bèn đứng thẳng dậy, và những kẻ đứng xem đều kinh hãi cả thể. Hai người nghe một tiếng lớn ở từ trên trời đến phán cùng mình rằng: Hãy lên đây! Hai người bèn lên trời trong đám mây và những kẻ thù nghịch đều trông thấy. (Kh 11:11-12)

Việc tiệc tùng và tặng quà của "ngày hai người làm chứng ngã chết" sẽ thỉnh thoảng bị hoãn lại rất đáng buồn bởi một sự kiện đáng kinh ngạc nhất. Sau ba ngày rưỡi ấy, trong thời gian đó thầy của họ còn nằm trên đường phố Giê-ru-sa-lem, có sanh khí từ Đức Chúa Trời (đối chiếu Sa 2:7) đến nhập vào trong hai người, hai người bèn đứng thẳng dậy. Không cần phải nói, và những kẻ đứng xem đều kinh hãi cả thể. Sự hoảng loạn sẽ bắt lấy cái thế giới không được tái sinh khi những kẻ hành hại thù ghét họ bất ngờ hồi sinh. Nếu sự này được xem trên truyền hình, nó sẽ được phát đi phát lại nhiều lần. Chắc chắn ai cũng mong đợi hai người làm chứng phục sinh kia trở lại với chức vụ rao giảng và làm ra nhiều phép lạ của họ, song Đức Chúa Trời lại có những chương trình khác.

Có một tiếng lớn ở từ trên trời đến phán rằng: **Hãy lên đây!** Tiếng này giống như tiếng của Chúa, là Đấng đã kêu gọi Giăng lên trời ở 4:1. Hai người bèn lên trời trong đám mây và những kẻ thù nghịch đều trông thấy trong kinh hãi. Sự Cất Lên của hai người này chắc chắn sẽ được phát đi phát lại không dứt cho cả thế giới trông thấy. Đây là sự gợi nhớ việc Ê-li lên trời (IIVua 2:11) và cái chết bí ẩn cùng sự chôn cất Môi-se (Phu 34:5–6).

Có người lấy làm lạ họ thắc mắc tại sao hai người làm chứng không được phép rao giảng sau khi họ phục sinh. Nhưng những phép kỳ diệu lạ không làm cho tin lành ra dễ tin, bởi vì "nếu không nghe Môi-se và các đấng tiên tri, thì dầu có ai từ kẻ chết sống lại, chúng nó cũng chẳng tin vậy" (Lu-ca 16:31). Sau khi nghe giảng dạy và quan sát chức vụ kỳ diệu của Con Đức Chúa Trời, những người vô tín đã chối bỏ và giết Ngài.

Chức vụ của họ đã hoàn tất, hai người cùng lên trời với cả thế giới đang theo dõi sự hiện diện vinh hiển của Đức Chúa Trời, chắc chắn ở đó họ đã nghe Ngài phán: "Hỡi đầy tớ ngay lành trung tín kia, được lắm; ... hãy đến hưởng sự vui mừng của chúa ngươi" (Mat 25:21).

CÁI CHẠM CỦA HỌ

Đồng một giờ đó, có cơn động đất lớn; một phần mười của thành đổ xuống, bảy ngàn người chết trong cơn động đất ấy, còn những kẻ khác thất kinh và ngợi khen Đức Chúa Trời trên trời. "Nạn" thứ nhì qua rồi; nầy "Nạn" thứ ba đến mau chóng (Kh 11:13-14)

Điểm nhấn sự sống lại của hai người làm chứng, **đồng một giờ đó, có cơn động đất lớn; một phần mười của thành đổ xuống, bảy ngàn người chết trong cơn động đất ấy**. Chữ **người** trong phiên bản Hy-lạp sát nghĩa là "danh tánh của nhiều người". Cụm từ bất thường này có thể chỉ ra rằng **bảy ngàn** người đã ngã giết là những người nổi bật, có lẽ là các cấp lãnh đạo trong chính quyền cấp thế giới của Anti-christ.

Như là kết quả của trận động đất lớn đó, và sự phục sinh đáng kinh ngạc của hai người làm chứng, **những kẻ khác thất kinh và ngợi khen Đức Chúa Trời trên trời. Những kẻ khác** phải đề cập đến số dân cư của thành Giê-ru-sa-lem, những người Do-thái sẽ đến với đức tin nơi Đấng Christ. Hỗ trợ cho cách giải thích đó là sự thực **ngợi khen Đức Chúa Trời trên trời** là một dấu hiệu của sự ăn năn chơn thật trong sách Khải huyền và các chỗ khác trong Kinh Thánh (đối chiếu 4:9; 14:7; 16:9; 19:7; Lu 17:18-19; Ro 4:20). Thế rồi, phân đoạn này mô tả thực tại ơn cứu rỗi của người Do-thái tại thành Giê-ru-sa-lem, khi Đức Chúa Trời làm ứng nghiệm lời hứa của Ngài về sự chúc phước cho dân Israel (Ro 11:4-5, 26).

Với phần chú thích tích cực, đầy hy vọng đó, khoảng thời gian xen giữa kết thúc. Tuy nhiên, đối với thế giới vô tín, nó kết thúc với lời cảnh báo nghiêm ngặt rằng **"Nạn" thứ nhì qua rồi; nầy "Nạn" thứ ba đến mau chóng**. Tiếng loa thứ bảy (**nạn thứ ba**, đối chiếu 9:12) sẽ sớm được thổi lên, đem theo với nó những sự phán xét bằng các cái bát sau cùng, đầy bạo lực và sự tái lâm của Đấng Christ trong sự vinh hiển để thiết lập vương quốc của Ngài. **Tachu (mau chóng)** có nghĩa là **"không bao lâu nữa"** (đối chiếu Kh 2:16; 3:11; 22:7, 12, 20) và sự tỏ ra **nạn** sau cùng cận kề, là nạn mà những sự phán xét của bảy cái bát được mở ra qua sự thổi lên của tiếng loa thứ bảy.

Tiếng Loa Thứ Bảy

(Kh 11:15-19)

24

Vị thiên sứ thứ bảy thổi loa, có những tiếng lớn vang ra trên trời rằng: Từ nay nước của thế gian thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài, Ngài sẽ trị vì đời đời. Hai mươi bốn trưởng lão đang ngồi ở trước mặt Đức Chúa Trời, trên ngai mình, đều cúi mình sấp mặt xuống, thờ lạy Đức Chúa Trời, mà rằng: Hỡi Chúa là Đức Chúa Trời Toàn năng, là Đấng Hiện Có, Trước Đã Có, chúng tôi cảm tạ Ngài, vì Ngài đã cầm quyền rất cao trong tay và đã trị vì. Các dân tộc vốn giận dữ, nhưng cơn thịnh nộ của Ngài đã đến: giờ đã tới, là giờ phán xét kẻ chết, thưởng cho tôi tớ Chúa là các đấng tiên tri, thưởng cho các thánh và các người kính sợ danh Chúa, thưởng cho kẻ nhỏ cùng kẻ lớn, và hủy phá những kẻ đã hủy phá thế gian. Đền thờ Đức Chúa Trời bèn mở ra ở trên trời, hòm giao ước bày ra trong đền thờ Ngài, rồi có chớp nhoáng, tiếng, sấm sét, động đất và mưa đá lớn. (Kh 11:15-9)

Tiếng của loa thứ bảy đánh dấu cột mốc quan trọng trong sách Khải huyền. Nó dẫn đến một loạt các biến cố cuối cùng dẫn đến sự tái lâm của Đức Chúa Jêsu Christ và sự thiết lập vương quốc ngàn năm trên đất của Ngài. Kh 10:7 nói tới phần cuối của tiếng loa thứ bảy: **"nhưng đến ngày mà vị thiên sứ thứ bảy cho nghe tiếng mình và thổi loa, thì sự mầu nhiệm Đức Chúa Trời sẽ nên trọn, như Ngài đã phán cùng các tôi tớ Ngài, là các đấng tiên tri"**. Sự mầu nhiệm đó là toàn bộ sách Khải huyền nói tới sự hoàn thành chương trình của Đức Chúa Trời. Lễ mầu nhiệm ấy được nói trước bởi các tiên tri trong Cựu Ước, nhưng sự đầy đủ của nó chưa hề được tiết lộ cho đến khi có sách Khải huyền. Những sự phán xét bằng bảy cái bát, tiêu biểu cho sự đổ ra sau cùng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, được gộp vào trong tiếng loa thứ bảy rất rõ ràng từ 15:1: **"Tôi thấy một điếm khác ở trên trời, vừa lớn vừa lạ: bảy thiên sứ cầm bảy tai nạn sau cùng, vì bởi các tai nạn này làm hết cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời"**. "Bảy tai nạn" hoàn tất cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời là những sự phán xét qua bảy cái bát: **"Bấy giờ, tôi nghe một tiếng lớn từ trong đền thờ ra, phán với bảy vị thiên sứ rằng: Hãy đi, trút bảy bát thịnh nộ của Đức Chúa Trời xuống đất"** (16:1). Một khi cả hai: tiếng loa thứ bảy và bảy cái bát được cho là hoàn tất cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, những cái bát đó phải là một phần của sự phán xét qua tiếng loa thứ bảy.

Ba trong số bảy lần phán xét qua tiếng loa cuối cùng thật khủng khiếp đến nỗi chúng được gọi là khôn nạn. Trong 8:13, Giăng **"nghe chim phụng hoàng bay giữa trời, kêu tiếng lớn rằng: Khốn thay! Khốn thay! Khốn thay! cho những dân sự trên đất, vì có tiếng loa mà ba vị thiên sứ khác còn phải thổi nữa"**. Sau tiếng loa thứ năm Giăng viết: **"Nạn thứ nhất đã qua; nay còn hai nạn nữa đến sau nó"** (9:12). Trước khi tiếng loa thứ bảy, ông nói thêm: **"Nạn" thứ nhì qua rồi; nay "Nạn" thứ ba đến mau chóng**" (11:14).

Tiếng loa thứ bảy dẫn đến sự hoàn tất sau cùng chương trình cứu chuộc của Đức Chúa Trời dành cho thế giới trong hiện tại. Trong khoảng thời gian đó, cơn thịnh nộ sau cùng của những sự phán xét Ngày của Đức Giê-hô-va sẽ đến (16:1-21), vụ thu hoạch phán xét cuối cùng trên đất (11:18; 16:19) và sự thất bại trước Chiên Con của các vua trên đất (17:12-18), lên đến đỉnh điểm trong chiến thắng cuối cùng của Đấng Christ ở A-t-ma-ghe-đôn (19:11-21). Tiếng của loa thứ bảy báo hiệu sự đáp trả của Đức Chúa Trời đối với lời cầu nguyện: **"Nước Cha được đến; Ý Cha được nên, ở đất như trời!"** (Ma-thi-ơ 6:10). Câu trả lời đó quét qua các chương 12-22 khi Đức Chúa Trời hoàn tất công tác mạnh mẽ của Ngài đòi lại sự sáng tạo khỏi tay kẻ chiếm đoạt, là Sa-tan.

Cần phải lưu ý rằng mặc dù tiếng loa thứ bảy là tiếng loa sau cùng trong chuỗi phán xét qua bảy tiếng loa, nó không được sánh với "tiếng loa cuối cùng" mà Phao-lô đề cập đến trong ICo 15:52: **"trong**

giây phút, trong nháy mắt, lúc tiếng kèn chót; vì kèn sẽ thổi, kẻ chết đều sống lại được không hay hư nát, và chúng ta đều sẽ biến hóa” (đối chiếu ITe 4:16). Như đã nêu ở trên, tiếng loa thứ bảy bao phủ một khoảng thời gian dài, do đó phân biệt nó đối với sự kiện "tức thời" ("trong giây lát, trong nháy mắt") của "tiếng kèn chót".

Thay vì kêu gọi cho thời điểm Cát Lên của Hội thánh, khi "tiếng kèn chót" trỗi lên, tiếng loa thứ bảy kêu gọi các làn sóng nặng nề giảng trên kẻ bất kính. Nó không song song với tiếng kèn của ICo 15:52, nhưng song song với tiếng kèn của Gio 2:1-2: **“Hãy thổi kèn trong Si-ôn; hãy thổi vang ra trên núi thánh ta! Hết thấy dân cư trong đất khá đều run rẩy! Vì ngày của Đức Giê-hô-va đến, ngày ấy đã gần: tức là ngày mờ mịt và tối tăm”**.

Tiếng loa thứ bảy không những loan báo sự phán xét nặng nề giảng trên những kẻ vô tín, mà còn là sự đăng quang của Đức Chúa Jêsus Christ. Trong Cựu Ước, tiếng kèn thường được trỗi lên trong lễ đăng quang của một vị vua. Trong suốt cuộc đảo chính chống lại David cha mình: "Áp-sa-lôm sai những kẻ do thám rao lệnh này khắp trong các chi phái Y-sơ-ra-ên rằng: Thoạt khi anh em nghe tiếng kèn, thì hãy nói: Áp-sa-lôm làm vua tại Hép-rôn!" (IISa 15:10). Tại lễ đăng quang của Solomon, người kế nhiệm thật sự của David: "Thầy tế lễ Xa-đốc lấy cái sừng dầu trong Đèn tạm, và xúc cho Sa-lô-môn. Người ta thổi kèn, cả dân sự đều hô lên rằng: Vua Sa-lô-môn vạn tuế!" (IVua 1:39). Tiếng kèn cũng vang lên tại các lễ đăng quang của Vua Giê-hu (IIVua 9:13) và Vua Giô-ách (IIVua 11:12, 14).

Tiếng loa thứ bảy cũng đánh dấu phần kết thúc của khoảng thời gian xen giữa theo sau tiếng loa thứ sáu (10:1 - 11:14). Như đã lưu ý trong các chương đứng trước của bài giảng này, từng loạt trong ba loạt phán xét (cái ấn, loa và bát) đều có một khoảng thời gian xen giữa các biến cố thứ sáu và thứ bảy. Giữa cái ấn thứ sáu và ấn thứ bảy là khoảng thời gian xen giữa của chương 7; giữa cái bát thứ sáu và bát thứ bảy sẽ có khoảng thời gian xen giữa ngắn ở 16:15. Các khoảng thời gian này góp phần yên ủi và khích lệ những người tin Chúa ở giữa những ghê khiếp của các sự phán xét của Đức Chúa Trời, tái bảo đảm với họ rằng Ngài đã không quên họ (đối chiếu Ma 3:16 - 4:2).

Mặc dù tiếng loa thứ bảy trỗi lên ở 11:15, những sự phán xét kết hiệp với nó không được mô tả cho đến chương 15. Các chương 12-14 là một việc ngoài lề, đưa độc giả trở lại qua Kỳ Đại Nạn đến thời điểm của tiếng loa thứ bảy bằng một con đường khác. Chúng mô tả Kỳ Đại Nạn không phát xuất từ nhận định của Đức Chúa Trời, mà là từ Sa-tan. Các chương 4-11 tập trung vào việc Đấng Christ lấy lại những gì là hợp pháp thuộc về Ngài bằng phương tiện những sự phán xét bằng cái ấn và loa. Các chương 12-14 tập trung vào kẻ chiếm đoạt cuối cùng của con người, Anti-christ cuối cùng, sự nghiệp của hắn kéo dài trong khoảng thời gian giống như các sự phán xét bằng cái ấn và và tiếng kèn.

Bối cảnh khi tiếng loa thứ bảy trỗi lên ở bốn chặng: Ngợi khen vì sự tể trị, cực điểm của cơn thanh nộ, chương trình dành cho sự phán xét, và lời hứa về sự giao thông.

NGỢI KHEN VÌ SỰ TỂ TRỊ

Vị thiên sứ thứ bảy thổi loa, có những tiếng lớn vang ra trên trời rằng: Từ nay nước của thế gian thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài, Ngài sẽ trị vì đời đời. Hai mươi bốn trưởng lão đang ngồi ở trước mặt Đức Chúa Trời, trên ngai mình, đều cúi mình sấp mặt xuống, thờ lạy Đức Chúa Trời, mà rằng: Hỡi Chúa là Đức Chúa Trời Toàn năng, là Đấng Hiện Có, Trước Đã Có, chúng tôi cảm tạ Ngài, vì Ngài đã cầm quyền rất cao trong tay và đã trị vì. (Kh 11:15-17)

Mặc dù các hiệu quả của nó trên đất đã bị trì hoãn (như với cái ấn thứ bảy, 8:2-5), đã có một phản ứng ngay lập tức trên trời khi **vị thiên sứ thứ bảy thổi loa**. Biểu lộ niềm vui vào những gì sắp diễn ra, có những tiếng lớn vang ra trên trời rằng: **"Từ nay nước của thế gian thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài, Ngài sẽ trị vì đời đời"**. Lời công bố ấn tượng này rõ ràng được nối với các tác dụng của tiếng loa thứ bảy. Có sự vui mừng không kèm được, vì quyền lực của Satan đã bị phá vỡ mãi mãi, và Đức Chúa Jêsus Christ là nhân vật tể trị tối cao như Vua của các Vua và Chúa của các chúa. Với sự thất bại của

kẻ chiếm đoạt, thách thức về sự tể trị trên thế gian sẽ được an định vĩnh viễn. Những gì Chúa Jêsus đã từ chối không nắm lấy chiều theo thuật ngữ của Sa-tan (xem Lu 4:5-8) Ngài sẽ lấy theo các thuật ngữ của chính mình Ngài. Thiên đàng mừng vui vì cuộc nổi dậy lâu nay của thế gian chống lại Đức Chúa Cha, và Đức Chúa Jêsus Christ sắp kết thúc. Việc dựng lên vương quốc được chờ đợi lâu nay của Đấng Christ là đỉnh cao của lịch sử cứu chuộc.

Việc sử dụng cụm thuật ngữ số ít **Nước Của Thế Gian** thay vì số nhiều “**các vương quốc**” trình bày một lẽ thật quan trọng. Tất cả các nhóm dân tộc, chính trị, xã hội, văn hoá, ngôn ngữ và tôn giáo đa dạng của thế gian trong thực tế là một vương quốc dưới quyền một vị vua. Vị vua đó được biết đến trong Kinh thánh bằng nhiều danh xưng và tước hiệu, bao gồm kẻ kiện cáo (Kh 12:10), kẻ thù nghịch (IPhi 5:8), Bê-ên Xê-bun (Mat 12:24), Bê-li-an (II Co 6:15), con rồng (Kh 12:3, 7, 9), "điều ác" (Gi 17:15), chúa đời này (II Co 4:4), vua cầm quyền chôn không trung (Eph 2:2), sư tử rồng (IPhi 5:8), chúa qui (Mac 3:22), vua chúa thế gian này (Gi 12:31), con rắn đời xưa (Kh 12:9; 20:2), kẻ cám dỗ (ITe 3:5), và, thường là ma quỷ (Mat 4:1) và Sa-tan (ITi 5:15). Dù có tan rã vương quốc này tại tháp Ba-bên (Sa 11: 1-9), Sa-tan vẫn thống trị nhiều mảnh nhỏ từng thuộc vương quốc thống nhất. Trong khi Đức Chúa Trời chỉ đạo cho các bậc cầm quyền về hạnh phúc của con người (Ro 13:1), chính các bậc cầm quyền này từ chối không phục theo Ngài hay không chấp nhận quyền tể trị của Ngài (Cong 4:26).

Họ là một phần quan trọng trong vương quốc của Sa-tan.

Chúa Jêsus khẳng định rằng Sa-tan, mặc dù là kẻ chiếm đoạt chứ không phải là nhà vua hợp pháp, là chúa hiện nay của thế gian. Khi đáp trả với những kẻ đã cáo giác cách xúc phạm Ngài có liên kết với Sa-tan, Chúa Jêsus đã hùng hồn hỏi như sau: “**Nếu quỷ Sa-tan trừ quỷ Sa-tan, ấy là tự nó chia xé nhau; thì nước nó làm sao còn được ư?**” (Mat 12:26). Ba lần trong sách Tin lành Giăng, Chúa Jêsus đã gọi Sa-tan là “**chúa của thế gian**” (Gi 12:31; 14:30; 16:11). Giống như Ngài đã làm tại tháp Ba-bên, Satan sẽ cai trị trong tương lai đối với nhân loại sa ngã thống nhất trong một vương quốc hiển nhiên dưới quyền lãnh đạo của Anti-christ (Con Thú ở 13:1-4).

Sa-tan sẽ không buông vương quốc của hắn mà không có một sự phấn đấu. Trong một nỗ lực quyết liệt và tuyệt vọng hầu duy trì quyền kiểm soát thế giới, Đức Chúa Trời sẽ cho phép hắn điều hành thế giới với lũ ma quỷ trong các sự phán xét qua tiếng loa thứ năm và thứ sáu (9:1-19). Nhưng mọi nỗ lực của hắn sẽ không giữ được Nhà Vua chọn thật không trở lại và thiết lập vương quốc trên đất của Ngài (đối chiếu 19:11-21; 20:1-3, 10). Đức Chúa Jêsus Christ sẽ tái lâm ngồi trên ngai của Đa-vít, tở phụ Ngài (IISa 7:12-16) và lấy lại toàn thế giới khỏi những kẻ đã kiểm soát theo hệ thống của Sa-tan, họ hiện đang nắm giữ nó. Đây thực sự là đề tài của sách Khải huyền — sự đắc thắng của Đức Chúa Trời đối với Sa-tan khi tội lỗi bị tẩy sạch khỏi thế gian và Đấng Christ trở thành nhà vua thánh của nó.

Thì của động từ dịch **đã trở thành** là những gì các nhà văn phạm Hy-lạp đề cập đến như là một sự biết trước bất định. Nó mô tả một biến cố trong tương lai chắc chắn đến nỗi nó có thể được nói đến như thể nó đã diễn ra rồi. Nhận định của thì động từ nhắm vào một điểm sau hành động của tiếng loa thứ bảy sẽ khởi động đường chạy của nó. Mặc dù biến cố này còn trong tương lai từ một điểm trong tiến trình xảy ra theo thứ tự thời gian trong một chuỗi biến cố, song chắc chắn là thì động từ được sử dụng đã xem nó như một sự kiện đã xảy ra rồi vậy (đối chiếu Lu 19:9). Thiên đàng vô hạn mừng giống như thể một ngày thật dài đã dự kiến trước lúc Đấng Christ thiết lập vương quốc của Ngài đã đến rồi, mặc dù một thời gian trên đất phải trôi qua trước khi điều đó thực sự xảy ra. Cụm từ **thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài**, nhấn mạnh đến hai thực tại. **Kurios (Chúa)** thường đề cập đến Chúa Jêsus trong suốt Tân Ước, trong khi ở sách Khải huyền nó thường đề cập đến Đức Chúa Cha hơn, hơn đó nhấn mạnh đến sự đồng đẳng về bản tánh của họ. Cụm từ này cũng mô tả vương quốc theo nghĩa rộng nhất của nó, nhắm vào sự cai trị thiêng liêng trên sự sáng tạo và sự sáng tạo mới. Không có sự khác biệt được thực hiện giữa vương quốc ngàn năm trên đất và vương quốc đời đời, thí dụ như Phao-lô nói trong I Co 15: 24-28. Ở phần cuối ngàn năm, vương quốc thiên hi niên sẽ kết hợp với vương quốc đời đời, trong đó Đấng Christ sẽ **trị vì đời đời**. Một khi triều đại của Đấng Christ khởi sự, nó sẽ thay đổi hình thức, nhưng không bao giờ kết thúc hay bị gián đoạn.

Lẽ thật vinh hiển nói rằng Đức Chúa Jêsus Christ một ngày kia sẽ trị vì trên đất đầm thắm trong Kinh Thánh. Ở chương 15 sách Khải huyền Giảng

thấy như biển bằng pha ly lộn với lửa, những kẻ đã thắng con thú và hình tượng nó cùng số của tên nó, đứng bên biển pha ly đó mà nâng đàn cầm của Đức Chúa Trời. Chúng hát bài ca Môi-se, là tôi tớ Đức Chúa Trời, và bài ca Chiên Con, mà rằng: Hỡi Chúa là Đức Chúa Trời Toàn năng, công việc Chúa lớn lao và lạ lùng thay! Hỡi Vua của muôn đời, đường lối Ngài là công bình và chân thật! Lạy Chúa, ai là kẻ không kính sợ và không ngợi khen danh Ngài? Vì một mình Ngài là thánh, mọi dân tộc sẽ đến thờ lạy trước mặt Ngài, vì các sự đoán xét Ngài đã được tỏ ra” (các câu 2–4).

Họ hát **“bài ca của Môi-se”** (đối chiếu Xu 15:1-18) chỉ ra rằng Ngũ kinh đã lường trước thời khắc khi Đức Chúa Jêsus Christ sẽ trở thành Vua của thế gian.

Thi thiên 2, một sứ điệp nói tới Đấng Mê-si, hình ảnh và ngôn ngữ của Ngài đầm thắm phân đoạn này của sách Khải huyền (đối chiếu câu 18; 12:5; 14:1; 16:14; 17:18; 19:15, 19), cũng nói trước sự đến tể trị trên đất hầu đến của Đấng Christ:

Dầu vậy, ta đã lập Vua ta Trên Si-ôn là núi thánh ta. Ta sẽ giảng ra mạng lệnh: Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: Ngươi là Con ta; Ngày nay ta đã sanh Ngươi. Hãy cầu ta, ta sẽ ban cho Con các ngoại bang làm cơ nghiệp, và các đầu cùng đất làm của cải. Con sẽ dùng cây gậy sắt mà đập bể chúng nó; Con sẽ làm vỡ nát chúng nó khác nào bình gốm (các câu 6–9).

Các vị tiên tri cũng nhìn tới trước thời điểm đó khi Đấng Mê-si sẽ thiết lập sự tể trị trên đất của Ngài. Về thời buổi vinh hiển đó, Êsai đã viết:

Sẽ xảy ra trong những ngày sau rốt, núi của nhà Đức Giê-hô-va sẽ được lập vững trên đỉnh các núi, cao hơn các đồi. Mọi nước sẽ đổ về đó, và nhiều dân tộc sẽ đến mà nói rằng: Hãy đến; chúng ta hãy lên núi Đức Giê-hô-va, nơi nhà Đức Chúa Trời của Gia-cốp: Ngài sẽ dạy chúng ta về đường lối Ngài, chúng ta sẽ đi trong các ngõ Ngài. Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn, lời Đức Giê-hô-va sẽ ra từ Giê-ru-sa-lem (Es 2:2-3)

Daniên đã viết về chính ngày ấy:

“Vua nhìn pho tượng cho đến khi có một hòn đá chẳng phải bởi tay đục ra, đến đập vào bàn chân bằng sắt và đất sét của tượng, và làm cho tan nát. Bấy giờ sắt, đất sét, đồng, bạc, và vàng đều cùng nhau tan nát cả; trở nên như rơm rác bay trên sân đập lúa mùa hạ, phải gió đưa đi, chẳng tìm nơi nào cho chúng nó; nhưng hòn đá đập vào pho tượng thì hóa ra một hòn núi lớn và đầy khắp đất” (Da 2:34–35)

“Trong đời các vua này, Chúa trên trời sẽ dựng nên một nước không bao giờ bị hủy diệt, quyền nước ấy không bao giờ để cho một dân tộc khác; song nó sẽ đánh tan và hủy diệt hết các nước trước kia, mà mình thì đứng đời đời; Theo như vua đã xem thấy hòn đá đục ra từ núi, chẳng phải bởi tay, đã đập vỡ sắt, đồng, đất sét, bạc, và vàng. Đức Chúa Trời lớn đã cho vua biết sự sau này sẽ đến. Điềm chiêm bao này là thật, và lời giải nó là chắc chắn” (Da 2:44–45)

Các đế quốc từng khoe khoang khoác lác trong lịch sử thế giới (*bức tượng*) sẽ bị tan rã đi bởi vương quốc của Đấng Mê-si (*hòn đá không do tay người ta tạo ra*); họ sẽ tan ra thành tro bụi và bị gió thổi bay đi, nhưng nước của Ngài sẽ kéo dài cho đến đời đời. Trong một sự hiện thấy khác, được ghi lại ở Daniên chương 7, Daniên

“nhìn xem trong những sự hiện thấy ban đêm, này, có một người giống như con người đến với những đám mây trên trời; người tới đến Đấng Thượng Cổ và bị dẫn đến trước mặt Ngài. Người được ban cho quyền thế, vinh hiển, và nước; hầu cho hết thảy các dân, các nước, các thứ tiếng đều hầu việc người. Quyền thế người là quyền thế đời đời chẳng qua đi, và nước người không bao giờ phải hủy phá” (các câu 13–14)

“Nhưng các thánh của Đấng Rất Cao sẽ nhận lấy nước, và được nước làm của mình đời đời, cho đến đời đời vô cùng ... cho tới khi Đấng Thượng Cổ đã đến, sự xét đoán đã ban cho các thánh của Đấng Rất Cao và thì giờ đã đến, là khi các thánh được nước làm của mình” (các câu 18, 22)

“Bấy giờ nước, quyền thế, và sự tôn đại của muôn nước ở dưới cả trời, sẽ được ban cho dân các thánh của Đấng Rất Cao. Nước Ngài là nước đời đời, và hết thảy các quyền thế đều hầu việc và vâng lời Ngài” (câu 27)

Nhìn tới vương quốc của Đấng Mêsi, Mi-chê viết:

“Xây ra trong những ngày sau rốt, núi của nhà Đức Giê-hô-va sẽ lập lên trên chót các núi, và sẽ được nhắc cao lên hơn các đồi. Các dân sẽ chảy về đó; và nhiều nước sẽ đi đến đó, mà rằng: Hãy đến, chúng ta hãy lên núi của Đức Giê-hô-va, nơi nhà của Đức Chúa Trời Gia-cóp! Ngài sẽ dạy chúng ta về đường lối Ngài, và chúng ta sẽ đi trong các nẻo Ngài. Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn, lời của Đức Giê-hô-va từ Giê-ru-sa-lem. Ngài sẽ làm ra sự phán xét giữa nhiều dân, đoán định các nước mạnh nơi phương xa; và họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày, lấy giáo rèn lưỡi liềm; nước này chẳng giá gươm lên nghịch cùng nước khác, và cũng không tập sự chiến tranh nữa” (Mi 4:1–3)

Khi tóm tắt phần bàn bạc thật dài về Ngày của Đức Giê-hô-va cùng sự đến của Vương quốc trên đất của Đấng Christ, Xachari đã viết: **“Đức Giê-hô-va sẽ làm vua khắp đất; trong ngày đó, Đức Giê-hô-va sẽ là có một, và danh Ngài cũng sẽ là có một”** (Xa 14:9).

Khi thiên sứ Gáp-ri-ên loan báo sự ra đời của Chúa Jêsus với Mary, Ngài nói cho nàng biết rằng một ngày kia Ngài sẽ trở thành Nhà Vua cao cả trị vì trên đất: **“Này, ngươi sẽ chịu thai và sanh một con trai mà đặt tên là Jêsus. Con trai ấy sẽ nên tôn trọng, được xưng là Con của Đấng Rất Cao; và Chúa, là Đức Chúa Trời, sẽ ban cho Ngài ngôi Đa-vít là tổ phụ Ngài. Ngài sẽ trị vì đời đời nhà Gia-cóp, nước Ngài vô cùng”** (Lu 1:31–33).

Khoảnh khắc quan trọng trong lịch sử cứu chuộc đã được dự đoán trong các lời tiên tri của Cựu Ước, trong việc loan báo sự ra đời của Đấng Christ, trong việc xem trước sự vinh hiển ở lần đến thứ hai của Đấng Christ nơi Sự Hoá Hình, nơi sự dạy và các phép lạ của Đấng Christ, nơi các lời hứa giao ước với Israel, nơi lời hứa với những người tin Chúa rằng họ sẽ đồng trị với Đấng Christ, nơi lời hứa với mười hai môn đồ rằng họ sẽ xét đoán mười hai chi phái Israel, và nơi lời hứa của Chúa Jêsus rằng Ngài sẽ tái lâm trong sự vinh hiển sắp tới đây. Và điều đó sẽ khiến cả thiên đàng ngợi khen Đức Chúa Trời vì sự kỳ diệu của chương trình tối thượng của Ngài cho rằng Đấng Christ sẽ trị vì.

Sau khi nhắm tới một nhóm đặc biệt đang dâng lên lời ngợi khen ở trên trời, Giảng lưu ý rằng **Hai mươi bốn trưởng lão đang ngồi ở trước mặt Đức Chúa Trời, trên ngai mình, đều cúi mình sấp mặt xuống** (đối chiếu 5:8, 14; 7:11; 19:4) **thờ lạy Đức Chúa Trời**. Là những đại biểu của Hội thánh được làm cho vinh hiển, được cất lên (xem phần bàn bạc trong chương 11 của tập sách này), các trưởng lão này đã háo hức chờ đợi Đấng Christ lấy địa cầu lại khỏi tay kẻ chiếm đoạt. Tiếng kêu ngợi khen hoan hỷ vui vẻ của họ tràn ngập lòng biết ơn: **“Hỡi Chúa là Đức Chúa Trời Toàn năng, là Đấng Hiện Có, Trước Đã Có, chúng tôi cảm tạ Ngài, vì Ngài đã cầm quyền rất cao trong tay và đã trị vì”**, và phản ánh sự hân hoan của họ khi họ cầu thay cho vương quốc hầu đến (đối chiếu Mat 6:10) đã được nhậm.

Lời ngợi khen của các trưởng lão tụ trung vào ba thuộc tánh của Đức Chúa Trời. Pantokratōr (**Toàn Năng**) mô tả quyền phép tối cao, toàn năng vô địch của Đức Chúa Trời. Chín trong mười lần sử dụng trong Tân Ước đều có trong sách Khải huyền (đối chiếu 1:8; 4:8; 15:3; 16:7,14; 19:6,15; 21:22). Nó nhận định Đức Chúa Trời đang thực hiện ý muốn bao trùm toàn bộ, tất cả của Ngài qua các phương tiện quyền phép vô song của Ngài.

Cụm từ **Đấng Hiện Có, Trước Đã Có** nói tới sự đời đời của Đức Chúa Trời. Là Đức Chúa Trời hằng sống (đối chiếu 7:2; Phu 5:26; Gios 3:10; ISa 17:26; IIVua 19:4, 16; Thi 42:2; 84:2; Gie 10:10; Mat 16:16; IICo 3:3; He 12:22), Đức Chúa Trời không có khởi đầu và không có kết thúc. Ngài đã hiện diện trong đó, Ngài đã tồn tại

từ quá khứ đời đời; Ngài đang ở trong đó, Ngài hiện đang tồn tại và cho cả cõi tương lai đời đời. Cách diễn tả sự đời đời của Đức Chúa Trời như thế này đã được sử dụng ba lần trước đây trong sách Khải huyền (1:4, 8; 4:8). Điều đáng chú ý, ba lần xuất hiện trước đó thêm vào cụm từ "**là Đấng sẽ đến**". Một khi phân đoạn hiện tại xem Đấng Christ như đã đến rồi và thiết lập vương quốc của Ngài, cụm từ đó không lặp lại ở đây (đối chiếu 16:5). Anti-christ được mô tả bằng những thuật ngữ tương tự, khi Sa-tan cố gắng nỗ lực bắt chước nghèo nàn về Vua đời đời của vũ trụ (17:8).

Các trưởng lão cũng ngợi khen Đức Chúa Trời vì sự tể trị của Ngài, **vì Ngài đã cầm quyền rất cao trong tay và đã trị vì**. Thi hoàn thành của động từ dịch cụm từ **Ngài đã cầm quyền** loan báo sự thường trực quyền tể trị tối thượng của Đức Chúa Trời. Lời lẽ của Thi 24:1: “Đất và muôn vật trên đất, Thế gian và những kẻ ở trong đó, đều thuộc về Đức Giê-hô-va” được nhận biết khi Đấng Christ tể trị trong quyền phép và thẩm quyền tuyệt đối trên đất.

Mọi nỗ lực để sánh sự tể trị vinh hiển này của Đấng Christ trên cả đất với bất kỳ biến cố nào trong quá khứ hoặc với Hội thánh hoàn toàn là lạ lùng và mâu thuẫn với sự dạy rõ ràng về thuyết mặt thể của Kinh thánh, đặc biệt bao gồm phân đoạn Kinh Thánh này. Không có cách nào để phân đoạn này được ứng nghiệm, trừ ra sự trị vì bao quát của Đức Chúa Jêsus Christ trên cả đất — y như các vị tiên tri đã dự đoán từ lâu.

CỰC ĐIỂM CỦA CON THẠNH NỘ

Các dân tộc vốn giận dữ (Kh11:18a)

Sự mặc thị tiếng loa thứ bảy cho thấy rằng, không còn có sợ hãi nữa (đối chiếu 6:15-17), các dân tộc không biết ăn năn vốn giận dữ và đầy thách thức nơi viễn cảnh vương quốc của Đấng Christ sẽ được thiết lập trên cả đất. Động từ được dịch là vốn giận dữ cho thấy một sự thù địch sâu sắc lâu nay đang diễn ra.

Đây không chỉ là một cảm giác nóng nảy về tình cảm trong khoảnh khắc đầu, mà còn là một sự oán giận cứ nung nấu trong lòng muốn chống nghịch lại Đức Chúa Trời. Chắc chắn là họ sẽ tập trung quân đội lại hầu chống nghịch Đức Chúa Trời (16:14, 16; 20:8-9). Chẳng có một sự mong muốn ăn năn tội chi hết, sự tức tối giận dữ và sự thù nghịch chống lại thiên đàng (16:11) sẽ khiến cho các dân tộc nhóm nhau lại cho sự hủy diệt của họ tại A-t-ma-ghe-đôn (đối chiếu Thi 2:1, 5, 12; Cong 4:24-29).

Những sự phán xét thiêng liêng mà người ta sẽ kinh nghiệm trong Kỳ Đại Nạn sẽ khiến cho họ phải xây khôi tội lỗi mình rồi phục theo Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, buồn thay, thậm chí ở dưới sự phán xét đáng kinh sợ và những lời cảnh báo về địa ngục đời đời, hầu hết họ sẽ từ chối không chịu ăn năn và thay vì thế sẽ làm cho lòng mình ra cứng cỏi (đối chiếu Ro 2:1-10), ở đây dạy rằng con người ta không chịu ăn năn (bất chấp sự nhơn từ của Đức Chúa Trời). Họ sẽ giống như Pha-ra-ôn, là người cứ giữ lấy sự cứng lòng (Xu 8:15, 19, 32; 9:7, 34; Isa 6:6) cho đến thời điểm khi Đức Chúa Trời xét đoán đích đáng tâm lòng của người trong tình trạng cứng lòng đó (Xu 10:1; 11:10).

Thế giới vô tín này rõ ràng sẽ đạt đến điểm đó nơi sự đổ ra sau cùng con thanh nộ của Đức Chúa Trời trong suốt các biến cố của tiếng loa thứ bảy (đối chiếu 16: 9, 11). Sự giận dữ và thù địch của họ đối với Đức Chúa Trời sẽ lên tới cơn sốt thật đỉnh, rồi họ sẽ tập trung lại để chiến đấu chống nghịch Ngài trong cuộc chiến tại vùng đồng bằng Mê-gi-đô: "Đó là những thần của ma quỷ, làm phép lạ và đi đến các vua trên khắp thế gian, để nhóm hiệp về sự chiến tranh trong ngày lớn của Đức Chúa Trời toàn năng ... Chúng nhóm các vua lại một chỗ, theo tiếng Hê-bơ-rơ gọi là Ha-ma-ghe-đôn" (16:14, 16). Sau đó, họ sẽ vượt quá thời của ân điển; sẽ chẳng có một sự cứu rỗi nào hết tại A-t-ma-ghe-đôn. Nỗ lực tuyệt vọng lúc sau cùng của thế gian hầu giữ cho Đấng Christ không thiết lập vương quốc của Ngài tất nhiên sẽ thất bại, và họ sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn:

Tôi lại thấy con thú và các vua thế gian cùng những quân đội mình nhóm lại đặng tranh chiến với Đấng cỡi ngựa, và với đạo binh của Ngài. Nhưng con thú bị bắt và tiên tri giả là kẻ đã làm phép lạ trước mặt con thú, nhờ đó lừa dối những người đã nhận dấu hiệu con thú cùng thờ lạy hình tượng nó, cùng bị bắt với nó nữa;

cả hai đều đang sống bị quăng xuống hồ có lửa và diêm cháy bùng bùng. Những kẻ khác đều bị giết bởi lưỡi gươm ra từ miệng Đấng cỡi ngựa, và hết thầy chim chóc đều được ăn thịt chúng nó no nê. (19:19–21)

Những kẻ chối bỏ vô tín này sẽ mất đi cơ hội của họ để ăn năn nơi những gì họ thừa nhận là những sự phán xét của Đức Chúa Trời (*đối chiếu 6:15–17*). Thay vì thế, họ sẽ lao sâu vào sự thù nghịch và chối bỏ rồi bị trừng phạt trong địa ngục đời đời.

CHƯƠNG TRÌNH DÀNH CHO SỰ PHÁN XÉT

nhưng cơn thịnh nộ của Ngài đã đến: giờ đã tới, là giờ phán xét kẻ chết, thưởng cho tôi tớ Chúa là các đấng tiên tri, thưởng cho các thánh và các người kính sợ danh Chúa, thưởng cho kẻ nhỏ cùng kẻ lớn, và hủy phá những kẻ đã hủy phá thế gian. (Kh11:18b)

Cơn thịnh nộ Đức Chúa Trời đã đến, giống như sự xuất hiện của vương quốc Đấng Christ (câu 15), chắc chắn đến nỗi nó có thể được rao giảng giống như thể nó đã đến rồi vậy. Động từ được dịch là **đã đến** là một thì bất định (xem phần thảo luận về "**đã trở thành**" trong câu 15 ở trên), mô tả một biến cố trong tương lai như là một sự thực đã được thực hiện rồi. Người nào nghĩ rằng một Đức Chúa Trời yêu thương sẽ không đổ cơn thịnh nộ của Ngài ra giáng trên họ đang bám lấy một niềm hy vọng giả dối và nguy hiểm.

Đức Chúa Trời một ngày kia sẽ phán xét những kẻ vô tín là một lẽ đạo khẳng khẳng trong Kinh Thánh. Ê-sai đã có nhiều điều để nói tới việc này về một ngày trong tương lai:

Hỡi dân cư trên đất, sự kinh hãi, hăm và bầy đến trên ngươi. Kẻ nào trốn khỏi tiếng kinh hãi, sẽ sa xuống hầm; nếu lên khỏi hầm, sẽ mắc vào lưới. Vì các cửa sổ trên trời đều mở ra, các nền dưới đất đều rung rinh. Đất đều tan nát, đất đều vỡ lở, đất đều rung động. Đất lay động như người say; lòng chông như cái võng, tội lỗi chất lên trên nặng trĩu, nó sẽ đổ xuống và không dậy được nữa! Xảy ra trong ngày đó, Đức Giê-hô-va sẽ phạt các cơ binh nơi cao ở trên trời, phạt các vua thế gian ở trên đất. Họ sẽ nhóm lại cùng nhau, bị cầm trong hầm như tù bị nhốt trong ngục; cách lâu ngày, sẽ đều bị phạt. Mặt trăng sẽ xấu hổ, mặt trời sẽ mắc cỡ; vì Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ trị vì trên núi Si-ôn, tại Giê-ru-sa-lem; và sự vinh hiển sẽ chói lọi trước mặt các trưởng lão. (24:17-23)

Hỡi dân ta, hãy đến vào buồng và đóng cửa lại. Hãy ẩn mình một lát, cho đến chừng nào cơn giận đã qua. Vì này, Đức Giê-hô-va từ nơi Ngài, đang phạt dân cư trên đất vì tội ác họ. Bấy giờ đất sẽ tỏ bày huyết nó ra, và không che-đậy những kẻ đã bị giết nữa. (26:20-21)

Này, danh Đức Giê-hô-va từ xa mà đến; cơn giận phùng phùng, như khói đậm bay lên, môi đầy thịnh nộ, lưỡi giống như lửa nuốt. Hơi thở Ngài khác nào sông vỡ lở, nước lên ngập đến cổ. Ngài lấy cái sàng hủy diệt mà sàng các nước, và dùng cái khớp dẫn đi lạc đường mà khớp hàm các dân. Bấy giờ các ngươi sẽ xuong ca như trong đêm giữ lễ thánh. Các ngươi sẽ có sự vui trong lòng, như kẻ thổi sáo mà lên núi Đức Giê-hô-va, đến cùng vàng Đá của Y-sơ-ra-ên. Đức Giê-hô-va sẽ làm cho nghe tiếng oai nghiêm Ngài. Ngài sẽ tỏ cánh tay hăm dọa của mình ra, giữa cơn giận Ngài, những ngọn lửa nuốt, gió táp, bão, và mưa đá. Vì, A-si-ri sẽ nghe tiếng Đức Giê-hô-va mà run sợ. Ngài sẽ lấy roi đánh A-si-ri; và mỗi khi Đức Giê-hô-va lấy roi định đánh nó, thì người ta sẽ nghe tiếng trống và đàn cầm; và, trong những trận mạc Đức Giê-hô-va sẽ vung cánh tay mà tranh chiến cùng nó. Vì Tô-phết đã sửa soạn từ xưa; sẵn sàng cho vua. Nó sâu và rộng, trên có lửa và củi thật nhiều; hơi thở của Đức Giê-hô-va như suối lưu hoàng nhúm nó (30:27-33)

Ê-xê-chi-ên 38-39 mô tả sự nhóm lại của những kẻ vô tín chiến đấu chống lại Đấng Christ cùng dân sự Ngài là Israel, tại bãi chiến trường A-t-ma-ghe-đôn. (Cần lưu ý rằng một cuộc xâm lăng khác, vào cuối thời kỳ thiên hi niên cũng được nói đến bao gồm Gót và Ma-gót, Khải huyền 20: 8-10. Những cái tên tương tự được sử dụng để chỉ ra rằng cuộc xâm lược sau này sẽ giống như cuộc xâm lược trong Kỳ Đại Nạn):

“Hỡi Gót! Ngươi sẽ đến đánh dân Y-sơ-ra-ên ta, như một đám mây che phủ đất. Thật vậy, trong những ngày sau rốt, ta sẽ khiến ngươi đi đánh đất ta, hầu cho các dân tộc học mà nhìn biết ta, khi ta sẽ được tỏ ra thánh bởi ngươi trước mắt chúng nó. Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Xưa kia ta đã cậy tôi tớ ta, là các tiên tri của Y-sơ-ra-ên, trong những thời đó, trải nhiều năm, họ đã nói tiên tri rằng ta sẽ khiến ngươi đến nghịch cùng dân ta, ấy há chẳng phải là ta đã phán về ngươi sao? Chúa Giê-hô-va phán: Sẽ xảy đến trong ngày đó, là ngày Gót sẽ đi đánh đất Y-sơ-ra-ên, thì cơn giận của ta sẽ nổi trên lỗ mũi ta. Ta đang ghen tương, đang giận phùng

phùng mà nói rằng: Thật, trong ngày đó sẽ có sự rung động lớn phát ra trong đất Y-sơ-ra-ên. Trước mặt ta, những cá biển, những chim trời, những loài thú đồng, hết thảy những côn trùng bò trên đất, hết thảy những người ở trên mặt đất, sẽ đều run rẩy. Những núi đều bị quăng xuống, những vách đá đều đổ xuống, hết thảy những tường đều bị sụp xuống đất. Chúa Giê-hô-va phán: Ta sẽ gọi gươm đến nghịch cùng nó ở trên mọi núi của ta. Ai nấy sẽ xây gươm lại nghịch cùng anh em mình. Ta sẽ làm sự xét đoán nghịch cùng nó bởi dịch lệ và bởi máu. Ta sẽ khiến những trận mưa dầm, mưa đá, lửa và diêm sinh đổ xuống trên nó, trên đạo binh nó, và dân đông đi với nó. Ấy vậy, ta sẽ làm sáng danh ta, sẽ tỏ mình ra thánh, và sẽ được nhận biết trước mắt nhiều dân tộc. Chúng nó sẽ biết rằng ta là Đức Giê-hô-va” (Exe 38:16-23)

Tiếng của loa thứ bảy đánh dấu sự ứng nghiệm biến cố phán xét trọng đại mà các vị tiên tri đã thấy trước và các thánh đồ của mọi thời đại đã mong mỏi (đối chiếu Thi 3:7; 7:6; 35:1-8; 44:26; 68:1-2). Đây sẽ là thời điểm mà Đức Chúa Trời đổ cơn thịnh nộ của Ngài ra giáng trên kẻ thù của Ngài.

Không những tiếng loa thứ bảy sẽ báo hiệu sự đổ ra cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng trên đất, nó cũng sẽ chỉ ra rằng **giờ đã tới để phán xét kẻ chết**. Giờ dịch **kairos**, đề cập đến một mùa, một thời đại, cơ hội, hay biến cố. Sự thiết lập vương quốc của Đấng Christ sẽ là thời điểm thích hợp để người chết bị phán xét. Ngài Trắng Lớn, Phán Xét (20:11-15) không có trong phân đoạn này, như có người bàn luận, một khi sự phán xét đó chỉ bao gồm hạng người vô tín. Thật lấy làm tốt khi xem các tham khảo đến sự phán xét ở đây như một tham chiếu bao quát cho tất cả các sự phán xét trong tương lai. Các trường lão trong bài ca của họ không có một nỗ lực nào để phân tách các giai đoạn phán xét khác nhau vì chúng đã được tách ra trong các chương kết thúc của sách Khải huyền. Họ chỉ hát lên những sự phán xét trong tương lai giống như thể chúng là một biến cố, theo cùng một cách thức mà các phần Kinh thánh khác không phân biệt những sự phán xét trong tương lai ra khỏi các phần khác (đối chiếu Gi 5:25,28-29; Cong 17:31; 24:21).

Sự phán xét trước hết sẽ là **giờ thưởng cho tôi tớ Chúa là các đấng tiên tri, thưởng cho các thánh và các người kính sợ danh Chúa, thưởng cho kẻ nhỏ cùng kẻ lớn**. Mặc dù năng lực hầu việc Đức Chúa Trời theo một cách xứng đáng được tưởng thưởng là ơn ban của ân điển Đức Chúa Trời, qua hết thảy những người tin Chúa trong Tân Ước đã được khích lệ phục vụ theo nhận định của những phần thưởng được hứa cho đó. Trong 22:12 Chúa Jêsus tuyên bố: “**Này, ta đến mau chóng, và đem phần thưởng theo với ta, để trả cho mỗi người tùy theo công việc họ làm**”. Phao-lô viết cho người thành Côrinthô: “**Người trồng, kẻ tưới, đều bằng nhau; ai nấy sẽ nhận phần thưởng tùy theo việc mình đã làm**” (ICo 3:8; đối chiếu Mat 5:12; 10:41-42; Mac 9:41; Co 3:24; IIGi 1:8). Phần thưởng được hứa cho những người tin Chúa, ấy là họ sẽ thừa hưởng Vương quốc, trong cả hai chặng: thời kỳ thiên hi niên (Mat 25:34-40; Mac 10:29-31) và đời đời (Kh 21:7). Những người tin Chúa cũng được hứa cho các loại mũ triều thiên, bao gồm mũ triều thiên công bình (IITi 4:8), mũ triều thiên sự sống (Gia 1:12; Kh 2:10), và mũ triều thiên vinh hiển (IPhi 5:4).

Cụm từ **tôi tớ Chúa là các đấng tiên tri** bao gồm hết thảy những ai lo rao giảng lẽ thật của Đức Chúa Trời xuyên suốt lịch sử cứu chuộc, từ Hê-nóc cho đến hai người làm chứng (11:3-13). Kinh Thánh thường nhắc tới các đấng tiên tri là **tôi tớ** của Chúa (thí dụ, IIVua 9:7; Exo 9:11; Giê 7:25; Exe 38:17; Da 9:6; Am 3:7; Xa 1:6). Giờ đến để họ nhận lãnh “**phần thưởng của đấng tiên tri**” (Mat 10:41). Hết thảy những người trung tín đó, họ đã đứng thay cho Đức Chúa Trời trong những ngày đen tối và chống lại sự đối nghịch rồi sẽ thấy công tác của họ được tỏ ra và ban thưởng cho.

Một nhóm khác được ban thưởng cho là **các thánh đồ**, được xác định thêm là **các người kính sợ danh Chúa** (đối chiếu Thi 34:9; 85:9; 103:11; 115:13; 147:11; Tr 8:12; Lu 1:50). **Thánh đồ** là cách mô tả phổ thông theo Kinh Thánh nói tới người được chuộc trong cả Cựu và Tân Ước (thí dụ 5:8; 8:3-4; Thi 16:3; 34:9; Da 7:18; Mat 27:52; Cong 9:13; 26:10; Ro 1:7; 8:27; 12:13; ICo 6:1-2; 14:33; 16:1; IICo 1:1; 8:4; Eph 1:15; 2:19; 6:18; Phi 4:21-22; Co 1:2, 4,12; ITe 3:13; IITe 1:10; ITi 5:10; Phil 1:5, 7; He 6:10; Giu 1:3). Hết thảy các thánh đồ của Đức Chúa Trời, từ **kẻ nhỏ cùng kẻ lớn** (một thuật ngữ trọn gói; đối chiếu 13:16; 19:5, 18; 20:12; Phu 1:17; IIVua 23:2; Giop 3:19; Thi 115:13; Giê 16:6; Cong 26:22), sẽ nhận được nhiều phần thưởng.

Sự phán xét cũng sẽ **phá huỷ những kẻ đã phá huỷ thể gian**. Nói như thế chẳng phải là một tham

khảo nói tới những kẻ nào làm ô nhiễm môi trường đâu, mà nói tới những kẻ làm ô uế đất với tội lỗi của họ. Cùm từ ấy bao gồm những kẻ không tin Chúa, đặc biệt trong văn mạch của sách Khải huyền hệ thống kinh tế và tôn giáo giả được gọi là Ba-by-lôn (đối chiếu 19:2), Anti-christ cùng những kẻ theo hắn, và chính Sa-tan, kẻ huỷ diệt tối hậu. Sứ đồ Phao-lô đã viết rằng “**sự mầu nhiệm của điều bội nghịch**” (II Te 2:7) đã năng động rồi trong kỷ nguyên Hội thánh, song trong suốt thời kỳ Đại Nạn nó sẽ lên tới đỉnh điểm của hành động huỷ diệt, càn quét khung xã hội bằng từng cách thức độc ác.

Với địa vị quản lý và quyền cai trị trên đất (đối chiếu Sa 1:28), con người thay vì thế đã sa vào trong tội lỗi và xuyên suốt lịch sử của họ đã liên tục làm băng hoại đất (đối chiếu Ro 8:19-21). Khi sự hư nát đó lên đến đỉnh điểm, Đức Chúa Trời sẽ huỷ diệt đất và tạo ra một đất mới (21:1; Es 65:17; 66:22; IIPhi 3:12-13).

LỜI HỨA VỀ SỰ GIAO THÔNG

Đền thờ Đức Chúa Trời bèn mở ra ở trên trời, hòm giao ước bày ra trong đền thờ Ngài, rồi có chớp nhoáng, tiếng, sấm sét, động đất và mưa đá lớn (Kh 11:19)

Gói ghém trong loa thứ bảy là lời hứa cho người tin Chúa về mối giao thông không gãy vỡ với Đức Chúa Trời cho đến đời đời. Mối tương giao đó được tượng trưng bằng hình ảnh của câu 19. Sự khai mạc **đền thờ của Đức Chúa Trời ở trên trời** (nơi mà sự hiện diện của Ngài đang ngự trị, các chương 4, 5) **đã tỏ lộ ra hòm giao ước của Ngài**. Hòm giao ước tượng trưng cho giao ước mà Đức Chúa Trời đã hứa với con người giờ đây đã sẵn sàng trong sự trọn vẹn của nó. Ở giữa cơn thanh nộ của sự phán xét Ngài giáng trên những kẻ vô tín, như vốn có, Đức Chúa Trời mở ra Nơi Chí Thánh (nơi có hòm giao ước; Xu 26:33-34; IISu 5:7) và kéo người tin Chúa vào trong sự hiện diện của Ngài. Điều đó không thể tưởng tượng được trong đền thờ Cựu Ước, khi mà chỉ có thầy tế lễ thượng phẩm mới bước vào Nơi Chí Thánh mỗi năm một lần (He 9:7).

Hòm giao ước tượng trưng cho sự hiệp thông của Đức Chúa Trời với người được chuộc bởi vì chính ở đó đã có những con sinh bằng huyết đã được dâng lên chuộc tội cho tội lỗi của con người (Le 16:2-16; He 9:3-7). Chính ở phía trên hòm Đức Chúa Trời đã phán cùng Môi-se (Dan 7:89). Hòm giao ước được gọi trong Kinh Thánh hòm bảng chứng (Xu 25:22), hòm của Đức Chúa Trời (ISa 3:3), và hòm có sức mạnh của Đức Chúa Trời (Thi 132:8). Bên trong hòm "có một cái bình bằng vàng đựng đầy ma-na, cây gậy trổ hoa của A-rôn, và hai bảng giao ước" (Hêborơ 9:4). Mọi sự làm biểu tượng cho thấy rằng Đức Chúa Trời sẽ tiếp trợ cho dân sự Ngài, là chủ tể trên dân sự Ngài, đã ban luật pháp của Ngài cho dân sự Ngài, rồi bước vào trong một giao ước cứu rỗi đời đời với dân sự Ngài.

Nhưng cùng với hòm giao ước ở trong đền thờ trên trời rồi **có chớp nhoáng, tiếng, sấm sét, động đất và mưa đá lớn**. Các biến cố tương tự được gắn với sự oai nghi vinh hiển của ngài ở trên trời ở 4:5. Trong 8:5 và 16:17-18 chúng được gắn với sự phán xét. Thiên đàng là nguồn của sự báo thù giáng trên những kẻ vô tín, cũng như các phước hạnh giao ước dành cho người được chuộc vậy.

Sứ điệp của tiếng loa thứ bảy, ấy là Đức Chúa Jêsu Christ là Vua tối cao của các Vua và Chúa tối cao của các chúa. Một ngày kia, Ngài sẽ lấy lại quyền trị vì đất khỏi tay kẻ chiếm đoạt là Sa-tan, và từ những bậc cầm quyền con người trong thế gian. Lịch sử đang chuyển động không thể lay chuyển đến cực điểm của nó trong sự trị vì đất của Đấng Christ. Khi Ngài tái lâm, Ngài sẽ đem lại nhiều phước hạnh trong giao ước cho người được chuộc, nhưng sự phán xét đời đời cho những ai chối bỏ Ngài.

Trong ánh sáng của lẽ thật chắc chắn ấy, Phi-e-rơ hô lên: “Vì mọi vật đó phải tiêu tán thì anh em đáng nên thánh và tin kính trong mọi sự ăn ở của mình là dường nào” (IIPhi 3:11)!

